

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

JO NESBØ



NGƯỜI TUYẾT

MATRYOSHKA dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI

Tặng Kirsten Hammervoll Nesbø

PHẦN MỘT

thứ tư, ngày 5 tháng mười một năm 1980

NGƯỜI TUYẾT

Hôm ấy là ngày tuyết bắt đầu rơi. Lúc mười một giờ sáng, những bông tuyết lớn xuất hiện trên bầu trời không màu và lan khắp cánh đồng, vườn tược và bãi cỏ ở Romerike như hạm đội đến từ ngoài vũ trụ. Lúc hai giờ, xe ủi tuyết đã có mặt trên những con đường ở Lillestrøm, và đến hai rưỡi, Sara Kvinesland thận trọng lái chiếc Toyota Corolla SR5 chậm chậm đi qua những căn nhà riêng tại Kolloveien, tuyết tháng Mười một trải ra như tấm chăn tơ lông vịt phủ lên miền quê đang dần lùi lại phía sau.

Cô nghĩ những ngôi nhà này trông thật khác dưới ánh sáng ban ngày. Sự khác biệt lớn đến nỗi suýt nữa cô đi quá lối xe ra vào ở nhà anh. Cô đạp thắng khiến chiếc xe dừng kít lại, một tiếng rên rỉ ở ghế sau vọng đến tai cô. Qua gương chiếu hậu, cô trông thấy vẻ mặt cau có của cậu con trai.

“Sẽ không lâu đâu, con yêu,” cô nói.

Trước gara có một mảng nhựa đường đen lớn giữa một màu trắng toát bao la, cô nhận ra chiếc xe tải chuyển đồ đã đỗ ở đây. Cổ cô chột nghẹn lại. Cô hy vọng mình không đến quá muộn.

“Nhà ai vậy mẹ?” Câu hỏi cất lên từ phía sau.

“Nhà người quen của mẹ ấy mà,” Sara đáp và soi mình vào gương theo phản xạ để kiểm tra lại đầu tóc. “Mười phút thôi cưng. Mẹ sẽ để chìa khóa trong ổ khóa điện cho con nghe đài.”

Không đợi trả lời, cô ra khỏi xe, lê bước trên đôi giày trơn trượt đến trước ngưỡng cửa cô từng đi qua bao lần, nhưng chưa lần nào giống như thế này, giữa ban ngày, phơi bày trước ánh mắt soi mói của hàng xóm. Chẳng phải là mấy chuyến thăm nhà lúc tối muộn sẽ có vẻ trong sáng hơn gì, nhưng vì lý do nào đó mấy chuyện kiểu này phù hợp hơn khi diễn ra lúc màn đêm buông xuống.

Sara nghe thấy tiếng chuông cửa rì lên trong nhà, như tiếng ong nghệ trong hũ mật. Nỗi tuyệt vọng mỗi lúc một tăng lên, cô đưa mắt nhìn những ô cửa sổ các nhà xung quanh. Chúng không tiết lộ cho cô biết điều gì, chỉ phản chiếu

hình ảnh những cây táo đen trụi lá, bầu trời xám xịt và mặt đất trắng sữa. Rồi cuối cùng cũng có tiếng bước chân vang lên phía bên kia cánh cửa và cô thở phào nhẹ nhõm. Trong chốc lát, cô đã vào trong nhà và lao vào vòng tay anh.

“Anh đừng đi,” cô nói, tiếng nức nở bị kìm nén khiến cổ cô nghẹn lại.

“Anh phải đi,” anh đáp bằng giọng đều đều cho thấy sự kiềm chế anh đã chán phải giữ từ lâu lắm rồi. Còn đôi tay anh lại đang lần theo những lối mòn quen thuộc chúng không bao giờ biết chán.

“Không đúng,” cô thì thầm vào tai anh. “Là anh muốn thế thì có. Anh không dám tiếp tục nữa.”

“Việc này không liên quan gì đến chuyện em và anh.”

Cô nghe thấy sự bức bối bắt đầu len lỏi trong giọng nói của anh cùng lúc bàn tay anh, mạnh mẽ nhưng dịu dàng, lướt dọc sống lưng cô và luồn vào bên trong cạp váy và quần tất. Cả hai như đôi vũ công nhà nghề đã hiểu rõ từng cử động, từng bước chân, từng hơi thở và nhịp điệu của nhau. Ban đầu là những lần ái ân trong sáng. Sung sướng. Sau đó cuộc vui nhuộm màu đen tối. Đón đầu.

Tay anh xoa lên áo khoác của cô, lần tìm đầu nhũ hoa dưới lớp vải dày. Hai đầu nhũ hoa ấy luôn có sức hút lạ kỳ đối với anh, luôn khiến anh phải tìm đến. Có lẽ vì chúng là thứ mà anh không có.

“Em đỗ xe trước gara à?” anh hỏi và xoắn mạnh một cái.

Cô gật, cảm thấy cơn đau vệt truyền lên đầu như thể bị mũi tên nhọc cảm bắn trúng. Phần nữ tính trong cô đã mở sẵn để chờ những ngón tay sẽ sớm lần vào. “Con trai em đang đợi trong xe.”

Bàn tay đột ngột khựng lại.

“Nó không biết gì đâu,” cô rên rỉ, cảm thấy tay anh đang do dự.

“Thế còn chồng em? Lúc này hắn ở đâu?”

“VẬY CHỨ ANH NGHĨ ANH TA Ở ĐÂU? DĨ NHIÊN LÀ ĐANG ĐI LÀM RỒI.”

Giờ thì đến lượt cô thấy khó chịu. Thứ nhất là vì hai người đang nói chuyện mà anh lại nhắc tới chồng cô và hề nói đến anh ta là cô khó lòng tránh khỏi cảm giác bức bối, thứ hai, thân thể cô đang bức thiết cần có anh ngay lúc này. Sara Kvinesland đưa tay kéo khóa quần của anh.

“Đừng...” anh lên tiếng, tóm lấy cổ tay cô. Cô giơ tay kia giáng cho anh một cái tát nảy lửa. Anh nhìn cô bằng ánh mắt kinh ngạc khi vết đỏ lan ra trên má. Cô mỉm cười, tóm lấy một mớ tóc đen dày và kéo mặt anh xuống gần mình.

“Anh đi cũng được,” cô rít lên. “Nhưng phải xong việc với tôi cái đã. Hiểu chưa?”

Cô cảm thấy hơi thở của anh mơn man trên má. Nhịp thở đã trở nên gấp gáp. Cô lại vung tay cho anh một cái tát nữa, còn tay kia vẫn nắm lấy vật đàn ông đang cương lên dần.

Những cú thúc của anh càng lúc càng mạnh, nhưng tất cả đã chấm dứt. Toàn thân cô tê liệt, cảm giác tuyệt diệu đã qua, sự căng thẳng cũng tan biến, chỉ còn lại nỗi tuyệt vọng. Cô sắp mất anh rồi. Lúc này đây, nằm trên chiếc giường này, cô đã mất anh rồi. Bao nhiêu khao khát suốt những năm qua, bao giọt nước mắt đã rơi vì anh, những việc liều mạng anh bắt cô làm. Thế mà đổi lại cô có được gì đâu. Ngoài một thứ duy nhất.

Anh đứng ở phía cuối giường làm tình với cô trong lúc mắt vẫn nhắm nghiền. Sara trân trân nhìn vào ngực anh. Hồi đầu cô cảm thấy lạ lẫm, nhưng rồi dần dần cô lại thích thú trước làn da trắng trên lồng ngực nhẵn thín. Nó khiến cô nhớ đến những bức tượng cổ xưa với phần núm vú bị bỏ đi để công chúng không phải e ngại khi chiêm ngưỡng.

Những tiếng rên mỗi lúc một lớn. Cô biết không lâu nữa anh sẽ bật ra tiếng gầm dữ dội. Cô rất thích âm thanh ấy. Đó là cách anh biểu lộ sự ngạc nhiên không bao giờ vơi cạn, cảm giác mê mê, gần như đau đớn, như thể mỗi cơn cực khoái đến với anh đều tuyệt vời hơn cả kỳ vọng hoang đường nhất. Cô đang đợi tiếng gầm sau cuối, lời từ biệt âm vang để chia tay căn phòng ngủ lạnh căm bé như hũ nút đã bị tước bỏ tất cả tranh ảnh, màn rèm, thảm sàn. Rồi sau đó anh sẽ mặc đồ và du hành đến một vùng đất nào khác của đất nước nơi mà, theo lời anh, anh nhận được lời mời làm việc không thể từ chối. Nhưng còn chuyện này anh lại có thể từ chối. Chuyện này đây. Ấy thế mà anh vẫn có thể gầm lên trong niềm thống khoái.

Hai mắt cô khép lại. Nhưng tiếng gầm ấy không xuất hiện. Anh đã dừng lại.

“Sao thế anh?” cô hỏi và mở mắt ra. Vẻ mặt anh đúng là đang méo mó, chỉ có điều không phải vì khoái cảm.

“Một khuôn mặt,” anh thì thào.

Cô giật mình. “Đâu?”

“Ngoài cửa sổ.”

Cửa sổ nằm ở phía bên kia giường, ngay trên đầu Sara. Cô nhòm dậy và xoay người lại, cảm thấy anh trượt ra khỏi cơ thể mình, mới đó mà đã mềm rũ. Từ chỗ cô nằm, cửa sổ phía trên đầu được đặt quá cao trên tường nên cô không nhìn ra được. Và quá cao cho bất kỳ ai đứng ngoài nhòm vào trong. Do mặt trời đã bắt đầu xế bóng nên cô chỉ trông thấy cái bóng của chiếc đèn trần lồng vào hình ảnh in trên tấm kính.

“Anh thấy mặt anh đó,” cô nói, như bào chữa.

“Lúc đầu anh cũng tưởng thế,” anh đáp, mắt vẫn dán vào cửa sổ.

Sara quỳ dậy. Bật lên và nhìn ra vườn. Và kia, đúng là có một khuôn mặt thật.

Cô phá lên cười nhẹ nhõm. Khuôn mặt đó màu trắng, cặp mắt và cái miệng được làm từ mấy viên sỏi đen, chắc là sỏi ở lối xe ra vào. Còn đôi cánh tay là hai cành táo nhỏ.

“Trời ơi,” cô thở hỗn hển. “Chỉ là người tuyết thôi mà.”

Thế rồi tiếng cười bỗng hóa thành những giọt lệ; cô cứ thế nấc lên trong tuyệt vọng cho tới khi cô cảm thấy vòng tay anh ôm lấy mình.

“Em phải về thôi,” cô nức nở nói.

“Ở lại thêm một lát đi,” anh bảo.

Vậy là cô ở lại bên anh thêm một lát.

Khi bước tới gần gara cô mới biết gần bốn mươi phút đã trôi qua.

Anh đã hứa thỉnh thoảng sẽ gọi điện cho cô. Anh vốn là kẻ nói dối rất tài, nhưng lần này điều đó lại làm cô vui. Chưa ra đến xe cô đã thấy cậu con trai với gương mặt nhợt nhạt đang nhìn mình chăm chăm từ ghế sau. Cô kéo cửa xe và ngờ ngàng nhận ra cửa bị khóa. Cô ghé mắt nhìn đứa con qua tấm kính mờ đi vì hơi ẩm. Phải đến khi cô gõ lên kính xe thì thằng bé mới chịu mở cửa.

Sara ngồi vào ghế lái. Radio đã tắt, trong xe lạnh căm. Chìa khóa nằm lăn lóc trên ghế phụ. Cô quay sang nhìn con. Khuôn mặt nó tái nhợt, môi dưới run run.

“Có gì không ổn hả con?” cô hỏi.

“Có,” nó đáp. “Con nhìn thấy nó.”

Giọng nói ần chứa âm điệu mong manh, chói tai của nỗi khiếp đảm đã lâu lắm rồi cô không nghe thấy kể từ hồi nó còn là cậu bé bị kẹp giữa hai người lớn trên chiếc sofa trước màn hình ti vi, hai tay bịt chặt lấy mắt. Giờ đây chất giọng ấy đang dần biến đổi, thằng bé không còn ôm cô chúc ngủ ngon mỗi đêm, nó bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến xe hơi và tụi con gái. Một ngày nào đó nó sẽ lên xe với một con bé trong số đó và rời bỏ cô thôi.

“Con nói vậy là sao?” cô hỏi, cắm chìa khóa vào ổ và khởi động xe.

“Người tuyết...”

Động cơ không có phản ứng, nỗi hốt hoảng đột ngột trào dâng trong cô. Thế nhưng lo sợ điều gì thì chính bản thân cô cũng không rõ. Cô đưa mắt nhìn ra ngoài qua kính chắn gió và xoay chìa khóa một lần nữa. Ấc quy hỏng rồi chẳng?

“Người tuyết đó trông thế nào?” cô hỏi, đạp chân ga hết cỡ và tuyệt vọng vặn chìa khóa mạnh đến nỗi tưởng như sắp bẻ gãy nó đến nơi. Câu trả lời của thằng bé bị tiếng động cơ vang rền át mất.

Sara vào số xe rồi nhả khớp ly hợp như thể tức tốc muốn rời đi. Bánh xe xoay tròn trong lớp tuyết ướt mềm. Cô đạp chân ga mạnh hơn, nhưng phần đuôi xe bỗng ngoặt sang bên. Lúc này chiếc xe đã ra tới vỉa hè và lao về phía trước, bánh xe trượt xuống lòng đường.

“Bố đang đợi mẹ con mình đấy,” cô nói. “Chúng ta về thôi.”

Cô bật radio và vặn tiếng to lên, dùng âm thanh thay cho tiếng nói của mình để lấp đầy khoảng không lạnh lẽo trong xe. Lần thứ một trăm trong ngày hôm nay phát thanh viên thông báo tin tức Ronald Reagan đã đánh bại Jimmy Carter trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.

Thằng bé lại nói câu gì đó, cô đưa mắt nhìn qua gương chiếu hậu.

“Con bảo gì cơ?” cô hỏi lớn.

Nó nhắc lại một lần nữa, nhưng cô vẫn không nghe ra. Cô giảm âm lượng radio xuống trong lúc cho xe chạy ra đường cái và con sông, nằm vắt qua miền quê tựa như hai dải băng tang u buồn. Cô giật mình khi thấy thằng bé chồm

người tới lách qua chỗ trống giữa hai ghế trước. Giọng nó chẳng khác nào tiếng thì thầm khô khốc bên tai cô. Như thể nhất định không để người nào khác nghe thấy.

“Chúng ta sắp chết rồi.”

ngày 2 tháng mười một năm 2004

MẮT SỎI

Harry Hole giật mình bừng mở mắt. Căn phòng rét căm và từ trong bóng tối vọng đến tiếng nói đã khiến anh thức giấc. Tiếng nói ấy thông báo rằng ngày hôm nay người dân Mỹ sẽ quyết định liệu cương vị tổng thống cho bốn năm tới đây có tiếp tục thuộc về George Walker Bush nữa hay không. Tháng Mười một. Harry nghĩ bọn họ chắc chắn bước vào thời kỳ đen tối rồi. Anh hất chăn ra và đặt chân xuống sàn. Lốp vải lót sàn lạnh tê tái. Anh để mặc cho chiếc radio đi kèm đồng hồ báo thức ra rả đọc tin và bước vào phòng tắm. Anh soi mình trong gương. Tháng Mười một cũng đang hiện diện ở đây: phờ phạc, xám xịt, u ám. Và vẫn như mọi khi, mắt anh đỏ ngầu, lỗ chân lông trên mũi chẳng khác gì những hố thiên thạch to tướng đen sì. Hai bông bên dưới cặp mắt xanh đã nhạt, do uống rượu lâu năm, sẽ biến mất sau khi cái mặt anh được chăm chút bằng nước nóng, khăn tắm và bữa sáng. Đúng hơn là anh nghĩ thế. Harry không chắc mặt mình sẽ phơi ra kiểu gì trong suốt một ngày dài khi giờ đây anh đã bước sang tuổi bốn mươi. Liệu rằng những nếp nhăn có giãn ra và vẻ thanh thản có khóa lấp đi nét hoảng hốt luôn hiện hữu khi anh thức dậy sau những đêm bị ác mộng giày vò. Mà những đêm như thế thì nhiều lắm. Anh luôn tránh soi gương kể từ lúc rời khỏi căn hộ nhỏ, khắc khổ trên phố Sofies để hóa thân thành thanh tra Harry Hole của Đội Hình sự thuộc Sở Cảnh sát Oslo. Thế rồi khi nhìn những gương mặt khác để tìm những nỗi đau, những gót chân Achilles, những cơn ác mộng, động cơ và lý do để đối gạt chính mình; lắng nghe bao lời dối trá nhằm chán thốt ra từ miệng họ và cố kiếm tìm một ý nghĩa nào đó trong công việc anh làm: bỏ tù những kẻ vốn đã tự giam hãm trong nhà tù của chính họ. Nhà tù của oán hận và khinh miệt bản thân mà anh có thể nhận ra quá ư dễ dàng. Anh đưa tay vuốt mái tóc vàng húi cua, khoảng cách từ đó cho đến lòng bàn chân đang tê cóng của anh bằng đúng 1m92. Xương quai xanh gồ lên dưới da hết như móc treo áo. Kể từ khi phá xong vụ án lần trước anh đã luyện tập rất chăm. Đến mức điên cuồng, có người nhận xét thế. Ngoài đập xe anh bắt đầu đẩy tạ trong phòng tập nằm ở tầng dưới cùng của Sở Cảnh sát. Anh thích các cơn đau buốt và những ý nghĩ bị áp chế. Dù sao đi nữa, anh

trở nên gọn gàng hơn. Mỡ tiêu đi và cơ luôn dưới lớp da và xương. Dù trước đây anh sở hữu bờ vai rộng và theo lời Rakel thì đúng là một vận động viên bẩm sinh, giờ đây ở anh bắt đầu xuất hiện những nét tương đồng với chú gấu Bắc Cực bị lột da trong bức ảnh anh từng xem: một thú săn mồi vạm vỡ, nhưng thiếu sức sống khủng khiếp. Nói đơn giản, anh đang ngày một héo hon. Nhưng điều ấy cũng đâu có gì quan trọng. Harry thở dài. Tháng Mười một. Rồi đây sẽ còn đen tối hơn nữa.

Anh đi vào bếp, uống một ly nước nhằm làm dịu cơn đau đầu và ghé mắt nhìn qua cửa sổ rồi ngõ ngàng. Nóc tòa nhà phía bên kia phố Sofies đã biến thành một màu trắng toát và ánh sáng phản xạ chói lóa khiến mắt anh nhức nhối. Đợt tuyết đầu mùa đã xuất hiện trong đêm. Anh chợt nghĩ đến lá thư nọ. Thịnh thoảng anh cũng nhận được thư từ kiểu như vậy, nhưng lá thư ấy lại rất đặc biệt. Trong thư có nhắc đến Toowoomba.

Radio bắt đầu phát một chương trình về tự nhiên và một giọng đang hứng khởi giới thiệu về loài hải cẩu. “Hằng năm, cứ đến hè là hải cẩu Berhaus lại đổ về eo biển Bering để kết đôi. Do hải cẩu đực luôn chiếm số lượng áp đảo nên cuộc tranh giành bạn tình diễn ra khốc liệt đến nỗi, con đực nào may mắn giành được con cái đều phải kè kè bên cạnh bạn tình trong suốt mùa giao phối. Hải cẩu đực sẽ chăm sóc bạn tình cho đến khi con non chào đời và đủ khả năng tự lập. Chúng ở lại không phải vì yêu thương bạn tình, mà vì chúng yêu bộ gen và vật chất di truyền của bản thân. Học thuyết của Darwin cho rằng chọn lọc tự nhiên mới là yếu tố quyết định chế độ một vợ một chồng của loài hải cẩu Berhaus, chứ không phải đạo đức.”

Hay thật, Harry nghĩ thầm.

Sự phấn khích khiến giọng nói trên radio bỗng chuyển tông the thé. “Nhưng trước khi rời khỏi eo Bering để quay về biển tìm thức ăn, hải cẩu đực sẽ tìm cách giết chết hải cẩu cái. Tại sao? Nguyên nhân là do hải cẩu Berhaus cái không bao giờ giao phối hai lần với cùng một con đực! Đối với chúng, làm vậy là nhân rộng nguy cơ tiềm ẩn trong vật chất di truyền, điều tương tự cũng đúng với thị trường chứng khoán. Với hải cẩu cái, việc giao phối không trùng lặp là hoàn toàn hợp lý về mặt sinh học, và hải cẩu đực cũng nhận thức được điều đó.

Nếu giết chết hải cẩu cái, hải cẩu đực có thể ngăn chặn con của những đối thủ khác giành mất thức ăn của con mình.

“Nhân nói đến học thuyết Darwin, tại sao con người chúng ta lại không có được tư duy như của loài hải cẩu nhỉ?”

“Thực ra là có đấy! Xã hội loài người ngày nay cũng như trước đây không hề tuân thủ nghiêm ngặt chế độ một vợ một chồng như chúng ta vẫn tưởng. Một nghiên cứu gần đây của các nhà khoa học Thụy Điển cho thấy, có từ mười lăm đến hai mươi phần trăm trẻ em ra đời không phải là con đẻ của bố chúng như chúng vẫn tưởng, nhưng cả hai bên đều không hay biết. Những hai mươi phần trăm! Tỷ lệ một trên năm! Những đứa trẻ phải sống trong sự lừa dối. Và đảm bảo cho sự đa dạng sinh học.”

Harry xoay núm dò radio để tìm kênh âm nhạc nào dễ nghe một chút. Anh dừng lại ở phiên bản *Desperado* cũ rích của giọng ca Johnny Cash.

Tiếng gõ cửa vang lên đanh gọn.

Harry vào phòng ngủ, mặc quần jean rồi trở ra sảnh và mở cửa.

“Harry Hole?” Bên ngoài là một người đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ màu xanh, nhìn Harry qua cặp kính dày cui. Mắt anh ta sáng như mắt trẻ con.

Harry gật đầu.

“Anh có bị nấm không?” Người đàn ông hỏi câu này với vẻ mặt hoàn toàn nghiêm túc. Một vạt tóc lưa thưa vắt ngang trán và dính lại trên đó. Kẹp dưới cánh tay anh ta là một tập bìa hồ sơ bằng nhựa với tờ giấy in chữ chi chít.

Harry chờ đợi anh ta giải thích rõ hơn, nhưng người đó không nói gì thêm, vẫn giữ nguyên vẻ thành thực, còi mớ ấy.

“Đúng ra mà nói thì,” Harry nói, “đó là chuyện riêng của tôi.”

Người đàn ông nở nụ cười như có như không để đáp lại trò đùa hằn đã nghe đến phát chán. “Nấm ở trong nhà anh. Mốc ấy.”

“Tôi không có lý do gì để tin rằng nhà mình có thứ ấy,” Harry nói.

“Vấn đề của nấm mốc chính là ở chỗ đó. Hiếm khi có dấu hiệu rõ ràng cho thấy sự hiện diện của chúng.” Anh ta hít một hơi qua kẽ răng và nhún gót chân.

“Nhưng?” cuối cùng Harry đành hỏi.

“Nhưng có đấy.”

“Anh dựa vào cái gì mà dám khẳng định như vậy?”

“Hàng xóm nhà anh bị rồi.”

“Vậy hả? Thế là anh nghĩ chúng lây lan sang nhà tôi?”

“Năm mốc không lây lan. Nhưng mục khô thì có.”

Mục khô là hiện tượng mục gỗ hay loại nấm làm mục gỗ tấn công thành phần xenlulô của gỗ, làm cho gỗ trở nên sẫm màu và bở vụn ra.

“Thì sao...?”

“Hệ thống thông khí trong tường của tòa nhà bị lỗi kết cấu. Lỗi này khiến mục khô phát triển rất nhanh. Tôi có thể ngó qua bếp nhà anh được không?”

Harry đứng tránh sang một bên. Người đàn ông hăm hở đi vào bếp, vừa đến nơi, anh ta lập tức áp một thiết bị màu cam gần giống máy sấy tóc lên tường. Nó phát ra hai tiếng kin kít.

“Máy đo độ ẩm,” anh ta nói và chú mục đọc gì đó, hẳn là chỉ số của máy. “Tôi đoán không sai. Anh chắc chắn không trông thấy hoặc ngửi thấy mùi gì khác thường ư?”

Harry không rõ lắm cái sự khác thường mà anh ta nói tới có thể là gì.

“Như là một lớp phủ trên bề mặt bánh mì chua,” anh ta nói. “Hay mùi mốc meo chẳng hạn.”

Harry lắc đầu.

“Anh có bị đau mắt không? Thấy mệt? Đau đầu?”

Harry nhún vai. “Dĩ nhiên. Tôi bị từ lâu lắm rồi.”

“Ý anh có phải là từ khi sống tại đây?”

“Cũng có thể. Nhưng mà này...”

Người đàn ông không thèm nghe, anh ta rút một con dao giắt ở thắt lưng ra. Harry lùi lại, nhìn bàn tay cầm dao vung lên và thọc một cú thật lực. Âm thanh phát ra nghe như tiếng rên rĩ khi lưỡi dao xuyên qua lớp thạch cao phía sau bức tường. Anh ta rút dao ra và đâm thêm lần nữa, sau đó bẻ đi một miếng thạch cao đầy bột, để lại khoảng trống toang hoác trên tường. Tiếp đó, anh ta lấy ra chiếc đèn pin dạng bút nho nhỏ và chiếu vào trong khoảng trống. Hàng lông mày phía sau cặp kính quá khổ nhú lại. Rồi anh ta cúi mũi vào sâu bên trong và hít ngửi.

“Phải rồi,” anh ta nói. “Chào tụi bây.”

“Chào ai cơ?” Harry hỏi và nhích tới gần.

“*Aspergillus*,” anh ta đáp. “Tên gọi của một chi nấm mốc. Trong chi này có đến ba, bốn trăm loài cho chúng ta tha hồ chọn, khó mà xác định được là loài nào vì chúng phát triển thành lớp quá mỏng, gần như vô hình trên bề mặt cứng này. Nhưng còn mùi thì không lẫn vào đâu được.”

“Vậy là có vấn đề phải không?” Harry hỏi, cố nhớ xem trong tài khoản ngân hàng của mình còn lại bao nhiêu sau khi hai bố con anh tổ chức chuyến tham quan Tây Ban Nha cho Sis, em gái anh, con bé mắc chứng bệnh mà nó tự gọi là *hội chứng Down dạng nhẹ*.

“Loại này không giống mục khô thật. Tòa nhà không dễ bị hạ gục,” anh ta nói. “Nhưng anh thì có đấy.”

“Tôi ư?”

“Nếu anh dễ bị ảnh hưởng. Một số người mắc bệnh vì hít thở không khí ở nơi có nấm mốc. Đau ốm liên miên, đi khám thì được bác sĩ kết luận mắc bệnh tưởng vì không tìm được nguyên nhân và người nhà thì vẫn khỏe như thường. Sau đó lũ nấm mốc ăn hết giấy dán tường và những tấm thạch cao trong nhà.”

“Ừm. Theo anh nên xử lý thế nào?”

“Dĩ nhiên là loại bỏ những phần nấm mốc rồi.”

“Vậy còn chi phí?”

“Đã có bảo hiểm tòa nhà lo, nên anh chẳng mất xu nào. Tôi chỉ cần anh cho phép lui tới căn hộ trong vài ngày.”

Harry tìm bộ chìa khóa dự phòng trong ngăn kéo tủ bếp và đưa cho anh ta.

“Sẽ chỉ có mình tôi làm thôi,” anh ta nói. “Thiết nghĩ cũng nên báo với anh như vậy. Gần đây xảy ra nhiều chuyện lạ lùng lắm.”

“Vậy ư?” Harry mỉm cười buồn bã, đôi mắt nhìn ra ngoài cửa sổ.

“Hả?”

“Không có gì,” Harry nói. “Dù sao ở đây cũng chẳng có gì mà lấy. Thôi tôi đi đây.”

Vàng mặt trời buổi sáng lấp lánh trên những ô kính của trụ sở cảnh sát Oslo, vốn ngự trị ở đây suốt ba mươi năm, trên đỉnh của một con dốc bên cạnh phố

chính Grønlandsleiret. Dù không hoàn toàn có chủ đích khi xây dựng nhưng trụ sở lại được đặt gần những khu vực có tỷ lệ tội phạm ở mức cao tại phía Đông Oslo, còn trại giam, nằm trên khu đất của nhà máy bia cũ, là hàng xóm gần nhất. Bao quanh Sở là một bãi cỏ nâu, héo úa cùng những hàng cây thích và cây đoan chỉ sau một đêm đã khoác lên mình lớp tuyết mỏng màu trắng xám, vụn vặt trong công viên trông như những món đồ phủ khăn trắng của ai đó đã qua đời.

Harry sai bước trên con đường trải nhựa đen để tới cổng chính và đi vào sảnh trung tâm, nơi bức tường với những hình trang trí bằng sứ của [Kari Christensen](#) cùng dòng nước chảy thì thăm những bí mật muôn đời. Anh gật đầu chào bảo vệ ở quầy lễ tân và lên Đội Hình sự ở tầng sáu. Đã sáu tháng trôi qua kể từ khi anh được cấp văn phòng mới ở vùng đỏ, thế nhưng thỉnh thoảng Harry vẫn về nhằm căn phòng chật chội, không có cửa sổ nơi anh từng làm việc cùng Jack Halvorsen. Giờ ngồi trong đó là Magnus Skarre. Còn Jack Halvorsen thì đã yên giấc ngàn thu tại nghĩa trang Vestre Aker. Ban đầu bố mẹ Jack muốn đem con trai về chôn cất ở quê nhà Steinkjer, vì Jack và Beate Lønn, sếp của Krimteknisk, Phòng Giám định Pháp y, chưa kết hôn, thậm chí còn chưa dọn về chung sống. Nhưng khi hay tin Beate mang thai và con của Jack sẽ chào đời vào mùa hè, bố mẹ anh đồng ý an táng con trai tại Oslo.

Kari Margrethe Christensen (1938-1997): nghệ nhân gốm sứ nổi tiếng của Na Uy.

Harry bước vào văn phòng mới. Nơi này sẽ mãi được biết đến theo cách đó, y như sân nhà năm mươi năm tuổi của câu lạc bộ bóng đá Barcelona đến nay vẫn được gọi là Camp Nou, theo tiếng Catalan nghĩa là sân vận động mới. Anh thả người xuống ghế, bật radio lên và gật đầu chào buổi sáng với những khung ảnh đặt trên giá sách, dựa vào tường. Một ngày nào đó trong tương lai xa vời, nếu anh chịu nhớ ra và mua móc treo thì chúng sẽ có cơ hội ngự trị trên tường. Ellen Gjeltén, Jack Halvorsen và Bjarne Møller. Lần lượt xếp theo trình tự thời gian. Hội Cảnh sát Quá cố.

Radio đang phát chương trình bình luận về cuộc bầu cử tổng thống Mỹ dưới góc nhìn của các chính trị gia và các nhà xã hội học Na Uy. Harry nhận ra giọng Arve Støp, ông chủ tạp chí *Liberal* ăn nên làm ra, được tiếng là một

trong những tay có quan điểm thông tuệ nhất, ngạo mạn nhất và mua vui tốt nhất xứ này. Harry tăng âm lượng lên cho tới khi những tiếng nói vang vọng khắp bốn bức tường gạch, rồi vớ lấy chiếc còng số 8 hiệu Peerless đặt trên bàn làm việc mới. Anh thường luyện tập kỹ năng còng nhanh với một bên chân bàn mà giờ đã trở nên trầy trụa, sứt mẻ do thói quen xấu anh học được trong khóa huấn luyện của FBI tại Chicago và đem ra thực hành vào những buổi tối thui thủi một mình trong căn hộ tồi tàn ở khu Cabrini Green, giữa những tiếng cãi cọ nhà hàng xóm và chỉ có chai rượu Jim Beam bầu bạn. Mục tiêu là phải đập còng vào cổ tay kẻ bị bắt sao cho phần còng có lò xo khép lại quanh cổ tay đối tượng và khóa nghe đánh tách vào phía bên kia. Nếu đủ lực và chuẩn xác thì chỉ bằng một động tác đơn giản ta có thể còng tay mình với tay đối tượng khi hấn còn chưa kịp phản ứng. Harry chưa từng phải dùng đến chiếc còng và mới áp dụng đúng một lần một kiến thức khác học được ở Mỹ: làm thế nào để tóm cổ những tên sát nhân hàng loạt. Chiếc còng số 8 khóa lại quanh chân bàn và tiếng nói trên radio vẫn vang lên đều đều.

“Vì sao người dân Na Uy lại tỏ ra hoài nghi George Bush đến như vậy, thưa ông Arve Støp?”

“Vì Na Uy là đất nước được bao bọc quá đáng, chưa bao giờ tham gia cuộc chiến tranh nào. Chúng ta cứ vô tư nhường nhiệm vụ ấy cho những quốc gia khác: Anh, Liên Xô và Mỹ. Vâng, kể từ khi các cuộc chiến tranh Napoleon nổ ra, ta chỉ biết núp sau lưng các nước đàn anh. An ninh của Na Uy được tạo dựng trên cơ sở để cho những quốc gia khác gánh vác trách nhiệm khi có biến cố. Tình trạng này diễn ra trong thời gian quá dài nên chúng ta đã đánh mất khả năng nhìn nhận và đánh giá thực tế, ta tin rằng ngự trị trên trái đất này là những dân tộc hòa hảo luôn dành cho chúng ta - quốc gia giàu có nhất thế giới - chỉ toàn thiện ý. Na Uy chẳng khác nào cô nàng tóc vàng hoe lăm mồm, nảo ngẩn lạc lối trong một ngõ hẻm ở khu Bronx và phần nộ trước cách hành xử quá bạo lực của anh chàng vệ sĩ đối với những tên cướp giật.”

Harry quay số của Rakel. Ngoài Sis ra thì Rakel là người duy nhất anh nhớ số điện thoại. Hồi còn trẻ người non dạ, anh tưởng trí nhớ tồi là điểm yếu đối với một điều tra viên. Giờ thì anh khôn ra rồi.

“Vậy tay vệ sĩ là ám chỉ Bush và nước Mỹ?” người dẫn chương trình hỏi.

“Đúng vậy. Lyndon B. Johnson từng nói rằng nước Mỹ không lựa chọn nghĩa vụ ấy cho mình, nhưng ông ta nhận ra chẳng còn ai cả, và ông ta nói rất đúng. Anh chàng vệ sĩ của chúng ta là một tín đồ Cơ đốc tái sinh, mắc [phức cảm người cha](#), nát rượu, trí lực hữu hạn và không đủ bản lĩnh để hoàn thành nghĩa vụ quân sự một cách vẻ vang. Nói tóm lại, chúng ta nên vui mừng khi một kẻ như vậy sắp tái đắc cử tổng thống ngày hôm nay.”

Phức cảm người cha trong tâm lý học là một loại phức cảm trong đó người bệnh dành cho cha mình những tình cảm thái quá theo hướng tích cực (ngưỡng mộ, thần tượng...) hoặc tiêu cực (căm ghét, nghi kỵ...).

“Hẳn là ông có ý mỉa mai?”

“Không hề. Một vị tổng thống nhu nhược như thế sẽ chỉ biết dựa vào đội ngũ cố vấn, mà tin tôi đi, Nhà Trắng lại sở hữu những tay giỏi nhất. Chương trình truyền hình đáng nực cười về Phòng Bầu dục có thể tạo ấn tượng sai lầm rằng tình báo là lĩnh vực độc quyền của phe Dân chủ, trong khi thực tế hoàn toàn ngược lại, phe cực hữu của đảng Cộng hòa mới là nơi sở hữu nhiều bộ óc sắc bén nhất. An ninh của Na Uy đang được gửi gắm vào tay những con người tài năng nhất.”

“Bạn gái của bạn gái ông đã lên giường với ông đấy.”

“Thật sao?” Harry hỏi.

“Không phải anh,” Rakel nói. “Em đang nói với người khác kia. Tay Støp ấy.”

“Xin lỗi nhé,” Harry nói, vặn nhỏ radio xuống.

“Sau bài thuyết giảng ở Trondheim. Ông ta mời cô ả lên phòng mình. Cô nàng tỏ ra hứng thú, nhưng rồi lại khiến ông ta băn khoăn vì cô ta mới phẫu thuật cắt bỏ bầu vú. Ông ta bảo sẽ suy nghĩ thêm, sau đó đi ra quầy bar. Cuối cùng ông ta quay lại và đưa cô ta đi cùng.”

“Ừm. Hy vọng hai bên đều được thỏa nguyện.”

“Chẳng gì có thể làm người ta thỏa nguyện được.”

“Ừ,” Harry đáp, thầm hỏi không hiểu họ đang nói gì.

“Tối nay thế nào đây?” Rakel hỏi.

“Gặp nhau ở Palace Grill lúc tám giờ ổn đấy. Nhưng còn mấy tin đồn nhảm về chuyện không thể đặt chỗ trước ở đó thì sao?”

“Chắc họ bịa ra thế cho ra vẻ sang chảnh ấy mà.”

Họ thống nhất gặp nhau ở quầy bar trước. Sau khi cúp máy, Harry ngồi nghỉ suy. Giọng cô có vẻ hài lòng. Hoặc vui tươi. Vui tươi và hoan hỉ. Anh cố gắng cảm nhận xem mình có thành công trong việc vui mừng thay cho cô không, vui khi người phụ nữ anh yêu vô cùng đang hạnh phúc bên người đàn ông khác. Rakel và anh đã ở bên nhau, anh cũng được cho nhiều cơ hội. Anh đã bỏ lỡ. Vậy thì sao không vui lên khi cô vẫn sống tốt, sao không thể buông bỏ ý nghĩ mọi chuyện giữa hai người lẽ ra có thể đã khác và tiếp tục sống cuộc sống của anh? Anh thầm hứa sẽ cố gắng thêm một chút nữa.

Cuộc họp buổi sáng nhanh chóng kết thúc. Với vai trò là sếp *Đội Hình sự, Politioverbetjent* - gọi tắt là FOB - Gunnar Hagen nói sơ qua tình hình những vụ án đang theo. Con số đó không nhiều vì tạm thời không có vụ án mới nào đang trong quá trình điều tra, mà án mạng là điều duy nhất có thể khiến cả đội chạy ngược chạy xuôi. Thomas Helle, sĩ quan thuộc Ban Tìm kiếm Người Mất tích của đơn vị cảnh sát mặc đồng phục, cũng có mặt và trình bày báo cáo về vụ một phụ nữ mất tích ngay tại nhà cách đây một năm. Không có dấu vết bạo lực, dấu vết kẻ đột nhập và dấu vết người phụ nữ này. Cô ta là nội trợ và được trông thấy lần cuối ở nhà trẻ nơi cô ta đưa con trai và con gái đến gửi vào buổi sáng. Chồng và những người quen của cô ta đều có chứng cứ ngoại phạm và được xác định là vô can. Mọi người đều nhất trí rằng *Đội Hình sự* nên điều tra sâu hơn vụ này.

Magnus Skarre chuyển lời hỏi thăm của Ståle Aune, chuyên gia tâm lý thuộc *Đội Hình sự*, hiện đang được điều trị tại Bệnh viện Đại học Ullevål mà Skarre mới ghé thăm. Harry bỗng cảm thấy lương tâm cắn rứt. Ståle Aune không chỉ là cố vấn giúp đỡ anh trong những vụ trọng án mà ông còn là nguồn động viên tinh thần của anh trong cuộc chiến chống lại con ma men, người duy nhất anh có thể coi là thân tín. Đã hơn một tuần trôi qua kể từ khi Aune phải nhập viện với chẩn đoán không mấy rõ ràng, nhưng Harry vẫn chưa thể chiến thắng được nỗi e ngại khi phải đặt chân đến bệnh viện. Mai mình sẽ đi, anh thầm nghĩ. Hoặc là thứ Năm.

“Một sĩ quan mới sẽ gia nhập đội ngũ của chúng ta,” Gunnar Hagen thông báo. “Katrine Bratt.”

Một phụ nữ trẻ ngồi ở hàng ghế đầu đứng dậy mà chẳng đợi mời, nhưng cô không nở nụ cười. Một phụ nữ rất quyến rũ. Quyến rũ dù không cần cố gắng nhiều, Harry thầm nghĩ. Mái tóc mỏng gần như thừa thớt buồn tẻ rủ xuống hai bên khuôn mặt thanh tú với nước da trắng, mang nét trang nghiêm và mệt mỏi Harry thường thấy ở những phụ nữ sắc nước hương trời khác, những người đã quá quen với ánh nhìn của thiên hạ đến nỗi chẳng còn cảm thấy thích thú hay khó chịu gì nữa. Katrine Bratt mặc bộ vét màu xanh dương tôn lên nét nữ tính, nhưng đôi tất da chân dày màu đen lấp ló dưới gấu váy và đôi bốt đông hừn dụng đã đánh tan mọi nỗi nghi ngờ nếu có rằng cô đang cố ý thể hiện. Cô quét ánh mắt quanh phòng một lượt, như thể cô đứng lên để được nhìn thấy họ chứ không phải ngược lại. Harry đoán cô đã chọn trước bộ vét này và sắp xếp cả màn ra mắt nho nhỏ ở Sở Cảnh sát.

“Katrine đã có bốn năm công tác tại Sở Cảnh sát Bergen, chủ yếu xử lý những vụ quấy rối nơi công cộng, nhưng cô cũng tham gia Đội Hình sự trong thời gian ngắn,” Hagen nói tiếp, cúi xuống đọc tờ giấy Harry đoán là sơ yếu lý lịch của cô. “Lấy bằng luật của Đại học Bergen năm 1999, theo học tại Học viện Cảnh sát, và giờ cô được phân về đây. Hiện chưa có con, nhưng đã kết hôn.”

Một bên chân mày thanh mảnh của Katrine Bratt nhướn lên rất khẽ, và Hagen hoặc là trông thấy điều ấy hoặc nhận ra rằng mẫu thông tin cuối cùng đó chẳng liên quan, nên ông ta thêm vào, “Dành cho những ai quan tâm...”

Trong khoảng lặng khó xử cho thấy rõ ý tứ của mọi người, Hagen dường như nghĩ rằng mình vừa khiến tình hình thêm tồi tệ; ông ta ho hai tiếng rõ to và nói rằng ai chưa đăng ký tham gia tiệc Giáng sinh thì hãy ghi danh trước thứ Tư tới.

Trong phòng vang lên tiếng xô ghế, Harry vừa ra đến hành lang thì nghe thấy một giọng nói cất lên từ phía sau.

“Rõ ràng tôi thuộc về anh rồi.”

Harry quay người lại, nhìn vào gương mặt của Katrine Bratt. Tự hỏi cô sẽ còn quyến rũ đến đâu nếu chịu chậm chút hơn nữa.

“Hoặc anh thuộc về tôi,” cô nói, khoe hàm răng đều tăm tắp nhưng không để nụ cười lan tỏa trong ánh mắt. “Tùy theo cách anh nhìn nhận.” Cô nói giọng Na Uy chuẩn pha chút âm vùng Bergen với chữ r rung nhẹ, dựa vào đó Harry đoán rằng cô sống ở Fana, Kalfaret hoặc khu vực nào đó chỉ toàn tầng lớp trung lưu.

Anh lại đi tiếp, cô vội vã sai bước để bắt kịp anh. “Xem ra *Politioverbetjent* đã quên báo cho anh rồi.”

Cô thốt ra từ *Politioverbetjent* với một chút nhấn nhá ở tất cả các âm tiết trong chức danh của Gunnar Hagen.

“Nhưng anh cũng nên đưa tôi đi tham quan một vòng và tận tình chỉ bảo cho tôi trong mấy ngày tới đây. Cho tới khi tôi vào guồng. Anh nghĩ anh có làm được vậy không?”

Nụ cười nhạt dần trên môi Harry. Tính đến giờ phút này thì anh khá mến cô, nhưng dĩ nhiên anh hoàn toàn có thể thay đổi ý kiến. Harry luôn sẵn lòng ban cho người khác cơ hội thứ hai để được lọt vào danh sách đen của anh.

“Tôi không biết nữa,” anh nói, dừng lại bên máy pha cà phê. “Bắt đầu với thứ này nhé.”

“Tôi không uống cà phê.”

“Cũng chẳng sao. Cơ chế máy không cần giải thích. Như mọi thứ ở đây. Cô nghĩ sao về vụ mất tích của người phụ nữ đó?”

Harry nhấn nút chọn cà phê Americano, và với cái máy này thì cà phê kiểu Mỹ cũng chẳng khác gì loại cà phê trên phà ở Na Uy.

“Ý anh là gì?”

“Cô nghĩ cô ta có còn sống không?” Harry cố gắng hỏi với thái độ bình thản để cô không nhận ra đây là màn thử thách anh dành cho cô.

“Anh nghĩ tôi ngu chắc?” cô nói và chăm chú nhìn cái máy khục khặc vài lần rồi phun thứ nước đen ngòm vào chiếc cốc nhựa màu trắng, gương mặt cô lộ rõ vẻ khinh miệt không cần giấu giếm. “Anh không nghe *Politioverbetjent* nói rằng tôi từng có bốn năm làm việc ở Ban Điều tra Tội phạm tình dục ư?”

“Hừm,” Harry nói. “Vậy là chết?”

“Chết ngắc,” Katrine Bratt đáp.

Harry cầm lấy chiếc cốc trắng. Anh trầm ngâm nghĩ lẽ nào mình vừa tìm được một đồng nghiệp có tiềm năng đáng để coi trọng.

Chiều đi bộ về nhà, Harry thấy đường sạch tuyết trên đường và vỉa hè, những bông tuyết mong manh yếu ớt xoay tròn trong không trung vừa rơi xuống đã bị mặt đường ướt nhẹp nuốt trọn. Anh ghé vào cửa hàng băng đĩa nhạc quen trên phố Akersgata và mua CD mới nhất của Neil Young, dẫu anh ngờ rằng CD này chắc dở òm.

Khi mở cửa căn hộ, Harry chợt phát hiện có điều gì đó khác lạ. Hình như là có tiếng động. Hoặc mùi lạ. Vừa bước tới cửa phòng bếp, anh lập tức khựng lại. Cả một mặt tường nhà đã biến mất. Sáng sớm nay ở đó vẫn còn tấm thạch cao và giấy dán tường họa tiết hoa tươi tắn, nhưng giờ anh chỉ thấy những viên gạch đỏ quạch màu sắt gỉ với lớp vữa xám và khung gỗ vàng nhạt lộ chỗ vết đinh. Trên sàn là hộp dụng cụ của người xử lý nấm mốc, còn trên mặt bàn bếp có tờ giấy ghi lời nhắn hôm sau anh ta sẽ quay lại làm tiếp.

Harry bước vào phòng khách, đẩy CD Neil Young vào đầu đĩa, mười lăm phút sau anh lại ỉu xiu lấy ra để thay bằng đĩa của Ryan Adams. Ý nghĩ muốn uống một ly không biết từ đâu xuất hiện. Harry nhắm mắt lại, chú mục vào những đốm đỏ nháy nhót và tấm màn đen kịt trước mắt. Anh lại nhớ đến lá thư ấy. Tuyết đầu mùa. Toowoomba.

Tiếng chuông điện thoại reo vang cắt ngang giai điệu *Shakedown on 9th Street* của Ryan Adams.

Một phụ nữ tự giới thiệu mình là Oda, gọi điện đến từ chương trình Bosse và nói cô ta rất vui khi được gặp lại anh. Harry không nhớ ra người này, nhưng nhớ chương trình truyền hình kia. Họ có mời anh đến nói chuyện về đề tài sát nhân hàng loạt, vì anh là sĩ quan cảnh sát Na Uy duy nhất được huấn luyện cùng FBI, hơn nữa anh cũng đã đích thân truy lùng một tên sát nhân hàng loạt thật sự. Harry đại dột đến nỗi đi nhận lời mời của họ. Anh tự nhủ mình lên đó chỉ để truyền tải một vài thông điệp quan trọng và tương đối hạn hẹp về những kẻ sát nhân, chứ không phải để được xuất hiện trên chương trình đối thoại đình đám nhất cả nước. Giờ nghĩ lại, anh không chắc lắm về lý do ấy. Nhưng đây chưa phải điều tồi tệ nhất. Tệ hại nhất là việc anh uống rượu trước khi lên sóng. Harry định ninh rằng mình chỉ uống có mỗi một ly. Nhưng khi lên hình

trông anh cứ như đã nốc đến năm ly. Cách nói của anh vẫn rõ ràng, lúc nào cũng thế. Có điều, hai mắt anh mờ mờ, phân tích thì dài dòng và chẳng đi đến kết luận nào, vậy là người dẫn chương trình buộc phải giới thiệu một khách mời khác, người mới giành chức quán quân cuộc thi cắm hoa châu Âu. Harry ngồi đó không nói nửa lời, nhưng ngôn ngữ cơ thể cho thấy quá rõ anh nghĩ gì về cuộc tranh luận hoa cỏ này. Khi người dẫn chương trình, với nụ cười kín đáo, hỏi anh một điều tra viên trọng án hiểu gì về nghệ thuật cắm hoa, Harry đáp rằng những vòng hoa tang của Na Uy chắc chắn vẫn thuộc đẳng cấp cao trên thế giới. Có lẽ chính thái độ tương tưng, hơi ngờnghệch của Harry đã lấy được tiếng cười của khán giả trong trường quay và những cái vỗ vai khoái trá từ các nhân viên nhà đài sau khi chương trình kết thúc. Họ nói anh đã *hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*. Anh cùng một nhóm nhân viên kéo nhau đến nhà hàng nằm ở tầng trệt của phòng tranh Kunsternes Hus, mặc sức ăn uống để rồi hôm sau anh thức dậy, từng tế bào trong cơ thể gào thét, đòi nạp thêm rượu. Hôm ấy là thứ Sáu và anh uống suốt mấy ngày cuối tuần. Anh ngồi ở quán Schroder gào lên gọi bia khi quán nháy đèn nhắc khách đã đến giờ ra về, cô phục vụ Rita phải đến tận bàn nói với Harry rằng sau này anh sẽ bị cấm cửa ở đây nếu không chịu về, tốt hơn hết là về giường. Đúng tám giờ sáng thứ Hai Harry có mặt tại Sở. Anh chẳng đóng góp được điều gì hữu ích cho đội, nôn thốc nôn tháo ở chậu rửa sau cuộc họp buổi sáng, bám gí lấy chiếc ghế trong văn phòng, uống cà phê, hút thuốc rồi lại nôn tiếp, có điều lần này là ở trong nhà vệ sinh. Và đó là lần cuối cùng anh chịu khuất phục trước rượu bia; kể từ ngày ấy đến nay, anh không hề động đến một giọt nào.

Bây giờ họ lại muốn mời anh lên sóng.

Người phụ nữ đó nói rằng chương trình sắp tới sẽ xoay quanh đề tài chủ nghĩa khủng bố ở các nước Ả Rập và điều gì đã khiến nhiều trí thức trung lưu trở thành những cỗ máy giết chóc. Harry vội ngắt lời trước khi cô ta kịp nói hết.

“Không.”

“Nhưng chúng tôi rất muốn anh tham dự. Anh rất... rất... có phong cách rock ‘n’ roll!” Cô ta bật cười, sự nhiệt tình trong đó là thật hay giả thì Harry không rõ, có điều, giờ anh nhận ra giọng nói này rồi. Cô ta cũng có mặt ở

Kunsternes Hus tối hôm đó. Trông cô ta ưa nhìn nhưng theo kiểu nhàm chán và non nớt, cách nói chuyện cũng nhàm chán, non nớt như thế. Cô ta nhìn Harry bằng ánh mắt thèm thuồng như thể anh là món ăn xứ lạ cô ta đang cân nhắc nếm thử; có thật là anh khác lạ *lắm* không?

“Mời người khác đi,” Harry nói rồi cúp máy. Sau đó, anh nhắm mắt lại và nghe Ryan Adams bản khoản tự vấn, *Ôi, người yêu dấu, tại sao anh lại nhớ em đến nhường này?*

Cậu bé ngẩng lên nhìn người đàn ông đứng cạnh mình ở bàn bếp. Ánh sáng từ ngoài vườn tuyết phủ trắng hắt lên làn da nhẵn nhụi không có lấy một sợi tóc quanh hộp sọ to tướng của ông bố. Mẹ từng nói đầu bố to như vậy vì bố là bộ não khổng lồ. Thằng bé từng hỏi sao mẹ lại nói *bố là bộ não khổng lồ* chứ không phải bố có não, mẹ phì cười vuốt trán nó và bảo rằng các giáo sư vật lý đều như vậy cả. Lúc này đây, bộ não ấy đang đứng rửa khoai tây dưới vòi nước rồi thả vào nồi.

“Bố không gọt vỏ trước khi nấu ạ? Mẹ toàn...”

“Giờ mẹ không có nhà, Jonas ạ. Thế nên ta sẽ làm theo cách của bố.”

Người bố không hề lớn tiếng nhưng giọng nói của ông vẫn ẩn chứa sự bức bối khiến Jonas rùng mình. Nó chẳng bao giờ hiểu được vì sao bố lại hay giận đến thế. Hoặc, đôi lúc thậm chí nó cũng không biết *có phải* bố đang cáu hay không, cho tới khi thằng bé trông thấy khuôn mặt người mẹ với khóe miệng xị xuống đầy lo lắng, dường như điều đó càng làm bố nó thêm tức tối. Nó thầm cầu mong mẹ sớm về.

“Nhà mình không dùng mấy đĩa này đâu bố!”

Ông bố đóng sầm cửa tủ bếp, Jonas lo lắng căn môi dưới. Ông cúi xuống sát mặt thằng bé. Cặp kính vuông mỏng manh sáng lên lấp lánh.

“Là ‘đĩa’, không phải ‘đĩa’,” ông nói. “Bố phải nhắc con bao nhiêu lần nữa hả Jonas?”

“Nhưng mẹ vẫn bảo...”

“Mẹ nói không đúng. Con có hiểu không hả? Ở nơi mẹ từng sống, trong gia đình mẹ lớn lên, người ta không coi trọng cách ăn nói.” Hơi thở của ông có mùi mẫn mẫn như tảo thối vậy.

Cửa chính bất ngờ đóng sầm lại.

“Chào cả nhà,” tiếng mẹ vọng đến từ ngoài hành lang.

Jonas định chạy ra đón mẹ nhưng bị bố tóm lấy vai giữ lại và chỉ vào chiếc bàn ăn vẫn chưa có bát đĩa gì.

“Con trai mẹ ngoan quá!”

Jonas cảm nhận được nụ cười trong giọng nói đứt hơi của mẹ khi bà đứng ở ngưỡng cửa phòng bếp phía sau nó trong khi nó cuống cuống bày biện cốc tách và dao đĩa.

“Hai bố con đáp được người tuyết to ghê!”

Jonas ngạc nhiên quay lại, nhìn mẹ đang cởi áo khoác. Trông mẹ mới đẹp làm sao. Làn da sẫm màu, mái tóc sẫm màu, giống y hệt nó, và ánh mắt mẹ gần như lúc nào cũng xiết bao dịu dàng. Gần như thế. Giờ mẹ không còn thon thả như trong mấy tấm hình hồi mẹ và bố lấy nhau, nhưng nó vẫn nhận thấy ánh mắt những người đàn ông khác nhìn mẹ mỗi khi hai mẹ con cùng nhau dạo phố.

“Bố con con có đáp được người tuyết nào đâu ạ,” Jonas nói.

“Không ư?” Mẹ nhú mào trong lúc cởi chiếc khăn quàng màu hồng to sụ, món quà Jonas tặng bà dịp Giáng sinh.

Bố bước tới bên cửa sổ. “Chắc là bọn trẻ con nhà hàng xóm đấy,” ông nói.

Jonas trèo lên một chiếc ghế trong bếp và nhìn ra ngoài. Quả nhiên, trên bãi cỏ trước nhà có một người tuyết. Mẹ nói đúng, người tuyết to thật. Cặp mắt và cái miệng làm từ ba viên sỏi, còn mũi là củ cà rốt. Người tuyết không đội mũ, cũng chẳng quàng khăn, chỉ còn độc một cánh tay là nhánh cây gầy guộc Jonas đoán ai đó đã bẻ ở bờ giậu rồi gắn lên. Thế nhưng người tuyết này có gì đó là lạ. Nó bị đặt sai hướng mất rồi. Jonas không hiểu lắm, chỉ nghĩ đơn giản rằng người tuyết thì phải quay mặt ra đường, hướng về phía không gian mở mới đúng.

“Tại sao...” Thằng bé vừa lên tiếng thì bị bố cắt ngang.

“Để anh sang đó nói chuyện với họ.”

“Sao phải thế hả anh?” Giọng mẹ vọng vào từ hành lang, Jonas nghe thấy tiếng bà kéo khóa, cởi đôi boots da màu đen cao cổ. “Có gì to tát đâu nào.”

“Anh không muốn cái ghế ấy loanh quanh trên đất nhà mình. Khi nào về anh sẽ xử lý.”

“Sao người tuyết lại không nhìn ra đường ạ?” Jonas hỏi.

Ngoài hành lang, mẹ nó thở dài. “Bao giờ anh về?”

“Trong ngày mai.”

“Mấy giờ?”

“Sao? Có hẹn với ai à?” Giọng nói có chút bông đùa của bố khiến Jonas rùng mình.

“Em hỏi để chuẩn bị cơm nước thôi,” mẹ đáp và bước vào phòng, tới bên chiếc bếp, ngó qua mấy cái chảo rồi tăng nhiệt độ hai bếp đơn lên.

“Cứ nấu đi,” bố nói, quay sang xấp báo đặt trên mặt bàn bếp. “Rồi anh sẽ về.”

“Vâng.” Mẹ bước lại gần và vòng tay ôm bố từ phía sau. “Nhưng tối nay anh nhất định phải đến Bergen hay sao?”

“Anh có tiết dạy lúc tám giờ sáng,” bố nói. “Sau khi máy bay hạ cánh, còn phải đi cả tiếng mới tới trường đại học, nên nếu anh bay chuyển sớm nhất ngày mai thì không kịp.”

Nhìn những bó cơ trên cổ bố, Jonas biết rằng ông đang cảm thấy thoải mái, và một lần nữa mẹ nó lại khôn khéo biết lựa đúng lời để nói.

“Sao người tuyết lại nhìn về phía nhà mình ạ?” Jonas hỏi.

“Ra rửa tay đi con,” mẹ nó giục.

Cả nhà lặng lẽ ăn tối, sự im lặng chỉ bị phá vỡ nhờ mấy câu hỏi lấy lệ xoay quanh việc học hành và những lời đáp chung chung, đại khái của thằng bé. Jonas biết rằng trả lời chi tiết chỉ tổ khơi lên những câu hỏi khó từ phía ông bố, chuyện bọn trẻ được học hoặc không học môn gì ở *cái trường chẳng ra hồn* ấy. Hoặc là những lời chất vấn trút xuống như mưa khi Jonas nhắc đến người bạn cùng chơi nào đó, bố nó sẽ hỏi cha mẹ cậu ta làm nghề gì, quê quán ở đâu. Toàn những câu Jonas không có cách nào trả lời khiến ông hài lòng.

Khi đã lên giường nằm, Jonas nghe thấy bố chào tạm biệt mẹ ở dưới nhà, cửa đóng lại và tiếng ô tô khởi động ngoài đường rồi đi xa dần. Một lần nữa trong nhà chỉ còn mỗi hai mẹ con. Mẹ nó bật ti vi lên xem. Jonas nghĩ đến một

điều mẹ từng hỏi. Vì sao nó hầu như không rủ các bạn về nhà chơi nữa. Thằng bé không biết phải trả lời ra sao, nó không muốn làm mẹ buồn. Thế nhưng giờ đây người buồn lại là nó. Jonas cắn phần bên trong má, một cảm giác vừa dễ chịu vừa đau đớn truyền đến hai tai, nó đắm đắm nhìn những ống kim loại của chiếc chuông gió treo trên trần nhà. Nó rời khỏi giường rồi lê chân đến bên cửa sổ.

Chút ánh sáng phản xạ trên lớp tuyết trong vườn cũng đủ để Jonas nhác thấy người tuyết dưới kia. Trông nó cô độc quá. Ai đó đáng lẽ phải đội mũ với quàng khăn cho nó chứ. Hay là cắm thêm cán chổi cho nó cầm chẳng hạn. Đúng lúc ấy vầng trăng ló ra từ phía sau đám mây. Đập vào mắt nó là một hàm răng đen ngòm. Và cặp mắt kia nữa. Theo phản xạ, Jonas hít mạnh một hơi và lùi về sau hai bước. Cặp mắt sỏi lóe sáng. Chúng không hướng vào trong nhà mà đang ngược lên. Nhìn lên phía trên này. Jonas kéo rèm lại và rón rén quay về giường.

ngày thứ nhất

YÊN CHI

Harry ngồi trên chiếc ghế đầu ở quầy bar trong nhà hàng Palace Grill đọc những biển báo treo trên tường, đó là những lời nhắc nhở nhẹ nhàng dành cho thực khách: vui lòng không hút tiền, đừng bắn người chơi dương cầm, và cuối cùng, hãy cư xử văn minh hoặc nhà hàng không tiền. Giờ vẫn còn sớm, ngoài anh ra, cả quầy bar chỉ có hai cô gái đang ngồi bấm điện thoại lia lịa ở một bàn và hai cậu con trai chơi phi tiêu, tư thế phóng và cách nhắm có vẻ thành thạo đấy nhưng kết quả thì thật tệ. Dolly Parton, cô ca sĩ Harry biết từng có thời bị ghẻ lạnh rồi lại được các chuyên gia sành nhạc đồng quê và miền Tây rước về, đang rên rĩ trên loa bằng giọng mũi đặc chất miền Nam. Harry kiểm tra đồng hồ đeo tay một lần nữa, thầm đánh cược với chính mình rằng đúng tám giờ bảy phút, Rakel Fauke sẽ xuất hiện trước ngưỡng cửa. Anh cảm thấy sự căng thẳng quen thuộc mỗi khi gặp lại cô. Anh tự nhủ đó chỉ là phản xạ có điều kiện mà thôi, giống như những chú chó trong thí nghiệm của Pavlov tiết nước bọt khi nghe tiếng chuông báo giờ ăn, ngay cả khi chẳng có món nào được mang đến. Tối nay cũng sẽ chẳng có món nào cả. À thì, họ sẽ có đồ ăn, nhưng *chỉ* đồ ăn thôi. Và cuộc chuyện trò thân tình xoay quanh cuộc sống hiện tại của hai người. Hay đúng hơn là cuộc sống của cô. Và Oleg, cậu con trai cô có với ông chồng cũ người Nga hồi cô còn làm ở đại sứ quán Na Uy tại Moscow. Cậu bé với tính cách khép kín, dè dặt mà Harry đã cố gắng kết thân, giữa Oleg và anh dần hình thành mối liên hệ xét về nhiều mặt còn khăng khít hơn cả tình cảm của thằng bé với chính người bố đẻ. Đến cuối cùng, khi Rakel không thể tiếp tục chịu đựng thêm nữa và quyết định ra đi, anh không biết mất mát của bên nào lớn hơn. Nhưng giờ thì anh đã hiểu. Bởi lúc này đây, đúng tám giờ bảy phút, cô đang đứng ở lối vào, dáng người thẳng tắp, tấm lưng với đường cong mềm mại anh tưởng như có thể cảm nhận trên từng đầu ngón tay, đôi gò má cao với làn da rạng ngời anh cứ ngỡ đang kề bên má mình. Anh đã hy vọng trông cô sẽ không đẹp đến thế. Không *hạnh phúc* đến thế.

Cô bước tới chỗ anh và họ chạm má chào nhau. Anh tự nhắc mình phải chủ động tách ra trước.

“Anh nhìn gì vậy?” vừa cởi áo khoác cô vừa hỏi.

“Em biết mà,” Harry đáp, và khi nghe giọng mình, anh nghĩ đáng lẽ anh nên dang hăng trước khi nói.

Cô khẽ bật cười, tiếng cười ấy tác động lên anh cũng giống như hớp rượu Jim Beam đầu tiên anh uống, một cảm giác thật ấm áp và dễ chịu.

“Đừng,” cô nói.

Anh hiểu rõ ẩn ý chữ *Đừng* của cô. Đừng khơi mào, đừng làm cả hai khó xử, hai ta chẳng đến đâu đâu. Lời cô thốt ra rất khẽ, gần như không thành tiếng, vậy mà anh có cảm giác nó chẳng khác nào một cái tát nảy lửa.

“Anh gầy quá,” cô nói.

“Ai cũng bảo thế.”

“Vậy bàn...”

“Người phục vụ sẽ tới dẫn mình đi.”

Cô ngồi xuống ghế đối diện với anh và gọi rượu khai vị. Chẳng cần bàn bạc, luôn là Campari. Ngày trước Harry từng gọi cô là *Yên chi*, đó là từ chỉ sắc đỏ tự nhiên đặc trưng của loại rượu ngon ngọt, cay cay ấy. Vì cô thích mặc trang phục màu đỏ thắm. Rakel tự nhận cô dùng màu đỏ thay lời cảnh báo, giống như các loài động vật trong tự nhiên dùng những sắc màu nổi bật để nhắc kẻ thù hãy tránh xa.

Harry gọi thêm một lon Coke.

“Sao anh lại gầy đến thế này?” cô hỏi.

“Do nấm.”

“Gì cơ?”

“Rõ ràng nó đang giết dần giết mòn anh. Não, mắt, phổi, khả năng tập trung. Bòn rút những sắc màu và ký ức của anh. Nấm cứ lớn lên, còn anh tàn lụi đi. Nó biến thành anh và anh biến thành nó.”

“Anh đang làm nhảm cái gì vậy?” cô kêu lên và nhăn mặt một cái như thể chán ghét, nhưng Harry lại nhận thấy nét cười trong đôi mắt cô. Cô thích ngồi

nghe anh nói, đầu chỉ là những câu chẳng ra đầu ra đũa. Anh kể với cô chuyện nắm mốc ở nhà mình.

“Tình hình em thế nào?” Harry hỏi.

“Bình thường anh ạ. Em ổn. Oleg vẫn khỏe. Nhưng thằng bé nhớ anh đấy.”

“Nó nói với em thế à?”

“Anh biết mà. Anh nên quan tâm đến nó nhiều hơn.”

“Anh ư?” Harry sừng sốt nhìn cô. “Anh làm gì có quyền quyết định.”

“Sao lại thế?” cô nói, đón lấy ly rượu từ tay nhân viên pha chế. “Anh và em không ở bên nhau đâu có nghĩa mối quan hệ giữa anh với Oleg không còn quan trọng. Với cả hai bên. Anh và thằng bé đều khó kết thân với người khác, thế nên cả hai cần vun đắp những mối quan hệ sẵn có.”

Harry hớp một ngụm Coke. “Tình hình Oleg và anh bác sĩ của em tiến triển đến đâu rồi?”

“Tên anh ấy là Mathias,” Rakel nói kèm theo tiếng thở dài. “Hai bên đang cố gắng làm thân. Họ... khác nhau quá. Mathias nỗ lực nhiều lắm, nhưng Oleg không thực sự tạo điều kiện cho anh ấy.”

Cảm giác thỏa mãn nhỏ bé chợt nhói lên trong Harry.

“Mathias cũng phải làm việc nhiều giờ.”

“Anh tưởng em không thích điều đó ớ bạn trai,” Harry đáp, lời vừa thốt ra anh lập tức hối hận. Nhưng Rakel không giận mà chỉ thở dài buồn bã.

“Vấn đề không phải giờ giấc. Anh bị ám ảnh. Anh và công việc là một, động lực làm việc của anh không phải là tình yêu hay ý thức trách nhiệm. Thậm chí tham vọng cá nhân cũng không. Mà đó là sự giận dữ, là khao khát báo thù. Điều đó thật không phải chút nào, Harry ạ, đúng ra không nên như thế. Anh biết rõ chuyện gì xảy ra mà.”

Phải, anh thầm nghĩ. Anh cũng đã để thứ bệnh dịch ấy bước vào ngôi nhà của em.

Anh hắng giọng. “Vậy tức là anh bác sĩ của em có động lực... chính đáng, hả?”

“Mathias vẫn trực ca đêm ở phòng cấp cứu. Là anh ấy tình nguyện. Đồng thời, anh ấy còn giảng dạy toàn thời gian ở khoa Giải phẫu.”

“Anh ta còn là tình nguyện viên hiến máu và thành viên của Tổ chức Ân xá Quốc tế nữa.”

Cô thở dài. “B- là nhóm máu hiếm, Harry ạ. Và anh cũng ủng hộ Tổ chức Ân xá đấy thôi, em biết mà.”

Cô khuấy chiếc ly bằng que nhựa màu da cam, trên đầu que có gắn một chú ngựa. Thử rượu màu đỏ đảo quanh mấy cục đá. Yên chi.

“Harry này?” cô nói.

Trong lời nói của cô có điều gì đó khiến anh bỗng trở nên căng thẳng.

“Mathias sẽ chuyển đến sống cùng em. Vào dịp Giáng sinh.”

“Nhanh vậy ư?” Harry quét lưỡi lên vòm miệng cho đỡ khô. “Hai người quen biết chưa lâu mà.”

“Lâu vậy là đủ rồi. Bọn em dự định kết hôn vào mùa hè năm sau.”

Magnus Skarre chăm chú nhìn dòng nước nóng chảy tràn trên đôi tay và trôi xuống chậu rửa. Rồi biến mất. Không. Không gì tự nhiên biến mất, nó chỉ đâu đó thôi. Cũng giống như những người anh ta thu thập thông tin trong suốt mấy tuần vừa qua. Vì Harry đã có lời nhờ cậy. Vì Harry nói biết đâu sẽ có thông tin nào đó đáng chú ý. Anh muốn Magnus gửi báo cáo trước cuối tuần. Vậy là Magnus buộc phải làm thêm giờ. Dù anh ta biết Harry giao những nhiệm vụ ấy để họ có việc mà làm trong giai đoạn ngồi chơi xơi nước này. Ban Tìm kiếm Người Mất tích của đơn vị cảnh sát mặc đồng phục chỉ có đúng ba mống, bọn họ không chịu điều tra lại các vụ án cũ vì án mới đầy ra còn chưa giải quyết hết nữa là.

Bước trên hành lang vắng tanh để về văn phòng, Magnus chợt phát hiện cửa phòng mở hé. Rõ ràng trước khi đi anh ta đã đóng lại rồi, giờ đã hơn chín giờ, thế nên nhân viên vệ sinh chắc chắn xong việc từ lâu. Hai năm trước, ở đây thường xuyên bị mất cắp đồ đạc trong phòng làm việc. Magnus Skarre cố tình kéo cửa thật mạnh.

Katrine Bratt đang đứng ở giữa phòng, cô đưa mắt nhìn Magnus với vầng trán cau lại như thể anh ta mới là người tự tiện xông vào phòng của cô. Rồi cô quay lưng về phía anh ta.

“Tôi chỉ muốn xem qua thôi,” cô nói, lướt mắt khắp bốn bức tường.

“Xem gì mới được?” Skarre nhìn quanh. Phòng này cũng giống như bao phòng khác, chỉ trừ một điểm là ở đây không có cửa sổ.

“Đây từng là phòng làm việc của anh ấy phải không?” Skarre nhú mào. “Ý cô là sao?”

“Hole ấy mà. Căn phòng này thuộc về anh ấy suốt bao năm qua. Ngay cả trong thời gian anh ấy sang Australia điều tra án giết người hàng loạt.”

Skarre nhún vai. “Có lẽ vậy. Nhưng mà sao?”

Katrine Bratt vuốt tay lên mặt bàn. “Sao anh ấy lại đổi phòng?”

Magnus đi vòng qua chỗ cô, ngồi thụp xuống chiếc ghế xoay. “Ở đây không có cửa sổ.”

“Anh ấy ngồi chung phòng với đồng nghiệp khác, đầu tiên là Ellen Gjeltén, sau đó đến Jack Halvorsen,” Katrine Bratt nói. “Cả hai người đó đều bị sát hại.”

Magnus Skarre đan hai tay sau đầu. Cô nàng cảnh sát mới này có phong cách ra phết. Cô thuộc đẳng cấp cao hơn anh ta một chút. Anh ta đoán chồng cô chắc phải làm sếp hay gì đó, và giàu nữa. Bộ vét cô mặc xem chừng cũng là hàng đắt tiền. Nhưng khi quan sát cô kỹ hơn chút nữa, anh ta lại phát hiện một khiếm khuyết nho nhỏ ở đâu đó. Một thiếu sót không đáng kể mà tạm thời anh ta chưa thể xác định rõ.

“Anh có nghĩ là anh ấy nghe thấy tiếng nói của họ không? Phải chăng vì thế mà anh ấy chuyển sang phòng khác?” Bratt hỏi, chăm chú quan sát tấm bản đồ Na Uy treo trên tường. Trên đó Skarre đã khoanh tròn quê quán của tất cả những người mất tích tại Østland, khu vực phía Đông Na Uy, kể từ năm 1980.

Skarre bật cười nhưng không đáp. Cô có vòng eo thon thả, tấm lưng yếu điệu. Anh ta biết cô cũng nhận ra anh ta đang liếc trộm mình.

“Thực sự thì anh ấy là người thế nào?” cô nói.

“Cô hỏi để làm gì?”

“Tôi nghĩ người nào làm việc với sếp mới cũng đều muốn biết, phải vậy không?”

Cô nói đúng. Chỉ có điều, anh ta chưa từng coi Harry Hole là sếp của mình, không phải theo cách như thế. Ừ thì Hole có giao việc này việc kia và đứng

đầu các cuộc điều tra, nhưng ngoài mấy điều ấy ra thì tất cả những gì Hole yêu cầu là mọi người hãy để yên cho anh làm việc.

“Anh ta... chắc cô cũng biết rồi... là nhân vật khá khét tiếng,” Skarre nói.

Cô nhún vai. “Tôi nghe nói anh ấy có thói mê rượu. Và rằng anh ấy báo cáo những chuyện khuất tất của đồng nghiệp với cấp trên. Các sếp đều muốn tống cổ anh ấy đi, nhưng vị POB tiền nhiệm đã che chở cho anh ấy.”

“Tên ông ấy là Bjarne Møller,” Skarre nói, đưa mắt nhìn tấm bản đồ và vòng tròn bao quanh cái tên Bergen. Đó là nơi cuối cùng có người trông thấy Møller trước khi ông mất tích.

“Và mọi người ở Sở cũng chẳng thích thú gì việc anh ấy được giới truyền thông tôn vinh cứ như thần tượng nhạc pop.”

Skarre cắn môi dưới. “Anh ta là một điều tra viên xuất sắc. Với tôi vậy là đủ.”

“Anh ưa anh ấy phải không?” Bratt hỏi.

Skarre cười toe. Anh ta quay lại nhìn thẳng vào mắt cô.

“Ừa, không ưa,” anh ta nói. “Cũng khó mà phân định rõ được.”

Anh ta đẩy ghế ra sau và gác chân lên bàn, vươn vai ngáp một cái nửa vòi. “Mà muộn thế này rồi cô còn ở đây làm gì?”

Anh ta đang cố tình ma cũ bắt nạt ma mới. Dẫu sao cô cũng chỉ là một thanh tra cấp thấp, lại còn vừa chân ướt chân ráo tới đây.

Nhưng Katrine Bratt chỉ nhoén cười như thể anh ta vừa thốt ra điều gì hài hước lắm, sau đó cô rời khỏi phòng và đi khuất.

Biến mất. Nhắc tới mới nhớ. Skarre chửi thề một tiếng rồi ngồi thẳng dậy và quay về với chiếc máy vi tính.

Harry tỉnh giấc và nằm ngửa trên giường, đăm đăm nhìn lên trần nhà. Anh ngủ đã bao lâu rồi nhỉ? Anh quay lại ngó chiếc đồng hồ đặt trên kệ đầu giường. Bốn giờ kém mười lăm. Bữa tối vừa qua với anh đúng là một thử thách. Anh chỉ chăm chú nhìn miệng Rakel khi cô nói chuyện, nhấp rượu, nhai thịt và nuốt trọn lấy anh trong lúc kể với anh rằng cô và Mathias sẽ đến sống ở Botswana trong vài năm; chính phủ nước sở tại đã xây dựng chương trình chống HIV khá tốt, có điều họ lại thiếu y bác sĩ. Cô hỏi dạo này anh có gặp gỡ ai không. Và

anh trả lời anh có gặp Øystein và Tresko, hai gã bạn thân từ hồi bé. Øystein nghiện rượu, là thiên tài máy tính lái taxi; Tresko nghiện rượu, là tay cờ bạc lè ra có thể giành chức quán quân cuộc thi poker thế giới nếu khả năng giữ mặt lạnh của gã cũng tốt như khả năng đọc vị các tay chơi. Anh thậm chí còn kể cho cô nghe về trận thua chí tử của Tresko trong giải vô địch poker thế giới ở Las Vegas, nhưng mới nói chưa được bao lâu thì anh chợt nhớ ra chuyện này anh từng kể rồi. Và cũng nào phải anh gặp hai tên ấy. Anh chẳng gặp gỡ ai hết.

Anh nhìn nhân viên phục vụ rót rượu vào ly ở bàn gần đó, trong một khoảnh khắc thiếu tỉnh táo, suýt chút nữa anh đã giằng lấy chai rượu từ tay anh ta và đưa lên miệng tu. Nhưng không, thay vào đó anh nhận lời đưa Oleg đến dự buổi trình diễn âm nhạc mà thằng bé đã tha thiết xin Rakel. Ban nhạc Slipknot. Harry giấu nhẹm không cho Rakel biết ban nhạc mà cô sắp tháo cũi sổ lồng cho cậu con trai đi xem thuộc thể loại gì, vì chính anh cũng muốn xem Slipknot biểu diễn. Những ban nhạc luôn phô diễn kiểu nắc như người hấp hối cùng đủ thứ biểu tượng liên quan đến quỷ Satan và tiếng trống bass dồn dập thường chỉ là trò cười đối với anh, nhưng riêng Slipknot thì anh lại thấy khá thú vị.

Harry hất chăn ra và đi vào bếp, vặn vòi cho nước lạnh chảy ra rồi khum tay hứng lấy và uống mấy ngụm. Anh luôn cho rằng nước sẽ ngon hơn khi uống trực tiếp từ chính đôi tay và làn da của mình. Rồi đột nhiên anh lại thả tay ra cho nước chảy xuống chậu rửa, dán mắt vào bức tường đen sì. Có phải anh vừa trông thấy thứ gì đó? Một vật nào đó chuyển động chẳng? Không, không phải vật, chỉ là một chuyển động mà thôi, giống như những con sóng vô hình dưới đại dương ve vuốt đám tảo biển. Từ những sợi xơ đã chết nhô lên những ngón tay gầy guộc đến nỗi gần như không hiện hữu, những bào tử bùng tỏa từ chuyển động dù là nhỏ nhất trong không khí để rồi đáp xuống những mảnh đất mới và bắt đầu ngốn ngấu, bòn rút. Harry bật radio trong phòng khách lên. Vậy là đã ngã ngũ. George W. Bush đã được trao thêm một nhiệm kỳ nữa ở Nhà Trắng.

Harry trở lại giường và kéo chăn lên trùm kín đầu.

Jonas choàng tỉnh khi nghe thấy tiếng động, nó lật tấm chăn phủ trên mặt ra. Chỉ ít nó nghĩ là có tiếng động. Âm thanh lạo xạo như thể lớp tuyết dính dưới

chân ai đó vang lên trong không gian tĩnh lặng bao trùm khắp khu nhà vào buổi sáng Chủ nhật. Chắc là nó nằm mơ. Nhưng cơn buồn ngủ không trở lại với Jonas dù thằng bé đã cố nhắm mắt. Thay vào đó, những mảnh ghép rời rạc của giấc mơ ban này lại tìm về. Trong mơ, bố đứng im lìm trước mặt nó, hình bóng phản chiếu trên mặt kính khiến cặp kính như được phủ một lớp băng không thể xuyên thấu.

Nhất định Jonas vừa gặp ác mộng, vì lúc này đây nó đang sợ hãi. Nó lại mở mắt ra và trông thấy chiếc chuông gió trên trần đang đưa. Bất thành linh nó nhảy khỏi giường, mở cửa rồi chạy ra hành lang. Chỉ khi đến cầu thang dẫn xuống tầng trệt nó mới dừng lại, cúi đầu nhìn bóng tối bên dưới, rồi lại cầm cổ chạy cho tới khi đứng trước phòng bố mẹ và hết sức thận trọng ấn tay nắm cửa xuống. Bỗng nó chợt nhớ ra rằng lúc này bố đang đi công tác, nó nhất định phải đánh thức mẹ dậy mới được. Jonas nhẹ nhàng lách vào phòng. Ánh trăng rọi lên sàn một ô vuông màu trắng, trải dài cho đến tận chỗ chiếc giường đôi vẫn gọn gàng đầu ra đấy. Những con số trên chiếc đồng hồ báo thức điện tử vẫn sáng: 1 giờ 11 phút. Trong giây lát, Jonas hoang mang đứng sững ra đó.

Rồi nó lại chạy ra hành lang, đi về phía cầu thang. Những bậc thang tối om dường như đang nằm đó chờ đợi, chẳng khác nào khoảng không vô cùng vô tận. Tầng dưới hoàn toàn yên ắng, không một tiếng động.

“Mẹ ới!”

Vừa nghe thấy nỗi khiếp sợ trong tiếng vọng ngân ngủi, gay gắt của mình, Jonas lập tức hối hận vì đã gọi lớn. Vì giờ thì nó cũng biết. Bóng tối ấy.

Không có tiếng đáp lại.

Jonas nuốt khan. Rồi nó bắt đầu rón rén bước xuống.

Khi đặt chân lên bậc thang thứ ba, Jonas cảm thấy như vừa giẫm phải thứ gì đó ướt ướt. Bậc thang thứ sáu cũng vậy. Và bậc thứ tám cũng thế nốt. Cứ như thể có người đã đi giày ướt trong nhà. Hoặc đi chân ướt.

Đèn trong phòng khách vẫn sáng, nhưng không thấy bóng dáng mẹ đâu cả. Jonas bước tới bên cửa sổ và ngó ra nhìn về phía nhà Bendiksen. Thành thạo mẹ sang bên đó thăm Ebba. Nhưng cửa sổ nhà họ đều tối om.

Jonas đi vào bếp và tới chỗ đặt điện thoại, dẹp hết những ý nghĩ miên man qua một bên, không để bóng tối xâm chiếm tâm trí. Nó quay số điện thoại đi

động của mẹ. Niềm vui sướng trào dâng khi giọng nói dịu dàng cất lên. Nhưng đó chỉ là một lời nhảm, bảo nó hãy để lại họ tên rồi chúc nó một ngày tốt lành.

Giờ đâu phải ban ngày, là đêm mà.

Thằng bé ra ngoài hiên, xỏ chân vào đôi giày to sụ của bố, mặc chiếc áo bu-dông bên ngoài bộ đồ ngủ rồi bước ra sân. Mẹ nói ngày mai tuyết sẽ tan, nhưng trời vẫn giá lạnh, cơn gió hiu hiu rủ rỉ, rì rầm qua tán sồi bên cổng chính. Từ đây sang nhà Bendiksen chỉ gần trăm mét, và may thay lại có hai ngọn đèn đường soi tỏ. Hẳn là mẹ đang ở bên ấy. Nó ngó trái rồi ngó phải để chắc chắn không có người nào ngăn cản mình. Đột nhiên nó trông thấy người tuyết. Người tuyết vẫn đứng nguyên chỗ cũ, bất động nhìn về phía ngôi nhà, tắm mình trong ánh trăng lạnh lẽo. Thế nhưng trông nó hình như khang khác, có nét rất giống người, nhìn quen lắm. Jonas hướng ánh mắt về phía nhà Bendiksen. Nó định chạy thật nhanh sang đó, rồi lại thôi. Thằng bé đứng đó, cảm nhận cơn gió nhẹ nhẹ thổi tới, lạnh căm như xuyên thấu châu thân. Nó từ từ quay lại nhìn người tuyết. Lúc này đây Jonas mới nhận ra điều gì đã khiến người tuyết trông quen thuộc đến thế. Nó đang quàng khăn. Một chiếc khăn màu hồng. Chiếc khăn Jonas tặng mẹ hồi Giáng sinh.

ngày thứ hai

MẤT TÍCH

Đến trưa, tuyết ở khu vực trung tâm thành phố Oslo đã tan hết. Nhưng tại Hoff, những mảng tuyết vẫn còn tụ lại ở công viên hai bên đường khi Harry Hole và Katrine Bratt lái xe qua. Trên radio, Michael Stipe đang hát về một dự cảm chẳng lành, về nguồn cơn của dự cảm ấy, linh tính báo rằng có chuyện không hay xảy ra và về cậu bé dưới giếng. Khi đến giữa khu dân cư yên tĩnh ở con phố thậm chí còn yên tĩnh hơn, Harry chỉ tay về phía chiếc Toyota Corolla màu bạc bóng loáng đang đỗ bên bờ rào.

“Xe của Skarre kia. Cô đỗ phía sau đi.”

Ngôi nhà khang trang được sơn màu vàng. Quá rộng rãi đối với một gia đình ba người, Harry thầm nghĩ, khi cả hai bước trên lối đi rải sỏi. Mọi thứ quanh đây đều ướt sũng và như đang buông tiếng thở dài. Vườn nhà có một người tuyết với dáng đứng hơi nghiêng và viễn cảnh tương lai không lấy gì làm sáng sủa.

Skarre ra mở cửa. Harry cúi xuống quan sát ổ khóa.

“Không có dấu hiệu đột nhập ở bất cứ đâu trong nhà,” Skarre nói.

Skarre dẫn họ vào phòng khách có cậu bé đang ngồi trên sàn xem hoạt hình trên ti vi, lưng quay về phía họ. Một người phụ nữ đứng dậy khỏi sofa, bắt tay Harry và giới thiệu mình là Ebba Bendiksen, hàng xóm.

“Birte chưa bao giờ hành động như thế này,” bà nói. “Ít ra là từ khi tôi quen cô ấy đến nay.”

“Đến nay nghĩa là bao lâu?” Harry hỏi, đưa mắt nhìn quanh. Phía trước ti vi đặt bộ sofa da đồ sộ và bàn uống nước hình bát giác làm bằng kính tối màu. Máy chiếc ghế ống thép bày quanh bàn ăn trông thật thanh thoát và tao nhã, đúng kiểu Rakel thích. Trên tường treo hai bức chân dung hai người đàn ông có phong thái chủ ngân hàng nhìn từ trên cao xuống với vẻ nghiêm trang đạo mạo. Bên cạnh là bức họa theo phong cách trừu tượng chủ nghĩa tân thời đã đánh mất dân tính hiện đại trong đó, nhờ thế lại trở nên siêu hợp thời.

“Mười năm,” Ebba Bendiksen nói. “Chúng tôi chuyển tới căn nhà bên kia đường đúng vào ngày Jonas chào đời.” Bà hất hàm về phía cậu bé vẫn đang ngồi im chăm chú xem những chú chim bay vụt đi và bày sỏi đồng cỏ nổ tung.

“Hắn bà là người đã báo cảnh sát đêm qua?”

“Vâng, đúng vậy.”

“Cậu bé gọi cửa nhà họ vào khoảng một giờ mười lăm phút,” Skarre nói, cúi nhìn cuốn sổ ghi chép. “Cảnh sát nhận được tin báo lúc một giờ ba mươi.”

“Vợ chồng tôi cùng Jonas quay về nhà họ, tìm kiếm một lượt trước,” Ebba Bendiksen phân trần.

“Ông bà tìm ở những đâu?” Harry hỏi.

“Tầng hầm. Các phòng ngủ. Gara. Chỗ nào cũng tìm. Một người tự dừng bốc hơi như thế thật quá kỳ lạ.”

“Bốc hơi?”

“Biến mất. Mất tăm mất tích. Viên cảnh sát nhận tin hỏi chúng tôi có thể trông Jonas được không, anh ta còn bảo chúng tôi gọi điện cho tất cả người quen của Birte và những ai cô ấy có thể đang ở cùng. Sau đó đợi thêm cho tới đầu giờ sáng để xem có phải Birte đi làm đêm không. Anh ta nói mười vụ thì có đến tám vụ người mất tích lại quay về sau vài giờ. Chúng tôi đã cố liên lạc với Filip...”

“Đó là chồng cô ta,” Skarre nói chen vào. “Anh ta có buổi lên lớp ở Bergen. Là giáo sư dạy môn gì đó.”

“Vật lý,” Ebba Bendiksen mỉm cười. “Tuy nhiên di động của anh ta lại tắt. Mà chúng tôi cũng không biết anh ta ở khách sạn nào.”

“Sáng nay đã có người gọi đến Bergen báo cho anh ta rồi,” Skarre nói. “Anh ta sẽ sớm về đây.”

“Vâng, tạ ơn Chúa,” Ebba nói. “Đến sáng, khi gọi điện tới chỗ làm của Birte và biết cô ấy không đến làm như thường lệ, chúng tôi đã báo lại với các anh.”

Skarre gật đầu xác nhận. Harry ra hiệu cho Skarre tiếp tục lấy lời khai của Ebba Bendiksen, còn mình lại chỗ chiếc ti vi và ngồi xuống sàn cạnh cậu bé. Phim đang chiếu cảnh một chú chó sói châm lửa dây dẫn ở đầu thanh thuốc nổ.

“Chào cháu, Jonas. Tên chú là Harry. Những chuyện như thế này thường sẽ đầu vào đây cả thôi, chú cảnh sát kia đã nói cho cháu biết điều ấy chưa? Người ta biến mất rồi lại tự tìm về ấy?”

Cậu bé lắc đầu.

“Nhưng đúng là thế đấy,” Harry nói. “Cháu thử đoán xem, lúc này mẹ có thể đang ở đâu?”

Nó nhún vai. “Cháu không biết.”

“Điều đó chú hiểu, Jonas ạ. Lúc này mọi người chẳng ai biết cả. Nhưng nếu mẹ cháu không ở nhà hoặc chỗ làm, cháu sẽ nghĩ đến nơi nào đầu tiên? Đừng bận tâm chuyện chắc chắn hay không.”

Thằng bé không đáp mà chỉ chăm chú xem con sói cuống cuống tìm cách ném thanh thuốc nổ đang dính chặt vào tay đi.

“Có căn nhà nghỉ hoặc nơi nào đó tương tự mà gia đình cháu thường đến không?”

Jonas lắc đầu.

“Nơi chốn đặc biệt mà mẹ cháu hay đến khi muốn ở riêng một mình chẳng hạn?”

“Mẹ không thích ở một mình,” Jonas nói. “Mẹ muốn ở bên cạnh cháu.”

“Chỉ với cháu thôi sao?”

Cậu bé quay lại nhìn Harry. Jonas có đôi mắt nâu, giống Oleg. Harry đọc được trong đó nỗi khiếp đảm đúng như anh dự liệu và cả sự giận dữ anh không hề ngờ tới.

“Tại sao họ lại bỏ đi?” Jonas hỏi. “Những người *trở về* ấy ạ?”

Cũng đôi mắt ấy, Harry thầm nghĩ. Cũng những câu hỏi ấy. Những câu hỏi hệ trọng.

“Lý do thì vô vàn cháu ạ,” Harry nói. “Có người bị lạc. Người ta có thể lạc lối theo nhiều cách khác nhau. Cũng có người chỉ muốn nghỉ ngơi trong chốc lát và tìm đến nơi nào đó để được yên tĩnh.”

Cửa chính đóng sầm lại, Harry thấy thằng bé giật bản mình.

Đúng lúc đó thanh thuốc nổ trong tay con sói nổ tung, và sau lưng hai chú cháu, cửa phòng khách bật mở.

“Xin chào,” một giọng nói cất lên. Vừa đánh sắc lại vừa điềm tĩnh. “Có tin gì mới chưa?”

Harry quay lại vừa đúng lúc một người đàn ông trạc năm mươi tuổi mặc vét đang sải bước về phía bàn phòng khách và cầm lấy chiếc điều khiển từ xa. Một tích tắc sau hình ảnh hoạt hình tắt phụt trong một tia sáng trắng và chiếc ti vi rít lên phản kháng.

“Bố đã dặn thế nào về chuyện xem ti vi vào ban ngày hả, Jonas?” ông ta nói bằng giọng chán nản, như thể muốn những người có mặt trong phòng hiểu rằng nuôi dạy con thời buổi này là một việc vô vọng.

Harry đứng dậy và giới thiệu tên mình, Magnus Skarre và Katrine Bratt, người trước đó vẫn chỉ đứng ngoài cửa quan sát.

“Filip Becker,” người đàn ông nói, đẩy gọng kính vốn đã nằm cao trên sống mũi. Harry cố khiến ông ta nhìn thẳng vào mình, cố thiết lập ấn tượng ban đầu tối quan trọng về người có khả năng trở thành nghi phạm, nếu sự việc diễn biến theo chiều hướng ấy. Nhưng đôi mắt ông ta đã bị hình ảnh phản chiếu trên cặp kính che mất.

“Tôi đã bỏ thời gian gọi điện cho tất cả những người có thể đã liên lạc với cô ấy, nhưng họ đều không biết gì cả,” Filip Becker nói. “Các anh có gì rồi?”

“Hiện giờ thì chưa,” Harry đáp. “Nhưng trước tiên ông có thể giúp đỡ chúng tôi bằng cách kiểm tra xem trong nhà có mất va li, ba lô hay quần áo nào không, rồi chúng tôi đưa ra giả thuyết.” Harry chăm chú nhìn Becker rồi mới nói tiếp. “Rằng việc vợ ông biến mất là hành động ngẫu hứng hay được lên kế hoạch từ trước.”

Becker đáp trả cái nhìn thăm dò của Harry rồi mới gật đầu và đi lên tầng trên.

Harry ngồi thụp xuống bên cạnh Jonas, thằng bé vẫn nhìn chăm chăm vào màn hình ti vi tối thui.

“Vậy ra cháu thích mấy chú gà lôi à?” Harry hỏi.

Nó chỉ lặng lẽ lắc đầu.

“Sao lại không?”

Lời thì thầm của Jonas gần như không rõ tiếng: “Cháu thấy sói Wile E. thật đáng thương.”

Năm phút sau Becker trở lại phòng khách và báo rằng trong nhà không mất gì, túi du lịch và quần áo vẫn còn nguyên, chỉ trừ bộ trang phục cô vợ mặc lúc ông ta rời nhà, với cái áo khoác, đôi boots và khăn quàng.

“Ừm.” Harry đưa tay gãi chiếc cằm chưa cạo râu và đưa mắt về phía Ebba Bendiksen. “Ông vào bếp cùng tôi một lát được chứ, ông Becker?”

Becker đi trước, và Harry ra hiệu cho Katrine đi cùng. Vừa đến nơi, ông giáo sư lập tức xúc cà phê vào phin và rót nước vào máy pha. Katrine đứng ở ngưỡng cửa, còn Harry bước tới bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Cái đầu của người tuyết đã lún xuống giữa hai vai.

“Tối qua ông rời nhà lúc mấy giờ, bắt chuyến bay nào để đến Bergen?” Harry hỏi.

“Lúc tôi đi là khoảng chín rưỡi,” Becker đáp không chút do dự. “Máy bay cất cánh lúc mười một giờ năm phút.”

“Sau khi rời khỏi nhà ông có liên lạc gì với bà Birte không?”

“Không.”

“Theo ông thì chuyện gì đã xảy ra?”

“Tôi không biết, thanh tra ạ. Tôi thực sự không biết.”

“Hừm.” Harry nhìn ra con phố bên ngoài. Từ lúc tới đây, anh không hề nghe thấy tiếng ô tô chạy qua. Khu này quả là yên tĩnh. Chỉ riêng sự bình yên và tĩnh mịch ở khu vực này của thành phố chắc cũng đáng giá nửa triệu rồi. “Cuộc sống của vợ chồng ông thế nào?”

Harry nghe thấy Filip Becker bỗng dừng mọi việc đang làm lại nên anh vội nói thêm: “Tôi hỏi vậy là vì đôi lúc cũng có trường hợp người vợ hoặc chồng đột nhiên bỏ nhà ra đi.”

Filip Becker đăng hăng. “Xin khẳng định với anh rằng cuộc sống của vợ chồng tôi hoàn toàn tốt đẹp.”

“Ông đã nghĩ đến khả năng bà ngoại tình sau lưng ông chưa?”

“Điều đó tuyệt đối không thể.”

“Tuyệt đối không thể là cụm từ khá mạnh đây, thưa ông Becker. Chuyện ngoại tình đây ra đó.”

Filip Becker nở nụ cười yếu ớt. “Tôi không phải kẻ ngây thơ, thanh tra ạ. Birte là một phụ nữ hấp dẫn, lại trẻ hơn nhiều so với tôi. Cô ấy xuất thân trong một gia đình có tư tưởng tương đối thoáng, phải thú thật là như thế. Nhưng vợ tôi không phải loại người đó. Và nhìn chung tôi nắm khá rõ những việc cô ấy làm, có thể nói vậy.”

Chiếc máy pha cà phê rung ầm ầm như báo điểm giờ khi Harry định lên tiếng tranh luận tiếp. Nhưng rồi anh lại đổi ý.

“Ông có nhận thấy tâm trạng bà nhà thay đổi thất thường không?”

“Birte không bị trầm cảm, thanh tra ạ. Cô ấy không đời nào một mình vào rừng rồi treo cổ hoặc nhảy xuống hồ tự tử. Cô ấy đang ở đâu đó và còn sống khỏe mạnh. Tôi có đọc được rằng rất nhiều người tự dưng biến mất rồi sau đó lại xuất hiện với những lý do hết sức tự nhiên và thường tình. Không phải vậy ư?”

Harry chậm rãi gật đầu. “Ông không phiền nếu tôi kiểm tra quanh nhà một lượt chứ?”

“Để làm gì?”

Câu hỏi cộc cằn của Filip Becker khiến Harry cho rằng người đàn ông này là kẻ thích kiểm soát. Luôn muốn người khác làm gì cũng phải báo cáo. Việc cô vợ bỗng dưng biến mất không một lời nhắn nhủ hoàn toàn mâu thuẫn với điều đó. Khả năng này Harry cũng đã loại trừ từ sớm. Những bà mẹ khỏe mạnh, thích ổn định không thể bỏ mặc đứa con lên mười mà đi giữa đêm. Và còn tí tí yếu tố khác nữa. Thường thì khi có người mất tích, trong giai đoạn đầu cảnh sát chỉ sử dụng nguồn lực tối thiểu để điều tra, trừ phi vụ việc có dấu hiệu tội phạm hoặc trọng án. Chính những *yếu tố khác* đã khiến Harry lặn lội tìm đến tận vùng Hoff này.

“Đôi khi ta chẳng thể biết được mình đang đi tìm thứ gì cho tới khi tìm thấy nó,” Harry đáp. “Đó là một phương pháp điều tra.”

Giờ thì anh đã thấy được đôi mắt của Becker đằng sau cặp kính. Khác với cậu con trai, đôi mắt của ông bố có màu xanh lơ, ánh lên tia sáng sắc sảo và tinh anh.

“VẬY thì xin mời,” Becker đáp. “Anh cứ việc kiểm tra.”

Căn phòng ngủ lạnh lẽo, không mùi, gọn gàng và ngăn nắp. Phủ trên chiếc giường đôi là tấm chăn sợi móc. Trên một kệ đầu giường có đặt bức ảnh một bà lão. Những nét tương đồng trong diện mạo khiến Harry đoán rằng giường bên đó là của Filip Becker. Chiếc kệ thứ hai bày ảnh của Jonas. Có hương nước hoa thoang thoảng trong tủ quần áo phụ nữ. Harry kiểm tra thấy rằng mắc treo trong đó cách đều nhau, thường là khi chủ nhân không đụng đến chúng một thời gian. Váy đen xẻ tà, áo len lửng với hoa văn hồng và nhũ. Dưới đáy tủ có mấy ngăn kéo. Harry kéo ngăn trên cùng ra. Nội y. Đen và đỏ. Ngăn tiếp theo. Quần tất và dây nịt tất. Ngăn thứ ba. Đồ trang sức đặt trong những hốc tròn lót vải nỉ đỏ tươi. Anh nhìn thấy một chiếc nhẫn màu mè to bản đính đá sáng lấp lánh. Tất cả trang sức đều mang chút hơi hướm của Vegas. Không một hốc nào để trống.

Trong phòng ngủ có một cánh cửa thông với nhà tắm mới được tân trang với buồng tắm hơi và hai bồn rửa bằng thép.

Bước sang phòng của Jonas, Harry ngồi xuống cái ghế nhỏ kê bên chiếc bàn cũng nhỏ. Trên bàn có một cái máy tính với nhiều chức năng tính toán phức tạp. Trông máy còn mới và có vẻ ít dùng. Treo phía trên bàn là tấm áp phích với bảy chú cá heo đang bơi tung tăng trong sóng và tờ lịch mười hai tháng. Vài ngày trong đó được khoanh tròn kèm theo những lời nhắc viết bé xiu. Harry đọc được ngày sinh nhật mẹ và ông, đi nghỉ ở Đan Mạch, hẹn nha sĩ lúc mười giờ và hai ngày trong tháng Bảy với chữ *Bác sĩ* bên trên. Nhưng Harry không thấy tên những trận bóng đá, những buổi xem phim hoặc tiệc sinh nhật. Anh chợt thấy trên giường có một chiếc khăn quàng màu hồng. Màu mà những cậu bé ở tuổi Jonas thà chết còn hơn phải dùng. Harry cầm chiếc khăn lên. Khăn vẫn ấm, trên đó còn vương rất rõ mùi hương cơ thể, mùi tóc và cả hương nước hoa phụ nữ. Chính là mùi nước hoa trong tủ quần áo.

Anh trở lại nhà dưới. Dừng bước bên ngoài phòng bếp và lắng nghe Skarre tiếp tục thẩm vấn theo quy trình điều tra vụ mấy người mất tích. Có tiếng lanh canh của cốc cà phê va chạm. Bộ sofa trong phòng khách trông như càng vĩ đại hơn, có lẽ là do dáng người nhỏ bé đang ngồi đó đọc sách. Harry bước lại gần

hơn và trông thấy bức ảnh chụp Charlie Chaplin trong bộ lễ phục chính tề. Anh ngồi xuống bên cạnh Jonas.

“Cháu có biết Chaplin được phong tước hiệp sĩ không?” Harry hỏi. “Gọi là Sir Charlie Chaplin đấy.”

Jonas gật đầu. “Nhưng họ lại đuổi cổ ông ấy khỏi nước Mỹ.”

Jonas lật qua những trang sách.

“Đợt hè vừa rồi cháu bị bệnh à, Jonas?”

“Không ạ.”

“Nhưng cháu có đi khám bác sĩ mà. Những hai lần liền.”

“Mẹ cháu muốn đưa cháu đi khám. Mẹ...” Thằng bé bỗng dừng im bật.

“Rồi mẹ sẽ sớm về thôi, cháu cứ chờ xem,” Harry nói, đặt tay lên đôi vai gầy guộc của Jonas. “Mẹ không mang theo khăn phải không? Chiếc khăn hồng trên giường của cháu ấy.”

“Có người đã quàng cái khăn đó cho người tuyết,” Jonas đáp. “Cháu đã mang nó vào.”

“Chắc mẹ cháu không muốn người tuyết bị lạnh cóng đây mà.”

“Mẹ sẽ chẳng bao giờ tặng chiếc khăn yêu thích của mình cho người tuyết đâu.”

“Thế thì hẳn là bố cháu rồi.”

“Không, là người khác quàng lên sau khi bố cháu đi. Tối hôm qua. Chính người đó đã bắt mẹ.”

Harry chậm rãi gật đầu. “Người tuyết là do ai đắp vậy Jonas?”

“Cháu không biết.”

Harry đưa mắt nhìn ra vườn qua cửa sổ. Đây là lý do anh tới đây. Một cơn gió lạnh thấu như thối quanh bức tường và căn phòng.

Harry và Katrine lái xe dọc theo phố Sørkedalsveien hướng về khu Majorstuen.

“Cô nhận thấy điều gì trước nhất khi bước vào ngôi nhà đó?” Harry hỏi.

“Đôi vợ chồng này không hẳn tâm đầu ý hợp,” Katrine đáp, không dừng lại mà cho xe chạy thẳng qua trạm thu phí. “Có thể cuộc sống của họ không hạnh

phúc, và nếu tôi đoán đúng, cô vợ là người khổ hơn cả.”

“Ừm. Sao cô nghĩ thế?”

“Rõ quá còn gì.” Katrine mỉm cười, đưa mắt nhìn vào gương. “Khiếu thẩm mỹ xung khắc chứ sao.”

“Giải thích đi.”

“Anh không thấy bộ sofa và cái bàn uống nước trông phát gớm đó à? Phong cách điển hình của thập niên 80, do đàn ông khuôn về từ thập niên 90. Cô vợ thì lại chọn chiếc bàn ăn gỗ sồi màu trắng phủ sơn dầu với bốn chân bằng nhôm. Lại còn Vitra nữa chứ.”

“Vitra là sao?”

“Ghế phòng ăn ấy. Hàng Thụy Sĩ. Xịn lắm. Đắt đến nỗi nếu chọn một bộ khác có giá phải chăng hơn một chút, số tiền chênh lệch thừa sức cho cô ấy thay máu toàn bộ đồ nội thất chứ đừng phải dạng vừa đâu.”

Harry thấy hình như *đếch* không phải là từ bậy thường dùng của Katrine Bratt; sự đối lập thú vị trong cách dùng từ cho thấy con người cô là sự kết hợp của hai giai tầng khác nhau.

“Nghĩa là?”

“Nhà to, lại nằm ở khúc đó Oslo, chứng tỏ tiền không phải là vấn đề. Cô vợ *không được phép* thay thế bộ sofa và bàn uống nước của chồng. Một gã đàn ông không có khiếu thẩm mỹ, cũng chẳng quan tâm đến bài trí nội thất, lại còn bảo thủ như vậy, thế là đủ biết ai trên cơ ai rồi còn gì.”

Harry gật đầu, chủ yếu là để cộng điểm cho chính mình. Ấn tượng ban đầu của anh về cô quả không sai. Katrine Bratt rất khá.

“Giờ nói tôi nghe *anh* nghĩ gì,” cô nói. “Tôi mới là người đang cần học hỏi.”

Harry hướng ánh mắt ra ngoài cửa sổ xe, ngắm nhìn quán cà phê Lepsvik cổ xưa, truyền thống, dù chẳng bao giờ được xếp vào hàng đáng trọng.

“Tôi không cho rằng Birte Becker tự nguyện đi khỏi nhà,” anh nói.

“Sao lại không? Trong nhà không hề có dấu hiệu bạo lực mà.”

“Vì mọi chuyện đã được sắp đặt kỹ càng.”

“Vậy thủ phạm là ai? Chồng cô ta à? Luôn là mấy ông chồng phải không?”

“Phải,” Harry đáp, biết rằng tâm trí đang trôi dạt đến tận phương nào. “Luôn là mấy ông chồng.”

“Chỉ có điều, người này đã đến Bergen vào tối qua.”

“Có vẻ thế.”

“Bay chuyển cuối, nên ông ta không thể quay về nhà mình rồi sau đó vẫn đến kịp tiết dạy đầu tiên.” Katrine cho xe tăng tốc và phóng vù qua giao lộ Majorstuen khi đèn đã chuyển vàng. “Nếu Filip Becker có tội thật thì ông ta đã sa vào cái bẫy anh giăng ra rồi.”

“Bẫy ư?”

“Ừ. Cái câu anh hỏi tâm trạng cô vợ có thất thường không ấy. Như vậy anh đã ngầm nói với Becker anh đang nghi ngờ cô ta tự sát.”

“Thế thì sao?”

Cô bật cười. “Thôi đi, Harry. Ai chẳng biết, và chính Becker cũng biết, cảnh sát chả bao giờ lãng phí nhân lực đi điều tra một vụ có khả năng là tự sát. Nói tóm lại, anh đã dâng cho ông ta cơ hội hòa theo một giả thuyết có thể tháo gỡ gần như toàn bộ vấn đề của ông ta, nếu ông ta thực sự là thủ phạm. Tuy nhiên, ông ta lại đáp rằng vợ mình lúc nào cũng vui như tết.”

“Ừm. Vậy cô cho rằng câu hỏi đó là để thử ông ta?”

“Anh lúc nào chẳng thích thử người khác. Harry. Đến tôi anh cũng có tha đâu.”

Harry không đáp cho tới khi cả hai đã đi được một đoạn khá xa trên phố Bogstadveien.

“Thường thì những người xung quanh thông minh hơn cô tưởng đấy,” anh nói rồi lại tiếp tục im lặng, chỉ đến lúc xe quành vào bãi đỗ của Sở Cảnh sát anh mới lên tiếng.

“Từ giờ đến hết ngày tôi cần làm việc độc lập.”

Harry nói vậy là vì nãy giờ anh cứ nghĩ mãi đến chiếc khăn màu hồng và đã đi đến một kết luận. Anh đang khẩn thiết muốn đọc báo cáo của Skarre về những vụ mất tích, cần xác thực gấp mỗi nghi hoặc cứ bám riết lấy anh. Và nếu sự việc diễn ra đúng như anh lo sợ, anh sẽ phải tới trình diện sếp Đội Hình sự Gunnar Hagen cùng với lá thư. Lá thư chết tiệt đó.

ngày 4 tháng mười một năm 1992

CỘT TOTEM

William Jefferson Blythe III cất tiếng khóc chào đời vào ngày 19 tháng Tám năm 1946 tại thị trấn Hope nhỏ bé thuộc tiểu bang Arkansas, đúng ba tháng sau vụ tai nạn giao thông cướp đi sinh mạng người cha của cậu. Bốn năm sau mẹ cậu tái hôn, William chuyển sang mang họ của cha dượng. Vào một buổi tối tháng Mười một năm 1992, bốn mươi sáu năm sau ngày cậu bé ấy hạ sinh, những bông pháo hoa giấy trắng tựa tuyết thi nhau rơi trên khắp các ngả đường ở Hope để mừng cho những hy vọng của người dân nơi đây, mừng cho người con của thị trấn, William - gọi tắt là Bill - Clinton, đã trở thành tổng thống thứ bốn mươi hai của Mỹ. Thế nhưng ở Bergen, những bông tuyết rơi trong đêm hôm ấy lại chẳng thể chạm tới mặt đất mà tan ra trong không trung như thường lệ, hóa thành cơn mưa bao trùm khắp thành phố, kiểu thời tiết đã kéo dài suốt từ giữa tháng Chín. Nào ngờ hôm sau khi bình minh thức giấc, một lớp bột trắng tinh như đường đã được bàn tay ai đó rắc lên bảy ngọn núi trấn giữ quanh thành phố xinh đẹp này. Và thanh tra Gert Rafto đã kịp có mặt tại đỉnh núi cao nhất, Ulriken. Ông hít thở bầu không khí trên núi và rừng mình, so vai, rứt cái đầu to lớn với khuôn mặt đầy nếp nhăn đến nỗi trông như thể bị rạch nhiều nhất.

Sau khi đưa ông cùng ba sĩ quan của Đơn vị Điều tra Hiện trường thuộc Sở Cảnh sát Bergen lên đến độ cao 642 mét phía trên thành phố, chiếc cabin cáp treo sơn vàng giờ đang nhẹ nhàng đưa trên những sợi cáp bằng thép bền chắc, kiên nhẫn chờ đợi. Tuyến cáp treo tạm dừng hoạt động ngay khi những du khách đầu tiên trình báo sự việc sau chuyến tham quan ngọn núi nổi tiếng vào sáng hôm đó.

“Bốn phương là nhà,” một sĩ quan hiện trường buột miệng nói.

Khẩu hiệu quảng bá du lịch địa phương đã trở thành câu giễu nhại đối với người dân vùng Bergen ở Na Uy đến nỗi gần như chẳng ai nhắc đến nữa. Thế nhưng trong những tình huống nổi sợ lên ngôi, câu nói thâm thúy nhất lại có đất dụng võ.

“Ừ, bốn phương là nhà,” Rafto lặp lại đầy mỉa mai, cặp mắt sáng long lanh sau những nếp nhăn trên làn da chảy nhão.

Thi thể nằm dưới tuyết bị chặt thành nhiều khúc, nếu không dựa vào một bầu ngực trần thì cảnh sát khó mà xác định được giới tính của nạn nhân. Phần thân xác còn lại khiến Rafto nhớ đến vụ tai nạn xảy ra ở Eidsvågneset vào năm ngoái, một chiếc xe tải vòng cua quá nhanh khiến những tấm nhôm chở trên xe văng tứ phía, băm nát chiếc ô tô ngược chiều đang trở tới.

“Hung thủ đã giết rồi chặt xác nạn nhân ngay tại đây,” một viên cảnh sát nói.

Thông tin này có vẻ thừa thãi đối với Rafto bởi lớp tuyết xung quanh cái xác vấy đầy máu với những vết máu lớn chảy về một bên cho thấy ít nhất một động mạch bị cắt đứt trong khi tim vẫn còn đập. Ông nhủ thầm phải nhớ tìm hiểu xem đêm qua tuyết ngừng rơi lúc mấy giờ. Lướt cáp treo cuối cùng xuất phát lúc năm giờ chiều. Dĩ nhiên, hung thủ và nạn nhân có thể chọn con đường mòn quanh co bên dưới tuyến cáp treo. Hoặc họ có thể bắt tàu hỏa leo núi Fløyen để lên đỉnh núi kế bên rồi đi bộ sang đây. Nhưng như vậy thì quá mất công, trực giác mách bảo Rafto chọn cáp treo.

Có hai loại dấu chân in trên tuyết. Dấu chân nhỏ hơn chắc chắn là của người phụ nữ, dù quanh đó không thấy đôi giày của cô ta. Dấu chân thứ hai là của hung thủ. Chúng hướng về phía con đường mòn.

“Dấu ủng to đấy,” một kỹ thuật viên trẻ măng có đôi má hồng lên tiếng, cậu ta là dân vùng biển, quê ở đảo Sotra. “Ít nhất cũng phải size 48. Tên này khá đô con đây.”

“Chưa chắc,” Rafto nói, khụt khịt mũi đánh hơi. “Dấu chân không đều trong khi mặt đất quanh đây lại bằng phẳng. Điều đó chứng tỏ tên này đi ủng rộng hơn so với cỡ chân. Chắc hẳn định đánh lừa chúng ta.”

Rafto cảm thấy mọi ánh mắt đổ dồn về phía mình. Ông biết lúc này bọn họ đang nghĩ gì. Rằng ông lại thể hiện rồi đây, ngôi sao hết thời mà còn cố tỏa sáng, nhân vật từng được giới truyền thông hết mực sùng bái: khuôn mặt to lớn, lạnh như tiền, nhiệt huyết sục sôi. Tóm lại là hình mẫu lý tưởng để giết tít. Nhưng rồi cũng đến lúc tên tuổi của ông khiến những người xung quanh ngộp thở, cả báo giới lẫn các đồng nghiệp. Thiên hạ bắt đầu bóng gió rằng Gert Rafto là kẻ duy ngã độc tôn, vì cái tôi quá lớn mà ông ta làm méch lòng kha

khá người sống và bước qua xác vô số người chết. Song ông tuyệt nhiên không bận tâm. Bọn họ chẳng có gì để buộc tội ông cả. Ít ra là không nhiều. Đây là vật trang trí lạ mắt rẻ tiền bỗng biến mất khỏi hiện trường vụ án. Hay món trang sức hoặc chiếc đồng hồ vốn thuộc về người quá cố, những thứ ta thường cho rằng chẳng ai để ý. Nhưng đến một ngày, một đồng nghiệp của Rafto trong lúc tìm bút đã vô tình mở ngăn kéo bàn làm việc của ông. Chỉ ít theo lời anh ta thì là thế. Trong đó có ba chiếc nhẫn. Rafto bị triệu đến phòng sếp để giải trình, rồi được dặn phải giữ mồm giữ miệng và đừng tắt mắt nữa. Tất cả chỉ có thế. Nhưng tin đồn đã kịp lan đi. Ngay cả giới truyền thông cũng biết. Bởi vậy, chẳng có gì lạ khi những cáo buộc cảnh sát hành hung tới tấp đổ về Sở, các bằng chứng xác thực thu được không lâu sau đó đều chỉ đích danh một người. Chính là nhân vật lý tưởng để giết tít.

Gert Rafto có tội, việc đó thì chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng có một điều mà ai cũng biết, ấy là vị thanh tra kia chỉ là kẻ giờ đầu chịu báng cho thứ văn hóa đã ăn sâu bám rễ trong Sở Cảnh sát Bergen bao năm qua. Tất cả chỉ vì ông đã ký tên trong các báo cáo liên quan đến những vụ tù nhân - chủ yếu là những kẻ ấu dâm và buôn bán ma túy - bị ngã khi đang đi trên cầu thang sắt cũ kỹ để về buồng giam, khiến người ngợm bầm tím chỗ này chỗ nọ.

Báo giới rất tàn nhẫn. Biệt danh họ đặt cho ông, *Sắt* thay vì *Gert*, tuy không độc đáo cho lắm nhưng dù sao cũng hợp. Một tay ký giả đã phỏng vấn vài kẻ thù truyền kiếp của ông ở cả hai phe chính tà, dĩ nhiên bọn chúng chẳng tội gì không chộp lấy cơ hội ăn miếng trả miếng. Đến khi con gái của Rafto đi học về trong tiếng nức nở vì bị bạn bè chế nhạo, vợ ông nói rằng bà chịu đựng hết nổi rồi, bà không thể trơ mắt ngồi đó nhìn ông kéo cả nhà xuống vũng bùn như thế được. Và cũng như bao lần trước, ông không giữ nổi bình tĩnh. Sau đó bà dắt theo cô con gái, lần này một đi không trở lại.

Khoảng thời gian ấy thật khó khăn, nhưng ông không bao giờ đánh mất chính mình. Ông là Rafto Sắt. Khi hết thời hạn đình chỉ, với quyết tâm được ăn cả ngã về không, ông làm việc quần quật hòng giành lại những gì đã mất. Nhưng chẳng ai muốn rộng lòng tha thứ, những vết thương đã ăn quá sâu, và ông cũng nhận thấy trong nội bộ có sự chống đối không cho ông trỗi lên. Dĩ nhiên chúng không muốn ông tìm lại ánh hào quang ngày nào và khiến cả cảnh sát lẫn giới truyền thông nhớ đến những gì chúng đã cố công chôn vùi. Những

tấm ảnh chụp bao thân xác tả tơi với chiếc còng trên tay. Nhưng ông sẽ cho chúng thấy. Cho chúng thấy Gert Rafto không phải là người dễ dàng bị chôn vùi khi thời ông chưa tới. Thành phố này thuộc về ông, không phải của mấy tay công tác xã hội, hoặc đám bắt tài vô dụng, những tên miệng lưỡi lươn lẹo ngồi văn phòng chỉ giỏi ton hót, bợ đỡ lũ chính khách địa phương và đám nhà báo cánh tả.

“Chụp lấy vài tấm rồi xác định danh tính nạn nhân cho tôi,” Rafto nói với kỹ thuật viên đang cầm máy ảnh.

“Ai mà nhận diện được thứ này chứ?” Cậu ta chỉ.

Rafto bỏ ngoài tai giọng điệu khó nghe. “Người nào đó đã hoặc sẽ báo tin tìm người phụ nữ mất tích này. Bảo làm thì cứ làm đi, cậu nhóc.”

Rafto trèo lên đỉnh núi và ngoái lại quan sát vùng cao nguyên mà dân Bergen gọi là *vidden*. Ông nhìn khắp miền quê, ánh mắt dừng lại ở một ngọn đồi và hình bóng có vẻ như của một người đang đứng trên đỉnh. Nếu đúng thế thật thì người đó không hề nhúc nhích. Hay đấy là một ụ đá nhĩ? Rafto căng mắt ra nhìn. Ông từng cùng vợ và con gái đi dạo ở đây hàng trăm lần rồi, nhưng ông không nhớ có bao giờ trông thấy ụ đá nào không. Ông lại đi xuống chỗ cabin cáp treo, trao đổi đôi câu với nhân viên điều hành và hỏi mượn anh ta chiếc ống nhòm. Mười lăm giây sau, Rafto xác nhận vật đó không phải ụ đá mà chỉ là ba quả cầu tuyết lớn được xếp chồng lên nhau mà thôi.

Rafto chẳng ưa gì khu vực triền núi ở Bergen, nơi được gọi là Fjellsiden với phong cảnh đẹp như tranh, những căn nhà gỗ ngả nghiêng không được trang bị hệ thống bảo ôn với cầu thang và tầng hầm bên dưới, tọa lạc trong những ngõ hẹp ánh mặt trời chẳng bao giờ rọi tới. Các cậu ấm cô chiêu thường mạnh tay chi đến hàng triệu để được sở hữu một căn nhà gốc ở Bergen, rồi sau đó tân trang cho tới miếng ván nhà cũ cũng không còn. Ở đây giờ đã vắng tiếng chân trẻ con chạy trên lối đi lát gạch; chi phí đắt đỏ từ lâu đã gạt những gia đình trẻ ở Bergen ra các vùng ngoại ô bên kia núi. Nơi này giờ vắng vẻ và cô liêu chẳng khác nào dãy phố với những cửa hiệu ế ẩm. Vậy nhưng Rafto vẫn có cảm giác như bị theo dõi khi đứng trên bậc tam cấp bằng đá và nhấn chuông.

Lát sau cửa mở và một khuôn mặt phụ nữ có nước da nhợt nhạt phảng phất lo lắng ngó ra nhìn ông với vẻ sững sờ.

“Onny Hetland phải không?” Rafto hỏi, giơ thẻ cảnh sát lên. “Việc này liên quan đến Laila Aasen bạn cô.”

Căn hộ nhỏ, bài trí rối rắm: phòng tắm ở sau nhà bếp, giữa phòng ngủ và phòng khách. Trong phòng khách với giấy dán tường đỏ tía in hoa văn, Onny Hetland chỉ nhét được một chiếc sofa và một ghế bành màu xanh lục pha cam. Khoảng trống hiếm hoi còn lại trên sàn cũng bị một chồng tuần san cùng hàng đồng sách và đĩa CD chiếm mất. Rafto bước qua cái đĩa đựng nước lật úp và con mèo để tới chỗ chiếc sofa. Onny Hetland ngồi trên ghế bành nghịch nghịch chiếc vòng cổ đang đeo. Trên mặt đá xanh có một vết nứt màu đen. Không hiểu là hàng lỗi hay đá tự nhiên vốn thế.

Sáng nay Onny Hetland mới hay bạn mình đã chết, người báo tin cho cô là Bastian, chồng của Laila. Dẫu vậy, trên gương mặt cô vẫn toát lên những biểu cảm biến đổi rõ rệt khi Rafto kể lại chi tiết vụ án không chút kiêng dè.

“Khiếp quá,” Onny Hetland khẽ nói. “Bastian không hề nhắc đến những điều này.”

“Vì chúng tôi không công khai các tình tiết đó,” Rafto đáp.

“Tôi nghe Bastian nói cô là bạn thân nhất của Laila.”

Onny gật đầu.

“Cô có biết Laila leo lên đỉnh Ulriken để làm gì không? Chồng cô ấy cũng không biết. Hôm qua, Bastian và các con đến thăm mẹ anh ta ở Floro.”

Onny lắc đầu. Cái lắc đầu rất dứt khoát. Đúng ra không thể khiến ai nghi ngờ. Nhưng điểm mấu chốt không nằm ở cử chỉ này, mà ở sự do dự chỉ một phần trăm giây trước đó. Và Gert Rafto cũng chỉ cần đúng một phần trăm giây ấy mà thôi.

“Đây là một vụ giết người, cô Hetland ạ. Tôi hy vọng cô nhận thức rõ mức độ nghiêm trọng của sự việc và những nguy cơ có thể xảy đến với cô khi không khai báo đầy đủ những gì cô biết.”

Cô ném về phía vị cảnh sát có khuôn mặt chó bull cái nhìn bối rối. Rafto đã đánh hơi thấy con mèo.

“Nếu cô cho rằng làm vậy là đang nghĩ cho gia đình người quá cố thì cô nhầm rồi. Sớm muộn gì mọi chuyện cũng lộ ra thôi.”

Cô nuốt khan. Trông cô như đang sợ hãi, sợ ngay từ khi ra mở cửa. Vậy là ông tung ra cú hích cuối cùng, lời dọa dẫm tuy nhỏ nhặt mà vẫn hiệu quả không ngờ cả với kẻ có tội lẫn người vô tội.

“Nếu bây giờ cô không nói thì mời cô về đồn để chúng tôi thẩm vấn.”

Nước mắt cô ứa ra, giọng nói gần như không thành tiếng cất lên từ đâu đó sâu trong cổ họng. “Cô ấy tới đó gặp một người.”

“Ai?”

Onny Hetland run rẩy hít một hơi. “Laila chỉ cho tôi biết tên thánh và nghề nghiệp của người đó thôi. Và rằng đó là bí mật của cô ấy, không được để ai biết. Nhất là Bastian.”

Rafto cúi nhìn cuốn sổ tay để giấu đi niềm phấn khích. “Và cái tên cùng nghề nghiệp đó là gì vậy?”

Ông ghi lại lời của Onny. Chăm chú nhìn tập giấy. Cái tên khá phổ biến. Nghề nghiệp cũng thế. Nhưng Bergen là thành phố tương đối nhỏ nên ông nghĩ thông tin đó chắc cũng đủ rồi. Rafto tin tưởng, bằng tất cả những gì ông có, rằng mình đang đi đúng hướng. Và *tất cả những gì ông có* nghĩa là ba mươi năm trong nghề và những hiểu biết về bản tính con người dựa trên sự thù ghét loài người nói chung.

“Hãy hứa với tôi điều này,” Rafto nói. “Đừng kể cho bất cứ ai những gì cô vừa nói với tôi. Dù là người nhà, phóng viên, hoặc nhân viên cảnh sát nào cô tiếp xúc. Cô hiểu chứ?”

“Ngay cả với... cảnh sát cũng không nói ư?”

“Tuyệt đối không được. Tôi là người chỉ đạo cuộc điều tra, và tôi có toàn quyền xử lý đối với thông tin này. Trừ phi tôi có yêu cầu khác, cô cứ coi như không biết gì.”

Cuối cùng cũng xong, Rafto thầm nghĩ trong lúc đứng trên bậc tam cấp bên ngoài. Ánh sáng chợt lóe lên trên ô kính khi cánh cửa sổ phía đằng xa trong ngõ mở ra, và một lần nữa ông có cảm giác như đang bị theo dõi. Nhưng có hề gì. Bảo thù là đặc quyền của ông. Của riêng ông mà thôi. Gert Rafto cài cúc áo khoác, hầu như không biết đến cơn mưa rào rào trút xuống, ông sai bước trên những con phố trơn ướt để tới trung tâm thành phố Bergen trong niềm hân hoan với chiến thắng thầm lặng của mình.

Lúc này là năm giờ chiều, mưa rải khắp Bergen như thể ống nước nhà trời đang hỏng. Trên chiếc bàn trước mặt Gert Rafto là một danh sách tên ông yêu cầu cơ quan quản lý nghề nghiệp cung cấp. Ông bắt đầu tìm những đối tượng trùng tên trước. Đến giờ chỉ ra có ba người. Từ lúc nói chuyện với Onny Hetland đến giờ mới được hai tiếng, thế nhưng Rafto đã nghĩ không lâu nữa ông sẽ tìm ra danh tính kẻ giết Laila Aasen. Vụ án được phá trong vòng chưa đầy mười hai tiếng. Không ai có thể cướp đi điều đó của ông, vinh quang chỉ thuộc về mình ông. Vì ông sẽ đích thân quảng tin cho báo chí. Những cơ quan truyền thông lớn đã kéo đến vùng núi và đang bu quanh trụ sở cảnh sát. Cảnh sát trưởng yêu cầu không được để lộ bất cứ thông tin gì về nạn nhân, thế nhưng đám kèn kèn đó đã kịp đánh hơi thấy một vụ dẫm máu rồi.

“Chắc chắn có người tuồn tin ra,” vị cảnh sát trưởng nói thế, dán mắt vào Rafto. Rafto không đáp, cũng không để nụ cười toe toét đang cố kìm giữ được dịp phô ra. Mấy kẻ đó hiện đang chầu chực ngoài kia, chuẩn bị báo cáo. Chẳng bao lâu nữa, Gert Rafto sẽ lại làm vua của Sở Cảnh sát Bergen như ngày nào.

Ông vặn nhỏ chiếc radio có Whitney Houston lái nhải suốt mấy tháng mùa thu rằng sẽ yêu bạn trọn đời, nhưng ông chưa kịp nhắc điện thoại lên thì chuông reo.

“Rafto đây,” ông bức bối nói, sốt ruột muốn giải quyết cho xong.

“Tôi mới là người ông cần tìm.”

Chính chất giọng là điều khiến vị thanh tra thất thế lập tức hiểu rằng đây không phải chuyện đùa hay trò chơi khăm của kẻ nào đó. Giọng nói vang lên thản nhiên và điềm tĩnh, ăn nói như chuyện làm ăn, không giống hạng khùng điên hoặc say xỉn bình thường. Nhưng trong đó còn ẩn chứa một đặc điểm nữa mà ông chưa thể nhận ra ngay.

Rafto ho lớn hai tiếng. Ông cố tình kéo dài thời gian như muốn chứng tỏ mình không hề bị bất ngờ. “Ai đang nói vậy?”

“Ông biết mà.”

Rafto nhắm mắt lại, thầm văng tục trong đầu. Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp, thằng giết người đang tính tự nộp mạng. Như vậy làm sao đủ sức gây ảnh hưởng bằng việc đích thân ông, Rafto, bắt được hung thủ.

“Sao biết là tôi đang tìm?” vị cảnh sát hỏi qua hàm răng nghiến chặt.

“Đơn giản là biết thôi,” giọng nói đáp. “Và nếu chúng ta làm theo cách của tôi, ông sẽ có được những gì ông muốn.”

“Thế tôi muốn gì nào?”

“Muốn tóm cổ tôi. Và ông sẽ làm được. Một mình. Ông có nghe không đấy, Rafto?”

Vị cảnh sát gật đầu trước khi lên dây cót tinh thần và đáp có.

“Gặp tôi ở cột totem trong công viên Nordnes,” giọng nói vang lên. “Đúng mười phút nữa.”

Rafto cố nghĩ. Công viên Nordnes nằm bên cạnh Thủy Cung; ông có thể tới đó trong vòng chưa đầy mười phút. Nhưng trong vô vàn địa điểm, sao lại chọn công viên ở tận cùng mũi đất?

“Bằng cách đó tôi sẽ biết ông có đi một mình hay không,” người đó nói như để trả lời câu hỏi ông đặt ra trong đầu. “Nếu thấy tên cảnh sát nào đi cùng hoặc ông tới muộn, tôi sẽ biến mất. Vĩnh viễn.”

Đầu Rafto căng ra suy nghĩ, tính toán và đưa ra kết luận. Ông sẽ không kịp huy động một đội truy bắt. Trong báo cáo giấy, ông sẽ cần giải trình lý do tại sao ông buộc phải một mình tiến hành bắt giữ. Thật hoàn hảo.

“Được rồi,” Rafto nói. “Tiếp theo là gì đây?”

“Tôi kể tất cả mọi chuyện cho ông và đưa ra những điều kiện đầu hàng.”

“Điều kiện thế nào?”

“Tôi không muốn bị còng ở phiên tòa. Báo giới không được phép tham dự. Và tôi sẽ thụ án ở nơi nào đó tôi không cần phải tiếp xúc với những phạm nhân khác.”

Rafto tí nữa thì sặc. “Được,” ông nói và xem đồng hồ đeo tay.

“Khoan, vẫn còn điều kiện khác. Phòng giam có ti vi, những cuốn sách tôi yêu cầu.”

“Chuyện đó có thể thu xếp được,” Rafto nói.

“Khi ông ký vào thỏa thuận đồng ý với điều kiện của tôi, tôi sẽ đi cùng ông.”

“Thế còn...?” Rafto vừa nói thì những tiếng *bíp bip bip* liên tục vang lên báo với ông rằng đầu dây bên kia đã ngắt máy.

Rafto đỗ xe bên xưởng đóng tàu Bergen. Tuy đây không phải con đường ngắn nhất, nhưng ông có thể nhìn bao quát công viên Nordnes tốt hơn khi đi từ đó vào. Công viên rộng lớn này nằm trên địa hình mấp mô với những con đường mòn và mấy ngọn đồi cỏ úa vàng. Cây cối chìa những ngón tay xương xẩu đen sì lên những đám mây dày ùa vào từ vùng biển phía sau đảo Askøy. Một người đàn ông vội vã chạy theo sau chú chó Rottweiler đang sốt ruột kéo căng sợi dây dắt. Rafto chạm vào khẩu súng lục Smith & Wesson nằm trong túi áo khoác khi ông sải bước qua vùng biển Nordnes: bồn địa màu trắng trống rỗng chẳng khác nào bồn tắm khổng lồ bên bờ biển.

Phía sau khúc quanh ông thoáng trông thấy cột totem cao mười mét, món quà nặng hai tấn được gửi đến từ Seattle nhân dịp kỷ niệm Bergen tròn chín trăm tuổi. Ông có thể nghe rõ tiếng thở của mình và tiếng lá ướt lép nhép dưới chân. Trời lại bắt đầu mưa. Những hạt mưa li ti hắt lên mặt ông.

Một hình bóng đơn độc đứng bên cột totem, quay về phía Rafto như thể người đó thừa biết Rafto sẽ tới từ hướng đó chứ không phải hướng ngược lại.

Rafto siết chặt khẩu súng trong lúc đi nốt đoạn đường cuối cùng. Khi chỉ còn cách hai mét, ông đứng sững lại. Căng mắt ra nhìn trong mưa. Không thể nào.

“Ngạc nhiên chưa?” giọng nói cất lên, và đến bây giờ ông mới nhận ra.

Rafto không đáp. Nào ông đã bắt đầu hoạt động trở lại.

“Ông tưởng ông biết tôi,” kẻ đó nói. “Nhưng tôi mới là người hiểu ông. Vì thế tôi đoán ông sẽ xử lý việc này một mình.”

Rafto chỉ nhìn chằm chằm.

“Là một trò chơi,” giọng nói cất lên.

Rafto đằng hắng. “Trò chơi?”

“Đúng vậy. Ông thích chơi trò chơi mà.”

Rafto nắm lấy báng súng lục, giữ súng sao cho không vướng vào túi nếu cần rút ra thật nhanh.

“Sao lại là tao mà không phải ai khác?” ông hỏi.

“Vì ông là người giỏi nhất. Tôi chỉ thách đấu người giỏi nhất thôi.”

“Ồ điên,” Rafto thì thào nhưng ngay lập tức hối hận vì lời vừa nói.

“Điều đó,” kẻ kia đáp với nụ cười thoáng qua, “chắc không có gì phải nghi ngờ. Nhưng ông cũng điên, bạn của tôi ạ. Chúng ta đều điên. Những linh hồn trần trở không tìm được lối về. Luôn luôn là thế. Ông có biết người Anh điêng làm ra những thứ này nhằm mục đích gì không?”

Người đứng trước mặt Rafto giơ bàn tay đi găng, gõ đốt ngón trở lên thân cây; những hình người xếp chồng lên nhau giương cặp mắt đen to tướng vô hồn, đăm đăm nhìn ra vịnh hẹp.

“Để trông chừng những linh hồn,” kẻ đó nói tiếp. “Để chúng không lạc lối. Nhưng cây cột totem rồi sẽ mục nát. Và phải như thế, đây là một phần quan trọng. Khi cây cột mất, linh hồn phải đi tìm nơi trú ngụ mới. Có thể là một chiếc mặt nạ. Một tấm gương. Hoặc là một đứa trẻ sơ sinh chẳng hạn.”

Những tiếng kêu khàn khàn vọng ra từ khu nuôi chim cánh cụt trong Thủy Cung.

“Có định nói cho tao biết vì sao mày giết người phụ nữ ấy không?” Rafto nói và nhận ra giọng mình cũng trở nên khàn đặc.

“Tiếc rằng trò chơi chấm dứt rồi, Rafto ạ. Nói chung cũng khá vui.”

“Làm thế nào mày biết mình đang bị săn đuổi?”

Bóng người giơ tay lên, Rafto lùi lại một bước theo phản xạ. Kẻ đó đang cầm một vật đựng đưa. Một chiếc vòng cổ. Dưới chuỗi vòng có mặt đá xanh hình giọt nước với vết nứt màu đen. Rafto cảm thấy tim mình đập mạnh.

“Thực ra, lúc đầu Onny Hetland không chịu khai gì. Nhưng rồi cô ta cho phép mình... nói thế nào nhỉ... bị thuyết phục.”

“Nói láo,” Rafto đáp trả mà không dám thở và cũng không dám chắc.

“Cô ta bảo ông đã dặn cô ta không được khai với những cảnh sát khác. Chính vào lúc đó tôi nhận ra ông sẽ chấp nhận lời đề nghị của tôi và một mình tới chỗ hẹn. Vì ông nghĩ rằng đây sẽ là nơi trú ngụ mới cho linh hồn ông, sự hồi sinh của ông. Đúng không?”

Những hạt mưa mong manh lạnh lẽo hắt lên mặt Rafto như những giọt mồ hôi. Ông đã đặt ngón trở lên cò súng và cố gắng nói thật chậm rãi, thật điềm tĩnh.

“Mày chọn sai địa điểm rồi. Sau lưng là biển, xe cảnh sát thì đang đỗ trên những con đường ngoài kia. Chẳng ai thoát được đâu.”

Kẻ đứng trước mặt ông khụt khịt đánh hơi. “Ông có ngửi thấy không, Gert?”

“Ngửi thấy cái gì?”

“Nỗi sợ. Adrenalin có một mùi rất đặc trưng. Nhưng mấy điều này ông đều biết cả rồi. Tôi tin ông ngửi thấy mùi đó trên người những tù nhân bị ông đánh đập. Laila cũng tỏa ra mùi y hệt. Nhất là khi cô ta trông thấy đồng dụng cụ tôi sắp dùng. Mùi của Onny thậm chí còn nặng hơn. Có lẽ là nhờ nghe ông kể về Laila nên cô ta cũng biết chuyện gì sắp xảy đến với mình. Cái mùi đó kích thích ra phết, ông có nghĩ thế không? Tôi đọc được ở đâu đó rằng một số động vật ăn thịt dùng nó để tìm mồi. Cứ thử tưởng tượng cảnh con mồi run rẩy cố gắng ẩn nấp dù biết rằng thứ mùi toát ra từ chính nỗi sợ của nó sẽ giết chết nó.”

Rafto nhận thấy đôi tay đi găng buông thông của kẻ đó trông không. Giờ đang là ban ngày, nơi này lại gần với khu trung tâm của thành phố lớn thứ nhì Na Uy. Dù đã có tuổi nhưng nhờ cai rượu mấy năm gần đây nên thể chất Rafto vẫn còn khỏe mạnh. Phản xạ tốt, kỹ năng chiến đấu hầu như không mai một. Hành động rút khẩu súng lục chắc chắn chỉ cần một tích tắc. Vậy thì vì lý do gì mà ông lại sợ hãi đến nỗi rằng đánh lập cập trong miệng như thế này?

ngày thứ hai

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

Sĩ quan cảnh sát Magnus Skarre ngả người trên chiếc ghế xoay và nhắm mắt lại. Hình ảnh hiện ra liền sau đó vận bộ vét và đứng quay mặt về phía anh ta. Anh ta mở choàng mắt và nhìn đồng hồ đeo tay. Sáu giờ. Skarre quyết định mình xứng đáng được nghỉ ngơi sau khi hoàn tất quy trình cơ bản tìm kiếm người mất tích. Anh ta đã gọi điện đến các bệnh viện để xem họ có tiếp nhận bệnh nhân nào tên Birte Becker không. Rồi gọi cho hai hãng taxi, Norgestaxi và Oslo Taxi, để hỏi về những chuyến xe chạy gần khu Hoff đêm qua. Gọi đến ngân hàng của cô ta và được họ xác nhận cô ta không hề rút khoản tiền lớn nào trước khi mất tích, ngân hàng cũng không nhận lệnh rút tiền vào tối hôm trước và trong hôm nay. Cảnh sát ở sân bay Gardermoen được cho xem danh sách hành khách đi máy bay đêm qua, nhưng vị khách duy nhất mang họ Becker là Filip chồng cô ta, trên chuyến bay đến Bergen. Skarre cũng đã hỏi những công ty phà có tuyến chở khách đến Đan Mạch hoặc Anh, dù cô ta khó có khả năng chạy sang Anh nếu chồng cô đang giữ hộ chiếu và đã trình với cảnh sát. Anh chàng sĩ quan giàu tham vọng còn gửi cả bản fax bảo mật thông thường tới các khách sạn tại Oslo và Akershus, cuối cùng còn dặn tất cả các đơn vị tác nghiệp ở Oslo - bao gồm cả đội tuần tra - chú ý tìm kiếm cẩn thận.

Vấn đề duy nhất chưa giải quyết được chính là chiếc điện thoại di động.

Magnus gọi điện báo cáo tình hình cho Harry. Viên thanh tra thờ không ra hơi, Magnus nghe thấy tiếng chim ríu rít vọng vào điện thoại. Harry hỏi han đôi câu về chiếc di động rồi ngắt máy. Sau đó Skarre đứng dậy bước ra hành lang. Cửa phòng làm việc của Katrine Bratt mở toang, đèn vẫn sáng nhưng không có người. Anh ta đi cầu thang lên căng tin ở tầng trên.

Lúc này căng tin không phục vụ đồ ăn, tuy nhiên vẫn có sẵn cà phê ấm trong bình giữ nhiệt, bánh nướng giòn và mứt trên xe đẩy cạnh lối vào. Chỉ có bốn người ngồi trong phòng, nhưng một trong số đó là Katrine Bratt ngồi ở bàn kê sát tường. Cô đang đọc tài liệu kẹp trong tập bìa hồ sơ. Trước mặt cô là một ly

nước và hộp đồ ăn trưa với hai chiếc sandwich đã bóc. Cô đang đeo kính. Gọng và mắt kính mỏng đến nỗi khó mà nhận ra được.

Skarre rút cho mình cốc cà phê rồi bước tới bàn của cô.

“Tính làm thêm giờ, đúng không?” anh ta hỏi và ngồi xuống.

Magnus Skarre nghĩ hình như cô thở dài một tiếng trước khi ngẩng lên.

“Sao tôi đoán ra hả?” Anh ta mỉm cười. “Sandwich tự làm. Trước khi rời nhà, cô đã biết căng tin đóng cửa lúc năm giờ và cô sẽ ở lại làm thêm. Thật tiếc, nhưng nghề thanh tra cảnh sát là thế đấy.”

“Vậy sao?” cô nói mà chẳng thèm chớp mắt và lại cố đọc tiếp tài liệu.

“Phải,” Skarre đáp, nhấp cà phê và tranh thủ cơ hội ngấm cô thật kỹ. Cô ngồi ngả về phía trước, anh ta có thể trông thấy viền ren áo lót của cô lấp ló qua cổ áo cánh. “Như vụ điều tra người mất tích hôm nay chẳng hạn. Những thông tin tôi có thì người khác cũng có cả rồi. Thế nhưng tôi vẫn ngồi đây và ngẫm nghĩ biết đâu cô ta vẫn đang ở Hoff. Bị vùi dưới tuyết hoặc đóng lá cây chẳng hạn. Hoặc có thể nằm dưới một cái hồ nhỏ hoặc dòng suối nào đó.”

Katrine Bratt không đáp.

“Cô có biết tại sao tôi lại nghĩ thế không?”

“Không,” cô đáp bằng giọng đều đều, không buồn rời mắt khỏi tập tài liệu.

Skarre nhào người qua bàn và đặt một chiếc điện thoại di động ngay trước mặt cô. Katrine đành ngẩng lên với vẻ cam chịu.

“Đây là một chiếc điện thoại di động,” anh ta nói. “Chắc cô cho rằng nó là phát minh khá mới. Nhưng vào tháng Tư năm 1973, cha đẻ của nó, Martin Cooper, đã có cuộc nói chuyện đầu tiên qua điện thoại di động với bà vợ ở nhà. Dĩ nhiên lúc ấy ông ta không hề biết phát minh này sẽ trở thành một trong những biện pháp quan trọng nhất giúp cảnh sát truy tìm người mất tích. Nếu muốn trở thành thanh tra hạng khá, cô phải chịu khó lắng nghe và học hỏi, Bratt ạ.”

Katrine bỏ kính ra, nhìn Skarre và tủm tỉm cười, nụ cười anh ta thích nhưng không thực sự hiểu rõ ý nghĩa. “Tôi xin rửa tai lắng nghe.”

“Tốt,” Skarre nói. “Birte Becker cũng sở hữu một cái. Điện thoại di động phát ra những tín hiệu được các trạm thu phát sóng trong khu vực tiếp nhận.

Không chỉ khi chúng ta liên lạc thì tín hiệu mới truyền đi, mà chỉ cần mang theo máy là đủ. Ngay từ đầu người Mỹ đã gọi điện thoại di động là ‘cellular phone’, vì nó hoạt động trong vùng phủ sóng của những trạm thu phát đặt ở các khu vực nhỏ, gọi là ‘cell’. Tôi đã yêu cầu nhà mạng Telenor kiểm tra, trạm thu phát sóng ở Hoff vẫn nhận được tín hiệu từ điện thoại di động của Birte. Nhưng chúng tôi lục soát toàn bộ ngôi nhà mà không tìm thấy chiếc điện thoại nào. Cô ta không thể đánh rơi đâu đó gần nhà, như vậy thì quá trùng hợp. Bởi thế...” Skarre giơ hai tay lên, điệu bộ như nhà ảo thuật vừa kết thúc màn trình diễn, “sau chầu cà phê này, tôi sẽ liên hệ với Phòng Điều tra và cử một đội tìm kiếm đến đó.”

“Chúc may mắn,” Katrine nói, đưa trả anh ta chiếc điện thoại và lật một trang tài liệu.

“Cô đang xem một trong những vụ án cũ của Hole đấy à?” Skarre hỏi.

“Đúng vậy.”

“Anh ta cho rằng có kẻ sát nhân hàng loạt đang lộng hành.”

“Tôi biết.”

“Vậy sao? Thế chắc cô cũng biết rằng anh ta sai toét chứ? Mà không phải là lần đầu đâu nhé. Tay Hole này bị ám ảnh lạ thường bởi những kẻ sát nhân hàng loạt. Anh ta cứ tưởng mình đang ở Mỹ. Nhưng anh ta đã tìm ra tên sát nhân hàng loạt nào trên đất nước này đâu.”

“Ở Thụy Điển cũng có vài tên. Thomas Quick. John Ausonius. Tore Hedin...”

Magnus Skarre phá lên cười. “Hóa ra cô cũng chịu khó tìm hiểu đấy. Nhưng nếu cô muốn học hỏi đôi điều về quy trình điều tra đúng nghĩa, thì tôi với cô làm chầu bia đi.”

“Cảm ơn, tôi không...”

“Và có lẽ kiểm cái bỏ bụng nữa. Hộp đồ ăn kia đâu có lớn.” Skarre cuối cùng cũng bắt được ánh mắt cô và giữ lấy. Cái nhìn của cô ánh lên tia sáng lạ, như thể ẩn sâu bên trong là một ngọn lửa đang âm ỉ cháy. Skarre chưa bao giờ trông thấy tia sáng nào như thế. Và anh ta cho rằng tất cả là do mình; anh ta đã thắp lên ngọn lửa đó và qua cuộc nói chuyện này, anh ta đã tiến vào hàng đồng minh của cô.

“Cô có thể xem như đó là...” anh ta mở lời rồi làm bộ như đang tìm từ thích hợp, “phụ đạo đi.”

Cô cười. Nụ cười tươi rói.

Skarre cảm thấy mạch đập dồn; người nóng bừng, chưa gì anh ta đã tưởng như có thể cảm nhận thân thể cô áp sát vào mình, một bên đầu gối đi tất đặt dưới ngón tay anh ta, những tiếng lách tách khi bàn tay anh ta trượt dần lên trên.

“Anh muốn gì hả Skarre? Muốn khai hàng váy mới trong đơn vị à?” Nụ cười càng rạng rỡ và ánh mắt càng sáng rực. “*Quất* cô ả càng sớm càng tốt, cái cách tụi con trai vẫn hay nhổ vào mấy miếng bánh sinh nhật lớn nhất để ung dung thưởng thức trước những đứa khác?”

Magnus Skarre có cảm giác hàm mình như vừa rớt xuống.

“Để tôi cho anh vài mẹo thiện chí nhé, Skarre. Đừng có dây vào gái cơ quan. Đừng phí thời gian uống cà phê trong căng tin nếu cho rằng mình đang có đầu mối sốt dẻo. Và đừng làm ra vẻ anh có quyền gọi cho Phòng Điều tra. Người anh phải gọi là thanh tra Hole, anh ấy mới có quyền quyết định triệu tập đội tìm kiếm hay không. Và sau đó anh ấy sẽ gọi cho Trung tâm Đáp ứng Khẩn cấp, khi các thành viên đã sẵn sàng, chứ không chỉ có mỗi một đội ở đây thôi đâu.”

Katrine vo tròn tờ giấy sáp gói bánh sandwich và ném về phía thùng rác sau lưng Skarre. Chẳng cần ngoái lại anh ta cũng biết cô ném trúng. Cô thu xếp tài liệu rồi đứng dậy, nhưng đến lúc này Skarre đã xoay sở trấn tĩnh lại được phần nào.

“Tôi không biết cô đang tưởng tượng gì, Bratt. Cái loại có chồng rồi còn đang điếm như cô chắc ở nhà chưa ăn đủ nên mới hy vọng đàn ông như tôi thèm... thèm...” Skarre không tìm nổi từ nào để nói. Bởi, không thể nói được gì mới chết chứ. “Tôi chỉ đề nghị bảo ban cho cô đôi điều thôi, đồ đĩ thõa.”

Khuôn mặt cô đột nhiên thay đổi - như thể một tấm màn vừa được vén lên cho anh ta nhìn thấu ngọn lửa. Trong giây lát, anh ta cho rằng cô sẽ đánh mình. Nhưng không có gì xảy ra cả. Và khi cô lên tiếng, anh ta nhận ra tất cả những

điều đó chỉ xuất hiện trong đôi mắt cô mà thôi; Katrine không hề động một ngón tay và giọng nói của cô bình tĩnh tuyệt đối.

“Xin lỗi nếu tôi hiểu nhầm anh,” cô nói, dù nét mặt cô cho thấy điều đó khó lòng xảy ra. “Nhân tiện, Martin Cooper không gọi cho vợ mà gọi cho đối thủ của ông ta, Joel Engel ở Phòng thí nghiệm Bell. Anh nghĩ ông ta muốn bảo ban đôi điều hả Skarre? Hay khoe khoang?”

Skarre nhìn cô bỏ đi, nhìn bộ vét ôm lấy vòng ba của cô trong lúc cô uốn éo đi ra cửa căng tin. Khốn kiếp, ả đàn bà này đúng là mất trí rồi! Anh ta rất muốn đứng dậy cầm thứ gì đó ném cô ta. Nhưng anh ta biết mình sẽ ném trượt. Và lại, anh cũng không có ý định nhúc nhích, vì sợ rằng đũng quần đang nhô lên của mình vẫn còn lộ quá.

Harry cảm thấy hai lá phổi như đang ép chặt vào mạng sườn. Nhịp thở của anh đã dần ổn định. Nhưng trái tim thì khác, nó vẫn đập như trống dồn trong lồng ngực. Bộ quần áo tập ướt đầm mồ hôi khi anh dừng lại bên bìa rừng cạnh nhà hàng Ekeberg. Nhà hàng có thiết kế chú trọng công năng này được xây dựng trong thời kỳ trung gian giữa hai cuộc chiến, nơi đây từng là nguồn vui và niềm tự hào của Oslo, nằm cheo leo trên triền núi phía Đông nhìn xuống thành phố. Nhưng thực khách đã không còn muốn lặn lội đi từ trung tâm thành phố tới khu rừng nữa, thế nên nhà hàng làm ăn ngày một thua lỗ, dần lụn bại rồi trở thành chốn dừng chân tồi tàn của những vũ công hết thời, đám bợm rượu trung niên và những tâm hồn cô đơn đang muốn tìm đến với nhau. Cuối cùng, nơi này cũng bị đóng cửa. Harry luôn thích lái xe lên đây, lánh xa bầu không khí vàng vọt ngập ngụa khói xe ở thành phố bên dưới, chạy bộ theo những lối mòn chằng chịt trên địa hình dốc vừa là thử thách vừa khiến axit lactic thiêu đốt cơ bắp trên người anh. Anh hay dừng lại bên công trình đồ sộ là nhà hàng đẹp để thưởng nào, ngồi trên mặt đất còn ướt nước mưa, cỏ cây um tùm, trông xuống thành phố từng thuộc về anh nhưng mọi cảm xúc giờ đã nguội lạnh, vật đổi sao dời, người cũ nay đã có tình mới.

Thành phố nằm trong thung lũng bốn bề là núi, muốn di tản chỉ có cách đi qua vùng vịnh hẹp. Các nhà địa chất nói rằng Oslo tọa lạc trên miệng của một núi lửa đã tắt. Và trong những buổi tối như hôm nay, Harry hình dung ánh đèn thành phố là những lỗ hổng trên mặt đất, qua đó có thể trông thấy dòng dung

nham sáng rực bên dưới. Nhìn về phía khu [ski jump](#) Holmenkollen có hình dấu phẩy màu trắng lung linh trên ngọn núi bên kia thành phố, anh cố ước đoán vị trí căn nhà của Rakel.

Ski jump là một loại hình trượt tuyết đổ dốc kết hợp với nhảy xa.

Anh lại nghĩ đến lá thư đó. Nghĩ đến cuộc điện thoại vừa rồi với Skarre về việc chiếc di động không rõ tầm tích của Birte vẫn phát ra tín hiệu. Giờ nhịp tim anh đã chậm lại, bơm máu và truyền tín hiệu ổn định, đều đặn đến não để nói rằng sự sống vẫn tồn tại. Giống như điện thoại di động với trạm thu phát sóng. Trái tim, Harry thầm nghĩ. Tín hiệu. Lá thư. Một ý nghĩ bệnh hoạn. Vậy mà sao anh vẫn chưa dẹp nó đi? Sao còn tính toán phải mất bao lâu để chạy đến chỗ chiếc ô tô, lái tới Hoff và xem xem ai mới là kẻ bệnh hoạn hơn?

Rakel đứng bên cửa sổ phòng bếp trông ra ngoài sân nhà, nơi những cây vân sam chắn hết tầm mắt của cô khi nhìn về phía nhà hàng xóm. Trong buổi họp khu dân cư, cô đã nêu ý kiến chặt bớt vài cây để lấy thêm ánh sáng, nhưng đáp lại cô là thái độ im ỉm thiếu nhiệt tình quá lộ liễu nên cô chẳng buồn đề nghị biểu quyết nữa. Hàng cây giúp che đi ánh mắt soi mói của người lạ và dân Holmenkollen thích như thế hơn. Tuyết vẫn phủ trắng khu vực phía trên thành phố, nơi những chiếc BMW và Volvo nhẹ nhàng lách qua những khúc cua để trở về mái ấm có cửa gara tự động cùng bữa tối được sửa soạn bởi chính tay các bà nội trợ đáng chuẩn đang tạm rời xa công việc, với sự giúp đỡ chút đỉnh của những cô trông trẻ.

Qua lớp sàn rắn chắc của căn nhà gỗ cha cô để lại, Rakel vẫn nghe thấy tiếng nhạc văng vẳng trong phòng Oleg ở tầng hai. Led Zeppelin và nhóm the Who. Hồi mười một tuổi, cô không tài nào hình dung nổi mình có thể nghe được âm nhạc của thế hệ bố mẹ. Nhưng Harry lại tặng mấy CD ấy cho Oleg và thằng bé có vẻ thực sự thích thú.

Cô nghĩ đến Harry ngày một gầy rộc đi, dần dần héo mòn. Ký ức của cô về anh cũng vậy. Có chẳng thật đáng sợ khi một người từng thân thiết với ta lại có thể tàn lụi và tan biến. Hoặc cũng có thể lý do là đây; hai người một thời quá thân thì khi chia xa, tất cả bỗng đâu như không thực, như giấc mơ sẽ sớm rơi vào quên lãng vì nó chỉ xảy ra trong tâm trí ta mà thôi. Có thể vì thế cô mới sốc khi gặp lại anh. Khi ôm anh, hít hà mùi hương của anh, nghe giọng anh

không phải qua điện thoại mà từ chính chiếc miệng với đôi môi mềm mại lạ kỳ trên gương mặt răn rỏi nhiều nếp nhăn hơn bao giờ hết. Nhìn vào đôi mắt xanh ánh lên những tia sáng biến chuyển linh hoạt trong lúc anh nói chuyện. Y như ngày nào.

Vậy nhưng cô vẫn mừng vì chuyện hai người đã chấm dứt, cô đã để tất cả lại phía sau. Người đàn ông này đã trở thành người mà cô không thể cùng vun đắp tương lai, người sẽ không đem hiện thực lệch thếch của anh vào đời của mẹ con cô.

Cô thấy ổn hơn nhiều. Rất rất nhiều. Cô nhìn đồng hồ. Không lâu nữa anh ấy sẽ tới. Vì, khác hẳn với Harry, anh ấy thường rất đúng hẹn.

Mathias đến với cô hoàn toàn bất ngờ vào một ngày nọ. Tại bữa tiệc trong vườn được tài trợ bởi Hội đồng Dân cư Holmenkollen. Anh không sống tại đây nhưng được bạn bè mời đến dự, anh và Rakel đã ngồi tâm sự gần như cả tối. Chủ yếu nói về cô. Anh lắng nghe rất chăm chú, hơi giống kiểu của bác sĩ, cô nghĩ vậy. Rồi hai ngày sau anh gọi điện mời cô đi dự triển lãm ở Trung tâm Nghệ thuật Henie-Onstad tại Høvikodden. Anh mời cả Oleg đi cùng vì ở đó cũng đang có triển lãm dành cho thiếu nhi. Thời tiết hôm ấy rất tệ, triển lãm cũng xoàng còn Oleg thì quạu quọ cả buổi. Nhưng Mathias đã cố gắng thay đổi không khí bằng khiếu hài hước và những bình luận chua cay về tài năng của người nghệ sĩ. Sau đó anh lái xe đưa hai mẹ con cô về, xin lỗi vì đã mời họ đi chơi và mỉm cười hứa sẽ không bao giờ dẫn họ đến bất cứ đâu nữa. Dĩ nhiên là trừ phi mẹ con cô yêu cầu. Sau hôm ấy, Mathias đi Botswana một tuần. Và anh gọi cho cô đêm anh về tới nhà, hỏi xem liệu anh gặp lại cô lần nữa có được không.

Cô nghe thấy tiếng ô tô về số để lên lối đi dốc. Anh lái chiếc Honda Accord đời cổ. Không hiểu sao cô lại thích như vậy. Anh luôn đỗ phía trước gara chứ không bao giờ đánh xe vào trong. Và cô cũng thích cả điều đó nữa. Cô thích việc anh đem theo quần áo lót và đồ dùng vệ sinh cá nhân trong túi đựng đồ qua đêm mà anh luôn mang về khi chia tay cô vào sáng hôm sau. Cô thích việc anh hỏi cô có muốn gặp lại anh nữa không, anh không coi bất cứ điều gì là lẽ đương nhiên cả. Chuyện đó có thể sẽ thay đổi, nhưng cô đã sẵn sàng cho sự thay đổi ấy rồi.

Anh bước ra khỏi xe. Anh cao, gần bằng Harry, khuôn mặt trẻ trung cười mở hướng về phía cửa sổ phòng bếp với một nụ cười, dù cô biết chắc anh đã kiệt sức sau ca làm việc kéo dài như hành xác. Đúng vậy, cô đã sẵn sàng cho điều đó. Cho người đàn ông đang ở bên cô, yêu cô và ưu ái ba người họ hơn hết thảy mọi thứ. Cô nghe thấy tiếng mở khóa cửa chính. Chìa khóa cô đã đưa cho anh vào tuần trước. Lúc ấy trông Mathias hết sức ngỡ ngàng, chẳng khác nào đứa trẻ vừa được trao tấm vé tham quan nhà máy sô cô la.

Cửa mở, anh bước vào nhà và cô nhào vào vòng tay anh. Đường như đến cả chiếc áo khoác len anh mặc cũng có mùi hương thật dễ chịu. Chất len mềm còn vương cái lạnh của mùa thu áp trên má cô, nhưng hơi ấm bình yên bên trong đã truyền sang cho cô.

“Sao vậy em?” Anh bật cười, vùi mặt vào tóc cô.

“Em chờ đợi điều này đã lâu lắm rồi,” cô thì thầm.

Cô nhắm mắt lại, họ đứng bên nhau như vậy một lúc.

Cô buông anh ra và ngược lên nhìn gương mặt tươi cười của anh. Anh thật ưa nhìn. Ưa nhìn hơn Harry.

Mathias lùi lại, cởi áo khoác, treo lên và bước tới bên bồn vệ sinh để rửa tay. Đó là thói quen của anh mỗi khi từ khoa Giải phẫu về, ở đó họ sử dụng thi hài thật để giảng bài. Và Harry cũng làm vậy mỗi lần về thẳng nhà sau các vụ án mạng. Mathias mở tủ bên dưới bồn rửa, bỏ khoai tây đựng trong bao vào bồn rửa bát và vặn vòi cho nước chảy ra.

“Ngày hôm nay em làm gì?”

Cô nghĩ phần lớn đàn ông sẽ hỏi thăm về buổi tối hôm trước; dù gì anh cũng biết cô có hẹn với Harry. Và cô cũng thích điều đó ở anh. Cô kể cho anh nghe trong lúc nhìn ra cửa sổ. Ánh mắt cô lướt qua hàng cây vân sam, hướng về phía thành phố đã bắt đầu lên đèn phía bên dưới. Anh đang ở đâu đó dưới kia. Dẫn thân vào cuộc săn vô vọng vì một thứ chưa bao giờ và sẽ chẳng bao giờ anh tìm được. Cô thấy tội cho anh. Sự cảm thông là tất cả những gì còn sót lại. Thực ra, tối qua đã có lúc cả hai chìm vào im lặng, ánh mắt nhìn nhau không rời, chẳng thể nào dứt ra ngay được. Cảm giác như sốc điện, nhưng chỉ tích tắc sau, tất cả đã chấm dứt. Thật sự kết thúc. Không còn chút ma lực vẫn vương.

Cô đã có quyết định của mình rồi. Cô đứng phía sau Mathias, vòng tay ôm anh và tựa đầu lên tấm lưng vạm vỡ.

Cô cảm thấy những cơ bắp bên dưới áo anh đang cử động trong lúc anh gọt khoai và bỏ vào nồi.

“Giá có thêm vài củ nữa thì tốt,” anh nói.

Cô chợt nhận thấy có chuyển động ở cửa bếp và quay lại.

Oleg đang đứng đó nhìn họ.

“Con xuống tầng hầm lấy giúp mẹ mấy củ khoai tây nhé?” cô nói và thấy đôi mắt Oleg tối sầm lại.

Mathias ngoái nhìn. Oleg vẫn ở nguyên chỗ cũ.

“Để anh đi cho,” Mathias nói và lấy ra chiếc xô bên dưới bồn rửa.

“Không,” Oleg nói, tiến về phía trước hai bước. “Để cháu.” Nó cầm lấy cái xô trong tay Mathias rồi quay người bỏ đi.

“Thằng bé sao vậy em?” Mathias hỏi.

“Nó hơi sợ bóng tối,” Rakel thở dài.

“Anh cũng đoán ra được, nhưng sao nó còn đi?”

“Vì Harry bảo nó nên làm thế.”

“Làm gì cơ?”

Rakel lắc đầu. “Những việc nó sợ. Và không muốn tiếp tục sợ nữa. Trước đây, khi đến chơi, Harry thường sai Oleg xuống tầng hầm suốt.”

Mathias cau mày.

Rakel nở nụ cười buồn. “Anh ấy đâu phải bác sĩ tâm lý trẻ em. Mà Oleg sẽ chẳng chịu nghe em nếu Harry nêu ý kiến trước. Nói vậy chứ dưới đó làm gì có con quái vật nào.”

Mathias vận núm điều khiển bếp và thấp giọng hỏi, “Làm sao em dám chắc?”

“Mathias?” Rakel bật cười. “Anh cũng từng sợ bóng tối à?”

“Có ai nói là *đã từng* đâu nhỉ?” Mathias cười ranh mãnh.

Phải, cô thích anh. Hãy cứ để mọi chuyện như thế này sẽ tốt hơn. Cuộc sống của cô cũng thế. Cô thích anh, đúng vậy, cô thực sự thích anh.

Harry tấp xe vào vệ đường phía trước nhà Becker. Anh ngồi trong ô tô đắm đắm nhìn ánh sáng vàng từ những ô cửa sổ hắt xuống sân vườn. Người tuyết đã tốp lại bằng một chú lùn. Nhưng bóng của nó vẫn vươn tới những hàng cây và kéo dài đến tận bờ rào.

Harry bước ra khỏi xe. Cánh cổng sắt kêu lên ai oán khiến anh nhăn mặt. Anh biết lẽ ra anh nên gọi điện trước; vườn hay nhà thì cũng đều nằm trên đất riêng. Nhưng anh không thể kiên nhẫn và cũng chẳng muốn trao đổi bất cứ điều gì với giáo sư Becker.

Mặt đất ướt có độ đàn hồi tốt. Anh ngồi thụp xuống. Ánh sáng phản xạ trên người tuyết như thể nó được làm từ thủy tinh mờ. Ban ngày tuyết tan ra khiến các tinh thể băng nhỏ xíu kết lại thành những tinh thể lớn, nhưng lúc này nhiệt độ lại giảm, hơi nước ngưng tụ rồi đóng băng phía trên. Kết quả là lớp tuyết trắng tinh xộp mịn lúc sáng giờ đã nén lại thành một khối xám xám thô ráp.

Harry giơ tay phải lên. Siết lại thành nắm đấm. Và thụi một cú.

Cái đầu người tuyết bị đấm vỡ rụng rời khỏi vai và lăn xuống bãi cỏ héo úa.

Harry đấm tiếp, lần này là từ trên xuống xuyên qua phần cổ. Ngón tay anh quặp lại như hình móng vuốt, bởi trong đồng tuyết cho tới khi tìm được thứ mình muốn.

Anh rút tay lên và đắc thắng giơ ra trước mặt người tuyết, cách Lý Tiểu Long vẫn làm, để đối thủ chứng kiến trái tim vừa được anh móc ra từ trong lồng ngực hẳn.

Đó là một chiếc điện thoại di động Nokia màu đỏ và bạc. Máy vẫn còn đang bật.

Nhưng rồi niềm vui chiến thắng nhanh chóng lụi tàn. Vì anh biết đây không phải bước đột phá trong công tác điều tra mà chỉ là một cảnh nhỏ trong vở rối với những sợi dây vô hình được điều khiển bởi bàn tay kẻ khác. Việc này quá ư đơn giản. Chiếc điện thoại được đặt ở đó là để cảnh sát tìm ra.

Harry bước tới cửa trước và nhấn chuông. Người ra mở là Filip Becker. Tóc tai ông ta rối bù, cà vạt thì xộc xệch. Ông ta chớp mắt vài cái thật mạnh như thể vừa ngủ dậy.

“Phải,” ông ta trả lời Harry. “Đây đúng là kiểu điện thoại cô ấy dùng.”

“Nhờ ông gọi vào máy bà được không?”

Filip Becker mất hút vào trong còn Harry đứng đó chờ đợi. Đột nhiên Jonas lộ đầu ra qua ngưỡng cửa ở hiên nhà. Harry đang định chào thằng bé thì đúng lúc ấy, chiếc di động màu đỏ bỗng cất lên giai điệu ca khúc thiếu nhi: “*Blåmann, blåmann, bukken min*”. Harry nhớ lại câu hát tiếp theo in trong cuốn sách nhạc hồi còn đi học: *Tenk på vesle gutten din*. Hãy nghĩ đến cậu bé con.

Và anh thấy gương mặt Jonas sáng bừng lên. Thấy dòng tư duy liên mạch đang diễn ra trong tâm trí cậu bé, nét hoang mang hiện ra liền sau đó và niềm hân hoan khi nghe thấy tiếng chuông điện thoại của mẹ dần biến thành vẻ khiếp đảm cực độ. Harry nuốt khan. Đó là nỗi khiếp đảm quá đỗi quen thuộc đối với anh.

Bước vào căn hộ của mình, Harry ngửi thấy mùi thạch cao và mùn cửa. Những tấm thạch cao ở tường hành lang đã bị gỡ xuống và xếp thành chồng trên sàn. Có mấy vết lem mờ trên bức tường đằng sau. Harry quệt ngón tay lên lớp bụi màu trắng bám trên mặt sàn gỗ. Anh đưa lên miệng nếm. Có vị mặn. Đó là vị của nấm mốc ư? Hay chỉ là muối đang lan rộng, tòa nhà đang đổ mồ hôi? Harry đánh bật lửa và rướn người về phía bức tường. Chẳng có gì để mà thấy, mà ngửi.

Khi đã leo lên giường và nằm nhìn đăm đăm vào bóng tối kín bưng trong phòng, Harry chợt nghĩ đến Jonas. Và mẹ của mình. Nghĩ đến mùi của bệnh tật, khuôn mặt mẹ từ từ tan vào sắc trắng của chiếc gối. Ngày qua ngày, tuần qua tuần, anh chơi cùng Sis trong lúc bố anh dần trở nên trầm lặng và những người xung quanh hành xử như chẳng có chuyện gì xảy ra. Anh nghe thấy tiếng sột soạt khe khẽ đâu đó ngoài hành lang thì phải. Như thể những sợi dây múa rối vô hình đang nhún lên, dài ra và âm thầm lan đi khắp nơi trong lúc chúng nuốt chửng lấy bóng tối, tạo nên thứ ánh sáng lung linh yếu ớt đang lay động và run rẩy.

ngày thứ ba

SỐ LIỆU ẮN

Ánh sáng buổi sớm mai yếu ớt rọi qua bức màn sáo trong văn phòng sếp Đội Hình sự, phủ lên khuôn mặt hai người đàn ông một màu xám xịt. POB Hagen đang lắng nghe Harry nói, vầng trán trầm tư nhẵn lại phía trên hàng lông mày đen rậm rì dính vào nhau. Trên chiếc bàn làm việc khổng lồ có bày chân đế nhỏ với một đốt xương ngón tay màu trắng, theo lời khắc trên đế thì đó là xương của tiểu đội trưởng Yoshito Yasuda thuộc quân đội Nhật Bản. Trong thời gian giảng dạy tại trường quân đội, Hagen thường kể về ngón tay út mà Yasuda đã tuyệt vọng chặt bỏ ngay trước mặt binh sĩ dưới quyền trong cuộc di tản khỏi Miến Điện vào năm 1944. Mới một năm hước thôi, Hagen được cơ quan cũ là sở cảnh sát mời về phụ trách Đội Hình sự, và sau bao nhiêu chuyện xảy ra trong thời gian đó, ông ta lắng nghe khá kiên nhẫn trong lúc điều tra viên giàu kinh nghiệm trình bày về chủ đề *người mất tích*.

“Chỉ tính riêng ở Oslo đã có hơn sáu trăm người được báo mất tích mỗi năm. Sau vài giờ trình báo, chỉ còn vài người trong số đó vẫn chưa rõ tung tích. Gần như không có người nào mất tích quá vài ngày.”

Hagen di ngón tay lên những sợi lông nổi liền hai bên chân mày trên sống mũi. Ông ta còn phải chuẩn bị cho cuộc họp bàn về ngân sách trong văn phòng cảnh sát trưởng. Xoay quanh chủ đề cắt giảm.

“Những người mất tích phần lớn là bệnh nhân tâm thần trốn viện hoặc người cao tuổi suy giảm trí lực,” Harry nói tiếp.

“Nhưng ngay cả những người thần trí tương đối tỉnh táo chạy trốn đến Copenhagen hoặc tự sát thì rốt cuộc cũng đều được tìm thấy. Họ có tên trong danh sách hành khách, rút tiền ở ATM hoặc trôi dạt vào bờ biển.”

“Ý cậu là gì?” Gunnar Hagen hỏi và liếc đồng hồ.

“Là đây,” Harry đáp, quăng đánh bộp một tập hồ sơ màu vàng lên bàn sếp.

Hagen nhào người tới và lật qua xấp tài liệu đóng ghim đầu ra đấy. “Trời đất, Harry. Cậu đâu phải típ người chịu viết báo cáo.”

“Công lao đó thuộc về Skarre,” Harry nói, không thích nhiều lời. “Còn kết luận là của tôi, mà giờ tôi sẽ trực tiếp trình bày với sếp.”

“Làm ơn nói ngắn thôi.”

Harry cúi nhìn hai bàn tay đặt trong lòng. Đôi chân dài duỗi thẳng về phía trước. Anh hít sâu một hơi. Anh biết rõ một khi đã nói ra sẽ không cách nào rút lại được.

“Có quá nhiều người mất tích,” Harry lên tiếng.

Hàng lông mày bên phải của Hagen nhướn lên. “Nói rõ hơn đi.”

“Sếp xem trang 6 ấy. Một danh sách phụ nữ trong độ tuổi từ hai mươi lăm đến năm mươi mất tích từ 1994 đến nay. Những người vẫn chưa được tìm thấy trong mười năm trở lại đây. Tôi đã trao đổi với Ban Tìm kiếm Người Mất tích, và họ cũng đồng ý. Thực sự là quá nhiều.”

“Quá nhiều so với cái gì?”

“So với trước đó. So với Đan Mạch và Thụy Điển. Và so với những nhóm nhân khẩu khác. Phụ nữ đã lập gia đình hoặc đang sống chung chiếm tỷ lệ áp đảo trong danh sách.”

“Phụ nữ thời nay độc lập hơn so với trước đây,” Hagen nói. “Nhiều người chọn cách sống riêng, tách khỏi gia đình, ra nước ngoài với bạn trai, có thể lắm. Điều đó hẳn cũng là yếu tố tác động đến số liệu thống kê. Thế thì có gì đáng nói đâu nào?”

“Phụ nữ Đan Mạch và Thụy Điển cũng độc lập hơn. Nhưng họ vẫn được tìm thấy đấy thôi.”

Hagen thở dài. “Nếu những số liệu này quá dị biệt, như cậu nói, vậy tại sao trước đây không ai phát hiện ra?”

“Vì số liệu Skarre thu thập được là tính trên cả nước, trong khi cảnh sát chỉ tập trung vào những vụ xảy ra tại địa bàn họ phụ trách. Trong sổ thống kê quốc gia về người mất tích ở Kripos có đến một ngàn tám trăm cái tên, nhưng đấy là tính tổng trong vòng năm mươi năm gần đây, gồm cả những vụ đắm tàu và tai nạn như vụ lật giàn khoan Alexander Kielland chẳng hạn. Mấu chốt nằm ở chỗ chưa ai xem xét trong phạm vi toàn quốc. Cho tới bây giờ.”

“Ừ thì thế, nhưng trách nhiệm của chúng ta không trải dài khắp cả nước, Harry ạ. Mà chỉ giới hạn trong Sở Cảnh sát Oslo thôi.” Hagen đập mạnh hai tay xuống như muốn ám chỉ cuộc hội kiến đến đây là kết thúc.

“Vấn đề là,” Harry nói và xoa cằm, “nó đã tới Oslo rồi.”

“Nó là cái gì?”

“Tối qua tôi tìm thấy điện thoại di động của Birte Becker bên trong người tuyết. Tôi cũng chưa rõ nó là gì, sếp ạ. Nhưng tôi cho rằng chúng ta cần phải điều tra ra. Thật nhanh.”

“Những số liệu đó đáng chú ý đấy,” Hagen nói, lơ đãng cầm lấy đốt xương của tiểu đội trưởng Yasuda và ấn ngón cái lên. “Tôi cũng biết rằng vụ mất tích mới nhất này có vài yếu tố đáng lo ngại. Nhưng chừng đó là chưa đủ. Vì thế, hãy trả lời xem: Thực sự vì lý do gì mà cậu yêu cầu Skarre viết báo cáo này?”

Harry nhìn Hagen một hồi. Sau đó anh rút từ túi áo trong ra một chiếc phong bì quần góc và đưa cho Hagen.

“Thứ này được gửi đến hòm thư của tôi sau khi tôi xuất hiện trong chương trình truyền hình hồi đầu tháng Chín. Trước giờ tôi cứ tưởng nó là tác phẩm của một thằng điên.”

Hagen lấy lá thư ra, và sau khi đọc hết sáu câu trong đó, ông ta lắc đầu với Harry. “Người tuyết ư? Còn Murri là cái gì?”

“Vấn đề nằm ở chỗ đó,” Harry nói. “Tôi e rằng đây chính là nó.”

Vị POB ngơ ngác nhìn anh.

“Tôi cũng hy vọng là mình nhầm,” Harry nói, “nhưng có lẽ sắp tới chúng ta sẽ phải đương đầu với những ngày tháng cực kỳ đen tối đấy.”

Hagen thở dài. “Cậu muốn gì hả Harry?”

“Tôi muốn lập một tổ điều tra.”

Hagen nhìn Harry dò xét. Cũng như hầu hết các sĩ quan trong Sở Cảnh sát, ông ta cho rằng Harry là một kẻ nghiện rượu ương ngạnh, ngạo mạn, hay cãi và tính tình bất ổn. Nhưng dù sao đi nữa, Hagen cũng lấy làm mừng vì hai người đang ở cùng một chiến tuyến và ông ta không muốn gã này quay lại đối đầu với mình.

“Bao nhiêu người?” cuối cùng ông ta hỏi. “Và trong bao lâu?”

“Mười thanh tra. Hai tháng.”

“Hai tuần?” Magnus Skarre hỏi. “Và bốn người? *Đấy* mà là điều tra án mạng à?”

Anh ta bất bình đưa mắt nhìn ba người còn lại đang chen chúc trong văn phòng Harry: Katrine Bratt, Harry Hole và Bjørn Holm thuộc Krimteknisk, tức Phòng Giám định Pháp y.

“Hagen chỉ cho tôi có thể,” Harry nói, ngả người trên ghế. “Và đây không phải cuộc điều tra án mạng. Tạm thời thì chưa.”

“Thế thì là cái gì?” Katrine Bratt hỏi. “Tạm thời ấy?”

“Vụ tìm người mất tích,” Harry đáp. “Nhưng là vụ có điểm tương đồng nhất định với một số vụ khác xảy ra gần đây.”

“Các bà nội trợ tự nhiên dùng dùng bỏ đi vào một ngày cuối thu hả?” Bjørn Holm hỏi, cách nói vẫn còn tàn dư của vùng quê Toten anh ta đem theo khi rời làng Skreia cùng với đồng tài sản gồm bộ sưu tập đĩa LP của Elvis, nhạc đồng quê chính hiệu, the Sex Pistols, Jason & the Scorchers, ba bộ vét khâu tay mua ở Nashville, một cuốn Kinh Thánh Mỹ, một chiếc sofa giường hơi nhỏ quá và bộ bàn ghế ăn được truyền lại qua ba đời nhà Holm. Tất cả được chất lên toa moóc và kéo về thủ đô bằng chiếc Amazon cuối cùng được xuất xưởng năm 1970 của hãng Volvo. Bjørn Holm mua chiếc Amazon với giá một ngàn hai trăm krone, nhưng ngay cả hồi ấy cũng chẳng ai biết được nó đã chạy bao nhiêu dặm đường, vì công tơ mét chỉ hiển thị tối đa một trăm ngàn. Tuy thế, chiếc xe là đại diện cho cá tính và đức tin của Bjørn Holm; nó có mùi tuyệt diệu hơn hết thấy mọi thứ, hòa quyện giữa mùi giả da, kim loại, dầu máy, tấp lô phía sau bạc phếch, mùi của nhà máy Volvo và ghế ngồi thâm đẫm *mồ hôi khí chất*, như Bjørn Holm giải thích thì đây không phải mồ hôi thông thường mà là lớp vỏ ghế đặc biệt được tạo nên từ tâm hồn, nghiệp báo, thói quen ăn uống và phong cách sống của những người từng sở hữu chiếc xe. Đôi xúc xắc nhồi bông treo ở gương chiếu hậu chính là xúc xắc Fuzzy Dice nguyên bản, minh chứng cho sự kết hợp tuyệt hảo giữa tình cảm yêu mến chân thành và khoảng cách với vợ đối với nền văn hóa cũng như cái đẹp của xứ sở cờ hoa xưa, hoàn toàn phù hợp với cậu bé con nhà nông ở Na Uy lớn lên giữa một bên là Jim Reeves và bên kia là the Ramones, nhưng mê tí cả hai. Người đó giờ

đang ngồi trong phòng làm việc của Harry, chiếc mũ Rasta trên đầu mang lại cho anh ta diện mạo của một cảnh sát ngầm thuộc Đội Phòng chống Ma túy hơn là sĩ quan giám định pháp y. Hai dải tóc mai dày đỏ rực như màu sơn xe cứu hỏa thò ra bên dưới chiếc mũ, ôm lấy gương mặt tròn trĩnh, phúng phính của Bjørn Holm, cặp mắt hơi trố khiến anh ta trông có phần ngơ ngác, hao hao giống cá. Anh ta là người duy nhất Harry một mực yêu cầu phải có trong tổ điều tra nho nhỏ của mình.

“Còn một điều nữa,” Harry nói, thò tay vào giữa mấy chồng giấy đặt trên bàn làm việc để bật cái máy chiếu treo phía trên cao. Magnus Skarre chử thề và lấy tay che mắt khi những dòng chữ mờ đột nhiên hiện ra trên mặt mình. Skarre dịch sang chỗ khác, giọng nói của Harry vang lên từ phía sau máy chiếu.

“Lá thư này xuất hiện trong hòm thư của tôi cách đây đúng hai tháng. Không ghi địa chỉ người gửi, có dấu bưu điện Oslo. In bằng máy in phun thông thường.”

Harry chưa kịp nhờ thì Katrine Bratt đã nhấn công tắc đèn ở cạnh cửa ra vào, khiến cả phòng chìm trong bóng tối. Một ô sáng hiện lên trên bức tường sơn trắng.

Bốn người lặng lẽ đọc.

Không lâu nữa tuyết đầu mùa sẽ đến. Và lúc ấy hãn sẽ tại hiện ra. Người tuyết. Khi tuyết tan là lúc hãn bắt đi một kẻ khác. Hãy tự hỏi bản thân điều này: “Ai đã tạo ra người tuyết? Ai đang đắp nên những người tuyết? Ai đã sinh ra Murri?” Bởi điều ấy người tuyết nào có hay.

“Đầy thi vị,” Bjørn Holm lẩm bẩm.

“Murri là cái gì?” Skarre hỏi.

Tiếng vù vù của chiếc quạt bên trong máy chiếu vang lên đều đều thay cho lời đáp.

“Câu hỏi thú vị nhất phải là, người tuyết là ai,” Katrine Bratt nói.

“Dĩ nhiên là một thằng ấm đầu,” Bjørn Holm đáp.

Tiếng cười đơn độc của Skarre nhanh chóng bị cắt ngang.

“Murri là biệt danh của một kẻ giờ đã chết,” giọng nói của Harry cất lên từ trong bóng tối. “Người Murri vốn là một bộ tộc thổ dân ở Queensland, Australia. Gã Murri này khi còn sống đã sát hại nhiều phụ nữ trên khắp Australia. Không ai biết chính xác số người chết là bao nhiêu. Tên thật của hắn là Robin Toowoomba.”

Quạt vẫn quay o o.

“Tên sát nhân hàng loạt,” Bjørn Holm nói. “Kẻ đã bị anh bắn hạ.”

Harry gật đầu.

“Nói vậy nghĩa là anh cho rằng chúng ta đang phải đương đầu với một kẻ như vậy?”

“Lá thư này cho thấy ta không thể loại trừ khả năng đó.”

“Ồi chà. Tấp vào lề cái đã, ông anh!” Skarre giơ hai tay lên. “Từ sau khi thành người nổi tiếng nhờ phi vụ xử chuột túi, đã bao nhiêu lần anh hô hào có biến rồi hả Harry?”

“Ba lần,” Harry đáp, “ít nhất cũng chừng ấy.”

“Thế mà ở Na Uy đã xuất hiện tên giết người hàng loạt nào đâu.” Skarre liếc nhìn Bratt như để chắc chắn cô vẫn chú ý. “Có phải vì anh tham gia khóa học của FBI về sát nhân hàng loạt không? Vì thế mà nhìn đâu anh cũng thấy chúng à?”

“Có thể,” Harry đáp.

“Xin nhắc để anh nhớ, ngoài vụ gã y tá tiêm thuốc cho vài ông già bà cả đảng nào cũng sắp về châu trời, thì ở Na Uy này chưa bao giờ xuất hiện sát nhân hàng loạt. Chưa bao giờ. Những kẻ đó chỉ có ở Mỹ thôi, mà ngay cả thế đi nữa cũng toàn ở trên phim là chính.”

“Nhầm rồi,” Katrine Bratt nói.

Mọi người quay sang nhìn cô. Cô cố ghì một cái ngáp dài.

“Thụy Điển, Pháp, Bỉ, Anh, Italy, Hà Lan, Đan Mạch, Nga, Phần Lan. Mà đó mới chỉ là những vụ đã được phá. Còn chưa tính những số liệu thống kê ẩn đâu đây.”

Harry không nhìn thấy khuôn mặt đỏ lựng của Skarre trong bóng tối mà chỉ thấy bóng dáng cái cằm vênh lên, hướng về phía Bratt đầy thách thức.

“Đã tìm được cái xác nào đâu, và tôi có thể cho cô xem cả ngăn kéo đầy chóc những lá thư kiểu đó. Của những kẻ còn khủng hơn cả gã... gã... Người Tuyết này.”

“Sự khác nhau nằm ở chỗ,” Harry nói, đứng dậy và ung dung bước đến bên cửa sổ, “gã khủng này đã điều tra rất kỹ. Cái tên Murri không hề xuất hiện trên mặt báo vào thời điểm ấy. Murri là biệt danh Robin Toowoomba từng dùng khi còn là võ sĩ quyền Anh của gánh xiếc rong.”

Những tia sáng cuối ngày le lói qua kẽ mây. Harry nhìn đồng hồ. Oleg nhất định đòi đến sớm để có thể xem cả ban nhạc Slayer nữa.

“Vậy mình bắt đầu từ đâu?” Bjørn Holm lẩm bẩm.

“Hở?” Skarre nói.

“Vậy thì mình phải bắt đầu điều tra từ đâu?” Holm nhắc lại, nhấn từng chữ một cách cường điệu.

Harry quay lại bàn làm việc.

“Holm kiểm tra lại căn nhà và sân vườn của gia đình Becker, tạm coi như là hiện trường vụ án đi. Chú ý khám nghiệm kỹ cái điện thoại và chiếc khăn quàng. Skarre, cậu lọc ra một danh sách những kẻ có tiền án giết người, cưỡng hiếp, bị tình nghi trong...”

“... các vụ tương tự và những tên cặn bã khác vẫn còn nhõn nhợ ngoài kia,” Skarre tiếp lời.

“Bratt, cô đọc qua báo cáo của các vụ mất tích xem có phát hiện ra được mô thức nào không.”

Harry chờ đợi câu hỏi tất yếu: Mô thức kiểu gì? Nhưng Katrine Bratt không nói mà chỉ gật nhanh một cái.

“Được rồi,” Harry nói. “Mọi người vào việc đi.”

“Vậy còn anh?” Bratt hỏi.

“Tôi đi xem ca nhạc,” Harry đáp.

Khi những người khác đã rời đi, anh cúi nhìn cuốn sổ của mình. Trên đó anh chỉ ghi đúng ba từ: *Số liệu ẩn*.

Sylvia bỏ chạy thực mạng. Cô nhắm về hướng cây cối mọc dày nhất mà chạy trong bóng tối đang dần phủ khắp không gian. Cô chạy để bảo toàn mạng sống

của chính mình.

Đôi bớt ban nãy cô chưa kịp buộc dây giờ đã ngập đầy tuyết. Cô cầm chiếc rìu nhỏ giờ ra phía trước trong lúc lao qua tầng tầng lớp lớp những cành cây la đà trĩu lá. Lưỡi rìu nhuộm máu đỏ tươi bóng loáng.

Cô biết tuyết rơi ngày hôm qua giờ đã tan hết trong thành phố, nhưng dù Sollihøgda nằm cách đó chỉ chừng nửa giờ chạy xe, ở đây tuyết vẫn có thể bao phủ đến tận khi xuân về. Giờ đây, cô ước gì gia đình mình chưa từng chuyển đến nơi khi họ còn gầy, chốn hoang vu nằm bên rìa thành phố này. Ước gì cô đang chạy trên mặt đường nhựa đen, tại một thành phố với những thanh âm ồn ào át đi tiếng động phát sinh trong lúc trốn chạy và cô có thể ẩn mình an toàn trong đám đông. Nhưng ở đây, Sylvia hoàn toàn đơn độc.

Không.

Không hoàn toàn như vậy.

ngày thứ ba

CỔ THIÊN NGÀ

Sylvia chạy vào trong khu rừng. Đêm đang dần buông. Mọi khi cô rất ghét những ngày tháng Mười một chớp mắt đã tối, nhưng hôm nay cô chỉ mong đêm đến thật sớm. Cô kiếm tìm bóng tối thẳm sâu trong rừng, bóng tối có thể xóa dấu chân cô trên tuyết và giúp cô ẩn thân. Đường đi lối lại quanh đây cô đều nắm rõ; cô có thể xác định vị trí của mình để khỏi đi nhầm đường về trang trại hoặc sa vào... vào tay nó. Có điều, tuyết rơi đã khiến cảnh vật thay đổi chỉ trong một đêm, tuyết phủ trắng lối mòn và những tảng đá thân quen, san phẳng địa mạo. Khi trời chạng vạng... mọi thứ xung quanh biến đổi và trở nên méo mó bởi bóng tối. Và cũng bởi nỗi khiếp sợ của chính cô.

Cô dừng lại lắng nghe. Tiếng thở hỗn hển, dồn dập phá tan không gian tĩnh mịch, nghe như tiếng xé tờ giấy nển gói đồ ăn trưa của hai con cô vậy. Cô cố gắng kiểm soát nhịp thở. Âm thanh duy nhất cô nghe được là tiếng mạch đập thành thịch và tiếng suối chảy róc rách. Dòng suối! Gia đình cô thường men theo đó mỗi lần hái quả mọng, đặt bẫy hoặc tìm kiếm lũ gà, dù trong thâm tâm họ đều biết chúng đã thành bữa ăn cho cáo mất rồi. Dòng suối dẫn đến một con đường rải sỏi, ở đó, sớm muộn gì cũng có xe chạy qua.

Cô không nghe thấy tiếng chân nữa. Không có cả tiếng cành cây gãy, tiếng tuyết lạo xạo. Cô đã thoát được rồi chăng? Cô cúi người và vội vã chạy về hướng có tiếng nước chảy.

Dòng suối trông như đang chảy qua tấm ga trải giường trắng tinh phủ lên chỗ trũng trên nền đất rừng.

Sylvia lập tức lao xuống. Nước ngập đến mắt cá chân, chẳng mấy chốc đã thấm vào đôi boot của cô. Dòng nước lạnh căm khiến cơ chân cô tê cứng. Rồi cô lại tiếp tục chạy. Xuôi theo dòng nước chảy. Tiếng lội nước bì bõm vang lên rõ to khi cô nhấc chân để rải những bước dài, đi xa hơn. Không để lại dấu vết, cô đặc thẳng ngẫm thâm. Và mạch trong người cô dần chậm lại, dấu lúc này cô đang ra sức chạy.

Thành quả đó có được hẳn là nhờ quá trình luyện tập trên máy đi bộ ở trung tâm thể dục thẩm mỹ hồi năm ngoái. Cô đã giảm sáu cân và có thể tự tin tuyên bố vóc dáng của mình ăn đứt nhiều phụ nữ ba mươi lăm tuổi khác. Ít ra thì đó là lời của Yngve, người đàn ông cô gặp lần đầu trong buổi hội thảo gọi là để truyền cảm hứng vào năm ngoái. Lúc đó cảm hứng của cô quả thực đã đi quá giới hạn. Trời ơi, ước gì cô có thể quay ngược thời gian. Trở lại thời điểm mười năm trước. Có biết bao điều cô sẽ làm khác đi! Cô sẽ chẳng đời nào kết hôn với Rolf. Và cô sẽ thay đổi quyết định phá thai. Dĩ nhiên đó là điều không thể khi giờ đây cô đã có hai cô con gái sinh đôi. Nhưng trước khi có con, trước khi cô sinh Emma và Olga, tất cả đều có thể, và lúc này đây cô đã chẳng vùi dập bản thân trong chốn ngục tù cô tự dựng lên quanh mình một cách tỉ mỉ đến thế.

Cô gạt đi những cành cây sà xuống phía trên dòng suối, qua khước mắt cô bỗng thấy có gì đấy, một con vật, giật mình theo phản xạ rồi mất hút trong khung cảnh tranh tối tranh sáng của khu rừng.

Cô chợt nghĩ rằng có vung tay cũng phải cẩn thận kéo lại đập rìu vào chân. Mới mấy phút trôi qua thôi mà cảm giác cứ như thể đã lâu lắm rồi kể từ lúc cô ở trong nhà kho làm thịt gà đến giờ. Cô đã chặt được hai cái đầu và đang chuẩn bị xử con thứ ba thì cửa nhà kho đột nhiên kéo kẹt vang lên sau lưng. Cô lo sợ cũng phải thôi, chỉ có mỗi mình cô và cô không nghe thấy tiếng chân hay tiếng xe trong sân. Thứ đầu tiên cô trông thấy là một dụng cụ lạ lùng, một vòng thông lọng bằng kim loại mảnh gắn vào tay cầm. Trông nó giống như bẫy thông lọng bắt cáo vậy. Và khi người cầm dụng cụ lên tiếng, cô dần hiểu ra mình chính là con mồi, cô sẽ là người sắp mất mạng.

Cô được cho biết nguyên do.

Cô lắng nghe lập luận bệnh hoạn nhưng dễ hiểu, trong lúc đó máu trong người cô chảy chậm dần như thể đã bắt đầu đông lại. Tiếp theo là đến cách thức. Thật chi tiết. Vòng dây bắt đầu sáng lên, trước là màu đỏ, sau chuyển sang trắng. Đúng lúc ấy tay cô vung lên trong hải hùng, cô cảm nhận được lưỡi rìu mới mài xé rách lớp áo bên dưới cánh tay đang giơ cao, nhìn thấy áo khoác và áo len toạc ra như phéc mơ tuya vừa bị mở, lưỡi rìu thép rạch một đường đỏ tươi trên làn da trần. Khi kẻ đó loạng choạng lùi lại và ngã bổ chửng trên sàn

gỗ trơn nhẵn máu gà, cô lao ra cửa sau nhà kho. Cánh cửa dẫn vào rừng. Vào trong bóng tối.

Cảm giác tê bại dần lan tới đầu gối, quần áo ướt sũng đến tận rốn. Nhưng cô biết chẳng mấy chốc mình sẽ tới được con đường rải sỏi. Từ đó chạy tiếp đến trang trại gần nhất thì chỉ mất mười lăm phút là cùng. Dòng suối đột ngột đổi hướng. Bỗng cô vấp phải thứ gì đó gồ lên dưới đáy nước. Một tiếng rắc vang lên, cảm giác như ai đó vừa tóm lấy bàn chân cô, ngay sau đó Sylvia Ottersen đổ nhào. Cô ngã sấp mặt, nuốt phải nước suối có vị đất bẩn và lá mục, rồi cô chống tay quỳ dậy. Khi biết nơi đây vẫn chỉ có mình cô, và khi nỗi kinh hoàng đầu tiên qua đi, cô mới nhận ra chân mình mắc kẹt. Cô lùa tay xuống nước lần mò, chắc chắn sẽ thấy đám rễ cây quấn quanh chân, nhưng ngón tay cô lại chạm phải thứ gì đó trơn nhẵn, rắn chắc. Là kim loại. Một cái vòng bằng kim loại. Sylvia đưa mắt nhìn quanh để xem mình vừa đá phải vật gì. Và kia, trên bờ suối phủ tuyết, cô trông thấy nó. Nó có mắt, có lông và cái mào màu đỏ nhạt. Cảm giác hãi hùng lại trỗi dậy. Đó là một cái đầu gà bị chặt đứt. Không phải một trong hai con gà cô mới thịt, mà cái đầu này do Rolf đặt. Làm mỗi nhữ. Năm ngoái, sau khi viết đơn trình báo chính quyền địa phương về việc mười sáu con gà bị cáo ăn mất, gia đình cô được họ cho phép đặt một số lượng bẫy nhất định - loại bẫy có tên là cổ thiên nga - trong vòng bán kính giới hạn quanh trang trại, cách xa đường mòn. Vị trí đặt bẫy lý tưởng nhất là dưới nước cho mỗi nhô lên trên. Khi cáo cắn mồi, bẫy sẽ sập xuống, bẻ gãy cổ con vật khiến nó chết ngay tức khắc. Ít nhất về lý thuyết là như vậy. Cô dùng tay mò mẫm. Khi họ mua bẫy ở trung tâm Jaktdepotet tại Drammen, người bán có nói lò xo khỏe đến nỗi hai hàm răng lược thừa sức bẻ gãy cẳng chân người trưởng thành, nhưng bàn chân tê cóng của cô không hề có cảm giác đau đớn. Ngón tay cô chạm tới sợi dây thép mảnh gắn vào cổ thiên nga. Không có đòn bẫy thì cô chẳng thể mở bẫy ra được, mà đòn bẫy lại nằm trong kho dụng cụ ở trang trại, và thông thường họ sẽ dùng dây thép buộc chặt cổ thiên nga vào thân cây để cáo hoặc con thú nào đó chưa chết hẳn không thể lôi theo công cụ đặt tiền ấy chạy mất. Cô lần theo sợi dây thép dưới nước và lên tận bờ suối. Trên đó có một tấm biển kim loại đề tên chủ bẫy theo quy định.

Cô chờ người. Có phải cô vừa nghe thấy tiếng cành cây gãy phía đằng xa? Tim Sylvia lại đập như trống dồn trong lúc cô căng mắt nhìn khắp bốn bề mù

tối.

Những ngón tay tê bại lần theo sợi dây thép ẩn trong tuyết khi cô bò lên bờ suối. Sợi dây quấn quanh một cây bạch dương non vững chãi. Cô tìm thấy nút thắt nằm dưới tuyết. Cái nút đã cứng lại thành một khối rắn chắc. Bằng mọi giá cô phải tháo ra, phải thoát thân cho kỳ được.

Lại một tiếng gãy rắc. Tiếng vang lên gần hơn.

Cô dựa người vào thân cây, ngược với hướng vừa phát ra tiếng động. Tự nhủ bản thân đừng hoảng hốt, nút thắt rồi sẽ bung ra sau một hồi kéo giật, và chân cô vẫn lành lặn, tiếng động đang mỗi lúc một gần kia chỉ là do con hươu nào đó gây ra thôi. Cô cố kéo một đầu dây buộc, cái móng tay gãy cũng không khiến cô thấy đau. Nhưng vô ích. Cô cúi xuống, hai hàm răng cắn vào dây thép đánh rắc. Quỷ tha ma bắt! Có tiếng chân nhẹ nhàng rảo bước trên tuyết và nín thở. Tiếng chân dừng lại đâu đó phía bên kia cái cây. Có thể cô đang thần hồn nát thần tính, nhưng hình như cô nghe thấy nó hít hà đánh hơi. Cô ngồi không dám nhúc nhích. Rồi nó lại di chuyển. Âm thanh lần này khẽ khàng hơn. Nó đi xa dần.

Cô run rẩy hít một hơi dài. Giờ cô phải tìm cách giải thoát cho chính mình. Quần áo của cô ướt sũng, chắc chắn đêm nay cô sẽ chết cóng ngoài này nếu không ai tìm thấy cô. Đột nhiên cô sực nhớ ra. Chiếc rìu! Cô quên mất còn có chiếc rìu. Sợi dây kim loại mảnh thôi. Đặt nó lên một tảng đá rồi bổ vài nhát thật chuẩn là cô sẽ được tự do. Chiếc rìu chắc là rơi xuống suối rồi. Cô lại bò xuống dòng nước tối đen, lùa tay tìm kiếm dưới đáy gồ ghề đá sỏi.

Không thấy gì cả.

Cô tuyệt vọng quỳ sụp xuống, đưa mắt nhìn tuyết hai bên bờ suối. Thế rồi cô nhác thấy lưỡi rìu nhô lên khỏi mặt nước cách cô hai mét. Nhưng cô đã nhận ra trước cả khi cảm thấy sợi dây kéo giật lại, trước khi cô nằm bẹp xuống dòng suối với những mảng tuyết đang tan róc rách trôi phía trên, lạnh đến nỗi cô cứ ngỡ tim mình ngừng đập, vươn người về phía chiếc rìu như kẻ hành khất trong con cùng quẫn, cô đã biết trước mình vẫn còn cách nó những nửa mét. Bàn tay cô siết lại trong không trung, cách cán rìu năm mươi xentimet. Nước mắt cô ứa ra nhưng cô cố ghì lại, sau này khóc cũng chưa muộn.

“Cô đang tìm thứ này phải không?”

Nãy giờ cô không hề nhìn thấy hay nghe thấy gì cả. Thế nhưng trước mặt cô là một hình bóng đang ngồi chồm hổm. Là nó. Sylvia luống cuống lùi lại phía sau, nhưng hình bóng đó đi theo hướng về phía cô, cùng với cái rìu.

“Cầm lấy đi.”

Sylvia quỳ dậy và đón lấy chiếc rìu.

“Cô định dùng nó để làm gì?” giọng nói đó hỏi.

Sylvia cảm thấy cơn giận bùng lên trong cô, cơn giận luôn song hành cùng nỗi sợ, và sự kết hợp ấy mang lại một sức mạnh thật khủng khiếp. Cô lao tới trước, rìu giơ lên cao và thẳng tay chém xuống. Nhưng sợi dây kéo giật cô lại; chiếc rìu chỉ rạch vào bóng tối, và tích tắc sau cô lại đắm mình xuống nước.

Bóng người bật cười khùng khục.

Sylvia ngã nghiêng. “Cút đi,” cô rên lên, nhổ cát sỏi trong miệng ra.

“Tôi muốn cô ăn tuyết,” kẻ đó nói, đứng dậy và khép tạm phần áo khoác bị xé rách.

“Cái gì?” Sylvia không tìm được bật kêu lên.

“Tôi muốn cô ăn tuyết cho tới khi tè ra quần.” Bóng người đứng ngoài phạm vi với tới của sợi dây thép, nghiêng đầu nhìn Sylvia. “Tới khi dạ dày cô đông cứng và căng đầy đến nỗi tuyết bên trong không tan ra được nữa. Tới khi trong bụng cô chỉ toàn băng đá. Tới khi cô trở về với đúng bản chất của mình. Một thứ hoàn toàn vô cảm.”

Sylvia nghe rõ những lời nói, nhưng không sao hiểu được ý nghĩa. “Đừng hòng!” cô hét lên.

Một tiếng động vang lên từ phía kẻ đó và hòa với tiếng róc rách của dòng chảy. “Đến lúc la hét rồi đây, Sylvia thân mến. Vì sau này sẽ chẳng còn ai nghe được giọng cô nữa đâu. Không bao giờ.”

Sylvia trông thấy nó giơ một vật lên. Thứ đó bỗng phát sáng. Một vòng dây hình giọt nước đỏ rực trong bóng tối. Nó phát ra tiếng xèo xèo và bốc khói khi chạm vào mặt nước. “Rồi cô sẽ chọn ăn tuyết thôi. Tin tôi đi.”

Sylvia chờ người hiểu chắc chắn rằng giờ chết của cô đã điểm. Chỉ còn một cơ hội nữa thôi. Trong vài phút vừa qua màn đêm đã ập tới rất nhanh, nhưng cô cố hướng sự tập trung vào hình bóng đang đứng giữa những hàng cây trong lúc

thử tính toán với chiếc rìu trên tay. Dòng máu chảy ngược khiến ngón tay cô râm ran, dường như nó cũng biết đây là cơ hội cuối cùng. Nhà cô đã tập trò này nhiều lần, cô và hai đứa sinh đôi. Với bức tường nhà kho. Mỗi lần cô phóng rìu và một trong hai đứa trẻ chạy tới rút chiếc rìu ra khỏi tấm bia hình con cáo, chúng hân hoan reo lên: “Mẹ giết được quái vật rồi! Quái vật chết rồi!” Sylvia đặt một chân lên phía trước đôi chút. Bước đà là điều kiện hoàn hảo để kết hợp sức mạnh và sự chuẩn xác.

“Người điên rồi,” cô thì thầm.

“Điều đó...” bóng người lên tiếng, và Sylvia dường như cảm nhận được trong đó ẩn chứa một nụ cười nhạt, “chắc không có gì phải nghi ngờ.”

Với một tiếng *vụt* khẽ, chiếc rìu bay đi trong màn đêm đen đặc gần như sờ thấy được. Sylvia đứng đó trong tư thế cân bằng tuyệt đối, cánh tay phải chìa về phía trước, dõi theo thứ vũ khí chết người. Nhìn nó bay vèo qua rặng cây. Nghe tiếng một cành cây gãy guộc bị chặt gãy. Thấy nó mất hút trong bóng tối và nghe tiếng *thịch* trầm đục khi chiếc rìu cắm phập xuống tuyết đâu đó sâu trong rừng.

Cô lại dựa người vào thân cây và từ từ sụm xuống. Những giọt lệ lại đọng đầy trong mắt, nhưng lần này cô không buồn kìm giữ. Bởi giờ đây cô nhận ra. Sau đó sẽ chẳng còn gì nữa.

“Ta bắt đầu nhé?” giọng nói đó nhẹ nhàng cất lên.

ngày thứ ba

VỰC THẨM

“Quá *tuyệt* phải không chú?”

Giọng nói đầy hào hứng của Oleg át đi tiếng mỡ xèo xèo trong cửa hàng kebab đông nghịt khách khứa sau buổi trình diễn âm nhạc tại cung thể thao Oslo Spektrum. Harry gật đầu với Oleg, đang đứng đó trong chiếc áo nỉ có mũ, vẫn nhể nhại mồ hôi, vẫn nhún nhảy theo nhịp beat và luôn miệng nhắc đến tên các thành viên trong ban nhạc Slipknot, những cái tên mà ngay cả Harry cũng chẳng biết vì những CD của Slipknot rất ít đề cập đến thông tin cá nhân, còn những tạp chí âm nhạc như *MOJO* và *Uncut* thì lại chẳng viết về mấy ban nhạc kiểu đó. Harry gọi hamburger và xem đồng hồ. Rakel nói cô sẽ đứng chờ ở ngoài lúc mười giờ. Harry đưa mắt nhìn Oleg một lần nữa. Nó vẫn nói không ngừng nghỉ. Chuyện này xảy ra từ lúc nào vậy nhỉ? Từ khi nào thằng bé mới mười một tuổi lại đi thích thể loại nhạc nói về cái chết ở mọi cấp độ, sự kỳ thị, cảm giác tê liệt và tận thế nói chung? Đáng lẽ Harry nên lo lắng mới phải, nhưng không. Đó là điểm khởi đầu, là nỗi tò mò cần được thỏa mãn, giống như những bộ quần áo phải thử mới biết có vừa hay không. Rồi sau này nhiều thứ khác nữa sẽ đến với thằng bé. Thứ tốt hơn. Thứ tệ hơn.

“Chú cũng thích đúng không Harry?”

Harry gật đầu. Anh không nhớ nói với Oleg rằng buổi biểu diễn này có phần đáng thất vọng đối với anh. Anh không rõ nguyên nhân vì đâu; có thể chỉ đơn giản là tối nay anh không có hứng. Khi hai chú cháu vừa hòa vào đám đông ở Spektrum, trong anh đã dậy lên cảm giác hoang tưởng thường xuất hiện mỗi lần uống say, nhưng suốt một năm nay nó vẫn tìm đến ngay cả những lúc anh tỉnh táo. Thế là thay vì đắm chìm trong không khí âm nhạc, anh lại cảm thấy như đang bị theo dõi và cứ đứng đó nhìn khắp đám đông khán giả, chăm chú quan sát từng tầng lớp lớp những khuôn mặt quanh mình.

“Slipknot là số một,” Oleg nói. “Mấy cái mặt nạ cực chất luôn. Nhất là cái có mũi nhỏ, dài ấy ạ. Trông giống như... như...”

Harry nghe tai nọ ra tai kia, thầm mong Rakel sớm đến nơi. Không khí trong quán kebab bỗng trở nên nặng nề và ngột ngạt, như thể một lớp mỡ mỏng dính trên da và trên miệng. Anh cố gạt đi ý nghĩ đang lăm le xuất hiện. Nhưng nó vẫn đang trên đà kéo tới và đã sắp lộ diện. Ý nghĩ muốn uống một ly.

“Là mặt nạ người chết của thổ dân Anh điêng,” một giọng phụ nữ cất lên phía sau lưng hai chú cháu. “Và Slayer ăn đứt Slipknot.”

Harry kinh ngạc quay ngoắt lại.

“Slipknot hay phô diễn tạo dáng lắm, phải vậy không?” cô nói tiếp. “Ý tưởng toàn xào xáo lại, động tác thì vô nghĩa.”

Cô mặc chiếc áo khoác đen bóng ôm sát, dài đến mắt cá chân, cài cúc tới tận cổ, chỉ để lộ đôi mắt đen bên dưới. Khuôn mặt cô nhợt nhạt và đôi mắt được trang điểm.

“Không thể tin nổi,” Harry nói. “Cô lại thích thể loại nhạc đó kia đấy.”

Katrine Bratt cười nhẹ. “Tôi cũng có thể nói điều ngược lại.”

Cô không giải thích rõ hơn và ra hiệu bảo nhân viên trực quầy lấy cho cô chai nước khoáng Farris.

“Slayer dở ẹc,” Oleg khẽ lầm bầm.

Katrine quay sang phía cậu. “Chắc cháu là Oleg.”

“Vâng,” Oleg sừng sĩa đáp, kéo cao chiếc quần kiểu quân đội, trông như thể vừa thích vừa ghét khi được một phụ nữ trưởng thành chú ý đến. “Sao cô biết?”

Katrine mỉm cười. “*Sao cô biết?* Với người sống ở Holmenkollen như cháu, đáng lẽ phải nói là *Sao cô biết à?* mới đúng chứ. Chú Harry làm hư cháu phải không?”

Hai má Oleg nóng bừng lên.

Katrine khẽ cười và vỗ vai Oleg. “Xin lỗi, cô tò mò chút thôi.”

Mặt thẳng bé đỏ lựng đến nỗi lòng trắng trong đôi mắt sáng ánh lên.

“Tôi cũng đang tò mò đây,” Harry nói và đưa một cái hamburger cho Oleg. “Hắn cô đã tìm ra mô thức mà tôi yêu cầu rồi. Vì cô có thời gian đi xem ca nhạc mà.”

Harry nhìn cô với ánh mắt thay lời cảnh cáo: Đừng trêu chọc thẳng bé.

“Tôi đã tìm ra một chi tiết,” Katrine nói, vặn nắp chai nước khoáng Farris. “Nhưng giờ anh đang bận nên để mai nói cũng được.”

“Tôi không *quá* bận đâu,” Harry nói. Anh đã quên luôn mùi mỡ và cảm giác ngọt ngọt ban này.

“Đó là vấn đề tối mật mà đây lại là chỗ đông người,” Katrine nói. “Nhưng tôi có thể nói nhỏ với anh đôi ba từ then chốt.”

Cô rướn người lại gần, ngoài mùi mỡ trong quán, anh có thể ngửi thấy hương nước hoa gần như nam tính của cô và cảm nhận hơi thở ấm áp phả vào tai mình.

“Một chiếc Volkswagen Passat màu bạc vừa đỗ lại ngoài kia. Người phụ nữ ngồi trong xe cố thu hút sự chú ý của anh. Tôi đoán đó là mẹ của Oleg...”

Harry giật mình đứng thẳng dậy và đưa mắt nhìn về phía chiếc xe qua ô cửa sổ lớn. Rakel đã hạ kính xe xuống và chăm chú nhìn họ.

“Đừng làm bắn xe nhé,” Rakel nói với Oleg khi nó nhảy vào ghế sau với chiếc hamburger trong tay.

Harry đứng bên cửa sổ xe để ngó. Rakel mặc chiếc áo len trơn, màu xanh dương nhạt. Harry đã quá quen với chiếc áo ấy.

Anh biết rõ mùi hương, biết rõ cảm giác khi áp má và lòng bàn tay lên đó.

“Buổi biểu diễn có hay không?” cô hỏi.

“Em hỏi Oleg ấy.”

“Đúng ra là ban nhạc thuộc thể loại gì vậy?” Cô nhìn Oleg qua gương. “Những người ngoài kia ăn mặc hơi kỳ quái.”

“Toàn là tình ca nhẹ nhàng và mấy kiểu tương tự ấy mà mẹ,” Oleg nói và nháy mắt với Harry một cái thật nhanh khi cô rời mắt khỏi gương.

“Cảm ơn anh, Harry,” cô nói.

“Đừng khách sáo. Em lái xe cẩn thận nhé.”

“Người phụ nữ trong quán là ai vậy?”

“Một đồng nghiệp. Mới gia nhập.”

“Thế à? Vậy mà trông hai người cứ như quen thân lắm.”

“Sao lại thế?”

“Anh...” Đang nói nửa chừng thì cô ngưng bật. Sau đó cô chậm rãi lắc đầu và bật cười. Tiếng cười trầm trầm nhưng vui tươi cất lên từ sâu trong cổ họng. Vừa tự tin lại vừa vô ưu. Tiếng cười đã khiến anh phải lòng cô.

“Xin lỗi, Harry. Chúc anh buổi tối tốt lành.”

Kính xe từ từ dựng lên; rồi chiếc ô tô màu bạc lướt đi.

Harry chen chúc giữa dòng người trên phố Brugata, đi qua những quán bar mở cửa bật nhạc âm ỉ. Anh định đến quán Teddy’s Softbar uống cà phê, nhưng biết rõ đó là ý tưởng không lấy gì làm hay ho. Vì vậy anh quyết định đi tiếp.

“Cà phê á?” Anh chàng phục vụ ở quầy hỏi lại với vẻ kinh ngạc.

Máy phát nhạc ở Teddy đang chơi nhạc của Johnny Cash và Harry lướt một ngón tay lên môi trên.

“Anh có gợi ý nào hay hơn không?” Harry nghe giọng nói thốt ra từ miệng mình mà thấy vừa lạ vừa quen.

“À thì,” anh ta nói, lùa tay qua mái tóc bóng dầu, “cà phê pha không được mới lắm, thế nên hay là làm cốc bia tươi nhé?”

Johnny Cash đang hát về Chúa trời, lễ rửa tội và bao hứa hẹn mới mẻ.

“Được,” Harry nói.

Anh chàng kia toét miệng cười.

Đúng lúc ấy, Harry cảm thấy điện thoại di động trong túi rung lên. Anh vội vã, tham lam chớp lấy nó như thể đang mong ngóng cuộc gọi này.

Người gọi là Skarre.

“Chúng tôi vừa nhận được một cuộc gọi báo mất tích khớp với tiêu chí của ta. Phụ nữ đã lập gia đình và có con. Vài tiếng trước, ông chồng và các con về nhà nhưng không thấy cô ta đâu cả. Họ sống tít tận trong khu rừng ở Sollihøgda. Hàng xóm xung quanh không trông thấy cô vợ, và cô ta không thể lái xe bỏ đi vì ông chồng đang dùng xe. Trên đường cũng không thấy dấu chân nào.”

“Dấu chân ư?”

“Trên đó tuyết vẫn chưa tan.”

Cốc bia được đặt đánh cộp xuống trước mặt Harry.

“Harry? Anh có đó không vậy?”

“Có đây. Tôi đang mài nhĩ.”

“Nhĩ gì?”

“Ở đó có người tuyết nào không?”

“Hở?”

“Người tuyết ấy.”

“Làm sao tôi biết được?”

“Thì ta tới đó tìm hiểu xem. Cậu lái xe đến đón tôi ở bên ngoài trung tâm thương mại Gunerius trên phố Storgata nhé.”

“Để mai không được sao, Harry? Tối nay tôi có tí việc bận, mà người phụ nữ đó mới mất tích thôi, cần gì phải gấp.”

Harry nhìn đám bột trườn xuống thân cốc bia như thể rắn bò.

“Đúng ra...” Harry nói, “... là gấp quá đi chứ.”

Anh chàng bartender ngờ ngàng nhìn cốc bia vẫn còn nguyên, tờ năm mươi krone đặt trên mặt quầy và đôi vai rộng xăm xăm đi ra cửa trong tiếng nhạc Johnny Cash đang dần tắt lịm.

“Sylvia sẽ không đời nào bỏ đi như thế,” Rolf Ottersen nói.

Rolf Ottersen gầy tong teo. Nói đúng hơn là anh ta chỉ có da bọc xương. Anh ta mặc chiếc sơ mi vải flannel cài kín cúc, từ đó trôi lên một cái cổ cò hương và cái đầu khiến Harry liên tưởng đến một loài chim lội nước. Thò ra khỏi ống tay áo là đôi tay thuần với những ngón dài gầy guộc liên tục cong lại, vặn vẹo, xoắn xuýt vào nhau. Bàn tay bên phải có móng dài được dũa sắc như vuốt. Phía sau cặp kính dày với gọng kim loại tròn đơn giản thường thấy ở những người theo quan điểm cấp tiến hồi thập niên bảy mươi, đôi mắt anh ta có vẻ to bất thường. Trên bức tường sơn màu vàng mù tạt treo một tấm áp phích có hình những người Anh điêng đang vác một con trăn Nam Mỹ. Harry nhận ra bìa đĩa LP của Joni Mitchell từ thời Đồ Đá của dân hippie. Cạnh đó là bản sao bức chân dung tự họa nổi tiếng của Frida Kahlo. Người phụ nữ khốn khổ, Harry thầm nghĩ. Bức tranh được một phụ nữ lựa chọn. Sàn nhà lát gỗ thông thô, căn phòng được chiếu sáng nhờ sự kết hợp của những cây đèn bão cổ và đèn bằng đất sét nung màu nâu trông như đồ tự làm. Dựa vào bức tường

trong góc nhà là một cây ghita dây nylon, Harry đoán đó là lý do Rolf Ottersen để móng tay dài nhọn.

“Ông nói bà ấy *không* đời nào bỏ đi nghĩa là sao?” Harry hỏi.

Trên chiếc bàn phòng khách trước mặt Harry, Rolf Ottersen đã đặt sẵn tấm ảnh chụp vợ cùng hai cô con gái sinh đôi Olga và Emma mới lên mười. Sylvia Ottersen có đôi mắt to đại, giống như mắt người đeo kính lâu năm rồi sau chuyển sang dùng kính áp tròng hoặc phẫu thuật laser. Cặp sinh đôi được thừa hưởng đôi mắt của bà mẹ.

“Nếu đi, cô ấy sẽ nói,” Rolf Ottersen giải thích. “Hoặc để lại lời nhắn. Chắc chắn là cô ấy gặp chuyện rồi.”

Dù đang trong lúc tuyệt vọng nhưng giọng nói của anh ta vẫn khê khàng. Rolf Ottersen rút chiếc khăn mùi soa trong túi quần ra và đưa lên mặt. Anh ta có chiếc mũi lớn bất thường trên khuôn mặt nhỏ nhợt nhạt. Anh ta hỉ mũi một cái to như tiếng kèn đồng.

Skarre thò đầu vào qua ngưỡng cửa. “Đội huấn luyện chó nghiệp vụ đến rồi. Họ dẫn theo một con chó tìm xác.”

“Vậy tiến hành đi thôi,” Harry nói. “Cậu hỏi hết hàng xóm xung quanh chưa?”

“Đã hỏi. Vẫn không thu được gì cả.”

Skarre đóng cửa lại, và Harry nhận thấy đôi mắt Ottersen phía sau cặp kính càng mở lớn.

“Chó tìm xác ư?” Ottersen thì thầm.

“Đó là tên gọi chung thôi mà,” Harry nói, thầm nhủ phải nhớ chỉ cho Skarre vài mẹo để cậu ta chú ý lời ăn tiếng nói hơn mới được.

“Vậy các anh cũng dùng chúng để tìm người sống phải không?” Giọng người chồng nghe như đang van xin.

“Vâng, dĩ nhiên rồi,” Harry thà nói dối còn hơn phải thú thật với anh ta rằng chó tìm xác có nhiệm vụ đánh hơi tìm kiếm vị trí xác chết. Chúng không được dùng để tìm ma túy, tài sản thất lạc hoặc người sống. Chúng chỉ chuyên tìm người chết. Có thể thôi.

“VẬY ông nhìn thấy bà ấy lần cuối là vào lúc bốn giờ chiều nay,” Harry nói, cúi nhìn cuốn sổ tay. “Trước khi ông và hai con lái xe vào thành phố. Bố con ông tới đó để làm gì?”

“Tôi trông cửa hàng trong lúc các con đi học violin.”

“Cửa hàng?”

“Chúng tôi có một cửa hàng nhỏ ở khu Majorstuen chuyên bán hàng thủ công châu Phi. Mỹ nghệ, nội thất, vải vóc, quần áo, nhiều thứ lắm. Hàng nhập khẩu trực tiếp từ các nghệ nhân, họ được trả công xứng đáng. Sylvia trông cửa hàng là chính, nhưng thứ Năm hằng tuần chúng tôi mở cửa muộn, vì vậy cô ấy sẽ lái xe về nhà và tôi đưa hai đứa nhỏ đi. Tôi ở lại cửa hàng trong lúc chúng đi học violin ở Học viện Âm nhạc Barrat Due từ năm giờ đến bảy giờ. Học xong thì tôi đón chúng. Bố con tôi về tới nhà lúc hơn bảy rưỡi một chút.”

“Ừm. Còn ai làm việc ở cửa hàng nữa không?”

“Hết rồi.”

“Thế nghĩa là cửa hàng tạm đóng cửa trong khoảng thời gian ngắn vào các ngày thứ Năm. Chắc tầm một giờ nhỉ?”

Rolf Ottersen mỉm cười chua chát. “Cửa hàng bé lắm. Cũng chẳng có khách mấy. Gần như vắng tanh cho tới tận đợt giảm giá mùa Giáng sinh, nói thật là như vậy.”

“Sao lại thế?”

“Cơ quan Phát triển Quốc tế Na Uy. Họ hỗ trợ các cửa hàng và nhà cung cấp của chúng tôi như là một phần trong chương trình thương mại của chính phủ với những quốc gia thuộc thế giới thứ ba.” Anh ta khẽ ho mấy tiếng. “Thông điệp của chương trình đó quan trọng hơn so với tiền bạc và những lợi ích trước mắt, phải không?”

Harry gật đầu, dù rằng anh không hề nghĩ đến chương trình hỗ trợ phát triển và thương mại công bằng ở châu Phi mà đang muốn hỏi về quãng đường và thời gian lái xe ở Oslo. Từ trong phòng bếp nơi hai cô bé sinh đôi đang ngồi ăn nhẹ lúc tối muộn vọng ra tiếng radio. Anh không trông thấy chiếc ti vi nào trong nhà.

“Cảm ơn ông. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm.” Harry đứng dậy đi ra ngoài.

Trong sân có ba chiếc xe đang đỗ. Một trong số đó là chiếc Volvo Amazon của Bjørn Holm, được sơn lại bằng màu đen với một dải ca rô trên nắp capô và nóc xe. Harry ngược nhìn bầu trời đêm trong lành lấp lánh ánh sao phía trên trang trại nhỏ xíu nằm giữa khoảng rừng trống. Anh hít một hơi dài. Không khí thoang thoang hương gỗ vân sam và mùi củi cháy. Từ bìa rừng, anh nghe thấy tiếng chó thở dốc và những lời khích lệ của viên cảnh sát.

Để tới nhà kho, Harry đi theo đường vòng mà cảnh sát đã vạch ra nhằm không làm ảnh hưởng đến những manh mối có thể sử dụng. Tiếng nói chuyện lao xao vọng ra từ cửa chính để ngỏ. Anh ngồi thụp xuống và chăm chú quan sát những vết chân trên tuyết dưới ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn ngoài sân. Sau đó anh đứng dậy, dựa vào khung cửa và lấy ra một bao thuốc.

“Trông có vẻ giống hiện trường vụ án,” anh nói. “Có máu, có xác và đồ đạc bị lật tung.”

Bjørn Holm và Magnus Skarre ngừng chuyện trò, quay sang và nhìn theo hướng của Harry. Nhà kho rộng rãi thoáng đãng được thắp sáng nhờ một bóng đèn dây tóc duy nhất treo lủng lẳng trên sợi dây cáp quấn quanh một xà nhà. Bên kia nhà kho có một cái máy tiện, đằng sau là tấm ván treo nhiều dụng cụ: búa, cưa, kìm, máy khoan. Không có thiết bị chạy điện. Ở đầu đối diện là một hàng rào dây thép và phía sau là đàn gà đang đậu trên mấy ô chuồng trong hốc tường hoặc đi lại cứng nhắc trên đồng rơm. Ở giữa nhà, trên sàn gỗ mộc, xám xịt, dính đầy máu là ba cái xác không đầu. Harry đưa điều thuốc lên môi mà không châm lửa, bước vào trong, cẩn thận để tránh giẫm phải máu, và ngồi thụp xuống bên cạnh khối gỗ dùng thay thớt để xem xét mấy cái đầu gà. Luồng sáng tỏa ra từ đèn pin chiếu vào những cặp mắt đen đờ dẫn. Trước hết anh cầm lên nửa chiếc lông vũ màu trắng trông như thể bị đốt cháy đen ở rìa, rồi anh nhìn kỹ vết chặt rất ngọt ở cổ mấy con gà. Máu đã đông lại và chuyển sang màu đen. Anh biết việc đó diễn ra nhanh thôi, chỉ chừng hơn nửa giờ đồng hồ một chút.

“Có tìm được điều gì hay ho không?” Bjørn Holm hỏi.

“Nghề này khiến não tôi đi đứt rồi Holm ạ. Giờ nó đang đi phân tích xác gà chết đây.”

Skarre phá lên cười và giơ tay viết tíu báo trong không trung: “Án mạng ba con gà đẫm máu. Thuộc địa phận tà giáo. Harry Hole được chỉ định điều tra.”

“Thứ tôi không tìm được còn hay hơn ấy,” Harry nói.

Bjørn Holm nhướn một bên lông mày, đưa mắt quan sát xung quanh rồi chậm rãi gật đầu.

Skarre nhìn họ với vẻ ngờ vực. “Đó là gì?”

“Hung khí gây án,” Harry đáp.

“Một chiếc rìu,” Holm nói. “Cách giết gà đúng đắn nhất.”

Skarre khịt mũi. “Nếu cô vợ là người làm thịt gà, cô ta hẳn phải cất rìu về chỗ cũ. Nông dân ở đây ngăn nắp lắm.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Harry nói, lắng nghe tiếng gà cục cục như phát ra từ bốn phía. “Vì thế mới thấy lạ khi khối gỗ dùng để chặt lại lộn tùng phèo, xác gà vút lăn lóc xung quanh. Và cái rìu thì không nằm ở đúng chỗ của nó.”

“Chỗ của nó?” Skarre quay sang ngó Holm và đảo tròn mắt.

“Nếu cậu chịu khó xem xét thì sẽ thấy, Skarre ạ,” Harry nói mà không buồn nhúc nhích.

Skarre vẫn nhìn Holm, Holm hất đầu về phía tấm ván đằng sau cái máy tiện.

“Chết tiệt,” Skarre nói.

Trên khoảng trống giữa chiếc búa và cái cửa gỗ có dấu vết một chiếc rìu nhỏ để lại.

Từ ngoài vọng vào tiếng chó sủa, rên ư ử, và sau là tiếng quát của viên cảnh sát, không còn là những lời khích lệ nữa.

Harry đưa tay xoa cằm. “Chúng ta đã tìm khắp nhà kho này rồi, vì thế tạm thời có vẻ như Sylvia Ottersen đã rời khỏi đây trong lúc giết gà, mang theo cả chiếc rìu. Holm, cậu đo nhiệt độ cơ thể mấy con gà này và ước định thời điểm chết nhé?”

“Được.”

“Là sao?” Skarre hỏi.

“Tôi muốn biết cô ta chạy khỏi đây lúc nào,” Harry nói. “Cậu có thu được gì từ những dấu giày ngoài sân không, Holm?”

Anh chàng chuyên gia pháp y lắc đầu. “Nhiều vết giẫm đạp quá, mà tôi cũng cần có thêm ánh sáng. Tôi tìm thấy vài dấu vết của Rolf Ottersen. Ngoài ra còn có mấy dấu chân của những người đi vào nhà kho, nhưng không thấy dấu chân nào từ đó đi ra. Có thể cô ta được ai đó vác đi chăng?”

“Ừm. Nếu vậy thì dấu chân của người vác sẽ hằn sâu hơn. Tiếc là không ai giẫm vào vết máu.” Harry căng mắt ra nhìn những bức tường u tối ngoài tầm chiếu sáng của chiếc bóng đèn. Họ nghe thấy tiếng chó rên tru rất tội nghiệp và tiếng rửa xả tức tối của viên cảnh sát ở ngoài sân.

“Cậu ra xem thử có chuyện gì đi, Skarre,” Harry nói.

Sau khi Skarre đi, Harry lại bật đèn pin lên và tiến về phía bức tường. Anh xoa tay trên những tấm ván gỗ không sơn.

“Anh đang...” Holm nói nhưng rồi ngừng bật khi chiếc bật của Harry đá vào bức tường với một tiếng *cộp* trầm đục.

Bầu trời sao lấp lánh bỗng hiện ra trước mắt họ.

“Là cửa sau,” Harry nói, dăm dăm nhìn khu rừng tối và hình bóng những cây vân sam in trên vòm sáng màu vàng đục của ánh đèn thành phố tỏa ra từ phía xa. Anh chiếu đèn pin lên tuyết. Ánh đèn lập tức soi tỏ những dấu chân để lại.

“Hai người,” Harry nói.

“Là con chó,” Skarre nói khi quay trở vào. “Nó không chịu nhúc nhích.”

“Không nhúc nhích ư?” Harry soi đèn lên loạt dấu chân. Lớp tuyết phản xạ ánh sáng, nhưng dấu vết dần mất hút trong bóng tối bên dưới rừng cây.

“Người huấn luyện không tài nào hiểu nổi. Anh ta nói dường như con chó sợ chết khiếp. Bảo thế nào nó cũng nhất định không chịu đi vào rừng.”

“Có thể nó đánh hơi thấy mùi của lũ cáo,” Holm nói. “Trong rừng này nhiều cáo lắm.”

“Cáo ư?” Skarre hừ mũi. “Con chó to tướng thế, sao lại sợ cáo được.”

“Có thể nó chưa gặp cáo bao giờ,” Harry nói. “Nhưng nó biết nó đánh hơi được mùi của thú săn mồi. Sợ hãi trước những gì mình không biết là điều rất bình thường. Con nào mà không sợ thì đừng mong sống lâu được.” Harry cảm thấy tim mình bắt đầu đập dồn. Và anh biết rõ nguyên nhân. Đó là do khu

rừng. Do bóng tối. Nỗi sợ này thuộc loại không bình thường. Là loại cần phải vượt qua.

“Nơi này từ giờ sẽ được coi là hiện trường vụ án cho tới khi có thông báo khác,” Harry nói. “Mọi người vào việc đi. Tôi sẽ kiểm tra xem dấu vết kia dẫn tới đâu.”

“Được rồi.”

Harry nuốt khan rồi bước ra ngoài qua cửa sau. Chuyện xảy ra đã hơn ba mươi năm trước. Ấy thế mà đến giờ nó vẫn khiến anh sởn gai ốc.

Năm ấy, Harry đang trải qua kỳ nghỉ mùa thu tại nhà ông bà anh ở Åndalsnes. Trang trại nằm trên một sườn đồi bên dãy núi Romsdal hùng vĩ. Cậu bé Harry khi đó mới lên mười đi vào rừng kiếm con bò lạc mà ông cậu đang tìm. Cậu muốn tìm được nó trước ông và tất cả mọi người. Thế là cậu vội vã lao đi. Chạy điên cuồng qua những ngọn đồi với những bụi việt quất mềm mại và rừng bạch dương lùn với dáng hình cong queo, kỳ dị. Lối mòn thoắt ẩn thoắt hiện trong lúc cậu bé chạy theo đường thẳng đến nơi cậu ngỡ như có tiếng chuông vọng giữa rừng cây. Âm thanh ấy lại vang lên, lần này xa hơn một chút về phía bên phải. Cậu nhảy qua dòng suối, khom người luồn dưới tán cây, bò bồm lội qua đồng lầy, đám mây gây mưa đang mỗi lúc một đến gần. Cậu có thể trông thấy màn mưa phún bên dưới đám mây đang trút xuống sườn núi dốc.

Cơn mưa nhỏ đến nỗi Harry không hề nhận ra bóng tối đang dần kéo đến; nó âm thầm trườn ra từ đầm lầy, lẫn lút giữa những tàng cây, tràn xuống qua bóng râm bên sườn núi như dòng sơn đen ngòm và tụ lại ở đáy thung lũng. Cậu bé ngẩng lên nhìn một con chim lớn đang sải cánh chao lượn trên đầu, cao đến chóng mặt, tới nỗi cậu trông thấy cả ngọn núi phía sau. Đột nhiên cậu vấp chân và ngã nhào. Harry chới với đổ sập xuống. Mọi thứ trước mắt bỗng tối sầm, trong mũi và miệng cậu ngập tràn vị của đồng lầy và cái chết, của sự thối rữa và bóng tối. Khi nằm trên mặt đất, trong vài giây ngắn ngủi cậu còn *nắm* được cả vị của bóng tối. Rồi cậu lại đứng lên và thấy rằng ánh sáng đã hoàn toàn tan biến. Tan biến nơi ngọn núi sừng sững đứng đó trong câm lặng, oai nghiêm, thì thầm với cậu rằng cậu chẳng hay mình đang ở đâu, từ lâu rồi cậu nào có biết. Không nhận ra mình vừa đánh mất một chiếc ủng, cậu đứng dậy và bắt đầu chạy. Chẳng mấy chốc cậu sẽ trông thấy thứ gì đó quen thuộc thôi. Nhưng nơi

đây dường như đã trở thành vùng đất bị phù phép; những tảng đá bỗng hóa thành cái đầu của đám sinh vật trỗi dậy từ lòng đất, những bụi cây giống những ngón tay cào xé đôi chân cậu, còn rừng bạch dương lùn là những mục phù thủy vừa gặp người cười như nắc nẻ vừa giơ tay chỉ đường, hướng này hay hướng kia, ấy là lối về hay dẫn tới chốn đọa đày muôn kiếp, đường tới nhà ông bà hay lạc đến chỗ Vực thăm. Người lớn từng kể cho cậu nghe về Vực thăm. Đó là một đầm lầy sâu không đáy, nơi gia súc, con người và cả xe ngựa đã biến mất, không bao giờ trở lại.

Mãi gần đến đêm Harry mới lảo đảo bước vào căn bếp, bà ôm chầm lấy cậu và nói rằng bố cậu, ông cậu và tất cả người lớn ở trang trại gần đó đi tìm cậu suốt thời gian qua. Cậu đã đi lạc ở đâu?

Trong rừng.

Nhưng cậu không nghe thấy tiếng họ gọi ư? Họ đã kêu tên Harry mãi; bà nghe thấy họ không ngừng gọi cậu mà.

Cậu không nhớ chút gì về điều đó cả, nhưng sau này, nhiều lần cậu được nghe kể lại rằng cậu ngồi trên chiếc hộp gỗ trước bếp lò, run rẩy vì lạnh, đắm đắm nhìn về phía xa với vẻ hồ hởi, và đáp: “Cháu không nghĩ đây là người lớn đang gọi mình.”

“Vậy cháu nghĩ là ai?”

“Những kẻ khác. Bóng tối cũng có vị của nó đấy, bà có biết không ạ?”

Harry bước vào trong rừng mới được vài mét thôi mà bầu không khí căng thẳng và tĩnh lặng gần như phi tự nhiên đã kịp bủa vây lấy anh. Anh chiếu đèn pin xuống mặt đất phía trước, vì cứ mỗi lần hướng luồng sáng về phía khu rừng, những cái bóng lại vụt qua rừng cây hệt như những linh hồn giật mình thảng thốt giữa màn đêm đen kịt. Được một vầng sáng soi rọi tách biệt khỏi bóng tối chẳng mang lại cho anh cảm giác an tâm chút nào. Ngược lại là đằng khác. Niềm tin vững chắc rằng anh là thứ dễ thấy nhất đang di chuyển trong khu rừng khiến anh cảm thấy như đang phơi mình trước hiểm họa. Những cành cây cào vào mặt anh chẳng khác nào những ngón tay kẻ mù lòa đang quờ quạng để nhận ra người lạ.

Hai hàng dấu chân dẫn đến một con suối nơi dòng nước róc rách đã nhấn chìm tiếng thở hổn hển của anh. Một hàng bỗng biến mất, còn hàng kia đi theo

con suối đến chỗ đất thấp hơn.

Harry lại bước tiếp. Dòng suối uốn lượn quanh co, nhưng anh chẳng lo không xác định được phương hướng; anh cứ theo dấu chân cũ của mình là sẽ về đến nơi.

Một con cú, hẳn là đang đậu ở gần đó, bỗng rúc lên một hồi cảnh báo *tuýt tuuu*. Ánh dạ quang xanh lục trên mặt đồng hồ đeo tay cho anh biết anh đi hơn mười lăm phút rồi. Đã đến lúc quay lại và cử một đội ngũ được trang bị đầy đủ vật dụng, dẫn theo một chú chó không sợ cáo thay anh tìm tiếp.

Tim Harry bỗng ngừng đập.

Nó bay vụt qua trước mặt anh. Không một tiếng động và nhanh như chớp đến nỗi anh không kịp nhìn thấy gì. Nhưng luồng gió đã để lộ hành tung của nó. Harry nghe thấy tiếng con cú đập cánh dưới tuyết và tiếng chít chít đáng thương của một loài gặm nhấm nhỏ bé vừa trở thành mồi ngon cho nó.

Anh từ tốn thở ra một hơi từ sâu trong lồng ngực. Chiều đèn pin về phía rừng cây trước mặt lần cuối rồi quay người trở về. Anh bước một bước, sau đó bất ngờ khựng lại. Anh muốn tiến thêm một bước, hai bước, để ra khỏi đây. Nhưng việc cần làm vẫn phải làm. Anh chiếu đèn về phía sau. Và lại nhác thấy nó. Thứ gì đó lóe lên, ánh sáng phản xạ lờ mờ không thể xuất hiện giữa khu rừng tối đen. Anh tiến tới gần hơn. Ngoái lại và cố ghi nhớ vị trí này. Nó nằm cách dòng suối chừng mười lăm mét. Anh ngồi thụp xuống. Chỉ có phần bằng thép nhô lên, nhưng không cần gạt đi lớp tuyết phía trên anh cũng biết nó là thứ gì. Một chiếc rìu. Trước đó nếu lưỡi rìu có dính máu gà thì giờ cũng không còn nữa. Quanh chiếc rìu không có dấu chân nào. Harry rọi đèn và trông thấy một cành cây gãy nằm trên tuyết cách đó vài mét. Có người đã ném chiếc rìu tới đây bằng một lực cực mạnh.

Vào giây phút ấy, cảm giác quen thuộc lại trở dậy. Đó là cảm giác anh từng trải qua lúc ở cung thể thao Spektrum tối nay. Anh tưởng như mình đang bị theo dõi. Theo bản năng, anh tắt đèn đi, bóng tối như tấm chăn bao trùm lấy anh. Anh nín thở và lắng tai nghe. Đừng, anh thầm nhủ. Đừng để điều đó xảy ra. Cái ác không phải là một thực thể. Nó không cách nào chiếm hữu được mi. Ngược lại, nó là thứ vô định hình, là sự thiếu vắng của cái thiện. Thứ duy nhất đáng sợ ở đây chỉ là bản thân mi mà thôi.

Harry bật đèn lên và chiếu về phía khoảng rừng trống.

Là cô ta. Cô ta đang đứng bất động giữa rừng cây, nhìn anh không chớp mắt, vẫn đôi mắt to đại như trong ảnh. Điều đầu tiên Harry nghĩ đến là cô ta ăn vận giống như một cô dâu trong bộ váy trắng, đứng trước bàn thờ, ở đây, giữa khu rừng này. Ánh đèn rọi tới khiến cô ta tỏa sáng lấp lánh. Harry run rẩy hít một hơi và rút chiếc điện thoại di động trong túi áo khoác ra. Bjørn Holm nghe máy sau hai hồi chuông reo.

“Cậu cho người phong tỏa toàn bộ khu vực,” Harry nói. Cổ anh bỗng trở nên khô rát. “Tôi sẽ điều quân đến.”

“Xảy ra chuyện gì vậy?”

“Ở đây có một người tuyết.”

“Thế thì sao?”

Harry bèn giải thích cho anh ta hiểu.

“Câu cuối tôi không nghe được,” Holm gào lên. “Sóng kém quá...”

“Cái đầu,” Harry nhắc lại. “Đó là đầu của Sylvia Ottersen.”

Bên kia bỗng lặng thinh.

Harry bảo Holm đi theo dấu chân, rồi anh ngắt máy.

Tiếp đó anh ngồi xuống dựa vào một thân cây, cài cúc áo khoác cho bằng hết và tắt đèn đi để tiết kiệm pin trong lúc chờ đợi. Thầm nghĩ anh đã quên mùi vị nó như thế nào rồi, vị bóng tối.

PHẦN HAI

ngày thứ tư

PHẦN

Ba rưỡi sáng và Harry mệt nhoài mở khóa cửa căn hộ của mình. Anh cởi đồ và đi thẳng vào phòng tắm. Anh cố không nghĩ ngợi miên man trong lúc để những tia nước bông rất làm da anh tê tái, xoa dịu cơ bắp cứng đờ và làm tan cơ thể đông cứng của anh. Cảnh sát đã trao đổi với Rolf Ottersen, nhưng cuộc thẩm vấn chính thức đành phải gác lại đến sáng. Tại Sollihøgda, họ nhanh chóng hoàn tất việc đến từng nhà lấy lời khai của hàng xóm sống quanh đó; cũng chẳng có mấy người để mà hỏi. Nhưng các sĩ quan thuộc Đơn vị Điều tra Hiện trường cùng bày chó nghiệp vụ vẫn miệt mài làm việc, và tiếp tục làm thâu đêm. Họ phải cố gắng tận dụng khoảng thời gian ít ỏi trước khi chứng cứ bị vấy bẩn, tan chảy hoặc bị tuyết vùi lấp. Anh tắt vòi sen. Hơi nước mù mịt khiến căn phòng trở nên xám ngoét, và khi anh vừa lau gương xong thì một lớp hơi nước đã ngưng tụ lại ngay lập tức. Nó khiến mặt anh trở nên méo mó và xóa nhòa những đường nét của thân thể lỏa lồ.

Harry đang đánh răng thì điện thoại đổ chuông. “Harry nghe.”

“Stormann, người xử lý nấm mốc đây.”

“Anh thức khuya vậy,” Harry ngạc nhiên nói.

“Tôi đoán anh còn bận làm việc.”

“Vậy ư?”

“Bản tin đêm khuya có nhắc đến. Người phụ nữ ở Sollihøgda. Tôi trông thấy anh ở hậu cảnh. Tôi có kết quả rồi đây.”

“Thế nào?”

“Anh có nấm. Lại còn là bọn háu ăn nữa. *Aspergillus versicolor*.”

“Nghĩa là sao?”

“Thứ đó màu gì cũng có. Đây là nếu anh nhìn thấy chúng. Ngoài ra thì còn có nghĩa là tôi phải phá dỡ thêm vài bức tường nhà anh.”

“Ừm.” Harry mơ hồ cảm thấy mình nên tỏ thái độ quan tâm và lo lắng hơn mới phải, hoặc chí ít là hỏi han thêm. Nhưng anh chẳng thể nào bận tâm nổi.

Nhất là vào giờ này.

“Vậy cứ tự nhiên.”

Harry cúp máy và nhắm mắt lại. Chờ đợi những bóng ma, những điều không tránh được, chừng nào anh còn tránh xa liều thuốc duy nhất anh biết có tác dụng với những bóng ma ấy. Biết đâu lần này anh sẽ gặp một người quen khác. Anh đợi cô ta hiện ra từ trong rừng, tập tễnh lê bước về phía anh với tấm thân không lồ màu trắng không chân, quả bóng bowling dị dạng với cái đầu bên trên, hai hốc đen ngòm với những con quạ đang rĩa nốt phần còn lại của tròng mắt, hàm răng nhe ra sau khi bày cáo đã xử lý cặp môi. Khó mà biết được cô ta có xuất hiện hay không; tiềm thức vốn là thứ khó lường. Khó lường đến nỗi khi chìm vào giấc ngủ, Harry mơ thấy mình đang nằm trong bồn tắm nước ngập quá đầu, lắng nghe tiếng ì ầm trầm trầm của bong bóng và tiếng cười phụ nữ. Những dải tảo biển mọc ra từ lớp men trắng, vươn tới chỗ anh như những ngón tay màu xanh của một bàn tay trắng bệch đang lần tìm tay anh.

Ánh nắng buổi sáng in những ô hình chữ nhật lên mấy tờ báo đang nằm trên bàn làm việc của sếp Đội Hình sự Gunnar Hagen. Chúng làm bừng sáng nụ cười của Sylvia Ottersen cùng vài hàng tít trên trang nhất. BỊ GIẾT VÀ BỊ CHẶT ĐẦU, BỊ CHẶT ĐẦU TRONG RỪNG, và cuối cùng, ngắn gọn nhưng súc tích nhất, BỊ CHẶT ĐẦU.

Đầu Harry đau như búa bổ kể từ lúc tỉnh dậy đến giờ. Anh thận trọng đưa hai tay lên ôm đầu thăm nghĩ tối qua mà có uống chắc cũng chẳng sao, cơn đau cũng đâu thể tệ hơn được. Anh chỉ muốn nhắm mắt lại, nhưng Hagen đang nhìn thẳng vào anh. Harry nhận thấy miệng Hagen cứ liên tục mở ra, khua khoắng rồi ngậm vào, nói đơn giản là ông ta đang thốt ra những lời mà Harry khó lòng bắt sóng nổi.

“Kết luận là...” Hagen nói, và Harry biết đã đến lúc phải đóng tai lên nghe rồi, “từ giờ trở đi vụ này sẽ được ưu tiên hàng đầu. Dĩ nhiên, điều đó có nghĩa chúng ta sẽ lập tức mở rộng quy mô tổ điều tra của cậu và...”

“Phản đối,” Harry đáp. Chỉ nói ra đúng hai từ ấy thôi cũng khiến anh cảm thấy đầu mình như sắp nổ tung. “Sau này chúng tôi có thể sẽ xin bổ sung nhân lực, nhưng tạm thời tôi không muốn có thêm ai khác góp mặt trong các cuộc họp. Bốn người là đủ rồi.”

Về mặt Gunnar Hagen sừng sốt cực độ. Với những vụ án mạng, ngay cả vụ đơn giản đi nữa, tổ điều tra tối thiểu luôn phải có hơn chục người.

“Tư duy tự do phát huy tác dụng nhất trong những nhóm nhỏ,” Harry nói thêm.

“Tư duy ư?” Hagen kêu lên. “Thế còn quy trình làm việc thông thường của cảnh sát thì sao? Lần theo chứng cứ pháp y, thẩm vấn, kiểm tra các tin mật báo? Và cả việc hợp tác trao đổi thông tin nữa? Toàn là những...”

Harry giơ tay lên cắt ngang lời lẽ đang tuôn trào. “Lý do chính là thế đấy. Tôi không muốn chết chìm trong mấy thứ đó.”

“Chết chìm?” Hagen trân trân nhìn Harry với vẻ kinh ngạc. “VẬY thì tốt hơn hết tôi nên giao vụ này cho người nào biết bơi.”

Harry xoa hai bên thái dương. Hagen biết tại thời điểm này, ở Đội Hình sự, ngoài thanh tra Hole thì làm gì còn ai dám đứng ra chỉ đạo điều tra một vụ án như thế này và Harry biết rõ điều đó. Hơn nữa, Harry còn biết rằng chuyển vụ này cho cục điều tra trung ương, Kripós, thì quả là một sự mất thể diện ghê gớm đối với vị POB mới được bổ nhiệm, ông ta thà hy sinh cánh tay phải lông lá thấy ghê của mình còn hơn.

Harry thở dài. “Các tổ điều tra nói chung thường ngoi ngóp trong dòng thác thông tin. Mà đây mới là các vụ *thông thường* thôi. Còn những vụ chặt đầu được đưa lên trang nhất...” Harry lắc đầu. “Dân tình mất trí hết rồi. Sau khi bản tin đêm qua phát sóng, chúng tôi đã nhận được hơn trăm cuộc điện thoại. Sếp biết đấy, toàn mấy lão say lèm bèm và những gã thần kinh, cộng thêm vài kẻ mới nữa. Chúng nói rằng vụ giết người đó được nhắc tới trong Sách Khải huyền, những chuyện kiểu thế. Tính đến giờ này hôm nay chúng tôi đã nhận hai trăm cú điện thoại. Sếp cứ chờ đến lúc lộ ra tin tức là có thể còn vài thi thể nữa rồi biết. Cứ cho là chúng ta cử hai mươi người trực điện thoại. Họ sẽ kiểm tra và viết báo cáo. Sau đó người phụ trách tổ sẽ phải dành ra hai tiếng mỗi ngày để đích thân đọc những thông tin thu được, hai tiếng nữa để tập hợp các thành viên trong tổ, báo cáo tình hình và giải đáp những thắc mắc của họ, rồi lại mất thêm nửa tiếng để cắt gọt, chỉnh sửa những thông tin có thể đưa ra trong buổi họp báo kéo dài bốn mươi lăm phút. Điều tệ hại nhất là ở chỗ,” Harry đặt hai ngón trỏ lên cơ hàm nhúc nhối và nhăn mặt, “với những vụ án

thông thường, đó có thể là cách tốt để tận dụng các nguồn chúng ta có. Vì ngoài kia thế nào cũng có người biết được đôi điều, nhìn thấy hoặc nghe thấy gì đó. Những thông tin chúng ta có thể nhọc công xâu chuỗi lại hoặc giúp ta phá được án một cách thần kỳ.”

“Rất đúng,” Hagen nói. “Chính vì vậy...”

“Nhưng vấn đề là,” Harry tiếp tục nói, “đây không phải vụ án như thế. Không phải kẻ sát nhân như thế. Kẻ đó không hề tiết lộ với bạn bè hoặc quanh quẩn ở hiện trường. Những người ngoài kia chẳng ai biết gì hết, thế nên những cuộc điện thoại gọi đến không giúp gì được cho cảnh sát mà chỉ làm mất thời gian của ta thôi. Hơn nữa, mọi manh mối pháp y có thể thu được đều là do hung thủ để lại nhằm khiến chúng ta rối trí. Nói tóm lại, đây là một trò chơi hoàn toàn khác.”

Hagen ngả người ra ghế, chụm mười đầu ngón tay vào nhau và, chìm trong suy tư, ông quan sát Harry. Ông ta chớp mắt hết như con thằn lằn đang nằm sưởi nắng, sau đó lên tiếng hỏi: “Vậy cậu coi đây là một trò chơi ư?”

Harry gật đầu mà lòng băn khoăn không hiểu Hagen đang nhắm đến điều gì.

“Trò chơi kiểu gì? Đánh cờ?”

“À,” Harry nói, “có thể là bịt mắt đánh cờ.”

Hagen gật. “Thế trong hình dung của cậu, hung thủ là kẻ giết người hàng loạt kiểu kinh điển, tên sát nhân máu lạnh sở hữu trí thông minh tuyệt đỉnh, ham thích trò chơi, cuộc vui và thách thức?”

Giờ thì Harry đã hiểu Hagen muốn nhắm đến điều gì rồi.

“Một kẻ bước ra từ những vụ giết người hàng loạt mà cậu đọc được trong khóa huấn luyện của FBI? Cái loại cậu từng đối đầu ở Australia hồi đó? Kẻ mà,” vị POB bập môi một cái như thể đang nếm những lời mình nói, “về cơ bản xứng đáng trở thành kỳ phùng địch thủ của một người có nền tảng như cậu.”

Harry thờ dài. “Tôi không hề nghĩ như thế, sếp ạ.”

“Không ư? Đừng quên, tôi đã từng giảng dạy ở trường quân đội. Theo cậu, những vị tướng quân tương lai mơ đến điều gì khi tôi nói với họ các chiến lược gia quân sự đã làm thay đổi tiến trình lịch sử nhân loại ra sao? Cậu nghĩ họ mơ

ngồi một chỗ cầu mong hòa bình, mơ rằng họ sẽ kể cho con cháu nghe họ chỉ *sống mòn*, người đời chẳng bao giờ biết họ có thể làm được những gì ư? Ngoài miệng có thể họ nói mong muốn hòa bình, nhưng trong thâm tâm, họ vẫn mơ Harry ạ. Mơ mình có một cơ hội. Người đàn ông luôn có khao khát mãnh liệt về mặt xã hội là *được cần đến*. Chính vì thế các vị tướng ở Lầu Năm Góc luôn sẵn sàng vẽ ra viễn cảnh đen tối nhất ngay khi có tiếng pháo nổ đâu đó trên thế giới. Tôi nghĩ cậu *muốn* vụ này trở nên đặc biệt, Harry ạ. Cậu muốn đến nỗi chỉ nhìn thấy điều đen tối nhất trong số những điều đen tối mà thôi.”

“Là người tuyệt, sếp ạ. Có nhớ lá thư tôi đưa cho sếp không?”

Hagen thở dài. “Tôi nhớ một kẻ tâm thần.”

Harry biết mình nên đầu hàng thì hơn. Đưa ra lời đề nghị thỏa hiệp mà anh đã chuẩn bị sẵn. Nhường chiến thắng nhỏ nhoi này cho Hagen. Nhưng không, thay vào đó anh lại nhún vai. “Tôi muốn giữ nguyên tổ điều tra của mình.”

Mặt Hagen sa sầm lại. “Tôi không thể cho cậu làm thế được, Harry.”

“*Không thể ư?*”

Hagen đơ mắt với Harry hồi lâu, nhưng rồi điều đó xảy ra. Ông ta chớp mắt; ánh nhìn lạc đi nơi khác. Dù chỉ một phần giây thôi nhưng cũng đủ rồi.

“Còn nhiều điều khác phải cân nhắc,” Hagen nói.

Harry cố giữ vẻ mặt ngây thơ trong lúc xát muối vào vết thương. “Điều gì hả sếp?”

Hagen cúi nhìn đôi tay mình.

“Thế cậu nghĩ là điều gì? Các sếp ở trên. Báo chí. Rồi các chính khách. Nếu sau ba tháng mà không bắt được hung thủ, theo cậu, ai là người sẽ phải trả lời những chất vấn về các mối ưu tiên của đơn vị? Ai sẽ phải giải thích lý do vì sao lại để bốn người điều tra vụ này chỉ vì nhóm nhỏ sẽ phù hợp hơn,” Hagen phun ra những từ ngữ như thể chúng là thuốc độc, “cho tư duy tự do và trò chơi đánh cờ? Cậu có nghĩ đến những điều đó không hả Harry?”

“Không,” Harry đáp, khoanh tay trước ngực. “Tôi chỉ nghĩ đến việc làm sao để bắt được tên này, chứ không phải làm sao để giải trình vì không bắt được hắn.”

Harry biết chiêu đó thật rẻ tiền, nhưng những lời anh vừa nói đã đánh trúng chỗ hiểm. Hagen chớp mắt hai cái. Miệng mở ra rồi khép lại. Và Harry lập tức cảm thấy thật xấu hổ. Sao lúc nào anh cũng phải khơi ra mấy trò cạnh tranh trẻ con và vô nghĩa chỉ để có được cảm giác thỏa mãn khi làm bề mặt người khác, dù là ai đi chăng nữa? Rakel có lần đã bảo chắc anh luôn ao ước mình chào đời với một ngón tay giữa thừa ra luôn chĩa thẳng lên trời.

“Ở Kripos có một sĩ quan tên là Espen Lepsvik,” Harry nói. “Anh ta giỏi chỉ đạo các cuộc điều tra quy mô lớn. Tôi có thể trao đổi với anh ta, bảo anh ta thành lập một tổ và báo cáo tình hình lại cho tôi. Hai tổ sẽ làm việc song song và độc lập với nhau. Sếp cùng giám đốc Sở sẽ lo vụ họp báo. Sếp thấy thế có được không?”

Harry không cần phải đợi nghe câu trả lời. Anh có thể nhận ra sự cảm kích trong ánh mắt Hagen. Và anh biết mình đã thắng trong cuộc cạnh tranh nhảm nhí này.

Việc đầu tiên Harry làm khi về đến văn phòng riêng là nhắc máy lên gọi cho Bjørn Holm.

“Hagen đồng ý rồi, mọi chuyện sẽ tiến hành như đã bàn. Nửa tiếng nữa ta họp ở phòng tôi. Cậu gọi cả Skarre và Bratt luôn nhé?”

Anh đặt điện thoại xuống. Nghĩ đến những điều Hagen nói, về đám chính khách hiếu chiến muốn có cuộc chiến của riêng mình. Và mở ngăn kéo tìm kiếm trong tuyệt vọng một viên Dispril.

“Ngoài mấy dấu chân, chúng ta không tìm thấy bất cứ vết tích nào của hung thủ ở nơi được cho là hiện trường vụ án,” Magnus Skarre nói. “Khó hiểu hơn nữa là cũng không thấy cả dấu vết của thi thể. Hẳn đã chặt đầu người phụ nữ đó chứ chẳng chơi, đáng nhẽ phải để lại vô số chứng cứ. Nhưng tất cả đều là con số không. Lũ chó nghiệp vụ thậm chí còn không có phản ứng gì! Thật kỳ lạ.”

“Hẳn giết rồi chặt đầu nạn nhân dưới suối,” Katrine nói. “Dấu chân của cô ta kết thúc ở vị trí ngược lên phía trên một đoạn, đúng không? Cô ta nhảy xuống nước để không lưu lại dấu chân, nhưng hẳn đã đuổi kịp.”

“Hẳn dùng hung khí gì?” Harry hỏi.

“Rìu hoặc cưa, còn cái gì vào đây nữa?”

“VẬY còn những vết bỏng quanh phần da ở chỗ bị chặt thì giải thích thế nào?”

Katrine đưa mắt nhìn Skarre và cả hai đều nhún vai.

“ĐƯỢC rồi, Holm kiểm tra chi tiết này nhé,” Harry nói. “Sau đó thì sao?”

“Sau đó có thể hẩn vác cô ta bằng qua suối để tới con đường,” Skarre đáp. Anh ta chớp mắt được hai tiếng, áo len mặc ngược đằng trước ra đằng sau, nhưng chẳng ai còn bụng dạ nào nhắc nhở. “Tôi nói *có thể* là bởi chúng ta cũng không tìm được gì ở đó cả. Đáng nhẽ phải có mới đúng. Vết máu trên thân cây, mẩu thịt vương trên cành hoặc một mảnh vải. Nhưng ta lại tìm thấy dấu chân của hẩn ở nơi dòng suối chảy qua bên dưới con đường. Trên lớp tuyết bên đường cũng in vết hẩn có thể do cái xác để lại. Nhưng chết tiệt, lũ chó không lần ra được manh mối. Ngay cả con chó tìm xác cũng bó tay. Thật...”

“Lạ lùng,” Harry lặp lại và xoa cằm. “Chẳng phải việc chặt đầu nạn nhân trong lúc đứng dưới suối xem chừng hơi phi lý sao? Nó chỉ là một cái rãnh hẹp, còn chẳng đủ chỗ mà xoay sở. Vậy thì vì lý do gì mới được?”

“Quá rõ ràng,” Skarre trả lời. “Dòng nước cuốn trôi hết chứng cứ chứ sao.”

“Đâu rõ ràng vậy,” Harry đáp. “Hẩn để lại cái đầu của nạn nhân, chứng tỏ hẩn không lo chuyện dấu tích còn sót lại. Tại sao không có dấu vết của cô ta từ dòng suối đến con đường...”

“Túi đựng xác!” Katrine nói. “Tôi cũng đang thắc mắc làm thế nào hẩn mang được cô ta đi xa thế trên địa hình như vậy. Ở Iraq họ dùng túi đựng xác có quai như ba lô.”

“Ừm,” Harry nói. “Điều đó có thể giải thích cho việc vì sao chó tìm xác lại không đánh hơi thấy gì trên đường.”

“Và vì sao hẩn dám liều lĩnh để cô ta nằm đó,” Katrine nói.

“Nằm đó?” Skarre thắc mắc.

“Vết tích thi thể hẩn trên tuyết. Hẩn đặt cô ta nằm đó trong lúc đi lấy xe. Có thể hẩn đỗ xe ở gần nông trại nhà Ottersen. Việc này chắc mất chừng nửa tiếng, mọi người thấy có phải không?”

Skarre miễn cưỡng lẩm bầm câu *Đại loại thế*.

“Túi đựng xác có màu đen, ai lái xe đi ngang qua nhìn thấy dễ tưởng là túi rác thông thường.”

“Làm gì có ma nào đi ngang qua,” Skarre càu nhàu, cố ghì một cái ngáp. “Bọn tôi đã hỏi tất cả những người sống trong khu rừng chết tiệt đó rồi.”

Harry gật đầu. “Thế còn lời khai của Rolf Ottersen về việc anh ta ở lại cửa hàng trong khoảng từ năm đến bảy giờ?”

“Nếu không có khách thì chứng cứ ngoại phạm chả có giá trị quái gì,” Skarre đáp.

“Anh ta có thể lái xe về rồi quay lại cửa hàng trong lúc hai con đang học violin,” Katrine nói.

“Nhưng anh ta không phải kiểu người đó,” Skarre nói, ngả người ra sau và gạt gù như thể xác nhận kết luận mình đưa ra.

Harry rất muốn nhận xét một câu khái quát về việc cảnh sát rất hay có kiểu tự huyễn hoặc rằng mình chỉ cần nhìn qua cũng biết ai là kẻ giết người, tuy nhiên giờ cuộc điều tra đang ở giai đoạn cho phép các thành viên tự do phát biểu ý kiến mà không sợ bị phản đối. Kinh nghiệm của anh cho thấy, ý tưởng xuất sắc nhất thường nảy sinh từ suy nghĩ vẩn vơ, những phỏng đoán và nhận định bông bột nhất thời.

Cửa phòng bỗng bật mở.

“Hế lô!” Bjørn Holm cao giọng ngân nga. “Xin lỗi cả nhà, tôi vừa phải đi tìm tung tích vũ khí gây án.”

Anh ta cởi chiếc áo khoác chống nước và mặc lên cây treo quần áo đang nghiêng ngả như sắp đổ đến nơi. Bên trong anh ta mặc áo hồng có họa tiết thêu màu vàng và dòng chữ trên lưng tuyên bố rằng Hank Williams vẫn còn sống nhăn, bất chấp giấy chứng tử cho thấy ông ta qua đời vào mùa đông năm 1953. Sau đó anh ta ngồi phịch xuống chiếc ghế duy nhất còn trống và ngó những gương mặt đang ngược lên nhìn mình.

“Sao thế?” Anh ta mỉm cười và Harry chờ Holm tung ra câu đùa thần thánh ưa thích. Quả nhiên anh không phải đợi lâu. “Có ai chết à?”

“Vũ khí gây án,” Harry giục. “Ngay và luôn.”

Holm toét miệng cười và xoa hai tay vào nhau. “Tôi đương nhiên cũng thắc mắc những vết bỏng trên cổ Sylvia Ottersen từ đâu mà ra. Chuyên gia pháp y cũng bó tay. Cô ấy chỉ nói rằng những động mạch nhỏ đã bị đốt cháy, tương tự cách cầm máu khi cắt bỏ bộ phận nào đó trên cơ thể. Trước khi cứa chân. Và lúc cô ấy nhắc đến cứa, tôi chợt nghĩ ra một chuyện. Mọi người biết đây, tôi lớn lên ở một trang trại...”

Bjørn Holm nhào người tới trước, hai mắt sáng rực, khiến Harry liên tưởng đến cảnh người cha chuẩn bị mở hộp quà Giáng sinh là đoàn tàu hỏa cỡ lớn dành tặng cậu con trai mới chào đời.

“Có trường hợp bò đẻ nhưng bê con đã chết từ trong bụng mẹ, đôi khi cái xác quá lớn nên bò mẹ không tự đẩy ra được. Và hơn nữa, nếu bào thai lại nằm ở vị trí oái oăm thì không thể lôi ra mà không làm bò mẹ bị thương. Trong tình huống đó, bác sĩ thú y đành phải dùng đến cứa.”

Skarre nhăn mặt.

“Đó là một dạng lưỡi dao rất mảnh và linh hoạt, có thể đưa vào trong bụng bò mẹ, gần như kiểu thông lọng quần quanh bê con vậy. Sau đó bác sĩ sẽ kéo và đưa lưỡi dao qua lại để cắt cái xác.” Holm làm động tác tay để minh họa lời nói. “Cho tới khi được hai phần, có thể lấy từng phần ra. Và như vậy, thông thường vấn đề được giải quyết. Thông thường là thế. Nhưng đôi khi lưỡi dao dịch chuyển qua lại cũng cắt luôn vào con mẹ, khiến nó mất máu mà chết. Vì vậy, vài năm trước, mấy nông dân Pháp đã phát minh ra thứ công cụ hữu ích có thể khắc phục được vấn đề đó. Một vòng dây điện dạng thông lọng có thể đốt xuyên qua thịt. Nó gồm một tay cầm bằng nhựa với sợi dây kim loại cực mảnh và siêu bền được gắn vào hai đầu tay cầm, tạo thành vòng dây có thể tròng vào bất cứ thứ gì cần cắt. Sau đó bật chức năng phát nhiệt. Sợi dây nóng rực sáng trắng lên sau mười lăm giây, khi nhón nút trên tay cầm, vòng dây bắt đầu siết lại và cắt xuyên qua cái xác. Như thế sẽ không cần đưa qua đưa lại sang hai bên, hạn chế được nguy cơ cắt trúng con mẹ. Mà dù cắt phải đi nữa thì vẫn còn hai ưu điểm...”

“Ông đang rao bán cái thứ đấy cho bọn tôi đây à?” Skarre nhe răng cười và nhìn vào mắt Harry để thăm, dò phản ứng.

“Nhờ nhiệt độ cao nên sợi dây vô trùng tuyệt đối,” Holm nói tiếp. “Nó không làm lan truyền vi khuẩn hoặc máu nhiễm độc từ xác con con. Hơn nữa, nhiệt cũng đốt cháy các động mạch nhỏ, hạn chế hiện tượng chảy máu.”

“Được rồi,” Harry nói. “Cậu có chắc chắn hung thủ sử dụng công cụ giống như thế không?”

“Không,” Holm đáp. “Nếu có một cái thì tôi đã dùng thử, nhưng tay bác sĩ thú y nói chuyện với tôi bảo rằng loại thông lọng điện này chưa được Bộ Nông nghiệp Na Uy cấp phép lưu hành.” Anh ta nhìn Harry với vẻ vô cùng tiếc nuối.

“Ừm,” Harry nói, “cho dù không phải vũ khí gây án thì ít nhất nó cũng giúp ta hiểu làm thế nào hung thủ có thể chặt đầu nạn nhân trong khi đứng dưới suối. Những người còn lại nghĩ sao?”

“Bọn Pháp,” Katrine Bratt nói. “Trước là máy chém, sau lại đến thứ này.”

Skarre dẫu môi và lắc đầu. “Nghe có vẻ quái dị quá. Mà này, hãn kiểm được cái vòng như thế ở đâu nhỉ? Ý tôi là nếu nó chưa được cấp phép ấy?”

“Ta có thể bắt đầu tìm hiểu từ đây,” Harry nói. “Cậu kiểm tra nhé, Skarre?”

“Tôi đã bảo không tin mấy chuyện đó rồi mà.”

“Xin lỗi, tôi nói chưa rõ. Đúng ra là: Kiểm tra đi, Skarre. Còn gì nữa không, Holm?”

“Hết rồi. Lẽ ra ở hiện trường phải có rất nhiều máu, nhưng dấu máu duy nhất chúng ta tìm được là ở trong nhà kho sau khi mấy con gà bị làm thịt. Nhân tiện nhắc đến gà, nhiệt độ cơ thể chúng và nhiệt độ trong nhà kho cho thấy chúng bị giết vào khoảng sáu rưỡi tối. Nhưng không chắc lắm, vì một con có thân nhiệt cao hơn hai con kia.”

“Chắc cu cậu sợ phát sốt.” Skarre cười hề hề.

“Thế còn người tuyết?” Harry hỏi.

“Không thể lấy dấu vân tay trên khối tinh thể băng biến đổi từng giờ, may ra thì tìm được những mẫu da, vì các tinh thể vốn sắc cạnh. Có thể là sợi vải từ găng tay nếu hãn mang găng. Nhưng chúng tôi cũng không thu được gì cả.”

“Găng tay cao su,” Katrine nói.

“Ngoài điều đó ra thì không còn gì nữa,” Holm nói.

“Được rồi. Ít nhất ta cũng có cái đầu. Cậu đã kiểm tra răng...”

Câu hỏi của Harry bị cắt ngang khi Holm ngồi thẳng dậy với vẻ tự ái. “Để tìm dấu vết để lại trên răng? Tóc? Dấu vân tay trên cổ? Những chi tiết khác mà các chuyên gia pháp y chưa nghĩ tới hả?”

Harry gật đầu tỏ ý xin lỗi và nhìn đồng hồ. “Skarre, dù cậu cho rằng Rolf Ottersen không phải kiểu người đó, cứ kiểm tra xem anh ta ở đâu, làm gì vào thời gian Birte Becker mất tích. Tôi sẽ nói chuyện với Filip Becker. Katrine, cô đọc hồ sơ những vụ mất tích, gồm cả hai vụ này, tìm điểm chung giữa chúng.”

“Vâng,” cô nói.

“So sánh tất cả các yếu tố,” Harry nói. “Thời điểm tử vong, chu kỳ mặt trăng, chương trình ti vi đang phát, màu tóc của nạn nhân, họ có mượn cùng một cuốn sách thư viện hoặc cùng tham dự buổi hội thảo nào không, tổng các chữ số trong số điện thoại. Chúng ta phải tìm xem hung thủ lựa chọn nạn nhân dựa trên tiêu chí nào.”

“Khoan đã,” Skarre nói. “Chúng ta đã xác định giữa các vụ có mối liên quan rồi à? Chẳng phải ta nên để ngỏ tất cả khả năng sao?”

“Thích để ngỏ thế nào kệ xác cậu,” Harry đáp, đứng dậy và kiểm tra túi để chắc chắn đã cầm chìa khóa xe. “Miễn là sắp bảo sao thì cứ làm vậy. Ai về sau cùng thì tắt đèn.”

Đang đứng đợi thang máy thì Harry nghe thấy có người đến gần. Tiếng chân dừng lại ngay sau lưng anh.

“Tôi đã nói chuyện với một trong hai cô bé sinh đôi vào giờ ra chơi sáng nay.”

“Thế à?” Harry quay sang nhìn Katrine Bratt.

“Tôi hỏi gia đình họ làm gì hôm thứ Ba.”

“Thứ Ba?”

“Ngày Birte Becker mất tích.”

“Đúng vậy.”

“Ba mẹ con họ vào thành phố. Cô bé nhớ rõ vì họ đến Bảo tàng Kon-Tiki tìm mua đồ chơi sau khi đi khám bác sĩ. Hai đứa trẻ qua đêm tại nhà người dì còn bà mẹ đến thăm một cô bạn. Ông bố ở nhà trông nhà. Một mình.”

Cô đứng gần đến nỗi Harry ngửi thấy cả mùi nước hoa cô dùng. Thứ mùi đó không giống với bất cứ mùi nước hoa phụ nữ nào anh biết. Rất hắc, không ngọt chút nào.

“Ừm. Đứa trẻ nói chuyện với cô tên là gì?”

Katrine Bratt nhìn anh chăm chăm. “Không biết. Có quan trọng không?”

Một tiếng *pinh* vang lên báo hiệu thang máy đã đến tầng hai người đang đợi. Jonas cặm cùi vẽ người tuyết. Ý định vẽ người tuyết cười và đang hát, để có một người tuyết vui vẻ. Nhưng Jonas không sao thể hiện được đúng ý mình; người tuyết cứ trân trân nhìn nó bằng ánh mắt vô cảm trên tờ giấy trắng to dùng. Giảng đường rộng lớn quanh nó lặng thinh, chỉ có tiếng phấn kin kít của bố, thỉnh thoảng có tiếng đập tay lên tấm bảng trước mặt và tiếng bút sột soạt ghi bài của đám sinh viên. Jonas không thích bút bi. Những gì viết bằng bút bi sẽ chẳng thể xóa đi, không thay đổi được, hình vẽ ra sẽ mãi mãi nằm đó. Sáng nay, lúc tỉnh giấc nó đã nghĩ rằng mẹ đã về, mọi chuyện lại tốt đẹp như trước, và nó chạy ào vào phòng mẹ. Nhưng trong phòng chỉ có bố nó đang thay đồ, bố bảo nó cũng chuẩn bị đi, vì hôm nay nó sẽ đến trường cùng bố. Bút bi.

Giảng đường thoai thoải dốc xuống chỗ bố nó đang đứng, giống như khán đài trong nhà hát vậy. Bố nó không nói lời nào với học trò, ngay cả khi hai bố con bước vào giảng đường. Ông gật đầu chào họ, chỉ chỗ bảo Jonas đến ngồi, sau đó đi thẳng tới bên chiếc bảng và bắt đầu viết. Đám sinh viên rõ ràng đã quen với điều đó, vì họ đã chuẩn bị sẵn sách vở và lập tức ghi bài. Trên bảng chỉ chút số và những con chữ nhỏ, cùng với vài hình vẽ nguệch ngoạc lạ lùng mà Jonas không nhận ra. Có lần bố đã nói với nó rằng vật lý cũng có ngôn ngữ riêng, và bố dùng ngôn ngữ ấy để kể chuyện. Khi Jonas hỏi có phải là chuyện về những cuộc phiêu lưu không, bố cười và bảo vật lý chỉ dùng để giải thích những điều chân thực thôi, đó là thứ ngôn ngữ mà dù muốn cũng không thể nói dối.

Có mấy hình vẽ trông thật ngộ nghĩnh. Và *rất* tinh tế.

Bụi phấn lả tả rơi xuống đôi vai bố. Một lớp bụi trắng li ti tựa tuyết phủ lên chiếc áo khoác ông đang mặc. Jonas nhìn tấm lưng bố và cố gắng vẽ ông. Nhưng lần này cũng không ra hình người tuyết vui vẻ. Đột nhiên, giảng đường im phăng phắc. Bao nhiêu cây bút đều ngừng viết. Bởi lẽ viên phấn đã ngừng

di. Nó đứng yên ở mép bảng, cao đến nỗi bố phải vươn tay lên mới với tới. Giờ đây, trông như thể viên phấn bị kẹt còn bố đang bám víu lấy tấm bảng, chẳng khác gì lúc chó sói Wile E. treo lơ lửng trên cành cây bé xíu nhô ra trên vách núi cao chót vót. Thế rồi hai vai bố bắt đầu run rẩy, Jonas tưởng ông đang cố lấy viên phấn ra để bắt nó tiếp tục di chuyển, nhưng không được. Một làn sóng bất chợt lan khắp giảng đường như thể đám sinh viên đồng loạt há miệng và hít vào một hơi. Rốt cuộc bố nó cũng gỡ được viên phấn, sau đó ông đi thẳng ra cửa mà chẳng buồn ngoái lại và biến mất. Bố đi lấy thêm phấn ấy mà, Jonas nghĩ thầm. Tiếng rì rầm nói chuyện của đám sinh viên mỗi lúc một lớn. Jonas nghe được mấy từ *vợ* và *mất tích*. Nó nhìn tấm bảng gần như kín chữ. Bố nó muốn viết rằng mẹ đã chết, nhưng viên phấn chỉ có thể nói lên sự thật, vì thế nó mới bị kẹt. Jonas cố xóa hình người tuyết. Xung quanh nó, các sinh viên đang thu dọn đồ đạc, ghế xô vào nhau khi họ đứng dậy ra về.

Một bóng đen bỗng phủ lên người tuyết bất thành hình trên trang giấy, và Jonas ngẩng lên.

Đó là chú cảnh sát cao lớn có khuôn mặt xí trai và đôi mắt hiền từ.

“Cháu có muốn đi cùng chú không, để xem chúng ta có tìm được bố cháu không nhé?” chú cảnh sát nói.

Harry khẽ khàng gõ cửa văn phòng với tấm biển đề tên *Giáo sư Filip Becker*.

Thấy không có tiếng trả lời, anh mở cửa.

Người đàn ông đang ngồi sau bàn ngẩng đầu lên khỏi hai bàn tay. “Tôi đã cho phép vào đây...”

Ông ta ngừng lời khi trông thấy Harry. Và ánh nhìn hạ xuống cậu bé đứng cạnh anh.

“Jonas!” Filip Becker kêu lên, giọng nói chất chứa sự ngỡ ngàng xen lẫn nghi hoặc. Hai mắt ông ta đỏ hoe. “Chẳng phải bố đã dặn con ở yên một chỗ hay sao?”

“Tôi dẫn cậu bé theo đây,” Harry nói.

“Vậ ư?” Becker nhìn đồng hồ và đứng dậy.

“Sinh viên của ông về hết rồi,” Harry nói.

“Thế sao?” Becker lại thả người xuống ghế. “Tôi... tôi chỉ định cho chúng nghỉ giải lao một lúc.”

“Tôi cũng có mặt trong lớp,” Harry nói.

“Anh ư? Vì sao...”

“Thỉnh thoảng ai cũng cần được nghỉ ngơi mà. Chúng ta nói chuyện một lát được chứ?”

“Tôi không muốn cho thằng bé đi học,” Becker giải thích sau khi bảo Jonas sang phòng uống cà phê và dặn nó ngồi đó đợi. “Bao nhiêu người hỏi han, suy đoán; đơn giản là tôi không muốn thế. Chắc anh cũng hiểu.”

“Vâng.” Harry lấy ra bao thuốc, ném về phía Becker cái nhìn dò hỏi rồi lại cất đi khi ông giáo sư kiên quyết lắc đầu. “Việc đó dù sao cũng còn dễ hiểu hơn nhiều so với những thứ viết trên bảng.”

“Đó là vật lý lượng tử.”

“Nghe thật lạ.”

“Thế giới của những nguyên tử lạ vậy đấy.”

“Lạ thế nào?”

“Chúng phá vỡ những định luật vật lý căn bản nhất. Chẳng hạn như định luật một vật không thể đồng thời có mặt ở hai địa điểm khác nhau. Niels Bohr từng nói nếu vật lý lượng tử chưa khiến anh chấn động sâu sắc thì chứng tỏ anh chưa hiểu nó.”

“Nhưng ông thì hiểu?”

“Không, anh điên à? Nó là một mớ hỗn loạn. Nhưng với tôi nó vẫn còn dễ chấp nhận hơn sự hỗn loạn này.”

“Là sao?”

Becker thở dài. “Thế hệ chúng ta đã tự biến mình thành nô lệ chạy theo con cái. Và tôi e rằng điều đó cũng đúng với Birte. Không biết bao nhiêu cuộc hẹn này nọ, sinh nhật, đồ ăn ưa thích và những buổi tập bóng đá, nghe mà điên hết cả đầu. Hôm nay có người ở phòng mạch bác sĩ tại Bygdøy gọi điện đến vì Jonas không tới khám theo lịch hẹn. Rồi đến chiều nó lại còn đi tập ở nơi khi gió nào đó, thế hệ chúng nó chắc không biết bắt xe buýt là gì nữa.”

“Jonas bị sao vậy?” Harry lấy ra cuốn sổ tay anh chưa bao giờ viết gì vào; theo kinh nghiệm của anh, cuốn sổ dường như giúp người ta tập trung hơn thì phải.

“Không có gì. Chắc là thăm khám bình thường thôi.” Becker gạt đi với một cái phẩy tay bức dọc. “Tôi nghĩ anh đến đây vì lý do khác chứ?”

“Đúng vậy,” Harry nói. “Tôi muốn biết chiều và tối qua ông đã ở đâu.”

“Gì cơ?”

“Chỉ là thủ tục thôi mà, ông Becker.”

“Việc này có liên quan gì tới... tới...” Becker hất đầu về phía tờ báo *Dagbladet* nằm trên đồng giấy tờ.

“Chúng tôi không biết,” Harry nói. “Xin ông vui lòng trả lời câu hỏi đó.”

“Nói xem, có phải các anh mất trí hết rồi không?”

Harry nhìn đồng hồ và im lặng không đáp.

Becker rên lên một tiếng. “Thôi được, tôi cũng muốn giúp anh. Tối qua tôi ngồi đây viết bài về bước sóng hydro, hy vọng sắp tới có thể xuất bản.”

“Có đồng nghiệp nào chứng thực cho ông không?”

“Những đề tài nghiên cứu của Na Uy đóng góp được quá ít ỏi cho thế giới là bởi sự tự mãn của giới nghiên cứu chỉ cúi đầu chịu thua trước tính lười nhác. Tôi làm việc hoàn toàn cô độc, như mọi khi.”

“Vậy còn Jonas?”

“Nó tự làm đồ ăn và xem ti vi cho tới khi tôi về.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Chắc chỉ hơn chín giờ, tôi nghĩ thế.”

“Ừm.” Harry làm bộ như đang ghi chép. “Ông đã kiểm tra đồ đạc của bà Birte chưa?”

“Rồi.”

“Có tìm được gì không?”

Filip Becker vuốt ngón tay trên khóe miệng và lắc đầu. Harry đọ mắt với ông ta, dùng sự im lặng làm đòn bẩy. Nhưng Becker đã ngậm miệng hén rồi.

“Cảm ơn sự giúp đỡ của ông,” Harry nói, nhét cuốn sổ vào túi áo khoác và đứng dậy. “Tôi sẽ gọi Jonas cho ông.”

“Xin chờ một chút.”

Harry tìm thấy phòng uống cà phê nơi Jonas đang ngồi vẽ tranh, đầu lưỡi thò ra khỏi miệng. Anh đứng bên cậu bé, nhìn xuống tờ giấy hiện chỉ có đúng hai vòng tròn to nhỏ.

“Là người tuyết.”

“Vâng,” Jonas nói và ngược lên. “Làm thế nào chú biết ạ?”

“Vì sao mẹ lại đưa cháu đi khám bác sĩ vậy Jonas?”

“Cháu không biết.” Jonas vẽ sang cái đầu người tuyết.

“Thế bác sĩ tên gì?”

“Cháu không biết.”

“Phòng mạch đó ở đâu?”

“Cháu không được phép nói với bất cứ ai. Ngay cả với bố.” Jonas cúi rạp người trên tờ giấy và vẽ tóc trên đầu người tuyết. Một mái tóc dài.

“Chú là cảnh sát, Jonas ạ. Chú đang cố gắng tìm mẹ cháu.”

Cây bút chì di trên mặt giấy càng lúc càng mạnh, mái tóc mỗi lúc một đen hơn.

“Cháu không biết nơi đó tên là gì.”

“Cháu có nhớ chi tiết nào gần đó không?”

“Có công vua ạ.”

“Công vua ư?”

Jonas gật đầu. “Người phụ nữ ngồi phía sau cửa sổ tên là Borghild. Cháu được cho kẹo mút vì để bà ấy dùng kim lấy máu.”

“Cháu có đang vẽ chi tiết đặc biệt nào không?” Harry hỏi.

“Không ạ,” Jonas đáp, tập trung vào hai hàng mi.

Filip Becker đứng bên cửa sổ nhìn Harry Hole băng qua bãi đỗ xe. Mãi chìm trong suy tư, ông ta lơ đãng đập cuốn sổ nhỏ màu đen vào lòng bàn tay. Ông ta tự hỏi không biết Hole có tin không khi ông ta vờ như không biết đến sự hiện diện của tay cảnh sát ở giảng đường. Hay khi ông ta nói buổi tối hôm trước

mình bận viết bài. Hoặc lúc bảo rằng mình không tìm thấy gì trong đồng đồ của Birte. Cuốn sổ đen được cất trong ngăn kéo bàn; cô ta thậm chí còn chẳng thèm giàu đi. Và những gì viết trong đó thì...

Ông ta suýt nữa phá lên cười. Á đần đó cứ tưởng lừa được ông ta kia đấy.

ngày thứ tư

MẶT NẠ NGƯỜI CHẾT

Katrine Bratt đang chúi mũi vào máy tính thì Harry thò đầu vào phòng.

“Thấy gì ăn khớp chưa?”

“Chẳng có gì đáng kể,” Katrine nói. “Tất cả phụ nữ mất tích đều có mắt xanh. Ngoài điểm đó ra thì ngoại hình của họ nhìn chung khá khác biệt. Họ đều có chồng con.”

“Tôi có manh mối để ta lần theo đây,” Harry nói. “Birte Becker đưa Jonas đến khám ở phòng mạch gần ‘công vua’. Đó chắc chắn là khu trang viên hoàng gia Kongsgården ở Bygdøy. Cô từng nói hai cô bé sinh đôi đến Bảo tàng Kon-Tiki sau khi đi khám bác sĩ. Chính là Bygdøy. Filip Becker không biết gì về bác sĩ này, nhưng có thể Rolf Ottersen lại biết.”

“Tôi sẽ gọi điện cho anh ta.”

“Xong thì sang gặp tôi nhé.”

Ngồi trong phòng, Harry cầm lấy chiếc còng tay, khóa một đầu còng quanh cổ tay và đập đầu kia vào chân bàn trong lúc lắng nghe tin nhắn thoại. Rakel nói Oleg sẽ dẫn theo một người bạn đến khu trượt băng Valle Hovin. Tin nhắn thật thừa thãi. Anh biết đó là lời nhắc khéo, phòng trường hợp Harry quên khuấy mất cuộc hẹn. Xưa nay anh chưa bao giờ quên buổi hẹn nào với Oleg, nhưng anh vẫn chấp nhận những lời nhắc nhở mà người khác có thể coi là dấu hiệu của sự thiếu tin tưởng. Đúng hơn, anh thậm chí còn *thích* nữa. Bởi lẽ điều đó cho thấy cô là người mẹ tốt. Và còn bởi cô biết nhắc nhở ý nhị để không làm anh phật ý.

Katrine không gõ cửa mà cứ thế đi vào phòng.

“Quái dị,” cô nói, hất đầu về phía cái chân bàn Harry đang bị còng vào. “Cơ mà tôi thích.”

“Còng nhanh bằng một tay.” Harry mỉm cười. “Trò ruồi tôi học được ở bên Mỹ ấy mà.”

“Anh thử loại còng nhanh Hiatt mới ra xem. Thậm chí chẳng cần phải nghĩ nên tiếp cận từ bên trái hay bên phải, còng sẽ ôm lấy cổ tay hoặc bất cứ thứ gì, miễn sao đập chính xác. Thế là anh có một cặp để tập, mỗi tay một cái, để cơ hội tăng gấp đôi.”

“Ừm.” Harry mở khóa còng ra. “Cô biết được những gì rồi?”

“Rolf Ottersen chưa hề nghe nói đến buổi hẹn khám bệnh hoặc bác sĩ nào ở Bygdøy. Thực ra, họ có bác sĩ riêng ở Bærum. Tôi có thể hỏi cặp sinh đôi xem chúng có nhớ vị bác sĩ kia không, hoặc chúng ta tự gọi điện đến phòng mạch của các bác sĩ ở Bygdøy để kiểm tra cũng được. Chỉ có bốn người thôi. Đây.”

Cô đặt một tờ giấy nhớ màu vàng lên bàn anh.

“Họ không được phép tiết lộ tên bệnh nhân đâu,” anh nói.

“Tôi sẽ nói chuyện với cặp sinh đôi khi chúng đi học về.”

“Đợi đã,” Harry nói, nhắc máy lên và quay số điện thoại đầu tiên.

Một giọng mũi nghe máy và xưng tên phòng khám.

“Borghild có đó không vậy?” Harry hỏi.

Không có ai là Borghild cả.

Với số điện thoại thứ hai, giọng mũi giống lần trước thông báo qua máy trả lời tự động rằng phòng khám chỉ nhận điện thoại trong vòng hai giờ cố định, và thời gian nhận điện đã qua lâu rồi.

Cuối cùng, ở lần thử thứ tư, một giọng hớn hở, gần như đang cười mang lại cho Harry câu trả lời anh đang trông đợi.

“Vâng, tôi đây.”

“Chào chị, Borghild, tôi là thanh tra Harry Hole, thuộc Sở Cảnh sát Oslo.”

“Sinh vào ngày nào?”

“Đâu đó trong khoảng mùa xuân. Tôi gọi điện để hỏi về một vụ án. Chắc chị đã đọc số báo ra ngày hôm nay rồi. Tôi muốn biết tuần vừa rồi chị có gặp Sylvia Ottersen không.”

Đầu dây bên kia bỗng im lặng.

“Đợi một lát,” bà ta nói.

Harry nghe thấy tiếng bà ta đứng dậy, anh kiên nhẫn chờ. Sau đó bà ta quay lại. “Rất tiếc, thưa anh Hole. Thông tin về bệnh nhân được bảo mật. Và tôi nghĩ điều này cảnh sát các anh cũng biết rồi chứ.”

“Chúng tôi biết. Nhưng nếu tôi không nhầm thì hai cô con gái mới là bệnh nhân chứ không phải Sylvia.”

“Như nhau cả thôi. Anh đang hỏi về thông tin có thể gián tiếp tiết lộ danh tính của bệnh nhân.”

“Xin nhắc để chị nhớ rằng chúng tôi đang điều tra án mạng.”

“Xin nhắc để anh nhớ rằng anh cứ việc hỏi lại sau khi có lệnh khám xét. Có lẽ chúng tôi cần trọng với thông tin bệnh nhân hơn nhiều chỗ khác, nhưng đó cũng là do đặc thù công việc thôi.”

“Đặc thù công việc?”

“Lĩnh vực chuyên môn của chúng tôi.”

“Là gì?”

“Phẫu thuật tạo hình và dịch vụ chuyên biệt. Anh có thể tham khảo trang web của chúng tôi - www.kirklinikk.no.”

“Cảm ơn, nhưng có lẽ tạm thời tôi biết vậy là đủ rồi.”

“Vậy tùy anh.”

Bà ta cúp máy.

“Sao rồi?” Katrine hỏi.

“Jonas và cặp sinh đôi đến khám ở cùng một nơi,” Harry nói và ngả người ra sau. “Điều đó có nghĩa ta có việc rồi đây.”

Harry cảm thấy một luồng adrenalin trào dâng, cơn run rẩy luôn xuất hiện mỗi khi anh có được manh mối đầu tiên của kẻ thủ ác. Sau đó là Nỗi Ám ảnh Vĩ đại. Đó là sự kết hợp của đủ thứ: yêu và say, mù quáng và sáng suốt, mục đích và cuồng loạn. Các đồng nghiệp thi thoảng vẫn kể cho nhau nghe về cảm giác phấn khích, nhưng đây là cảm giác khác, một điều thật đặc biệt. Anh chưa bao giờ nói với ai về Nỗi Ám ảnh, mà cũng chẳng buồn phân tích xem nó có ý nghĩa gì. Anh không dám. Chỉ biết rằng nó nâng đỡ anh, thôi thúc anh, tiếp sức cho anh hoàn thành nhiệm vụ. Anh không muốn biết thêm gì nữa. Thực sự không muốn.

“Giờ sao?” Katrine hỏi.

Harry mở mắt ra và đứng phắt dậy. “Giờ ta đi mua sắm.”

Cửa hàng Hương vị châu Phi tọa lạc gần con phố sầm uất nhất khu Majorstuen, Bogstadveien. Nhưng tiếc thay nó lại nằm sâu mười bốn mét trong một ngõ nhỏ nên vẫn chỉ ở ngoài rìa của sự nhộn nhịp ấy mà thôi.

Tiếng chuông ngân vang khi Harry và Katrine bước vào cửa hàng. Dưới ánh sáng tù mù - hay nói đúng hơn: thiếu sáng - anh trông thấy những tấm thảm thô màu sắc sặc sỡ, những trang phục kiểu sarong, mấy cái gối lớn có hoa văn vùng Tây Phi, bàn trà nhỏ nhìn như thể được đeo trực tiếp trong rừng mưa, những bức tượng gỗ thuôn dài tượng trưng cho tộc người Masai và một số loài động vật phổ biến nhất ở vùng xavan. Mọi thứ ở đây dường như được sắp đặt cẩn thận và có chủ ý: không thấy đề mác giá, màu sắc bổ trợ cho nhau, và các món đồ đều đi theo cặp như trong con thuyền của Noah vậy. Nói ngắn gọn thì nơi đây nhìn giống phòng trưng bày hơn cửa hàng. Và phòng trưng bày này xem chừng hơi bụi bặm. Ý nghĩ đó càng được củng cố bởi không khí tĩnh lặng gần như phi tự nhiên bao trùm khi cửa đóng lại sau lưng họ và chuông cũng ngừng kêu.

“Xin chào?” một giọng nói cất lên từ trong cửa hàng.

Harry đi theo tiếng nói ấy. Trong bóng tối phía cuối phòng, đằng sau con hươu cao cổ khổng lồ bằng gỗ và được soi sáng nhờ chiếc đèn chiếu điểm duy nhất, Harry trông thấy phần lưng của một người phụ nữ đứng trên chiếc ghế. Cô ta đang treo lên tường chiếc mặt nạ gỗ màu đen có nụ cười rộng ngoác.

“Có việc gì vậy?” cô ta nói mà không ngoái lại.

Người phụ nữ này tạo cho người ta cảm giác cô ta đã quen với những điều bất ngờ hơn là với khách hàng.

“Chúng tôi là cảnh sát.”

“À, vâng.” Cô ta quay lại và ánh đèn rọi thẳng lên mặt cô. Harry cảm thấy tim mình ngừng đập, anh bất giác lùi lại một bước. Đó là Sylvia Ottersen.

“Có vấn đề gì sao?” cô ta hỏi, vờn trán cau lại giữa hai mắt kính.

“Cô... là ai?”

“Ane Pedersen,” cô ta đáp và lập tức hiểu ra nguyên nhân của vẻ sững sốt trên khuôn mặt Harry. “Tôi là em sinh đôi của Sylvia.”

Harry ho khù khụ.

“Đây là thanh tra Harry Hole,” anh nghe thấy Katrine lên tiếng từ phía sau. “Còn tôi là Katrine Bratt. Chúng tôi đến tìm Rolf.”

“Anh ấy đang ở nhà tang lễ.” Ane Pedersen chột im lặng, vào giây phút ấy cả ba người đều biết những người còn lại đang nghĩ gì: Làm sao chôn cất một cái đầu được nhỉ?

“VẬY là cô đến làm thay?” Katrine hỏi đỡ lời.

Ane Pedersen cười nhẹ. “Vâng.” Cô ta thận trọng bước xuống ghế, trên tay vẫn cầm chiếc mặt nạ gỗ.

“Mặt nạ hành lễ hay mặt nạ tâm linh vậy?” Katrine hỏi.

“Mặt nạ hành lễ,” Ane đáp. “Của người Hutu. Đông Congo.”

Harry liếc đồng hồ. “Mấy giờ anh rẽ cô về?”

“Tôi cũng không biết.”

“Cô thử đoán xem?”

“Tôi đã nói rồi, tôi không...”

“Chiếc mặt nạ đẹp thật,” Katrine ngắt lời. “Cô đã đến Congo và đích thân mua nó phải không?”

Ane kinh ngạc nhìn Katrine. “Sao cô biết?”

“Tôi nhìn cách cô cầm nó, không che đi đôi mắt hoặc cái miệng. Làm vậy là để tôn trọng những linh hồn.”

“Cô cũng có hứng thú với mặt nạ ư?”

“Gần như vậy,” Katrine nói, chỉ vào một chiếc mặt nạ màu đen với đôi tay nhỏ ở hai bên và cặp chân phía dưới. Khuôn mặt lai giữa người và động vật. “Đó là mặt nạ Kpelie đúng không?”

“Vâng, nó có xuất xứ từ Bờ Biển Ngà. Của người Senufo.”

“Mặt nạ quyền lực ư?” Katrine vượt lớp lông động vật cứng đờ, nhón dính gấn trên gáo dừa ở đầu mặt nạ.

“Chà, cô biết nhiều thật đấy,” Ane nói.

“Mặt nạ quyền lực là gì?” Harry hỏi.

“Tên sao thì nghĩa là vậy,” Ane đáp. “Ở châu Phi, mặt nạ kiểu này không chỉ đơn giản là những biểu tượng vô nghĩa. Ai đeo loại mặt nạ này trong cộng đồng người Lo sẽ lập tức sở hữu quyền hành pháp và phán quyết. Không ai dám nghi ngờ thẩm quyền của người đeo; chiếc mặt nạ trao cho họ quyền lực.”

“Tôi có thấy hai chiếc mặt nạ người chết treo cạnh cửa,” Katrine nói. “Rất đẹp.”

Ane mỉm cười đáp lễ. “Tôi có vài cái như vậy. Chúng được chế tác ở Lesotho.”

“Cho tôi xem qua được không?”

“Dĩ nhiên rồi. Chờ tôi một chút nhé.”

Sau khi cô ta đi, Harry đưa mắt nhìn Katrine.

“Tôi chỉ nghĩ chuyện phiếm với cô ta một chút biết đâu lại hay,” cô đáp như để trả lời câu hỏi anh ngầm đưa ra. “Để xem gia đình này có bí mật gì không, anh hiểu chứ?”

“Tôi hiểu. Việc này cô tiến hành một mình là tốt nhất.”

“Anh có việc rồi à?”

“Tôi sẽ chờ ở văn phòng. Nếu Rolf Ottersen đến thì nhớ xin giấy đồng ý bỏ quyền bảo mật thông tin bệnh nhân nhé.”

Khi ra đến cửa, Harry liếc nhìn những khuôn mặt người chẳng khác nào làm từ da thuộc, khô quắt và đông cứng trong tiếng thét lặng câm. Anh cho rằng chúng chỉ là bản mô phỏng mà thôi.

Eli Kvale chậm rãi đẩy chiếc xe đẩy giữa những kệ hàng trong siêu thị ICA ở sân vận động Ullevål. Nơi này rộng mênh mông. Giá tuy có cao hơn các siêu thị khác một chút nhưng chủng loại hàng hóa đa dạng hơn nhiều. Không phải ngày nào cô cũng ghé vào đây mà chỉ những lúc chuẩn bị nấu món gì đó ngon ngon thôi. Tối nay con trai cô, Trygve, sẽ từ Mỹ về. Nó đang học năm thứ ba ngành kinh tế tại một trường đại học ở Montana, nhưng học kỳ mùa thu này không phải thi mà tự học ở nhà cho tới tận tháng Một. Sau khi rời văn phòng ở nhà thờ, Andreas sẽ lái xe thẳng tới sân bay Gardermoen đón con. Cô biết, khi

về đến nhà hai bố con sẽ mãi mê thảo luận về môn câu cá bằng mồi giả và những chuyến du lịch bằng ca nô.

Cô nhào người phía trên chiếc tủ đá và thấy hơi lạnh dâng lên khi có bóng lướt qua. Chẳng cần ngược nhìn cô cũng biết vẫn là nó. Cái bóng đi qua lúc cô đứng ở quầy thực phẩm tươi sống, và trong bãi xe khi cô khóa ô tô. Điều đó chẳng có ý nghĩa gì với cô cả. Chỉ là những điều cũ kỹ trôi dạt mà thôi. Cô đã chấp nhận thực tế rằng nỗi sợ sẽ không bao giờ thật sự buông tha cho cô, dù đã hơn nửa đời người trôi qua. Khi ra thanh toán cô chọn quầy có người xếp hàng dài nhất; kinh nghiệm cho thấy nhìn chung như vậy sẽ nhanh hơn cả. Hoặc chí ít cô nghĩ kinh nghiệm đó là do cô từng trải qua. Andreas thì cho rằng cô nhầm. Có ai đó đứng vào hàng phía sau cô. Vậy là lại có thêm nhiều người nhầm. Cô không ngoái lại mà chỉ nghĩ người đó hẳn là mua nhiều thực phẩm đông lạnh lắm, cô có thể cảm thấy hơi lạnh phả vào lưng mình.

Nhưng khi cô quay lại thì chẳng còn ai đứng đó. Ánh mắt cô muốn lướt qua những dòng người xếp hàng khác. Cô nhủ thầm, đừng làm thế. Đừng khơi mào ra chuyện đó nữa.

Rời siêu thị, cô cố ép mình đi thật từ tốn ra lấy xe, không nhìn quanh quất, mở cửa, cất đồ vào trong, ngồi xuống và lái đi. Trong lúc chiếc Toyota chậm chạp leo lên con đường dài trên đồi để trở về căn hộ thông tầng ở Nordberg, tâm trí cô mãi mê nghĩ đến Trygve cùng bữa tối phải chuẩn bị xong xuôi khi hai bố con về đến nhà.

Harry lắng nghe những lời Espen Lepsvik nói qua điện thoại và ngược nhìn những tấm ảnh của ba người đồng nghiệp quá cố. Lepsvik đã lập một tổ điều tra riêng và đang đề nghị Harry cho phép tiếp cận các thông tin có liên quan.

“Anh lấy mật khẩu ở chỗ sếp phòng IT của bọn tôi,” Harry nói. “Sau đó anh mở tệp *Người tuyết* trong mạng nội bộ của Đội Hình sự.”

“Người Tuyết ư?”

“Thì cũng phải có tên chứ.”

“Được rồi. Cảm ơn Hole. Anh muốn tôi báo cáo thường xuyên ở mức độ nào?”

“Chỉ khi nào có tin gì mới thôi. Và, Lepsvik này?”

“Sao?”

“Đừng xen vào việc của bọn tôi.”

“Chính xác thì việc của bọn anh là gì?”

“Các anh tập trung điều tra tin mật báo, nhân chứng và những kẻ từng vào tù ra khám có thể là sát nhân hàng loạt. Phần việc nặng đều ở đây cả.”

Harry biết vị thanh tra Kripos giàu kinh nghiệm đang nghĩ gì: những việc khó xơi.

Lepsvik đằng hắng. “VẬY là chúng ta nhất trí rằng các vụ mất tích có liên quan đến nhau?”

“Chả cần phải *nhất trí* gì sất. Anh cứ theo bản năng mà làm.”

“Được thôi.”

Harry cúp điện thoại và nhìn màn hình máy tính trước mặt. Anh đã truy cập vào trang web Borghild giới thiệu và trông thấy ảnh chụp đủ các mỹ nam mỹ nữ với những đường kẻ chấm trên mặt và thân người, cho thấy những vị trí trên cơ thể dù hoàn hảo nhưng vẫn có thể chỉnh sửa nếu muốn. Vị bác sĩ tên Idar Vetlesen mỉm cười với Harry trong một tấm ảnh, trông chẳng khác gì đám người mẫu nam của ông ta.

Bên dưới ảnh của Vetlesen là phần lý lịch trích ngang liệt kê các loại văn bằng cùng mấy chứng chỉ dài ngoằng viết bằng tiếng Anh và tiếng Pháp mà Harry cho rằng có khi chỉ cần học hai tháng cũng lấy được nhưng vẫn đủ cho ta cái quyền thêm mấy chữ viết tắt trước học vị. Anh đã tra tên Idar Vetlesen trên Google và thu được một loạt kết quả có vẻ như từ những cuộc thi đấu bi đá trên băng, ngoài ra còn có trang web cũ của một trong những nơi ông ta từng làm việc, phòng khám Marienlyst. Đến khi trông thấy cái tên bên cạnh tên Idar Vetlesen anh mới chợt nghĩ có lẽ người ta nói đúng: Na Uy quả là đất nước nhỏ bé đến nỗi người này với người kia cùng lắm chỉ qua hai người quen là biết nhau hết.

Katrine Bratt bước vào phòng, ngồi phịch xuống chiếc ghế trước mặt Harry và thở dài thườn thượt. Cô bắt chéo hai chân vào nhau.

“Theo cô có đúng là người đẹp thường quan tâm đến hình thức hơn người xấu không?” Harry hỏi.

“Tôi không biết,” Katrine đáp. “Nhưng điều đó có vẻ cũng hợp lý. Những người có IQ cao bị ám ảnh bởi chỉ số IQ đến nỗi lập ra cả một hội của riêng họ, đúng không? Chắc người ta có gì thì sẽ quan tâm đến thứ đó. Tôi đoán anh khá tự hào về tài điều tra phá án của mình.”

“Ý cô là tài bắt chuột từ trong gen? Khả năng trời phú để tóm cổ những kẻ tâm thần, nghiện ngập, trí tuệ dưới mức trung bình và tuổi thơ thiếu thốn tình cảm trên mức trung bình?”

“Vậy ra chúng ta chỉ là những tay săn bắt chuột thôi sao?”

“Chuẩn. Chính vì thế chúng ta hạnh phúc vô ngần khi tỷ năm mới có một vụ như thế này rơi xuống đầu. Cơ hội để bước vào cuộc săn hoành tráng, để bắt được một con sư tử, voi hay khủng long khi gió nào đó.”

Katrine không cười. Ngược lại, cô còn nghiêm nghị gật đầu.

“Em gái sinh đôi của Sylvia đã nói với cô những gì?”

“Tôi có nguy cơ trở thành bạn thân của cô ta.” Katrine thở dài, đôi tay đan lại đặt trước một bên đầu gối đi tất.

“Kể đi.”

“À,” cô nói, và Harry nhận thấy câu à đó rất giống kiểu nói của anh, “Ane kể với tôi cả Sylvia lẫn Rolf đều tin rằng Rolf là người gặp may khi họ đến với nhau. Trong khi những người xung quanh đều nghĩ ngược lại. Hồi đó Rolf vừa tốt nghiệp kỹ sư của trường Đại học Kỹ thuật ở Bergen và chuyển đến Oslo để làm cho công ty kỹ thuật Kvserner. Sylvia rõ ràng là tuýp người mỗi sáng lại nảy ra một ý tưởng sống mới. Cô ta học đến nửa tá chuyên ngành khác nhau ở trường đại học và chưa bao giờ gắn bó với công việc gì quá sáu tháng. Cô ta tính tình ương bướng, nóng nảy, chiều quá hóa hư, tự xưng là người theo chủ nghĩa xã hội và bị thu hút bởi những hệ tư tưởng ủng hộ xóa bỏ cái tôi cá nhân. Vài cô bạn gái hiếm hoi có được đều bị cô ta thao túng, những người đàn ông đến với cô ta đều chạy mất chỉ sau một thời gian ngắn vì không chịu đựng nổi. Em gái cô ta cho rằng Rolf say đắm Sylvia đến thế cũng bởi cô ta là hiện thân của con người hoàn toàn trái ngược với anh ta. Rolf trở thành kỹ sư để nối nghiệp cha. Anh ta xuất thân trong một gia đình tin vào bàn tay nhân ái vô hình của chủ nghĩa tư bản và niềm hạnh phúc của tầng lớp trung lưu. Còn trong mắt Sylvia, dân phương Tây rất những kẻ chạy theo vật chất, nhân cách suy đồi,

đánh mất mối liên hệ với con người thật sự và cội nguồn của hạnh phúc. Và ông vua nào đó ở Ethiopia là đấng Messiah đầu thai.”

“Haile Selassie,” Harry nói. “Đức tin của phong trào Rastafari.”

“Anh cũng không phải dạng vừa đâu.”

“Nhờ nhạc của Bob Marley thôi. Hừm, như vậy có thể hiểu được vì sao cô ta lại gắn bó với châu Phi.”

“Có thể.” Katrine đổi tư thế ngồi, chân trái giờ vắt sang chân phải, và Harry chuyển ánh nhìn đi chỗ khác. “Dù sao thì Rolf và Sylvia đã nghỉ một năm để du lịch khắp vùng Tây Phi. Không ngờ đó là con đường khai sáng đối với cả hai. Rolf phát hiện ra lẽ sống của anh ta là giúp châu Phi đứng dậy trên đôi chân của chính mình. Còn Sylvia, người có hình xăm quốc kỳ Ethiopia to tướng trên lưng, hiểu ra rằng ai cũng chỉ biết lo cho bản thân, ngay cả ở châu Phi. Vậy là họ mở cửa hàng Hương vị châu Phi. Mục đích của Rolf là giúp đỡ châu lục nghèo khó, còn với Sylvia, mấy thứ đồ nhập khẩu giá rẻ kết hợp với sự trợ giúp của chính phủ có vẻ là món tiền ngon ăn. Và cô ta có cùng động cơ như trên lúc bị bắt giữ tại cửa hải quan khi trở về từ Lagos với một ba lô đầy cần sa.”

“Biết ngay mà.”

“Sylvia bị phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian ngắn vì cô ta kêu oan. Cô ta nói không biết trong ba lô chứa thứ gì mà chỉ mang theo lời nhờ cậy của một người Nigeria sống ở Na Uy thôi.”

“Ừm. Còn gì nữa không?”

“Ane rất quý Rolf. Anh ta là người nhân hậu, chu đáo, hết mực thương con. Nhưng rõ ràng anh ta trở nên mù quáng trước tất cả những việc liên quan đến Sylvia. Đã hai lần cô ta phải lòng người đàn ông khác và bỏ rơi bố con Rolf. Nhưng rồi hai gã kia đều quất ngựa truy phong và Rolf thì vẫn vui vẻ chấp nhận đoàn tụ với cô ta.”

“Theo cô thì cô ta năm thóp được ông chồng ở điểm nào?”

Katrine Bratt nở một nụ cười thoáng buồn, mắt nhìn xa xăm, tay mân mê gấu váy. “Tôi đoán là lý do thường tình thôi. Chẳng ai rời bỏ được người đem lại cho mình cảm giác thỏa mãn trong chuyện gối chăn. Dù có cố đến mấy đi

nữa nhưng cuối cùng vẫn ngựa quen đường cũ thôi. Con người tầm thường như thế đấy, phải không?”

Harry chậm rãi gật đầu. “Vậy những gã đá cô ta và không quay lại thì sao?”

“Đàn ông thì khác. Theo thời gian, một vài người gặp trục trặc trong khâu hành sự.”

Harry nhìn cô đắm đắm. Và quyết định không tiếp tục theo đuổi đề tài đó nữa.

“Cô có gặp được Rolf Ottersen không?”

“Có, anh về được mười phút thì anh ta đến,” Katrine nói. “Trông sắc mặt anh ta đỡ hơn lần trước. Anh ta chưa từng nghe nói đến phòng khám phẫu thuật chỉnh hình ở Bygdøy, nhưng cũng chấp thuận ký giấy bỏ quyền bảo mật thông tin bệnh nhân.” Cô để lại tờ giấy gấp gọn lên bàn anh.

Một cơn gió lạnh căm ứa tới hàng ghế thấp ở Valle Hovin nơi Harry đang ngồi xem những người trượt băng lướt vòng quanh sân. Trong năm vừa rồi, kỹ năng của Oleg đã linh hoạt và thuần thục hơn. Mỗi khi cậu bạn định tăng tốc để vượt qua, Oleg hạ người xuống thấp và bám chắc vào mặt băng rồi bình thản lướt đi.

Harry gọi điện cho Espen Lepsvik và hai người trao đổi thông tin với nhau. Harry được biết trong đêm Birte mất tích, có người nhìn thấy một chiếc xe sedan tối màu đi vào khu Hoffsvæien lúc đã khuya. Không lâu sau, nó lại quay về theo đường cũ.

“Xe sedan tối màu,” Harry lặp lại và rùng mình ghê sợ. “Trong đêm hôm đó.”

“Phải, tôi biết chừng ấy là chưa đủ.” Lepsvik thở dài.

Harry vừa cất điện thoại vào túi áo thì chợt cảm thấy có thứ gì đó đang chặn mất một phần ánh sáng đèn pha.

“Xin lỗi vì tôi đến hơi trễ.”

Anh ngẩng lên và bắt gặp gương mặt tươi cười của Mathias Lund-Helgesen.

Anh chàng *đặc phái viên* của Rakel ngồi xuống ghế. “Anh thích các môn thể thao mùa đông à, Harry?”

Harry nhận thấy Mathias có kiểu nhìn trực diện vào đối phương với vẻ mặt nghiêm túc đến nỗi khiến người ta có cảm giác anh ta vẫn đang lắng nghe dù

miệng thì đang nói.

“Cũng không hẳn. Tôi có chút hứng thú với trượt băng thôi. Còn anh?”

Mathias lắc đầu. “Có điều tôi đã quyết định rằng sau này, khi công trình để đời của tôi đã hoàn tất và bệnh tình trầm trọng đến mức không còn thiết tha gì với cuộc sống nữa, tôi sẽ đi cáp treo lên tầng thượng của tháp ski jump trên ngọn đồi đằng kia.”

Anh ta hất ngón cái ra phía sau vai, Harry không cần ngoái lại cũng biết. Holmenkollen, công trình thân thương nhất và khu ski jump tột tể nhất của Oslo, luôn dễ thấy dù anh có đứng ở bất cứ đâu trong thành phố này.

“Và nhảy xuống. Không phải từ cáp treo mà từ trên tháp.”

“Kịch tính đấy,” Harry nói.

Mathias mỉm cười. “Cứ rơi tự do ở độ cao bốn mươi mét. Chỉ vài giây là xong.”

“Nhưng chắc cũng còn lâu mới đến lúc ấy.”

“Vói nồng độ kháng thể kháng Scl-70 trong máu tôi thì khó mà nói trước được điều gì.” Mathias cười với vẻ u ám.

“Kháng thể kháng Scl-70?”

“Phải, các kháng thể là tốt, nhưng nếu chúng xuất hiện thì luôn phải cẩn thận. Chúng hiện diện đều có nguyên do cả.”

“Ừm. Tôi tưởng bác sĩ mà lại có tư tưởng tự sát thì trái đạo quá.”

“Liên quan đến bệnh tật thì chẳng ai rành hơn bác sĩ. Tôi có cùng quan điểm với Zenon khắc kỷ, người cho rằng tự sát là điều đáng làm khi cái chết có sức cám dỗ hơn cuộc sống. Ông ta bị trật khớp ngón chân cái ở tuổi chín mươi tám. Điều đó khiến ông ta khổ sở đến mức ông ta quyết định về nhà treo cổ tự tử.”

“Thế sao anh không treo cổ mà lại mất công trèo lên tận tầng thượng khu ski jump Holmenkollen?”

“À thì, cái chết nên là một cách tôn vinh sự sống. Mà cũng phải thú thật là tôi thích ý nghĩ công chúng hẳn sẽ rất quan tâm sau khi việc đó xảy ra. Chứ đề tài nghiên cứu của tôi thì e rằng ít được chú ý lắm.” Giọng cười vui vẻ của Mathias bị xé thành muôn mảnh bởi tiếng lười giày lao vun vút trên băng.

“Nhân tiện, xin lỗi vì tôi đã trót mua giày trượt mới cho Oleg. Về sau Rakel mới nói với tôi là anh định tặng nó một đôi vào dịp sinh nhật.”

“Có gì đâu.”

“Nó sẽ thích hơn nếu được anh tặng, anh biết đây.”

Harry im lặng không đáp.

“Tôi ghen tị với anh đấy Harry. Anh có thể ngồi đây đọc báo, gọi điện thoại, nói chuyện với người khác; Oleg chỉ cần sự *hiện diện* của anh là đủ. Trong khi tôi hò hét cổ vũ nó, làm đủ điều có trong sách dạy làm cha, thì lại chỉ khiến nó khó chịu. Anh có biết ngày nào nó cũng mang giày trượt ra lau vì nó biết trước đây anh cũng làm thế? Mãi đến khi Rakel yêu cầu cất giày trong nhà nó mới chịu, chứ trước đó nó một mực đòi để ngoài cửa vì anh từng nói lười trượt bằng thép luôn phải giữ lạnh. Anh chính là hình mẫu lý tưởng của nó.”

Ý nghĩ ấy khiến Harry rùng mình. Nhưng đâu đó sâu thẳm trong thâm tâm - mà thực ra cũng không sâu đến mức ấy - anh lại hài lòng khi nghe thấy thế. Vì anh là kẻ đáng ghét lòng dạ hẹp hòi, những muốn âm thầm trù ẻo nỗ lực lấy lòng Oleg của Mathias.

Mathias nghịch nghịch chiếc cúc áo khoác. “Điều đó thật lạ trong thời buổi ly dị đầy rẫy như thế này, trẻ con đứa nào cũng ý thức sâu sắc về gốc rễ của chúng. Người cha mới chẳng bao giờ thay thế được người cha thật sự.”

“Người cha thật sự của Oleg đang sống ở Nga,” Harry nói.

“Trên giấy tờ thì đúng,” Mathias đáp với nụ cười nửa miệng. “Nhưng thực tế lại khác đấy Harry.”

Oleg trượt qua chỗ họ và vẫy chào. Mathias vẫy tay đáp lại.

“Anh từng làm việc với một bác sĩ tên là Idar Vetlesen,” Harry nói.

Mathias ngạc nhiên nhìn anh. “Idar, phải rồi. Ở phòng khám Marienlyst. Trời đất, anh cũng quen Idar à?”

“Không, tôi tra Google tên anh ta và tìm thấy một trang web cũ với danh sách bác sĩ làm việc tại phòng khám. Trong đó có cả tên anh.”

“Đó giờ mấy năm rồi, nhưng làm ở Marienlyst rất vui. Phòng khám mở ra vào thời điểm ai cũng tin rằng kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe tư sẽ

kiếm được bọn tiền, và rồi đi xuống khi dân tình hiểu ra mọi chuyện không đơn giản như thế.”

“Các anh phá sản à?”

“Tôi nghĩ hình như họ gọi là *cắt giảm biên chế*. Anh là bệnh nhân của Idar sao?”

“Không, tên anh ta xuất hiện do có mối liên quan tới một vụ án. Có thể cho tôi biết anh ta là người thế nào không?”

“Idar Vetlesen ư?” Mathias bật cười, “Ừ, anh ta thì có nhiều điều để nói lắm. Chúng tôi từng học chung và chơi chung một nhóm suốt nhiều năm.”

“Nói vậy nghĩa là các anh không còn liên hệ gì với nhau nữa?”

Mathias nhún vai. “Có lẽ Idar và tôi có khá nhiều điểm khác biệt. Phần lớn những người trong nghề bọn tôi coi ngành y như là cái nghiệp vậy. Nhưng Idar thì khác. Anh ta cũng thẳng thắn thừa nhận. Anh ta học y vì đó là nghề được kính trọng nhất. Dù sao tôi cũng ngưỡng mộ sự thành thật đó.”

“Vậy là Idar Vetlesen chỉ quan tâm làm sao để được kính trọng?”

“Tất nhiên còn cả chuyện tiền bạc nữa. Chẳng ai ngạc nhiên khi Idar theo ngành phẫu thuật chỉnh hình, hay làm việc ở phòng khám phục vụ nhóm khách hàng có tiền và có tiếng. Anh ta luôn bị thu hút bởi những người như thế. Anh ta muốn được như họ, muốn gia nhập thế giới của họ. Vấn đề nằm ở chỗ Idar cổ hơi quá đà. Tôi có thể tưởng tượng đám người nổi tiếng trước mặt anh ta thì cười cười nói nói, nhưng sau lưng lại gọi anh ta là tên khốn giả tạo, bám dai.”

“Ý anh muốn nói anh ta là loại người sẵn sàng bất chấp tất cả để đạt được mục đích?”

Mathias đăm chiêu nghĩ ngợi. “Idar luôn kiếm tìm một thứ có thể mang lại thanh danh cho anh ta. Vấn đề của Idar không phải là anh ta không có nhiệt huyết, mà anh ta không tìm được mục đích sống. Lần nói chuyện gần đây nhất với tôi, anh ta có vẻ chán nản, thậm chí là suy nhược.”

“Theo anh, liệu anh ta có tìm được mục đích sống đem lại vinh quang cho bản thân không? Một việc ngoài ngành y chẳng?”

“Tôi chưa nghĩ đến điều đó, nhưng cũng có thể. Anh ta không thực sự có phẩm chất của một bác sĩ.”

“Về mặt nào?”

“Về mặt ngưỡng mộ những người thành đạt và khinh ghét người yếu thế, bệnh tật. Idar không phải bác sĩ duy nhất có tư tưởng đó, nhưng chỉ mình anh ta dám công khai thể hiện.” Mathias cười. “Trong nghề này, bọn tôi lúc mới đầu toàn là những kẻ theo chủ nghĩa lý tưởng tuyệt đối, rồi chẳng biết từ lúc nào dần dần mãi mê hơn với nghề bác sĩ tư vấn, với việc trả hết số tiền vay để xây gara mới, rồi tiền làm thêm giờ. Ít nhất thì Idar không phản bội lại lý tưởng nào; xưa nay anh ta vẫn thế, chẳng hề thay đổi.”

Idar Vetlesen phá lên cười. “Mathias thực sự nói thế sao? Tôi không phản bội lại lý tưởng nào ấy hả?”

Anh ta có khuôn mặt dễ coi, gần như nữ tính, hai hàng lông mày mảnh đến nỗi nhìn vào dễ tưởng anh ta tia tốt, hàm răng trắng sáng và đều tăm tắp đến nỗi nhìn vào dễ tưởng anh ta đi mượn. Da dẻ có vẻ mềm mại và được tút tát; mái tóc dày bông bênh đầy sức sống. Nói tóm lại là trông anh ta trẻ hơn so với cái tuổi ba mươi bảy.

“Tôi không biết anh ta nói thế có ý gì,” Harry nói dối.

Hai người đang an tọa trên hai chiếc ghế bành sâu lòng trong phòng đọc sách của căn nhà rộng rãi sơn trắng được xây theo phong cách cổ điển, oai nghiêm của vùng Bygdøy. Đó là ngôi nhà anh ta sinh ra và lớn lên, Idar Vetlesen kể với Harry trong lúc dẫn anh đi qua hai khu sảnh rộng rãi, tối tăm, đến một căn phòng bốn bề toàn là sách. Mikkjel Fønhus. Kjeli Aukrust. *The Shop Steward* của Einar Gerhardsen. Đủ các thể loại văn học đại chúng và tiểu sử của các chính khách. Cả một dãy kệ bày đầy tạp chí *Reader's Digest* ố vàng. Harry không thấy số nào xuất bản sau năm 1970.

“Ồ, nhưng tôi thì biết.” Idar cười khùng khục.

Harry đã lơ mờ hiểu ý Mathias muốn ám chỉ khi nói rằng quãng thời gian làm ở phòng khám Marienlyst rất vui. Chắc ở đó họ thi xem ai cười nhiều nhất.

“Mathias, thằng cha thánh thiện. May mắn thì đúng hơn. Không, khi ạ, vừa thánh thiện vừa may mắn mới đúng.” Idar Vetlesen cười vang. “Họ nói không tin vào Chúa, nhưng các đồng nghiệp kính Chúa của tôi là những kẻ mộ đạo nhất gan, tích đức chẳng qua vì trong thâm tâm họ kinh sợ trước viễn cảnh bị hỏa ngục thiêu cháy.”

“Anh thì không ư?” Harry hỏi.

Idar nhướn một bên lông mày thanh mảnh, nhìn Harry với vẻ tò mò. Idar đi đôi giày mọi màu xanh nhạt dây buộc hờ, mặc quần jean và áo phong tennis trắng có hình người chơi mã cầu hên ngược trái. Harry chẳng nhớ nổi cái áo là của thương hiệu thời trang nào, chỉ biết là vì lý do nào đó anh xếp nó vào loại nhàm chán.

“Tôi xuất thân trong gia đình thực tế, thanh tra ạ. Bố tôi là tài xế taxi. Chúng tôi chỉ tin vào những gì mắt thấy tai nghe.”

“Ừm. Tài xế taxi mà có nhà đẹp thế.”

“Ông ấy sở hữu một công ty taxi, có ba giấy phép hành nghề. Nhưng ở Bygdøy này thì tài xế taxi là kẻ thấp kém, và sẽ luôn luôn là thế.”

Harry quan sát gã bác sĩ và cố tìm hiểu xem anh ta có đang dùng loại ma túy nào không. Vetlesen ngả người trên ghế với phong thái ung dung tự tại quá mức, như thể đang cố che giấu trạng thái bất an hoặc phấn khích. Ý nghĩ đó cũng từng lướt qua tâm trí Harry lúc anh gọi điện cho Vetlesen nói rằng cảnh sát muốn hỏi anh ta đôi điều và Vetlesen đã ngỏ lời mời anh đến nhà một cách nhiệt tình gần như thái quá.

“Nhưng anh thì không muốn lái taxi,” Harry nói. “Anh muốn... nâng tầm nhan sắc cho người khác?”

Vetlesen mỉm cười. “Anh có thể nói tôi chào hàng dịch vụ của mình cho thị trường phù phiếm. Hoặc tôi cải thiện ngoại hình của người khác để xoa dịu nỗi đau nội tâm cho họ. Anh muốn nghĩ sao cũng được. Đúng ra mà nói, tôi đểch quan tâm.” Chắc hẳn Harry sẽ tỏ vẻ sững sốt trước câu đó, Vetlesen bật cười rào trước. Nhưng khi thấy Harry không cắn câu, vẻ mặt anh ta trở nên nghiêm túc hơn. “Tôi tự coi mình giống như một điêu khắc gia. Tôi chẳng theo đuổi lý tưởng cao siêu. Tôi thích thay đổi diện mạo, tạo hình khuôn mặt. Đó là việc tôi luôn yêu thích. Tôi làm tốt, và được người ta trả tiền. Có thể thôi.”

“Ừm.”

“Nhưng điều đó không có nghĩa tôi làm việc vô nguyên tắc. Và bảo mật thông tin bệnh nhân là một trong số đó.”

Harry không nói gì.

“Tôi đã trao đổi với Borghild,” anh ta nói. “Tôi biết anh mong muốn điều gì, thanh tra ạ. Và tôi cũng hiểu đây là vấn đề hết sức hệ trọng. Nhưng tôi không thể giúp được anh. Tôi bị ràng buộc bởi lời thề.”

“Giờ thì hết rồi.” Harry lấy ra tờ giấy gấp gọn cất ở túi trong và đặt lên chiếc bàn ngăn cách giữa hai người. “Bố của cặp sinh đôi đã ký giấy miễn trách nhiệm cho anh đấy.”

Idar lắc đầu. “Có nó hay không cũng chẳng khác gì nhau.”

Harry nhú mày ngạc nhiên. “Vậy sao?”

“Tôi không thể tiết lộ tên người đến gặp tôi hoặc những điều họ nói, nhưng tôi có thể nói chung rằng những người đến khám cùng con cái đều được bảo vệ bởi lời thề bảo mật thông tin khách hàng, ngay cả vợ hoặc chồng họ cũng không được biết nếu họ có yêu cầu.”

“Tại sao Sylvia Ottersen lại giấu chồng việc cô ta đưa hai con đến khám chỗ anh?”

“Chúng tôi có thể cứng nhắc thật, nhưng anh cũng cần nhớ rằng nhiều khách hàng của chúng tôi là người nổi tiếng, họ luôn phải đối mặt với đủ lời đàm tiếu tầm phào cùng ánh mắt soi mói của báo giới. Anh cứ thử đến quán Kunsternes Hus vào tối thứ Sáu và nhìn quanh một lượt đi. Anh không biết bao nhiêu người trong số đó đã từng nhờ tôi cắt chỗ này gọt chỗ kia đâu. Việc họ ghé qua phòng khám của tôi bị phơi bày trước bàn dân thiên hạ ấy à, chỉ cần nghĩ đến thôi là họ đã chết khiếp rồi. Danh tiếng chúng tôi có được cũng là nhờ bảo mật. Nếu chẳng may việc chúng tôi không cẩn trọng với thông tin khách hàng lộ ra thì phòng khám sẽ phải gánh chịu hậu quả vô cùng thê thảm. Tôi tin là anh cũng hiểu.”

“Chúng tôi đang điều tra hai nạn nhân của hai vụ án mạng với một điểm chung duy nhất giữa họ,” Harry nói. “Họ đều đến phòng khám của anh.”

“Điều đó tôi không thể và cũng không đời nào xác nhận, ừ thì cứ tạm cho rằng đúng là họ đến chỗ tôi đi.” Vetlesen phẩy tay. “Thế thì sao chứ? Na Uy là quốc gia ít dân, số lượng bác sĩ thậm chí còn ít hơn. Anh có biết chúng ta chỉ cần qua vài cái bắt tay giữa người này với người kia là quen nhau hết không? Xác suất hai nạn nhân này đến khám cùng một chỗ cũng chẳng nhỏ hơn xác

suất họ có thể đã từng gặp nhau trên tàu điện vào một lúc nào đó. Anh đã bao giờ tình cờ gặp bạn khi đang đi tàu điện chưa?”

Harry không hình dung nổi dịp nào như thế. Trước hết là vì anh chẳng mấy khi đi tàu điện.

“Tôi đường xa lặn lội tới đây mà anh lại không chịu tiết lộ điều gì,” Harry nói.

“Rất xin lỗi. Tôi mời anh đến nhà vì cho rằng nếu không thế thì chỉ còn cách đến Sở Cảnh sát. Mà ở đó lúc này báo giới đang châu chực ngày đêm săn soi kẻ vào người ra. Phải, tôi biết bọn họ là vậy đấy...”

“Tôi có thể xin lệnh khám xét khiến lời thề bảo mật của anh hoàn toàn vô hiệu, anh biết chứ?”

“Tùy anh thôi,” Vetlesen đáp. “Trong trường hợp đó, phòng khám sẽ đứng về phía pháp luật. Nhưng chưa đến lúc ấy thì...” Anh ta làm động tác kéo khóa môi.

Harry tựa mình trên ghế. Anh hiểu Idar biết anh nhận thức rõ những lời anh ta nói. Để tòa án chịu ban lệnh vô hiệu hóa lời thề bảo mật, ngay cả với một vụ án mạng, cảnh sát phải đưa ra chứng cứ rõ ràng chứng minh được tầm quan trọng của thông tin bác sĩ có thể cung cấp. Mà cảnh sát thì nắm được gì nào? Vetlesen nói không sai, xác suất chỉ như gặp nhau trên tàu điện. Harry cảm thấy thôi thúc mãnh liệt muốn làm điều gì đó. Uống rượu. Hoặc nâng tạ. Một cách thật điên cuồng. Anh hít vào một hơi.

“Tôi vẫn buộc phải hỏi anh đã ở đâu vào đêm mùng hai và mùng bốn tháng Mười một.”

“Tôi biết thế nào anh cũng hỏi.” Vetlesen mỉm cười. “Nên tôi đã nghĩ từ trước. Hôm đó tôi ở đây cùng... à vâng, bà ấy đây rồi.”

Một bà lão với mái tóc nâu xỉn tựa tấm rèm rủ xuống quanh đầu lặng lẽ bước vào phòng, tay bưng cái khay bạc đựng hai tách cà phê rung rinh đến sợ. Vẻ mặt bà trông như thể lưng bà đang vác thánh giá và đầu đội vòng gai. Chỉ cần một cái liếc mắt của bà, cậu con trai lập tức đứng phắt dậy và đỡ lấy chiếc khay.

“Cảm ơn mẹ.”

“Buộc dây giày vào.” Bà hơi quay về phía Harry. “Có ai định cho tôi biết tên tuổi người đến kẻ đi trong cái nhà này không vậy?”

“Đây là thanh tra Hole ạ. Anh ta đến hỏi con đã ở đâu ngày hôm qua và ba hôm trước.”

Harry đứng dậy chìa tay ra.

“Dĩ nhiên là mẹ nhớ,” bà nói, trao cho Harry ánh nhìn cam chịu và bàn tay đầy vết đồi mồi. “Hôm đó hai mẹ con xem chương trình nói chuyện có anh bạn trong nhóm chơi bi đá trên băng của con. Và mẹ không thích những lời cậu ta nói về hoàng gia. Mà tên cậu ta là gì ấy nhỉ?”

“Arve Støp ạ.” Idar thở dài.

Bà lão rướn người về phía Harry. “Cậu ta bảo dẹp hết hoàng gia đi thì hơn. Anh có hình dung nổi điều gì kinh khủng như vậy không? Hồi chiến tranh mà không có hoàng gia thì Na Uy sẽ đi về đâu?”

“Về ngay chỗ ta đang ở lúc này chứ đâu,” Idar nói. “Hiếm có nhà cầm quyền nào lại vô tích sự đến thế trong thời chiến. Anh ta còn bảo lượng người ủng hộ vương triều đông đảo như vậy chính là bằng chứng cuối cùng cho thấy hầu hết mọi người vẫn còn tin vào quỷ quái và thần tiên.”

“Điều đó chẳng phải đáng sợ lắm sao?”

“Hắn rồi mẹ.” Idar cười cười đặt tay lên vai bà, đồng thời liếc chiếc đồng hồ hiệu Breitling nhìn có vẻ quá khổ và nặng nề trên cổ tay gầy guộc. “Thôi chết! Đến giờ tôi phải đi rồi, Hole ạ. Chúng ta nhanh nhanh giải quyết tách cà phê này thôi.”

Harry lắc đầu và mỉm cười với bà Vetlesen. “Cà phê chắc là rất ngon nhưng cháu xin phép để hôm khác ạ.”

Bà lão thở dài thườn thượt, miệng lẩm bẩm điều gì chẳng rõ, sau đó bà cầm lấy chiếc khay và lại trở ra.

Khi Idar và Harry đứng ở hành lang, Harry quay lại hỏi, “Anh nói *may mắn* là có ý gì?”

“Sao cơ?”

“Lúc này anh bảo Mathias Lund-Helgesen không chỉ là thằng cha thánh thiện, mà còn may mắn nữa.”

“A, ra vậy! Ấy là về ả đàn bà mà hấn câu được. Mathias nói chung khá vô tích sự trong khoản đó, nhưng cô ả kia hấn đã từng cặp kè với mấy gã vô dụng. Chắc là cần lắm một kẻ kính Chúa như hấn. Đừng bảo với Mathias là tôi nói thế nhé. Hoặc đừng nhắc đến thì hơn.”

“Nhân tiện, anh có biết kháng thể kháng Scl-70 là gì không?”

“Đó là một loại kháng thể trong máu. Có thể là dấu hiệu của bệnh Scleroderma. Anh quen ai mắc bệnh đó à?”

“Tôi còn chẳng biết Scleroderma là gì nữa kia.” Harry nhận ra mình nên chấm dứt câu chuyện này đi thì hơn. Anh *muốn* lắm nhưng không thể. “Vậy ra Mathias nói cô ta từng cặp kè với mấy gã dở người?”

“Theo tôi hiểu thì là thế. Thánh Mathias chả bao giờ nói về người khác bằng những từ kiểu đó. Trong mắt hấn, bất cứ ai cũng có thể trở thành người tốt hơn.” Tiếng cười của Idar Vetlesen vang vọng khắp những căn phòng tối om.

Sau khi Harry nói lời cảm ơn và xỏ chân vào đôi bốt, lúc đứng trên bậc tam cấp bên ngoài, anh ngoái nhìn khi cửa khép lại và thấy Idar ngồi đó, cúi xuống thắt lại dây giày.

Trên đường về, Harry gọi điện cho Skarre bảo anh ta in ảnh của Vetlesen trên trang web ra và mang đến cho Đơn vị Phòng chống Ma túy để xem có ai trong đội cảnh sát ngầm nhận ra gã này từng mua ma túy đá không.

“Mua trên phố á?” Skarre hỏi. “Chẳng phải bác sĩ nào cũng có những thứ kiểu đó trong tủ thuốc sao?”

“Phải, nhưng quy định kê khai thuốc bây giờ nghiêm lắm, bác sĩ thà mua hồng phiến của dân buôn trên phố Skippergata còn hơn.”

Sau khi ngắt máy, Harry gọi cho Katrine ở văn phòng.

“Hiện tại thì không có gì,” cô nói. “Giờ tôi chuẩn bị về. Anh đang trên đường về à?”

“Ừ.” Harry ngần ngừ. “Cô nghĩ liệu có khả năng tòa án đồng ý yêu cầu Vetlesen từ bỏ lời thề Hippocrate không?”

“Với những gì chúng ta thu được ấy à? Dĩ nhiên tôi có thể kiếm cái váy siêu ngắn rồi lượn qua tòa án và tìm một ông thẩm phán nào đó tuổi tác vừa phải. Nhưng nói thật nhé, ta nên quên đi thì hơn.”

“Nhất trí.”

Harry cho xe chạy đến phố Bislett. Anh nghĩ đến căn hộ bị lột sạch của mình. Anh nhìn đồng hồ rồi đổi ý và ngoặt sang phố Pilestredet, hướng về Sở Cảnh sát.

Lúc hai giờ sáng, một lần nữa Harry lôi Katrine đang say giấc nồng dậy nghe điện thoại.

“Lại chuyện gì nữa đây?” cô hỏi.

“Tôi đang ở văn phòng và xem qua những thông tin cô tìm được. Cô nói những phụ nữ mất tích đều đã có chồng con. Tôi cho rằng đó có thể là chi tiết đáng ngờ.”

“Gì cơ?”

“Tôi không biết. Tôi chỉ muốn nghe mình nói ra điều đó với người khác. Để xem có ngớ ngẩn không.”

“Vậy anh thấy thế nào?”

“Ngớ ngẩn. Chúc ngủ ngon.”

Eli Kvale nằm mở bừng mắt. Bên cạnh cô, Andreas đang thở nặng nhọc không chút ưu tư, vướng bận. Một vạt ánh trăng lọt qua khe hở giữa hai tấm rèm, rọi lên bức tường đúng vào cây thánh giá cô mua hồi đi nghỉ trăng mật ở Rome. Điều gì đã khiến cô thức giấc nhỉ? Phải chăng là Trygve? Nó dậy rồi ư? Bữa ăn và buổi tối trôi đi như những gì cô mong đợi. Cô được ngắm nhìn hai gương mặt hạnh phúc rạng ngời trong ánh nến, mọi người thi nhau nói, ai cũng có bao điều muốn kể! Nhất là Trygve. Và khi thằng bé kể về Montana, về việc học hành và bạn bè ở đó, cô chỉ lặng im ngắm con trai, chàng trai trẻ đã dần thành người lớn, thành bất cứ ai mà nó mong muốn, tự tay xây đắp đời mình. Điều khiến cô hạnh phúc nhất là Trygve có thể lựa chọn. Một cách tự do và thoải mái. Không giống như cô, phải giấu giếm giếm giếm trong bí mật.

Cô nghe thấy tiếng căn nhà cọt kẹt, nghe bốn bức tường chuyện trò với nhau.

Nhưng còn một âm thanh khác nữa, một tiếng động lạ. Từ ngoài vọng vào.

Cô rời khỏi giường, bước tới bên cửa sổ và he hé vén rèm ra xem. Tuyết rơi rồi. Những cành táo đã khoác lên mình lớp áo dày, ánh trăng phản xạ trên lớp

tuyết mỏng phủ trắng sân, tô đậm cảnh vật trong vườn. Cô nhìn từ cổng tới gara, không hiểu mình đang kiếm tìm điều gì. Bỗng ánh mắt cô dừng lại. Cô sửng sốt và hãi hùng hít mạnh một hơi. Dừng lại bắt đầu nữa đi, cô nhủ thầm. Nhất định là Trygve đó thôi. Nó mệt mỏi sau chuyến bay dài, không ngủ được nên mới ra ngoài. Dấu chân đi từ cổng vào và dừng lại ngay bên dưới ô cửa sổ cô đang đứng. Nhìn chúng giống như một hàng chấm màu đen in trên lớp tuyết mỏng. Một khoảng lặng khơi gợi kịch tính trên trang sách.

Không có dấu chân trở ra ngoài.

ngày thứ bảy

ĐỐI THOẠI

“Bên Phòng chống Ma túy có người nhận ra hần,” Skarre nói. “Khi tôi cho xem ảnh Vetlesen, cậu thanh tra đó nói đã trông thấy hần vài lần tại mấy ngã tư giữa phố Skippergata và Tollbugata.”

“Ở mấy ngã tư đó có gì vậy?” Gunnar Hagen, một mực đòi tham dự cuộc họp sáng thứ Hai trong văn phòng của Harry, lên tiếng thắc mắc.

Skarre nghi hoặc đưa mắt nhìn Hagen như muốn xem vị POB nói thật hay đùa.

“Dân buôn ma túy, cờ bạc, đi điểm,” anh ta đáp. “Đó là chốn *ăn chơi* mới của chúng sau khi bị ta quét sạch khỏi phố Plata.”

“Chỉ ở đó thôi sao?” Hagen hếch cằm hỏi. “Tôi nghe nói bây giờ chúng mở rộng địa bàn rồi cơ mà.”

“Nơi ấy gần như là trung tâm,” Skarre nói. “Nhưng dĩ nhiên sếp vẫn sẽ bắt gặp bọn chúng nếu đi xuống dưới Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc ngược lên phía ngân hàng Norges. Hay là quanh Bảo tàng Nghệ thuật Astrup Fearnley, Nhà hát Gamle Logen, quán cà phê Church Mission...” Skarre ngừng lời khi nghe tiếng Harry ngáp rõ to.

“Xin lỗi,” Harry nói. “Cuối tuần rồi vất vả quá. Cậu nói tiếp đi.”

“Cậu thanh tra không nhớ có thấy hần mua ma túy không. Cậu ta bảo hình như Vetlesen hay qua lại khách sạn Leon.”

Đúng lúc đó Katrine Bratt bước vào phòng. Cô ăn vận có phần lôi thôi, mặt mũi nhợt nhạt, hai mắt híp tịt lại nhưng vẫn vui vẻ cất lời chào bằng chất giọng đặc sệt vùng Bergen trong lúc loay hoay tìm ghế. Bjørn Holm nhảy phắt dậy, đưa tay mời cô ngồi vào chỗ của mình rồi đi kiếm ghế khác.

“Leon ở phố Skippergata ấy hả?” Hagen hỏi. “Chúng bán ma túy ở đấy à?”

“Cũng có thể,” Skarre nói. “Nhưng tôi thấy bọn gái điểm da đen ra vào nhiều lắm, nên chắc đây là quán mát-xa trá hình.”

“Không đâu,” Katrine Bratt nói, quay lưng về phía mọi người trong lúc treo áo khoác lên mắc. “Mátxa là một trong những lĩnh vực kinh doanh kín, mà bây giờ do người Việt Nam nắm giữ. Cơ sở của họ đặt ở các vùng ngoại ô, tại những khu dân cư kín đáo, họ thuê phụ nữ Á và không xâm phạm địa bàn làm ăn mở của dân châu Phi.”

“Hình như tôi từng thấy biển cho thuê phòng giá rẻ treo ở ngoài,” Harry nói. “Bốn trăm krone mỗi đêm.”

“Đúng vậy,” Katrine nói. “Họ có phòng nhỏ công khai cho thuê theo ngày, nhưng thực tế là tính tiền theo giờ. Tiền lậu đấy. Khách chẳng mấy ai đòi hóa đơn. Kiếm được nhiều nhất chính là các chủ khách sạn người da trắng.”

“Quý cô đây nói chuẩn khỏi chỉnh,” Skarre nhe răng cười với Hagen. “Quái lạ là Đơn vị Phòng chống Tội phạm Tình dục ở Bergen sao tự nhiên lại rành mấy nhà thổ tại Oslo thế.”

“Nghề đó ở đâu mà chẳng như nhau,” Katrine đáp. “Có muốn cá gì trong số những điều tôi vừa nói không?”

“Chủ khách sạn là dân Pakistan,” Skarre nói. “Hai trăm krone.”

“Xong.”

“Được rồi,” Harry nói và vỗ tay một cái. “Vậy ta còn ngồi đây làm chi nữa?”

Chủ khách sạn Leon tên là Børre Hansen, người vùng Solør ở miền Đông, có nước da nhờn nhọt hết như chỗ tuyết ướt theo chân những *khách hàng* đi vào và đọng lại trên sàn gỗ ghép đã mòn vẹt cạnh quầy đón tiếp, bên dưới tấm biển đề hai chữ *LỄ TÂN* màu đen. Cả chủ lẫn khách đều chẳng mấy để tâm đến chính tả nên tấm biển vẫn ngang nhiên ngự ở đó từ ngày Børre treo lên đến nay: bốn năm. Trước đó, ông ta lang bạt khắp Thụy Điển để bán Kinh Thánh, rồi lại thử vận may trong nghề bán phim con heo bỏ đi bằng đường tiểu ngạch ở [Svinesund](https://thuviensach.vn) và học được thứ tiếng địa phương nghe như lai tạp giữa nghệ sĩ nhạc dance và mục sư. Chính tại Svinesund ông ta đã gặp Natasha, một vũ công thoát y người Nga, bọn họ chỉ kịp thoát khỏi tay lão quản lý đồng hương của cô ta trong gang tấc. Sau đó Natasha thay tên đổi họ và hiện đang sống cùng Børre ở Oslo. Ông ta mua lại khách sạn Leon từ tay ba người Siberia không thể tiếp tục ở lại Na Uy vì nhiều nguyên nhân, tiếp quản công việc kinh

doanh của họ vì chẳng thấy lý do gì để chuyển đổi mô hình vốn có: cho thuê phòng trong thời gian ngắn, thường là cực ngắn. Thu nhập chủ yếu ở dạng tiền mặt, mà khách thì không đòi hỏi cao về quy chuẩn phục vụ cũng như cơ sở vật chất. Việc làm ăn khá thuận lợi và ông ta không muốn để mất nó. Vì thế, ông ta chẳng ưa hai kẻ đang đứng trước mặt mình lúc này tí nào, nhất là hai tấm thẻ họ trưng ra.

Svinesund là vùng vịnh phân cách giữa Thụy Điển và Na Uy.

Gã đàn ông cao lớn tóc húi cua đặt một tấm ảnh lên quầy. “Đã thấy người này bao giờ chưa?”

Børre Hansen lắc đầu, dù sao cũng nhẹ cả người khi biết mình không phải đối tượng họ cần tìm.

“Chắc chứ?” gã kia nói, tì khuỷu tay lên quầy và nhoài người tới trước.

Børre nhìn bức ảnh một lần nữa, thầm nghĩ đáng lẽ vừa rồi ông ta phải soi thẻ kỹ hơn; trông gã này giống lũ nghiện lang thang trên phố hơn cảnh sát. Cô ả đứng phía sau gã cũng chẳng có vẻ gì là cảnh sát cả. Cô ta có gương mặt dạn dày của gái làng chơi đấy, nhưng phần còn lại thì đúng chuẩn quý bà. Nếu tìm được một tên ma cô không lột sạch tiền đi khách thì dễ thường cô ta cũng phải kiếm gấp năm lần lương cảnh sát là ít.

“Bọn tôi biết ông điều hành nhà thổ ở đây,” gã cảnh sát nói.

“Tôi điều hành khách sạn hợp pháp, có giấy phép kinh doanh, giấy tờ đàng hoàng. Anh có muốn xem không?” Børre chỉ tay về phía văn phòng nhỏ nằm ngay sau khu vực lễ tân.

Gã cảnh sát lắc đầu. “Ông cho gái mại dâm và khách mua dâm thuê phòng. Như vậy là phạm pháp.”

“Nghe này,” Børre nói và nuốt khan. Cuộc đối thoại đã chuyển sang chiều hướng ông ta lo ngại. “Tôi không quan tâm khách thuê phòng làm gì, chỉ cần họ trả tiền đầy đủ là được.”

“Nhưng tôi thì có,” gã cảnh sát hạ giọng nói. “Nhìn kỹ lại bức ảnh lần nữa xem.”

Børre làm theo. Tấm ảnh này chắc được chụp từ nhiều năm trước, vì người trong ảnh trông rất trẻ. Vừa trẻ trung vừa vô ưu, không chút dấu vết của nỗi

tuyệt vọng, đau đớn.

“Theo tôi biết, ở Na Uy, mại dâm không bị coi là phạm pháp,” Børre Hansen nói.

“Đúng vậy,” cô nàng cảnh sát nói. “Nhưng điều hành nhà thổ thì có đấy.”

Børre Hansen vận hết nội lực để trưng ra vẻ mặt bất bình.

“Ông biết đấy, cảnh sát có trách nhiệm kiểm tra định kỳ xem khách sạn có tuân thủ đúng quy định không,” gã cảnh sát nói. “Chẳng hạn như các phòng đều phải có cửa thoát hiểm trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn.”

“Nộp đầy đủ bản đăng ký thuê phòng của khách ngoại quốc,” cô ả thêm vào.

“Máy fax để cảnh sát gửi thông báo khi cần điều tra thông tin khách hàng.”

“Tài khoản thuế giá trị gia tăng.”

Ông ta xây xẩm mặt mày. Lúc này, gã cảnh sát tung ra đòn quyết định.

“Bọn tôi đang tính gọi Đội Chống gian lận đến kiểm tra các tài khoản ông lưu của một số đối tượng khách hàng bị cảnh sát ngầm nhận thấy thường lui tới trong vài tuần gần đây.”

Børre Hansen cảm thấy cơn buồn nôn đang từ từ kéo đến. Natasha. Khoản vay. Và nỗi khiếp đảm trước viễn cảnh những đêm đông tăm tối lạnh căm phải đứng trên những bậc cửa xa lạ với mớ Kinh Thánh kẹp dưới nách.

“Hoặc cũng có thể cho qua,” gã nói. “Vấn đề nằm ở thứ tự ưu tiên. Ở việc cảnh sát tận dụng nguồn lực có hạn của mình ra sao. Phải vậy không, Bratt?”

Cô nàng cảnh sát gật đầu.

“Ông ta đến đây hai lần mỗi tuần,” Børre Hansen nói. “Luôn chỉ thuê đúng phòng đó và ở lại cả tối.”

“Cả tối sao?”

“Ông ta có vài người khách.”

“Da trắng hay da đen?” cô ta hỏi.

“Da đen. Chỉ da đen thôi.”

“Bao nhiêu người?”

“Tôi không biết. Nói chung cũng tùy. Có thể tám người. Hoặc mười hai.”

“Đến cùng một lúc ư?” cô ta kêu lên.

“Không, thay nhau đến. Có một số đi theo cặp. Tất nhiên lúc ở trên phố họ cũng thường đi như thế.”

“Lạy Chúa,” gã cảnh sát nói.

Børre Hansen gật đầu.

“Ông ta đăng ký thuê phòng dưới tên gì?”

“Tôi không nhớ.”

“Nhưng chắc kiểm tra sổ đăng ký là ra, nhỉ? Và cả các tài khoản nữa?”

Lưng áo sơ mi của Børre Hansen ướt đẫm mồ hôi bên dưới lớp áo vét bóng bẩy. “Họ gọi ông ta là bác sĩ White. Những phụ nữ tìm ông ta ấy mà.”

“Bác sĩ ư?”

“Việc ấy không liên quan gì đến tôi cả. Người đó...” Børre Hansen ngần ngại giây lát. Ông ta không muốn nói nhiều quá mức cần thiết. Nhưng mặt khác, ông ta cũng muốn thể hiện thái độ hợp tác chân thành. Vả lại, đằng nào thì vị khách này giờ cũng là quá khứ rồi. “Người đó mang theo túi đựng đồ cỡ lớn của bác sĩ. Và luôn xin thêm... khăn bông.”

“Ồ ồ...” cô ta nói. “Có mùi mờ ám đây. Lúc dọn vệ sinh phòng, ông có phát hiện thấy vết máu nào không?”

Børre không đáp.

“Nếu ông có vệ sinh phòng,” tay cảnh sát chữa lại. “Thế nào?”

Børre thở dài. “Cũng không nhiều lắm, không hơn mấy so với...” Ông ta ngập ngừng.

“So với bình thường hả?” người phụ nữ nói với giọng mỉa mai.

“Tôi không nghĩ ông ta làm họ bị thương,” Børre Hansen vội đáp nhưng ngay lập tức hối hận vì lời vừa nói.

“Sao không?” gã cảnh sát xẵng giọng hỏi.

Børre nhún vai. “Vì nếu thế thì họ đã chẳng quay lại, có lẽ vậy.”

“Toàn là phụ nữ à?”

Børre gật. Nhưng gã cảnh sát hẳn đã phát hiện ra điều gì đó. Có thể là bó cơ trên cổ căng ra vì hồi hộp, hoặc cái giật khẽ trong đôi mắt đỏ vằn tia máu của ông ta.

“Thế còn đàn ông?”

Børre lắc đầu.

“Trai trẻ?” cô nàng cảnh sát hỏi, rõ ràng cũng đánh hơi thấy vấn đề.

Børre Hansen lại lắc, nhưng trong đó có một sự chần chừ rất ngăn ngại và khó lòng nhận thấy, luôn xuất hiện khi nào bộ buộc phải cân nhắc giữa các lựa chọn.

“Trẻ con,” gã cảnh sát nói, mặt hơi cúi xuống như muốn xông tới. “Hắn đưa trẻ con đến đây không?”

“Không!” Børre la lên, cảm thấy mồ hôi túa ra khắp người. “Không bao giờ! Tôi không cho phép đi xa đến mức ấy. Trước giờ chỉ có đúng hai lần... Mà chúng cũng không được vào. Tôi đuổi hết ra ngoài!”

“Dân Phi hả?” gã kia hỏi.

“Phải.”

“Trai hay gái?”

“Cả trai lẫn gái.”

“Chúng đến một mình sao?” người phụ nữ hỏi.

“Không, chúng đi cùng mấy bà. Chắc là mẹ chúng. Nhưng như tôi đã nói, tôi không cho phép chúng lên phòng ông ta.”

“Ông nói hắn đến đây hai lần mỗi tuần. Có ngày giờ cố định không?”

“Thứ Hai và thứ Năm. Từ tám giờ tối đến tận nửa đêm. Và ông ta luôn đúng giờ.”

“Tối nay cũng đến à?” gã cảnh sát nói, đưa mắt nhìn đồng nghiệp. “Được rồi, cảm ơn ông đã hợp tác.”

Børre thở phào một hơi và phát hiện cặp giò sao mà nhức mỏi, hóa ra ông ta đã đứng kiễng chân suốt từ nãy đến giờ. “Rất vui lòng,” ông ta nói.

Hai viên cảnh sát cùng đi ra cửa. Børre biết mình nên im đi thì hơn, nhưng chưa nhận được lời cam kết thì ông ta sẽ lo đến mất ngủ.

“VẬY...” ông ta gọi với theo họ. “VẬY coi như chúng ta đã thỏa thuận rồi phải không?”

Gã cảnh sát ngoái lại, một bên lông mày nhướn lên vì ngạc nhiên. “Thỏa thuận gì?”

Børre nuốt khan. “Thì mấy vụ... kiểm tra đó?”

Gã đưa tay xoa cằm. “Phải chăng như vậy nghĩa là ông đang có điều muốn che giấu?”

Børre chớp mắt hai cái. Rồi ông ta nghe thấy tiếng cười the thé đầy hồi hộp của mình khi tuôn một hàng: “Ấy không, không, dĩ nhiên là không rồi! Ha ha! Mọi thứ ở đây đều đúng luật cả mà.”

“Tốt, thế thì ông chả có gì phải sợ khi họ đến kiểm tra. Mấy việc ấy không thuộc phạm sự của tôi.”

Bọn họ ra về, để lại Børre đứng đó miệng há hốc như muốn phản kháng hay đáp lại câu gì, chỉ có điều ông ta không biết phải nói sao.

Tiếng chuông điện thoại reo vang chào đón Harry trở về văn phòng.

Người gọi là Rakel, cô muốn trả lại đĩa DVD mượn của anh.

“*The Rules of Attraction?*” Harry sừng sốt nhắc lại. “Em xem rồi á?”

“Thì anh xếp nó vào danh sách những bộ phim hiện đại bị xem nhẹ nhất còn gì.”

“Ừ, nhưng em có thích thể loại ấy đâu.”

“Ai bảo thế.”

“Em không thích *Starship Troopers* mà.”

“Vì đấy là phim vợ vẫn sạch mùi đực rửa.”

“Nó là phim châm biếm đấy chứ,” Harry nói.

“Châm biếm cái gì mới đực?”

“Chủ nghĩa phát xít thâm căn cố đế trong xã hội Mỹ. Kiểu như sự kết hợp giữa *Anh em nhà Hardy* và *Đoàn Thanh niên Hitler*.”

“Thôi đi, Harry. Cuộc chiến với đám côn trùng khổng lồ ở một hành tinh xa xôi ư?”

“Tượng trưng cho nỗi sợ người lạ.”

“Mà này, em lại thích bộ phim hồi thập niên bảy mươi của anh, nói về vụ nghe lén...”

“*The Conversation - Đối thoại*,” Harry nói. “Phim hay nhất của Coppola.”

“Chính nó. Phim đấy thì em công nhận là bị xem nhẹ thật.”

“Không phải vậy đâu,” Harry thở dài. “Chỉ là bị người đời quên lãng thôi. Nó được đề cử giải Oscar cho hạng mục Phim xuất sắc nhất.”

“Tối nay em đi ăn cùng mấy người bạn. Lúc về em có thể ghé qua trả anh. Tám mười hai giờ anh vẫn còn thức chứ?”

“Có thể. Sao lúc đi em không mang qua luôn?”

“Thế thì hơi khó, nhưng dĩ nhiên là cũng được thôi.”

Câu trả lời cô thốt ra thật nhanh. Nhưng chưa đủ nhanh để Harry không kịp nghe thấy.

“Ừm,” anh nói. “Đằng nào anh cũng chẳng ngủ được. Anh hít phải năm mồi và bị khó thở.”

“Hay là thế này nhé. Em sẽ bỏ vào hòm thư dưới nhà, như thế anh sẽ không phải lọ mọ dậy nữa, được không nào?”

“Được.”

Họ cúp máy. Harry trông thấy tay mình run rẩy. Anh quy kết đó là do thiếu nicotine và đi ra bắt thang máy.

Đúng lúc đó Katrine bước ra khỏi văn phòng như thể cô biết tiếng chân nện trên sàn là của anh. “Tôi đã nói chuyện với Espen Lepsvik. Chúng ta có thể cử một người trong đội của anh ta trực ca tối nay.”

“Tốt lắm.”

“Có tin vui à?”

“Gì cơ?”

“Anh đang cười kìa.”

“Thế sao? Ờ, chắc là vui thật.”

“Vui vì chuyện gì?”

Anh vỗ nhẹ vào túi. “Thuốc lá.”

Eli Kvale ngồi bên bàn ăn với một tách trà, đưa mắt nhìn ra vườn và lắng nghe tiếng âm ì ì dễ chịu phát ra từ máy rửa bát. Chiếc điện thoại cố định màu đen nằm trên mặt bàn bếp. Ống nghe trong tay cô nóng bừng lên do siết quá chặt,

nhưng chỉ là người ta gọi nhầm số thôi. Trygve rất thích món cá nướng vàng mặt, nó bảo đó là món yêu thích của nó. Nhưng hầu như thứ gì nó cũng nói thế cả. Thăng bé là đứa con ngoan. Ngoài vườn, cỏ đã héo úa, xác xơ; chẳng có dấu hiệu nào cho thấy tuyết đã rơi. Nhưng ai mà biết được? Có thể mọi chuyện chỉ là do cô tưởng tượng ra thì sao?

Cô lơ đãng lật giở cuốn tạp chí. Cô đã xin nghỉ mấy ngày đầu tiên Trygve về thăm nhà để họ có thời gian bên nhau. Chuyện trò cùng nhau, chỉ hai mẹ con thôi. Nhưng lúc này đây Trygve đang ngồi cùng Andreas trong phòng khách, làm chính cái việc cô định sẽ làm. Cũng không sao cả, hai bố con có nhiều chuyện để nói hơn. Họ giống nhau quá mà. Và thực ra, cô luôn thích những hình dung về cuộc trò chuyện hơn là làm thật. Bởi lẽ trong thực tế, cuộc đối thoại nào rồi cũng sẽ phải chấm dứt ở đâu đó. Trước một bức tường sừng sững không thể vượt qua.

Dĩ nhiên, cô đã đồng ý đặt tên con theo tên bố của Andreas. Chỉ ít là để thằng bé mang họ nhà chồng. Trước ngày sinh, cô suýt nữa đã thú thật tất cả. Về cái lần ở bãi xe vắng tanh, bóng tối, những dấu chân đen sì trên tuyết, về con dao kề vào cổ cô và hơi thở không rõ mặt phả lên má cô. Trên đường về nhà, trong lúc chất dịch của kẻ đó rỉ xuống đồ lót, cô đã cầu trời để nó chảy ra bằng hết. Nhưng lời cầu nguyện của cô không được hồi đáp.

Sau này, cô thường tự hỏi mọi chuyện sẽ ra sao nếu Andreas không phải là mục sư, và quan điểm của anh về chuyện phá thai không cứng rắn như thế, và nếu cô không hèn nhát đến vậy. Sẽ ra sao nếu Trygve không xuất hiện trên cõi đời này. Nhưng đến lúc ấy thì bức tường đã được dựng lên mất rồi, một bức tường câm lặng không gì công phá nổi.

Niềm an ủi duy nhất là Trygve và Andreas rất giống nhau. Điều đó thậm chí còn nhen lên trong cô hy vọng nhỏ nhoi, và cô đã tìm đến một phòng khám xa lạ, đưa cho họ hai sợi tóc cô nhặt được trên gối của hai người, cô cũng tìm hiểu tương đối đủ để biết về một loại mã gọi là ADN, gần giống như dấu vân tay trong lĩnh vực di truyền vậy. Vị bác sĩ đã gửi hai sợi tóc đến Viện Pháp y ở Rikshospitalet, tại đó đang áp dụng phương pháp mới để xác định huyết thống. Hai tháng sau, bao nỗi ngờ vực đã bị đánh tan. Đó không phải là mơ: bãi xe, dấu chân đen, tiếng thở hỗn hển, và nỗi đau.

Cô nhìn chiếc điện thoại một lần nữa. Chắc hẳn ai đó đã gọi nhầm số. Tiếng thờ vang lên ở đầu dây bên kia chỉ là phản ứng bối rối khi nghe thấy một giọng nói lạ, sự do dự không biết có nên cúp máy hay không. Tất cả chỉ có vậy mà thôi.

Harry bước ra hành lang và nhắc máy điện thoại nội bộ.

“A lô?” anh gào tướng lên giữa tiếng nhạc của Franz Ferdinand vọng ra từ dàn stereo trong phòng khách.

Không có lời đáp, chỉ có tiếng một chiếc xe hơi phóng vù qua trên phố Sofies.

“A lô?”

“Chào anh! Rakel đây. Anh ngủ chưa?”

Nghe giọng cô anh biết cô đã uống rượu. Không nhiều nhưng đủ để khiến giọng nói cao lên nửa tông, và tiếng cười, tiếng cười trầm trầm tuyệt diệu ấy, lan tỏa trong từng câu chữ.

“Chưa,” anh nói. “Em đi chơi vui chứ?”

“Cũng khá vui.”

“Mới mười một giờ thôi mà.”

“Mấy cô bạn muốn về sớm. Vì vẫn đang là ngày thường, kiểu thế.”

“Ừm.”

Harry hình dung ra cô lúc này. vẻ mặt như khiêu khích, đôi mắt long lanh vì rượu.

“Em có mang đĩa phim đây,” cô nói. “Nếu em bỏ vào hòm thư thì chắc anh phải mở cửa cho em.”

“Ừ.”

Anh đưa tay bấm chuông để cho phép cô vào. Rồi lại ngần ngừ. Biết rằng thời gian vô cùng ít ỏi. Họ có hai giây để quyết định. Lúc này cả hai đều đang có trong tay vô vàn lựa chọn dự phòng. Anh thích những lựa chọn như thế. Và anh hiểu rất rõ mình không muốn việc này xảy ra, một việc quá đổi phức tạp và đốn đau không nên trải qua lần nữa. Thế mà sao ngực anh vẫn phập phồng như thể có tới hai trái tim đang ngự trị? Sao anh còn chưa bấm nút ngay đi, để

cô bước vào rồi ra khỏi tòa nhà cũng như tâm trí anh? *Làm đi*, anh thầm nghĩ, gí đầu ngón tay lên chiếc nút nhựa cứng.

“Hoặc,” cô nói, “để em mang lên nhà cũng được.”

Lời còn chưa nói ra mà Harry đã biết trước giọng mình nghe sẽ lạ lắm.

“Không cần đâu,” anh đáp. “Hòm thư của anh là hòm không tên. Chúc em ngủ ngon.”

“Ngủ ngon.”

Anh nhấn nút. Vào phòng khách, vặn Franz Ferdinand to lên, cố gắng thổi bay những ý nghĩ trong đầu, quên đi cảm giác hồi hộp nhộn nhạo thật ngu xuẩn, chỉ đắm chìm trong âm nhạc, trong tiếng ghita dồn dập gay gắt. Giận dữ, mong manh và không hẳn là xuất sắc. Phong cách Scotland. Nhưng chuỗi giai điệu cuồng nhiệt ấy bị một âm thanh khác xen vào.

Harry giảm âm lượng xuống. Lắng tai nghe. Anh vừa định vặn to lên như cũ thì chợt phát hiện có tiếng động. Nghe như tiếng giấy ráp mài trên gỗ. Hoặc tiếng giày bước trên sàn. Anh đi ra hành lang và trông thấy một bóng người phía sau tấm kính dợn sóng ở cửa.

Anh mở cửa ra.

“Em có nhấn chuông rồi,” Rakel nói, ngược lên nhìn anh với vẻ hối lỗi.

“VẬY Ừ?”

Cô huơ chiếc hộp DVD. “Nó không chui lọt khe bỏ thư.”

Anh định nói gì đó, anh muốn nói đôi câu với cô. Nhưng tay anh đã vươn ra, tóm lấy cô, kéo cô lại gần, anh nghe tiếng cô thở dốc khi ôm chặt cô, thấy miệng cô mở ra, chiếc lưỡi đưa lại gần anh, đỏ hồng khiêu khích. Tự trung lại thì chẳng có gì để nói cả.

Cô rúc lại gần anh, thật mềm mại và ấm áp.

“Ôi chào,” cô thì thầm.

Anh hôn lên trán cô.

Mồ hôi giống như một lớp mỏng vừa ngăn cách vừa gắn kết hai người với nhau.

Mọi thứ diễn ra đúng như anh đoán. Cảm giác vẫn vẹn nguyên như ngày đầu, chỉ thiếu đi sự hồi hộp, lóng ngóng cùng những câu hỏi không thành lời.

Và lần này cũng hết như lần trước, chỉ vắng bóng nỗi buồn và tiếng cô nước nở sau khi chuyện đã rồi. Người ta có thể rời xa người mang lại cho mình cảm giác thỏa mãn trong chuyện gối chăn. Có điều Katrine nói đúng; người ta luôn trở lại. Vậy nhưng Harry biết lần này sẽ khác. Với Rakel, đây là lần ghé thăm cần thiết để khép lại quá khứ, là lời giã biệt mỗi tình cả hai gọi là tình yêu lớn của cuộc đời. Trước khi cô bắt đầu bước sang một chương mới. Với một tình yêu mới nhỏ bé hơn chăng? Cũng có thể, nhỏ bé hơn nhưng dễ chịu hơn.

Cô khẽ thốt ra những tiếng rử rỉ trong lúc vuốt ve bụng anh. Harry vẫn có cảm giác dường như sự căng thẳng còn vương lại nơi cô. Anh có thể khiến mọi chuyện trở nên khó khăn hoặc dễ dàng hơn cho cô. Và anh quyết định chọn điều thứ hai.

“Lương tâm cắn rứt à?” anh hỏi và cảm thấy cô giật mình.

“Em không muốn nói chuyện đó,” cô đáp.

Anh cũng vậy. Anh chỉ muốn lặng yên nằm đây, lắng nghe từng hơi thở của cô, cảm nhận bàn tay cô đang đặt trên bụng mình. Nhưng anh biết việc cần làm cô vẫn sẽ phải làm thôi, và anh không muốn trì hoãn thêm nữa. “Anh ta đang đợi em đây, Rakel.”

“Không đâu,” cô đáp. “Anh ấy và kỹ thuật viên đang chuẩn bị thi hài cho bài giảng ở khoa Giải phẫu vào sáng sớm mai. Em cũng đã nói anh ấy đừng đến gần em sau khi chạm vào xác chết. Anh ấy sẽ qua đêm ở nhà riêng.”

“Thế còn anh?” Harry mỉm cười trong bóng tối, nghĩ bụng hóa ra cô đã lên kế hoạch trước cho việc này và biết mọi chuyện sẽ diễn ra như thế. “Làm sao em biết được anh có sờ vào xác chết hay không?”

“Vậy anh có không?”

“Không,” Harry nói, nghĩ đến bao thuốc lá trong ngăn kéo kệ đầu giường. “Bọn anh không giữ cái xác nào cả.”

Hai người chìm vào im lặng. Bàn tay cô vẽ những vòng tròn lớn hơn nữa trên bụng anh.

“Anh có cảm giác dạo gần đây mình bị cài cảm thì phải,” Harry đột ngột lên tiếng.

“Ý anh là sao?”

“Anh cũng không rõ nữa. Chỉ là anh cảm thấy như có người âm thầm liên tục theo dõi anh, thậm chí ngay cả lúc này. Anh là một phần trong kế hoạch của kẻ nào đó. Em hiểu chứ?”

“Không.” Cô xích lại gần anh hơn.

“Nó liên quan đến chuyên án anh đang làm. Cảm giác hình như chính người của anh có dính dáng...”

“Suyt.” Cô cắn nhẹ vào tai anh. “Anh lúc nào chẳng dính dáng tới đủ thứ việc. Vấn đề của anh là ở chỗ ấy đấy. Thư giãn đi nào.”

Bàn tay cô tự động tìm đến nơi hạ bộ mềm rũ của anh. Anh nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng cô thì thầm và cảm thấy ham muốn từ từ trỗi dậy.

Cô rời khỏi giường lúc ba giờ. Anh thấy lưng cô nhờ ánh sáng từ mấy ngọn đèn đường hắt vào qua cửa sổ. Tấm lưng cong cùng với bóng hình cột sống của cô. Và anh chợt nghĩ đến một điều Katrine đã từng nói, rằng Sylvia Ottersen có xăm hình quốc kỳ Ethiopia trên lưng; anh nhất định phải ghi nhớ chi tiết này để còn phổ biến lại trong buổi họp chỉ đạo. Và Rakel nói đúng lắm: không một giờ khắc nào anh ngừng nghĩ về những vụ án, anh luôn dính dáng đến đủ thứ việc.

Anh tiễn cô ra cửa. Cô trao cho anh nụ hôn vội rồi rảo bước xuống cầu thang. Giữa hai người chẳng có gì để nói. Đang định khép cửa lại thì anh chợt trông thấy những dấu bột ướt nhẹ in ngoài cửa. Anh lần theo tới tận nơi chúng mất hút trong bóng tối ở cầu thang. Chắc là dấu bột Rakel để lại lúc cô tới đây đấy thôi. Và anh lại nghĩ đến loài hải cẩu Berhaus, về việc con cái sau khi giao phối với con đực trong mùa sinh sản sẽ không bao giờ trở lại với nó vào mùa sau. Bởi lẽ về mặt sinh học, điều đó thật dại dột. Hải cẩu Berhaus quả là những sinh vật khôn ngoan.

ngày thứ tám

GIẤY

Lúc này là chín rưỡi sáng, mặt trời đang tỏa nắng xuống chiếc ô tô đơn độc đi qua vòng xoay ở cầu vượt Sjølyst phía trên đường cao tốc. Chiếc xe chạy về phía Bygdøyveien, con đường dẫn tới miền quê yên bình trên bán đảo nằm cách quảng trường Tòa Thị chính chỉ năm phút lái xe. Nơi đây thật tĩnh lặng, gần như không thấy bóng xe qua lại, mà cũng chẳng có công hay quạ nào ở trang viên hoàng gia Kongsgården; những con đường nhỏ tập nập các tín đồ tìm đến bãi biển khi hè sang thì giờ vắng tanh vắng ngắt.

Harry đánh xe theo những khúc cua trên cung đường uốn lượn và lắng nghe Katrine phân tích.

“Có tuyết,” cô nói.

“Tuyết ư?”

“Tôi đã điều tra theo chỉ dẫn của anh. Tập trung vào những phụ nữ mất tích đã có chồng con. Sau đó tôi bắt đầu tìm hiểu ngày tháng. Đa phần các vụ mất tích xảy ra vào tháng Mười một và Mười hai. Tôi tách riêng nhóm đó và khoanh vùng cụ thể. Các vụ chủ yếu tập trung ở Oslo; ngoài ra cũng có ở một vài khu vực khác nữa. Rồi đột nhiên tôi hiểu ra, chính là nhờ lá thư anh nhận được. Cái phần nói đến Người Tuyết tái xuất giang hồ khi đợt tuyết đầu mùa xuất hiện ấy. Và ngày chúng ta đến Hoffssveien cũng là ngày đầu tiên tuyết rơi ở Oslo.”

“Thật sao?”

“Tôi đã nhờ Viện Khí tượng kiểm tra thời gian và địa điểm cụ thể. Anh biết kết quả thế nào không?”

Harry biết chứ. Đáng lẽ anh phải biết từ lâu rồi mới đúng.

“Tuyết đầu mùa,” anh nói. “Hẳn chọn đúng ngày có tuyết đầu mùa để ra tay.”

“Chính xác.”

Harry đập mạnh tay lên vô lăng. “Khốn kiếp, đầu mỗi rành rành như thế mà không nhìn ra. Đã có bao nhiêu phụ nữ mất tích rồi?”

“Mười một. Mỗi năm một người.”

“Nhưng năm nay lại có những hai người. Hẳn đã phá vỡ mô thức của chính mình.”

“Có một vụ án mạng và hai vụ mất tích xảy ra vào đợt tuyết đầu mùa năm 1992 ở Bergen. Tôi nghĩ chúng ta có thể bắt đầu điều tra từ đó.”

“Vì sao?”

“Vì người bị giết là một phụ nữ đã kết hôn và sinh con. Còn cô gái mất tích là bạn thân nhất của cô ta. Do vậy chúng ta có một xác chết, một hiện trường gây án và hai bộ hồ sơ. Ngoài ra còn có một nghi phạm vẫn biệt tích từ bấy đến nay.”

“Ai vậy?”

“Một sĩ quan cảnh sát. Gert Rafto.”

Harry đưa mắt liếc nhanh về phía cô. “À, ra là vụ đó. Ông ta là kẻ có tật chồm đồ ở hiện trường vụ án phải không nhỉ?”

“Đấy là họ đồn thế. Các nhân chứng trông thấy Rafto đi vào căn hộ của một trong hai nạn nhân, Onny Hetland, chỉ vài giờ trước khi cô ta mất tích. Cảnh sát truy tìm gấu gao nhưng vô ích. Ông ta đã biến mất mà không để lại bất cứ dấu vết nào.”

Harry chú mục vào con đường phía trước và những hàng cây trụi lá ở hai bên đại lộ Huk dẫn tới bờ biển và mấy viện bảo tàng trưng bày những di sản được người dân cả nước xem như là thành tựu vĩ đại nhất của Na Uy: cuộc thám hiểm bằng bè lênh đênh trên vùng biển Thái Bình Dương và hành trình đến Bắc Cực bất thành.

“Giờ cô cho rằng có khả năng Rafto không hề biến mất?” anh hỏi. “Mà ông ta có thể tái xuất hiện mỗi năm một lần ngay khi tuyết bắt đầu rơi?”

Katrine so vai. “Tôi cho rằng vụ đó cũng đáng để điều tra cho rõ ngọn ngành.”

“Ừm. Trước hết, ta cần xin sự trợ giúp của cảnh sát Bergen.”

“Tôi nghĩ không nên làm vậy,” cô vội đáp.

“Sao thế?”

“Vụ án Rafto đến giờ vẫn còn là vấn đề hết sức nhạy cảm ở Sở Cảnh sát Bergen. Nguồn nhân lực được huy động trong vụ đó chủ yếu là để che đậy chứ chẳng phải điều tra. Bọn họ lo sợ trước những gì họ có thể tìm thấy. Hơn nữa, ông ta lại tự biến mất, thế nên...” Cô vẽ hình dấu X trong không khí.

“Tôi hiểu. Vậy theo cô nên làm thế nào?”

“Anh cùng tôi đến Bergen một chuyến và tự điều tra đôi chút. Dù sao thì giờ nó cũng có liên quan đến một vụ án mạng ở Oslo mà.”

Khi đến đúng địa chỉ cần tìm, Harry đỗ xe phía trước một tòa nhà gạch bốn tầng tọa lạc ngay cạnh bờ biển, nằm lọt thỏm trong một bến tàu. Anh tắt máy rồi nhưng vẫn ngồi đó dõi mắt nhìn về phía cảng Filipstad ở ngoài khơi vịnh Frognerkilen.

“Làm thế nào mà vụ Rafto lại lọt vào danh sách của cô được?” anh hỏi. “Thứ nhất là nó xảy ra trước khoảng thời gian tôi yêu cầu cô điều tra. Và thứ hai, tôi tin đó không phải vụ mất tích mà là án mạng.”

Anh quay sang nhìn Katrine. Cô đáp lại anh bằng ánh nhìn không chớp.

“Vụ Rafto khá nổi tiếng ở Bergen,” cô nói. “Hơn nữa còn có một tấm ảnh.”

“Ảnh ư?”

“Phải. Tất cả các sĩ quan mới vào nghề ở Sở Cảnh sát Bergen đều được nghe giới thiệu về nó. Đó là ảnh chụp hiện trường án mạng ở đỉnh núi Ulriken, kiểu như màn thử lửa đầu tiên. Tôi nghĩ phần lớn bọn họ sợ mất mặt trước các chi tiết ở tiền cảnh rồi nên chẳng bao giờ để ý đến hậu cảnh. Hoặc cũng có thể bọn họ chưa từng leo lên đỉnh Ulriken. Tóm lại là ở đó có một chi tiết bất hợp lý, một cái ụ nằm ở phía xa. Khi phóng to ảnh lên, anh sẽ thấy khá rõ đó là thứ gì.”

“Vậy ư?”

“Một người tuyết.”

Harry chậm rãi gật đầu.

“Mà nhân tiện nhắc đến ảnh ọt,” Katrine nói, lấy từ trong túi xách ra một chiếc phong bì khổ A4 và thả vào lòng Harry.

Phòng khám nằm trên tầng hai, sảnh chờ được thiết kế hoàn hảo đến từng chi tiết bằng chi phí khổng lồ với đồ nội thất Italy, bàn trà gầm thấp hết như gầm xe Ferrari, những bức tượng thủy tinh được tạc nên bằng đôi tay của Nico Widerberg, ngoài ra còn có một bức tranh nguyên bản của Roy Lichtenstein vẽ hình khẩu súng đang bốc khói.

Thay vì khu tiếp tân thường thấy theo quy định với những vách ngăn bằng kính, một phụ nữ đang ngồi bên chiếc bàn làm việc kiểu cổ tuyệt đẹp kê ở giữa phòng. Bà ta khoác chiếc áo trắng với hai tà để mở bên ngoài bộ vét công sở màu xanh dương, gương mặt nở nụ cười nồng hậu. Nụ cười chẳng kém tươi đi là mấy khi Harry giới thiệu tên mình, nêu lý do cuộc viếng thăm và nói rằng bà ta hẳn là Borghild.

“Anh vui lòng đợi một lát nhé?” bà ta nói, trở vào bộ sofa với cung cách lịch thiệp chuyên nghiệp như chiêu đãi viên hàng không đang chỉ dẫn lối ra cửa thoát hiểm. Harry từ chối lời mời dùng cà phê espresso, trà và cả nước lọc. Anh cùng Katrine ngồi xuống ghế chờ.

Harry nhận thấy xấp tạp chí bày sẵn cho khách đọc đều là những số mới ra; vừa giở tờ *Liberal* ra xem, lập tức đập vào mắt anh là hàng tít trong đó Arve Støp tuyên bố việc đảm chính khách hào hứng tham gia các chương trình giải trí trên truyền hình để phô trương thanh thế cùng những vai hề bọn họ đóng góp quả là chiến thắng tối thượng dành cho chính quyền vì *dân*, chính quyền mà trong đó ngự trên ngai vàng là thường dân, còn chính trị gia là tên hề triều đình chuyên diễn trò mua vui.

Bỗng cánh cửa văn phòng với tấm biển đề tên *Bác sĩ Idar Vetlesen* bật mở và một phụ nữ vội vã bước ra phòng chờ, nói *tạm biệt* với Borghild rồi cứ thế ra về mà chẳng buồn ngoảnh ngang xung quanh.

Katrine tròn mắt nhìn theo. “Cô này làm cho kênh tin tức TV2 đúng không nhỉ?”

Đúng lúc ấy Borghild thông báo Vetlesen đã sẵn sàng tiếp Harry và Katrine, bà ta bước đến mở cửa mời họ vào.

Văn phòng của Idar Vetlesen là loại phòng đẳng cấp chủ tịch có cửa sổ nhìn ra vịnh Oslo. Các bằng cấp lồng khung kính được treo trên bức tường phía sau bàn làm việc.

“Xin đợi một chút,” Vetlesen nói, mắt vẫn không rời màn hình máy tính. Thế rồi khuôn mặt ngài lên vẻ đắc thắng, anh ta nhấn phím cuối cùng, xoay ghế lại và tháo cặp kính đang đeo ra.

“Đến nâng cơ mặt đấy à, Hole? Hay là định *bơm khoai*, hút mỡ?”

“Cảm ơn lời mời chào,” Harry đáp. “Đây là sĩ quan Bratt. Chúng tôi đến gặp anh lần nữa vẫn với mong muốn anh giúp đỡ cung cấp thông tin về Ottersen và Becker.”

Idar Vetlesen thở dài đánh thượt và bắt đầu rút mùi soa ra lau kính.

“Tôi phải giải thích thế nào thì anh mới hiểu hả Hole? Ngay cả với một người như tôi, cho dù có muốn dốc ruột dốc gan ra giúp cảnh sát các anh và nói chung chẳng theo quy định nào hết, thì vẫn có một số nguyên tắc bất di bất dịch.” Anh ta giơ ngón trỏ lên. “Trong suốt những năm tháng hành nghề, tôi chưa bao giờ, chưa một lần nào,” ngón tay đánh nhịp theo từng từ, “phản bội lời thề Hippocrate. Và bây giờ tôi cũng không có ý định làm vậy.”

Sau đó là một khoảng lặng kéo dài, Vetlesen chỉ ngồi nhìn họ, rõ ràng rất hài lòng với hiệu quả lời nói của mình mang lại.

Harry đằng hắng một tiếng.

“Có lẽ vẫn có cách để anh thỏa ước nguyện dốc ruột dốc gan ra giúp chúng tôi đấy, Vetlesen. Chúng tôi đang điều tra vụ tình nghi mua bán dâm trẻ em diễn ra tại một nơi được gọi là khách sạn Leon ở Oslo. Tối qua, hai sĩ quan cảnh sát ngồi trong xe đã chụp lại ảnh những người ra vào nơi đó.”

Harry mở chiếc phong bì A4 màu nâu Katrine đưa cho lúc trước, anh nhào người tới và đặt mấy tấm ảnh trước mặt gã bác sĩ.

“Người trong ảnh chính là anh, phải không?”

Vetlesen trông như thể đang mắc nghẹn; cặp mắt trợn trừng, mạch máu trên cổ nổi lên rõ mồn một.

“Tôi...” anh ta lắp bắp. “Tôi... đã làm gì sai trái hay phạm pháp đâu.”

“Ấy không,” Harry nói. “Chúng tôi chỉ đang cân nhắc gọi anh đến thẩm vấn với tư cách nhân chứng thôi. Một nhân chứng có thể cung cấp thông tin về những chuyện diễn ra trong đó. Việc khách sạn Leon là nơi tập trung những kẻ mua bán dâm thì ai cũng biết; nhưng còn điều chưa ai biết là ở đó có cả đối

tượng là trẻ em. Không như các hình thức mại dâm khác, mại dâm trẻ em bị coi là phạm pháp, anh biết đấy. Chúng tôi chỉ định thông báo với anh trước khi công khai toàn bộ sự việc trước công chúng.”

Vetlesen nhìn chăm chăm bức ảnh, đưa tay chà xát mạnh lên mặt.

“Nhân tiện, chúng tôi vừa thấy cô phóng viên kênh tin tức TV2 từ đây đi ra,” Harry nói. “Tên cô ta là gì ấy nhỉ?”

Vetlesen không đáp. Những nét trẻ trung phơi phới của anh ta cứ như thể vừa tan biến ngay trước mắt họ, khuôn mặt như già sạm đi chỉ trong một giây ngắn ngủi.

“Gọi cho chúng tôi nếu anh tìm thấy kẻ hờ nào đó trong lời thề Hippocrate nhé,” Harry nói.

Anh và Katrine đi được nửa đường ra cửa thì Vetlesen gọi lại.

“Bọn họ đến đây thăm khám,” anh ta nói. “Tất cả chỉ có vậy thôi.”

“Thăm khám kiểu gì?” Harry hỏi.

“Khám bệnh.”

“Một bệnh cả hai cùng mắc ư? Bệnh gì vậy?”

“Điều đó không quan trọng.”

“Được rồi,” Harry nói và đi tiếp. “Khi nào bị gọi đến Sở với tư cách nhân chứng, anh có thể trình bày như trên. Việc đó chẳng quan trọng đâu. Dù sao chúng tôi cũng chưa phát hiện được điều gì phi pháp cả.”

“Khoan đã!”

Harry quay lại. Vetlesen thì cúi chỏ lên bàn, vùi mặt vào hai bàn tay.

“Hội chứng Fahr.”

“Hội chứng Cha á?”

“Fahr. F-a-h-r. Đó là bệnh di truyền hiếm gặp, hơi giống bệnh Alzheimer. Nó khiến khả năng vận động suy giảm, nhất là các vùng nhận thức, hay bị co giật. Bệnh thường khởi phát ở những người ngoài ba mươi tuổi, nhưng cũng có trường hợp mắc bệnh từ khi còn nhỏ.”

“Ừm. Vậy là Birte và Sylvia biết con mình mắc bệnh này à?”

“Họ đến khám do lo ngại. Hội chứng Fahr khá khó chẩn đoán, trước đó Birte Becker và Sylvia Ottersen đã đưa con đi khám ở một số nơi nhưng các bác sĩ chưa đưa ra được kết luận cụ thể nào. Tôi nhớ hình như bọn họ đều đã tra cứu Internet, nhập các triệu chứng và phát hiện ra bệnh Fahr có nhiều biểu hiện trùng hợp đáng lo ngại.”

“Và thế là họ liên hệ với anh? Một bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình?”

“Trùng hợp thay, tôi cũng là chuyên gia về hội chứng Fahr.”

“Trùng hợp ư?”

“Ở Na Uy có khoảng mười tám ngàn bác sĩ. Anh có biết thế giới đã phát hiện ra bao nhiêu loại bệnh không?” Vetlesen hất đầu về phía bức tường treo đầy chứng chỉ. “Trùng hợp thay, hội chứng Fahr lại được đề cập đến trong khóa đào tạo về các kênh thần kinh mà tôi từng theo học ở Thụy Sĩ. Chút kiến thức ít ỏi thu được cũng đủ để tôi trở thành chuyên gia ở Na Uy này rồi.”

“Anh biết gì về Birte Becker và Sylvia Ottersen?”

Vetlesen so vai. “Họ đưa con đến đây mỗi năm một lần. Tôi khám cho chúng nhưng không phát hiện được dấu hiệu nào cho thấy tình trạng bệnh đi xuống, ngoài điều đó ra thì tôi không biết gì về cuộc sống của họ. Hay đúng hơn là,” anh ta hất mái ra sau, “cái chết của họ.”

“Cô có tin hẳn không?” Harry hỏi trong lúc lái xe qua những cánh đồng hoang vắng.

“Không tin lắm,” Katrine đáp.

“Tôi cũng thế,” Harry nói. “Tôi nghĩ tạm thời ta nên tập trung điều tra việc này và gác vụ Bergen lại.”

“Không được,” Katrine nói.

“Sao lại không?”

“Giữa chúng hẳn phải có mối liên quan nào đó.”

“Mối liên quan gì?”

“Tôi không biết. Nghe thì có vẻ hoang đường, nhưng biết đâu Rafto và Vetlesen có liên hệ với nhau. Có thể nhờ đó mà Rafto mới lần trốn được suốt ngàn ấy năm.”

“Ý cô là sao?”

“Ông ta đơn giản là kiểm cho mình một chiếc mặt nạ. Mặt nạ thật trăm phần trăm. Phẫu thuật nâng cơ mặt.”

“Nhờ Vetlesen ư?”

“Điều đó có thể lý giải cho sự trùng hợp khi cả hai nạn nhân đều đến khám cùng một bác sĩ. Biết đâu Rafto đã gặp Birte và Sylvia ở phòng khám và quyết định cho họ vào tầm ngắm.”

“Cô đang cầm đèn chạy trước ô tô đấy,” Harry nói.

“Cầm đèn chạy trước ô tô ư?”

“Điều tra những vụ án kiểu này cũng giống như chơi trò ghép hình vậy. Bước đầu tiên là thu thập những mảnh ghép, xem xét chúng, và phải kiên nhẫn. Còn cô thì lại đang cố đặt chúng vào vị trí một cách gượng ép. Bây giờ vẫn còn quá sớm.”

“Tôi chỉ muốn nêu ra vài suy nghĩ với người khác. Để xem có ngớ ngẩn không.”

“Ngớ ngẩn lắm.”

“Đây đâu phải đường về Sở Cảnh sát,” cô nói.

Harry nghe thấy trong giọng cô có chút run rẩy lạ thường và đưa mắt nhìn cô, nhưng khuôn mặt cô không có biểu hiện gì.

“Tôi muốn kiểm tra lại lời khai của Vetlesen thông qua một người tôi quen,” anh nói. “Và người đó cũng quen cả Vetlesen nữa.”

Mathias mặc chiếc áo khoác trắng và găng tay vệ sinh màu vàng theo quy định khi anh ta đón Harry và Katrine ở gara bên dưới nhà Tiền lâm sàng, tên thường gọi của tòa nhà sơn màu nâu thuộc Bệnh viện Gaustad, đối diện với đường vành đai 3.

Anh ta bảo Harry đánh xe vào vị trí, hóa ra đó là ô để xe riêng nhưng anh ta không dùng đến.

“Tôi cố gắng đạp xe thường xuyên,” Mathias giải thích và quẹt thẻ để mở cánh cửa dẫn từ gara vào lối đi dưới tầng hầm của khoa Giải phẫu. “Lối này giúp đưa các thi hài ra vào tiện hơn. Tôi cũng muốn mời anh dùng cà phê, có điều tôi vừa dạy xong một nhóm sinh viên và không lâu nữa nhóm sau sẽ tới.”

“Xin lỗi vì đã quấy rầy. Chắc hôm nay anh mệt lắm.”

Mathias ngơ ngác nhìn anh.

“Rakel và tôi có nói chuyện điện thoại. Cô ấy bảo tối qua anh làm việc khuya,” Harry vội nói thêm, thầm mắng chính mình và hy vọng mặt anh không để lộ điều gì.

“Rakel, phải rồi.” Mathias lắc đầu. “Cô ấy cũng về muộn. Đi chơi với đám bạn gái để đến nỗi hôm nay phải xin nghỉ. Thế mà lúc tôi gọi điện thì cô ấy lại đang bận tổng vệ sinh nhà cửa. Phụ nữ thật là! Ai mà hiểu nổi họ chứ?”

Harry mỉm cười gượng gạo và tự hỏi liệu trên đời có câu nào thích hợp để trả lời cho câu hỏi đó không.

Một người đàn ông mặc trang phục bệnh viện màu xanh lá cây đẩy cái bàn bằng kim loại đi về phía cửa gara.

“Lại chuyển đến Bệnh viện Tromsø à?” Mathias hỏi.

“Chào tạm biệt Kjeldsen đi,” người áo xanh mỉm cười. Một bên tai anh ta đeo cụm khuyên tròn be bé hơi giống bộ vòng cổ của phụ nữ dân tộc Masai, chỉ có điều nó làm khuôn mặt anh ta trở nên mất cân đối trông đến là khó chịu.

“Kjeldsen?” Mathias kêu lên và khựng lại. “Thật vậy sao?”

“Ba mươi năm phục vụ. Và giờ đến lượt Tromsø rồi xê ông ấy.”

Mathias vén tấm vải phủ lên. Harry nhác thấy thi hài bên dưới. Lớp da bao bọc hộp sọ căng ra, kéo giãn những nếp nhăn khiến khuôn mặt ông lão không còn phân biệt được là nam hay nữ, trắng bệch như mặt nạ thạch cao. Harry biết đó là do cái xác đã qua xử lý bảo quản, nghĩa là hỗn hợp formalin, glycerin và cồn được bơm đầy vào các động mạch để chống phân hủy từ bên trong. Trên tai ông ta đeo một cái nhẫn kim loại có khắc ba chữ số. Mathias nhìn theo người trợ lý đẩy Kjeldsen về phía cửa gara. Sau đó anh ta dường như sực tỉnh.

“Xin lỗi nhé. Chỉ là Kjeldsen đã gắn bó với chúng tôi từ rất lâu. Ông ấy là giáo sư dạy ở khoa Giải phẫu từ hồi nó còn nằm ở trung tâm thành phố. Một chuyên gia giải phẫu kỳ cựu. Có cơ bắp rất đẹp. Chúng tôi sẽ rất nhớ ông ấy.”

“Bọn tôi sẽ không làm phiền anh lâu đâu,” Harry nói. “Hy vọng anh có thể cho chúng tôi biết đôi điều về mối quan hệ giữa Idar với các bệnh nhân nữ. Và con cái của họ.”

Mathias ngẩng lên, ngạc nhiên hết nhìn Harry rồi đến Katrine, rồi lại nhìn Harry.

“Tôi có nghe lầm câu hỏi không vậy?”

Harry lắc đầu.

Mathias mở tiếp một cánh cửa bị khóa. Ba người bước vào căn phòng có tám chiếc bàn bằng kim loại và một cái bảng đen ở đầu bên kia. Các bàn đều lắp đèn và bồn rửa. Trên mỗi bàn đặt một vật có dạng chữ nhật được bọc trong khăn lau tay màu trắng. Dựa vào hình dáng và kích thước của nó, Harry đoán rằng bài học hôm nay liên quan đến một bộ phận nằm đâu đó giữa hông và bàn chân. Trong phòng thoang thoảng mùi thuốc tẩy, nhưng không đến mức nồng nặc như Harry thường thấy ở phòng khám nghiệm tử thi tại Viện Pháp y. Mathias thả người xuống một chiếc ghế còn Harry ngồi ghé vào mép bàn giáo viên. Katrine bước tới bên một cái bàn và chăm chú quan sát ba bộ não; chẳng thể phân biệt được đó là đồ thật hay mô hình.

Mathias suy nghĩ hồi lâu rồi mới trả lời. “Cá nhân tôi chưa bao giờ nhận thấy hoặc nghe ai nói rằng có chuyện mờ ám giữa Idar và bệnh nhân của anh ta.”

Có điều gì đó trong cái cách Mathias nhấn mạnh hai từ *bệnh nhân* khiến Harry chột dạ. “Thế còn những người không phải bệnh nhân?”

“Tôi không biết rõ Idar cho lắm để có thể đưa ra nhận xét. Nhưng tôi biết anh ta đủ để hiểu rằng không nên nhận xét gì thì hơn.” Anh ta nhoẻn cười rụt rè. “Như vậy không sao chứ?”

“Không sao. Còn một điều nữa tôi muốn hỏi. Anh có biết hội chứng Fahr là gì không?”

“Biết sơ sơ. Đó là căn bệnh rất đáng sợ. Và không may lại có tính di truyền...”

“Anh có biết ai ở Na Uy là chuyên gia về bệnh này không?” Mathias ngẫm nghĩ. “Ngay lúc này thì tôi không nhớ ra được cái tên nào cả.”

Harry đưa tay gãi gáy. “Được rồi, cảm ơn anh đã giúp đỡ, Mathias.”

“Đừng khách sáo, tôi rất vui lòng mà. Nếu anh muốn tìm hiểu thêm về hội chứng Fahr thì tối nay cứ gọi điện cho tôi, lúc đó tôi mới có sách bên cạnh để

tra cứu.”

Harry đứng dậy. Anh tới chỗ Katrine đang đứng, cô đã mở nắp của một trong bốn chiếc hộp kim loại cỡ lớn kê sát tường, và anh nhìn qua vai cô. Lưỡi anh bỗng nổi gai, toàn thân phản ứng tức thì. Nhưng không phải vì những bộ phận cơ thể ngâm trong cồn trong suốt, trông như những tảng thịt bán ngoài hàng. Mà là vì mùi cồn. Nồng độ bốn mươi phần trăm.

“Ban đầu các thi hài ít nhiều toàn vẹn hơn thế,” Mathias nói. “Sau đó chúng tôi mới chia tách khi nào cần đến các bộ phận cụ thể.”

Harry quan sát vẻ mặt Katrine. Dường như cô hoàn toàn không bị tác động trước điều đó. Cửa ra vào bỗng bật mở phía sau lưng họ. Những sinh viên đầu tiên xuất hiện và bắt đầu mặc áo khoác xanh, đeo găng tay cao su màu trắng vào.

Mathias tiến họ tới tận gara. Khi ra cửa, Mathias tóm lấy cánh tay Harry và giữ anh lại.

“Còn một việc nhỏ tôi nên nói với anh. Mà cũng có thể không nên. Tôi băn khoăn mãi.”

“Cứ nói đi,” Harry đáp và nghĩ thầm, thế đấy, Mathias đã biết chuyện giữa anh và Rakel rồi.

“Tôi đang ở thế lưỡng nan có liên quan đến vấn đề đạo đức. Chuyện về Idar ấy mà.”

“Vậy sao?” Harry nói, lấy làm ngạc nhiên khi anh cảm thấy thất vọng thay vì thở phào nhẹ nhõm.

“Tôi tin chuyện này cũng chẳng có gì quan trọng, nhưng tôi chỉ nghĩ là biết đâu quyền phán xét không thuộc về tôi. Và tôi không thể đặt lòng trung thành lên trên hết trong trường hợp nghiêm trọng như thế này. Bất luận thế nào cũng phải nói ra. Năm ngoái, hồi tôi còn làm việc ở phòng cấp cứu, tôi và một đồng nghiệp cũng quen biết Idar cùng đến Postkafeen ăn sáng sau ca làm đêm. Đó là một quán cà phê mở cửa từ sớm tinh mơ và bán cả bia nữa, thế nên bọn dậy sớm hay tụ tập ở đây lắm. Ngoài ra còn có nhiều kẻ đáng thương khác nữa cũng tìm đến.”

“Tôi biết quán đó,” Harry nói.

“Bọn tôi rất ngạc nhiên khi chạm trán Idar. Anh ta ngồi ở một bàn cùng với một cậu bé người ngợm lem luốc đang ăn xúp. Trông thấy chúng tôi, Idar đứng phắt dậy với vẻ rất sốc, phân bua này nọ với chúng tôi. Tôi cũng không nghĩ ngợm gì cả. Đúng hơn là tôi đã tưởng thế, cho tới khi nghe được những điều anh nói ban nãy. Lúc đó tôi mới nhớ ra những gì tôi đã nghĩ suốt bấy lâu nay. Rằng có thể là... ừm, chắc anh hiểu ý tôi muốn nói.”

“Tôi hiểu,” Harry đáp. Thấy đối phương có vẻ dằn vặt dữ quá, anh mới thêm vào: “Anh làm vậy là đúng.”

“Cảm ơn.” Mathias cố gượng cười. “Nhưng tôi cảm thấy mình chẳng khác gì Judas.”

Harry cố nặn óc nghĩ ra câu gì đó phù hợp để đáp lại, nhưng rốt cuộc anh chỉ đành chìa tay ra, khẽ nói lời cảm ơn. Và rùng mình khi nắm lấy bàn tay đi gang lạnh lẽo của Mathias.

Judas. Nụ hôn của Judas. Trong lúc lái xe trên phố Slemdalsveien, Harry nhớ đến chiếc lưỡi đầy khao khát của Rakel luồn vào miệng anh, tiếng thở dài êm ái và tiếng rên rỉ ồn ào, cơn đau ở hông trong lúc anh làm tình với Rakel, tiếng cô kêu lên đầy bức dọc khi anh dừng lại vì muốn kéo dài cuộc vui. Nhưng đó không phải mục đích của cô khi tìm đến với anh. Cô đến là để trừ bỏ ma tâm và tẩy trần cơ thể, để sau đó cô có thể trở về thanh tẩy tâm hồn. Và lau sạch các tầng trong nhà. Càng sớm càng tốt.

“Cô gọi đến phòng khám đi,” Harry nói.

Anh nghe thấy Katrine bấm máy lia lịa và những tiếng bíp rất khẽ vang lên. Sau đó cô đưa điện thoại cho anh.

Borghild từ tốn trả lời một cách vừa nhẹ nhàng lại vừa ngắn gọn.

“Tôi là Harry Hole đây. Xin cho biết tôi nên khám bác sĩ nào nếu mắc phải hội chứng Fahr?”

Đầu dây bên kia im lặng hồi lâu.

“Điều đó còn tùy,” Borghild do dự đáp.

“Tùy vào cái gì?”

“Tùy vào việc [bố anh](#) mắc hội chứng gì, tôi nghĩ thế.”

Borghild nghe nhầm *Fahr* thành *father*, nghĩa là người cha, cũng giống như Harry nhầm lẫn lúc trước.

“Phải lắm. Idar Vetlesen có đi làm không vậy?”

“Ông ấy về rồi.”

“Sớm thế sao?”

“Họ có trận đấu bi đá trên băng. Mai anh gọi lại nhé.”

Bà ta có vẻ sốt ruột. Harry đoán bà ta đang chuẩn bị ra về.

“Câu lạc bộ bi đá Bygdøy à?”

“Không, là câu lạc bộ tư nhân. Nằm trên phố Gimle ấy.”

“Cảm ơn. Chúc chị buổi tối vui vẻ.”

Harry đưa trả điện thoại cho Katrine.

“Chúng ta sẽ lòi hủ đến đồn,” anh nói.

“Ai cơ?”

“Gã chuyên gia có trợ lý chưa bao giờ nghe nói đến căn bệnh thuộc lĩnh vực chuyên môn của hủ.”

Hai người hỏi đường và tìm đến Villa Grande, dinh thự xa hoa từng thuộc sở hữu của một nhân vật người Na Uy trong Thế chiến II. Khác với viên thủy thủ vượt đại dương trên chiếc bè thô sơ và nhà thám hiểm Bắc Cực năm nào, tên tuổi người này đi vào sử sách không riêng gì ở Na Uy mà trên toàn thế giới với danh xưng: [Quisling](#), kẻ phản bội.

Vidkun Quisling (1887-1945) là chính trị gia người Na Uy, về sau trở thành lãnh tụ phát xít khi hợp tác với Đức Quốc xã trong thời gian Đức chiếm đóng Na Uy hồi Thế chiến II. Cái tên Quisling sau này đồng nghĩa với *kẻ phản bội*.

Dưới chân con dốc ở phía Nam của dinh thự có một ngôi nhà gỗ hình chữ nhật trông giống như doanh trại quân đội cũ. Người ngoài vừa đặt chân vào nhà sẽ cảm nhận được ngay hơi lạnh ập đến. Và khi đi qua một cánh cửa nữa, nhiệt độ càng giảm sâu.

Có bốn người đàn ông đứng trên băng. Tiếng la ó vang vọng khắp bốn bức tường gỗ, không ai nhận thấy sự có mặt của Harry và Katrine. Bốn người đang hò hét nhằm vào một khối đá bóng loáng trượt đi trên đường băng. Viên bi, nặng hai chục cân và được làm từ loại đá hoa cương ailsite khai thác ở đảo

Ailsa Craig thuộc Scotland, dừng lại trước hàng phòng thủ gồm ba viên khác đặt ở rìa của hai vòng tròn vẽ trên mặt băng ở cuối sân. Bốn người đàn ông dùng một chân lấy đà, chân kia lướt trên băng, vừa bàn luận vừa lấy cây chổi làm điểm tựa và chuẩn bị cho cú ném tiếp theo.

“Đúng là môn thể thao trượt thú vị,” Katrine thì thào. “Anh nhìn mà xem.”

Harry không nói gì. Anh thích bi đá trên băng. Thích cảm giác tĩnh tâm khi nhìn viên đá chậm chậm trượt đi, xoay tròn trong môi trường không ma sát, giống như con tàu vũ trụ trong chuyến du hành của [Kubrick](#), chỉ có điều không phải với tiếng nhạc nền du dương của Strauss mà là âm thanh trầm đục của đá và tiếng chổi thi nhau khua lạo xạo.

Ý tác giả muốn nhắc đến bộ phim du hành không gian của đạo diễn Stanley Kubrick.

Giờ thì bốn người trông thấy họ rồi. Trong số đó, Harry nhận ra gương mặt quen thuộc của hai nhân vật trong giới truyền thông. Một người là Arve Støp.

Idar Vetlesen trượt về phía anh.

“Gia nhập cuộc chơi không Hole?”

Anh ta nói to câu đó từ xa, như thể cố ý để cho ba người còn lại nghe thấy chứ không phải muốn nói với Harry. Đi kèm với đó là tiếng cười nghe thì tưởng vui đấy, nhưng những bó cơ nổi lên dưới lớp da trên quai hàm đã lật tẩy vai diễn của anh ta. Vetlesen dừng lại trước mặt hai người, hơi thở phả ra thành những bùm khói trắng.

“Trò chơi kết thúc rồi,” Harry nói.

“Tôi không nghĩ thế,” Idar mỉm cười.

Mới đó mà Harry đã cảm thấy cái lạnh của lớp băng âm thầm len lỏi qua đế giày và lan dần lên hai chân.

“Đề nghị anh theo chúng tôi về Sở Cảnh sát,” Harry nói. “Ngay bây giờ.”

Nụ cười trên môi Idar Vetlesen lập tức tan biến. “Vì sao tôi phải đi chứ?”

“Vì anh nói dối chúng tôi. Một trong số đó là việc anh mạo nhận mình là chuyên gia về hội chứng Fahr.”

“Ai bảo tôi mạo nhận?” Idar vặn lại, liếc nhìn về phía ba người chơi còn lại để chắc chắn họ không nghe được cuộc nói chuyện từ khoảng cách này.

“Trợ lý của anh. Vì rõ ràng bà ta thậm chí còn chưa bao giờ nghe đến tên căn bệnh đó.”

“Nghe này,” Idar nói, giọng nói giờ đây chất chứa một âm sắc mới, âm sắc của nỗi tuyệt vọng. “Anh không thể tự dừng xông vào bắt tôi đi cùng như thế được. Không phải ở đây, ngay trước mặt các...”

“Khách hàng của anh?” Harry hỏi và nhìn qua vai Idar. Anh trông thấy Arve Støp đang vừa quét sạch tuyết dưới đế một viên bi vừa chăm chú quan sát Katrine.

“Tôi không biết anh đang toan tính điều gì,” Harry nghe thấy Idar nói. “Tôi rất vui lòng hợp tác cùng anh, nhưng nếu anh cố tình muốn hủy hoại thanh danh của tôi thì đừng hòng. Họ là những người bạn tốt nhất tôi có.”

“Bọn tôi tự chơi tiếp vậy nhé, Vetlesen...” một giọng nam trung trầm ấm vang lên. Người nói là Arve Støp.

Harry đưa mắt nhìn gã bác sĩ phẫu thuật bất hạnh, tự hỏi gã hiểu bạn *tốt nhất* kiểu gì. Anh nghĩ bụng, nếu có cơ hội dù là nhỏ nhoi để moi được thông tin gì từ Vetlesen thì chiều lòng anh ta một chút cũng đáng.

“Thôi được rồi,” Harry nói. “Bây giờ chúng tôi sẽ ra về. Nhưng đúng một tiếng nữa anh phải có mặt tại Sở Cảnh sát ở Grønland. Bằng không, bọn tôi sẽ giống trống mớ cò đến tận nơi tìm anh đấy. Mà ở Bygdøy này chắc nghe rõ phải biết.”

Vetlesen gật đầu, và trong khoảnh khắc ngắn ngủi, trông anh ta như thể sắp sửa bật cười theo thói quen.

Oleg sập cửa đánh rầm một tiếng, hất bỏ đôi bốt đang đi và hối hả chạy lên cầu thang. Trong nhà sức nức mùi thơm tươi mát của chanh và xà phòng. Nó xông vào phòng và món đồ trang trí treo trên trần kêu lên lanh lảnh như báo động trong lúc thằng bé thay chiếc quần jean đang mặc bằng quần thể thao. Sau đó nó lại chạy biến đi, nhưng vừa bám vào tay vịn để nhảy cóc xuống cầu thang bằng hai bước dài, nó chợt nghe thấy tiếng mẹ gọi vọng ra từ phòng riêng đang để ngỏ cửa.

Nó bước vào và trông thấy Rakel đang quỳ bên chiếc giường, tay cầm chổi cọ cán dài.

“Con tưởng cuối tuần mẹ đã dọn nhà rồi?”

“Ừ, nhưng chưa sạch hẳn,” Rakel đáp, đứng dậy và quệt trán. “Con đi đâu đấy?”

“Tối cung thể thao. Con tính trượt băng. Karsten đang đợi ngoài kia. Con sẽ về đúng giờ ăn tối.” Nó đẩy cửa một cái để lấy đà và đôi chân đi tất lướt trên sàn, trọng tâm cơ thể hạ thấp đúng như lời dạy của Erik V, một trong những chuyên gia trượt băng kỳ cựu ở Valle Hovin.

“Từ từ đã, ông tướng. Nhắc đến trượt băng mới nhớ...”

Oleg khựng lại. Thôi chết, nó nghĩ thầm. Mẹ phát hiện ra vụ giày trượt rồi.

Rakel đứng ở ngưỡng cửa, nghiêng đầu nhìn nó chăm chăm. “VẬY còn bài tập thì sao?”

“Cũng ít thôi ạ,” nó đáp với một nụ cười nhẹ nhõm. “Ăn tối xong con sẽ làm.”

Thấy mẹ do dự, nó vội nói thêm: “Mẹ mặc bộ váy này xinh lắm.”

Rakel cúi nhìn chiếc váy xanh da trời điểm hoa trắng đã cũ. Cô ném cho cậu con trai cái nhìn khiến trách nhưng khóe môi lại tủm tủm cười. “Cứ liệu hồn đấy, Oleg. Ăn nói càng ngày càng giống bố.”

“Thế ạ? Con tưởng bố chỉ nói tiếng Nga thôi chứ.”

Câu hỏi ấy của thằng bé hoàn toàn không mang hàm ý sâu xa gì, nhưng nét mặt mẹ nó đột nhiên biến đổi, như thể vừa có một cơn sốc lan ra khắp người.

Oleg kiễng chân. “Con đi được chưa ạ?”

“Được rồi, đi đi?” Giọng Katrine Bratt vang lên như roi quất giữa bốn bức tường phòng gym nằm ở tầng hầm của Sở Cảnh sát. “Anh nói vậy thật sao? Idar Vetlesen cứ thế ra về ư?”

Harry ngược nhìn khuôn mặt cô cúi xuống bên cạnh cái ghế anh đang nằm. Chiếc đèn trần hình vòm tỏa ánh sáng vàng như vầng hào quang quanh đầu cô. Harry thở hồng hộc vì bị thanh sắt chặn ngang ngực. Anh đang chuẩn bị nâng mức tạ chín mươi lăm cân và vừa mới nhấc đòn tạ khỏi giá đỡ thì Katrine xông vào, khiến nỗ lực của anh thành ra công cốc.

“Buộc phải thế thôi,” Harry nói, vận sức đẩy đòn tạ cao lên một chút để nó tì vào xương ức. “Hắn đi cùng tay luật sư riêng. Johan Krohn.”

“Việc đó thì liên quan gì?”

“À thì, Krohn mở màn bằng cách chất vấn cảnh sát dùng phương pháp gì để đe dọa thân chủ của anh ta. Sau đó lại nói dịch vụ tình dục ở Na Uy là hợp pháp, và cách thức chúng ta dùng để ép buộc một bác sĩ đáng kính phản bội lời thề Hippocrate cũng rất đáng để giật tít.”

“Nhưng khốn kiếp!” Katrine thét lớn, giọng run lên vì giận dữ. “Đây là vụ điều tra án mạng cơ mà!”

Harry chưa bao giờ thấy cô mất bình tĩnh nên anh trả lời bằng giọng nhẹ nhàng nhất.

“Nghe này, chúng ta không thể móc nối những vụ án với căn bệnh đó hay thậm chí chỉ đặt ra giả thuyết thôi cũng không được. Và Krohn biết rõ điều này. Chính vì thế tôi không có quyền giữ Vetlesen lại.”

“Phải, nhưng anh không thể cứ... nằm ì ra đây... mà không chịu làm gì!”

Harry cảm thấy xương ức bắt đầu đau nhức, và anh chợt nhận ra cô nói chí phải.

Katrine đưa hai tay lên ôm mặt. “Tôi... tôi... xin lỗi. Tôi chỉ nghĩ... Hôm nay là một ngày thật kỳ lạ.”

“Thôi được.” Harry rên rỉ. “Cô đỡ thanh sắt giúp tôi được không? Tôi sắp...”

“Đầu kia!” cô kêu lên, bỏ tay khỏi mặt. “Chúng ta cần điều tra từ đầu kia. Từ Bergen!”

“Không,” Harry phều phào nói, dùng nốt chút hơi tàn còn sót lại trong hai lá phổi. “Bergen không phải một đầu. Cô làm ơn...”

Anh ngược lên nhìn cô. Thấy đôi mắt sẫm màu của cô long lanh nước.

“Tôi đến *tháng* đấy mà,” cô thì thào. Thế rồi cô bỗng mỉm cười. Mọi chuyện xảy ra nhanh đến mức ngỡ như có người nào đó khác đang đứng nhìn anh, người có cặp mắt ánh lên rất lạ và giọng nói bình thản tuyệt đối. “Và anh chết đi cũng được.”

Harry nằm đó trong ngõ ngàng, nghe tiếng chân cô đi xa dần, tiếng xương mình kêu răng rắc và những đốm đỏ bắt đầu nhảy nhót loạn xạ trước mắt. Anh chửi thề, hai tay nắm chặt thanh sắt, gầm lên một tiếng và đẩy mạnh. Nhưng đòn tạ chẳng hề nhúc nhích.

Cô nói phải; anh có thể chết trong tình cảnh này lắm chứ. Nếu anh lựa chọn điều đó. Nghe thì có vẻ nực cười nhưng đúng là thế.

Anh cựa mình, nghiêng đòn tạ về một bên cho tới khi nghe thấy đĩa tạ trượt ra và rơi xuống sàn đánh rầm một tiếng inh tai nhức óc. Sau đó đòn tạ chúc xuống đất ở đầu bên kia. Anh ngồi dậy, nhìn theo mấy đĩa tạ lăn lóc khắp phòng.

Harry tắm rửa, thay đồ và đi lên tầng sáu. Ngồi phịch xuống chiếc ghế xoay, chưa gì đã cảm nhận được cơn đau nhức tuyệt diệu trong từng bó cơ, qua đó anh biết sáng mai người anh sẽ cứng đờ cho xem.

Trong hộp thư thoại có một lời nhắn của Bjørn Holm, bảo anh gọi lại cho cậu ta càng sớm càng tốt.

Khi Holm bắt máy, trong điện thoại vang lên tiếng nức nở thương tâm đi kèm với giai điệu luyến láy của đàn ghita thép có bàn đạp.

“Gì đấy?” Harry hỏi.

“Dwight Yoakam,” Holm nói, vặn nhỏ nhạc xuống. “Một gã sexy, nhỉ?”

“Ý tôi là, cậu gọi có việc gì?”

“Chúng tôi có kết quả khám nghiệm lá thư của Người Tuyết rồi.”

“Thế nào?”

“Chữ viết không có gì đặc biệt. Máy in laser thông thường.”

Harry kiên nhẫn chờ đợi. Anh biết chắc Holm phát hiện được chi tiết đáng chú ý.

“Điều đặc biệt là ở loại giấy hần dùng. Đội khám nghiệm bọn tôi chưa gặp loại giấy này bao giờ, vì thế mới mất thời gian hơn một chút. Nó được làm từ sợi mitsumata, sợi gỗ của Nhật Bản tương tự như giấy cói papyrus. Có thể nhận biết mitsumata nhờ thứ mùi đặc trưng. Người Nhật dùng vỏ cây để làm giấy một cách thủ công, và riêng loại này cực kỳ hiếm có khó tìm. Nó được gọi là Kono.”

“Kono ư?”

“Muốn mua phải đến cửa hiệu chuyên biệt, kiểu như những nơi bán bút máy với giá mười ngàn krone, mực hảo hạng và sổ bìa da ấy. Anh biết đấy...”

“Thực ra tôi chả biết đâu.”

“Tôi cũng thế,” Holm thành thật nói. “Nhưng tóm lại là một cửa hiệu ở đường Gamle Drammensveien có bán giấy viết Kono. Tôi đã trao đổi với chủ tiệm và được biết bây giờ loại giấy này ít người mua lắm, thế nên khó có khả năng họ đặt hàng lại. Ông ta nói ngày nay chẳng ai chú trọng đến chất lượng như trước nữa.”

“Phải chăng như vậy nghĩa là...”

“Đúng, tôi e rằng như vậy nghĩa là ông ta không nhớ nổi lần cuối cùng bán giấy Kono là khi nào.”

“Ừm. Chỉ có mỗi cửa hiệu này bán thôi à?”

“Phải,” Holm nói. “Còn một tiệm ở Bergen, nhưng đã mấy năm nay họ không bán loại giấy đó nữa rồi.”

Holm chờ đợi lời đáp - hay đúng hơn là câu hỏi - từ phía Harry, trong lúc Dwight Yoakam khe khẽ cất giọng hát tiền đưa tình yêu của cuộc đời mình xuống mồ. Nhưng chờ mãi mà chẳng thấy gì.

“Harry?”

“Có đây. Tôi đang nghĩ.”

“Hết sảy!” Holm nói.

Kiểu pha trò thâm thúy này thường khiến Harry cười rất lâu sau đó, mà thậm chí đến lúc ngẫm lại vẫn chẳng hiểu nổi có gì đáng cười. Nhưng bây giờ thì không. Harry chẳng hăng.

“Tôi nghĩ thật kỳ lạ khi hung thủ lại để tờ giấy này rơi vào tay một điều tra viên hình sự nếu hẳn không muốn bị lần ra danh tính. Chẳng cần xem nhiều phim hình sự mới biết kiểu gì cảnh sát cũng phải kiểm tra.”

“Hay hẳn không biết đó là loại giấy hiếm?” Holm nêu giả thuyết. “Hoặc hẳn không mua nó chẳng?”

“Tất nhiên đấy cũng là một khả năng, có điều trực giác mách bảo tôi rằng Người Tuyết không sơ suất đến mức ấy đâu.”

“Nhưng thực tế đúng là thế mà.”

“Ý tôi muốn nói, tôi không cho rằng đó là sơ suất,” Harry đáp.

“Nghĩa là...”

“Đúng vậy, tôi nghĩ hẳn muốn chúng ta lần ra hẳn.”

“Tại sao?”

“Mô tip kinh điển. Kẻ sát nhân hàng loạt mắc chứng ái kỷ dựng lên một trò chơi mà trong đó hẳn đóng vai chính: kẻ chinh phạt bất khả chiến bại với quyền năng vô song, giành được thắng lợi sau cùng.”

“Thắng ai mới được?”

“A,” Harry đáp, lần đầu tiên thừa nhận điều này, “nói ra thì bảo ái kỷ nhưng người hẳn muốn thắng là tôi.”

“Anh á? Sao lại thế?”

“Tôi chịu. Có thể vì hẳn biết tôi là cảnh sát duy nhất ở Na Uy đã từng bắt được sát nhân hàng loạt, nên hẳn xem tôi như một thử thách. Lá thư của hẳn cho thấy điều đó, trong thư có nhắc đến Toowoomba. Tôi không biết nữa, Holm ạ. À mà này, cậu tìm ra được tên cửa hàng ở Bergen chưa?”

“Ba lát đây!”

Hay đúng hơn là nghe có vẻ như vậy. Từ chính xác - *flæk* - được phát âm và nhân nhá bằng chất giọng đặc sệt vùng Bergen. Âm *l* phớt nhẹ, *æ* kéo dài và hạ xuống ở giữa, cùng âm *s* rất khê. Peter Flesch, người tự phát âm tên mình nghe như *bn láp*, nói hỗn hà hỗn hễn, vừa to vừa sốt sảng. Ông ta rất vui vẻ khai báo, đúng là ông ta bán đủ loại đồ cổ có kích thước nhỏ, nhưng mặt hàng chủ yếu là tẩu thuốc, bật lửa, bút, cặp da và văn phòng phẩm. Có cả hàng mới lẫn hàng đã qua sử dụng. Đa phần bán cho khách quen, thường là cũng ở tầm tuổi như ông ta.

Đối với mấy câu hỏi của Harry về giấy viết Kono, ông ta đáp bằng giọng tiếc nuối rằng cửa hiệu không còn bán loại giấy đó. Thực ra là mấy năm nay ông ta không nhập về nữa.

“Tôi hỏi thế này e hơi khó,” Harry nói. “Nhưng khách hàng của ông đa phần là khách quen, nên liệu ông có nhớ được một vài người đã từng mua giấy Kono không?”

“Có thể có vài người. Møller này. Kikkusaen già ở Møllaren này. Chúng tôi không ghi sổ, nhưng vợ tôi có trí nhớ tốt lắm.”

“Hay là ông giúp tôi ghi lại họ tên đầy đủ, tuổi tác áng chừng và địa chỉ của những khách hàng ông còn nhớ rồi e-mail cho...”

Harry đang nói thì bị tiếng chắt lưỡi chen ngang. “Chúng tôi không dùng e-mail, con trai ạ. Và cũng không có ý định lập một cái đâu. Cậu cho tôi số fax thì hơn.”

Harry đọc số fax của Sở Cảnh sát. Rồi anh chợt ngẩn ngừ. Một ý tưởng bất ngờ nảy ra trong anh. Nhưng những ý tưởng chẳng bao giờ xuất hiện một cách vô duyên vô cớ.

“Không biết trong số khách hàng của ông ngày trước, có ai tên là Gert Rafto không?” Harry hỏi.

“Rafto Sắt ư?” Peter Flesch bật cười.

“Ông cũng biết ông ta sao?”

“Cả thành phố này đều biết Rafto ấy chứ. Nhưng ông ta không phải khách mua hàng ở đây.”

FOB Møller ngày trước luôn nói rằng, để tìm ra được chi tiết có lý, ta phải loại bỏ tất cả những chi tiết vô lý. Vì thế, đã là thanh tra cảnh sát thì đừng bao giờ nản chí mà hãy lấy làm mừng mỗi khi loại bỏ được một manh mối không đưa đến đáp án cuối cùng. Hơn nữa, đó cũng chỉ là một ý nghĩ bất chợt mà thôi.

“Dù sao cũng cảm ơn ông,” Harry nói. “Chúc ông một ngày tốt lành.”

“Ông ta không phải khách mua hàng,” Flesch nói. “Mà là tôi.”

“VẬY sao?”

“Đúng thế. Ông ta mang đến cho tôi vài món lặt vặt. Bật lửa bạc, bút mạ vàng, mấy thứ kiểu như vậy. Có đôi lần tôi mua lại của ông ta. Nhưng đấy là trước khi tôi biết được những món đồ đó từ đâu mà ra...”

“Thế chúng ở đâu ra?”

“Cậu không biết à? Ông ta lấy trộm ở hiện trường những vụ án ông ta điều tra chứ đâu.”

“Ông ta không bao giờ mua gì ư?”

“Rafto chẳng có nhu cầu sử dụng những mặt hàng của chúng tôi.”

“Kể cả giấy cũng không à? Nhưng ai mà chẳng cần giấy, không phải sao?”

“Hừm. Xin chờ một lát để tôi hỏi lại bà xã.”

Tuy có bàn tay che đi ống nghe nhưng Harry vẫn nghe thấy tiếng nói lớn, rồi đến tiếng trò chuyện nhỏ hơn. Sau đó bàn tay buông ra và Flesch oang oang nói bằng giọng Bergen đầy hồ hởi, “Bà ấy nghĩ là Rafto lấy nốt chỗ giấy ấy hồi chúng tôi ngừng bán thì phải. Hình như đổi lấy ống cảm bút bằng bạc bị gãy. Bà vợ tôi đúng là có trí nhớ khủng thật.”

Harry cúp máy và biết rằng không lâu nữa anh sẽ lên đường đến Bergen. Trở lại với Bergen.

Tối đó dù đã chín giờ mà tầng trệt của tòa nhà tọa lạc tại số 6 đường Brynsalléen, thủ đô Oslo, vẫn sáng đèn. Nhìn từ ngoài, trông nó chẳng khác gì mấy khu liên hợp thương mại khác, xây theo phong cách hiện đại ốp gạch đỏ kết hợp cùng khung thép xám. Và bên trong cũng không có gì đặc biệt, nơi này quy tụ hơn bốn trăm nhân viên, hầu hết trong số đó là kỹ sư, chuyên gia IT, chuyên gia xã hội học, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, thợ ảnh, v.v... Thế nhưng đây lại là tổng hành dinh của *cơ quan quốc gia phòng chống tội phạm có tổ chức và tội phạm nghiêm trọng*, thường được nhắc đến bằng cái tên lâu đời *Kriminalpolitisen*tralen, hay gọi tắt là Kripas.

Espen Lepsvik vừa cho nhân viên ra về sau khi nghe báo cáo tình hình điều tra án mạng. Chỉ còn hai người ngồi lại trong phòng họp trống trải với ánh đèn chói gắt.

“Thông tin hơi bị nghèo nàn đấy,” Harry Hole nói.

“Nói trắng ra là *chả có gì*,” Espen Lepsvik đáp, đưa ngón cái và ngón trỏ lên xoa mí mắt. “Hay chúng ta đi làm châu bìa rồi anh kể cho tôi những gì anh khai thác được nhé?”

Harry kể lại mọi chuyện cho Espen Lepsvik trong lúc anh ta lái xe vào trung tâm thành phố, tiện thể ghé vào quán Kafé Justisen trên đường về. Họ chọn một bàn nằm sâu bên trong quán cà phê đông đúc, chốn thường xuyên lui tới của khách hàng thuộc đủ mọi thành phần, từ đám sinh viên mê bia bọt cho đến những tay luật sư và cảnh sát thậm chí còn mê hơn cả tụi trẻ.

“Chuyến này tới Bergen tôi định để Katrine Bratt đi cùng thay cho Skarre,” Harry nói, đưa chai nước khoáng có ga lên nhấp một ngụm. “Trước khi đến đây tôi đã xem qua hồ sơ của cô ấy rồi. Nhìn chung khá sạch, nhưng trong đó

có đề cập đến việc cô ấy từng tham gia phá hai vụ án mạng ở Bergen, mà theo tôi biết thì hình như anh được cử đến đó để chỉ đạo điều tra.”

“Bratt, phải rồi, tôi vẫn nhớ cô ta.” Espen Lepsvik cười khi và giờ ngón trở ra dấu gọi thêm bia.

“Cô ấy làm anh hài lòng chứ?”

“Cực kỳ hài lòng. Cô ta... cực kỳ... có tài.” Lepsvik nháy mắt với Harry, anh nhận thấy Lepsvik bắt đầu có vẻ lơ mơ của một viên thanh tra đã mệt mỏi lại còn nốc đến ba vại bia. “Nếu hai bọn tôi chưa ai lập gia đình thì chắc tôi đã có cơ hội.”

Anh ta uống cạn cốc bia.

“Điều tôi muốn biết là anh thấy tâm tính cô ấy có ổn định không,” Harry nói.

“Ổn định á?”

“Phải, ở cô ấy có gì đó... Tôi cũng chẳng biết giải thích thế nào. Có gì đó mãnh liệt.”

“Tôi hiểu ý anh.” Espen Lepsvik chậm rãi gật đầu trong khi ánh mắt cố tập trung vào Harry. “Hồ sơ của cô ta đẹp không tì vết. Nhưng nói riêng với anh thôi nhé, tôi có nghe một tay cảnh sát ở đây nhắc đến chuyện riêng giữa vợ chồng cô ta.”

Lepsvik nhìn Harry những mong có được chút khích lệ nào đó từ phía anh, tuy không thấy nhưng cũng chẳng vì thế mà chịu ngừng lời.

“Chuyện là... anh biết đây... cô ta thích dây dợ và xiềng xích. Mạnh và bạo. Hẳn nhiên là tín đồ của thể loại ấy. Khẩu vị hơi quái đản.”

“Tôi không quan tâm việc đó,” Harry nói.

“Không, không, không, tôi cũng có quan tâm đâu!” Lepsvik kêu lên và giờ hai tay như muốn thanh minh. “Chỉ là người ta đồn thế thôi. Nhưng anh biết không?” Lepsvik nhếch mép cười và nhào người qua bàn, để Harry ngửi thấy hơi thở nồng nặc mùi bia. “Cô ta mà muốn thống trị thì tôi luôn sẵn sàng.”

Harry nhận ra ánh mắt mình hẳn là đã lộ điều gì đó, bởi lẽ Lepsvik dường như ngay lập tức hối hận vì sự cởi mở của mình và vội vã rút người về chỗ cũ. Rồi anh ta lại tiếp tục nói, nhưng bằng giọng nghiêm chỉnh hơn.

“Cô ta làm việc chuyên nghiệp. Thông minh sáng dạ. Mãnh liệt và tận tụy. Nặng nề đòi tôi giúp điều tra vài vụ án bế tắc lâu năm với thái độ theo tôi nhớ là có phần gay gắt. Nhưng tuyệt đối không có gì bất ổn, ngược lại là đẳng khác. Cô ta thuộc tuýp người khép kín, hay cau có. Nhưng thiếu gì người như thế. Đúng vậy, thực lòng tôi nghĩ anh và cô ta sẽ là một đội hoàn hảo đấy.”

Harry mỉm cười trước hàm ý châm chọc và đứng dậy. “Cảm ơn vì đã mách nước, Lepsvik.”

“Thế thì mách lại cho tôi một tí đi. Anh và cô ta... có gì với nhau không?”

“Lời mách nước dành cho anh,” Harry đáp và thả tờ một trăm krone lên mặt bàn, “là anh để xe lại đây thì hơn.”

ngày thứ chín

BERGEN

Đúng tám giờ hai mươi sáu phút, chiếc máy bay mang số hiệu DY604 đáp xuống đường băng ướt nhẹp của sân bay Flesland, Bergen. Cú tiếp đất mạnh đến nỗi khiến Harry bừng tỉnh.

“Ngủ ngon không?” Katrine hỏi.

Harry gật đầu, dụi mắt và nhìn ra cửa sổ ngắm bình minh chìm trong màn mưa như trút.

“Lúc ngủ, anh nói mơ đấy,” cô cười.

“Ừm.” Harry không muốn hỏi mình đã nói những gì. Anh chỉ vội vã ôn lại giấc mộng vừa qua. Giấc mộng không có bóng dáng Rakel. Nhiều đêm rồi anh không mơ thấy cô. Anh đã gạt bỏ cô. Anh và những giấc mơ cùng đồng lòng quên cô đi. Nhưng anh lại mơ thấy Bjarne Møller, cấp trên đồng thời là thầy cũ của anh, người đã tìm đến vùng cao nguyên Bergen để rồi được phát hiện hai tuần sau đó ở hồ Revurtjern. Møller lựa chọn quyết định ấy bởi một lẽ, cũng như Zenon với ngón chân cái đau nhức, ông không thấy cuộc đời còn gì đáng sống nữa. Phải chăng Gert Rafto cũng đi đến kết luận tương tự? Hay thực sự ông ta vẫn còn sống đâu đó ngoài kia?

“Tôi đã gọi điện cho vợ cũ của Rafto,” Katrine nói trong lúc hai người đi qua sảnh đến. “Cả bà ấy lẫn cô con gái đều không muốn phải làm việc với cảnh sát một lần nữa, không muốn khơi lại vết thương cũ. Nhưng như thế cũng chẳng sao. Những báo cáo để lại từ thời đó đã là quá đủ rồi.”

Hai người lên taxi ở ngoài trạm.

“Được về nhà thế này có thích không?” Harry hỏi lớn trong tiếng mưa rào rào và tiếng sột soạt đều đều của cần gạt nước trên kính chắn gió.

Katrine hờ hững, nhún vai. “Tôi ghét mưa lắm. Ghét luôn cả đám dân Bergen dám nói ở đây không mưa nhiều như dân miền Đông Na Uy vẫn tưởng.”

Khi đi qua quảng trường Danmarksplass, Harry ngược lên nhìn ngọn núi Ulriken. Trên đỉnh núi tuyết phủ trắng xóa, anh trông thấy những cabin cáp treo đang dịch chuyển. Thế rồi xe chạy qua những con đường trơn ướt như ổ rãnh bên bờ vịnh Store Lungegårdsvann và tới được trung tâm thành phố, quang cảnh hiện ra trước mắt du khách giống như một niềm vui bất ngờ sau khi trải qua hành trình đầy tẻ nhạt.

Hai người bước vào khách sạn SAS nằm trong khu Bryggen, nhìn thẳng ra vịnh. Harry đã hỏi Katrine có định tá túc ở nhà bố mẹ không, cô đáp rằng chỉ ở có mỗi một đêm thôi, làm vậy thì phiền quá, bố mẹ cô sẽ cuống lên cho xem, mà cô thậm chí còn chẳng báo với họ là sẽ về đây nữa kia.

Họ nhận khóa thẻ từ lên phòng, chẳng ai nói năng gì trong lúc đi thang máy. Katrine đưa mắt liếc Harry và mỉm cười như thể khoảng lặng trong thang máy là một trò đùa đầy ẩn ý. Harry cúi xuống nhìn, hy vọng cơ thể mình không phát đi tín hiệu sai lệch nào đó. Hoặc là tín hiệu chuẩn xác.

Cửa thang máy cuối cùng cũng mở, cô uốn éo bước ra hành lang.

“Năm phút nữa gặp ở sảnh lễ tân,” Harry gọi với theo.

“Lịch trình thế nào đây?” Harry hỏi khi cả hai cùng ngồi ở sảnh sáu phút sau đó.

Katrine ngả người về phía trước trên chiếc ghế bành sâu lòng và lật giở cuốn sổ bìa da. Cô đã thay sang bộ vét xám thanh lịch, cho thấy cô hòa nhập rất nhanh với nhóm khách doanh nhân ở khách sạn.

“Anh đến gặp Knut Müller-Nilsen, trưởng Đơn vị Tìm kiếm Người Mất tích và Điều tra Tội phạm Bạo lực.”

“Cô không đi cùng sao?”

“Tôi mà đi thì lại phải chào hỏi rồi tám chuyện với mọi người ở đó, mất toi cả một ngày. Mà tốt hơn hết anh đừng nhắc đến tên tôi. Nói đến chỉ khiến họ phật lòng vì tôi không ghé qua. Tôi sẽ tới Øyjordsveien để hỏi chuyện nhân chứng trông thấy Rafto lần cuối cùng.”

“Ừm. Chỗ đó là ở đâu?”

“Cạnh vũng tàu đậu. Nhân chứng nhìn thấy ông ta ra khỏi ô tô và đi vào công viên Nordnes. Không ai quay lại lấy xe, cảnh sát đã rà soát toàn bộ khu

vực xung quanh mà không thu được kết quả gì.”

“Sau đó thì làm gì nữa?” Harry vuốt ngón cái và ngón giữa lên quai hàm, thầm nghĩ lẽ ra anh nên cạo râu trước khi rời thành phố.

“Anh đọc lại các báo cáo cũ cùng với những người từng phụ trách điều tra mà hiện vẫn còn làm việc ở đó. Tìm hiểu đầy đủ thông tin. Cố gắng xem xét vụ án từ một góc độ khác.”

“Không,” Harry đáp.

Katrine ngẩng lên khỏi cuốn sổ tay.

“Những thanh tra ngày ấy đã đưa ra kết luận của riêng mình, nhất định họ sẽ tìm mọi cách bảo vệ quan điểm cá nhân,” Harry giảng giải. “Tôi thích nghiên ngẫm đồng báo cáo trong yên bình ở Oslo. Còn tranh thủ thời gian ở đây để tìm hiểu thêm về Gert Rafto. Có chỗ nào cho chúng ta xem qua đồ đạc của ông ta không nhỉ?”

Katrine lắc đầu. “Gia đình ông ta đã quyên góp toàn bộ cho tổ chức Cứu Thế quân. Rõ ràng là cũng chẳng nhiều nhận gì. Chỉ có ít đồ nội thất và quần áo thôi.”

“Thế nơi ông ta từng ở thì sao?”

“Ông ta sống một mình trong căn hộ ở Sandviken sau ly hôn, nhưng nó bị bán từ lâu rồi.”

“Ừm. Gia đình họ không còn giữ lại ngôi nhà thuở nhỏ, nhà ở quê hay nhà nghỉ nào à?”

Katrine ngần ngừ. “Trong báo cáo có nhắc đến một căn nhà gỗ nhỏ tại khu nghỉ hè dành cho cảnh sát, nằm trên đảo Finnøy ở Fedje. Gia đình được phép giữ lại căn nhà trong những trường hợp như thế này, vì vậy chúng ta có thể thử xem. Tôi có số điện thoại của vợ Rafto rồi. Tôi sẽ gọi điện cho bà ấy.”

“Tôi tưởng bà ta không muốn nói chuyện với cảnh sát.”

Katrine nháy mắt với anh và nở nụ cười ranh mãnh.

Harry xoay xở mượn được một chiếc ô ở quầy lễ tân khách sạn, nhưng chẳng mấy chốc nó đã bị gió thổi tốc ngược khi anh còn chưa tới nổi chợ cá Fisketorget ở cảng, và trông không khác gì con dơi tàn tạ lúc anh đến được Sở Cảnh sát sau một hồi cúi đầu mãi miết chạy.

Harry đang đứng đợi POB Knut Müller-Nilsen ở quầy tiếp đón thì Katrine gọi cho anh và nói rằng căn nhà gỗ trên đảo Finnøy vẫn thuộc sở hữu của gia đình Rafto.

“Nhưng vợ ông ta đã không còn đặt chân đến đó kể từ sau khi Rafto mất tích. Bà ấy nghĩ cô con gái cũng thế.”

“Chúng ta sẽ cùng đi,” Harry đáp. “Một giờ là tôi xong việc ở đây.”

“Được, tôi sẽ thuê tàu. Gặp nhau ở bến Zacharias nhé.”

Knut Müller-Nilsen có dáng vẻ của một con gấu bông vui tính với đôi mắt biết cười và tay to như vợt tennis. Những chông giấy cao chất ngất trên bàn khiến ông ta trông như thể đang ngồi giữa vòng vây, hai cái vợt đan lại đặt sau đầu.

“Rafto à, hừm...” Müller-Nilsen nói, sau khi giải thích với Harry rằng ở Bergen không mưa nhiều như dân miền Đông Na Uy vẫn tưởng.

“Xem ra các sĩ quan cảnh sát hay có xu hướng vượt khỏi tay ông nhỉ,” Harry nói và giơ tấm ảnh của Gert Rafto đi kèm trong mấy tập báo cáo anh đang đặt trên đùi.

“Thế á?” Müller-Nilsen thắc mắc, nhìn Harry, anh vừa tìm được chiếc ghế tựa lưng nan trong một góc phòng không bị giấy tờ chiếm hữu.

“Bjarne Møller,” Harry nói.

“Ừ,” Müller-Nilsen đáp, nhưng chính sự chần chừ trong cách nói đã lật tẩy ông ta.

“Sĩ quan mất tích ở Fløyen ấy,” Harry nhắc.

“Phải rồi!” Müller-Nilsen vỗ trán. “Thật bi thảm. Khi đó ông ấy mới tới được một thời gian ngắn nên tôi chưa kịp... Phỏng đoán được đưa ra là ông ấy lạc đường, đúng không nhỉ?”

“Đúng là như thế,” Harry nói, hướng ánh mắt ra ngoài cửa sổ và nghĩ về con đường Bjarne Møller đã chọn, từ lý tưởng lúc ban đầu cho tới khi tha hóa, biến chất, về bao mục đích tốt đẹp của ông, và cả những sai lầm đáng tiếc. Những điều người khác sẽ chẳng bao giờ hay biết. “Ông có thể cho tôi biết gì về Gert Rafto?”

Quả là bản sao tính cách của mình ở Bergen này, Harry nghĩ thầm sau khi nghe lời miêu tả của Müller-Nilsen: có thái độ thiếu lành mạnh đối với rượu, tính tình khó ưa, một con sói cô độc, không đáng tin cậy, đạo đức có vấn đề và lý lịch quá nhiều vết đen.

“Nhưng ông ta có khả năng phân tích và trực giác cực kỳ đáng nể,” Müller-Nilsen nói. “Và cả tinh thần thép nữa. Dường như ông ta bị thôi thúc bởi... một điều gì đó. Tôi không biết phải nói thế nào cho đúng. Rafto là người cực đoan. Điều đó thì chẳng còn gì phải bàn cãi sau khi chúng tôi biết chuyện.”

“Chuyện gì cơ?” Harry hỏi, nhắc thấy một cái gạt tàn nằm lẫn trong đồng giấy tờ.

“Rafto tính tình hung bạo. Chúng tôi biết ông ta đã có mặt trong căn hộ của Onny Hetland ngay trước khi cô ta mất tích, và Hetland có thể nắm trong tay thông tin nào đó giúp hé lộ danh tính của kẻ sát hại Laila Aasen. Và lại, sau đó ông ta lập tức biến mất. Cũng không loại trừ khả năng ông ta nhảy xuống biển tự sát. Dù sao đi nữa, chúng tôi chẳng thấy lý do gì để mở cuộc điều tra trên diện rộng.”

“Ông không cho rằng ông ta có thể trốn ra nước ngoài à?”

Müller-Nilsen mỉm cười lắc đầu.

“Sao lại không?”

“Xin thưa với anh rằng trong vụ này chúng tôi có lợi thế là biết rất rõ nghi phạm. Dù trên lý thuyết Rafto rất có thể trốn khỏi Bergen, nhưng ông ta không phải người như thế. Đơn giản vậy thôi.”

“Họ hàng hay bạn bè không ai trình báo dấu hiệu nào cho thấy ông ta còn sống ư?”

Müller-Nilsen lắc đầu. “Cha mẹ ông ta không còn ở đây nữa, mà Rafto cũng ít bạn. Mọi quan hệ giữa ông ta và vợ cũ lại căng thẳng, thế nên ông ta đời nào chịu liên lạc với bà ta.”

“Thế còn cô con gái?”

“Hai bố con khá thân thiết. Cô bé ngoan ngoãn, thông minh. Sau rồi cũng thành người tử tế, anh biết đấy, tất nhiên là xét trong hoàn cảnh ấy.”

Harry nhận ra câu nói đó ám chỉ điều này ai mà chẳng biết. “Sau rồi cũng thành người tử tế, anh biết đấy,” đúng là cách nói điển hình của những sở cảnh sát quy mô nhỏ mà tại đó, nhìn chung anh phải biết nhiều điều về nhiều chuyện xảy ra trong vùng.

“Rafto có một căn nhà gỗ trên đảo Finnøy, phải không?” Harry hỏi.

“Phải, đây cũng có thể là nơi ẩn náu theo lẽ tự nhiên. Để suy xét mọi việc và rồi...” Müller-Nilsen đưa bàn tay to tổ chảng lên diễn tả hành động cửa cổ. “Chúng tôi đã lục soát căn nhà, tìm kiếm khắp hòn đảo bằng chó nghiệp vụ và lùng sục cả dưới nước. Chẳng thấy gì.”

“Tôi định đến đó xem qua.”

“Có gì đáng kể đâu mà xem. Gia đình tôi cũng có một căn nằm đối diện với nhà Rafto Sắt, tiếc là nó xuống cấp lắm rồi. Bà vợ ông ta nhất định không chịu từ bỏ căn nhà, thật đáng hổ thẹn. Bà ta có bao giờ ở đấy đâu.” Müller-Nilsen đưa mắt liếc đồng hồ. “Bây giờ tôi phải đi họp, một trong những sĩ quan cấp cao điều tra vụ này sẽ cùng cậu xem lại báo cáo.”

“Không cần đâu,” Harry nói, cúi nhìn tấm ảnh đặt trên đùi. Thốt nhiên, khuôn mặt trong ảnh bỗng trở nên quen thuộc lạ lùng, như thể anh mới trông thấy cách đây chưa lâu. Là ai đó cải trang chăng? Hay là người anh từng đi lướt qua trên phố? Một nhân vật đóng vai trò nhỏ bé mà anh không phát hiện ra, nhân viên giám sát đỗ xe rình mò trên phố Sofies, hay người bán hàng ở Vinmonopol? Harry đành chịu thua.

“Thế ra không phải là Gert à?”

“Anh bảo sao cơ?” Müller-Nilsen hỏi.

“Ông gọi ông ta là Rafto Sắt. Thế ra mọi người không gọi đơn giản là Gert hay sao?”

Müller-Nilsen ném cho Harry cái nhìn nghi hoặc, e dè bật ra tiếng cười khê, nhưng cuối cùng chỉ đáp lại bằng nụ cười nửa miệng. “Không, có lẽ ở đây chúng tôi chưa từng nghĩ tới điều đó.”

“Được rồi. Cảm ơn ông đã giúp đỡ.”

Đang trên đường ra về, Harry bỗng nghe thấy Müller-Nilsen gọi nên ngoái lại. Vị POB đứng ở cửa phòng làm việc phía cuối hành lang, tiếng nói dội lại

giữa những bức tường trong thoáng chốc.

“Và tôi nghĩ Rafto cũng không thích bị gọi như thế đâu.”

Rời khỏi Sở Cảnh sát, Harry đứng đó nhìn khách bộ hành cúi rạp người gồng gượng bước đi giữa trời mưa gió. Cảm giác ấy vẫn không chịu buông tha cho anh. Cảm giác như có thứ gì hoặc người nào đó đang ở đâu đây, hiện hữu ngay trong nội bộ, nếu anh biết nhìn nhận mọi thứ từ một góc độ chuẩn xác, dưới ánh sáng minh bạch và rõ ràng.

Katrine tới đón Harry ở bến tàu như đã hẹn.

“Thứ này là tôi mượn của một người bạn,” cô nói trong lúc điều khiển thứ gọi là thuyền máy dài gần sáu mét rưỡi phóng ra khơi từ cửa cảng chật hẹp. Khi thuyền đi vòng qua bán đảo Nordnes, một âm thanh cất lên khiến Harry ngoái lại, và anh bắt gặp hình ảnh chiếc cột totem. Những khuôn mặt khắc trên gỗ đang ngoác miệng khản cổ gào thét về phía anh. Một luồng gió lạnh quét ngang qua chiếc thuyền.

“Bầy hải cẩu ở Thủy Cung kêu đấy,” Katrine nói.

Harry khép áo khoác chặt hơn quanh mình.

Finnøy là đảo nhỏ. Ngoài những cây thạch nam, chẳng còn loài thực vật nào tồn tại nổi trên khoảnh đất mưa dập gió vùi, nhưng ở đây lại có một bến tàu và Katrine neo thuyền vào đó một cách thuần thục. Khu nhà ở có cả thảy sáu mươi căn nhà gỗ bé như nhà búp bê, khiến Harry nhớ đến những ngôi lều của thợ mỏ anh từng thấy ở Soweto.

Katrine dẫn Harry bước trên con đường rải sỏi len lỏi giữa những căn nhà, rồi dừng lại phía trước một trong số đó. Căn nhà nổi bật hẳn lên nhờ lớp sơn bong tróc. Một ô kính trên cửa sổ đã rạn nứt. Katrine kiễng chân, nắm lấy chiếc đèn ộp trần lắp trên cửa ra vào và bắt đầu vặn. Bên trong vang lên tiếng lạo xạo khi cô xoay vỏ đèn và mấy con côn trùng chết rụng lá tả. Rơi xuống cùng chúng còn có một chiếc chìa khóa mà cô kẹp bắt lấy trong không trung.

“Bà vợ cũ quý tôi lắm,” Katrine nói, tra chìa vào ổ.

Trong nhà có mùi nấm mốc và gỗ ẩm. Harry căng mắt ra nhìn giữa khung cảnh tranh tối tranh sáng và nghe thấy tiếng bật công tắc và đèn bừng sáng.

“VẬY là bà ấy vẫn duy trì hệ thống điện dù không sống ở đây,” anh nói.

“Điện dùng chung,” Katrine nói, chậm rãi nhìn quanh. “Chi phí đã có Sở Cảnh sát lo.”

Căn nhà gỗ rộng hai mươi lăm mét vuông, gồm một phòng khách kiêm luôn cả phòng bếp lẫn phòng ngủ. Trên mặt bàn bếp và bàn trà la liệt vỏ chai bia cũ. Bốn bức tường trống trơn, chẳng có đồ trang trí nào trên bậu cửa sổ hay sách vở gì trên giá.

“Nhà này còn có tầng hầm nữa,” Katrine nói và chỉ vào cánh cửa sập trên sàn. “Giờ đến phận sự của anh rồi đấy. Tiếp theo chúng ta làm gì đây?”

“Tìm thôi,” Harry đáp.

“Tìm gì?”

“Điều đó ta chưa cần quan tâm.”

“Vì sao?”

“Vì rất dễ bỏ sót chi tiết quan trọng nào đó nếu chỉ chăm chăm tìm kiếm thứ khác. Cứ để đầu óc thoải mái đi. Cô sẽ biết mình đang tìm gì khi cô thấy nó.”

“Được rồi,” Katrine đáp một cách thật chậm rãi.

“Cô tìm ở trên này nhé,” Harry nói, bước tới chỗ cửa sập và kéo cái vòng sắt gắn phía trên lên. Một chiếc cầu thang hẹp dẫn xuống khoảng không tối đen bên dưới. Anh hy vọng cô không nhận ra sự do dự nơi anh.

Những tấm mạng nhện khô của lũ nhện đã chết từ lâu dính vào mặt anh khi anh dẫn thân xuống không gian ẩm thấp mù tối có mùi đất và mùi gỗ mục. Toàn bộ căn hầm nằm trọn trong lòng đất. Anh tìm thấy công tắc ở chân cầu thang và bật thử, nhưng chẳng có gì xảy ra. Thứ ánh sáng duy nhất dưới này là một đốm đỏ phía trên cái tủ đông lạnh kê sát tường bên. Anh bật đèn pin, luồng sáng rơi đúng vào cánh cửa kho chứa đồ.

Bản lề rít lên the thé khi anh mở cửa. Ra là một xưởng mộc chật chội với đủ thứ dụng cụ. Dành cho người đàn ông có tham vọng làm được điều gì đó hữu ích, Harry nghĩ thầm. Bên cạnh việc truy lùng những tên sát nhân.

Nhưng chỗ dụng cụ này trông có vẻ không được sử dụng thường xuyên cho lắm, hẳn là vì Rafto cuối cùng cũng nhận ra mình chẳng làm được việc gì khác; ông không phải túp người sáng tạo mà chỉ là người thu dọn sau khi xong việc. Một tiếng động đột ngột vang lên khiến Harry quay ngoắt lại. Rồi

anh thở phào nhẹ nhõm khi nhận ra nhiệt kế của tủ đông lạnh đã kích hoạt chiếc quạt gió. Harry đi sang kho chứa đồ thứ hai. Một tấm vải phủ lên toàn bộ đồ đạc ở đây. Anh kéo tấm vải ra, mùi ẩm mốc xộc thẳng vào mũi anh. Luồng sáng đèn pin soi tỏ một chiếc ô mục nát, cái bàn nhựa, một chồng ngăn kéo tủ đông lạnh, mấy cái ghế nhựa bạc phếch và bộ dụng cụ chơi bóng cửa. Trong tầng hầm chẳng còn gì khác nữa. Anh nghe thấy tiếng Katrine lục lọi ở trên nhà và chuẩn bị đóng cửa kho. Có điều một trong mấy cái ngăn kéo tủ đông lạnh đã trượt xuống và nằm chình ình ở ngưỡng cửa khi anh bỏ tấm vải ra lúc ban nãy. Đang định lấy chân gạt nó về chỗ cũ thì anh bỗng dừng lại và quan sát. Dưới ánh sáng đèn pin anh có thể trông thấy những con chữ nổi ở cạnh bên của ngăn kéo. Electrolux. Anh bước tới chỗ bức tường, nơi quạt gió của tủ đông lạnh vẫn chạy ro ro. Chiếc tủ mang nhãn hiệu Electrolux. Anh nắm lấy tay cầm và kéo, nhưng cửa tủ chẳng hề nhúc nhích. Bên dưới tay cầm anh thấy một ổ khóa và hiểu ra cái tủ chỉ đơn giản là bị khóa. Anh đi vào kho dụng cụ để lấy xà beng. Anh quay lại vừa đúng lúc Katrine cũng bước xuống cầu thang.

“Trên kia chẳng có gì đâu,” cô nói. “Có lẽ chúng ta về thôi. Anh định làm gì đấy?”

“Xâm phạm tư gia,” Harry nói, kê đầu xà beng lên cửa tủ đông lạnh ngay phía trên ổ khóa. Anh lấy hết sức đè đầu kia xuống. Cũng không ăn thua. Anh bèn thay đổi cách cầm, tì một bàn chân vào cầu thang làm điểm tựa và bẩy mạnh.

“Chết tiệt...”

Vội một tiếng rắc khô khốc, cánh cửa bật tung làm Harry ngã dúm dui. Anh nghe thấy chiếc đèn pin rơi xuống sàn gạch và cảm nhận cái lạnh ủa tới mình, như hơi thở của băng giá. Đang quờ quạng tìm đèn phía sau thì anh nghe thấy tiếng Katrine. Đó là âm thanh ghê rợn đến tận xương tủy, một tiếng thét cất lên từ sâu trong cổ họng rồi chuyển thành tiếng nước nổ dồn dập, nghe như đang cười. Thế rồi âm thanh tắt lịm trong vài giây khi cô lấy hơi, sau đó tất cả lại bắt đầu, vẫn tiếng thét dai dẳng kéo dài chẳng khác gì bài lễ ca nghiêm trang và đau đớn của người phụ nữ khi chuyển dạ. Nhưng đến lúc này thì Harry đã kịp nhìn thấy tất cả và hiểu ra nguyên nhân. Cô hét lên như vậy là bởi suốt mười hai năm qua, chiếc tủ đông lạnh vẫn chạy tốt, ánh đèn trong tủ soi sáng một thứ

bị tống vào đó, hai cẳng tay đặt phía trước, đầu gối gập lại, cái đầu bị bẻ ngoặt về một bên. Cái xác được bao bọc bởi những tinh thể băng trắng toát, như thể một lớp nấm mốc trắng đã ăn dần ăn mòn nó bấy lâu nay; thân xác biến dạng ấy chẳng khác nào hình ảnh minh họa cho tiếng thét của Katrine. Nhưng đó không phải là điều làm dạ dày Harry muốn lộn nhào. Vài giây sau khi chiếc tủ bị phá, thi thể đổ ập về phía trước, cái trán đập vào mép cửa khiến những tinh thể băng rơi ra khỏi khuôn mặt, rụng lá tả xuống sàn. Nhờ vậy Harry mới nhận ra Gert Rafto đang cười với họ. Thế nhưng nụ cười không nở trên khuôn miệng vốn đã bị khâu lại bằng sợi chỉ thô như sợi gai dầu theo đường dích dắc xuyên qua cặp môi. Nụ cười vắt ngang cằm và vòng lên tận hai bên má, được vẽ nên bởi một hàng đinh đen sì chỉ có thể do dùng búa đóng vào. Đặc điểm khiến Harry chú ý chính là cái mũi. Anh cố đè nén cơn buồn ói đang dâng lên như một hành động phản kháng mà thôi. Phần xương và sụn mũi được cắt bỏ trước. Khí lạnh đã rút sạch sắc màu của củ cà rốt. Người tuyết vậy là đã hoàn tất.

PHẦN BA

ngày thứ chín

SỐ 8

Lúc này đã là tám giờ tối, thế nhưng những ai đi qua con phố Grønlandsleiret đều sẽ thấy đèn đóm vẫn sáng trưng trên toàn bộ tầng sáu của Sở Cảnh sát.

Tại phòng họp K1, Holm, Skarre, Espen Lepsvik, Gunnar Hagen và giám đốc Sở quay quần trước mặt Harry. Sáu tiếng rưỡi đã trôi qua kể từ khi họ tìm thấy Gert Rafto trên đảo Finnøy và bốn tiếng kể từ khi Harry gọi điện từ Bergen về Sở để thu xếp cho cuộc họp trước khi anh được đưa ra sân bay.

Harry đã báo cáo lại việc phát hiện ra thi thể, đến cả giám đốc Sở ngồi đó cũng không giấu được vẻ hãi hùng khi Harry đưa ra ảnh chụp hiện trường mà cảnh sát Bergen gửi đến qua e-mail.

“Báo cáo pháp y vẫn chưa xong,” Harry nói. “Nhưng nguyên nhân tử vong thì đã khá rõ ràng. Nạn nhân bị nhét súng vào họng và viên đạn xuyên qua vòm miệng rồi bắn ra ngoài từ phía sau đầu. Đó là những gì xảy ra ở hiện trường; cảnh sát Bergen tìm thấy viên đạn găm trên tường kho chứa đồ.”

“Có máu và chất não không?” Skarre hỏi.

“Không,” Harry đáp.

“Làm gì còn sau bao nhiêu năm như thế,” Lepsvik nói. “Rồi chuột bỏ các kiểu...”

“Có thể đôi chỗ vẫn còn sót lại dấu vết,” Harry nói. “Nhưng tôi đã trao đổi với chuyên gia pháp y và cả hai đều thống nhất. Rafto có lẽ đã góp phần giúp cho hiện trường không quá bừa bộn.”

“Hả?” Skarre nói.

“Ặc,” Lepsvik nói đầy biểu cảm.

Skarre dường như cũng bắt đầu hiểu ra, mặt anh ta nhăn lại vì kinh hãi. “Ôi, tởm...”

“Xin lỗi,” Hagen lên tiếng. “Ai đó làm ơn giải thích cho tôi mọi người đang nói về điều gì được không?”

“Chuyện này đôi lúc chúng tôi cũng thấy trong những vụ tự tử,” Harry nói. “Con người tội nghiệp sẽ hút hết không khí trong nòng súng trước khi bóp cò. Môi trường chân không sẽ khiến cho xung quanh mờ...” anh cân nhắc lựa lời để nói “... bung bét. Trong vụ này, có lẽ Rafto đã được lệnh hút không khí ra như thế.”

Lepsvik lắc đầu. “Một cảnh sát như Rafto chắc chắn phải biết lý do.”

Hagen tái mặt. “Nhưng làm... làm thế quái nào mà buộc được người ta hút...”

“Có thể vì ông ấy được quyền lựa chọn,” Harry nêu giả thuyết. “Còn nhiều cách chết khác đáng sợ hơn nhiều so với việc bắn bể họng mình.” Bầu không khí sững sờ lặng ngắt bao trùm khắp phòng. Harry để nó lấp đầy khoảng trống trong vài giây trước khi nói tiếp.

“Từ trước tới giờ chúng ta chưa tìm được thi thể nào. Rafto cũng bị giấu xác, nhưng lẽ ra ông ta đã có thể sớm được phát hiện nếu người thân của ông ta không từ bỏ căn nhà đó. Điều này khiến tôi tin rằng Rafto không phải là một phần trong kế hoạch của hung thủ.”

“Và cậu tin rằng hung thủ là kẻ sát nhân hàng loạt?” Trong giọng nói của giám đốc Sở không hề có ý thách thức mà chỉ mong câu hỏi của mình được xác thực.

Harry gật đầu.

“Nếu Rafto không phải một phần trong cái gọi là kế hoạch này, thế thì động cơ là gì?”

“Chúng tôi vẫn chưa biết, nhưng khi một thanh tra cảnh sát bị giết thì theo lẽ tự nhiên người ta sẽ cho rằng vị thanh tra đó là mối đe dọa đối với hung thủ.”

Espen Lepsvik ho mấy tiếng. “Đôi khi, cách xác chết được đối xử cũng có thể cho chúng ta biết đôi điều về động cơ gây án. Chẳng hạn như trong trường hợp này, cái mũi đã bị thay bằng củ cà rốt. Nói cách khác, hắn đang vẽ mũi về phía chúng ta.”

“Chế nhạo ta ư?” Hagen hỏi.

“Hay là hắn muốn bảo chúng ta đừng có gi mũi vào?” Holm dè dặt nêu ý kiến.

“Đúng rồi!” Hagen kêu lên. “Đó là lời cảnh báo để những người khác giữ khoảng cách.”

Giám đốc Sở cúi đầu và nhìn Harry qua khước mắt. “VẬY còn cái miệng bị khô?”

“Một thông điệp: giữ mồm giữ miệng đi,” Skarre nổ.

“Phải đấy!” Hagen kêu lên. “Nếu Rafto đã tha hóa biến chất thì có thể ông ta và hung thủ là đồng phạm về mặt nào đó, và Rafto đe dọa sẽ tố cáo hẳn.”

Mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía Harry, người chẳng đáp lại câu nào trước những ý kiến vừa nêu.

“Thế nào?” Giám đốc Sở cau kinh hỏi.

“Tất nhiên những điều các vị nói đều có thể đúng,” Harry nói. “Nhưng tôi thì tin rằng thông điệp duy nhất hung thủ muốn truyền đạt chỉ là Người Tuyết đã ở đây. Và hẳn thích tạo ra người tuyết. Chấm hết.”

Các thanh tra đưa mắt nhìn nhau thật nhanh, nhưng không ai phản đối gì.

“Chúng ta còn một vấn đề nữa,” Harry nói. “Sở Cảnh sát Bergen đã ra thông cáo nói rằng một thi thể vừa được phát hiện trên đảo Finnøy, tất cả chỉ có vậy thôi. Và tôi đã yêu cầu họ tạm thời giữ kín các thông tin chi tiết để chúng ta có thêm vài ngày truy tìm manh mối mà không để Người tuyết biết cái xác đã được tìm thấy. Tiếc thay, thời gian hai ngày e không khả thi. Chẳng có sở cảnh sát nào kín tiếng được đến mức ấy.”

“Báo chí sẽ công bố danh tính của Rafto vào sáng sớm mai,” Espen Lepsvik nói. “Tôi có quen mấy người làm cho tờ *Bergens Tidende* và *Bergensavisen*.”

“Nhầm rồi,” Một giọng nói cất lên phía sau họ. “Thông tin đó sẽ được phát trên bản tin muộn của kênh TV2 vào tối nay. Không chỉ danh tính mà còn có cả những mô tả chi tiết về hiện trường và mối liên quan với Người Tuyết.”

Mọi người ngoái lại nhìn. Đứng ở ngưỡng cửa là Katrine Bratt. Sắc mặt cô vẫn tái, tuy không còn trắng bệch như lúc Harry nhìn cô lái thuyền quay về từ Finnøy, để anh ở lại trên đảo chờ cảnh sát đến.

“VẬY ra cô quen biết bên TV2 cơ à?” Espen Lepsvik hỏi với nụ cười nửa miệng.

“Không,” Katrine đáp và ngồi xuống. “Tôi quen Sở Cảnh sát Bergen.”

“Cô đã đi đâu thế, Bratt?” Hagen hỏi. “Cô vắng mặt suốt mấy tiếng vừa qua.”

Katrine đưa mắt nhìn Harry, anh kín đáo gật đầu với cô một cái và hắng giọng. “Katrine đi xử lý một số việc tôi giao.”

“Chắc là quan trọng lắm. Kể đi, Bratt.”

“Giờ ta không cần nhắc đến chuyện đó làm gì cả,” Harry nói.

“Tôi chỉ tò mò tí thôi mà,” Hagen chế nhạo.

Ngài Sếp Ghế Bành chết giấm, Harry nghĩ thầm. Ngài *Luôn phải đúng giờ*, ngài *Tôi thích thăm vấn*, ông không để cho người ta yên được hay sao, không thấy cô ta vẫn còn đang sốc à? Chính ông cũng xám ngoét mặt mày khi trông thấy những bức ảnh đó còn gì. Cô ấy bỏ về nhà, biến khỏi mọi thứ. Rồi sao? Giờ cô ấy quay lại rồi. Đáng lẽ phải vỗ vai động viên thay vì làm người ta mất mặt trước đồng nghiệp như thế. Những ý nghĩ này lướt qua tâm trí Harry, nói với anh một cách thật rõ ràng, rành mạch, trong lúc đó anh cố khiến Hagen chú ý và ngẫm ra hiệu cho ông ta hiểu bằng ánh mắt.

“Thế nào, Bratt?” Hagen giục.

“Tôi đi kiểm tra đôi điều,” Katrine vênh mặt đáp.

“Ra vậy. Ví dụ...”

“Ví dụ như Idar Vetlesen đang theo học ngành y vào thời điểm Laila Aasen bị giết, Onny Hetland và Rafto mất tích.”

“Việc đó có liên quan gì sao?” Giám đốc Sở hỏi.

“Có liên quan đấy,” Katrine nói. “Vì anh ta học ở Đại học Bergen.”

Cả phòng K1 im phăng phắc.

“Sinh viên y khoa ư?” Giám đốc Sở nhìn Harry.

“Sao lại không thể chứ?” Harry nói. “Về sau anh ta theo ngành phẫu thuật chỉnh hình, và anh ta còn nói mình thích tạo hình khuôn mặt.”

“Tôi đã kiểm tra những nơi anh ta đến thực tập và cả chỗ làm sau này,” Katrine nói. “Chúng không trùng với nơi xảy ra những vụ mất tích của những phụ nữ chúng ta cho rằng đã bị Người Tuyết sát hại. Nhưng bác sĩ mới vào nghề thường hay đi đây đi đó. Hội nghị này nọ, rồi nhận những công việc thời vụ chẳng hạn.”

“Đáng tiếc là Krohn không cho phép chúng ta thăm vấn hắn,” Skarre nói.

“Quên chuyện đó đi,” Harry nói. “Ta sẽ bắt giam Vetlesen.”

“Vì cái gì?” Hagen hỏi. “Vì từng học ở Bergen chắc?”

“Vì tôi có ý định mua dâm trẻ vị thành niên.”

“Dựa trên cơ sở nào?” Giám đốc Sở hỏi.

“Chúng ta có một nhân chứng. Chính là chủ khách sạn Leon. Và ta còn có những bức ảnh chứng minh mối liên hệ giữa Vetlesen và khách sạn.”

“Tôi ghét phải nói cái này,” Espen Lepsvik lên tiếng, “nhưng tôi biết gã Leon đó, không đời nào hắn chịu ra làm chứng đâu. Vụ này rồi sẽ công cốc thôi; anh sẽ phải thả Vetlesen sau hai mươi bốn tiếng, miễn thắc mắc.”

“Tôi biết chứ,” Harry nói và nhìn đồng hồ đeo tay. Anh đang nhắm tính xem lái xe từ đây đến Bygdøy sẽ mất bao lâu. “Trong quãng thời gian ngắn ngủi ấy, những điều người ta có thể nghĩ ra để nói sẽ khiến anh phải ngạc nhiên đấy.”

Harry nhấn chuông một lần nữa, thầm nghĩ tình huống này giống hệt như những gì anh từng trải qua trong kỳ nghỉ hè hồi anh còn nhỏ, bạn bè đi hết, ở Oppsal chỉ còn lại duy nhất một cậu bé là anh. Anh đứng đó, nhấn chuông nhà Øystein hoặc đưa bạn nào đó khác, hy vọng điều kỳ diệu xảy ra và sẽ có đứa ở nhà thay vì đến chơi với bà ở Halden, hay đi nghỉ ở Son, hoặc cắm trại tít tận Đan Mạch. Anh cứ nhấn chuông hết nhà này đến nhà khác, cho tới khi anh biết chỉ còn một khả năng duy nhất. Tresko. Tresko, thằng bạn mà cả anh lẫn Øystein đều chẳng muốn chơi cùng nhưng vẫn lẳng nhặng bám theo bọn anh như hình với bóng, đợi đến khi hai đứa hồi tâm chuyển ý và cứu vớt nó khỏi sự ghẻ lạnh, dù chỉ trong thời gian ngắn. Nó chọn Harry và Øystein bởi lẽ hai đứa cũng chẳng đông bạn lắm bè gì cho cam, vì thế Tresko cho rằng nếu nó muốn được gia nhập nhóm nào đó thì đây là cơ hội tốt nhất dành cho nó. Giờ thì cơ hội của Tresko đã đến, vì quanh đây chỉ còn lại mỗi mình nó, Harry biết nó luôn ở nhà vì gia đình không đủ điều kiện để đi đâu cả và nó cũng chẳng có bạn chơi cùng.

Harry nghe thấy tiếng dép loẹt quẹt trong nhà và cửa hé mở. Khuôn mặt bà lão bừng sáng. Hệt như vẻ mặt của mẹ Tresko khi bà nhìn thấy Harry. Bà chẳng bao giờ mời anh vào mà chỉ cất tiếng gọi Tresko, đi tận nơi tìm nó, ca cho nó một bài điếc tai, nhồi nó vào trong cái áo khoác lót lông có mũ xấu điên

và đẩy ra khỏi cửa, để nó đứng đó mặt mũi sưng sía nhìn Harry. Và Harry biết là Tresko cũng biết. Anh cảm nhận được sự ghét bỏ trong lòng nó trong lúc hai đứa cùng đi bộ tới kiốt. Nhưng cũng chẳng sao. Dù gì như thế thời gian cũng sẽ trôi nhanh hơn.

“Rất tiếc, Idar đi vắng mất rồi,” bà Vetlesen nói. “Hay là anh vào nhà ngồi đợi vậy? Nó bảo chỉ lái xe đi dạo một lúc thôi.”

Harry lắc đầu, thầm nghĩ không biết bà cụ có trông thấy ánh đèn màu xanh loang loáng trên con phố chìm trong bóng tối ở Bygdøy hay không. Chắc chắn là Skarre đã bỏ lên xe đây mà, cái thằng đầu đất này.

“Anh ta đi lúc mấy giờ?”

“Gần năm giờ.”

“Thế là đã mấy tiếng rồi,” Harry nói. “Anh ta có nói đi đâu không?”

Bà cụ lắc đầu. “Nó chẳng bao giờ nói gì với tôi cả. Đây anh xem, thế có quá đáng không. Đến mẹ nó mà nó đi đâu làm gì cũng chẳng thèm báo.”

Harry cảm ơn bà cụ và nói anh sẽ quay lại sau. Rồi anh bước trên lối đi rải sỏi và những bậc thềm để ra tới chỗ cổng nhỏ. Cảnh sát không tìm được Idar Vetlesen ở văn phòng và cả khách sạn Leon, câu lạc bộ bi đá thì đã đóng cửa tối om. Harry đóng cổng lại và ra xe. Sĩ quan mặc đồng phục hạ kính xe xuống.

“Tắt cái đèn xanh đi.” Harry nhắc, quay về phía Skarre đang ngồi ở ghế sau. “Mẹ hần nói hần không có nhà, có lẽ bà ấy nói thật. Cậu đợi ở đây xem hần có về không nhé. Gọi cho sĩ quan trực ban và bảo cậu ta thu xếp chuẩn bị một đội tìm kiếm. Đừng trao đổi bất cứ điều gì qua hệ thống radio của cảnh sát, nhớ chưa?”

Trên đường về thành phố, Harry gọi cho tổng đài Telenor, nhân viên tổng đài báo với anh rằng người anh cần tìm, Torkildsen, đã về nhà còn việc anh yêu cầu định vị tín hiệu điện thoại di động của Idar Vetlesen cần phải được thông qua các kênh chính thức sáng sớm mai. Harry ngắt máy và vặn to âm lượng bài hát *Vermilion* của Slipknot, nhưng anh chẳng có lòng dạ nào mà nghe nên nhấn nút nhả đĩa để thay bằng CD của Gil Evans anh mới tìm lại được từ sâu bên trong hộc để gác tay. Kênh tin tức hai tư giờ của đài NRK đang ra rả phát trên radio trong lúc anh còn mãi loay hoay với cái vỏ đĩa CD.

“Cảnh sát đang truy tìm một bác sĩ nam, ngoài ba mươi tuổi, cư ngụ tại Bygdøy. Người này được cho là có liên quan đến chuyên án Người Tuyết.”

“Mẹ kiếp!” Harry hét lên, ném bay Gil Evans về phía kính chắn gió khiến những mảnh nhựa văng tung tóe trong xe. Chiếc đĩa CD lăn tới chỗ đế chân. Trong cơn căm giận, Harry đạp mạnh ga và phóng vọt qua một chiếc xe bồn ở làn đường bên trái. Hai mươi phút. Bọn chúng chỉ mất hai mươi phút để mò ra thông tin. Sao không đưa quách micro cho Sở Cảnh sát và phát sóng trực tiếp luôn cho rồi?

Buổi tối, căng tin Sở Cảnh sát đã nghỉ bán nên vắng tanh, nhưng đó lại là nơi anh tìm thấy cô, cô đang ngồi cùng mấy chiếc sandwich ở một bàn đôi. Harry ngồi xuống ghế còn lại.

“Cảm ơn vì đã không kể ai chuyện tôi mất bình tĩnh ở Finnøy,” cô khẽ nói.

Harry gật đầu. “Sau đó thì cô làm gì?”

“Tôi trả phòng và bắt chuyến bay lúc ba giờ. Tôi chỉ muốn rời đi thôi.” Cô cúi mặt nhìn tách trà của mình. “Tôi... xin lỗi.”

“Không sao,” Harry nói, nhìn cái cổ thanh mảnh đang cúi xuống, mái tóc cặp hết lên cao và bàn tay nhỏ nhắn đặt trên bàn. Giờ anh nhìn cô bằng con mắt khác rồi. “Những thứ cứng rắn đến khi phải vỡ thì cũng vỡ theo cách rất ấn tượng.”

“Vì sao?”

“Có lẽ là vì chúng ít có dịp thực hành cách mất bình tĩnh.”

Katrine gật đầu, ánh mắt vẫn chú mục vào tách trà có logo đội tuyển thể thao của Sở.

“Anh cũng là người thích kiểm soát, Harry. Chẳng lẽ anh không bao giờ mất bình tĩnh ư?”

Cô ngước lên, và Harry thầm nghĩ hẳn là tia sáng mãnh liệt tỏa ra từ hai con ngươi đã khiến lòng trắng trong mắt cô ánh lên sắc xanh nhạt. Anh lục tìm bao thuốc lá. “Việc đó thì tôi thực hành khối lần. Tôi hầu như chẳng học được cái gì khác ngoài nổi đóa. Trình mất kiểm soát của tôi thuộc hàng dai dẳng rồi ấy chứ.”

Cô mỉm cười yếu ớt thay cho lời đáp.

“Người ta đã nghiên cứu hoạt động não bộ của những võ sĩ quyền Anh lâu năm,” Harry nói. “Cô có biết là trong một trận đấu có vài lần võ sĩ bị mất ý thức không? Chỉ một phần trăm giây lúc này, hoặc lúc khác. Thế mà bằng cách nào đó họ vẫn đứng vững. Cứ như cơ thể họ biết rằng đó chỉ là hiện tượng nhất thời và tìm cách kiểm soát, giúp họ kiên cường chịu đựng cho tới khi lấy lại ý thức.” Harry gõ nhẹ cho điều thuốc rơi ra. “Tôi cũng mất kiểm soát lúc ở trong căn nhà gỗ. Chỉ khác là, sau từng ấy năm, cơ thể tôi biết sự kiềm chế sẽ trở lại.”

“Nhưng anh làm thế nào,” Katrine hỏi, vuốt một lọn tóc xòa xuống mặt, “để không bị hạ gục sau cú đấm đầu tiên?”

“Làm theo cách của các võ sĩ, cứ thuận theo những cú đấm. Đừng chống cự. Nếu trong công việc có điều gì đó tác động đến cô thì cứ bình thản chấp nhận. Dù gì cô cũng chẳng thể né tránh mãi được. Cừ từ từ xả ra từng chút như xả đập ấy, đừng để nó tích tụ cho tới khi bức tường bắt đầu rạn nứt.”

Anh đưa điều thuốc chưa mồi lên môi.

“Phải, tôi biết chứ. Chuyên gia tâm lý ở học viện cảnh sát đã nói với cô những điều này hồi cô còn là sinh viên. Ý tôi thế này: ngay cả khi cô xả những bức bối vào cuộc sống thì cũng cần cảm nhận được chúng tác động đến cô ra sao, xem chúng có đang hủy hoại cô hay không.”

“Được rồi,” Katrine nói. “Vậy ta xử lý thế nào nếu cảm thấy chúng đang hủy hoại ta?”

“Cô tìm nghề khác mà làm.”

Cô nhìn anh chăm chăm một hồi lâu.

“Thế anh thì sao hả Harry? Anh đã làm gì khi cảm thấy chúng đang hủy hoại mình?”

Harry cắn nhẹ phần đầu lọc, cảm nhận những sợi mềm và khô cọ vào răng anh. Thăm nghĩ cô có thể làm em gái hoặc con gái anh được đấy, cả cô và anh đều được tạo nên từ những thứ gai góc y như nhau. Hai tòa thành đồ sộ, vững chãi với những vết rạn lớn.

“Tôi quên không đi tìm nghề khác,” anh nói.

Cô nở nụ cười tươi rói. “Anh biết sao không?” cô thì thầm.

“Sao?”

Cô giơ tay ra, cầm lấy điều thuốc trên môi anh và rướn người qua bàn.

“Tôi nghĩ là...”

Cửa căng tin bất ngờ bật mở. Người xuất hiện là Holm.

“TV2,” anh ta nói. “Đưa lên bản tin rồi. Họ tên cùng với ảnh của Rafto và Vetlesen.”

Vậy là náo loạn hết cả lên. Dù đã mười một giờ đêm nhưng chỉ trong vòng nửa tiếng, đám nhà báo và phóng viên ảnh đã kéo đến chật ních khu sảnh của Sở Cảnh sát. Tất cả đang nóng lòng chờ đợi người đứng đầu Kripes, Espen Lepsvik, hoặc Hagen, sếp Đội Hình sự, giám đốc Sở, cảnh sát trưởng, hay nói chung ai cũng được, xuống đây và nói gì đó. Họ rì rầm với nhau rằng cảnh sát phải có trách nhiệm thông báo cho công chúng được biết về vụ việc nghiêm trọng, gây sốc và giúp tăng lượng tiêu thụ tốt như thế này chứ.

Harry đứng bên lan can sân trong nhìn xuống đám phóng viên bên dưới. Họ đang lượn lờ như bầy cá mập bất an, hỏi han nhau, chơi xỏ nhau, giúp đỡ nhau, phỉnh phờ và thăm dò những chi tiết nhỏ. Đã ai nghe ngóng được gì chưa? Liệu đêm nay có tổ chức họp báo không? Hay chí ít là thông báo đột xuất? Có phải Vetlesen đã lên đường đi Thái Lan rồi không? Deadline đến nơi rồi; phải có gì cho họ chứ.

Harry từng đọc được rằng từ *deadline* - hạn chót - bắt nguồn từ những trận đánh trong cuộc Nội chiến Mỹ. Vào thời đó, do thiếu nơi giam hãm tù binh, những kẻ bắt bớ đã quây đám tù binh lại và vẽ một vòng tròn trên đất quanh chỗ họ đứng. Vòng tròn này được gọi là *dead line* - ranh giới chết, ai sơ sẩy vượt ra khỏi phạm vi đó sẽ ăn đạn ngay. Và họ, đám chiến binh sẵn tin đang quần tụ dưới kia, chính là những kẻ như thế: những tù nhân chiến tranh bị trói buộc bởi một deadline.

Harry đang trên đường tới phòng họp cùng các đồng đội thì điện thoại di động réo inh ỏi. Người gọi là Mathias.

“Anh đã nghe tin nhắn thoại tôi gửi chưa?” anh ta hỏi.

“Làm gì có thì giờ, ở đây đang nước sôi lửa bỏng lắm,” Harry đáp. “Ta nói chuyện sau được không?”

“Dĩ nhiên là được,” Mathias nói. “Nhưng chuyện này liên quan đến Idar. Tôi thấy trên bản tin thông báo anh ta đang bị truy nã.”

Harry chuyển điện thoại sang tay kia. “Vậy anh nói luôn đi.”

“Hôm nay Idar có gọi cho tôi để hỏi về carnadrioxide. Anh ta cũng hay gọi điện hỏi tôi về thuốc, ngành dược vốn không phải thế mạnh của Idar, vì thế lúc đó tôi cũng không nghĩ ngợi gì cả. Nhưng tôi gọi cho anh vì carnadrioxide là một loại thuốc cực kỳ nguy hiểm. Tôi chỉ cho rằng có thể anh muốn biết điều đó.”

“Có chứ, có chứ,” Harry nói, lục khắp các túi cho tới khi tìm thấy cây bút chì găm dở và tấm vé tàu điện. “Carna... gì ấy nhỉ?”

“Carnadrioxide. Nó có chứa nọc độc của loài ốc nón và được dùng làm thuốc giảm đau cho bệnh nhân ung thư và nhiễm HIV. Loại thuốc này mạnh gấp một ngàn lần morphine, chỉ cần dùng quá liều một chút xíu cũng có thể khiến cơ bắp lập tức tê liệt. Các cơ quan hô hấp và tim ngừng hoạt động, bệnh nhân sẽ tử vong tức thì.”

Harry ghi lại. “Được rồi. Anh ta còn nói gì nữa không?”

“Không. Anh ta có vẻ stress. Chỉ cảm ơn tôi rồi cúp máy.”

“Liệu anh có biết anh ta gọi điện từ đâu không?”

“Không, nhưng tiếng vọng có vẻ lạ lắm. Chắc chắn Idar không gọi từ phòng tư vấn. Nghe như anh ta đang ở trong nhà thờ hoặc hang động nào đó, anh hiểu ý tôi chứ?”

“Tôi hiểu. Cảm ơn anh, Mathias. Chúng tôi sẽ gọi lại cho anh nếu cần thêm thông tin.”

“Rất vui...”

Harry không nghe được phần còn lại của câu nói vì anh đã nhấn nút kết thúc cuộc gọi và tín hiệu bị ngắt.

Trong phòng K1, tổ điều tra nho nhỏ đã có mặt đông đủ và đang ngồi đó cùng với mấy tách cà phê, một ấm mới đang được pha tiếp trong máy, áo khoác vắt trên thành ghế. Skarre vừa trở về từ Bygdøy. Anh ta báo cáo lại cuộc nói chuyện với mẹ của Idar Vetlesen, bà ta cứ nhắc đi nhắc lại rằng mình không biết gì và toàn vụ này chắc chắn là một hiểu lầm to đùng.

Katrine đã gọi điện cho trợ lý của Vetlesen, Borghild Moen, bà này cũng có cùng quan điểm như trên.

“Chúng ta sẽ thăm vấn họ vào ngày mai nếu cần,” Harry nói. “Giờ tôi e rằng ta đang có một vấn đề khác cấp bách hơn.”

Ba người trong nhóm nhìn Harry trong lúc anh tóm tắt lại cuộc nói chuyện với Mathias. Đọc những gì ghi trên mặt sau vé tàu điện. Carnadrioxide.

“Anh có cho rằng hắn đã giết họ không?” Holm hỏi. “Bằng cách dùng thuốc tê ấy?”

“Thế là rõ rồi nhé,” Skarre nói chen vào. “Vì vậy hắn mới phải giấu xác các nạn nhân đi. Để loại thuốc đó không bị phát hiện khi khám nghiệm tử thi và khiến cảnh sát lần ra hắn.”

“Điều duy nhất chúng ta biết,” Harry nói, “là Idar Vetlesen giờ đã mất kiểm soát. Nếu hắn chính là Người Tuyết thì hắn sẽ phá vỡ mô thức của mình thôi.”

“Vấn đề là,” Katrine nói, “sắp tới hắn sẽ nhắm vào ai. Chắc chắn không lâu nữa sẽ có người mất mạng vì thứ thuốc đó.”

Harry xoa gáy. “Cô có bản in danh sách cuộc gọi của Vetlesen chưa, Katrine?”

“Có rồi, tôi đã hỏi được tên chủ thuê bao của các số máy và nhờ Borghild tra cứu. Phần lớn là bệnh nhân. Có hai cuộc điện thoại với Krohn, luật sư của hắn, và một cuộc anh vừa tóm tắt lại với Lund-Helgesen. Thêm vào đó, có một số máy được đăng ký dưới tên Công ty xuất bản Popper.”

“Cũng chẳng có gì nhiều để mà điều tra,” Harry nói. “Giờ hoặc là chúng ta ngồi đây, uống cà phê và gãi mấy cái đầu dốt nát. Hoặc cả lũ đi về và quay lại đây vào sáng mai với cái đầu dốt vẫn hoàn dốt, nhưng đỡ mệt hơn phần nào.”

Cả nhóm cứ trân trối nhìn anh.

“Tôi không đùa đâu,” anh nói. “Biến hết về nhà.”

Harry đề nghị lái xe đưa Katrine về đến quận Grünerløkka, nơi này ngày xưa vốn là một khu lao động. Tại đó, theo chỉ dẫn của cô, anh dừng lại phía trước tòa nhà bốn tầng cũ kỹ trên phố Seilduksgata.

“Cô ở căn nào?” anh hỏi, nhòai người tới trước.

“Tầng hai, tay phải.”

Anh ngược lên nhìn. Các cửa sổ đều tối om. Chẳng thấy mảnh rèm gì cả. “Xem ra chồng cô không có nhà thì phải. Hoặc là đi ngủ rồi.”

“Có lẽ thế,” cô nói, vẫn ngồi yên trong xe. “Harry này?”

Anh ngơ ngác nhìn cô.

“Lúc tôi nói vấn đề nằm ở chỗ sắp tới Người tuyết sẽ nhắm vào ai, anh có biết tôi muốn ám chỉ người nào không?”

“Có thể,” anh đáp.

“Những gì chúng ta phát hiện được ở Finnøy không đơn giản là vụ giết người diệt khẩu thông thường đâu. Nó được lên kế hoạch từ trước đó rất lâu rồi.”

“Ý cô là sao?”

“Ý tôi là nếu Rafto quả thực đã lần ra được tung tích của hãn, thì việc đó cũng là do hãn sắp đặt mà thôi.”

“Katrine...”

“Khoan hãy nói. Rafto là thanh tra giỏi nhất Bergen. Còn anh là điều tra viên xuất sắc nhất Oslo. Hãn có thể lường trước được việc anh sẽ chịu trách nhiệm điều tra, Harry ạ. Chính vì thế anh mới nhận được lá thư đó. Tôi chỉ muốn nhắc anh nên thận trọng.”

“Cô cố tình dọa cho tôi sợ đấy à?”

Cô nhún vai. “Nếu anh mà sợ, anh biết điều đó nghĩa là gì không?”

“Không.”

Katrine mở cửa xe. “Nghĩa là anh nên tìm nghề khác mà làm.”

Harry mở khóa căn hộ của mình, cởi đôi boot và dừng lại ở ngưỡng cửa phòng khách. Căn phòng giờ đã lạnh tanh bành hết cả, giống như bộ đồ chơi lắp ghép bị tháo dỡ. Ánh trăng soi tỏ một hình thù màu trắng trên bức tường gạch đỏ trần trụi. Anh bước vào.

Đó là một số 8 được viết bằng phấn. Anh đưa tay ra chạm vào nó. Chắc là người xử lý nấm mốc đã viết, nhưng nó có ý nghĩa gì? Cũng có thể đó là mã để anh ta biết phải dùng loại dung dịch nào ở đây.

Những cơn ác mộng điên cuồng hành hạ Harry suốt đêm, khiến anh khổ sở vật vã. Anh mơ thấy mình bị nhét thứ gì đó vào miệng và anh phải hô hấp

thông qua một cái lỗ để khỏi chết ngạt. Nó có vị của dầu, kim loại và thuốc súng, cuối cùng, bên trong không còn lại chút không khí nào mà chỉ toàn chân không. Thế rồi anh nhổ thứ đó ra và phát hiện mình hít thở không phải thông qua một họng súng mà là con số 8. Số 8 với một vòng tròn lớn ở phía dưới, vòng tròn nhỏ hơn ở trên. Vòng lớn nằm dưới, vòng nhỏ bên trên. Dần dần, số 8 đó lại có thêm vòng tròn thứ ba nhỏ hơn nữa ở trên đỉnh. Một cái đầu. Là đầu của Sylvia Ottersen. Cô ta cố thét lên, cố nói cho anh biết chuyện gì xảy ra, nhưng không thể. Cặp môi của cô ta đã bị khâu kín.

Khi tỉnh giấc, hai mắt anh kèm nhèm dính lại, đầu đau như dần, môi bị phủ một lớp có vị phẫn và đắng ngắt như mật.

ngày thứ mười

BI ĐÁ TRÊN BĂNG

Đó là một buổi sáng lạnh căm ở Bygdøy, Asta Johannsen đến mở cửa câu lạc bộ bi đá trên băng lúc tám giờ, như thường lệ. Bà góa sắp bước sang tuổi bảy mươi tới đây dọn dẹp hai lần mỗi tuần, như vậy là quá đủ đối với căn nhà tư diện tích nhỏ chẳng ai dùng đến ngoài mấy người đàn ông, hơn nữa nơi này lại không có nhà tắm. Bà bật đèn lên. Trên bức tường gỗ ghép bày đủ loại cúp, bằng khen, cờ lưu niệm với những cụm từ bằng tiếng Latinh và nhiều bức ảnh đen trắng của những người đàn ông để râu, mặc trang phục vải tweed, vẻ mặt hãnh diện. Asta nghĩ họ trông thật khôi hài, giống như đám người săn cáo trên chương trình truyền hình của Anh nói về tầng lớp thượng lưu vậy. Bà đi qua cửa để tới phòng chơi bi đá, hơi lạnh bên trong khiến bà nhận ra họ đã quên tăng nhiệt độ của máy điều nhiệt cho băng, việc họ vẫn thường làm để tiết kiệm điện. Asta Johannsen bật công tắc, trong lúc những bóng đèn neon nhấp nháy, vật vờ đưa ra quyết định có hoạt động hay không, bà đeo kính vào và thấy rằng nhiệt độ của các ống làm mát đúng là quá thấp và bà cho tăng lên.

Ánh đèn chiếu xuống mặt băng xám xịt. Qua cặp kính lão bà nhác thấy thứ gì đó ở phía cuối phòng, vậy là bà bỏ kính ra. Dần dần, thứ đó trở nên rõ ràng hơn. Là một người ư? Bà muốn đi qua lớp băng để tới bên kia, nhưng lại ngần ngừ. Asta Johannsen không phải người nhát cáy, nhưng bà sợ rằng một ngày nào đó rất có thể mình sẽ ngã gãy đùi trên băng và phải nằm chết gí một chỗ đợi đến khi bày thợ săn cáo tìm thấy bà. Bà vớ lấy một trong mấy cây chổi dựng ở tường, dùng nó làm gậy chống và thật chậm rãi, rón rén bước trên mặt băng.

Người đàn ông nằm bất động ở phía cuối đường băng, đầu đặt ở chính giữa những vòng tròn. Quầng sáng màu trắng xanh tỏa ra từ đèn neon hắt xuống gương mặt đã cứng lại thành vẻ nhăn nhó. Gương mặt này có nét quen quen. Phải chăng ông ta là người nổi tiếng? Cặp mắt ngây dại như đang kiểm tìm thứ gì đó phía sau lưng bà, vượt xa những gì có ở đây. Bàn tay phải co cứng nắm

lấy một ống tiêm rỗng bằng nhựa, bên trong còn sót lại dấu vết của dung dịch màu đỏ.

Asta Johannsen bình thản kết luận rằng mình chẳng thể làm được gì cho người này nữa, bà chỉ chú tâm bước cẩn thận trên băng để quay trở ra và đi tìm máy điện thoại gần nhất.

Sau khi gọi cho cảnh sát và chờ họ tới, bà trở về nhà nhâm nhi tách cà phê sáng.

Chỉ đến khi cầm tờ báo *Aftenposten* lên đọc, bà mới nhận ra người mình tìm thấy là ai.

Harry ngồi thụp xuống, quan sát đôi boot của Idar Vetlesen.

“Chuyên gia pháp y nói sao về thời điểm tử vong?” anh hỏi Bjørn Holm đang đứng bên cạnh trong chiếc áo khoác denim lót vải lông trắng. Đôi boot da rắn gần như không phát ra tiếng động khi bước trên băng. Chưa đầy một tiếng đồng hồ sau cuộc điện thoại của Asta Johannsen, thám phóng viên đã kéo đến bên ngoài dải băng đỏ cảnh sát chằng xung quanh câu lạc bộ bi đá.

“Anh ta bảo khó xác định,” Holm đáp. “Chỉ có thể ước lượng tốc độ giảm thân nhiệt của xác chết nằm trên băng trong một căn phòng ấm hơn nhiều thôi.”

“Nhưng hẳn *phải* có ước đoán chứ?”

“Đâu đó từ năm giờ đến bảy giờ tối hôm qua.”

“Ừm. Vậy là trước khi thời sự đưa tin về anh ta. Cậu kiểm tra ổ khóa rồi phải không?”

Holm gật đầu. “Loại Yale tiêu chuẩn. Cửa bị khóa lúc bà lao công đến dọn. Vừa rồi tôi có thấy anh quan sát đôi boot. Tôi đã kiểm tra dấu giày. Khá chắc chắn là nó trùng với dấu giày chúng ta thu được ở Sollihøgda.”

Harry nhìn kỹ hình thù trên mặt đế. “Vậy cậu cho rằng đây là kẻ chúng ta cần tìm?”

“Phải, tôi cho là thế.”

Harry gật đầu, chìm trong suy tư. “Theo cậu, có thể nào Vetlesen thuận tay trái không?”

“Chắc không đâu. Như anh thấy đây, anh ta cầm ống tiêm bằng tay phải kia.”

Harry gật. “Đúng vậy. Nhưng cứ kiểm tra đi nhé.”

Harry chưa bao giờ thực sự được nếm trải cảm giác mãn nguyện khi đến một ngày, những vụ án anh phụ trách cuối cùng cũng đi tới một kết luận, án được phá xong, kết thúc. Trong suốt thời gian điều tra, đó chính là mục tiêu anh hướng tới, thế nhưng khi mục tiêu đã hoàn thành, anh chỉ biết một điều rằng mình vẫn chưa tới được điểm cuối của cuộc hành trình. Hay đây không phải cái kết anh vẫn hình dung. Không rõ mọi chuyện đã thay đổi hay anh thay đổi, hay gì nữa thì chỉ Chúa biết. Vấn đề nằm ở chỗ, anh cảm thấy thật trống rỗng, thành công chẳng có hương vị như hứa hẹn, việc bắt được kẻ có tội luôn kéo theo vô vàn câu hỏi: Rồi sao?

Lúc này là bảy giờ tối, quá trình thẩm vấn nhân chứng đã hoàn tất, chứng cứ pháp y được thu thập đầy đủ, buổi họp báo cũng đã kết thúc, không khí tiệc tùng bắt đầu lan tỏa khắp các hành lang trong phân khu của Đội Hình sự. Hagen đã đặt bánh ngọt với bia và cho gọi hai tổ điều tra của Lepsvik và Harry tới để nội bộ ăn mừng chiến thắng ở phòng K1.

Harry ngồi trên ghế ngó miếng bánh to tưởng ai đó đặt lên đùi anh. Anh lắng nghe giọng nói của Hagen, tiếng cười và tiếng vỗ tay. Có người đẩy nhẹ lưng anh khi đi qua, nhưng nói chung họ để anh một mình. Tiếng nói chuyện rì rầm vang vọng quanh anh.

“Thằng khốn đó đúng là hèn. Sợ co vòi khi biết cảnh sát truy ra mình.”

“Hắn đã lừa chúng ta.”

“Chúng ta? Ý anh là đội Lepsvik các anh chứ...?”

“Nếu bắt sống được hắn, tòa sẽ phán hắn bị tâm thần và rỗi...”

“Ta nên vui mừng mới phải. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng chẳng có chứng cứ thuyết phục, chỉ có chứng cứ gián tiếp thôi.”

Giọng Espen Lepsvik oang oang từ bên kia phòng. “Được rồi, anh em, im nào! Một đề xuất đã được nêu và được thông qua, đó là tám giờ tối nay cả hội sẽ tụ tập ở bar Fenris để cùng nhậu tới bến. Và đây là lệnh. Thế nào?”

Tiếng hò reo ầm ĩ.

Harry đặt đĩa bánh xuống bàn, đang định đứng lên thì anh cảm thấy bàn tay ai đó nhẹ nhàng đặt lên vai mình. Ra là Holm.

“Tôi đã kiểm tra rồi. Như tôi đã nói, Vetlesen thuận tay phải.”

Có tiếng bọt khí xèo xèo của chai bia vừa được mở, và Skarre đã bắt đầu ngà ngà say, đến khoác vai Holm.

“Nghe nói người thuận tay phải sống thọ hơn người thuận tay trái. Cơ mà hóa ra lại chả đúng với Vetlesen nhỉ? Ha ha ha!”

Nói xong, Skarre rời đi để chia sẻ mẫu thông tin nho nhỏ này với người khác, Holm hỏi Harry, “Anh về đây à?”

“Tôi đi dạo. Có thể lát nữa sẽ gặp các cậu ở Fenris.”

Harry sắp ra đến cửa thì bị Hagen giữ lại.

“Tốt nhất đừng ai về vội,” ông ta nói khẽ. “Cảnh sát trưởng hẳn là sẽ đến và nói đôi lời với cả đội.”

Harry nhìn Hagen rồi anh nhận ra ánh mắt mình hẳn đã để lộ điều gì đó, bởi lẽ Hagen vội buông cánh tay anh ra như phải bỏng.

“Tôi đi vệ sinh thôi,” Harry nói.

Hagen nở nụ cười thoáng qua và gật đầu.

Harry quay về văn phòng của mình, lấy áo khoác rồi thùng thăng đi xuống, rời khỏi Sở Cảnh sát và tản bộ trên phố Grønlandsleiret. Một vài bông tuyết lơ lửng trong không trung, ánh đèn nhấp nháy trên ngọn núi Ekeberg, tiếng còi hụ lúc trầm lúc bổng như bài hát xa thẳm của một chú cá voi. Có hai người Pakistan đang tranh luận bên ngoài mấy cửa hiệu địa phương, mặc cho tuyết cứ thế rơi trên những trái cam, và một gã say ngất ngư ca bài hò của thủy thủ ở quảng trường Grønlands. Harry cảm thấy những sinh vật bóng tối đang hít hà đánh hơi, tự hỏi liệu đã đến lúc thích hợp để lộ diện hay chưa. Chao ôi, anh yêu thành phố này biết mấy.

“Con ở đây à?”

Eli Kvale ngạc nhiên khi thấy cậu con trai Trygve đang ngồi bên chiếc bàn trong bếp đọc tạp chí. Tiếng radio vang lên đều đều làm nền.

Cô định hỏi sao nó không ngồi trong phòng khách với bố, nhưng rồi cô chợt hiểu ra, cũng có thể là thằng bé muốn nói chuyện với cô lắm chứ. Có điều

không phải vậy. Cô rót cho mình một tách trà rồi ngồi xuống lặng ngẫm cậu con trai. Thăng bé quả là ưa nhìn. Trước đây cô luôn cho rằng nó sẽ *rất* xấu xí, nhưng cô đã nhầm.

Người trên radio nói đàn ông không còn là nguyên nhân khiến phụ nữ trên đất nước này không có cơ hội góp mặt trong các ban quản trị; nhiều công ty đang gặp khó khăn trong việc tuyển đủ hạn mức nhân viên nữ theo quy định của pháp luật, bởi phần lớn phụ nữ dường như đều có chung mối ác cảm thâm căn cố đế đối với những vị trí dễ khiến họ bị chỉ trích, gặp nhiều thách thức trong công việc hoặc không có ai để mà núp bóng.

“Bọn họ chẳng khác gì bày con nít khóc lóc đòi bằng được một hạt dẻ, nhưng đến khi có mà cho vào miệng rồi thì lại nhổ ra,” người đó nói. “Một cảnh tượng nhìn hết sức khó chịu. Đã đến lúc phụ nữ chịu ít trách nhiệm và chứng tỏ bản lĩnh của mình.”

Đúng vậy, Eli nghĩ thầm. Đã đến lúc rồi.

“Hôm nay có người bắt chuyện với con ở siêu thị ICA,” Trygve nói.

“Vậy sao?” Eli nói, tim thót lên tận cổ.

“Người đó hỏi con có phải con trai của bố mẹ không.”

“Ừm,” Eli đáp khẽ, rất khẽ, cảm thấy đầu óc quay cuồng. “Vậy con trả lời thế nào?”

“Còn thế nào được nữa ạ?” Trygve ngẩng lên khỏi tờ tạp chí. “Dĩ nhiên con đáp là, đúng vậy.”

“Và người đàn ông hỏi con câu đó, ông ta là ai?”

“Có chuyện gì vậy mẹ?”

“Ý con là sao?”

“Mặt mẹ tái nhợt kìa.”

“Không có gì đâu, con yêu. Ông ta là ai?”

Trygve cúi đầu đọc tiếp. “Con có nói người hỏi là đàn ông đâu.”

Eli đứng dậy, vặn nhỏ radio xuống trong lúc một giọng nữ lên tiếng cảm ơn Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Arve Støp đã tham gia tranh luận. Cô nhìn đắm đắm vào bóng tối, nhìn những bông tuyết xoay tròn đó đây, phiêu du trong vô định, chẳng cần tuân theo tác động của trọng lực lẫn ý muốn của bản thân.

Chúng sẽ rơi xuống bất cứ nơi đâu bàn tay của số phận sắp đặt. Và sau đó chúng sẽ tan chảy và biến mất. Ý nghĩ đó khiến cô cảm thấy bình yên lạ.

Eli húng hắng ho.

“Sao thế ạ?” Trygve hỏi.

“Không có gì đâu,” cô nói. “Chắc là mẹ bị cảm rồi.”

Harry thả mình vô định, đôi chân nhẹ lướt trên những con phố ở Oslo mà chẳng tuân theo ý muốn cụ thể nào. Chỉ đến khi dừng lại trước khách sạn Leon thì anh mới nhận ra đó là nơi mình định tới. Gái điếm và lũ buôn ma túy đã giạt về cắm chốt ở những con phố kế bên. Lúc này đang là giờ cao điểm. Khách hàng thích giải quyết nhu cầu thể xác và ma túy trước nửa đêm hơn.

Harry bước tới quầy lễ tân và thấy vẻ khiếp đảm trên khuôn mặt Børre Hansen, anh hiểu ông ta đã nhận ra mình.

“Chúng ta thỏa thuận rồi cơ mà!” ông chủ khách sạn kêu lên the thé, đưa tay quệt mồ hôi trán.

Harry không hiểu vì sao những gã kiếm sống dựa trên ham muốn của người khác dường như lúc nào cũng nhớp nhúa mồ hôi, nó giống như vỏ bọc của nỗi hổ thẹn giả tạo, nỗi thẹn bởi sự vô liêm sỉ của mình.

“Đưa chìa khóa phòng ông bác sĩ cho tôi,” Harry nói. “Tối nay ông ta không đến đâu.”

Ba mặt tường phòng được dán giấy dán tường từ thập niên bảy mươi với những họa tiết thức thần màu nâu và cam, còn tường phòng tắm chính lại được sơn đen, chỉ chít vết nứt và mảng xám ở những chỗ thạch cao bong tróc. Chiếc giường đôi trũng xuống ở giữa. Thảm trải sàn làm từ [bông chọc](#) cứng đanh. Harry đoán là để chống nước và chống tinh dịch. Anh bỏ cái khăn tay cũ sồn trên chiếc ghế ở cuối giường ra và ngồi xuống. Lắng nghe những tiếng rì rầm háo hức trong thành phố và cảm thấy bầu chớ đã trở lại. Chúng thi nhau cắn đớp và sủa ran, kéo căng sợi xích sắt, gào lên: chỉ một ly thôi, một liều thôi, rồi chúng tôi sẽ trả lại sự bình yên cho anh và phủ phục dưới chân anh. Harry không có tâm trạng nào để cười, thế nhưng tiếng cười vẫn bật ra. Quý dữ phải bị thanh trừ, nỗi đau sẽ được vùi lấp. Anh châm một điếu thuốc. Làn khói cuộn lên bay về phía chiếc đèn có chụp bằng giấy.

Bông chọc là sản phẩm được làm từ bông thô sợi ngắn chưa xe, người làm dùng những cây kim chuyên dụng có nhiều khía ở đầu để chọc bông, các khía này sẽ kéo các sợi bông vào với nhau và tạo thành sản phẩm.

Idar Vetlesen đã phải vật lộn với thứ ma quỷ gì? Anh ta mang theo chúng đến đây, hay căn phòng này là nơi trú ẩn, là thiên đường bình yên? Có lẽ anh đã tìm ra cho mình một vài câu trả lời, nhưng chừng đó vẫn chưa đủ. Không bao giờ là đủ. Chẳng hạn như sự điên rồ và cái ác có phải là hai phạm trù khác nhau, hay cứ khi nào không hiểu nổi mục đích của việc giết chóc thì ta mặc nhiên quy kết nó là điên rồ. Ta có thể hiểu lý do một người muốn ném bom nguyên tử xuống thành phố toàn những người dân vô tội, nhưng lại không hiểu vì sao kẻ khác muốn phanh thây những gái điếm gieo rắc bệnh dịch và sự suy đồi trong những khu ổ chuột ở London. Bởi vậy ta mới gọi trường hợp thứ nhất là chủ nghĩa hiện thực còn trường hợp thứ hai là sự điên rồ.

Lạy Chúa, lúc này anh muốn uống một ly xiết bao. Chỉ một ly thôi để những nỗi đau, những gì trải qua ngày hôm nay, đêm hôm nay, được xoa dịu đi phần nào.

Bỗng có tiếng gõ cửa vang lên.

“Gì?” Harry quát lớn và chính anh cũng giật thót khi nghe thấy cơn giận chất chứa trong giọng mình.

Cửa mở và khuôn mặt của một người da đen hiện ra trước mắt anh. Anh nhìn người đó một lượt. Bên dưới mái đầu và cái cổ rắn rỏi tuyệt đẹp, cô ta mặc chiếc áo khoác ngắn ngủn, ngắn đến nỗi để lộ cả những ngón mỡ tràn ra phía trên chiếc quần bó sát.

“Bác sĩ?” cô ta hỏi bằng tiếng Anh. Cách nhấn trọng âm ở âm tiết thứ hai khiến từ đó nghe như từ tiếng Pháp vậy.

Anh lắc đầu. Cô ta nhìn anh. Rồi cửa đóng lại và cô ta đi mất.

Harry chững lại mất mấy giây rồi mới đứng dậy khỏi ghế và ra mở cửa. Người phụ nữ đã đi đến cuối hành lang.

“Cô ơi!” Harry gọi to bằng tiếng Anh. “Phiền cô quay lại đây.”

Cô ta dừng bước, nhìn anh bằng ánh mắt dè chừng.

“Hai trăm krone,” cô ta nói. Trọng âm nhấn vào âm tiết cuối.

Harry gật đầu.

Cô ta ngồi xuống giường và lắng nghe những câu hỏi của anh với vẻ bối rối. Anh hỏi cô về Bác sĩ, gã đàn ông độc ác. Về những cuộc truy hoan với vài phụ nữ. Về những đứa trẻ hân hoan họ dẫn đến. Và cứ mỗi khi nghe xong một câu, cô đều lắc đầu tỏ ý không hiểu. Cuối cùng, cô hỏi anh có phải là cảnh sát không.

Harry gật đầu.

Cô nhú mào. “Sao anh hỏi những câu đó? Bác sĩ đâu?”

“Bác sĩ giết người,” Harry nói.

Cô nhìn anh đầy ngờ vực. “Không đúng,” cuối cùng cô nói.

“Tại sao?”

“Vì Bác sĩ là người tốt. Ông ấy giúp chúng tôi.”

Harry hỏi Bác sĩ giúp họ thế nào. Và rồi đến lượt anh ngồi đó nghe người phụ nữ da đen kể rằng vào thứ Hai và thứ Năm hằng tuần, Bác sĩ mang theo chiếc túi đến căn phòng này, nói chuyện với họ, bảo họ vào phòng tắm và lấy mẫu nước tiểu, rồi lại lấy máu để xét nghiệm xem họ có mắc bệnh xã hội không. Ông ấy phát thuốc và điều trị cho họ nếu họ mắc bệnh hoa liễu thông thường. Đưa cho họ địa chỉ bệnh viện để họ đến khám nếu mắc bệnh kia, Đại dịch thế kỷ. Nếu họ còn gặp phải vấn đề nào khác, ông ấy cũng sẽ cho thuốc uống. Bác sĩ không bao giờ lấy tiền công, chỉ yêu cầu họ một điều duy nhất là phải hứa không được nói với bất cứ ai khác ngoài những người cùng hành nghề với mình trên phố. Vài phụ nữ có con ốm cũng mang con đến để Bác sĩ khám, nhưng lại bị chủ khách sạn đuổi đi.

Harry vừa hút thuốc vừa lắng nghe. Vậy ra đây chính là ham thú của Vetlesen ư? Một sự đối nghịch của cái ác, sự cân bằng thiết yếu. Hay nó chỉ càng củng cố cho cái ác, khiến cái ác thêm nổi bật? [Bác sĩ Mengele](https://thuviensach.vn) chẳng phải cũng được tiếng rất thương trẻ con đó sao.

Josef Mengele (1911-1979) là bác sĩ tàn bạo làm việc cho Đức Quốc xã, thành viên của nhóm bác sĩ đã sát hại những người Do Thái tại trại tập trung Auschwitz trong Thế chiến II.

Lưỡi anh mỗi lúc một phồng lên trong miệng; nó sẽ khiến anh chết ngạt nếu anh không sớm uống một ly.

Người phụ nữ đã ngừng nói. Cô nghịch nghịch tờ hai trăm krone trong tay.

“Bác sĩ sẽ quay lại chứ?” cuối cùng cô hỏi.

Harry mở miệng định đáp, nhưng cái lưỡi không cho phép anh lên tiếng. Điện thoại di động của anh đổ chuông và anh nghe máy.

“Hole nghe.”

“Harry đấy à? Oda Paulsen đây. Anh còn nhớ tôi không?”

Anh không nhớ; vả lại, giọng cô ta có vẻ trẻ quá.

“Tôi ở đài NRK,” cô ta nói. “Lần trước tôi đã mời anh tham dự chương trình *Bosse*.”

Cái cô tổng hợp tin. Trò mỹ nhân kế.

“Không biết anh có muốn tham gia chương trình lần nữa không, ngày mai sẽ quay. Chúng tôi muốn tìm hiểu thêm về thắng lợi trong chuyên án Người tuyết. Đúng là hắn đã chết, nhưng không sao. Chúng tôi vẫn muốn biết những tâm tư, suy nghĩ của con người này. Nếu có thể gọi hắn như thế...”

“Không,” Harry nói.

“Sao cơ?”

“Tôi không muốn tham gia.”

“Đây là chương trình *Bosse*,” Oda Paulsen nói, giọng nói chất chứa nỗi ngạc nhiên thực sự. “Trên đài NRK đấy nhé.”

“Không.”

“Nhưng nghe này, Harry, chẳng lẽ anh không thấy thú vị khi nói về...”

Harry ném bay cái điện thoại về phía bức tường đen sì. Một mẫu thạch cao tróc ra và rơi xuống sàn.

Harry vùi đầu vào hai bàn tay, cố giữ cho nó khỏi vỡ tung. Anh nhất định phải uống thứ gì đó. Gì cũng được. Khi ngẩng lên, anh thấy trong phòng chỉ còn lại mình mình.

Có lẽ điều này sẽ chẳng xảy ra nếu ở bar Fenris không phục vụ rượu. Nếu Jim Beam không nằm trên hàng kệ phía sau nhân viên quầy rượu, gào thét bằng

giọng khàn đặc nồng nặc mùi whiskey, nói với anh về cảm giác tê liệt và sự giải thoát: “Harry! Lại đây, ta cùng ôn lại kỷ niệm cũ. Về những bóng ma đáng sợ chúng ta đã xua tan, những đêm chúng ta ngon giấc.”

Nhưng mặt khác, có lẽ anh chẳng thể nào tránh được.

Harry hầu như không nhận thức được sự có mặt của các đồng nghiệp, và bọn họ cũng chẳng để ý đến anh. Khi anh bước vào quán bar màu mè với không gian nội thất hết nết như một chiếc phà Đan Mạch đỏ lòe, mọi người đã nhập cuộc từ lâu. Họ bá vai bá cổ, hò hét và phả hơi rượu vào mặt nhau, ông ổng hát theo Stevie Wonder người tự nhận mình gọi điện chỉ để nói yêu bạn mà thôi. Tự trung lại là với cách nói năng, cư xử ấy, trông bọn họ chẳng khác gì đội bóng đá vừa giành cúp vô địch. Đến khi Stevie Wonder kết thúc bài ca bằng cách tuyên bố lời tỏ tình của mình xuất phát từ sâu thẳm con tim thì ly rượu thứ ba cũng được đặt xuống trước mặt Harry trên quầy bar.

Ly đầu tiên đã làm tê mọi thứ; anh không thở nổi và thầm nghĩ chắc cảm giác khi tiêm carnadrioxide cũng giống thế. Ly thứ hai suýt nữa khiến dạ dày anh đảo lộn. Nhưng cơ thể anh nhanh chóng hồi lại sau cơn sốc đầu tiên và biết rằng những gì nó đòi hỏi bấy lâu nay đã được đáp ứng. Giờ thì nó đáp lại anh bằng lời rủ rỉ dễ chịu. Cảm giác ấm nóng lan khắp cơ thể anh. Chẳng khác nào lạc vào cõi thiên thai.

“Anh uống rượu đấy à?”

Katrine đang đứng bên cạnh anh.

“Ly cuối rồi,” Harry đáp, lưỡi anh không còn cảm giác sừng phồng mà mềm mại, linh hoạt. Rượu vào khiến lời ra trôi chảy hơn. Người khác khó lòng nhận ra anh đang say, nếu anh uống đến một giới hạn nhất định. Chính nhờ thế mà đến giờ anh vẫn giữ được công việc này.

“Cuối đâu mà cuối,” Katrine nói. “Ly đầu tiên thì có.”

“Đó là một trong những nguyên tắc của Hội Những người nghiện rượu vô danh.” Harry ngược nhìn cô. Đôi mắt xanh biếc, cánh mũi nhỏ, đôi môi đầy đặn. Chúa ơi, trông cô mới tuyệt vời làm sao. “Cô cũng nghiện rượu à, Katrine Bratt?”

“Bố tôi trước đây mới nghiện.”

“Ừm. Có phải vì thế mà cô không muốn ghé thăm họ ở Bergen?”

“Anh tránh ghé thăm người khác vì họ có bệnh ư?”

“Tôi không biết. Tuổi thơ của cô có thể không hạnh phúc vì có người bố như thế hoặc lý do nào đó tương tự.”

“Tôi không hạnh phúc chẳng thể là do bố tôi được. Mà tôi sinh ra đã thế rồi.”

“Không hạnh phúc ư?”

“Có lẽ. Anh thì sao?”

Harry so vai. “Còn phải nói.”

Katrine nhấp đồ uống của mình, ly nước sáng óng ánh. Sáng theo kiểu vodka, không phải màu xám của gin, anh nhận thấy thế.

“Vậy nguồn cơn nỗi bất hạnh của anh là gì hả Harry?”

Câu trả lời thốt ra khi anh còn chưa kịp nghĩ kỹ. “Yêu một người yêu tôi.”

Katrine bật cười. “Tội chưa. Thuở mới vào đời anh cũng ngây thơ yêu đời phơi phới nhưng sau này vỡ mộng à? Hay là ngay từ đầu anh đã thế rồi?”

Harry dăm dăm nhìn chất lỏng màu nâu vàng trong ly của mình. “Đôi lúc tôi cũng tự hỏi như vậy. Nhưng không thường xuyên lắm. Tôi cố gắng nghĩ đến những điều khác.”

“Điều gì?”

“Điều khác.”

“Vậy đôi lúc anh có nghĩ đến tôi không?”

Có người bỗng va phải cô và cô xích lại gần hơn. Hương nước hoa của cô hòa với mùi thơm của Jim Beam.

“Không bao giờ,” anh đáp, vớ lấy ly rượu và ngửa cổ uống liền một hơi. Anh dời mắt về phía trước, nhìn vào tấm gương phía sau kệ rượu, trên đó anh trông thấy Katrine Bratt và Harry Hole đang đứng quá gần nhau. Cô nhào người tới.

“Anh nói dối, Harry.”

Anh quay sang nhìn cô. Trong đôi mắt cô dường như đang có ngọn lửa âm ỉ cháy, ánh lên sắc vàng mờ ảo tựa ánh đèn của chiếc ô tô từ từ hiện ra trong màn sương. Hai cánh mũi nở rộng, cô đang thở dốc. Hơi thở thơm ngát như thể cô vừa nếm lát chanh trong ly vodka.

“Hãy nói cho tôi biết, thật chi tiết, điều anh thực sự muốn làm ngay bây giờ.” Giọng cô bỗng khàn đi. “Tất cả. Và lần này đừng có nói dối nữa.”

Tâm trí anh bỗng nhớ lại lời đồn đại mà Espen Lepsvik đã kể, về những sở thích của vợ chồng Katrine. Nhảm nhí, nhớ lại cái gì chứ, ý nghĩ đó vốn đã ngự trị ở ngay vỏ não anh suốt thời gian qua thì có. Anh hít một hơi. “Được rồi, Katrine. Tôi là người đàn ông đơn giản có nhu cầu đơn giản.”

Cô ngả đầu ra sau giống như một sinh vật chuẩn bị chứng tỏ sự quy phục. Anh giơ chiếc ly của mình lên. “Tôi muốn uống rượu.”

Katrine đổ người về phía Harry khi một đồng nghiệp vấp chân đẩy cô từ sau. Harry vội đưa tay kia đỡ lấy phần thân bên trái của cô, nhờ thế cô mới không ngã. Mặt cô nhăn lại vì đau.

“Xin lỗi,” anh nói. “Bị thương à?”

Cô ôm lấy mạng sườn. “Do đấu kiếm ấy mà. Không có gì đâu. Xin lỗi nhé.”

Cô quay lưng lại với anh và xăm xăm đi qua chỗ các đồng nghiệp. Anh thấy vài gã đưa mắt nhìn theo cô. Cô vào nhà vệ sinh. Harry nhìn quanh phòng một lượt và thấy Lepsvik quay đi khi ánh mắt hai người giao nhau. Anh không thể ở lại đây thêm nữa. Thiếu gì chỗ khác để anh và Jim tâm sự. Anh trả tiền và chuẩn bị ra về. Dưới đáy ly vẫn còn sót lại chút rượu. Có điều Lepsvik và hai đồng nghiệp đang quan sát anh từ bên kia quán bar. Anh chỉ cần kiềm chế một chút thôi. Harry muốn bước đi lảo đảo, nhưng hai chân anh đã dính chặt xuống sàn như bị đóng đinh. Anh cầm lấy ly rượu, đưa lên miệng và uống cạn.

Không khí lạnh lẽo ban đêm ve vuốt làn da nóng bỏng quả là một cảm giác tuyệt diệu. Anh thật muốn ôm lấy thành phố này mà hôn.

Khi về đến nhà Harry định *tự sướng* ở bồn rửa, thế nhưng anh lại nôn thốc nôn tháo rồi sau đó ngược nhìn cuốn lịch đóng đinh treo bên dưới tủ bếp. Rakel đã tặng nó cho anh hồi Giáng sinh cách đây mấy năm. Trên lịch có ảnh của ba người họ. Mỗi tháng một bức. Tháng Mười một. Rakel và Oleg đang cười với anh trên nền vàng của lá thu và sắc xanh nhạt của bầu trời. Chiếc váy Rakel đang mặc cũng có màu thanh thiên nhạt điểm những bông hoa trắng nhỏ. Đó là lần đầu tiên cô mặc chiếc váy ấy. Và anh quyết định đêm nay anh sẽ mơ mình hóa thành bầu trời. Rồi anh mở tủ bên dưới bàn bếp, gạt đi những vỏ chai Coke rỗng khiến chúng đổ loảng xoảng, và kia, ở phía trong cùng, là nó.

Chai Jim Beam vẫn còn nguyên. Harry chưa bao giờ mạo hiểm đến mức không thủ sẵn rượu ở nhà, ngay cả những lúc anh tỉnh táo nhất đi chẳng nữa. Vì anh biết mình dám làm những gì để có được nó một khi cơn nghiện trỗi dậy. Anh vuốt cái nhãn trên chai như muốn trì hoãn điều tất yếu. Rồi anh mở nút. Bao nhiêu thì đủ đây? Bên trong ống tiêm Vetlesen đã dùng vẫn còn sót lại một lớp chất độc màu đỏ, chứng tỏ nó được bơm đầy ống. Sắc đỏ hết như yên chi vậy. Yên chi yêu dấu của anh.

Anh hít một hơi và đưa chai lên. Kề vào miệng, cảm thấy toàn thân căng ra, chuẩn bị đón nhận cơn sốc. Rồi anh uống. Uống một cách tham lam và tuyệt vọng như muốn nhanh chóng kết thúc cho xong. Những tiếng ừng ực vang lên nghe như tiếng nước nở nghẹn ngào.

ngày thứ mười bốn

TIN TỐT

Gunnar Hagen vội vã rảo bước trên hành lang.

Hôm nay là thứ Hai và bốn ngày đã trôi qua kể từ khi chuyên án Người Tuyết được phá. Lẽ ra đó phải là bốn ngày vui mới đúng. Thực sự thì cũng vui thật, có chúc mừng đủ kiểu, các sếp tươi như hoa, báo chí phản hồi tích cực, thậm chí mấy tờ báo nước ngoài còn xin phép được đăng tải lại toàn bộ câu chuyện cùng quá trình điều tra chuyên án từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc. Ấy thế nhưng vấn đề cũng từ đó mà ra: người có thể cung cấp cho Hagen những tình tiết cụ thể của câu chuyện thành công này lại vắng mặt. Suốt bốn ngày qua không một ai trông thấy hay nghe thấy tin tức gì của Harry Hole. Lý do thì đã rõ như ban ngày. Các đồng nghiệp chứng kiến anh ta uống rượu ở bar Fenris. Chuyện này Hagen giữ kín, nhưng tin đồn vẫn đến tai giám đốc Sở. Vậy là sáng nay Hagen bị triệu đến phòng sếp.

“Không thể cứ tiếp tục như thế này được đâu, Gunnar.”

Gunnar Hagen phân trần rằng biết đâu còn có lý do nào đó khác. Harry không mấy khi thông báo trước mình sẽ vắng mặt để giải quyết công việc ở bên ngoài. Chuyên án Người tuyết vẫn còn nhiều vấn đề cần điều tra thêm chứ không phải tìm ra hung thủ là đã xong.

Nhưng ý giám đốc Sở đã quyết. “Gunnar, tay Hole này thực sự đã dòn chúng ta đến đường cùng rồi.”

“Cậu ta là thanh tra giỏi nhất chúng ta có, Torleif ạ.”

“Và cũng là hình mẫu tồi tệ nhất của ngành. Anh có muốn đem hình mẫu đó ra làm tấm gương cho các sĩ quan trẻ noi theo không, Gunnar? Cậu ta là bọm rượu. Người trong nội bộ đều biết cậu ta uống ở Fenris và từ hôm ấy đến nay không thèm vác mặt đến làm. Nếu cứ dung túng cho việc đó thì chúng ta đang tự hạ thấp chuẩn mực của mình và hậu quả sẽ khó có thể cứu vãn được.”

“Nhưng sa thải ư? Chẳng lẽ không thể...”

“Không cảnh cáo gì nữa. Quy định đối với công chức và lạm dụng rượu bia đã quá rõ ràng rồi.”

Cuộc đối thoại trên vẫn còn văng vẳng trong tâm trí của vị POB khi ông tới gõ cửa văn phòng giám đốc Sở một lần nữa.

“Có tung tích của cậu ta rồi,” Hagen nói.

“Ai?”

“Hole. Li vừa gọi điện cho tôi báo rằng cậu ta trông thấy Hole đi vào phòng làm việc riêng và đóng cửa lại.”

“Được,” giám đốc Sở nói và đứng dậy. “Vậy thì đến gặp nói chuyện với cậu ta ngay thôi.”

Hai người xăm xăm đi qua phân khu của Đội Hình sự, gọi là khu vực cấm, nằm trên tầng sáu của Sở Cảnh sát. Các sĩ quan khác dường như cũng đánh hơi thấy có biến nên kéo nhau ra cửa, thò đầu ra nhìn hai vị sếp sóng bước bên nhau, mặt mũi hết sức *hình sự*.

Khi tới trước cửa phòng 616, họ dừng lại. Hagen hít một hơi dài.

“Torleif...” ông ta nói, nhưng giám đốc Sở đã chộp lấy tay nắm cửa và đẩy mạnh.

Họ đứng sững ra đó, mắt tròn xoe, không dám tin vào những gì mình chứng kiến.

“Lạy Chúa tôi,” giám đốc Sở khẽ thốt lên.

Harry Hole, mặc áo phông, ngồi sau bàn làm việc với một sợi dây chun buộc chặt ở cẳng tay, đầu gục xuống. Một ống tiêm cắm vào phần da thịt ngay bên dưới sợi dây. Dung dịch trong ống tiêm là loại không màu, dù đứng ở ngưỡng cửa, hai vị sếp vẫn thấy rõ mấy đốm đỏ ở chỗ cây kim chọc vào làn da trắng sữa trên cánh tay.

“Cậu đang làm cái quái quỷ gì thế hả?” Giám đốc Sở rít lên, đẩy Hagen vào trước rồi đóng sầm cửa lại.

Đầu Harry từ từ ngẩng lên, nhìn họ bằng ánh mắt như thể đang phiêu diêu ở tận đâu đâu. Hagen nhận thấy Harry đang cầm cái đồng hồ bấm giờ. Bất thành linh Harry giật phắt ống tiêm ra, nhìn phần dung dịch còn lại rồi ném ống tiêm đi và hí hoáy viết vào một mảnh giấy.

“Thế... thế này lại càng đơn giản, Hole ạ,” giám đốc Sở lắp bắp. “Vì chúng tôi có tin xấu cho cậu đây.”

“Tôi có tin xấu mới đúng, thưa các sếp,” Harry nói, xé một miếng bông y tế đựng trong túi và dậm nhẹ lên cánh tay. “Idar Vetlesen không thể tự sát được. Và chắc các sếp hiểu điều đó nghĩa là gì chứ?”

Gunnar Hagen cảm thấy thôi thúc muốn phá lên cười. Tình cảnh trước mắt quá sức hoang đường khiến não bộ của ông ta không thể đưa ra được phản ứng tương thích nào khác. Và nhìn về mặt giám đốc Sở ông ta thấy rằng ngài cũng không biết phải xử lý thế nào.

Harry nhìn đồng hồ đeo tay rồi đứng dậy. “Đúng một tiếng nữa mời các sếp đến phòng họp. Khi đó các sếp sẽ hiểu,” anh nói. “Còn bây giờ, tôi có vài việc cần phải giải quyết đã.”

Anh chàng điều tra viên lạnh lẽo lách qua hai vị sếp vẫn còn đang bàng hoàng, mở cửa rồi rải những bước dài khỏe khoắn và mất hút trên hành lang.

Một giờ bốn phút sau Gunnar Hagen, giám đốc Sở và cảnh sát trưởng cùng kéo nhau vào phòng họp K1 đang hết sức trật tự. Căn phòng chật cứng các sĩ quan trong hai tổ điều tra của Lepsvik và Hole, tiếng nói duy nhất vang lên là của Harry Hole. Họ tìm chỗ đứng ở phía sau. Những bức ảnh chụp Idar Vetlesen được chiếu lên màn hình cho thấy tư thế của anh ta khi được phát hiện trong phòng chơi bi đá.

“Như các vị thấy đây, Vetlesen cầm ống tiêm bằng tay phải,” Harry Hole nói. “Điều đó không có gì khác thường vì anh ta thuận tay phải. Nhưng đôi bốt của nạn nhân mới là điều khiến tôi chú ý. Nhìn đây.”

Bức ảnh chụp cận cảnh đôi bốt được đưa lên.

“Đôi bốt này là chứng cứ pháp y xác thực duy nhất chúng ta có. Nhưng như vậy cũng đủ rồi. Bởi lẽ dấu bốt trùng với dấu vết chúng ta tìm thấy trên tuyết ở Sollihøgda. Tuy nhiên, nhìn sợi dây buộc.” Hole chỉ lên ảnh. “Hôm qua tôi đã tự làm thí nghiệm với đôi bốt của mình. Để thắt được nút như thế kia, tôi sẽ phải thắt theo chiều từ sau ra trước. Giống như người thuận tay trái vậy. Hoặc có một cách khác là để đôi bốt trước mặt rồi thắt, như khi ta thắt cho người khác.”

Bầu không khí bất an bỗng lan tỏa khắp phòng.

“Tôi thuận tay phải.” Espen Lepsvik lên tiếng. “Nhưng cũng thắt dây kiểu đó đấy thôi.”

“Ừm, đây cũng có thể chỉ là trường hợp dị biệt. Tuy nhiên, chính những chi tiết như thế này đã gợi lên một...” trông Hole giống như đang ướm thử trước khi chọn từ để nói “... mỗi hoài nghi. Mỗi hoài nghi đó buộc ta phải đặt ra những câu hỏi khác. Đây có thật là bột của Vetlesen hay không? Đôi bột này là loại rẻ tiền. Hôm qua tôi đã đến gặp mẹ Vetlesen và xin phép xem qua tủ giày của anh ta. Tất cả đều là hàng cao cấp, tuyệt đối không có ngoại lệ. Và đúng như tôi đã nghĩ, anh ta cũng giống như bao người khác, đôi lúc cứ thế hất giày ra mà không cởi dây trước. Chính vì thế tôi dám khẳng định,” Hole giáng mạnh chiếc que chỉ lên bức ảnh trên màn hình, “Idar Vetlesen không thắt dây giày theo kiểu này.”

Hagen liếc xéo giám đốc Sở và thấy vàng trán ông ta nhăn tít lại.

“Vậy thì câu hỏi đặt ra là,” Hole nói, “phải chăng có người đã xỏ đôi bột đó vào cho Vetlesen. Cũng chính là đôi bột mà nhân vật bí ẩn ở Sollihøgda đã đi. Động cơ thì hiển nhiên rồi, để dàn dựng khiến chúng ta cho rằng Vetlesen chính là Người Tuyết.”

“Chỉ dựa vào sợi dây và đôi bột rẻ tiền thôi sao?” Một điều tra viên trong đội của Lepsvik kêu lên. “Chúng ta đã tóm được một gã bệnh hoạn có sở thích ấu dâm, kẻ quen biết cả hai nạn nhân ở Oslo, hơn nữa lại chứng minh được hẳn có mặt ở hiện trường. Tất cả những gì anh có chỉ là suy đoán.”

Anh chàng cảnh sát cao ngều gật gù mái đầu húi cua. “Những điều anh nói đều đúng, trong một chừng mực nhất định. Nhưng giờ là lúc tôi đưa ra chứng cứ xác thực. Nhìn bề ngoài, Idar Vetlesen đã tự sát bằng cách dùng ống tiêm với đầu kim cực mảnh để tiêm carnadrioxide vào ven. Theo báo cáo khám nghiệm tử thi, hàm lượng carnadrioxide lớn đến nỗi anh ta chắc chắn đã tiêm hai mươi mililit vào cánh tay. Chừng đó cộng với dư lượng còn lại trong ống cho thấy ban đầu ống tiêm được bơm đầy thuốc. Carnadrioxide, như chúng ta đã biết, là chất gây tê liệt, chỉ một liều rất nhỏ cũng đủ làm chết người do tim và các cơ quan hô hấp lập tức ngừng hoạt động. Chuyên gia pháp y cho biết, cùng lắm chỉ mất ba giây để một người trưởng thành tử vong sau khi tiêm một

liều như thế vào ven, giống như trường hợp của Idar Vetlesen. Mà điều này là hoàn toàn vô lý.”

Hole vung vẩy một mảnh giấy mà Hagen trông thấy trên đó có vài con số được viết bằng bút chì.

“Tôi đã tự làm thí nghiệm trên chính cơ thể mình với cùng một loại ống tiêm và kim tiêm mà Vetlesen dùng. Tôi tiêm dung dịch nước muối có nồng độ tương ứng với carnadrioxide, nghĩa là trong thành phần có ít nhất chín mươi lăm phần trăm là nước. Sau đó tôi theo dõi các chỉ số. Cây kim mảnh đó cho thấy dù có bơm mạnh đến đâu đi nữa thì cũng không thể tiêm hai mươi mililit vào cơ thể trong vòng chưa đầy tám giây. Chính vì thế...” Vị thanh tra chờ cho đến khi mọi người đều đã hiểu ra kết luận không thể chối cãi rồi mới nói tiếp. “Vetlesen chắc chắn đã tê liệt trước khi tiêm được một phần ba ống. Nói tóm lại, anh ta không thể tiêm hết lượng dung dịch đó được. Nếu như không có người giúp.”

Hagen nuốt khan. Ngày hôm nay rồi sẽ còn tồi tệ hơn cả dự liệu của ông ta cho xem.

Khi cuộc họp kết thúc, Hagen trông thấy cảnh sát trưởng thì thầm gì đó vào tai giám đốc Sở, sau đó giám đốc Sở nghiêng người sang nói với Hagen.

“Gọi toàn đội của Hole đến văn phòng tôi ngay lập tức. Và rọ mõm Lepsvik cùng bè lũ của cậu ta vào. *Cấm* hớ ra câu nào với bên ngoài đấy. Hiểu chưa?”

Hagen hiểu. Năm phút sau, tất cả có mặt trong phòng làm việc rộng rãi nhưng buồn tẻ của giám đốc Sở.

Katrine Bratt đóng cửa lại và là người ngồi xuống sau cùng. Harry Hole đã chui vào ghế, đôi chân duỗi dài đặt ngay trước bàn của giám đốc Sở.

“Tôi nói ngắn thôi,” giám đốc Sở nói, đưa tay vuốt mặt như thể muốn xóa đi hình ảnh trước mắt: tổ điều tra án mạng lại bắt đầu từ con số không. “Cậu có tin tốt lành nào không hả Hole? Để xoa dịu thực tế đáng lòng là trong thời gian cậu vắng mặt một cách bí hiểm, chúng tôi đã kịp tuyên bố với báo chí rằng Người tuyết đã chết, nguyên nhân là nhờ nỗ lực không mệt mỏi của cơ quan điều tra?”

“Ừm, chúng ta có thể giả sử Idar Vetlesen biết được điều gì đó không nên biết, và hung thủ phát hiện ra chúng ta đang truy lùng hắn nên quyết định loại

bỏ nguy cơ có thể khiến hãn lộ tẩy. Nếu sự thực đúng là như vậy thì việc Vetlesen chết do nỗ lực không mệt mỏi của cơ quan điều tra cũng đâu có sai.”

Hai má giám đốc Sở đồ hồng lên vì căng thẳng. “Đó không phải tin tốt mà tôi muốn nói, Hole ạ.”

“Không, tin tốt ở đây là chúng ta đang tới gần hơn với đáp án rồi. Nếu không, Người Tuyết đã chẳng mất công dàn dựng đến thế để khiến nhìn bề ngoài có vẻ như Vetlesen là kẻ ta cần tìm. Hãn muốn chúng ta chấm dứt cuộc điều tra và tin rằng chuyên án đã khép lại. Nói tóm lại, hãn đang lâm vào thế bí. Và đó chính là lúc những tên sát nhân như Người Tuyết bắt đầu phạm sai lầm. Hơn nữa, điều đó cũng cho thấy hãn không dám tiếp tục cuộc tàn sát nữa.”

Giám đốc Sở hít một hơi qua kẽ răng và ngẫm nghĩ. “Vậy ra đó là những gì cậu nghĩ à, Hole? Hay cậu chỉ hy vọng mọi chuyện sẽ như thế?”

“À thì,” Harry Hole đáp, gãi gãi đầu gối qua vết rách trên quần jean, “chẳng phải sắp bảo muốn nghe tin tốt hay sao.”

Hagen rên lên. Ông ta nhìn ra cửa sổ. Mây đã kéo về. Dự báo sẽ có tuyết rơi. Filip Becker cúi nhìn Jonas đang ngồi trên sàn phòng khách, hai mắt dán vào màn hình ti vi. Kể từ ngày Birte được báo mất tích chiều nào thằng bé cũng ngồi như thế này hàng giờ liền. Như thế ở đó có ô cửa sổ mở ra một thế giới khác tốt đẹp hơn. Thế giới mà ở đó nó có thể tìm được mẹ nếu chịu khó nhìn thật kỹ.

“Jonas.”

Thằng bé ngoan ngoãn ngược lên nhìn ông ta nhưng chẳng có vẻ để tâm. Mặt nó đỏ ra vì kinh sợ khi trông thấy con dao.

“Bố định cắt con ạ?” nó hỏi.

Vẻ mặt và giọng nói cao vút của nó ngộ nghĩnh đến nỗi Filip Becker suýt nữa phá lên cười. Ánh sáng tỏa ra từ ngọn đèn ở bàn trà lóe lên trên lưỡi dao thép. Ông ta mua con dao này tại cửa hàng đồ gia dụng trong trung tâm thương mại Storo. Ngay sau khi gọi điện cho Idar Vetlesen.

“Chỉ một chút xíu thôi, Jonas. Chút xíu thôi.”

Và thế là ông ta rạch một đường.

ngày thứ mười lăm

CẢNH QUAN

Lúc hai giờ chiều, Camilla Lossius lái xe từ phòng gym về nhà. Như thường lệ, cô phải đi cả một quãng đường từ bên kia thành phố sang khu Tây Oslo để đến với trung tâm thể hình Colosseum. Lý do không phải bởi thiết bị tập ở đây khác với thiết bị của phòng gym gần nhà cô ở Tveita, mà vì những học viên tại Colosseum có nhiều điểm chung với cô hơn. Họ đều là dân ở khu Tây. Chuyển đến sống ở Tveita là một điều kiện trong thỏa thuận giữa cô và Erik trước khi kết hôn. Hồi ấy cô đành coi như hy sinh vì lợi ích tổng thể. Cô quành xe vào con phố nơi mình sống. Cô trông thấy ánh đèn hắt ra từ cửa sổ nhà hàng xóm cô từng chào xã giao, chứ chưa bao giờ thực sự nói chuyện. Họ hợp với Erik hơn. Cô đạp thắng. Tại Tveita, ở phố này không ít gia đình có gara đôi, nhưng gara với cửa khóa điện thì chỉ nhà cô mới có. Erik như bị ám ảnh những thứ như thế, còn cô thì đếch bận tâm. Cô bấm điều khiển từ xa, cánh cửa lật nghiêng và từ từ nâng lên, cô nhấn bàn đạp khớp ly hợp và đánh xe vào. Đúng như cô nghĩ, xe của Erik không có trong gara; chồng cô vẫn đang ở chỗ làm. Cô nhào người sang ghế phụ, cầm lấy chiếc túi đựng đồ tập gym và túi thức ăn mua ở siêu thị ICA, liếc mình qua gương chiếu hậu một cái theo thói quen rồi ra khỏi xe. Các bạn cô vẫn khen cô đẹp. Họ nói cô chưa đầy ba mươi tuổi mà đã có nhà riêng, hai xe hơi và nhà nghỉ ở ngoại thành thành phố Nice. Họ còn hỏi cuộc sống ở [khu Đông](#) ra sao, tình hình cha mẹ cô thế nào sau vụ phá sản. Thật lạ khi trong đầu họ cứ tự chấp nối hai câu hỏi đó với nhau.

Tây Oslo và Đông Oslo là hai khu vực có sự phân biệt giàu nghèo rất rõ. Khu Tây có điều kiện sống tốt hơn hẳn so với khu Đông và cũng là nơi ở của giới nhà giàu ở Oslo.

Camilla soi mình vào gương lần nữa. Họ nói đúng. Cô đẹp thật. Hình như cô vừa nhác thấy gì đó, một chuyển động thoáng qua ở rìa tấm gương. Không phải, chỉ là cánh cửa lật về chỗ cũ mà thôi. Cô ra khỏi xe, đang lục tìm chùm chìa khóa nhà thì nhận ra mình để quên chiếc di động ở đế cắm điện thoại trong xe.

Camilla quay lại và kêu lên một tiếng.

Người đàn ông đó đang đứng phía sau cô. Kinh hãi, cô lùi lại một tay che miệng. Cô định mỉm cười xin lỗi ông ta, không phải vì cô có lỗi mà vì ông ta có vẻ hết sức vô hại. Nhưng rồi cô trông thấy khẩu súng trong tay ông ta. Họng súng chĩa về phía cô. Ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu cô là trông nó cứ như súng đồ chơi vậy.

“Tôi là Filip Becker,” ông ta nói. “Tôi đã gọi điện. Nhưng không có ai ở nhà.”

“Ông muốn gì?” cô hỏi, cố gắng kiềm chế sự run rẩy trong giọng nói vì bản năng mách bảo cô đừng để lộ nỗi sợ hãi của mình. “Có chuyện gì cần nói sao?”

Người đàn ông cười khẩy một cái. “Chuyện gian dân.”

Trong im lặng, Harry quan sát Hagen, người đột ngột chen ngang cuộc họp của tổ điều tra trong văn phòng Harry để truyền đạt lại lệnh của giám đốc Sở, rằng *giả thuyết* về vụ sát hại Vetlesen không được phép tiết lộ ra bên ngoài trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ngay cả với đối tượng đầu gối tay ấp như vợ chồng hoặc người yêu. Cuối cùng, ánh mắt Hagen hướng về phía Harry.

“Ừm, những gì tôi cần nói chỉ có vậy thôi,” ông ta kết một câu thật nhanh rồi rời đi.

“Tiếp đi,” Harry bảo Bjørn Holm, người đang tóm tắt lại những chứng cứ thu thập được tại hiện trường trong phòng chơi bi đá. Hay chính xác hơn là những hạn chế trong việc thu thập chứng cứ.

“Chúng ta mới bắt đầu điều tra thì vụ việc đã được kết luận là tự sát. Trước đó không tìm được chứng cứ pháp y nào còn bây giờ hiện trường đã bị vấy bẩn. Sáng nay tôi đã đến đó, e rằng chẳng có gì nhiều để xem xét nữa.”

“Ừm,” Harry nói. “Katrine?”

Katrine cúi xuống sổ tay. “Vâng, giả thuyết anh đặt ra là Vetlesen và hung thủ gặp nhau ở câu lạc bộ bi đá, và việc đó chắc chắn đã được dàn xếp trước. Từ đó rút ra kết luận hiển nhiên là sổ của người gọi sẽ được lưu trong danh sách. Anh đã yêu cầu tôi kiểm tra lịch sử đàm thoại.”

“Phải,” Harry đáp, cố ghìm cái ngáp dài.

Cô lật qua các trang. “Tôi đã lấy được danh sách cuộc gọi qua điện thoại cố định và di động của Vetlesen từ Telenor, sau đó mang tới nhà của Borghild.”

“Nhà á?” Skarre hỏi.

“Tất nhiên, giờ bà ta mất việc rồi còn đâu. Bà ta nói với tôi rằng trong hai ngày trước khi chết, Idar Vetlesen không tiếp vị khách nào ngoại trừ các bệnh nhân. Đây là danh sách những người đó.”

Cô rút một tờ giấy trong tập tài liệu ra và đặt lên chiếc bàn giữa bọn họ.

“Đúng như tôi dự đoán, Borghild biết rất nhiều về những mối quan hệ của Vetlesen trong công việc và ngoài xã hội. Bà ta giúp tôi xác định gần như tất cả những người có trong lịch sử cuộc gọi. Chúng tôi chia họ thành hai nhóm: quan hệ công việc và quan hệ xã hội. Cả hai nhóm đều bao gồm số máy, ngày giờ gọi, gọi đến hay gọi đi, thời gian đàm thoại.”

Ba người còn lại chụm đầu vào đọc bản danh sách. Katrine khẽ chạm vào tay Harry. Anh không thấy cô có vẻ ngượng ngùng. Có lẽ tất cả chỉ là mơ, lời đề nghị cô đã nói lúc ở quán bar Fenris. Chỉ có điều, một khi đã say thì anh chẳng bao giờ nằm mơ. Mục đích của việc uống rượu chính là ở chỗ ấy. Dù sao đi nữa, hôm sau anh thức dậy với một ý tưởng chắc hẳn đã hoài thai đâu đó từ lúc uống cạn một hơi cả chai whiskey cho đến giây phút khắc nghiệt khi anh thức tỉnh. Ý tưởng về yên chi và chiếc ống tiêm đựng đầy thuốc mà Vetlesen đã dùng. Cũng chính nó đã cứu anh khỏi lao ngay đến cửa hàng rượu trên phố Thereses, thay vào đó, nó hồi thúc anh quay lại với công việc. Vậy là cơn nghiện này lại thế chỗ cho cơn nghiện khác.

“Số này của ai vậy?” Harry hỏi.

“Số nào?” Katrine nói, nhòai người tới trước.

Harry chỉ vào một số điện thoại nằm trong nhóm quan hệ xã hội.

“Điều gì khiến anh đặc biệt chú ý đến số máy đó?” Katrine hỏi, ngược nhìn anh với vẻ tò mò.

“Vì nó là số gọi đến chứ không phải gọi đi. Chúng ta cần suy nghĩ theo chiều hướng hung thủ là kẻ lên kế hoạch dàn dựng, vì thế hẳn mới chủ động gọi điện.”

Katrine đối chiếu số máy với danh sách tên. “Rất tiếc, người này thuộc cả hai nhóm, vừa là bạn vừa là bệnh nhân.”

“Thôi được rồi, nhưng dù sao cũng phải bắt đầu từ đâu đó chứ. Người này là ai? Đàn ông hay đàn bà?”

Katrine toét miệng cười châm chọc. “Chắc chắn là đàn ông.”

“Ý cô là sao?”

“Là phái mạnh. Theo nghĩa đực rựa. Arve Støp.”

“Arve Støp?” Holm kêu lên. “Ngài Arve Støp á?”

“Cho ông ta lên đầu danh sách thăm hỏi,” Harry nói.

Sau khi xem xong, cả nhóm rút ra được danh sách bảy cuộc gọi cần điều tra. Gần như tất cả các số đều có tên người gọi tương ứng, chỉ trừ một số điện thoại công cộng ở trung tâm thương mại Storo gọi vào buổi sáng hôm Idar bị giết.

“Chúng ta có thời gian liên lạc cụ thể rồi,” Harry nói. “Bất điện thoại đó có camera giám sát không nhỉ?”

“E rằng không đâu,” Skarre nói. “Nhưng tôi biết ở mỗi cổng vào đều lắp camera. Tôi có thể hỏi công ty dịch vụ an ninh xem họ có băng ghi hình không.”

“Kiểm tra tất cả những khuôn mặt xuất hiện trong vòng nửa tiếng trước và sau thời điểm gọi điện,” Harry nói.

“Thế thì mất công quá,” Skarre đáp.

“Đoán xem nên cầu cứu ai đây,” Harry nói.

“Beate Lønn,” Holm trả lời.

“Chính xác. Gọi đi nhé.”

Holm gật đầu, và Harry cảm thấy lương tâm cắn rứt. Điện thoại của Skarre bỗng réo vang, nhạc chuông là giai điệu *There She Goes* của nhóm La.

Cả nhóm quan sát trong lúc Skarre nghe máy. Harry trầm ngâm nghĩ đến việc anh đã trì hoãn gọi điện cho Beate bao lâu nay. Kể từ sau lần đến thăm khi cô sinh con hồi hè, anh không gặp cô lần nào nữa. Anh biết cô không trách anh vì chuyện Jack Halvorsen hy sinh khi làm nhiệm vụ. Nhưng thực sự anh khó cầm lòng nổi khi nhìn con của Beate và Halvorsen, đứa con mà cậu sĩ quan trẻ

tuổi không bao giờ có cơ hội được gặp, và từ trong thâm tâm anh biết rằng Beate đã lâm. Anh đã có thể và đáng lẽ ra phải cứu được Halvorsen.

Skarre cúp máy.

“Một người chồng ở Tveita gọi điện báo vợ mình mất tích. Camilla Lossius, hai mươi chín tuổi, chưa có con. Vụ việc tuy mới xảy ra cách đây ít giờ, nhưng có một số chi tiết đáng lo ngại. Trên bàn bếp có túi đựng đồ siêu thị, thức ăn chưa được cất vào tủ lạnh. Điện thoại di động bị bỏ lại trong ô tô, theo lời ông chồng thì cô ta không bao giờ đi đâu mà không cầm theo điện thoại. Và có người hàng xóm nói với anh ta rằng bà ta trông thấy một gã đàn ông lảng vảng trong sân và trước cổng gara nhà anh ta như thể đang đợi ai đó. Người chồng không rõ trong nhà có mất gì không, chẳng hạn như đồ dùng vệ sinh cá nhân hoặc va li. Họ là tuýp người sở hữu cả căn biệt thự ở ngoại thành thành phố Nice và lắm tài sản đến nỗi có mất thứ gì cũng chẳng biết. Mọi người hiểu ý tôi chứ?”

“Ừm,” Harry đáp. “Đơn vị Tìm kiếm Người Mất tích nói sao?”

“Họ bảo rồi cô ta sẽ về. Họ gọi để cập nhật tình hình cho chúng ta thôi.”

“Được,” Harry nói. “Vậy ta họp tiếp.”

Từ lúc đó cho đến khi buổi họp kết thúc, chẳng ai nhắc đến vụ báo cáo mất tích nữa. Thế nhưng Harry cảm thấy nó vẫn còn vương vấn đâu đây, giống như tiếng sấm ì ầm ở đằng xa mà chẳng biết có lan đến gần hay không. Sau khi phân công nhau điều tra những cái tên có trong danh sách, mọi người rời văn phòng của Harry.

Harry quay lại cửa sổ và nhìn xuống công viên bên dưới. Trời cứ ngày một tối sớm; ngày trôi đi gần như có thể chạm thấy được. Anh nghĩ đến mẹ của Idar Vetlesen khi anh kể với bà ta về việc Vetlesen giúp khám bệnh miễn phí cho những cô gái bán hoa người da đen vào các tối. Và đó là lần đầu tiên bà ta trút bỏ lớp mặt nạ - không phải trong đau đớn mà trong giận dữ - gào thét rằng tất cả đều là dối trá, không thể có chuyện con trai bà ta thăm khám cho lũ điểm mọi đen. Giả như lúc ấy anh nói dối thì có lẽ tốt hơn. Harry nhớ đến điều anh nói với giám đốc Sở ngày hôm trước, rằng cuộc tàn sát đâm máu tạm thời đã dừng lại. Trong bóng tối đang dần buông, anh chỉ lơ mơ trông thấy thứ ở bên dưới ô cửa sổ nơi anh đứng. Trẻ con mẫu giáo vẫn thường chơi ở đây, nhất là

khi có tuyết rơi, như đêm qua chẳng hạn. Ít nhất thì anh đã nghĩ thế lúc trông thấy nó trên đường tới Sở vào sáng nay. Một người tuyết lớn màu trắng xám.

Nằm phía trên tòa soạn tạp chí *Liberal* ở khu Aker Brygge, tại tầng thượng trông ra vịnh Oslo, pháo đài Akershus và làng Nesoddtangen, tọa lạc căn hộ rộng 230 mét vuông có giá vào loại đắt đỏ nhất Oslo. Chủ nhân căn hộ chính là ông chủ và tổng biên tập của *Liberal*, Arve Støp. Hay gọi đơn giản là Arve như tấm biển gắn trên cánh cửa Harry vừa bấm chuông cho biết. Cầu thang và chiếu nghỉ được bài trí theo phong cách tối giản, nhấn mạnh công năng, nhưng hai bên cửa ra vào bằng gỗ sồi lại đặt hai chiếc bình gốm được vẽ thủ công. Harry chợt phát hiện mình đang nhầm tính xem nếu cuồn một cái đem bán sẽ thu về được bao nhiêu.

Anh nhấn chuông một lần, đợi mãi rồi cũng nghe thấy tiếng nói trong phòng. Một giọng riu rít vui tươi, giọng kia lại trầm và điềm tĩnh. Cửa mở và tiếng cười lạnh lạnh của phụ nữ vọng ra. Cô ta đội mũ lông trắng, Harry đoán là lông nhân tạo, sợi tóc vàng óng đổ dài bên dưới chiếc mũ.

“Em mong lắm đấy nhé!” cô ta nói, quay người bước đi và lúc đó mới trông thấy Harry.

“Xin chào,” cô ta nói bằng giọng xã giao, rồi khi nhận ra Harry, cô ta thay bằng câu chào niềm nở, “Ô, chào anh!”

“Chào cô,” Harry đáp.

“Anh khỏe chứ?” cô ta hỏi, và Harry thấy rằng cô ta vừa mới nhớ lại cuộc nói chuyện gần đây nhất giữa họ. Cuộc nói chuyện kết thúc với bức tường đen sì ở khách sạn Leon.

“Vậy ra anh và Oda quen nhau à?” Arve Støp đứng trên hành lang khoanh tay trước ngực. Ông ta đi chân trần, mặc áo phông có logo Louis Vuitton khó thấy, cùng với quần vải dũi màu xanh lá mà bất cứ gã đàn ông nào khác mặc vào trông cũng sẽ nữ tính phải biết. Được cái Arve Støp cao lớn gần bằng Harry, lại sở hữu khuôn mặt đáng mơ ước của một ứng cử viên tổng thống Mỹ: chiếc cằm cương nghị, cặp mắt xanh dương trẻ trung với những nếp nhăn nơi khóe miệng và mái tóc muối tiêu dày dặn.

“Chúng tôi chỉ chào hỏi thôi,” Harry nói. “Tôi từng tham gia chương trình đối thoại của họ một lần.”

“Tôi phải đi đây, các anh,” Oda nói, vừa đi vừa gửi những cái hôn gió. Tiếng chân trên cầu thang nghe cứ như thể cô ta đang chạy để thoát thân.

“Phải, tôi gặp cũng vì cái buổi trò chuyện chết tiệt đó đây,” Støp nói, ra hiệu mời Harry vào và bắt tay anh. “E rằng sở thích phô trương của tôi đang tuột dốc thảm hại. Lần này thậm chí chưa hỏi chương trình nói về chủ đề gì mà tôi đã đồng ý tham gia. Oda đến đây để khai thác thông tin. Anh trải qua rồi nên chắc cũng biết cách họ làm việc.”

“Trong trường hợp của tôi, họ chỉ gọi điện thôi,” Harry đáp, vẫn còn cảm thấy hơi ẩm từ bàn tay của Støp trên da mình.

“Anh có vẻ rất nghiêm trọng khi nói chuyện trên điện thoại, Hole ạ. Liệu một tay nhà báo đáng thương như tôi thì giúp gì được cho các anh?”

“Chuyện là về vị bác sĩ và bạn cùng chơi bi đá của ông, Idar Vetlesen.”

“A ha! Vetlesen. Phải rồi. Ta vào thôi nhỉ?”

Harry cởi bỏ đôi boots và theo Støp bước trên hành lang để tới phòng khách nằm thấp hơn hai bậc so với phần còn lại của căn hộ. Anh chỉ cần nhìn qua cũng đủ biết Idar lấy cảm hứng trang hoàng cho sảnh chờ ở phòng mạch của mình từ đâu. Ngoài cửa sổ ánh trắng tỏa sáng lấp lánh lên vịnh.

“Theo tôi hiểu thì các anh đang tiến hành điều tra kiểu *priori*?” Støp nói, chọn món đồ nội thất nhỏ nhất phòng - một chiếc ghế nhựa đúc nguyên khối - và thả mình xuống đó.

“Sao cơ?” Harry hỏi, ngồi xuống sofa.

“Các anh đi từ kết luận và điều tra ngược về đầu để tìm hiểu xem chuyện xảy ra như thế nào.”

“*Priori* nghĩa là thế à?”

“Biết chết liền, chỉ là tôi thích nghe tiếng Latinh nên nói thôi.”

“Ừm. Vậy ông nghĩ sao về kết luận chúng tôi đưa ra? Ông có tin không?”

“Tôi á?” Støp phá lên cười. “Tôi chẳng tin bất cứ thứ gì hết. Nhưng tất nhiên, nghề của tôi là phải như thế. Ngay khi xuất hiện điều gì đó mang dáng dấp của sự thật không thể lay chuyển, việc của tôi là phản bác nó. Chủ nghĩa tự do là vậy đấy.”

“Thế vụ này thì sao?”

“Ôi chà. Tôi không cho rằng Vetlesen có bất cứ lý do thỏa đáng nào để giết người. Hoặc điên rồ đến mức không thể giải thích theo cách thông thường.”

“Vậy ông không cho rằng Vetlesen là hung thủ?”

“Phản bác lại niềm tin trái đất tròn không đồng nghĩa với việc tin rằng nó phẳng. Tôi chắc là các anh có đủ bằng chứng. Anh dùng đồ uống có cồn nhé? Hay là cà phê?”

“Vâng, cho tôi cà phê.”

“Tôi đùa thôi.” Støp mỉm cười. “Nhà tôi chỉ có nước hoặc rượu vang. Không, tôi nói dối đấy, tôi có ít nước táo lên men ngọt của nông trại Abbediengen. Dù muốn hay không thì anh cũng phải nếm thử.”

Støp le te chạy vào bếp còn Harry đứng lên ngắm nghía xung quanh.

“Anh có một căn hộ khá ngẫu đấy, Støp.”

“Thực ra là ba căn,” Støp nói to từ trong bếp. “Một căn là của ông chủ tàu ăn nên làm ra đã treo cổ tự tử vì buồn chán ở đâu đó quanh chỗ anh đang ngồi. Căn thứ hai, nơi tôi đang đứng đây, từng thuộc về một tay môi giới chứng khoán bị kết án vì tội giao dịch nội gián. Ông ta cảm thấy được giải thoát khi ở trong tù, bán lại căn hộ này cho tôi và quyên tặng toàn bộ số tiền cho người giảng đạo của Hội Truyền giáo Quốc nội. Nhưng đấy cũng là một kiểu giao dịch nội gián, nếu anh hiểu ý tôi. Dù vậy, tôi nghe nói gã đó bây giờ vui vẻ, hạnh phúc hơn nhiều, thế nên việc đó có gì là không tốt chứ?”

Støp quay lại phòng khách, cầm theo hai chiếc ly đựng thứ đồ uống màu vàng nhạt. Ông ta đưa một ly cho Harry.

“Căn hộ thứ ba thuộc về một tay thợ ống nước quê ở Østensjø, khi thấy có dự án xây dựng khu cảng Aker Brygge đã quyết định đó là nơi mình muốn sống. Kiểu như một dạng đổi đời ấy, tôi đoán thế. Sau mười năm thắt lưng buộc bụng - hoặc làm ăn ở chợ đen với giá cắt cổ - ông ta mua căn hộ này. Nhưng tốn kém tới mức ông ấy chẳng còn đủ tiền thuê công ty vận chuyển đồ nên ông ta tự xoay xở với vài người bạn. Ông ta có một cái két nặng đến bốn trăm cân. Tôi đoán là để cất giữ số tiền kiếm được ở chợ đen. Bọn họ khuân nó lên đến chiếu nghỉ cuối cùng rồi khi chỉ còn mười tám bậc nữa là đến nơi thì cái két đáng nguyên rửa bỗng trượt xuống. Tay thợ bị kéo theo nằm bẹp bên dưới két, gãy cột sống và bị liệt. Giờ thì ông ta sống tại một nhà dưỡng lão ở

quê, trông ra hồ Østensjøvannet.” Støp dừng lại bên cửa sổ, vừa nhâm nhi ly nước vừa trầm ngâm dõi mắt nhìn ra vịnh. “Tuy chỉ là cái hồ thôi nhưng vẫn là một cảnh quan đẹp.”

“Ừm. Chúng tôi muốn biết mối liên hệ giữa ông và Idar Vetlesen.”

Støp điệu nghệ quay người lại, phong thái nhanh nhẹn như mới đôi mươi. “*Mối liên hệ?* Nói thế là hơi bị quá đấy. Anh ta là bác sĩ của tôi. Và chúng tôi tình cờ lại cùng chơi bi đá với nhau. Đúng hơn là *mấy người chúng tôi* chơi. Những gì Idar làm cùng lắm chỉ có thể nói là nâng bi và lau băng thôi.” Ông ta phẩy tay gạt đi. “Phải, phải, tôi biết anh ta đã chết, nhưng sự thật vẫn là sự thật.”

Harry đặt ly nước còn vẹn nguyên lên bàn. “Các ông nói những chuyện gì?”

“Chủ yếu là về cơ thể tôi.”

“Gì cơ?”

“Trời ạ, anh ta là bác sĩ của tôi mà.”

“Và ông muốn thay đổi bộ phận nào đó à?”

Arve Støp cười ngất. “Tôi chưa bao giờ cảm thấy có nhu cầu thay đổi gì hết. Dĩ nhiên tôi biết Idar chuyên làm mấy trò phẫu thuật chỉnh hình rồi hút mỡ linh tinh các kiểu, nhưng tôi đề cao phòng ngừa hơn chữa trị. Tôi chơi thể thao là vì thế, thanh tra ạ. Anh không thích nước táo à?”

“Trong đó có cồn,” Harry nói.

“Vậ sao?” Støp nói, quan sát ly nước của mình. “Tôi không ngờ đấy.”

“Các ông nói về bộ phận nào?”

“Khuyết tay. Tôi mắc [hội chứng khuyết tay tennis](#), nó khiến tôi khó chịu khi chơi bi đá. Anh ta kê cho tôi dùng thuốc giảm đau trước khi chơi, đúng gã ngốc. Vì thuốc giảm đau còn có tác dụng chống viêm. Thế nên lần nào tôi cũng bị giãn cơ. Chắc tôi không cần phải cảnh báo anh làm gì nữa vì gã bác sĩ chúng ta nhắc đến đã chết rồi, nhưng thực sự anh không nên dùng thuốc khi bị đau. Cảm giác đau đớn có lợi cho con người, không có nó thì chẳng thể sống sót được. Phải biết ơn nó mới đúng.”

Hội chứng khuyết tay tennis là tên thường gọi của tình trạng viêm, tổn thương hoặc rách gân cơ duỗi tại chỗ bám vào móm lồi cầu phía ngoài khuyết tay,

thường gặp ở những người chơi tennis hoặc thường xuyên cử động, gặp duỗi tay quá nhiều.

“Thế ư?”

Støp gõ ngón trỏ lên tấm kính cửa sổ dày đến nỗi mọi thanh âm từ bên ngoài không thể vọng được vào trong nhà. “Tôi cho rằng cảnh này không giống với cảnh ở hồ nước ngọt. Hay là cũng như nhau hả Hole?”

“Tôi chưa thấy cảnh đó bao giờ.”

“Chưa ư? Vậy thì anh nên nhắm thử xem. Cảnh quan giúp ta mở mang tầm mắt đấy.”

“Nhân nói đến mở mang tầm mắt, Telenor đã cho chúng tôi danh sách cuộc gọi gần đây của Vetlesen. Hai người đã nói gì với nhau vào cái ngày trước khi anh ta chết?”

Ánh nhìn dò xét của Støp dán chặt vào Harry trong lúc ông ta ngửa cổ uống cạn ly nước. Sau đó ông ta hít một hơi dài đầy vẻ mãn nguyện. “Tôi gần như quên hẳn mình đã nói chuyện với anh ta, nhưng có lẽ là chúng tôi nói về cái khuỷu tay.”

Tresko từng giải thích cho Harry rằng tay chơi poker nào chỉ dựa vào trực giác để bắt bài đối thủ trong cuộc chơi thì đều cầm chắc phần thua. Đúng là con người thường vô tình phơi bày lời nói dối của chính mình thông qua những biểu hiện bề ngoài; thế nhưng đừng bao giờ hy vọng lật tẩy được một kẻ thâu cáy lão luyện trừ phi anh giữ được cái đầu lạnh và tính toán thật kỹ để sàng lọc ra tất cả những biểu hiện đó của từng người chơi, Tresko nghĩ vậy. Harry thường cho rằng cậu ta nói đúng. Vì thế anh không quy kết Støp đang nói dối khi chỉ căn cứ vào nét mặt, giọng nói hoặc ngôn ngữ cơ thể của ông ta.

“Ông đã ở đâu trong khoảng từ bốn giờ đến tám giờ hôm Vetlesen chết?” Harry hỏi.

“Này!” Støp nhướn một bên lông mày. “Này! Trong chuyên án còn điều gì khuất tất mà tôi hoặc độc giả cần được biết không đấy?”

“Lúc đó ông ở đâu?”

“Anh nói nghe cứ như các anh vẫn chưa bắt được gã Người Tuyết ấy nhỉ. Có thật là thế không?”

“Mong ông vui lòng để tôi đặt câu hỏi.”

“Thôi được rồi, tôi ở cùng...”

Arve đột nhiên im bật. Thế rồi khuôn mặt ông ta sáng bừng lên với một nụ cười tinh nghịch.

“Ấy khoan. Anh đang ám chỉ tôi có thể dính dáng tới cái chết của Vetlesen. Tôi mà trả lời thì chẳng khác nào thừa nhận giả thuyết trong câu hỏi đó của anh.”

“Tôi có thể dễ dàng nhận thấy ông đã từ chối trả lời, ông Støp.”

Støp nâng ly như thể chúc mừng. “Đó là chiêu phản đòn quen thuộc. Giới báo chí chúng tôi ngày nào chẳng dùng. Vậy mới có câu *Nhà văn nói láo, nhà báo nói hay*. Nhưng xin lưu ý rằng tôi không từ chối trả lời anh, Hole ạ. Tôi chỉ tạm trì hoãn trong lúc này thôi. Nói cách khác là tôi đang cân nhắc thêm.” Ông ta trở lại bên cửa sổ và đứng đó gật gù. “Tôi không từ chối, chỉ là chưa quyết định được có nên trả lời hoặc đáp lại thế nào đó không thôi. Trong lúc này, anh đành phải đợi vậy.”

“Thời gian thì tôi có thừa.”

Støp ngoái lại. “Tôi không cố ý làm mất thì giờ của anh, nhưng trước đây tôi từng tuyên bố mọi vốn liếng và tư liệu sản xuất của *Liberal* đều đến từ một nguồn duy nhất, đó là sự chính trực của bản thân tôi. Tôi hy vọng anh hiểu rằng tôi, với vai trò là một nhà báo, có nghĩa vụ đi sâu khai thác vụ này.”

“Khai thác ư?”

“Trời đất, tôi biết mình đang nắm trong tay một tin sốt dẻo. Chắc hẳn chưa tờ báo nào được rỉ tai về chuyện cái chết của Vetlesen có mùi mờ ám. Nếu bây giờ tôi đưa ra câu trả lời có thể minh oan cho mình thì chẳng khác nào chơi bài ngửa. Lúc đó, dù có muốn thăm dò các thông tin liên quan thì cũng đã quá muộn rồi. Tôi nói đúng chứ, Hole?”

Harry có linh cảm anh biết ông ta đang nhắm đến điều gì. Và thằng cha Støp này quả là khôn ngoan hơn anh tưởng.

“Thứ ông cần không phải là thông tin,” Harry đáp. “Mà ông cần biết rằng ông hoàn toàn có thể bị truy cứu vì tội cố ý cản trở người thi hành công vụ.”

“Nói hay lắm.” Støp bật cười, tỏ ra hào hứng thấy rõ. “Nhưng với tư cách một nhà báo và là người theo chủ nghĩa tự do, tôi cũng có nguyên tắc của mình chứ. Vấn đề đặt ra ở đây là liệu một người công khai ủng hộ quan điểm kháng chính thống như tôi có nên tình nguyện cống hiến tâm sức của mình để giúp đỡ lực lượng hành pháp của giới cầm quyền hay không.” Ông ta không ngần ngại phun ra những lời lẽ đó một cách đầy mỉa mai.

Kháng chính thống là quan điểm chống lại các nguyên tắc chính trị, kinh tế và xã hội truyền thống.

“Vậy điều kiện cần của ông là gì?”

“Tất nhiên là độc quyền khai thác thông tin bên lề.”

“Tôi có thể cấp phép độc quyền,” Harry nói. “Kèm theo lệnh cấm tiết lộ những thông tin đó cho bất cứ ai.”

“Hừm, vậy là chẳng đi đến đâu cả. Tiếc thật.” Støp đút hai tay vào túi quần. “Nhưng dù sao tôi cũng có đủ căn cứ để đặt vấn đề liệu cảnh sát đã bắt được hung thủ thật sự hay chưa.”

“Tôi cảnh cáo ông đấy.”

“Cảm ơn. Điều đó anh đã nói rồi.” Støp thở dài. “Tuy nhiên, anh nên xem lại mình đang đối đầu với ai, Hole ạ. Thứ Bảy này chúng tôi sẽ tổ chức một bữa tiệc siêu khủng ở Plaza. Sáu trăm khách mời sẽ tham dự lễ kỷ niệm hai mươi lăm năm thành lập tờ *Liberal*. Đó là thành tích không tệ đối với một tạp chí luôn thách thức giới hạn quyền tự do ngôn luận và không ngừng đi sâu khám phá những góc khuất núp bóng chính quyền. Hai mươi lăm năm, và chúng tôi chưa bao giờ thất bại trong bất cứ phiên tòa nào. Vụ này tôi sẽ xin ý kiến luật sư của chúng tôi, Johan Krohn. Chắc cảnh sát cũng biết anh ta phải không Hole?”

Harry lầm lì gật đầu. Støp tế nhị ra dấu về phía cửa chính như muốn nói cuộc gặp gỡ đã kết thúc.

“Tôi xin hứa sẽ hỗ trợ trong khả năng của mình,” Støp nói khi hai người đứng trên hành lang trước cửa. “Nếu các anh cũng đồng ý giúp đỡ chúng tôi.”

“Ông thừa biết chúng tôi không thể đưa ra thỏa thuận như thế được.”

“Vậy là anh không biết chúng ta đã thỏa thuận với nhau những gì rồi, Hole a.” Støp mỉm cười và mở cửa. “Thật sự không biết. Tôi chắc rằng sẽ sớm được gặp lại anh thôi.”

“Anh không nghĩ sẽ được gặp lại em sớm đến thế,” Harry nói khi đứng đó mở cửa.

Rakel vội vã chạy lên mấy bậc thang cuối để tới căn hộ của anh.

“Không đúng,” cô nói, lao vào vòng tay anh. Rồi cô đẩy anh vào trong nhà, lấy gót giày gạt cho cửa đóng lại, ôm ghì lấy đầu anh và hôn anh đầy cuồng nhiệt.

“Em ghét anh,” cô vừa nói vừa tháo thắt lưng của anh. “Anh biết bây giờ em không thể để chuyện này xen vào cuộc sống của em mà.”

“Vậy em về đi,” Harry nói, cởi áo khoác rồi đến áo sơ mi của cô. Chiếc quần cô đang mặc có khóa bên hông. Anh kéo khóa và luồn tay vào trong, đặt lên hông lưng cô, phía trên lớp vải nội y mát lạnh, mượt như lụa. Hành lang vắng lặng chỉ nghe tiếng thở của hai người và tiếng gót giày của cô chạm sàn một lần duy nhất khi cô nhích chân để đón nhận anh.

Lúc sau, khi nằm trên giường hút chung một điếu thuốc, Rakel trách móc anh, nói anh không khác gì kẻ buôn ma túy.

“Chẳng phải đó là cách chúng vẫn làm hay sao?” cô nói. “Cho không biểu không mấy liều đầu tiên. Đến lúc người ta không dứt ra được nữa.”

“Và thế là kẻ nghiện phải trả giá,” Harry nói, nhả khói thuốc lên trần nhà thành hai vòng tròn một lớn một nhỏ.

“Rất đắt,” Rakel nói.

“Em đến đây chỉ để giải tỏa ham muốn thể xác thôi đúng không?” Harry hỏi. “Nói đi để anh biết.”

Rakel vuốt ve ngực anh. “Dạo này anh gây quá Harry à.”

Anh không đáp. Chỉ im lặng chờ đợi.

“Chuyện với Mathias không tốt lắm,” cô nói. “Đúng hơn là, anh ấy rất tốt. Rất hoàn hảo. Chỉ em là không được như thế.”

“Vậy vấn đề là gì?”

“Giá mà em biết. Khi nhìn Mathias em đã nghĩ rằng, người đàn ông trong mơ của em đấy. Và em nghĩ, anh ấy khơi lên ngọn lửa trong mình, mình cũng sẽ cố gắng đáp lại, gần như nhảy xổ vào anh ấy vì muốn được thỏa mãn chút dục vọng. Em nói vậy anh có hiểu không? Đáng lẽ chuyện đó phải rất tuyệt vời mới đúng. Nhưng em không thể làm được...”

“Ừm. Điều này với anh hơi khó hình dung, nhưng anh nghe những gì em nói đây.”

Cô kéo dài tai anh một cái thật mạnh. “Việc chúng ta luôn thèm khát nhau không đủ bảo chứng cho mối quan hệ này đâu, Harry.”

Harry nhìn vòng khói nhỏ đuổi kịp vòng khói lớn và kết hợp lại thành hình số 8. Có, có chứ, anh thầm nghĩ.

“Gần đây em bắt đầu bối lung tìm vết để bao biện,” cô nói. “Ví dụ như đặc điểm bất thường về thể chất mà Mathias thừa hưởng từ bố anh ấy này.”

“Đặc điểm gì?”

“Cũng chẳng có gì đặc biệt, nhưng nó làm anh ấy hơi xấu hổ.”

“Thôi nào, nói anh nghe.”

“Không, không, thực sự không có gì to tát cả đâu, mới đầu em còn nghĩ cái vẻ ngượng ngùng ấy thật đáng yêu. Nhưng bây giờ em lại bắt đầu cảm thấy khó chịu. Cứ như thể em đang bối bèo ra bộ với Mathias để bào chữa cho việc... việc...” Cô bỗng im lặng.

“Đến đây,” Harry nói nốt.

Cô ôm chặt lấy anh. Sau đó ngồi dậy.

“Em sẽ không quay lại nữa đâu,” cô bừa mồm nói.

Lúc Rakel rời khỏi căn hộ của Harry thì đã gần nửa đêm. Màn mưa như rây bột lạng lẽ rơi khiến mặt đường nhựa sáng loáng bên dưới những cột đèn. Cô rẽ sang phố Stensberggata nơi cô đỗ xe. Sau khi vào trong ô tô, đang định nổ máy thì cô chợt thấy một mảnh giấy viết tay kẹp dưới cần gạt nước. Cô mở hé cửa, giật lấy mảnh giấy và cố gắng đọc cho được dòng chữ đã bị cơn mưa xóa nhòa gần hết.

Chúng ta sắp chết rồi, con điểm.

Rakel giật mình. Nhìn quanh. Nhưng chỉ có mình cô. Thứ duy nhất cô trông thấy trên phố là những chiếc ô tô đang đỗ. Trên mấy cái xe đó có mảnh giấy nào như thế này không nhỉ? Nhưng cô không thấy gì cả. Chắc là tình cờ thôi; ai mà biết được xe nào là của cô. Cô hạ cửa kính xuống, nhón tay cầm mảnh giấy rồi thả ra, nổ máy và lên đường.

Khi gần đến cuối phố Ullevålsveien, đột nhiên cô cảm thấy như có ai đó đang ngồi trên ghế sau nhìn mình chăm chăm. Cô nhìn và trông thấy khuôn mặt của một cậu bé. Không phải Oleg mà là một bé trai xa lạ. Cô đạp mạnh chân phanh và lốp cao su rít lên chói tai trên mặt đường nhựa. Sau đó là tiếng còi xe vang lên tức tối. Ba lần. Cô vừa nhìn gương vừa thở dốc. Và trông thấy khuôn mặt đầy vẻ hãi hùng của người đàn ông trẻ tuổi đang lái chiếc ô tô phía sau cô. Cô run rẩy cho xe chạy tiếp.

Eli Kvale đứng sững ra đó trên hành lang như thể bị ghì chặt xuống sàn. Tay cô vẫn đang cầm ống nghe điện thoại. Hóa ra không phải cô tưởng tượng, không hề.

Chỉ đến khi Andreas gọi tên cô hai lần thì cô mới vực tỉnh.

“Ai vậy em?” chồng cô hỏi.

“Không ai cả,” cô đáp. “Nhầm số ấy mà.”

Khi hai vợ chồng đi ngủ, cô muốn xích lại gần Andreas, nhưng không thể. Cô không sao làm được. Cô là người đàn bà nhơ nhuốc.

“Chúng ta sắp chết rồi, con điếm,” người trong điện thoại đã nói như thế. “Chúng ta sắp chết rồi, con điếm.”

ngày thứ mười sáu

TI VI

Khi gặp nhau vào sáng hôm sau, các thành viên của tổ điều tra đã xác minh được sáu trong số bảy cái tên có trong danh sách của Katrine Bratt. Chỉ còn lại một cái tên duy nhất.

“Arve Støp?” Bjørn Holm và Magnus Skarre đồng thanh hỏi.

Katrine Bratt chỉ im lặng.

“Thôi được rồi,” Harry nói. “Tôi đã trao đổi với Krohn qua điện thoại. Gã nói rất rõ rằng Støp không muốn trả lời chất vấn về việc có hay không có chứng cứ ngoại phạm. Hoặc bất kỳ câu hỏi nào khác. Ta cứ việc bắt giam Støp nếu muốn, nhưng ông ta hoàn toàn có quyền không khai báo. Làm thế chúng ta chả được lợi lộc gì mà chỉ tổ khiến cả thế giới biết rằng Người Tuyết vẫn còn nhõn nhơ ngoài kia. Vấn đề cần quan tâm bây giờ là xác định xem Støp nói thật hay chỉ đang đóng kịch.”

“Nhưng người nổi tiếng hạng A mà lại là sát nhân ấy à,” Skarre nhăn nhó nói. “Đã ai nghe nói đến chuyện như thế bao giờ chưa?”

“Có O. J. Simpson đây,” Holm đáp. “Rồi cả Phil Spector. Bố của Marvin Gaye.”

“Phil Spector là thằng khỉ gió nào vậy?”

“Tốt hơn là mọi người cho tôi biết ý kiến của mình đi,” Harry nói. “Ngay và luôn, không nghĩ ngợi lâu la. Støp có điều gì cần che giấu không? Holm?”

Bjørn Holm xoa hai dải tóc mai nhìn như hai miếng thịt cốt lết. “Bị hỏi một câu quan trọng như ông ta đã ở đâu khi Vetlesen chết mà Støp lại không muốn trả lời thì đáng ngờ thật.”

“Bratt?”

“Tôi cho rằng Støp chỉ đang cảm thấy thích thú khi bị tình nghi thôi. Đối với tờ tạp chí của ông ta, việc này chẳng ảnh hưởng gì đến nó. Thậm chí ngược lại là khác. Nó càng củng cố được hình ảnh của mình. Một kẻ tử vì đạo kiên cường đứng vững giữa cơn bão dư luận, như xưa nay vẫn thế.”

“Phải đấy,” Holm nói. “Tôi đổi ý rồi. Nếu Støp có tội thật thì ông ta đã chẳng liều lĩnh như thế. Ông ta đang nhắm đến một tin sốt dẻo.”

“Skarre?” Harry hỏi.

“Lão này nói xạo. Toàn bố láo hết. Ai mà hiểu nổi bọn báo chí và mấy tôn chỉ này nọ của chúng chứ?”

Cả nhóm chẳng ai trả lời.

“Được rồi,” Harry nói. “Cứ cho là chân lý thuộc về số đông và Støp nói sự thật đi, vậy thì chúng ta phải tìm cách loại bỏ ông ta khỏi diện tình nghi càng sớm càng tốt và tiếp tục điều tra. Mọi người có biết ai có thể ở cùng ông ta vào thời điểm Vetlesen chết không?”

“Khó mà biết được,” Katrine đáp. “Tôi đã gọi điện cho một cô gái tôi quen đang làm ở *Liberal*. Cô ấy nói sau giờ làm việc Støp ít giao du lắm. Nói chung ông ta thường khép mình trong căn hộ riêng ở khu Aker Brygge. Tất nhiên là trừ khi dính đến đàn bà.”

Harry đưa mắt nhìn Katrine. Cô khiến anh liên tưởng đến một sinh viên quá hăng hái, người luôn đi trước giảng viên đến cả một học kỳ.

“Đàn bà theo nghĩa số nhiều á?” Skarre hỏi.

“Nói theo lời cô ấy thì Støp khét tiếng là kẻ ong bướm. Ngay sau khi màn ga tình bị cự tuyệt, ông ta nói thẳng vào mặt bạn tôi rằng cô ấy chưa đáp ứng được kỳ vọng của ông ta với tư cách nhà báo và tốt nhất nên vác cần đi chỗ khác mà câu cơm.”

“Thẳng khốn hai mặt,” Skarre hừ mũi.

“Cô ấy cũng kết luận giống anh vậy,” Katrine nói. “Nhưng thực sự mà nói thì cô ấy là một nhà báo tồi.”

Holm và Harry phá lên cười.

“Thử hỏi bạn cô xem cô ta có biết tên người tình nào của Støp không,” Harry nói và đứng dậy. “Sau đó gọi điện cho những nhân viên khác trong tòa soạn vẫn với câu hỏi trên. Tôi muốn ông ta biết cảnh sát đang cho ông ta vào tầm ngắm. Vì thế, tất cả vào việc đi thôi.”

“Vậy còn anh?” Katrine hỏi, vẫn ngồi nguyên đó.

“Tôi á?”

“Anh chưa nói cho tụi tôi biết anh có nghĩ rằng Støp đang nói dối không.”

“À,” Harry mỉm cười, “ông ta chắc chắn chưa khai ra toàn bộ sự thật.”

Ba người nhìn anh chăm chăm.

“Ông ta bảo không nhớ mình và Vetlesen đã nói với nhau những gì trong cuộc điện thoại cuối cùng giữa họ.”

“Thì sao?”

“Nếu anh phát hiện đối tượng mình vừa nói chuyện hôm trước là sát nhân hàng loạt bị truy nã và đã tự sát, chẳng lẽ anh không lập tức nhớ lại cuộc đối thoại, suy ngẫm kỹ từng chi tiết và tự hỏi lúc đó liệu có điểm gì bất thường mà mình không nhận ra hay không?”

Katrine chậm rãi gật đầu.

“Còn một điều nữa khiến tôi băn khoăn,” Harry nói, “đó là tại sao Người tuyết lại liên lạc với tôi bảo tôi truy tìm hắc. Thế rồi khi tôi tiến lại gần, như hắc tiên liệu, hắc lại cuống lên và tìm cách tạo dựng như thể Vetlesen mới là Người Tuyết?”

“Có thể ý định của hắc vốn dĩ là như thế,” Katrine nói. “Có thể hắc đổ tội cho Vetlesen vì một động cơ nào đó, vì ân oán chẳng hạn. Ngay từ đầu hắc đã dẫn dụ anh đi theo hướng này.”

“Hoặc đó là cách để hắc đánh bại anh,” Holm nêu ý kiến. “Buộc anh phải phạm sai lầm. Trong khi hắc âm thầm tận hưởng thắng lợi.”

“Thôi đi ông,” Skarre hừ mũi. “Ông nói cứ như thể giữa Người Tuyết và Harry Hole có tư thù gì ấy.”

Ba người còn lại giương mắt im lặng nhìn anh chàng thanh tra.

Skarre nhú mày. “Có không vậy?”

Harry cầm lấy áo khoác trên mắc. “Katrine, tôi muốn cô đến tìm Borghild lần nữa. Bảo bà ta rằng chúng ta đã xin được lệnh tra xét hồ sơ bệnh án. Tội vạ đầu tôi chịu. Sau đó thử xem có khai thác được thông tin nào về Arve Støp không. Còn vấn đề gì cần trao đổi nữa không trước khi tôi biến?”

“Người phụ nữ ở Tveita,” Holm nói. “Camilla Lossius. Cô ta vẫn mất tích.”

“Cậu đến đó kiểm tra nhé, Holm.”

“Còn anh thì làm gì?” Skarre hỏi.

Harry khẽ cười. “Tôi đi học chơi poker.”

Khi đứng đợi bên ngoài căn hộ của Tresko trên tầng sáu tòa chung cư duy nhất nằm cạnh Frogner Plass, Harry có cảm giác hết như hồi anh còn nhỏ và mọi người ở Oppsal đã đi nghỉ hết. Đây là hy vọng cuối cùng, tấm vé vót vào phút chót, sau khi đã nhấn chuông tất cả những ngôi nhà khác. Tresko - tên cúng cơm là Asbjørn Treschow - ra mở cửa, nhìn Harry với vẻ sừng sĩa. Bởi cậu ta biết, ngày xưa đã vậy mà ngày nay cũng thế. Mình chỉ là tấm vé vót mà thôi.

Đi từ cửa vào là không gian sống rộng ba mươi mét vuông, tử tế thì gọi là căn phòng với khu bếp mở, còn không thì chỉ như cái gian trọ. Mùi hôi bốc lên lợm giọng. Đó là mùi vi khuẩn phát triển trên chân ẩm ướt và không khí chua lòm, bởi thế trong tiếng Na Uy mới có từ lóng *tåfis* miêu tả rất chính xác thứ mùi gọi là mùi chân thối. Tresko được thừa hưởng bàn chân lấm mồ hôi từ ông bố, kèm theo cả biệt danh *tresko*, nghĩa là đôi sục gỗ, thứ giày dép vô tích sự bố cậu ta luôn đi vì tin rằng gỗ sẽ hút đi mùi ở chân.

Mùi chân của cậu Tresko Con ấy chỉ được mỗi ưu điểm là át đi mùi bát đĩa bẩn chất chồng ở bồn rửa, mấy cái gạt tàn đầy ú ụ hay đồng áo phông dẫm mồ hôi đang hong trên thành ghế. Harry chợt nghĩ không khéo đôi chân bốc mùi của Tresko đã khiến các đối thủ gần như phát điên trong thời gian thi đấu để vào vòng bán kết giải vô địch poker thế giới tổ chức ở Las Vegas cũng nên.

“Lâu lắm rồi nhỉ,” Tresko nói.

“Ờ. Thật tốt là cậu có thời gian để gặp tôi.”

Tresko phá lên cười như thể Harry vừa kể chuyện đùa. Còn Harry, anh chẳng thích thú gì khi phải nán lại gian trọ này nên đi thẳng vào đề luận.

“Tại sao bí quyết chơi poker lại nằm ở việc phát hiện đối thủ đang đóng kịch?”

Tresko có vẻ chẳng bận tâm đến việc thiếu vắng những lời thăm hỏi xã giao.

“Người ta cho rằng poker là trò chơi của tính toán, xác suất và cơ hội. Nhưng những tay chơi lão luyện nhất đều thuộc nắm lòng các xác suất, vì vậy đấu trường đỉnh cao không có chỗ cho mấy thứ ấy. Điều làm nên sự khác biệt của thần bài so với số đông chính là khả năng đọc vị đối thủ. Trước khi đến Las Vegas tôi đã biết mình sắp phải đối đầu với những tay cừ khôi nhất. Và tôi có thể xem họ chơi bài trên kênh Đỏ Đen qua truyền hình vệ tinh. Tôi thu

chương trình vào băng, quan sát thật kỹ từng người chơi trong lúc thẩu cáy. Rồi tôi cho chạy băng với tốc độ chậm, ghi nhận từng biểu hiện dù là nhỏ nhất trên khuôn mặt, cử chỉ, lời nói và các hành vi lặp đi lặp lại của họ. Sau khi nghiên cứu đủ lâu kiểu gì tôi cũng phát hiện ra gì đó, một cử động tái diễn. Người này gãi cánh mũi bên phải; kẻ khác vuốt mặt sau lá bài. Lúc rời Na Uy, tôi cứ đinh ninh mình sẽ giành phần thắng. Tiếc rằng không ngờ tôi lại có lắm cử chỉ lộ liễu còn hơn cả bọn họ.”

Tiếng cười u ám của Tresko nghe giống tiếng nấc hơn, khiến thân hình chẳng có đường nét rõ ràng của cậu ta rung lên bần bật.

“Vậy nếu tôi cho gọi một người đến thẩm vấn thì cậu sẽ nhận ra hẳn nói thật hay nói dối chứ?”

Tresko lắc đầu. “Không đơn giản thế đâu. Thứ nhất, tôi cần có băng ghi hình. Thứ hai, tôi phải được xem bài của người chơi để còn biết khi nào hẳn thẩu cáy. Sau đó tôi có thể tua lại và phân tích xem những lúc như thế, hành vi của hẳn thay đổi ra sao. Việc này cũng giống như thiết lập căn cứ cho máy phát hiện nói dối ấy. Trước khi tiến hành kiểm tra, ta yêu cầu đối tượng trả lời câu gì đó hiển nhiên đúng, như họ tên hẳn chẳng hạn. Rồi đến một câu hiển nhiên sai. Sau đó ta in kết quả ra giấy và phân tích để lấy căn cứ.”

“Một câu hiển nhiên đúng,” Harry lầm nhấm. “Một câu hiển nhiên sai. Thu vào đoạn băng hình.”

“Nhưng như đã nói qua điện thoại lúc trước, tôi không dám đảm bảo đâu đây nhé.”

Harry tìm được Beate Lønn ở Nhà Đau đớn, nơi cô dành phần lớn thời gian làm việc khi còn ở Đơn vị Chống Cướp. Nhà Đau đớn là căn phòng không có cửa sổ chứa đủ thứ máy móc để xem và biên tập các đoạn băng được camera an ninh ghi lại, phóng to hình ảnh và nhận diện đối tượng qua những tấm hình bị nhiễu hoặc giọng nói trong băng ghi âm điện thoại không rõ tiếng. Nhưng bây giờ cô là sếp của Phòng Giám định Pháp y ở Brynsalléen, hơn nữa cô cũng vừa đi làm trở lại sau thời gian nghỉ thai sản.

Máy móc trong phòng đang chạy ro ro, không khí khô nóng đã tô hồng đôi má vốn nhợt nhạt gần như không màu của cô.

“Chào cô,” Harry nói, để cánh cửa sắt khép lại sau lưng.

Cô gái nhỏ nhả với phong thái nhanh nhẹn đứng dậy, họ ôm lấy nhau, cả hai đều cảm thấy hơi gượng gạo.

“Anh gầy quá,” cô nói.

Harry nhún vai. “Tình hình cô... dạo này ra sao?”

“Greger ngủ khi cần ngủ, ăn khi cần ăn, và hầu như chẳng bao giờ quấy khóc.” Cô mỉm cười. “Với tôi giờ thì tất cả chỉ có vậy thôi.”

Anh nghĩ có lẽ anh nên nói đôi câu về Halvorsen. Câu gì đó để cho thấy anh không quên. Nhưng anh chẳng tìm được lời nào thích hợp. Có điều, dường như Beate cũng hiểu nên thay vì vậy, cô lại hỏi thăm anh.

“Cũng bình thường,” anh nói và thả người xuống ghế. “Không đến nỗi. Tệ hết sức. Còn phải xem cô hỏi lúc nào.”

“Thế hôm nay thì sao?” Cô quay sang phía màn hình ti vi và nhấn một cái nút, vậy là những người trên đó bắt đầu chạy giật lùi về phía trung tâm thương mại Storo.

“Tôi bị hoang tưởng,” Harry nói. “Tôi cứ cảm thấy như đang chạy theo một kẻ thao túng mình, mọi việc hết sức hỗn loạn và hẫng đang khiến tôi làm đúng như những gì hẫng muốn. Cô có hiểu cảm giác ấy không?”

“Có,” Beate nói. “Tôi gọi hẫng là Greger.” Cô dừng tua băng. “Anh có muốn xem tôi đã phát hiện được những gì không?”

Harry đẩy ghế lại gần hơn. Không có gì lạ khi Beate Lønn sở hữu tài năng thiên bẩm vì hồi hình thoi của cô - phần não ghi nhớ và nhận diện mặt người - cực kỳ phát triển và tinh nhạy đến mức khiến cô chẳng khác nào kho dữ liệu sống về tội phạm.

“Tôi đã xem ảnh anh gửi của những người có liên quan trong chuyên án,” cô nói. “Chồng con, nhân chứng, v.v... Dĩ nhiên là tôi vẫn nhớ mặt các bạn cũ của chúng ta.”

Cô cho chạy lần lượt từng khung hình. “Đây,” cô nói và bấm dừng.

Tấm ảnh dừng lại và hiện lên màn hình, trên nền ảnh đen trắng nhòe nhiều có vài người.

“Đâu?” Harry hỏi, cảm thấy mình vẫn cứ gà mờ hệt như mọi lần cùng Beate Lønn nghiên cứu những tấm ảnh trước đây.

“Đó. Chính là người trong ảnh này.” Cô lấy ra một tấm ảnh từ tập hồ sơ.

“Liệu đây có phải là kẻ đang theo dõi anh không, Harry?”

Harry sừng sốt nhìn chăm chăm tấm ảnh. Rồi anh chậm rãi gật đầu và vớ lấy điện thoại. Chỉ hai giây sau Katrine Bratt đã bắt máy.

“Cô cầm theo áo khoác rồi xuống đợi tôi ở gara,” Harry nói. “Chúng ta lái xe đi dạo một chuyến.”

Harry chạy xe trên phố Uranienborgveien và Majorstuveien để tránh đèn xanh đèn đỏ ở phố Bogstadveien.

“Cô ấy thực sự chắc chắn kẻ đó là ông ta ư?” Katrine hỏi. “Chất lượng ảnh từ camera giám sát...”

“Tin tôi đi,” Harry đáp. “Nếu Beate Lønn đã nói vậy thì không thể sai được. Cô gọi cho tổng đài xin số điện thoại nhà ông ta nhé.”

“Tôi có lưu trong di động đây rồi,” Katrine nói và mở danh bạ ra.

“Lưu rồi á?” Harry liếc xéo cô. “Với đối tượng nào cô cũng làm thế à?”

“Ừ. Xếp họ vào một nhóm. Khi nào giải quyết xong vụ án thì tôi xóa nhóm đó đi. Anh cứ thử áp dụng xem sao. Cảm giác bấm nút xóa thực sự rất đã. Rất... thật.”

Harry đỗ xe phía bên kia đường, đối diện với ngôi nhà sơn vàng ở Hoff.

Các ô cửa sổ đều tối om.

“Filip Becker,” Katrine nói. “Ai mà ngờ được chứ.”

“Nhớ là chỉ hỏi han thông thường thôi đấy. Biết đâu ông ta có lý do hợp lý để gọi điện cho Vetlesen.”

“Từ bất điện thoại công cộng ở trung tâm thương mại Storo sao?”

Harry đưa mắt nhìn Katrine. Mạch của cô bên dưới làn da cổ mỏng manh đang đập nhanh thấy rõ. Anh quay đi và hướng ánh mắt về phía cửa sổ phòng khách.

“Đi nào,” anh nói. Nhưng vừa chạm vào tay nắm cửa xe thì di động của anh đổ chuông. “A lô?”

Giọng nói trong điện thoại có vẻ phấn khích song vẫn báo cáo một cách ngắn gọn, súc tích. Harry chen ngang giữa chừng với hai câu *Ừm*, một câu ngạc nhiên *Gì cơ?* và một câu *Khi nào?*

Cuối cùng thì đầu dây bên kia cũng nói xong.

“Cậu gọi cho Phòng Điều tra, bảo họ cử hai xe tuần tra gần nhất đến Hoffsvien,” Harry nói. “Nhắc họ đừng hú còi và bố trí mỗi xe ở một đầu khu dân cư... Gì cơ?... Vì trong nhà còn có trẻ con và không nên khiến Becker thêm kích động một cách không cần thiết. Được chứ?”

Hiển nhiên là được rồi.

“Holm vừa gọi.” Harry nhào người qua chỗ Katrine, mở hộc để găng tay, lục lọi giấy lát và lấy ra một chiếc còng. “Người của cậu ta tìm được khá khá dấu vân tay trên chiếc ô tô trong gara nhà Lossius. Họ đã đối chiếu chúng với những dấu vân tay thu được trong chuyên án.”

Harry rút chùm chìa khóa khỏi ổ khóa điện, cúi xuống và lôi từ dưới gầm ghế ra một cái hộp kim loại. Anh tra chìa vào ổ, mở hộp và lấy ra một khẩu Smith & Wesson màu đen nòng ngắn. “Trong số đó có một dấu trùng khớp với dấu in trên kính chắn gió.”

Katrine há hốc miệng im re hất đầu về phía ngôi nhà sơn vàng ra ý hỏi.

“Phải,” Harry đáp. “Chính là giáo sư Filip Becker.”

Anh thấy hai mắt Katrine trợn tròn. Nhưng cô vẫn giữ giọng bình thản. “Tôi có cảm giác sắp được bấm nút xóa rồi đây.”

“Có thể,” Harry nói, gạt mở hộp tiếp đạn hình trụ của khẩu súng và kiểm tra xem ổ đạn có đầy không.

“Không thể có đến hai gã bắt cóc phụ nữ theo cùng một cách được.” Cô bẻ cổ sang hai bên như thể đang khởi động trước khi vào trận đấm bốc.

“Giả thuyết hợp lý đấy.”

“Đáng lẽ chúng ta phải nhận ra ngay từ lần đầu tiên đến đây.”

Harry chăm chú quan sát cô, thầm hỏi vì sao anh lại không thấy phấn khích như cô và chẳng rõ niềm vui sướng ngất ngây khi tiến hành bắt giữ đã tan biến đi đằng nào. Phải chăng là bởi anh biết chẳng mấy chốc nó sẽ bị thay thế bởi cảm giác hụt hẫng vì đã đến quá muộn, anh sẽ chỉ như người lính cứu hỏa bối rối đứng tro tàn mà thôi? Đúng, nhưng không chỉ có vậy. Vẫn còn một nguyên nhân khác nữa mà giờ anh mới bắt đầu nhận ra. Ấy là mối ngờ vực dai dẳng trong anh. Những dấu vân tay và băng ghi hình ở trung tâm thương mại Storo

chắc chắn sẽ có sức thuyết phục trước tòa, nhưng mọi chuyện dường như quá dễ dàng thì phải. Hung thủ thực sự không hành động như thế; hẳn sao có thể phạm những sai lầm ngớ ngẩn đến vậy. Người này không phải là kẻ đã cầm đầu của Sylvia Ottersen lên thân người tuyết, bỏ xác một viên cảnh sát vào cấp đông trong chính chiếc tủ đông lạnh của ông ta và gửi cho Harry lá thư với dòng chữ, *Hãy tự hỏi bản thân điều này: “Ai đã tạo ra người tuyết?”*

“Chúng ta làm gì bây giờ?” Katrine hỏi. “Có nên tự xông vào bắt hãn không?”

Nghe ngữ điệu của cô, Harry không rõ đó có phải câu hỏi hay không.

“Tạm thời cứ chờ đã,” Harry đáp. “Cho tới khi đội hỗ trợ vào vị trí. Sau đó mới gọi cửa.”

“Nếu hãn không có nhà thì sao?”

“Hãn có nhà.”

“Thế ư? Sao anh...”

“Nhìn cửa sổ phòng khách thì biết. Tập trung vào.”

Cô nhìn. Và khi ánh sáng màu trắng biến đổi phía đằng sau ô cửa sổ vách kính lớn, anh thấy rằng cô đã hiểu. Ánh sáng đó phát ra từ tivi.

Hai người lặng lẽ đợi. Bốn bề tĩnh lặng tuyệt đối. Có tiếng quạ rúc lên một hồi. Sau đó lại yên ắng như tờ. Điện thoại của Harry chợt đổ chuông.

Đội hỗ trợ của họ đã vào vị trí.

Harry nhanh chóng dặn họ đôi điều. Anh không muốn bất cứ sĩ quan nào lộ diện khi chưa được gọi, có lẽ chỉ trừ trường hợp nghe thấy tiếng súng hoặc tiếng la hét.

“Bật chế độ im lặng đi,” Katrine nói sau khi anh ngắt máy.

Anh mỉm cười nhẹ, làm theo lời cô và lén liếc cô một cái. Nghĩ đến vẻ mặt cô khi cánh cửa tủ đông lạnh bật ra. Nhưng lúc này khuôn mặt ấy chẳng hề lộ vẻ khiếp sợ hay căng thẳng mà chỉ toát lên sự tập trung. Anh bỏ điện thoại vào túi áo khoác và nghe tiếng nó va vào khẩu súng lục.

Họ ra khỏi xe, băng qua đường và mở cổng. Lối đi rải sỏi ướt nhẹp như hút chặt lấy chân họ. Harry chú mục vào ô cửa sổ lớn, canh xem có bóng đen hoặc chuyển động nào hướng về phía bức tường sơn trắng hay không.

Thế rồi hai người cũng đến được cửa chính. Katrine liếc Harry, anh gật đầu. Cô nhấn chuông. Một tiếng *kính coong* trầm trầm dè dặt vang lên từ trong nhà.

Họ đợi. Không tiếng chân bước. Không bóng đèn nào hiện lên trên tấm kính dợn sóng của ô cửa sổ hình ô van bên cạnh cửa chính.

Harry tiến tới và áp tai lên kính, cách đơn giản mà hiệu quả không ngờ khi thăm dò một ngôi nhà. Nhưng anh không nghe thấy gì, ngay cả tiếng ti vi. Anh lùi lại ba bước, bám lấy mái hiên nhô ra phía trên bậc tam cấp, dùng cả hai tay bấu chặt vào máng nước và đu người lên cao cho tới khi có thể trông thấy toàn cảnh phòng khách từ ngoài cửa sổ. Một bóng người mặc áo khoác màu xám đang ngồi khoanh chân trên sàn, lưng quay về phía anh. Chiếc tai nghe siêu bự ôm lấy đầu người đó giống như vòng hào quang màu đen. Sợi cáp từ tai nghe nối vào chiếc ti vi.

“Ông ta đeo tai nghe nên không nghe thấy tiếng chuông,” Harry nói, anh nhảy xuống vừa kịp lúc trông thấy Katrine cầm lấy tay nắm cửa. Gioăng cao su bao quanh khung cửa nhả ra với một tiếng hít.

“Có vẻ chúng ta được chào đón thì phải,” Katrine nói khẽ và bước vào.

Bất ngờ trước hành động đó, Harry rửa thầm một câu rồi theo cô vào trong. Katrine đã đi tới phòng khách và mở cửa ra. Cô đứng nguyên đó cho đến khi Harry bắt kịp. Cô lùi lại, va phải một cái bệ khiến chiếc bình đặt trên đó nghiêng ngả một hồi như sắp đổ trước khi quyết định đứng vững.

Họ vẫn còn cách người đang ngồi quay lưng lại ít nhất là sáu mét.

Ti vi đang chiếu cảnh một đứa trẻ lăm chằm tập đi bằng cách nắm lấy ngón tay trỏ của một phụ nữ đang cười. Ánh sáng xanh trên nút bấm của đầu DVD phát ra từ bên dưới chiếc ti vi. Harry ngỡ như đã từng chứng kiến cảnh này, anh có cảm giác một thảm kịch lại sắp sửa tái diễn. Mọi chuyện diễn ra cũng y hệt: sự tĩnh lặng bao trùm, thước phim gợi nhớ về những khoảnh khắc hạnh phúc bên người thân, sự đối lập giữa quá khứ và hiện tại, thảm kịch vốn đã xảy ra rồi, giờ chỉ còn cần một cái kết nữa thôi.

Katrine chỉ tay, nhưng anh đã trông thấy từ trước.

Khẩu súng đặt ở sau lưng người đó, giữa chiếc bánh pizza ăn dở và máy điện tử Game Boy, trông nó chẳng khác gì món đồ chơi. Một khẩu Glock 21,

Harry đoán vậy, cảm giác nôn nao dậy lên khi cơ thể anh chuẩn bị để sẵn sàng và bơm thêm adrenalin vào huyết mạch.

Họ có hai lựa chọn. Đứng yên ở cửa, kêu tên Becker và chấp nhận nguy cơ có thể xảy ra khi đối đầu với người có vũ khí. Hoặc tước vũ khí trước khi ông ta trông thấy họ. Harry đặt tay lên vai Katrine và đẩy cô lui về phía sau anh trong lúc nhắm tính xem cần bao nhiêu thời gian để Becker quay lại, cầm lấy súng và ngắm bắn. Bốn bước dài chắc là đủ, hơn nữa, sau lưng Harry không có ánh đèn nên không lo hắt bóng, ti vi lại quá sáng, chẳng thể phản chiếu hình anh trên đó.

Harry hít thở sâu và bắt đầu hành động. Anh cố gắng bước thật khề trên sàn gỗ ghép. Cái lưng vẫn không có phản ứng gì. Đang sải bước chân thứ hai thì anh nghe thấy một tiếng *choang* từ phía sau. Trục giác mách bảo anh là cái bình vừa vỡ. Anh trông thấy bóng người quay phắt lại, gương mặt Filip Becker đầy vẻ đau đớn. Harry đứng chờ ra đó, hai người nhìn nhau chăm chăm. Màn hình ti vi phía sau Becker tắt phụt. Miệng Becker há ra như muốn nói. Cặp mắt ông ta đỏ vằn lên, hai má sưng phồng như thể vừa khóc.

“Súng kìa!”

Katrine la lên và Harry tự động ngược nhìn và trông thấy bóng cô in trên màn hình tối đen. Cô đang đứng ở cửa, chân giạng ra, hai tay chĩa thẳng về phía trước, nắm chặt một khẩu súng lục.

Thời gian như trôi chậm lại, hóa thành thứ vật chất đặc quánh vô định hình, trong đó chỉ duy nhất các giác quan của anh còn hoạt động trong thời gian thực.

Là một cảnh sát được đào tạo bài bản, lẽ ra theo bản năng Harry phải lập tức nằm rạp xuống đất và rút súng ra. Nhưng có điều gì đó đã tác động đến anh, một thứ chậm chạp hơn bản năng của anh nhưng lại có sức mạnh lớn lao hơn nhiều. Sau này anh sẽ nghĩ khác, nhưng ban đầu anh cho rằng hành động ấy của mình bắt nguồn từ một cảm giác quen thuộc nữa dường như anh đã từng trải qua, cảnh tượng một người đàn ông nằm chết trên sàn, từ giã cõi đời vì một viên đạn của cảnh sát bởi ông ta biết mình đã lâm vào đường cùng, chẳng thể tiếp tục vật lộn với bóng ma quá khứ được nữa.

Harry bước sang phải, đứng vào tầm ngắm của Katrine.

Anh nghe thấy một tiếng *cách* trợn tru vang lên rất ngọt từ phía sau. Âm thanh khi búa gỗ hạ xuống, ngón tay nói lỏng cò súng.

Một tay Becker áp xuống sàn gần khẩu súng. Cả năm ngón và phần thịt giữa các ngón đều trắng bệch. Vậy là Becker đang dồn trọng lượng cơ thể mình vào đó. Tay còn lại, bàn tay phải, đang cầm chiếc điều khiển từ xa. Nếu Becker nhào đến lấy súng bằng tay phải trong tư thế này, ông ta sẽ mất thăng bằng.

“Cấm cử động,” Harry nói lớn.

Cử động duy nhất của Becker là hai cái chớp mắt, như thể muốn xóa đi hình ảnh Harry và Katrine. Harry tiến tới bình tĩnh nhưng dứt khoát. Anh cúi xuống nhặt khẩu súng không ngờ lại nhẹ tênh. Nhẹ đến nỗi chắc chắn trong hộp tiếp đạn chẳng có viên nào, anh nghĩ vậy.

Harry nhét súng vào túi áo khoác, kế bên khẩu súng lục của anh, sau đó ngồi thụp xuống. Qua màn hình ti vi anh có thể thấy bóng Katrine chĩa súng về phía anh và Becker trong lúc hồi hộp đối chân trụ. Anh vươn tay về phía Becker, ông ta lùi lại như loài thú nhát sợ, rồi anh tháo chiếc tai nghe của ông ta ra.

“Jonas đâu?” Harry hỏi.

Becker chăm chú nhìn Harry như thể tình huống lúc này và thứ ngôn ngữ anh vừa nói đều nằm ngoài khả năng nhận thức của ông ta.

“Jonas đâu?” Harry hỏi lại. Rồi anh gọi to. “Jonas! Jonas, cháu có nhà không?”

“Suyt,” Becker đáp. “Nó đang ngủ.” Ông ta lơ mơ nói như người chịu tác động của thuốc an thần.

Becker chỉ vào cái tai nghe. “Không được làm nó thức giấc.”

Harry nuốt khan. “Thằng bé đâu?”

“Đâu á?” Becker nghiêng đầu nhìn Harry, xem chừng đến lúc này ông ta mới nhận ra anh. “Trên giường chứ còn ở đâu nữa. Đứa bé trai nào cũng phải ngủ giường riêng.” Giọng ông ta lên bổng xuống trầm tựa như đệm lại ca từ một bài hát.

Harry thọc tay vào túi áo bên kia và lôi ra chiếc còng. “Giơ tay ra,” anh bảo.

Becker lại chớp mắt.

“Vì sự an toàn của chính ông thôi,” Harry nói.

Đó là câu nói quen thuộc được nhồi vào đầu đám sinh viên ở Học viện Cảnh sát, mục đích chủ yếu là để trấn an tinh thần kẻ bị bắt. Thế nhưng khi nghe thấy câu nói ấy thốt ra từ miệng mình, Harry lập tức hiểu ra lý do anh dùng thân mình chặn trước họng súng. Và chẳng phải vì bóng ma nào cả.

Becker giơ tay về phía Harry như khẩn cầu, hai vòng thép bập vào cổ tay gầy gò lông lá của ông ta.

“Ở yên đây,” Harry nói. “Cô ấy sẽ lo liệu ông.”

Harry đứng dậy và đi ra cửa, tới chỗ Katrine đứng. Cô đã hạ súng xuống và mỉm cười với anh, mắt sáng lên vẻ tò mò. Những viên than hồng như đang âm ỉ cháy từ sâu thẳm bên trong đôi mắt ấy.

“Cô không sao chứ?” Harry khẽ hỏi. “Katrine?”

“Tất nhiên,” cô bật cười.

Harry ngần ngừ giây lát. Sau đó anh đi lên cầu thang. Anh còn nhớ vị trí phòng của Jonas nhưng vẫn mở cửa các phòng còn lại trước. Cố trì hoãn thời khắc đáng sợ. Tuy phòng riêng của Becker không bật đèn nhưng anh có thể thoáng thấy chiếc giường đôi. Tấm chăn đơn đã bị dẹp đi ở một bên. Như thế ông ta biết vợ mình sẽ không bao giờ trở về nữa.

Thế rồi Harry tới đứng bên ngoài phòng Jonas. Anh dẹp hết mọi ý nghĩ và hình dung trong tâm tưởng trước khi mở cửa. Những tiếng tinh tang lạc điệu lảnh lót vang lên trong bóng tối, dù không trông thấy gì nhưng anh vẫn biết luồng gió từ ngoài ùa vào đã khiến hàng ống kim loại mỏng manh va vào nhau, vì Oleg cũng treo một chiếc chuông gió như thế trên trần nhà. Harry bước vào và nhác thấy ai đó hoặc thứ gì đó bên dưới tấm chăn. Anh lắng tai tìm tiếng thở. Nhưng âm thanh duy nhất anh nghe được là tiếng chuông gió ngân mãi không thôi. Anh đặt tay lên chăn. Và trong khoảnh khắc ngắn ngủi, nỗi sợ khiến anh như tê liệt. Dù trong phòng không tiềm ẩn mối đe dọa về mặt thể chất, anh vẫn biết mình sợ điều gì. Bởi một người khác, Bjarne Møller sếp cũ của anh, đã từng nói với anh điều đó. Thứ anh sợ là đồng loại của chính anh.

Thận trọng, anh kéo tấm chăn khỏi thân người đang nằm. Là Jonas. Trong bóng tối, trông thằng bé hệt như đang ngủ. Chỉ trừ đôi mắt vẫn đang mở lớn đăm đăm nhìn lên trần nhà. Harry nhận thấy trên cẳng tay nó có dán miếng băng cá nhân. Anh cúi xuống nhìn cái miệng hé mở của thằng bé, khẽ chạm

vào trán nó để rồi giật bắn mình khi sờ thấy làn da ấm nóng và cảm nhận luồng hơi phả vào tai. Một giọng ngái ngủ khẽ gọi: “Mẹ ời?”

Harry hoàn toàn không lường trước được phản ứng của mình. Có lẽ là vì lúc này anh đang nghĩ đến Oleg. Hoặc cũng có thể là chính bản thân anh hồi còn nhỏ, khi anh tỉnh giấc, tưởng rằng mẹ vẫn còn sống nên chạy ào vào phòng bố mẹ ở Oppsal, và trông thấy chiếc giường đôi với tấm chăn đơn đã bị dẹp đi ở một bên.

Harry không sao ngăn được những giọt lệ bất ngờ ứa ra, ầng ậng trong mắt cho tới khi hình bóng khuôn mặt Jonas nhòa hẳn đi, rồi dòng lệ lăn dài xuống má, để lại vệt nước nóng hổi trước khi tìm thấy những nếp nhăn đưa chúng đến với khóe miệng, và Harry nếm thấy vị mặn trong nước mắt của chính mình.

PHẦN BỐN

ngày thứ mười bảy

KÍNH RÂM

Lúc bảy giờ sáng, Harry đến mở khóa buồng giam số 23 ở khu tạm giam. Becker vẫn mặc nguyên quần áo ngồi trên giường nhìn anh với vẻ vô cảm. Harry cầm theo chiếc ghế từ phòng trực ban và đặt ở chính giữa căn buồng rộng năm mét vuông dùng để giữ người qua đêm và tạm giam bị can ở Sở Cảnh sát. Anh xoay ghế lại và ngồi giạng chân, chìa bao thuốc Camel nhàu nhĩ mời Becker một điếu.

“Quy định ở đây đâu cho phép hút thuốc, phải không?” Becker nói.

“Nếu tôi đang ngồi chờ án chung thân,” Harry nói, “tôi nghĩ mình cũng liều thử.”

Becker chỉ giương mắt nhìn anh.

“Cầm đi,” Harry nói. “Làm gì còn chỗ nào tốt hơn để hút trộm nữa.”

Vị giáo sư cười khẩy và cầm lấy điếu thuốc Harry dốc ra.

“Jonas vẫn ổn, xét trong hoàn cảnh này,” Harry nói, lấy ra chiếc bật lửa. “Tôi có nói chuyện với nhà Bendiksen, và họ đã đồng ý trông thẳng bé vài hôm. Tuy phải đôi co với bên công tác xã hội đôi chút nhưng rồi họ cũng xuôi. Và chúng tôi chưa cho báo chí biết tin ông bị bắt.”

“Sao chưa?” Becker hỏi, thận trọng kề điếu thuốc vào môi lửa và rít một hơi.

“Tôi sẽ quay lại vụ đó sau. Nhưng chắc ông cũng hiểu nếu ông không chịu hợp tác thì tôi không thể tiếp tục ém nhem tin này được.”

“A ha, vậy ra anh là cớm tốt. Còn cái gã thẩm vấn tôi hôm qua là cớm xấu, hả?”

“Đúng thế, Becker, tôi là cớm tốt. Và tôi muốn hỏi riêng ông vài câu. Những điều ông khai sẽ không thể và không được dùng để chống lại ông. Ông đồng ý chứ?”

Becker nhún vai.

“Espen Lepsvik, người thẩm vấn ông hôm qua, cho rằng ông nói dối,” Harry nói, nhả làn khói thuốc màu xanh về phía chuông báo cháy trên trần.

“Về việc gì?”

“Việc ông bảo mình chỉ nói chuyện với Camilla Lossius trong gara, sau đó ra về.”

“Sự thật là thế. Vậy chứ anh ta nghĩ sao?”

“Anh ta nói với ông tối qua rồi đấy thôi. Ông đã bắt cóc, giết rồi giấu xác cô ta.”

“Quá khủng khiếp!” Becker la lên. “Chúng tôi nói chuyện, tất cả chỉ thế, và đó là sự thật!”

“Thế tại sao ông lại không chịu cho chúng tôi biết ông và cô ta đã nói những gì?”

“Đây là chuyện riêng. Tôi đã bảo rồi mà.”

“Và theo như tôi hiểu, ông thừa nhận có gọi điện cho Vetlesen vào ngày anh ta được phát hiện đã chết, nhưng ông vẫn coi cuộc nói chuyện đó là vì việc riêng?”

Becker nhìn quanh quất như thể nghĩ rằng quanh đây hẳn phải có gạt tàn chứ. “Nghe này, tôi không làm gì phạm pháp, nhưng tôi cũng không muốn trả lời thêm bất cứ câu hỏi nào khi không có luật sư. Mà hôm nay thì phải lát nữa anh ta mới đến được.”

“Tối qua chúng tôi đã đề nghị chỉ định luật sư có thể có mặt ngay lập tức cho ông còn gì.”

“Tôi muốn có một luật sư đảng hoàng, chứ không phải mấy tay... công chức nhà nước ấy. Mà chẳng phải các anh cũng nên cho tôi biết lý do các anh quy kết tôi đã làm gì mù vợ của gã Lossius đó hay sao?”

Harry sững sờ trước cách dùng từ ấy. Hay đúng hơn là cách ông ta nói về Camilla. Mụ vợ của gã Lossius.

“Nếu cô ta mất tích, các anh nên bắt giam Erik Lossius,” Becker tiếp tục nói. “Không phải thủ phạm luôn là các ông chồng sao?”

“Đúng thế,” Harry đáp. “Nhưng anh ta có chứng cứ ngoại phạm; vào lúc cô vợ mất tích, anh ta đang làm việc. Lý do ông ngồi đây lúc này là vì chúng tôi cho rằng ông chính là Người Tuyết.”

Miệng Becker hơi há ra, ông ta chớp mắt hết như khi ngồi trong phòng khách ở Hoffsvæien tối qua. Harry trở về phía làn khói cuộn lên từ điều thuốc ông ta đang kẹp giữa hai ngón tay. “Ông nên hít vào tí chút để chuông báo cháy khỏi kêu.”

“Người Tuyết á?” Becker kêu lên. “Người Tuyết là Vetlesen cơ mà, không phải sao?”

“Không,” Harry nói. “Chúng tôi biết là không phải.”

Becker chớp mắt hai cái rồi bật cười khô khốc và chua chát, nghe như tiếng ho. “Hóa ra vì thế nên anh mới chưa hờ ra câu nào với cánh báo chí. Không được để họ biết các anh đã bé cái nhăm. Trong lúc đó các anh chạy ngược chạy xuôi truy tìm hung thủ thật. Hay hung thủ có tiềm năng là thật.”

“Chính xác,” Harry nói, rít một hơi thuốc. “Và hiện tại, kẻ đó chính là ông.”

“Hiện tại á? Tôi tưởng việc của anh là thuyết phục tôi tin rằng anh biết hết rồi, tốt nhất tôi nên thú tội luôn đi thì hơn.”

“Nhưng tôi đã biết hết đâu,” Harry nói.

Becker nhăn một bên mặt. “Anh định bẫy tôi đấy à?”

Harry nhún vai. “Chỉ là trực giác mách bảo. Tôi cần ông thuyết phục tôi tin rằng ông vô tội. Cuộc thẩm vấn ngắn ngày hôm qua càng củng cố cảm giác ông là người có rất nhiều điều muốn giấu giếm.”

“Tôi chẳng giấu gì hết. Ý tôi là, tôi chẳng có gì phải giấu cả. Và tôi thực sự không hiểu sao tôi lại phải khai với anh nếu tôi không làm gì sai.”

“Ông nghe cho rõ đây, Becker. Tôi không nghĩ ông là Người Tuyết hoặc đã giết Camilla Lossius. Mà tôi nghĩ ông là người biết nghĩ, có lý lẽ. Người có thể nhận thức được rằng tổn thất sẽ giảm đi nếu ông chịu khai với tôi những chuyện khó nói ngay lúc này và ở đây, còn hơn là ngày mai đọc báo với hàng tít giáo sư Filip Becker bị bắt vì bị tình nghi là kẻ sát nhân khét tiếng nhất Na Uy. Vì chắc ông cũng biết kể cả ông có được minh oan và phóng thích vào ngày kia đi nữa, thì tên tuổi của ông sẽ vẫn mãi gắn với những hàng tít đó. Cả con ông nữa.”

Harry quan sát yết hầu của Becker chạy lên chạy xuống trên cái cổ lún phún râu. Quan sát ông ta nhằm tính trong đầu để đưa ra những kết luận logic. Và

đơn giản. Cuối cùng ông ta cũng chịu nói với giọng khổ sở mà lúc đầu Harry tưởng là do không quen hút thuốc.

“Birte, vợ tôi, là một con điếm.”

“Hả?” Harry cố che giấu vẻ sửng sốt.

Becker vứt điếu thuốc xuống sàn, cúi người về phía trước và lôi từ túi quần sau ra một cuốn sổ màu đen. “Tôi tìm thấy thứ này sau hôm cô ta mất tích. Nó nằm trong ngăn kéo bàn của Birte, cô ta còn chẳng thèm giấu. Nhìn qua thì có vẻ trong sáng. Toàn những ghi chú thông thường và số điện thoại. Chỉ đến khi tôi nhờ tổng đài kiểm tra những số đó thì mới biết chúng không tồn tại. Đó là mật mã. Nhưng tiếc rằng vợ tôi chẳng giỏi dùng mật mã cho lắm. Chưa đầy một ngày tôi đã giải được hết.”

Erik Lossius là người sở hữu và điều hành Rydd & Flytt, công ty vận chuyển kiếm được chỗ đứng riêng trên thị trường chẳng lấy gì làm sáng sủa bằng cách chuẩn hóa giá thành, đẩy mạnh tiếp thị, thuê nhân công nước ngoài với giá rẻ và đưa ra điều khoản hợp đồng yêu cầu thanh toán tiền mặt ngay sau khi chất xong đồ lên xe và trước khi xe chuyển bánh. Gã chưa bao giờ mất tiền cho khách hàng nào, vì trong hợp đồng có đi kèm dòng chữ nhỏ đề rõ rằng mọi khiếu nại liên quan đến tổn hại hoặc mất mát đồ đạc đều phải được phản ánh trong vòng hai ngày, và thực tế là chín mươi phần trăm trong số khá nhiều đơn khiếu nại gửi đến quá trễ nên không được giải quyết. Với mười phần trăm còn lại, Erik Lossius đã vẽ ra đủ thứ thủ tục để trốn tránh khách hàng hoặc kéo dài các khâu xử lý, khiến quá trình khiếu nại trở nên quá mệt mỏi đến nỗi những người bị mất ti vi plasma hoặc có đàn piano hư hỏng trong quá trình vận chuyển cuối cùng cũng đành bỏ cuộc.

Erik Lossius vào nghề khi còn trẻ và làm cho ông chủ cũ của Rydd & Flytt. Ông ta là bạn của bố Erik, gã được bố xin cho một chân ở công ty.

“Thằng này ngồi không yên nên học nữa cũng bằng thừa, quá khôn lỏi nên làm tội phạm thì phí,” bố gã đã nói như thế. “Hay ông nhận nó nhé?”

Với vai trò nhân viên kinh doanh hưởng phần trăm hoa hồng, chẳng mấy chốc Erik đã tạo được tên tuổi nhờ vào sức hút, năng suất và sự tàn nhẫn của gã. Gã được thừa hưởng cặp mắt nâu của mẹ, mái tóc xoăn dày dặn của bố, lại sở hữu thân hình khỏe khoắn; cánh phụ nữ đa phần không xin báo giá của các

công ty khác nữa mà đồng ý ký hợp đồng ngay với gã. Gã cũng được cái sáng dạ, giỏi tính toán và lên kế hoạch trong những dịp hiếm hoi công ty được mời đấu thầu một số vụ làm ăn lớn hơn. Giá thành rẻ trong khi phí bồi thường mất mát hoặc thiệt hại lại cao. Sau năm năm công ty thu về một khoản lợi nhuận đáng kể, và Erik trở thành cánh tay phải của ông chủ trong hầu hết các hoạt động kinh doanh. Vậy nhưng, trong lần chuyển đồ tương đối nhẹ nhàng ngay trước Giáng sinh, khi khiêng bàn làm việc lên văn phòng mới của Erik trên tầng hai cạnh phòng sếp, ông giám đốc lên cơn đau tim và đột tử. Trong những ngày sau đó, Erik an ủi bà vợ ông chủ bằng tất cả khả năng của mình - thứ mà gã có thừa - và một tuần sau lễ tang, hai bên đã thỏa thuận xong một số tiền chuyển nhượng gần như chỉ mang tính hình thức, tượng trưng cho thứ Erik nhấn mạnh là “một công ty nhỏ trong một thị trường chẳng lấy gì làm tươi sáng, ẩn chứa rủi ro cao và biên lợi nhuận gần như bằng không”. Nhưng gã cũng mạnh miệng tuyên bố điều quan trọng nhất đối với gã là có người đứng ra tiếp tục gánh vác thành quả cả đời của chồng bà ta. Cặp mắt nâu của gã rơm rớm nước khi gã nói ra câu đó, và bà vợ giám đốc run rẩy áp tay lên tay gã, bảo gã hãy đích thân đến thông báo tình hình cho bà ta biết. Và như thế, Lossius trở thành người sở hữu Rydd & Flytt, việc đầu tiên gã làm là quảng hết đơn từ khiếu nại vào thùng rác, soạn lại hợp đồng, phát tờ rơi đến tất cả các gia đình sống tại khu thượng lưu Tây Oslo, dân ở đây hay chuyển nhà nhất và độ nhạy cảm về giá cũng cao nhất.

Đến năm ba mươi tuổi Erik Lossius đã đủ khả năng tài chính để sở hữu hai chiếc BMW, một dinh thự nghỉ hè ở phía Bắc thành phố Cannes, và một căn nhà riêng rộng năm trăm mét vuông trong khu Tveita nơi những tòa chung cư gã từng sống từ khi còn nhỏ không chắn mất ánh mặt trời. Nói ngắn gọn, gã đủ sức cung phụng Camilla Sandén.

Camilla xuất thân từ một gia đình quyền thế trong ngành may mặc nhưng lâm vào cảnh phá sản, cư ngụ ở phía Tây, quận Blommenholm, khu vực xa lạ với cậu con trai của gia đình thuộc tầng lớp lao động chẳng khác gì những chai vang Pháp trên hàng kệ cao cả mét dưới tầng hầm nhà gã ở Tveita. Nhưng khi đặt chân vào dinh thự bề thế và trông thấy tất cả những món đồ cần chuyển đi, gã mới phát hiện ra thứ mình vẫn còn thiếu và vì vậy nhất định phải có: đẳng cấp, phong cách, lối sống xa hoa một thời và khí chất thượng lưu mà sự lịch

thiếp và nụ cười chỉ có nhiệm vụ duy nhất là củng cố cho hình ảnh ấy. Tất cả những điều này đều hội tụ ở cô con gái Camilla, người đang ngồi trên ban công ngắm cảnh vịnh Oslo qua đôi kính râm cỡ lớn mà trong mắt Erik dù có được mua ở trạm xăng đi nữa nhưng một khi đã mang trên người cô thì cũng thành hàng Gucci, Dolce & Gabbana hay thương hiệu gì gì đó gã chẳng biết tên.

Giờ thì gã biết hết tên những thương hiệu ấy rồi.

Gã chuyển toàn bộ đồ đạc của họ, chỉ để lại vài bức tranh cần bán, tới một căn nhà nhỏ hơn ở địa chỉ ít thời thượng hơn và chẳng phải nghe đến một câu khiêu nại khi họ mất một món đồ do gã nhón được trong số ấy. Ngay cả khi Camilla Lossius đứng trước cửa nhà thờ Tveita trong bộ váy cưới, với những tòa cao ốc là các chứng nhân câm lặng, bố mẹ cô cũng không hề bộc lộ dù một cái bĩu môi chê trách lựa chọn của con gái. Có lẽ là bởi họ nhận ra rằng về mặt nào đó Erik và Camilla bổ khuyết cho nhau; gã thiếu sự cao nhã còn cô thiếu tiền.

Erik chiều chuộng Camilla như bà hoàng, và cô dễ hãnh làm thế. Gã đáp ứng mọi ý muốn của cô, đồng ý để cô yên trong chuyện gối chăn bất cứ khi nào cô muốn, chỉ có một yêu cầu duy nhất là cô hãy ăn vận thật đẹp mỗi khi đi đâu hoặc khi mời *vài người bạn thân của hai vợ chồng* - mà thực ra là bạn của gã từ hồi nhỏ - đến ăn tối. Có đôi lúc cô tự hỏi liệu gã có yêu cô thật lòng hay không, rồi dần dần cô cũng nảy sinh lòng cảm mến sâu sắc dành cho gã trai năng động và giàu tham vọng xuất thân ở Đông Oslo này.

Về phần mình, Erik cực mẫn nguyện. Ngay từ đầu gã đã biết Camilla không phải tuýp máu lửa; thực ra, đó là một trong những điều khiến gã đặt cô lên một tầm cao hơn mấy ả gã từng quen. Dù sao thì những nhu cầu sinh lý của gã đã được giải tỏa nhờ tiếp xúc gần gũi với khách hàng rồi. Erik rút ra một kết luận rằng trong việc chuyển nhà hãnh là có điều gì đó khiến người ta trở nên đa cảm, ủ dột và dễ tiếp nhận những trải nghiệm mới. Nói chung, gã lược cả đàn bà độc thân lẫn ly thân, đang chung sống lẫn đã có chồng, những cuộc giao hoan diễn ra trên bàn ăn, trên chiếu nghỉ cầu thang, trên tấm đệm bọc nylon và sàn gỗ mới lau, giữa đồng thùng các tông dán kín và bốn bức tường trống trơn âm vang, trong lúc đó gã còn nghĩ xem tiếp theo nên mua gì cho Camilla.

Đỉnh cao của việc dàn xếp này là một cách tự nhiên gã sẽ chẳng bao giờ gặp lại những phụ nữ ấy nữa. Bọn họ sẽ ra đi và biến mất. Và họ làm thế thật. Trừ một người.

Birte Olsen có mái tóc sẫm màu, tính tình khá dễ chịu và thân hình ngon nghề. Cô ta kém tuổi gã, chất giọng cao vút và cách nói khiến cô ta thậm chí còn trẻ hơn. Cô ta đang mang bầu hai tháng và chuẩn bị chuyển từ khu Tveita gần nhà gã để tới sống ở Hoffsvæien cùng với người sắp thành bố trẻ con, gã đàn ông ở khu Tây mà cô ta sắp cưới. Đó là vụ làm ăn Erik chẳng lạ gì. Và - gã nhận ra điều này sau khi quan hệ với cô ta trên cái ghế lưng nan xấu xí giữa căn phòng trống hoác - tình dục là thứ gã không thể sống thiếu được.

Nói ngắn gọn, Erik Lossius đã gặp được đối thủ xứng tầm.

Phải, đúng thế, vì gã nghĩ cô ta như một người đàn ông, kẻ chẳng thêm giấu giếm điều duy nhất cô ta muốn ở gã: chơi cho đã thì thôi. Theo một cách nào đó thì bọn họ đúng là chỉ làm có thế. Cả hai bắt đầu gặp nhau trong những căn hộ trống có đồ đạc cần chuyển đi hoặc chuyển đến, ít nhất một lần mỗi tháng với nguy cơ lộ tẩy lúc nào cũng cao. Mọi chuyện diễn ra chóng vánh, hiệu quả, quy trình luôn cố định và không có sự thay đổi. Nhưng dẫu sao, Erik Lossius vẫn ngóng chờ những cuộc hẹn bất chính đó như một đứa trẻ mong Giáng sinh, nghĩa là với niềm sung sướng giản đơn và chân thật chỉ có tăng lên vì tin rằng lần này cũng sẽ giống như bao lần trước, những kỳ vọng sẽ được thỏa mãn. Họ sống hai cuộc đời song song, trong hai thế giới song song, điều đó có vẻ hợp với cả gã lẫn cô ta. Và thế là họ tiếp tục đan dúi, chỉ bị gián đoạn trong thời gian cô ta sinh con - may thay lại là đẻ mổ - vài kỳ nghỉ tương đối dài hơi và một căn bệnh lây truyền qua đường tình dục khá vô hại bắt nguồn từ đâu thì gã chẳng thể và cũng chẳng buồn tìm hiểu. Từ đó đến nay đã mười năm trôi qua, giờ đây, trước mặt Erik, đang ngồi trên cái thùng các tông trong căn hộ đã dọn được phân nửa ở Torshov, là một người đàn ông cao ngầu có mái tóc húi cua và giọng nói nghe như tiếng máy cắt cỏ, hỏi gã có quen Birte Becker hay không.

Erik Lossius nuốt khan một cái.

Người đàn ông tự giới thiệu mình là Harry Hole, thanh tra thuộc Đội Hình sự, nhưng trông anh ta giống với đám nhân viên chuyển đồ của công ty gã hơn

là thanh tra gì đó. Những sĩ quan cảnh sát đã nói chuyện với Erik sau khi gã báo tin Camilla biến mất đều thuộc Đơn vị Tìm kiếm Người Mất tích. Tuy nhiên, khi người này trình thẻ cho gã xem, đầu tiên Erik tưởng anh ta có tin gì của Camilla. Hơn nữa, tay sĩ quan đang ngồi trước mặt lại không gọi điện mà đến tận đây tìm gã, thế nên gã lo sợ sắp có tin xấu. Bởi vậy, gã đã đuổi hết nhân viên ra ngoài và mời vị thanh tra ngồi trong lúc gã đi tìm điều thuốc và cố gắng chuẩn bị tinh thần để đón nhận những gì sắp đến.

“Thế nào?” Anh ta hỏi.

“Birte Becker ấy à?” Erik Lossius lặp lại, cố gắng châm thuốc và nghĩ thật nhanh. Nhưng cả hai việc ấy gã đều làm không nổi. Chết tiệt, đến nghĩ chậm cũng còn chẳng xong nữa là.

“Tôi hiểu anh cần phải bình tĩnh lại,” vị thanh tra nói, rút bao thuốc của mình ra. “Cứ từ từ.”

Erik nhìn vị thanh tra châm điều thuốc Camel và nhòai người tới trước khi anh ta giờ cái bật lửa về phía gã.

“Cảm ơn,” Erik lẩm bẩm, rít mạnh đến nỗi điều thuốc cháy lách tách. Khói thuốc xộc vào phổi gã, giống như nicotine đang được tiêm vào huyết mạch, xóa tan mọi rào cản. Gã luôn cho rằng điều này sớm muộn gì cũng xảy đến; bằng cách nào đó cảnh sát sẽ phát hiện ra mối quan hệ giữa gã với Birte và đến thăm vấn gã. Nhưng lúc ấy gã chỉ lo làm sao để giấu được Camilla mà thôi. Còn bây giờ, mọi chuyện đã khác rồi. Bắt đầu từ giây phút này trở đi. Bởi lẽ trước đó gã không hề nhận ra cảnh sát có thể cho rằng hai vụ mất tích có liên quan đến nhau.

“Chồng của Birte, Filip Becker, đã tìm thấy một cuốn sổ được Birte ghi chép dưới dạng một loại mật mã tương đối dễ giải,” người cảnh sát nói. “Trong đó có các số điện thoại, ngày tháng và những thông điệp rất nhỏ. Ít nhiều không còn nghi ngờ gì về việc Birte thường xuyên liên lạc với những người đàn ông khác.”

“Những người đàn ông á?” Erik buột miệng hỏi.

“Không biết điều này có khiến anh được an ủi không, nhưng Becker cho rằng anh là người Birte gặp gỡ thường xuyên nhất. Trong sổ vô vàn địa chỉ khác nhau, theo như tôi được biết,” Harry nói thêm.

Erik, cảm thấy mình như đang ngồi trên con thuyền dập dềnh nhìn cơn sóng dữ mỗi lúc một lớn lên phía chân trời, im lặng không đáp.

“Vì thế Becker tìm địa chỉ nhà anh, cầm theo khẩu súng đồ chơi của cậu con trai, một khẩu Glock 21 trông y như thật, và đến Tveita chờ anh về. Ông ta nói muốn nhìn thấy nỗi sợ trong mắt anh. Đe dọa để anh chịu khai ra mọi điều anh biết, sau đó ông ta có thể báo lại cho chúng tôi về anh. Ông ta đi theo chiếc ô tô vào tận trong gara, nhưng không ngờ người lái xe lại là vợ anh.”

“Vậy là ông ta... ông ta...”

“Đã kể hết cho bà nhà, đúng vậy.”

Erik đứng lên khỏi chiếc thùng các tông và bước tới bên cửa sổ. Căn hộ này trông ra quang cảnh công viên Torshov và thành phố Oslo đang tắm mình dưới ánh bình minh. Gã không thích những tòa nhà chung cư cũ nhìn ra khung cảnh bên ngoài. Vì như vậy tức là ở đó có cầu thang. Tầm nhìn càng đẹp thì càng có nhiều cầu thang, căn hộ càng thuộc loại cao cấp, đồng nghĩa với việc có nhiều đồ nặng và đắt tiền hơn, phí bồi thường hư hỏng sẽ cao hơn, và sau đó nhân viên của gã sẽ xin nghỉ ốm lâu hơn. Nhưng đó là điều anh phải chấp nhận khi mạo hiểm duy trì mức giá cố định ở mức thấp; anh sẽ luôn chiến thắng trong cuộc cạnh tranh để giành lấy những công việc tồi tệ nhất. Dần dần, sự mạo hiểm nào rồi cũng đến lúc phải trả giá. Erik hít sâu một hơi và nghe thấy tiếng viên cảnh sát lê bước trên sàn gỗ. Và như vậy, gã biết. Người thanh tra này sẽ chẳng chịu buông xuôi trước bất cứ chiêu trò kéo dài thời gian nào hết. Báo cáo thiệt hại lần này là bản báo cáo gã sẽ không thể vứt vào thùng rác được nữa. Birte Olsen, giờ mang họ Becker, sắp trở thành khách hàng đầu tiên gã hứng chịu tổn thất.

“Thế rồi anh ta thú nhận đã dấn dứ với Birte Becker suốt mười năm trời,” Harry nói. “Và rằng bọn họ gặp rồi quan hệ lần đầu trong thời gian cô ta mang bầu với chồng.”

“Phải nói là mang bầu con trai hoặc con gái,” Rakel chỉnh lời anh, vỗ vỗ chiếc gối để nhìn anh được rõ hơn. “Hoặc mang bầu đứa con của chồng.”

“Ừm,” Harry nói và chống tay nhòm dậy, nhào người qua chỗ cô nằm để với lấy bao thuốc lá trên kệ đầu giường. “Khả năng đó chỉ khoảng tám mươi phần trăm là cùng.”

“Sao cơ?”

“Trên radio nói có từ mười lăm đến hai mươi phần trăm trẻ em ở Scandinavia không phải con ruột của bố chúng.” Anh lắc bao thuốc để lấy ra một điếu và giơ lên trên nền ánh chiều hôm hắt vào phòng từ bên dưới tấm rèm. “Em hút cùng không?”

Rakel gật đầu chẳng nói gì. Bình thường cô không hút thuốc, nhưng đó là điều họ luôn làm sau khi ân ái: chia nhau một điếu thuốc. Lần đầu Rakel đòi hút thử, cô bảo lý do là vì cô muốn nếm trải cảm giác của anh, muốn bị tiêm nhiễm giống anh, bị kích thích như anh, để đến gần anh nhất có thể. Lúc ấy anh nghĩ đến những cô gái nghiện ngập anh từng gặp, bọn họ cũng trải qua lần đầu thử cảm giác mạnh với cùng một lý do ngốc nghếch như thế, và anh từ chối. Nhưng cô đã thuyết phục được anh, cuối cùng việc đó trở thành một thói quen. Sau màn ân ái chậm rãi, lưu luyến chưa dứt, điếu thuốc giống như một sự nối dài cuộc vui. Những lần khác cảm giác lại giống như bình yên hút tẩu sau một trận đấu.

“Nhưng anh ta có chứng cứ ngoại phạm trong suốt buổi tối hôm Birte mất tích,” Harry nói. “Tối đó là tối tụ tập của cánh đàn ông ở Tveita bắt đầu từ lúc sáu giờ và kéo dài thâu đêm. Có ít nhất mười người làm chứng, tuy đa phần đều say xỉn, nhưng không ai được phép ra về trước sáu giờ sáng.”

“Sao các anh lại giữ kín thông tin Vetlesen không phải là Người Tuyết?”

“Chừng nào Người tuyết còn cho rằng cảnh sát tưởng mình đã bắt được hung thủ thì hẳn sẽ còn án binh bất động, mong là thế, và không gây án thêm nữa. Hẳn sẽ lơ là cảnh giác nếu cho rằng cuộc săn đã khép lại. Trong lúc đó, bọn anh có thể nhẩn nha âm thầm điều tra tiếp.”

“Nghe chừng có ý mĩa mai thì phải?”

“Có thể,” Harry đáp, đưa điếu thuốc cho cô.

“Vậy là anh không thực sự tin điều đó à?”

“Anh cho rằng cấp trên có nhiều lý do để giữ kín thông tin Vetlesen không phải hung thủ thực sự. Giám đốc Sở và Hagen đã tổ chức họp báo trong lúc bọn họ tung hô khen ngợi lẫn nhau vì đã phá án thắng lợi.”

Rakel thở dài. “Thế mà đôi lúc em vẫn còn nhung nhớ Sở Cảnh sát ấy đấy.”

“Ừm.”

Rakel chăm chú quan sát điều thuốc. “Anh đã bao giờ không chung thủy chưa, Harry?”

“Định nghĩa không chung thủy xem.”

“Ngủ với người không phải người yêu hoặc vợ chồng.”

“Rồi.”

“Ý em là trong thời gian ở bên em ấy.”

“Em biết là anh không thể chắc chắn một trăm phần trăm mà.”

“Thôi được rồi, thế lúc tỉnh.”

“Không, chưa bao giờ.”

“Thế anh nghĩ sao về em? Về việc em đang ở đây lúc này?”

“Em hỏi xoáy anh đấy à?”

“Em nói nghiêm túc đấy, Harry.”

“Anh biết. Anh chỉ không rõ mình có muốn trả lời hay không thôi.”

“Thế thì anh đừng mong hút thuốc nữa nhé.”

“Ừm. Thôi được rồi. Anh nghĩ là em tin rằng em muốn anh, nhưng em ước gì mình muốn anh ta kia.”

Những lời vừa thốt ra còn vang vọng quanh họ như thể đã in hằn vào bóng tối.

“Anh... vô tư quá thể,” Rakel kêu lên, đưa điều thuốc cho Harry và khoanh tay trước ngực.

“Hay là chúng ta không nên nói về chuyện đó thì hơn?” Harry đề nghị.

“Nhưng em phải nói! Anh không hiểu hay sao? Không nói thì em phát điên mất. Lạy Chúa, em điên thật rồi, khi ở đây lúc này...” Cô kéo chăn lên tận cằm.

Harry trở mình và xích lại gần cô. Anh còn chưa chạm vào cô mà cô đã nhắm mắt lại, ngả đầu ra, anh nghe thấy tiếng thở bắt đầu trở nên gấp gáp qua đôi môi hé mở của cô. Và anh nghĩ thầm: sao cô làm được như vậy nhỉ? Từ xấu hổ ê chề bỗng trở nên phóng đảng chỉ trong chớp mắt? Sao cô có thể... vô tư đến thế?

“Em có nghĩ...” anh nói, thấy cô mở mắt nhìn đăm đăm lên trần nhà với vẻ ngỡ ngàng và bức bối khi vẫn chưa thấy những cái vuốt ve đâu cả, “lương tâm cắn rứt đã khiến chúng ta thêm khát nhau? Chúng ta ngoại tình không phải bất chấp cảm giác hổ thẹn mà chính là vì nó?”

Cô chớp mắt vài lần.

“Cũng đúng một phần,” cuối cùng cô nói. “Nhưng đó chưa phải là tất cả. Lần này thì không.”

“Lần này ư?”

“Đúng vậy.”

“Có lần anh đã hỏi em và em bảo...”

“Em nói dối đấy,” cô đáp. “Trước đây em cũng từng không chung thủy rồi.”

“Ừm.”

Hai người lặng im nằm đó nghe tiếng xe cộ trong giờ tan tầm trên phố Pilestredet từ xa vọng lại. Từ chỗ làm cô về thẳng nhà anh; anh nằm rõ thời gian biểu của Rakel và Oleg nên cũng biết không lâu nữa cô sẽ phải ra về.

“Có biết em ghét anh ở điểm gì không?” cô nói và véo tai anh một cái. “Anh quá kiêu ngạo và ương bướng nên chẳng thèm hỏi có phải em không chung thủy với anh hay không.”

“À thì,” Harry nói, cầm lấy điều thuốc hút dở và đăm đăm nhìn theo tấm thân lỏa lồ của cô khi cô rời khỏi giường, “anh cần biết để làm gì chứ?”

“Cũng như chồng của Birte thôi. Để lật tẩy sự dối trá. Để phơi bày sự thật.”

“Em nghĩ sự thật có giúp Filip Becker bớt buồn chút nào không?”

Cô kéo cái áo len qua đầu, chiếc áo màu đen bó sát dẹt từ len sợi thô phủ lên làn da mềm mại của cô. Harry chợt nghĩ nếu trên đời có thứ gì khiến anh sinh lòng ghen tuông thì đó chính là chiếc áo ấy.

“Anh biết sao không, anh Hole? Đối với một người chuyên làm nghề vạch trần những sự thật xấu xí, anh có vẻ thích sống chung với dối trá đấy.”

“Thôi được,” Harry đáp và dụi điều thuốc vào gạt tàn. “Kể nghe xem nào.”

“Đó là hồi ở Moscow, khi em đang yêu Fjodor. Có một anh chàng tùy viên ở đại sứ quán Na Uy mà em được huấn luyện cùng. Bọn em đã yêu nhau say đắm.”

“Rồi sao?”

“Anh ta cũng đã có người yêu. Lúc cả hai bọn em sắp sửa chia tay nửa kia của mình thì cô người yêu anh ta can thiệp trước và báo tin có bầu. Nói chung em rất có mắt nhìn đàn ông...” Cô xỏ chân vào đôi bốt, môi trên cong lên. “Nên dĩ nhiên em phải chọn một người không rũ bỏ trách nhiệm. Anh ta nộp đơn xin chuyển về Oslo, từ đó về sau bọn em không bao giờ gặp lại nữa. Rồi em và Fjodor kết hôn.”

“Ngay sau đó em có bầu chứ gì?”

“Phải.” Cô cài cúc áo khoác và cúi xuống nhìn anh. “Đôi lúc em tự hỏi liệu có phải em làm thế là để quên anh ta đi hay không. Và Oleg là kết quả không phải của tình yêu mà của đam mê mù quáng chẳng. Anh có cho là thế không?”

“Anh không biết,” Harry đáp. “Anh chỉ biết nó là một kết quả tuyệt vời.”

Cô mỉm cười nhìn anh đầy cảm kích và cúi xuống đặt một nụ hôn lên trán anh. “Chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa đâu, Hole ạ.”

“Dĩ nhiên là không rồi,” anh nói, ngồi dậy trên giường và nhìn chăm chăm vào bức tường trống trải cho tới khi nghe thấy tiếng cánh cửa chính nặng trĩch trên ổ khóa đóng lại sau lưng cô với một âm thanh trầm đục. Sau đó anh đi vào bếp, vặn vòi và lấy một chiếc cốc từ trong tủ bếp phía trên. Trong lúc chờ nước lạnh chảy ra, ánh mắt anh chợt dừng lại trên tấm lịch có ảnh Oleg và Rakel trong bộ váy màu thanh thiên rồi anh nhìn xuống sàn. Trên sàn có hai dấu bốt ướt. Đó hẳn là dấu giày của Rakel.

Anh mặc áo khoác và xỏ bốt vào, chuẩn bị đi, thì anh bỗng quay lại, lấy khẩu súng lục công vụ Smith & Wesson trên nóc tủ quần áo và nhét vào túi áo khoác.

Cuộc mây mưa vừa qua vẫn còn vương lại dấu ấn nơi anh, một cảm giác lâng lâng thật dễ chịu, một thứ men say dịu dàng. Vừa tới cửa chính mở ra phố thì chợt có tiếng *cách* vang lên khiến anh quay ngoắt lại, căng mắt nhìn ra sân nơi bóng tối đen đặc hơn ở trên phố. Anh định đi tiếp và lẽ ra đã làm thế. Nếu không vì trông thấy những dấu chân. Dấu bốt trên sàn nhà. Vậy là anh quay vào sân. Ánh đèn vàng tỏa ra từ những ô cửa sổ tầng trên hắt lên chút tuyết còn sót lại ở nơi mặt trời không rọi tới. Nó đang đứng đó cạnh lối vào kho chứa đồ ở tầng hầm. Thân hình cong vẹo, cái đầu nghiêng nghiêng, cặp mắt là hai viên

sỏi, cái miệng nhả nhở nhìn anh cười. Tiếng cười âm lạnh vang vọng giữa những bức tường gạch, hòa với tiếng thét cuồng loạn anh chợt nhận ra là tiếng của chính mình khi chộp lấy cái xẻng xúc tuyết bên cạnh bậc thang xuống tầng hầm và vung mạnh trong cơn nộ khí xung thiên. Mép xẻng bằng kim loại sắc bén đánh trúng vào cổ, khiến cái đầu lìa khỏi thân và tuyết ướt bắn cả lên tường. Cú chém đầy uy lực sau đó phạt đứt đôi thân người tuyết, cú thứ ba khiến phần còn lại văng tung tóe trên mặt đất trải nhựa đường đen ở giữa sân. Harry đứng đó thở hồng hộc và bỗng nghe thấy một tiếng *cách* nữa vang lên sau lưng. Âm thanh ấy giống như tiếng súng lục lên cò. Với một động tác thuần thục, anh quay ngoắt lại, vút xẻng xuống và rút khẩu súng lục màu đen ra.

Muhammad và Salma đang đứng bên hàng rào gỗ dưới cây bạch dương cổ thụ, đôi mắt trẻ thơ mở lớn đầy khiếp đảm chăm chăm nhìn người hàng xóm trong âm lạnh. Chúng đang cầm mấy nhánh cây khô. Những nhánh cây ấy hẳn sẽ là đôi cánh tay xinh xắn cho người tuyết nếu như Salma không lỡ tay bẻ gãy chỉ vì quá sợ hãi.

“Người... người tuyết của bọn cháu,” Muhammad lắp bắp nói.

Harry cất súng vào túi áo và nhắm mắt lại. Anh thầm nguyện rửa chính mình, nuốt khan một cái và lệnh cho bộ não thôi ngay những ý nghĩ bạo lực đi. Rồi anh mở mắt ra. Cặp mắt nâu của Salma rưng rưng lệ.

“Chú xin lỗi,” anh khẽ nói. “Chú sẽ giúp các cháu đắp người tuyết khác.”

“Cháu muốn về,” Salma nghẹn ngào nói.

Muhammad nắm tay em gái và đưa cô bé về nhà, tránh xa Harry như tránh tà.

Harry cảm thấy báng súng cọ vào bàn tay. Tiếng *cách* đó. Vừa nãy anh cứ tưởng là tiếng búa gõ giương lên. Nhưng dĩ nhiên anh đã nhầm; trong thao tác bắn súng, bước này không phát ra tiếng động. Thứ ta nghe được là tiếng búa gõ hạ xuống, âm thanh của phát bắn chưa được khai hỏa, âm thanh của sự sống. Anh lại rút khẩu súng công vụ ra. Chĩa xuống *đất* và siết cò. Búa gõ vẫn không xê dịch. Chỉ đến khi anh ép cò súng được một phần ba giới hạn và tưởng như súng có thể nổ bất cứ lúc nào thì búa gõ mới từ từ giương lên. Anh nhả cò súng. Búa gõ lại hạ xuống, trở về vị trí cũ kèm theo tiếng kim loại vang lên

đánh *cách*. Đúng là âm thanh ấy rồi. Anh nhận ra rằng người nào bóp cò sâu đến mức búa gõ giương lên, kẻ đó thực sự có ý định bắn.

Harry ngược nhìn những ô cửa sổ căn hộ của mình trên tầng hai. Tất cả đều tối om, và anh bỗng nảy ra ý nghĩ: chẳng biết điều gì diễn ra phía sau những ô cửa ấy khi anh vắng nhà.

Erik Lossius ngồi trong văn phòng với vẻ uể oải bơ phờ dõi nhìn ra ngoài cửa sổ và đắm chiêu nghĩ ngợi. Gã đâu ngờ đằng sau cặp mắt nâu của Birte lại ẩn chứa nhiều bí mật đến thế. Khi biết cô ta còn qua lại với nhiều người đàn ông khác, gã cảm thấy điều đó còn tồi tệ hơn cả việc cô ta mất tích và có thể đã chết. Và gã thà để mất Camilla vào tay một tên sát nhân còn hơn mất cô theo cách này. Nhưng nói chung Erik Lossius nghĩ rằng mình hẳn đã yêu Camilla thực sự. Đến giờ vẫn còn yêu. Gã đã gọi điện cho bố mẹ cô, nhưng họ cũng không có tin tức gì của cô cả. Có thể cô đang tá túc tại nhà một trong mấy cô bạn gái ở Tây Oslo mà gã chỉ biết qua lời cô kể.

Gã đắm đắm nhìn ánh chiều tà đang dần phủ lên thung lũng Groruddalen khi bóng tối mỗi lúc một dày đặc và khóa lấp những nét chi tiết. Chẳng còn việc gì để làm trong ngày hôm nay nữa, nhưng gã không muốn trở về căn nhà rộng rãi mà trống vắng đến vô cùng. Gã chưa muốn về vội. Trong chiếc tủ phía sau lưng gã có một thùng rượu đủ loại, một kiểu quỹ đen mà gã nhón được trong những lần vận chuyển tủ rượu của các gia đình. Nhưng trong số đó không có rượu pha. Gã rót rượu gin vào chiếc cốc uống cà phê, mới nhấp được tí chút thì điện thoại trên bàn đồ chuông. Gã nhận ra mã số điện thoại quốc tế của Pháp trên màn hình. Số này không có trong danh sách khiêu nại nên gã yên tâm nghe máy.

Gã biết vợ mình đang ở đầu dây bên kia chỉ qua tiếng thở, ngay cả khi cô chưa nói gì.

“Em đang ở đâu?” gã hỏi.

“Anh nghĩ là ở đâu?” Giọng cô dường như vọng đến từ một nơi rất xa.

“Em gọi điện từ nơi nào thế?”

“Từ Casper.”

Đó là quán cà phê nằm cách biệt thụt vùng ngoại ô của họ ba cây số.

“Cảnh sát đang tìm em đấy, Camilla.”

“Vậy sao?”

Nghe giọng cô, gã có cảm giác như thể cô vừa thiếp đi trên chiếc ghế tắm nắng. Giọng nói ấy toát lên sự buồn chán, chỉ miễn cưỡng tỏ ra quan tâm bằng thái độ lịch thiệp nhưng hờ hững, điều đã khiến gã mê mết từ nhiều năm về trước, trên ban công căn hộ ở Blommenholm.

“Anh...” gã mở lời, rồi lại im lặng. Có thể nói gì được đây?

“Tôi nghĩ tốt hơn là nên báo cho anh trước khi luật sư gia đình gọi điện,” cô nói.

“Luật sư gia đình ư?”

“Gia đình tôi,” cô nói. “Một trong những người giỏi nhất trong lĩnh vực này, e rằng như vậy. Ông ta sẽ đề nghị thẳng thắn chia đôi tài sản và tiền bạc. Chúng tôi sẽ yêu cầu được giữ lại căn nhà, và chắc chắn sẽ có nó, dù chẳng giấu gì anh là sau đó tôi định bán nó đi.”

Khỏi nói cũng biết, gã nghĩ thầm.

“Năm ngày nữa tôi về. Đến lúc đó, mong là anh chuyển đi rồi.”

“Như vậy gấp quá,” gã nói.

“Anh dư sức làm được. Tôi nghe nói không đâu chuyển đồ nhanh và rẻ hơn Rydd & Flytt mà.”

Cô thốt ra những từ cuối cùng một cách khinh miệt đến nỗi khiến gã co rúm lại. Tình trạng ấy đã diễn ra kể từ sau cuộc nói chuyện giữa gã và thanh tra Hole đến nay. Gã chẳng khác nào cái chăn đem giặt ở nhiệt độ quá cao nên bị co nhỏ, không còn vừa với cô, trở nên vô dụng. Cùng với niềm tin không gì lay chuyển nổi khi biết rằng giờ đây, ngay phút giây này, gã yêu cô nhiều hơn bao giờ hết, gã cũng biết mình đã mãi mãi mất cô, không còn hy vọng hàn gắn. Sau khi cô cúp máy, trong đầu gã hiện lên hình ảnh cô nheo mắt ngắm hoàng hôn ở vùng ven biển Riviera nước Pháp qua cặp kính râm có giá hai mươi euro, nhưng một khi cô đeo lên, trông nó nào có thua kém gì hàng hiệu giá ba ngàn krone của Gucci, Dolce & Gabbana, hay là... gã đã quên tên của những thương hiệu khác mất rồi.

Harry lái xe lên tận nơi cao nhất của ngọn núi Holmenkollen nằm ở phía Tây thành phố. Anh đỗ xe trong bãi xe rộng thênh thang vắng tanh vắng ngắt ở

trung tâm thể thao, rồi đi bộ lên Holmenkollen. Khi đến nơi, anh đứng trên đài ngắm cảnh bên cạnh khu ski jump, cùng vài khách du lịch trái mùa nhìn bao quát những hàng ghế ngồi tỏa đều sang hai bên của đường dốc hết như một nụ cười vô cảm, cái hồ nhỏ phía dưới đã cạn khô trong suốt những tháng mùa đông, và thành phố trải dài đến tận vùng vịnh. Cảnh quan giúp ta mở mang tầm mắt. Cảnh sát chưa có được chứng cứ xác đáng. Người Tuyết đã ở rất gần, gần đến nỗi ngỡ như chỉ cần vươn ra là có thể tóm được hắn. Ấy thế mà một lần nữa hắn lại vượt khỏi tầm tay họ chẳng khác nào võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp đầy mưu mẹo, láu cá. Vị thanh tra thấy mình già nua, nặng nề và hậu đậu. Một vị khách du lịch đang nhìn anh. Sức nặng của khẩu súng lục công vụ khiến túi áo bên phải của anh trĩu xuống. Vậy còn những xác chết, chúng đang ở chỗ quái quỷ nào cơ chứ? Ngay cả những thi thể bị chôn vùi thì rồi cũng đều được phát hiện kia mà. Phải chăng hắn dùng axit?

Harry cảm thấy ý nghĩ muốn đầu hàng bắt đầu manh nha xuất hiện. Không, đừng hòng có chuyện đó! Khi tham gia khóa huấn luyện của FBI, các học viên được tìm hiểu về những vụ án mất đến cả chục năm trời điều tra ròng rã mới bắt được hung thủ. Dường như đã thành lệ, một tình tiết ngẫu nhiên rất nhỏ nào đó thường lại có thể giúp phá án. Nhưng thực ra, mấu chốt nằm ở chỗ cảnh sát không bao giờ chịu bó tay, dù đã đi hết mười lăm hiệp đấu nhưng nếu đối thủ vẫn trơ như đá vững như đồng thì họ sẽ kiên quyết đòi đấu thêm lượt về.

Bóng chiều chạng vạng âm thầm trườn lên từ thành phố bên dưới, quanh anh đèn đóm dần được thắp sáng.

Họ phải bắt đầu tìm kiếm ở nơi có ánh sáng. Đó là quy tắc tuy nhỏ nhưng quan trọng trong quá trình điều tra. Xuất phát từ bất cứ chỗ nào có manh mối. Trong trường hợp này, điều đó có nghĩa là bắt đầu với nhân vật ít tiềm năng nhất và ý tưởng tồi tệ nhất, điên rồ nhất anh từng có.

Harry thở dài, lấy điện thoại di động trong túi ra và dò lại danh sách các cuộc gọi cũ. Con số đó chẳng nhiều nhận gì nên trong máy vẫn còn lưu, cuộc nói chuyện ngắn ngủi ở khách sạn Leon. Anh nhấn *Gọi*.

Oda Paulsen, cô nhân viên tổ chức sản xuất chương trình *Bosse*, lập tức trả lời bằng giọng vui vẻ, hào hứng của người luôn coi mỗi cuộc gọi đến đều là

một cơ hội đầy hứa hẹn. Và lần này, theo một khía cạnh nào đó, thì đúng là thế thật.

ngày thứ mười tám

PHÒNG CHỜ

Đó là căn phòng khiến cho những người có mặt cảm thấy hồi hộp và lo lắng. Có lẽ vì thế một số người mới gọi nó là *phòng chờ*, như thể họ đang ngồi đợi ở phòng khám nha khoa. Hoặc *tiền sảnh*, như thể cánh cửa nặng nề của Trường quay 1 với hai chiếc sofa kê hai bên sẽ đưa họ bước vào chốn nào đó quan trọng, thậm chí là linh thiêng. Thế nhưng trong bản vẽ mặt bằng tòa cao ốc thuộc sở hữu của Đài Truyền hình Quốc gia Na Uy NRK tọa lạc tại quận Marienlyst, thủ đô Oslo, nó lại mang một cái tên thật tầm thường và nhàm chán: Sảnh, Trường quay 1. Dẫu vậy, đây vẫn là căn phòng thú vị nhất Oda Paulsen từng biết.

Các khách mời tham dự chương trình *Bosse* số phát sóng vào buổi tối hầu hết đều đã có mặt. Như thường lệ, nhân vật nào ít nổi tiếng nhất và người có thời gian lên hình ngắn nhất sẽ đến sớm nhất. Lúc này họ đang ngồi tại một trong hai chiếc sofa, sửa soạn trang điểm, khuôn mặt ửng hồng vì căng thẳng trong lúc tán gẫu, uống trà hoặc rượu vang đỏ, ánh mắt không ngừng hướng về phía chiếc màn hình cho thấy toàn cảnh trường quay phía bên kia cánh cửa. Ở đó, khán giả đã được cho vào và người quản lý chương trình đang hướng dẫn họ cách vỗ tay, cười và hò reo cổ vũ. Trên màn hình còn chiếu cả ghế ngồi của người chủ trì và bốn ghế khác dành cho khách mời, tất cả như đang chờ đợi sự xuất hiện của người tham gia, nội dung và màn giải trí hấp dẫn.

Oda rất thích những giây phút căng thẳng, lo âu trước khi ghi hình. Thứ Sáu nào cũng vậy, bốn mươi phút của chương trình là khoảng thời gian đưa họ đến gần với tâm điểm thế giới nhất có thể ở Na Uy này. Số lượng khán giả theo dõi chương trình chiếm từ hai mươi đến hai mươi lăm phần trăm dân số, quả là tỷ lệ cao ngất ngưỡng đối với một chương trình trò chuyện. Những người làm việc ở đây không chỉ *có mặt* ở nơi diễn ra chương trình, họ chính là điều *làm nên* chương trình. *Bosse* được ví như *Cực Bắc từ* của sự nổi tiếng, là thứ có khả năng thu hút mọi thứ lẫn mọi người. Sự nổi tiếng giống như một chất gây nghiện, hơn nữa ở *Cực Bắc* mũi tên la bàn luôn chỉ về một hướng duy nhất, đó

là hướng Nam - đi xuống, thế nên tất cả nhân viên đều phải tìm mọi cách cố gắng giữ được công việc mình đang có. Một người hành nghề tự do như Oda phải hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để có cơ hội góp mặt trong đội ngũ sản xuất vào mùa tiếp theo. Chính vì lẽ ấy cô ta mừng như bắt được vàng, mừng cho chính mình, khi nhận được cú điện thoại gọi đến vào lúc sấm tối ngày hôm qua, ngay trước khi họp bộ phận biên tập. Bosse Eggen đã cười với Oda và nói rằng đó đúng là một mỏ vàng. Mỏ vàng của cô ta.

Chủ đề của chương trình tối nay là những trò chơi người lớn. Đó là đề tài quen thuộc của Bosse, nghiêm túc nhưng không quá nặng nề. Một thứ mà các khách mời có thể đưa ra quan điểm cận chuyên môn. Trong số đó có một nữ chuyên gia tâm lý mới hoàn thành luận án về đề tài này, song khách mời chính của số này là Arve Støp, người sẽ chủ trì lễ kỷ niệm hai mươi lăm năm thành lập tạp chí *Liberal* vào ngày mai. Khi Oda đến gặp ông ta tại nhà riêng để trao đổi về công tác chuẩn bị, Støp không phản đối lời đề nghị tham dự dưới góc nhìn của một người lớn chịu chơi, tay chơi bất hảo. Ông ta chỉ phá lên cười khi nghe Oda so sánh ông ta với một [Hugh Hefner](#) già nua mặc áo choàng ngủ, miệng phì phèo tẩu thuốc trong bữa tiệc độc thân kéo dài bất tận tại dinh thự của mình. Cô cảm thấy ông ta nhìn mình bằng ánh mắt dò xét, hiếu kỳ, và chỉ chấm dứt lúc cô hỏi ông ta có hối hận không khi chẳng có con cái, không có người kế thừa để chế ông ta gậy dựng nên.

Hugh Hefner (1926-2017) là tỷ phú người Mỹ, người sáng lập và chủ sở hữu tạp chí *Playboy*.

“Thế cô có con không?” ông ta hỏi.

Khi cô đáp rằng không, ông ta bỗng tỏ ra chẳng còn hứng thú gì với cả cô lẫn cuộc nói chuyện này nữa, khiến cô vô cùng ngạc nhiên. Vì vậy cô nhanh chóng kết thúc cuộc gặp mặt bằng cách dặn dò ông ta những thông tin cơ bản: thời gian có mặt ở đài và trang điểm, tốt hơn nên tránh mặc trang phục kẻ sọc, chủ đề và khách mời của chương trình có thể thay đổi vào phút chót vì Bosse là talk show ứng biến linh hoạt, v.v...

Vậy là vào lúc này đây Arve Støp đang có mặt ở Sảnh, Trường quay 1, vừa trải qua công đoạn trang điểm, với cặp mắt xanh ánh lên sắc sảo cùng mái tóc muối tiêu dày dặn được chải chuốt gọn gàng và chỉ đủ dài để ngọn tóc hơi

bồng bênh cho phù hợp với phong cách bất cần. Ông ta mặc bộ vét xám trơn mà ai cũng biết là có giá cỡ một cánh tay hay một bàn chân, dù chẳng ai giải thích được vì sao mình biết. Một bàn tay rám nắng nhanh chóng chìa ra để chào đón chuyên gia tâm lý đang ngồi trên sofa nhấm nháp đậu phộng và một ly vang đỏ.

“Tôi thật không biết chuyên gia tâm lý có thể xinh đến vậy,” ông ta nói với người phụ nữ. “Hy vọng mọi người vẫn nghe hiểu những điều cô nói.”

Oda quan sát cô chuyên gia ngần ngừ giây lát rồi mỉm cười rạng rỡ. Và dù người phụ nữ đó biết rõ lời khen của Støp thực chất là một câu bông đùa, nhìn tia sáng long lanh trong đôi mắt cô ta, Oda biết rằng nó đã đánh trúng tâm.

“Xin chào, cảm ơn tất cả các vị đã có mặt ở đây ngày hôm nay!” Bosse Eggen nói khi bước vào phòng. Ông ta bắt đầu với các khách mời ở bên trái bằng cách bắt tay, nhìn vào mắt họ và nói rằng ông ta rất vui khi được đồng hành cùng họ trong chương trình, và họ có thể chen ngang giữa chừng để đặt câu hỏi cho những khách mời khác hoặc đưa ra nhận xét của mình; như thế cuộc thảo luận sẽ càng thêm sôi nổi.

Gubbe, nhà sản xuất chương trình, ra hiệu bảo Støp và Bosse rút vào căn phòng phụ để trao đổi về cấu trúc cuộc phỏng vấn chính và phần giới thiệu chương trình. Oda xem đồng hồ. Tám phút rưỡi nữa là ghi hình rồi. Cô bắt đầu thấy hơi lo và tự hỏi có nên gọi điện cho lễ tân hỏi xem anh ta có đang đợi ở đó không: vị khách chủ chốt thực sự. Mỏ vàng của cô. Thế nhưng khi cô ngược lên thì thấy anh ta đang đứng đằng trước cùng với một trợ lý, và tim Oda lỡ mất một nhịp. Anh ta không hẳn ưa nhìn, thậm chí có thể nói là xí trai, nhưng cô chẳng ngại thừa nhận cô cảm thấy có một sức hút nhất định. Và sức hút này phần nào xuất phát từ việc anh ta là khách mời mà hiện nay tất cả các kênh truyền hình ở Scandinavia đều muốn giành lấy. Vì anh ta là người đã bắt được Người Tuyết, chuyên án giết người gây chấn động nhất Na Uy trong vòng nhiều năm trở lại đây.

“Tôi đã bảo sẽ đến muộn mà,” Harry Hole lên tiếng trước khi cô kịp nói điều gì.

Cô ngửi hơi thở của anh ta. Lần gần đây nhất xuất hiện trong chương trình, anh ta rõ ràng đã uống say và làm méch lòng toàn thể người dân trên đất nước

này. Hay ít nhất là khoảng hai mươi đến hai mươi lăm phần trăm trong số đó.

“Có anh là chúng tôi mừng lắm rồi,” cô rối rít nói. “Anh sẽ là người thứ hai lên hình. Sau đó anh chỉ ngồi nghe cho đến hết chương trình cũng được; những khách mời khác sẽ lần lượt xuất hiện.”

“Được thôi,” anh ta nói.

“Dẫn anh ấy đi trang điểm đi,” Oda nói với người trợ lý. “Chọn Guri ấy.”

Guri không chỉ được việc mà còn biết cách khiến một gương mặt bơ phờ trở nên dễ coi trên truyền hình chỉ bằng một vài mảnh khóc cả đơn giản lẫn không đơn giản cho lắm.

Sau khi họ đi Oda hít một hơi thật sâu. Cô rất, rất thích những giờ phút cuối cùng đầy căng thẳng khi mọi thứ dường như là một mớ hỗn loạn nhưng rồi vẫn sẽ đầu vào đấy cả.

Bosse và Støp từ phòng phụ đi ra. Cô giơ ngón tay cái với Bosse. Cô nghe tiếng hoan hô của khán giả khi cánh cửa trường quay khép lại. Trên màn hình cô trông thấy Bosse ngồi xuống ghế và biết rằng người quản lý đã bắt đầu đếm ngược. Rồi nhạc hiệu nổi lên và thế là bọn họ lên sóng.

Oda nhận ra dường như có điều gì đó không ổn. Tính đến thời điểm này chương trình diễn ra khá suôn sẻ. Arve Støp thể hiện rất tốt và Bosse rất hài lòng. Arve Støp nói ông ta bị người ta xem là một tay thượng đẳng cũng bởi vì ông ta chính là thượng đẳng. Và rằng ông ta sẽ chẳng được ai nhớ đến trừ phi trải qua một, hai lần thất bại thực sự nào đó.

“Những câu chuyện hay chẳng bao giờ kể về một chuỗi thành công mà luôn là những thất bại cay đắng,” Støp nói. “Dù Roald Amundsen có chiến thắng trong cuộc chạy đua tới Nam Cực đi nữa, Robert Scott mới là người được lưu danh muôn thuở bên ngoài lãnh thổ Na Uy. Không thắng lợi nào của Napoleon được người đời nhớ bằng thất bại ở Waterloo. Niềm tự hào dân tộc Serbia bắt nguồn từ trận chiến với người Thổ ở Kosovo Poljie vào năm 1389, trận chiến trong đó người Serbia thất bại thảm hại. Và các vị cứ nhìn Chúa Jesus mà xem! Biểu tượng của người đàn ông được cho rằng đã chiến thắng cái chết đúng ra phải là người đứng bên ngoài lăng mộ với hai tay giơ cao. Ấy thế mà trong suốt chiều dài lịch sử, các tín đồ Thiên Chúa giáo vẫn lựa chọn biểu tượng của

sự thất bại ngoạn mục: khi người đó bị đóng đinh trên thập giá, gần như sắp đầu hàng. Bởi lẽ câu chuyện thất bại luôn có sức lay động lớn hơn cả.”

“Và ông đang tính trở thành một Jesus như thế?”

“Không,” Støp đáp, cặp mắt xuống và mỉm cười khi khán giả cười ồ. “Tôi hèn lắm. Tôi chỉ nhắm đến những thành công dễ quên thôi.”

Støp đã bộc lộ một khía cạnh đáng mến không ngờ, thậm chí là khiêm nhường, trong tính cách của mình, thay cho sự ngạo mạn khét tiếng thường ngày. Bosse hỏi ông ta rằng, người độc thân trường kỳ như ông ta chẳng lẽ không khao khát có được một người phụ nữ ở bên cạnh hay sao. Và khi Støp đáp rằng có. Oda biết sắp tới những lời cầu hôn sẽ đổ dồn về như tuyết lở. Khán giả phản ứng bằng một tràng pháo tay giòn giã. Thế rồi Bosse tuyên bố một cách hùng hồn: “Và đây, kẻ đi săn miệt mài, con sói độc hành của Sở Cảnh sát Oslo, thanh tra Harry Hole.” Oda nghĩ hình như mình vừa bắt gặp vẻ sừng sốt của Støp khi ống kính máy quay ngừng lại một giây ở chỗ ông ta.

Rõ ràng Bosse rất thích thú trước phản ứng nhận được trong câu hỏi về một người phụ nữ, bởi lẽ ông ta cố gắng duy trì điều đó bằng cách chuyển hướng sang phía Harry, người mà ông ta biết vẫn còn độc thân, hỏi rằng anh ta có ao ước được ở bên người phụ nữ nào không? Harry nhếch mép cười và lắc đầu. Nhưng Bosse chưa chịu buông tha mà hỏi tiếp, có chẳng một người đặc biệt nào đó anh ta đang chờ đợi mãi mãi không.

“Không,” Harry đáp, ngắn gọn nhẹ nhàng.

Thường thì kiểu cự tuyệt này chỉ càng thôi thúc Bosse khai thác sâu hơn, nhưng ông ta biết không nên phá hỏng bữa tiệc. Người Tuyết. Vì vậy, ông ta đề nghị Harry kể cho mọi người nghe về chuyên án đang gây xôn xao dư luận trên khắp Na Uy, kẻ sát nhân hàng loạt thực sự, lần đầu xuất hiện ở đất nước này. Harry tựa mình trên ghế như thể cái ghế quá nhỏ so với thân hình dài nghêu của anh trong khi tóm tắt lại chuỗi sự kiện xảy ra bằng những câu gãy gọn, súc tích. Trong những năm gần đây đã xảy ra một số vụ mất tích có nhiều điểm tương đồng dễ nhận thấy. Tất cả những phụ nữ mất tích đều đang gắn bó với người nào đó, đã có con và không tìm được xác.

Bosse thể hiện rõ vẻ nghiêm trọng để toàn thể khán giả biết họ đã chạm đến đề tài không có đất cho sự bông đùa.

“Năm nay Birte Becker bỗng dưng biến mất khỏi căn nhà ở Hoff, ngay tại Oslo này, cũng với tình huống tương tự,” Harry nói. “Không lâu sau, Sylvia Ottersen được phát hiện đã chết ở Sollihøgda ngoại ô Oslo. Đó là lần đầu tiên chúng tôi tìm được thi thể. Hay ít nhất là một phần của thi thể.”

“Vâng, vì anh đã tìm thấy đầu cô ấy, phải vậy không?” Bosse nói chen vào. Thông tin vừa đủ hữu ích cho khán giả nào còn mù mờ, lại vừa máu me và lá cải cho những ai đã biết. Ông ta chuyên nghiệp đến nỗi Oda lập tức cảm thấy hết sức hài lòng.

“Sau đó chúng tôi lại phát hiện thi thể của một cảnh sát đã mất tích bên ngoài thành phố Bergen.” Harry kiên nhẫn kể tiếp. “Ông ấy đã mất tích mười hai năm nay.”

“Rafto Sắt,” Bosse nói.

“Gert Rafto,” Harry chữa lại. “Cách đây vài hôm chúng tôi phát hiện ra xác của Idar Vetlesen ở Bygdøy. Đó là những thi thể duy nhất chúng tôi tìm được.”

“Theo anh điều tồi tệ nhất trong chuyên án này là gì?” Oda nhận ra sự sốt ruột trong giọng nói của Bosse, có lẽ là vì Harry đã không mắc bẫy *cái đầu* và cũng chẳng mô tả các vụ giết chóc với những tình tiết máu me ghê rợn như ông ta mong đợi.

“Từng ấy năm trôi qua đến giờ chúng tôi mới phát hiện ra có một mối liên hệ giữa các vụ mất tích.”

Lại một câu trả lời chán ngắt. Người quản lý chương trình ra hiệu bảo Bosse nghĩ cách chuyển chủ đề.

Bosse áp đầu ngón tay vào nhau. “Giờ thì chuyên án đã kết thúc và anh lại trở thành ngôi sao. Cảm giác thế nào hả Harry? Anh có nhận được thư của người hâm mộ không?” Ông ta nở nụ cười cầu tài tinh nghịch. Đề tài không có đất cho sự bông đùa đến đây là kết thúc.

Vị thanh tra chậm rãi gật đầu và liếm môi với vẻ dăm chiêu, như thể cách anh ta trả lời câu hỏi sẽ mang tính quyết định. “À, hồi đầu mùa thu vừa qua, tôi đã nhận được một lá thư, nhưng tôi tin Støp có thể cho biết rõ hơn về điều đó.”

Máy quay chiếu cận cảnh Støp trong khi ông ta nhìn Harry bằng vẻ mặt có chút tò mò. Hai giây dài của buổi ghi hình trôi đi trong im lặng. Oda cắn môi dưới. Harry nói vậy là sao? Thế rồi Bosse nhảy vào cứu vãn tình hình.

“Vâng, dĩ nhiên là Støp nhận được nhiều thư của người hâm mộ rồi. Và cả các fan nữ cuồng nữa. Nhưng còn anh thì sao, anh Hole? Anh có nhiều fan nữ như vậy không? Cảnh sát các anh có đội fan cuồng của riêng mình không?”

Khán giả cười một cách dè dặt.

Harry Hole lắc đầu.

“Thôi nào,” Bosse nói. “Thỉnh thoảng chắc cũng phải có sĩ quan nữ mới vào nghề đến xin chỉ giáo thêm về phương pháp khám người chứ nhỉ.”

Lần này cả trường quay cười ồ. Một cách thật sảng khoái. Bosse toét miệng cười thích chí.

Harry Hole chẳng thèm nhếch môi; anh chỉ tỏ vẻ cam chịu và liếc mắt về phía lối ra. Trong một giây hốt hoảng, Oda đã tưởng anh sẽ đứng dậy và ra về. Nhưng không, thay vào đó anh quay sang Støp đang ngồi bên cạnh.

“Ông sẽ làm gì hả Støp? Khi một phụ nữ đến tìm ông sau bài giảng ở Trondheim, nói rằng tuy mình chỉ còn một bên ngực nhưng vẫn muốn lên giường với ông. Ông có mời cô ta tham dự hoạt động ngoại khóa ngắn hạn tại phòng khách sạn của mình không?”

Khán giả chết lặng đi, ngay cả Bosse cũng ngỡ ngàng.

Dường như chỉ duy nhất Arve Støp cho rằng câu hỏi này thật thú vị. “Không, tôi không nghĩ thế. Nhưng không phải vì chuyện lên giường sẽ kém vui khi chỉ có một bên ngực, mà vì giường khách sạn ở Trondheim chật lắm.”

Khán giả lại cười, có điều tiếng cười thật gượng, chủ yếu họ thở phào nhẹ nhõm khi màn đối đáp không đến nỗi quá thô thiển. Sau đó người chủ trì giới thiệu nữ chuyên gia tâm lý.

Bọn họ trao đổi về những người có thói quen chơi bời, Oda nhận thấy Bosse đã hướng cuộc đối thoại dần xa khỏi Harry Hole. Hẳn ông ta cho rằng anh chàng cảnh sát khó lường này hôm nay phong độ không được tốt. Bởi thế Arve Støp, người có phong độ quá ổn, mới có thời lượng lên hình nhiều hơn hẳn.

“Ông chơi thế nào hả Støp?” Bosse hỏi với vẻ mặt ngây thơ của cáo đội lốt cừu. Oda hạnh phúc vô ngần, vì cô là người viết ra câu hỏi đó.

Nhưng Støp chưa kịp đáp thì Harry Hole đã chồm người tới trước và hỏi ông ta bằng giọng rất to và rõ ràng. “Ông có làm người tuyết không?”

Và đó là lúc Oda nhận ra có điều không ổn. Giọng điệu hống hách và tức tối cùng ngôn ngữ cơ thể đầy vẻ hung hăng của Hole; Støp nhướn một bên lông mày tỏ ý ngạc nhiên, khuôn mặt dường như cau lại và trở nên căng thẳng. Bosse ngần ngừ. Oda không hiểu chuyện gì đang xảy ra, nhưng cô đếm được bốn giây chết, khoảng thời gian dài vô tận đối với một chương trình phát sóng trực tiếp. Thế rồi cô hiểu thì ra Bosse đã biết rõ việc mình đang làm. Cho dù Bosse luôn nhận trọng trách tạo ra bầu không khí vui vẻ cho các khách mời, nhưng tất nhiên ông ta vẫn biết điều quan trọng nhất, trách nhiệm lớn nhất của mình là mua vui cho khán giả. Và trên đời còn gì vui hơn những con người đang tức giận, mất kiểm soát, khóc lóc, suy sụp hoặc bộc lộ cảm xúc bằng nhiều cách khác ngay trước mặt khán giả truyền hình. Bởi thế, ông ta cứ để nước chảy thuyền trôi và chỉ giương mắt nhìn Støp.

“Tất nhiên tôi có làm người tuyệt,” Støp nói sau bốn giây. “Tôi làm ra chúng trên mái nhà cạnh bể bơi. Mỗi con sẽ giống một thành viên gia đình hoàng gia. Như thế, khi xuân sang, tôi có thể trông đợi những nhân tố không hợp thời bắt đầu tan chảy và biến mất.”

Lần đầu tiên trong buổi tối hôm nay Støp không gọi được tiếng cười hay tràng vỗ tay nào. Oda nghĩ Støp lẽ ra phải biết những lời nhận xét về cơ bản mang tính chất chống hoàng gia như vậy sẽ chẳng bao giờ có tác dụng.

Không chút nao núng, Bosse phá vỡ sự im lặng bằng cách giới thiệu một ngôi sao nhạc pop, người sẽ kể về sự cố suy sụp tinh thần khi đang biểu diễn cách đây không lâu và sau đó khép lại talk show với một ca khúc có trong đĩa đơn sẽ được phát hành vào thứ Hai.

“Thế là thế quái nào vậy?” Gubbe, nhà sản xuất, người đã đến đứng ngay sau Oda, lên tiếng hỏi.

“Có lẽ anh ta đúng là không được tỉnh táo,” Oda đáp.

“Trời đất, gã là cảnh sát kia mà!”

Vào giây phút ấy, Oda chợt nhớ ra anh ta là của cô. Mỏ vàng của cô. “Nhưng, Chúa ơi, chẳng phải anh ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hay sao.”

Nhà sản xuất không đáp.

Trong lúc ngôi sao nhạc pop nói về những vấn đề tâm lý và giải thích rằng đó là do di truyền, Oda liếc đồng hồ đeo tay. Bốn mươi giây đã trôi qua. Chủ

đề này quá nghiêm túc để đem ra thảo luận vào một buổi tối thứ Sáu. Bốn mươi ba giây. Bosse cắt ngang sau khi giây thứ bốn mươi sáu kết thúc.

“Vậy còn ông thì sao hả Arve?” Bosse có thói quen gọi khách mời chính bằng tên thánh vào cuối buổi phát sóng. “Ông có mắc chứng tâm thần hoặc căn bệnh di truyền nghiêm trọng nào không?”

Støp mỉm cười. “Không, Bosse ạ. Trừ phi anh coi khao khát tự do tuyệt đối là một căn bệnh. Đúng ra mà nói thì đó là điểm yếu của dòng họ nhà tôi.”

Đã đến lúc Bosse kết lại chương trình, giờ ông ta chỉ cần nói lời tạm biệt với những khách mời khác trước khi giới thiệu ca khúc. Nữ chuyên gia tâm lý trình bày nốt những điều cuối cùng về thói ham vui trong cuộc sống. Rồi sau đó:

“Giờ Người Tuyết không còn nữa, chắc hẳn anh sẽ có thời gian để chơi bời trong vài ngày chứ, Harry?”

“Không,” Harry đáp. Anh ngồi lún sâu trên chiếc ghế đến nỗi đôi chân dài gần chạm tới chỗ ngồi sao nhạc pop. “Người Tuyết vẫn chưa bị bắt.”

Bosse nhú mày, mỉm cười và đợi anh nói tiếp, đợi câu chốt hạ *ăn tiền*. Oda thăm cầu nguyện câu kết đó sẽ hay hơn lời mở đầu.

“Tôi chưa bao giờ nói Idar Vetlesen là Người Tuyết cả,” Harry nói. “Thực tế hoàn toàn ngược lại. Mọi chứng cứ đều cho thấy Người Tuyết vẫn chưa sa lưới.”

Bosse khẽ cười khùng khục. Đó là tiếng cười ông ta dùng để khóa lấp nỗ lực tỏ ra hài hước nhưng bất thành của khách mời.

“Vì giấc ngủ giữ sắc của bà xã tôi, tôi hy vọng anh chỉ đang nói đùa,” Bosse tỉnh nghịch nói.

“Không,” Harry đáp. “Tôi không đùa.”

Oda nhìn đồng hồ và biết người quản lý đã tới đứng sau máy quay, lo lắng nháp nhộm, cô đưa ngón tay cắt ngang cổ họng để Bosse biết đã quá thời lượng chương trình và ông ta phải giới thiệu ca khúc ngay để còn kịp hát xong lời đầu trước khi danh sách đội ngũ sản xuất chương trình bắt đầu chạy. Nhưng Bosse đúng là số một. Ông ta hiểu rằng mọi đĩa đơn trên thế giới đều không thể sánh được với điều này. Bởi thế ông ta ngó lơ lời cảnh báo và rướn người tới trước để chứng tỏ cho những ai còn nghi ngờ chưa biết chuyện gì đang diễn

ra. Đây là một thông tin vàng. Là tuyên bố giật gân. Ngay tại chương trình của ông ta, của bọn họ. Sự run rẩy trong giọng nói của Bosse gần như là thật.

“Có phải anh đang muốn nói với chúng tôi, ngay tại đây và ngay lúc này, rằng cảnh sát đã nói dối, thưa anh Hole? Rằng Người Tuyết vẫn nhón nhơ ngoài kia và có thể sẽ còn tiếp tục gây án?”

“Không,” Harry đáp. “Chúng tôi không hề nói dối. Cuộc điều tra đã hé lộ những tình tiết mới.”

Bosse quay người lại trên ghế, và hình như Oda nghe thấy tiếng giám đốc kỹ thuật hét gọi máy quay 1, thế rồi khuôn mặt Bosse hiện ra, cặp mắt nhìn thẳng vào bọn họ.

“Và tôi đoán chúng ta sẽ được biết thêm những tình tiết đó trong bản tin tối nay. Bosse sẽ trở lại vào thứ Sáu tuần sau. Cảm ơn quý vị và các bạn đã quan tâm theo dõi.”

Oda nhắm nghiền mắt lại khi ban nhạc bắt đầu biểu diễn ca khúc trong đĩa đơn.

“Lạy Chúa,” cô nghe thấy tiếng nhà sản xuất thở khò khè phía sau. Tiếp đó là, *Lạy Chúa tôi*. Oda những muốn hú vang. Hú vang vì sung sướng. Ngay tại đây, cô nghĩ thầm. Ngay tại cực Bắc này. Chúng ta không chỉ có mặt ở nơi *diễn ra* chương trình. Chúng ta chính là điều *làm nên* chương trình.

ngày thứ mười tám

TRÙNG KHỚP

Gunnar Hagen đang đứng phía sau cửa ra vào của quán Schrøder, đưa mắt nhìn quanh. Ông ta rời khỏi nhà sau đúng ba mươi hai phút và ba cuộc điện thoại kể từ khi danh sách đội ngũ sản xuất chương trình *Bosse* bắt đầu chạy. Ông ta không tìm được Harry ở căn hộ của anh, ở Kunsternes Hus lần văn phòng. Bjørn Holm đã mách ông ta thử tìm đến quán quen của Harry, quán Schroder. Những khách hàng trẻ trung, đẹp đẽ và gần như nổi tiếng của Kunsternes Hus đúng là khác biệt hoàn toàn với mấy tay bợm nhậu ở Schroder. Ở góc phía sâu bên trong quán, bên cạnh cửa sổ, một mình một bàn, Harry đang ngồi. Với một cái cốc to tướng.

Hagen đi tới bàn của anh.

“Tôi gọi cho cậu mãi mà không được, Harry ạ. Cậu tắt di động rồi à?”

Anh chàng thanh tra ngược đôi mắt mệt mỏi lên nhìn. “Tình hình rồi ren quá. Lũ lều báo chết tiệt tự dưng bu lấy tôi.”

“Người ở NRK bảo đội ngũ sản xuất chương trình *Bosse* và các khách mời thường đến Kunsternes Hus sau buổi ghi hình.”

“Lúc đó đám phóng viên đã trực sẵn ở ngoài để đợi tôi. Thế nên tôi phải chuồn, sắp muốn gì nào?”

Hagen ngồi phịch xuống ghế và nhìn Harry đưa chiếc cốc lên môi và thứ đồ uống màu vàng nâu chảy vào miệng anh.

“Tôi đã trao đổi với giám đốc Sở,” Hagen nói. “Chuyện nghiêm trọng đấy, Harry. Để lộ thông tin Người tuyết vẫn chưa bị bắt là hành vi vi phạm trực tiếp mệnh lệnh của ông ấy.”

“Đúng rồi,” Harry nói, uống thêm một ngụm nữa.

“Đúng rồi? Cậu chỉ nói được có thể thôi ư? Nhưng quỷ tha ma bắt, tại sao cậu làm vậy hả Harry?”

“Công chúng có quyền được biết,” Harry nói. “Nền dân chủ của nước ta được xây dựng dựa trên sự công khai minh bạch mà, sắp.”

Hagen động nắm đấm lên bàn và gom về được vài ánh nhìn khích lệ từ mấy bàn gần đó và cái liếc mắt khiển trách của cô phục vụ bưng đồng cốc nửa lít đi qua chỗ họ.

“Đừng có trêu người tôi, Harry. Chúng ta đã công khai tuyên bố chuyên án đã khép lại. Cậu vừa khiến cho toàn ngành vô cùng mất mặt, có biết không hả?”

“Việc của tôi là bắt kẻ xấu,” Harry đáp. “Chứ không phải xuất hiện sao cho đẹp mặt.”

“Đó là hai mặt của cùng một vấn đề, Harry! Điều kiện làm việc của chúng ta được quyết định dựa trên đánh giá của công luận. Báo chí là yếu tố sống còn đấy!”

Harry lắc đầu. “Xưa nay báo chí chưa bao giờ cản trở hoặc hỗ trợ tôi giải quyết bất cứ vụ án nào. Bọn họ chỉ là yếu tố sống còn đối với những người muốn được xuất hiện dưới ánh hào quang. Cấp trên của sếp chỉ lo làm sao thu được kết quả đáng tin cậy khiến họ nở mày nở mặt. Hoặc tránh bị mất mặt. Còn tôi muốn bắt được Người Tuyết, chấm hết.”

“Cậu là mối đe dọa đối với đồng nghiệp,” Hagen nói. “Cậu biết chứ?”

Harry dường như ngẫm nghĩ về điều đó trong giây lát, rồi chậm rãi gật gù, uống cạn cốc và ra hiệu bảo phục vụ mang cho anh cốc nữa.

“Tôi vừa nói chuyện với giám đốc Sở và cảnh sát trưởng,” Hagen nói, chuẩn bị tinh thần. “Họ đã yêu cầu tôi lập tức đi tìm cậu để khóa miệng cậu lại. Ngay từ giây phút này. Hiểu không?”

“Được thôi, sếp.”

Hagen chớp mắt ngạc nhiên, nhưng khuôn mặt Harry chẳng có biểu hiện gì cả.

“Kể từ bây giờ, tôi sẽ kiểm soát thật nghiêm ngặt và liên tục,” vị POB nói. “Tôi muốn có báo cáo thường xuyên. Tôi biết cậu còn lâu mới chịu viết, thế nên tôi đã nói chuyện với Katrine Bratt và giao nhiệm vụ này cho cô ấy rồi. Có phản đối gì không?”

“Không có, thưa sếp.”

Hagen thầm nghĩ Harry hẳn là say hơn vẻ bề ngoài.

“Bratt kể với tôi là cậu đã phái cô ấy đến gặp bà trợ lý của Idar Vetlesen để xem hồ sơ của Arve Støp. Mà không thông qua bên công tố. Cô cậu đang làm cái quái gì thế hả? Có biết chúng ta sẽ phải đối mặt với nguy cơ gì nếu giả sử Støp phát hiện ra không?”

Đầu Harry ngẩng phắt lên như thể con thú đang cảnh giác. “Sếp nói nếu *giả sử* ông ta phát hiện ra nghĩa là sao?”

“May thay, không có hồ sơ bệnh án nào của Støp cả. Viên thư ký của Vetlesen nói bọn họ chưa bao giờ lưu hồ sơ đó.”

“Thế ư? Tại sao?”

“Sao tôi biết được. Tôi chỉ thở phào nhẹ nhõm thôi. Chúng ta không thể rước thêm rắc rối nào nữa. Arve Støp cơ đấy, lạy Chúa! Dù sao, kể từ bây giờ Bratt sẽ bám theo từng đường đi nước bước của cậu để báo cáo lại cho tôi.”

“Ừm,” Harry nói, gạt đầu với cô phục vụ đặt cốc đồ uống mới lên bàn cho anh. “Thế trước đây cô ấy chưa được dặn à?”

“Ý cậu là sao?”

“Khi cô ấy vào làm, sếp bảo với cô ấy rằng tôi sẽ là...” Harry đang nói bỗng im bặt.

“Là gì?” Hagen gắt lên.

Harry lắc đầu.

“Sao thế? Có chuyện gì không ổn à?”

“Không có gì,” Harry nói, uống một hơi hết nửa cốc và đặt tờ một trăm krone lên bàn. “Chúc sếp buổi tối tốt lành.”

Hagen ngồi đó cho tới khi Harry rời quán. Chỉ đến lúc ấy ông ta mới phát hiện không có bọt khí cacbonic nổi lên trong chiếc cốc vẫn còn một nửa. Ông ta len lén liếc quanh rồi thận trọng đưa cốc lên môi. Nó có vị chua. Nước táo lên men không cồn.

Harry rải bước trên đường phố tĩnh mịch để về nhà. Cửa sổ của những tòa chung cư thấp tè, cũ kỹ sáng lên như mắt mèo trong đêm. Anh chợt cảm thấy thôi thúc muốn nói chuyện với Tresko để xem tình hình đến đâu, rồi lại quyết định không quấy rầy cậu ta đêm nay như đã thỏa thuận. Anh đi vòng qua chỗ rẽ để đến phố Sofies. Văng tanh. Đang bước về phía chung cư anh ở thì Harry

chợt phát hiện có động và thứ gì đó lóe lên rất nhanh. Như thể ánh sáng phản xạ trên đôi mắt kính. Có người đang đứng bên hàng ô tô đỗ dọc vỉa hè, rõ ràng đang loay hoay mở cửa xe. Harry biết những chiếc ô tô nào thường đỗ ở đầu phố bên này. Và chiếc xe kia, xe Volvo C70 màu xanh, không nằm trong số đó.

Trời quá tối nên Harry không nhìn rõ mặt, nhưng khi quan sát cái đầu người đó, anh biết hẳn đang để mắt đến anh. Phóng viên ư? Harry đi qua chỗ chiếc xe. Nhìn qua gương bên của xe khác, anh nhác thấy một cái bóng vụt qua giữa những chiếc ô tô và tiến đến từ đằng sau. Không chút nóng vội, Harry thò tay vào túi áo khoác. Nghe thấy tiếng chân bước tới gần. Thấy cơn giận trong anh. Anh đếm đến ba rồi quay lại. Kẻ phía sau anh bỗng dờ ra như tượng trên vỉa hè.

“Người mày nhắm đến là tao phải không?” Harry gằn giọng, bước tới với khẩu súng giơ lên. Anh túm chặt lấy gã đàn ông kia, lôi xềnh xệch theo chiều ngang, xô cho gã loạng choạng rồi nhảy xổ tới, khiến cả hai đập người lên nắp capô của một chiếc xe. Harry chẹn cánh tay lên cổ gã và gí họng súng vào một bên mắt kính.

“Người mày muốn là tao chứ gì?” Harry rít lên.

Câu trả lời của gã đàn ông bị tiếng còi báo động của xe hơi át mất. Âm thanh đó vang vọng khắp con phố. Gã đàn ông cố vùng vẫy thoát ra, nhưng Harry giữ chặt quá nên gã đành chịu thua. Đầu gã đập vào nắp capô với một tiếng *bịch* khê, ánh sáng đèn đường rọi lên gương mặt gã đàn ông. Thế rồi Harry buông ra. Gã gập người, ho sặc sụa.

“Đi nào,” Harry nói to trong tiếng còi hú liên tu bất tận, tóm lấy phía dưới cẳng tay người đó và lôi qua đường. Anh mở cửa rồi xô gã vào trong.

“Ông đang làm cái quái gì ở đây thế hả?” Harry nói. “Và sao ông lại biết nhà tôi?”

“Cả tối nay tôi đã gọi đến số điện thoại anh đưa nhưng không được. Rốt cuộc tôi đành gọi cho tổng đài xin địa chỉ nhà anh.”

Harry quan sát người đàn ông. Đúng hơn là quan sát thân tàn ma dại của người đó. Ngay cả lúc ở trong buồng tạm giam, giáo sư Filip Becker cũng chưa đến nỗi như thế này.

“Tôi buộc phải tắt di động,” Harry đáp.

Harry đi trước dẫn đường cho Becker lên căn hộ của anh, mở cửa, hất đôi bốt ra, đi vào bếp và bật ấm đun nước.

“Tôi thấy anh trong chương trình *Bosse* tối nay,” Becker nói. Ông ta cũng vào bếp, vẫn mặc nguyên áo khoác và đi giày. Gương mặt ông ta xám ngoét vô hồn. “Anh can đảm thật. Vì thế tôi nghĩ mình cũng phải can đảm như thế. Tôi nợ anh điều đó.”

“Nợ tôi ư?”

“Anh tin tôi trong khi những người khác chẳng ai tin. Anh đã cứu tôi khỏi mất thể diện trước công chúng.”

“Ừm.” Harry kéo ghế cho ông giáo sư ngồi, nhưng ông ta lắc đầu.

“Tôi chỉ nán lại một phút thôi, nhưng tôi sẽ nói cho anh một điều không ai khác được biết. Tôi không rõ nó có liên quan gì tới chuyên án không nhưng chuyện là về Jonas.”

“Vậy sao?”

“Tôi đã lấy một chút máu của nó vào buổi tối hôm tôi đến gặp Camilla Lossius.”

Harry nhớ lại miếng băng cá nhân trên cẳng tay của Jonas.

“Cùng với mẫu tế bào niêm mạc miệng. Rồi gửi đến bộ phận xét nghiệm huyết thống của Viện Pháp y để xét nghiệm ADN.”

“Thế à? Tôi tưởng việc đó phải thông qua luật sư chứ.”

“Trước đây thì thế. Nhưng bây giờ ai muốn xét nghiệm cũng được. Giá là hai ngàn tám trăm krone một người. Muốn nhanh thì đắt hơn một chút. Tôi chọn cách thứ hai. Hôm nay kết quả được gửi đến. Jonas...” Becker dừng lại và hít sâu một hơi. “Jonas không phải con ruột của tôi.”

Harry chậm rãi gật đầu.

Becker nhấp nhỉnh gót chân như thể chuẩn bị chạy đà.

“Tôi đã bảo họ đối chiếu kết quả của thằng bé với toàn bộ dữ liệu có trong ngân hàng dữ liệu. Họ tìm được kết quả trùng khớp tuyệt đối.”

“Tuyệt đối ư? Vậy là dữ liệu về Jonas cũng có trong ngân hàng sao?”

“Phải.”

Harry đảm chiêu nghĩ. Anh bắt đầu lờ mờ hiểu ý ông ta rồi.

“Nói cách khác, trước đó đã có người gửi mẫu xét nghiệm để lập hồ sơ ADN của Jonas,” Becker nói. “Họ cho tôi biết mẫu xét nghiệm kia đã có từ bảy năm trước.”

“Và họ khẳng định mẫu đó là của Jonas?”

“Không, mẫu đó ẩn danh. Nhưng họ có tên của khách hàng yêu cầu làm xét nghiệm.”

“Ai vậy?”

“Một phòng khám giờ không còn hoạt động nữa.” Harry đã đoán được câu trả lời trước cả khi Becker nói ra. “Phòng khám Marienlyst.”

“Idar Vetlesen,” Harry nói, nghiêng đầu như thể đang quan sát một bức tranh xem đã treo ngay ngắn hay chưa.

“Phải,” Becker nói, vỗ tay một cái và mỉm cười yếu ớt. “Thế đây. Tất cả những gì tôi muốn nói chỉ là... tôi chẳng có thằng con trai nào cả.”

“Tôi rất tiếc.”

“Thực ra tôi cũng đã cảm nhận được điều đó từ lâu rồi.”

“Ừm. Vì sao ông lại vội vã đến tìm tôi để báo tin này?”

“Tôi không biết,” Becker nói.

Harry kiên nhẫn chờ đợi.

“Tôi... tôi phải làm điều gì đó tối nay. Như việc này chẳng hạn. Nếu không, tôi chẳng biết mình sẽ làm ra chuyện gì nữa. Tôi...” Vị giáo sư ngần ngừ giây lát rồi nói tiếp. “Tôi giờ chỉ còn lại một mình. Đời chẳng có mấy ý nghĩa nữa rồi. Nếu khẩu súng đó mà là thật thì...”

“Đừng,” Harry nói. “Đừng nghĩ như thế. Ông càng chơi đùa với ý nghĩ đó thì chỉ càng bị nó cám dỗ mà thôi. Và ông đã quên mất một điều. Cho dù cuộc đời ông chẳng còn ý nghĩa gì với ông, nhưng nó vẫn còn ý nghĩa với những người khác. Với Jonas chẳng hạn.”

“Jonas?” Becker khịt mũi cười chua chát. “Tò vò mà nuôi con nhện sao? *Đừng chơi đùa với ý nghĩ đó* - các anh được học điều này ở Học viện Cảnh sát à?”

“Không,” Harry đáp.

Hai người nhìn nhau hồi lâu.

“Sao cũng được,” Becker nói. “Giờ anh biết chuyện rồi đấy.”

“Cảm ơn ông,” Harry nói.

Sau khi Becker ra về, Harry vẫn ngồi đó cố nghĩ xem bức tranh đã ngay ngắn hay chưa, anh chẳng hề nhận thấy nước đã sôi, ấm đã tự tắt và bóng đèn nhỏ màu đỏ bên dưới nút *ON* đang từ từ tắt lịm.

ngày thứ mười chín

TRANH GHÉP MẢNH

Những đám mây dày, xộp đã che mất ánh bình minh lúc Harry đặt chân lên hành lang tầng sáu của tòa nhà cao tầng ở Frogner. Tresko để hé cửa căn hộ, và khi Harry bước vào, Tresko đang ngồi trên sofa, chân gác lên bàn trà, tay trái cầm điều khiển từ xa. Những hình ảnh lật giở trên màn hình hợp thành bức tranh ghép mảnh ở dạng kỹ thuật số.

“Không muốn uống bia thật à?” Tresko hỏi lại, giơ cái chai còn phân nửa lên. “Hôm nay là thứ Bảy mà.”

Harry nghĩ hình như anh ngửi thấy mùi do vi khuẩn sinh ra trong không khí. Hai cái gạt tàn đầy những đầu lọc thuốc lá.

“Không, cảm ơn,” Harry nói và ngồi xuống. “Sao?”

“À, tôi mới nghiên cứu được mỗi một đêm,” Tresko nói và cho đầu DVD ngừng chạy. “Thường thì phải mất vài ngày cơ.”

“Lão này đâu phải tay chơi poker chuyên nghiệp,” Harry nói.

“Đừng coi thường,” Tresko nói và đưa chai lên tu một ngụm. “Lão thẩu cáy còn giỏi hơn khối người chơi đấy. Đây là đoạn cậu hỏi lão một câu mà cậu cho rằng lão sẽ trả lời bằng cách nói dối, đúng không?”

Tresko bấm nút *PLAY* và Harry trông thấy hình ảnh của mình ở trường quay. Anh mặc áo vét sọc mảnh của một hãng thời trang Thụy Điển, cái áo hơi chật quá so với anh. Bên trong là áo phông đen do Rakel tặng. Kết hợp cùng quần jean Diesel và boots Dr Martens. Tư thế ngồi của anh trông đến là kỳ cục, cứ như thể trên lưng ghế có đinh vậy. Câu hỏi phát ra từ bộ loa ti vi nghe sao khô khốc. “Ông có mời cô ta tham dự hoạt động ngoại khóa ngắn hạn tại phòng khách sạn của mình không?”

“Không, tôi không nghĩ thế,” Støp trả lời và rồi bất động khi Tresko bấm nút dừng.

“Đoạn này cậu biết lão nói dối à?” Tresko hỏi.

“Ừ,” Harry nói. “Lão đã ngủ với một cô bạn của Rakel. Phụ nữ nói chung không thích khoe khoang. Cậu phát hiện ra được gì?”

“Nếu chạy đoạn clip này trên máy tính, tôi có thể phóng to đôi mắt, nhưng không cần thiết. Cậu có thể thấy đồng tử nở ra.” Tresko giơ ngón tay trở có móng bị cắn nham nhở, chỉ về phía màn hình. “Đó là dấu hiệu kinh điển của sự căng thẳng. Chú ý cả lỗ mũi nữa. Cậu có thấy hai cánh mũi hơi phình ra tí xíu không? Con người thường như thế vào lúc căng thẳng vì bộ não cần tiếp thêm ôxy. Nhưng điều đó không có nghĩa lão đang nói dối; nhiều người cũng căng thẳng ngay cả khi nói thật. Hoặc chẳng hề căng thẳng khi nói dối. Ví dụ cậu thấy đấy, bàn tay lão vẫn để yên kia.”

Harry phát hiện ra giọng nói của Tresko đã biến đổi; những âm sắc khó nghe không còn nữa, chất giọng trở nên nhẹ nhàng, gần như êm ái. Harry nhìn lên màn hình, quan sát hai bàn tay Støp để yên trên đùi, tay trái áp lên tay phải.

“*E* rằng không có dấu hiệu nào áp dụng được cho tất cả các trường hợp,” Tresko nói tiếp. “Những người chơi poker chẳng ai giống ai, thế nên việc cần làm là chỉ ra những sự khác biệt. Tìm xem khi một người nói dối, anh ta thay đổi như thế nào so với lúc nói thật. Nó giống như phép tam giác đặc ấy, cậu cần phải xác định được hai điểm cố định.”

“Một câu nói dối và một câu trả lời thật. Nghe có vẻ dễ.”

“*Nghe có vẻ* là đúng đây. Nếu giả sử lão nói thật khi kể về quá trình thành lập tạp chí và vì sao lão ghét đám chính khách, vậy thì ta sẽ có được điểm thứ hai.” Tresko tua lại đoạn clip và bấm nút chạy. “Nhìn nhé.”

Harry nhìn. Nhưng rõ ràng anh nhìn chưa đúng chỗ. Anh lắc đầu.

“Bàn tay,” Tresko nói. “Chú ý vào hai bàn tay ấy.”

Harry quan sát đôi tay rám nắng của Støp đang đặt trên tay vịn ghế.

“Chúng không cử động,” Harry nói.

“Đúng, nhưng lão không giấu chúng đi,” Tresko nói. “Dấu hiệu kinh điển cho thấy một tay chơi poker kém cỏi với bài yếu xìu là bọn họ tìm đủ cách giấu bài phía sau tay. Và khi thấu cáy, họ hay đưa bàn tay với điệu bộ như đang suy tư lên miệng để che đi biểu cảm. Bọn tôi gọi những người như thế là bọn *im*. Kẻ khác lại có kiểu thấu cáy khoa trương bằng cách ngồi thẳng tưng trên ghế

hoặc ngã ra sau để mình trông như to lớn hơn. Bọn đó gọi là bọn *phô*. Støp thuộc loại *im*.”

Harry rướn người tới trước. “Cậu có thấy...?”

“Có,” Tresko đáp. “Và hành động đó diễn ra từ đầu đến cuối. Khi nói dối, lão bỏ tay ra khỏi ghế và giấu tay phải đi - tôi đoán lão thuận tay phải.”

“Lão nói thế nào lúc tôi hỏi lão có làm người tuyết không?” Harry không buồn che giấu sự hào hứng của mình.

“Lão nói dối,” Tresko đáp.

“Ở đoạn nào? Đoạn làm người tuyết hay đoạn làm người tuyết trên mái nhà?”

Tresko bật ra tiếng phì phò ngăn ngui mà Harry nhận ra là tiếng cười.

“Đây đâu phải bộ môn khoa học chính xác,” Tresko bảo. “Như tôi đã nói, lão không phải người chơi dờ tẻ đâu. Trong mấy giây đầu tiên khi cậu nêu câu hỏi, lão đặt bàn tay lên tay vịn ghế như thể đang tính nói thật. Đồng thời, lỗ mũi nở ra như thể lão đang căng thẳng. Nhưng rồi lão đổi ý, giấu bàn tay phải đi và trả lời bằng cách nói dối.”

“Đúng thế,” Harry nói. “Và như vậy nghĩa là lão có điều muốn che giấu, phải không?”

Tresko mím môi, cho thấy đây là vấn đề hóc búa. “Điều đó cũng có thể có nghĩa là lão chọn cách đưa ra một câu nói dối mà lão biết sẽ bị bóc mẽ. Để giấu đi thực tế rằng lão hoàn toàn có thể dễ dàng nói ra sự thật.”

“Ý cậu là sao?”

“Khi những tay chơi lão luyện có được bài tốt, đôi lúc thay vì cố tăng tiền cược thì họ lại đặt cược cao ở lần đầu tiên và phát những tín hiệu rất kín đáo cho thấy họ đang thấu cáy. Chỉ vừa đủ để lừa các tay chơi non nớt tin rằng mình đã phát hiện ra trò thấu cáy và nhảy vào đặt cược, về cơ bản, có vẻ đó là những gì diễn ra trong clip. Kiểu như một *lời nói dối giả hiệu* ấy.”

Harry chậm rãi gật đầu. “Ý cậu là lão cố tình khiến tôi tin rằng lão đang có điều muốn che giấu?”

Tresko nhìn chai bia rỗng, rồi lại nhìn cái tủ lạnh, làm bộ nhắc tẩm thân hộ pháp khỏi sofa và thở dài.

“Tôi đã bảo rồi, đây không phải môn khoa học chính xác,” cậu ta nói. “Cậu làm ơn...”

Harry đứng dậy bước tới chỗ tủ lạnh. Anh rửa thầm trong bụng. Lúc gọi điện cho Oda ở chương trình *Bosse*, anh đã biết bọn họ sẽ chấp nhận khi anh ngỏ ý muốn tham gia. Anh cũng biết mình sẽ có cơ hội trực tiếp hỏi Støp mà không bị ai ngăn cản, đó là đặc điểm của chương trình. Và máy quay sẽ ghi hình nhân vật trả lời câu hỏi, quay cận cảnh hoặc bán thân, tức nửa thân phía trên. Tất cả đều được sắp đặt thật hoàn hảo để Tresko phân tích. Ấy thế mà họ đã chào thua. Đây là tia hy vọng cuối cùng, nơi cuối cùng có chút ánh sáng le lói để tìm kiếm. Còn lại chỉ toàn bóng tối. Và có thể là mười năm vừa mờ mịt vừa cầu may mắn, cầu sự tình cờ, hoặc sự bất cần nào đó.

Harry nhìn chằm chằm những chai bia Ringnes xếp thành hàng ngay ngắn trong tủ lạnh, đối lập một cách tức cười với khung cảnh căn hộ như bãi chiến trường. Anh lưỡng lự. Rồi lấy ra hai chai. Chai bia lạnh rất cả tay. Cửa tủ bắt đầu đóng lại.

“Đoạn duy nhất tôi có thể tự tin khẳng định Støp nói dối,” Tresko ngồi trên sofa nói, “là khi lão trả lời gia đình lão không có ai mắc chứng tâm thần hoặc căn bệnh di truyền nào.”

Harry xoay xở dùng chân kịp thời chặn được cánh cửa tủ. Ánh sáng hắt ra từ khe hở chiếu lên ô cửa sổ đen sì không có màn rèm gì cả.

“Nhắc lại coi,” anh nói.

Tresko nhắc lại.

Hai mươi lăm giây sau Harry đã đi hết lưng chừng cầu thang, Tresko cũng đi hết lưng chừng chai bia Harry quăng cho.

“Ồ, còn điều này nữa, Harry,” Tresko lăm bắm một mình. “Bosse hỏi cậu có người đặc biệt nào đó mà cậu đang chờ đợi mãi mòn không, và cậu đáp rằng không ấy mà.” Tresko ợ một cái. “Đừng có học chơi poker đấy nhé, Harry.”

Harry ngồi trong xe lấy điện thoại ra gọi.

Đầu bên kia lên tiếng trước cả khi anh kịp giới thiệu tên. “Chào Harry.”

Ý nghĩ Mathias Lund-Helgesen hoặc là nhận ra số máy của anh hoặc đã lưu sẵn trong danh bạ khiến Harry rùng mình ớn lạnh. Anh nghe thấy tiếng nói của

Rakel và Oleg vọng vào điện thoại. Cuối tuần. Tụ họp gia đình.

“Tôi có điều muốn hỏi về phòng khám Marienlyst. Ở đó còn lưu hồ sơ bệnh án nào không?”

“Chắc là không đâu,” Mathias nói. “Tôi nhớ hình như có quy định những thứ kiểu như vậy phải bị tiêu hủy nếu không ai tiếp quản việc kinh doanh. Nhưng nếu là việc quan trọng thì tôi có thể kiểm tra.”

“Cảm ơn anh.”

Harry phóng xe qua trạm tàu điện Vinderen. Một bóng ma bỗng vụt qua trong thoáng chốc. Cuộc truy đuổi bằng ô tô, cú va chạm, một đồng nghiệp tử vong, tin đồn người cầm lái là Harry và đáng lẽ anh phải bị kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở. Chuyện xảy ra đã lâu lắm rồi. Mọi thứ giờ chỉ như nước trôi qua cầu. Như vết sẹo ẩn dưới làn da. Vết chàm in dấu trong tâm hồn.

Mười lăm phút sau Mathias gọi lại.

“Tôi đã nói chuyện với Gregersen, ông chủ cũ của Marienlyst. E rằng mọi thứ đều đã bị xóa hoặc tiêu hủy rồi. Nhưng tôi nghĩ có một số người, như Idar chẳng hạn, mang theo dữ liệu bệnh nhân khi ra đi.”

“Vậy còn anh?”

“Tôi không có ý định làm ở phòng khám tư, nên chẳng mang theo gì cả.”

“Liệu anh có nhớ được tên bệnh nhân nào của Idar không?”

“Có thể là một vài người. Nhưng không nhiều. Lâu quá rồi, Harry ạ.”

“Tôi hiểu. Dù sao cũng cảm ơn anh.”

Harry ngắt máy và đi theo biển chỉ dẫn tới Rikshospitalet. Một loạt tòa nhà nằm trên triền đồi thấp hiện ra trước mắt anh.

Gerda Nelvik là một phụ nữ nở nang, dịu hiền ở độ tuổi tứ tuần và là người duy nhất ở phân khu nam giới tại Viện Pháp Y ở Rikshospitalet thứ Bảy này. Bà gặp Harry ở quầy tiếp tân và dẫn anh vào. Chẳng có gì cho thấy đây là nơi mà bọn tội phạm tệ hại nhất xã hội bị truy lùng. Những căn phòng sáng, bài trí theo lối ấm cúng, là bằng chứng xác nhận chuyện đội ngũ nhân viên ở đây hầu hết đều là phụ nữ.

Harry đã từng đến đây và anh cũng nắm được các thủ tục xét nghiệm ADN. Nếu là ngày thường, qua những ô cửa sổ phòng thí nghiệm anh sẽ trông thấy

những phụ nữ mặc áo khoác trắng, đội mũ trắng và đeo găng tay dùng một lần đang lúi húi bên các loại dung dịch và máy móc, mải mê với những kỹ thuật bí hiểm gọi là chuẩn bị mẫu tóc, chuẩn bị mẫu máu và khuếch đại, cuối cùng sẽ cho ra một báo cáo ngắn gọn với kết luận dưới dạng trị số đối với mười lăm chỉ thị ADN khác nhau.

Họ đi qua một căn phòng với những hàng kệ chứa toàn phong bì dày màu nâu có ghi tên của những sở cảnh sát ở khắp nơi trên cả nước. Harry biết trong đó là những mẫu vải, sợi tóc, vỏ bọc đồ nội thất, máu và vật chất hữu cơ được gửi đến để phân tích. Tất cả nhằm tìm ra một mã số đại diện cho những điểm có chọn lọc trên một chuỗi xoắn kép bí ẩn gọi là ADN và tiết lộ danh tính chủ nhân của nó với độ chính xác lên đến 99,999... phần trăm, một loạt số 9 đi kèm sau dấu phẩy.

Diện tích phòng làm việc của Gerda Nelvik không lớn mà chỉ đủ để chứa hàng dãy kệ chất toàn những tập bìa cứng đựng hồ sơ, một cái bàn làm việc với bộ máy tính, hàng đồng giấy tờ và một tấm ảnh lớn chụp hai cậu bé đang cười, trên tay mỗi đứa cầm một chiếc ván trượt tuyết. “Con trai chị đây à?” Harry hỏi và ngồi xuống.

“Chắc thế,” chị ta mỉm cười.

“Sao cơ?”

“Trò đùa của dân trong nghề tụi tôi ấy mà. Anh đã hỏi về việc có người gửi yêu cầu xét nghiệm phải không nhỉ?”

“Vâng. Tôi rất muốn biết thông tin về tất cả các xét nghiệm ADN được một trung tâm gửi đến. Bắt đầu từ mười hai năm trước. Và tôi muốn biết đối tượng được xét nghiệm là ai.”

“Tôi hiểu rồi. Trung tâm đó tên là gì?”

“Phòng khám Marienlyst.”

“Phòng khám Marienlyst ư? Anh chắc chứ?”

“Sao chị lại hỏi thế?”

Chị ta nhún vai. “Trong các trường hợp cần xác định huyết thống cha con, người gửi yêu cầu thường là bên tòa án hoặc luật sư. Hoặc đích thân đối tượng.”

“Những trường hợp này không liên quan đến kiện cáo mà là để xác nhận mối quan hệ huyết thống nếu có, do đối tượng có nguy cơ mắc bệnh di truyền.”

“A ha,” Gerda nói. “Thế thì trong kho dữ liệu của bọn tôi sẽ lưu.”

“Chị có thể kiểm tra luôn bây giờ không?”

“Còn phải xem anh có đợi được khoảng...” Gerda nhìn đồng hồ, “ba mươi giây không đã.”

Harry gật đầu.

Gerda vừa gõ bàn phím vừa lẩm nhẩm đọc. “P-h-ò-n-g k-h- á-m M-a-r-i-e-n-l-y-s-t.”

Chị ta ngả người ra sau trong lúc đợi máy tính tìm kiếm.

“Mùa thu năm nay thời tiết tệ quá nhỉ?” Gerda nói.

“Vâng,” Harry đáp, tâm trí để tận đâu đâu, lắng nghe tiếng ổ cứng chạy ro ro như thể điều đó sẽ cho biết kết quả trả về có phải là câu trả lời anh đang tìm kiếm hay không.

“Bóng tối có thể tác động xấu đến con người,” Gerda nói. “Hy vọng sớm có tuyết rơi. Như thế ít nhất trời đất cũng sáng sủa hơn.”

“Ừm,” Harry nói.

Tiếng ro ro đã chấm dứt.

“Đây rồi,” chị ta nói và nhìn màn hình.

Harry hít một hơi dài.

“Đúng, phòng khám Marienlyst là khách hàng của chúng tôi. Nhưng đã thôi từ cách đây khá lâu rồi.”

Harry cố nhớ lại. Idar Vetlesen nghỉ việc ở đó từ khi nào nhỉ?

Gerda nhú mày. “Nhưng trước đó họ gửi *rất* nhiều yêu cầu xét nghiệm.”

Chị ta lưỡng lự. Harry đợi chị ta nói trước. Thế rồi chị ta bảo, “Con số cao *bất thường* đối với một phòng khám, tôi nghĩ vậy.”

Harry chợt linh cảm đây là con đường cảnh sát cần đi, đây là con đường dẫn họ thoát khỏi chốn mê cung. Hay đúng hơn là đưa họ bước vào mê cung. Vào trung tâm của bóng tối.

“Chị có tên hay thông tin cá nhân nào của những đối tượng được xét nghiệm không?”

Gerda lắc đầu. “Thường thì sẽ có, nhưng trong trường hợp này, rõ ràng là phòng khám đã yêu cầu giữ bí mật danh tính.”

Mẹ kiếp! Harry nhắm mắt và rửa thầm.

“Nhưng kết quả thì vẫn còn lưu chứ? Về việc các đối tượng có phải là cha con không ấy mà.”

“Vâng, đúng thế,” Gerda nói.

“Kết quả ra sao?”

“Tôi không thể nói ngay được. Phải vào từng hồ sơ để kiểm tra, mà như vậy sẽ mất nhiều thời gian hơn.”

“Thôi được. Nhưng các chị có lưu hồ sơ ADN của những đối tượng được xét nghiệm không?”

“Có.”

“Và xét nghiệm này cũng chi tiết như các xét nghiệm trong những vụ án hình sự chứ?”

“Còn chi tiết hơn ấy. Để xác định chắc chắn mối quan hệ cha con, chúng tôi cần phải dựa vào nhiều chỉ thị ADN hơn, vì một nửa bộ gen được di truyền từ người mẹ mà.”

“Vậy ý chị là tôi có thể lấy mẫu tế bào niêm mạc của một người cụ thể, gửi đến đây và nhờ chị tìm giúp những điểm tương đồng có thể có với những đối tượng của phòng khám Marienlyst mà chị đã kiểm tra?”

“Câu trả lời là đúng,” Gerda nói, ngữ điệu ngầm cho thấy chị ta rất muốn biết lý do.

“Tốt quá,” Harry nói. “Các đồng nghiệp của tôi sẽ gửi cho chị mẫu tế bào niêm mạc của một số người, họ là chồng và con của những phụ nữ đã mất tích trong vài năm gần đây. Để kiểm tra xem các mẫu đó đã được gửi đến đây bao giờ chưa. Tôi sẽ tìm mọi cách để cấp trên phê duyệt đưa yêu cầu này vào hạng cần được ưu tiên số một.”

Hai mắt Gerda bắt chợt sáng ngời như đèn pha. “Giờ thì tôi biết tôi đã trông thấy anh ở đâu rồi! Trong chương trình *Bosse*. Có phải chuyện này là về...?”

Dù trong phòng chỉ có hai người, chị ta vẫn hạ giọng thì thào như thể bí danh cảnh sát đặt cho tên nghiệt súc đó là một lời nguyền, một từ tục tĩu, một thứ bùa chú chớ nên nói to thành lời.

Harry gọi điện cho Katrine và hẹn gặp cô tại quán cà phê Java ở khu St. Hanshaugen. Anh đỗ xe trước một tòa nhà chung cư cũ có tấm biển treo ở cổng với lời hăm dọa xe nào đỗ ở đó sẽ bị kéo đi, dù lối vào chắc chỉ bằng chiều rộng cái máy cắt cỏ là cùng. Con phố Ullevålsveien tấp nập người qua kẻ lại đi sắm đồ dùng thiết yếu vào thứ Bảy. Một cơn gió bắc lạnh căm ứa tới từ St. Hanshaugen khi đang trên đường đến nghĩa trang Vår Frelzers để thổi bay những chiếc mũ đen của đoàn người có mặt trong lễ viếng.

Harry mua một suất double espresso và một suất cortado đựng trong cốc giấy mang đi, rồi ngồi xuống một chiếc ghế ở vỉa hè. Phía bên kia đường, trên mặt hồ có một con thiên nga trắng đơn độc lững lờ trôi trong cảm lạnh, cái cổ cong cong như hình dấu hỏi. Harry ngắm nhìn con thiên nga và chợt liên tưởng đến tên gọi của loại bầy dùng để bắt cáo. Làn gió thổi khiến mặt hồ lăn tăn gợn sóng.

Cortado là cà phê đen pha với sữa ấm kiểu Tây Ban Nha.

“Cortado còn nóng không vậy?”

Katrine đang đứng trước mặt Harry với bàn tay chìa ra.

Harry đưa chiếc cốc giấy cho cô, sau đó cả hai cùng tới chỗ anh đỗ xe.

“May là cô không ngại làm việc vào sáng thứ Bảy,” anh nói.

“May là anh không ngại làm việc vào sáng thứ Bảy,” cô đáp.

“Tôi độc thân mà,” anh nói. “Sáng thứ Bảy chả có giá trị gì với dân độc thân tui tui. Nhưng cô thì khác, phải sống đi chứ.”

Một ông lão đứng đó quắc mắt nhìn chiếc ô tô của Harry khi hai người tới nơi.

“Tôi gọi xe kéo rồi đấy,” ông ta nói.

“Vâng, nghe nói dòng đó phổ biến phết,” Harry đáp và mở cửa xe. “Vấn đề chỉ là có tìm được chỗ mà đỗ không thôi.”

Hai người vào xe, một ngón tay nhăn nheo gõ lên tấm kính. Harry hạ cửa sổ xuống.

“Xe kéo đang trên đường tới rồi,” ông ta nói. “Anh phải ở lại đây chờ.”

“Thế sao?” Harry nói và giơ thẻ lên.

Ông già lờ tấm thẻ đi, cau có nhìn đồng hồ đeo tay.

“Cửa nhà ông quá hẹp, không đủ tiêu chuẩn để được coi là cổng,” Harry nói. “Tôi sẽ gọi người của bên giao thông tới tháo tấm biển sai luật của ông. E rằng sẽ còn phạt nặng nữa.”

“Cái gì?”

“Chúng tôi là cảnh sát.”

Ông già giật phắt lấy tấm thẻ, ánh mắt ngờ vực soi mói nhìn Harry, đọc thẻ, rồi lại ngó Harry lần nữa.

“Lần này cho qua. Anh đi đi,” ông ta lầm bầm với vẻ cáu kỉnh và trả thẻ cho Harry.

“Không cho qua được,” Harry đáp. “Bây giờ tôi sẽ gọi bên giao thông.”

Ông ta trừng mắt nhìn anh đầy tức tối.

Harry vặn chìa khóa, chờ cho động cơ chiếc xe gầm lên rồi quay sang ông già và nói tiếp. “Ông phải ở đây chờ đấy.”

Khi phóng xe đi, hai người nhìn vào gương chiếu hậu và thấy ông ta đứng đó, miệng há hốc.

Katrine bật cười. “Anh *hư* quá! Đến ông già cũng không tha.”

Harry liếc xéo cô. Nét mặt cô thật lạ, như thể chỉ cười thôi cũng làm cô đau đớn. Ngược đời thay, sau cái lần ở bar Fenris, dường như cô trở nên thoải mái hơn khi ở cạnh anh. Có lẽ đó là một đặc điểm của phụ nữ quyến rũ, khi cự tuyệt họ, ta lại chiếm được sự tôn trọng của họ, khiến họ tin tưởng ta hơn.

Harry mỉm cười. Anh tự hỏi không biết cô sẽ phản ứng thế nào nếu biết sáng nay anh thức giấc với phần hạ bộ căng cứng và những mảnh ghép rời rạc của giấc mơ, anh mơ thấy mình làm tình với cô trong lúc cô ngồi trên bồn rửa nhà vệ sinh ở quán bar Fenris, đôi chân dang rộng. Màn ân ái mạnh bạo đến mức khiến cho đường ống kêu cọt kệt, nước trong bồn cầu sóng sánh, những chiếc đèn neon rung ì ì và nhấp nháy, anh cảm nhận được cả lớp men sủi lạnh băng chạm vào da với mỗi cú thúc. Tấm gương phía sau lưng cô rung mạnh làm hình bóng anh nhòe đi trong lúc hông, lưng và đùi họ va đập vào vòi nước,

máy hong tay và khay để xà phòng. Chỉ đến khi mọi chuyện chấm dứt thì anh mới nhận ra khuôn mặt trong gương không phải anh mà là một người khác.

“Anh đang nghĩ gì vậy?” cô hỏi.

“Nghĩ đến việc lấy giống,” Harry đáp.

“Ồ?”

Harry đưa cho cô một cái gói và cô mở ra. Phía trên có một mảnh giấy với tiêu đề *Hướng dẫn sử dụng bộ lấy mẫu tế bào niêm mạc xét nghiệm ADN*.

“Dường như tất cả đầu mỗi đầu quy về việc xác định huyết thống cha con,” Harry nói. “Tôi chỉ chưa rõ chúng liên quan đến nhau như thế nào và vì lý do gì.”

“Bây giờ chúng ta tới...?” Katrine hỏi, giơ lên một gói tắm bông nhỏ.

“Sollihøgda,” Harry đáp. “Để lấy mẫu tế bào niêm mạc của cặp song sinh.”

Trên những cánh đồng bao quanh nông trại, tuyết đã dần dần rút lui. Lớp tuyết ướt nhẹp xám xịt giờ yên vị ở ngoại ô, nơi vẫn còn bị chúng chiếm cứ.

Rolf Ottersen ra mở cửa và mời họ dùng cà phê. Sau khi cởi áo khoác, Harry nói với anh ta ý định của mình. Rolf Ottersen không hỏi lý do mà chỉ gật đầu.

Hai cô bé sinh đôi đang ngồi đan len trong phòng khách.

“Các con đan gì đấy?” Katrine hỏi.

“Khăn ạ,” cặp song sinh đồng thanh đáp. “Dì dạy bọn con.”

Hai đứa trẻ ra hiệu về phía Ane Pedersen, người đang ngồi trên ghế bập bênh nở nụ cười *rất vui được gặp lại* cô với Katrine.

“Tôi chỉ muốn lấy tí nước bọt và dịch nhầy trong miệng chúng thôi,” Katrine vui vẻ nói và giơ tắm bông lên. “Há to nào.”

Hai đứa trẻ khúc khích cười và bỏ đồ đan xuống.

Harry đi theo Rolf Ottersen vào bếp, ở đó có ấm nước lớn đã sôi và cà phê nóng tỏa hương thơm phức.

“Vậy là các anh đã nhầm,” Rolf nói. “Về tay bác sĩ đó.”

“Có thể,” Harry nói. “Hoặc cũng có thể rất cuộc anh ta đúng là có mối liên quan nào đó với vụ án. Tôi xem qua nhà kho lần nữa được không?”

Rolf Ottersen ra hiệu bảo Harry cứ tự nhiên.

“Nhưng Ane đã dọn dẹp đầu vào đấy cả rồi,” anh ta nói. “Chẳng còn gì nhiều nhận để anh xem đầu.”

Nhà kho đúng là ngăn nắp thật. Harry nhớ trên sàn từng loang lổ máu gà vừa đặc vừa thấm khi Holm đến lấy mẫu, nhưng giờ sàn đã được cọ sạch. Ván sàn có màu hồng ở nơi máu thấm xuống. Harry đứng bên khối gỗ dùng để chặt và nhìn ra cửa. Cỗ hình dung cảnh Sylvia đứng đó làm thịt gà khi Người tuyết xuất hiện. Cô ta có bị bất ngờ không? Cô ta đã giết hai con gà. Không, ba con mới đúng. Sao anh lại nghĩ là hai con nhỉ? Hai cộng một. Sao lại cộng một? Anh nhắm mắt lại.

Hai con gà được đặt trên khối gỗ, máu chảy ròng ròng xuống đồng mùn cửa bên dưới. Đó là cách làm đúng đắn khi muốn thịt gà. Nhưng con gà thứ ba lại nằm cách đó một quãng, làm vấy bẩn sàn gỗ. Trình độ thật non kém. Máu đã đông lại ở nơi cổ gà bị chặt đứt. Giống như trường hợp của Sylvia vậy. Anh nhớ lại cách giải thích Holm đưa ra. Và anh biết ý nghĩ này không có gì mới mẻ, nó đã ngự trị trong đầu anh cùng với những ý tưởng nửa vờ, dang dở, nửa hư nửa thực khác. Con gà thứ ba bị giết theo cùng một cách với Sylvia, bị vòng dây điện cửa đứt đầu.

Anh bước tới chỗ sàn thấm máu và ngồi thụp xuống.

Nếu con gà thứ ba là do Người Tuyết giết, vậy tại sao hắn lại chọn dùng vòng dây mà không phải là chiếc rìu? Câu trả lời rất đơn giản. Đó là vì cái rìu đã mất hút đâu đó trong rừng sâu rồi. Như vậy việc này chắc chắn phải xảy ra sau khi hắn giết người. Hắn lặn lội quay lại tận đây để giết một con gà. Nhưng vì lý do gì mới được? Một kiểu nghi thức tà đạo ư? Hay là vì nhất thời kích động? Thật vớ vẩn, cỗ máy giết chóc đó luôn tuân thủ kế hoạch, theo đúng mô thức hắn đặt ra.

Hắn làm thế nhất định là có nguyên do.

“Tại sao nhỉ?”

“Tại sao á?” Katrine hỏi.

Harry không nghe thấy tiếng cô đi vào. Cô đứng ở ngưỡng cửa nhà kho, ánh sáng của chiếc bóng đèn sợi tóc duy nhất rọi lên mặt cô, cô giơ hai chiếc túi nhựa đựng tam bông lên. Harry rùng mình khi một lần nữa trông thấy đáng

đứng đó của cô, ở ngưỡng cửa, hai tay chìa thẳng về phía anh. Hệt như lúc ở nhà Becker. Nhưng vẫn còn một điều khác, một điều anh bất ngờ nhận ra.

“Như tôi đã nói,” Harry lăm bắm trong lúc quan sát vết loang màu hồng còn sót lại, “tôi cho rằng tất cả mọi chuyện đều có liên quan đến những mối quan hệ máu mủ. Và âm mưu che đậy sự thật.”

“Là ai?” cô hỏi và bước về phía anh. Gót giày khua lộp cộp trên sàn gỗ. “Anh đang nghĩ đến người nào vậy?”

Cô ngồi thụp xuống cạnh anh. Mùi nước hoa nam tính của cô thoảng qua chỗ anh, từ làn da ấm áp tỏa vào không khí lạnh lẽo.

“Tôi không biết.”

“Đây đâu phải suy luận có hệ thống, chỉ là một ý tưởng anh nảy ra mà thôi. Anh đã nghĩ đến một giả thuyết.” Cô tuyên bố một cách đơn giản và quệt ngón trỏ bàn tay phải vào đồng mùn cửa.

Harry lần nữa chưa muốn nói. “Đó thậm chí còn chẳng phải là giả thuyết.”

“Thôi nào, nói thật đi.”

Harry hít một hơi thật sâu. “Arve Støp.”

“Ông ta thì có liên quan gì?”

“Arve Støp nói ông ta tìm đến Idar Vetlesen để nhờ anh ta điều trị hội chứng khuỷu tay tennis. Nhưng theo lời Borghild, Vetlesen không giữ hồ sơ nào của Støp cả. Tôi cứ thắc mắc vì sao lại như vậy.”

Katrine nhún vai. “Có thể là chuyện không chỉ liên quan đến cái khuỷu tay. Biết đâu Støp sợ lưu lại bằng chứng cho thấy mình đã đi chỉnh sửa nhan sắc.”

“Nếu Idar Vetlesen chấp nhận không lưu lại thông tin của tất cả những bệnh nhân lo ngại điều đó, thì trong các hồ sơ của anh ta đã chẳng có cái tên nào. Vì thế tôi cho rằng chắc chắn là còn một nguyên nhân khác, một điều tuyệt đối không thể bị phơi bày trước con mắt soi mói của dư luận.”

“Ví dụ?”

“Støp đã nói dối trong chương trình *Bosse*. Ông ta bảo gia đình mình không có tiền sử mắc chứng tâm thần hoặc căn bệnh di truyền nào.”

“Thế có à?”

“Cứ tạm cho là vậy, coi như một giả thuyết đi.”

“Giả thuyết mà thậm chí còn chẳng phải là giả thuyết?”

Harry gật đầu. “Idar Vetlesen là chuyên gia về hội chứng Fahr kín tiếng nhất Na Uy. Ngay cả Borghild trợ lý của anh ta cũng còn không biết. Vậy thì làm thế nào Sylvia Ottersen và Birte Becker lại biết mà tìm đến anh ta cơ chứ?”

“Thế nào?”

“Chúng ta hãy giả sử rằng chuyên môn của Vetlesen không nằm ở lĩnh vực bệnh di truyền mà ở khả năng giữ bí mật. Chính anh ta đã nói đó là nền móng cho việc kinh doanh của mình. Cũng vì thế mà cái người vừa là bệnh nhân vừa là bạn đã đến gặp Vetlesen và nói rằng mình mắc hội chứng Fahr theo chẩn đoán được một phòng khám khác đưa ra trước đó, bởi một chuyên gia thực thụ. Nhưng chuyên gia này không có được sự kín đáo của Vetlesen, trong khi đây lại là thông tin nhất thiết phải giữ kín. Bệnh nhân kiên quyết yêu cầu điều đó, và có thể còn chịu bỏ thêm tiền để mua sự im lặng. Vì người này có thừa khả năng chi trả.”

“Arve Støp?”

“Phải.”

“Nhưng ông ta đã được bác sĩ khác chẩn đoán rồi mà và vụ này có thể sẽ bị rò rỉ chứ.”

“Đó không phải mối lo ngại lớn nhất của Støp. Mà ông ta sợ lộ chuyện mình đưa con đến khám. Đứa con ông ta muốn kiểm tra xem có bị di truyền căn bệnh của mình không. Và việc này phải được giữ bí mật tuyệt đối vì không ai biết chúng là con ông ta. Thực ra, có vài ông bố tin rằng những đứa trẻ là con ruột của mình. Cũng như Filip Becker cứ ngỡ mình là bố đẻ của Jonas. Và...” Harry hất đầu về phía ngôi nhà chính.

“Rolf Ottersen?” Katrine thì thảo thờ dốc. “Cặp song sinh? Anh có nghĩ là...” cô giơ hai cái túi nhựa lên, “... chúng mang gen của Arve Støp không?”

“Có thể.”

Katrine nhìn anh. “Những phụ nữ mất tích... những đứa trẻ khác...”

“Nếu kết quả xét nghiệm ADN cho thấy Støp là bố đẻ của Jonas và cặp song sinh, đến thứ Hai chúng ta sẽ tiến hành xét nghiệm gen với con cái của những phụ nữ mất tích khác.”

“Ý anh là... Arve Støp đã lang chạ với nhiều người trên khắp Na Uy? Làm cho nhiều phụ nữ có bầu rồi giết họ vài năm sau đó, khi họ đã sinh con để cái?”

Harry xoay vai.

“Tại sao chứ?” cô hỏi.

“Nếu suy nghĩ của tôi là đúng, vậy thì chúng ta đang đối đầu với một kẻ điên loạn, dĩ nhiên rồi, và đây mới chỉ là suy đoán thuần túy thôi. Thường thì sự điên loạn xuất phát từ một lý do khá logic. Cô đã nghe nói đến loài hải cẩu Berhaus bao giờ chưa?”

Katrine lắc đầu.

“Hải cẩu Berhaus bố rất tàn nhẫn và lý trí,” Harry nói. “Sau khi hải cẩu cái sinh con và đã qua giai đoạn nguy hiểm ban đầu, hải cẩu bố sẽ tìm cách giết chết hải cẩu mẹ. Vì nó biết con cái sẽ không muốn kết giống với mình nữa. Và nó không thích để những con hải cẩu non khác cạnh tranh với hậu duệ của mình.”

Katrine dường như cảm thấy điều này thật khó chấp nhận.

“Điên rồ thật,” cô nói. “Nhưng tôi không biết cái gì điên hơn: tư duy theo cách của hải cẩu, hay nghĩ rằng có người đang tư duy theo cách đó.”

“Tôi đã bảo rồi...” Harry đứng dậy và khớp gối của anh phát ra tiếng kêu khá rõ, “đó thậm chí còn chưa phải là một giả thuyết mà.”

“Nói dối,” cô đáp, ngược lên nhìn anh. “Anh tin chắc Arve Støp là bố của lũ trẻ rồi.”

Harry đáp lại bằng nụ cười nửa miệng.

“Anh cũng điên chẳng kém gì tôi,” cô nói.

Harry nhìn cô dò xét. “Ta đi thôi. Viện Pháp y đang chờ mấy cái tằm bông của cô đấy.”

“Vào thứ Bảy ư?” Katrine xoa tay lên đồng mùn cửa và xóa đi những hình thù nguệch ngoạc cô đã vẽ. “Bọn họ không biết tận hưởng cuộc sống hay sao vậy?”

Sau khi giao hai cái túi nhựa đến Viện Pháp y và nhận được lời hứa sẽ có kết quả cho anh vào tối nay hoặc sáng sớm mai, Harry lái xe đưa Katrine về nhà cô

ở Seilduksgata.

“Chẳng thấy bật đèn đóm gì cả,” Harry nói. “Cô lại ở một mình à?”

“Gái xinh như tôi á?” Cô mỉm cười và cầm lấy tay nắm cửa xe. “Làm gì có chuyện một mình.”

“Ừm. Sao cô lại không muốn tôi kể với các đồng nghiệp của cô ở Sở Cảnh sát Bergen là cô về đó?”

“Gì cơ?”

“Tôi tưởng họ sẽ thích thú khi biết tin cô đang tham gia điều tra chuyên án lớn ở thủ đô.”

Cô nhún vai và mở cửa xe. “Dân Bergen chả coi Oslo là thủ đô đâu. Chúc ngủ ngon.”

“Ngủ ngon.”

Harry lái xe tới Sannergata.

Anh không dám nói chắc, có điều hình như vừa rồi anh thấy Katrine sững lại. Nhưng có thứ gì mi dám chắc chắn đâu? Ngay cả tiếng *cách* mà mi tưởng là tiếng súng lên cò thì hóa ra lại là tiếng một cô bé con lờ tay làm gãy nhánh cây khô trong lúc sợ hãi tột độ. Tuy thế, anh không thể giả vờ được nữa, không thể tiếp tục làm như không biết. Tối hôm ấy, Katrine đã chĩa khẩu súng lục công vụ vào lưng Filip Becker. Và khi Harry đứng chắn ngang tầm bắn của cô, anh đã nghe thấy âm thanh đó, cũng chính là âm thanh anh tưởng như nghe thấy khi Salma bẻ nhánh cây trong sân. Đó là tiếng *cách* trơn tru khi búa gỗ của khẩu súng lục trở về vị trí cũ. Như vậy có nghĩa búa đã giương lên, Katrine đã ép cò súng được hơn một phần ba giới hạn, súng có thể nổ bất cứ lúc nào. Cô thực sự có ý định bắn Becker.

Không, anh không thể vờ như không biết. Bởi cái cách ánh sáng chiếu lên mặt cô ở ngưỡng cửa nhà kho. Lúc ấy anh đã nhận ra cô. Và như anh đã nói với cô, tất cả mọi chuyện đều có liên quan đến những mối quan hệ máu mủ.

POB Knut Müller-Nilsen si mê diễn viên Julie Christie. Mê đến độ ông ta chưa bao giờ dám thú nhận điều đó với vợ. Tuy vậy, Müller-Nilsen nghi bà xã có khi cũng đang ngoại tình trong tư tưởng với Omar Sharif nên ông ta chẳng cảm thấy tội lỗi cho lắm khi ngồi bên cạnh vợ và ngắm Julie Christie cho no mắt.

Điều đáng tiếc duy nhất là lúc này Julie lại đang đắm đuối ôm ấp gã Sharif đó. Khi điện thoại trong phòng khách đổ chuông và ông ta nghe máy, bà xã nhấn nút tạm dừng khiến khung hình tuyệt đẹp nhưng cũng đầy đau đớn trong bộ phim ưa thích của hai vợ chồng, *Bác sĩ Zhivago*, trở nên bất động trước mắt họ.

“Chúc buổi tối tốt lành, Hole,” Müller-Nilsen nói sau khi vị thanh tra giới thiệu tên mình. “Phải, tôi cũng đoán lúc này anh đang bận đủ thứ việc rồi.”

“Ông có tiện nói chuyện một lát không?” giọng nói khàn khàn nhưng êm ái ở đầu dây bên kia hỏi.

Müller-Nilsen nhìn đôi môi đỏ khê run rẩy và cặp mắt ngược lên mơ màng của Julie. “Bao lâu cũng được, Hole ạ.”

“Ông đã cho tôi xem ảnh Gert Rafto lúc tôi đến văn phòng của ông. Tôi nhận thấy bức ảnh có điều gì đó quen quen.”

“Vậy sao?”

“Rồi sau đó ông nhắc đến con gái ông ta. Ông bảo: Sau rồi cũng thành người tử tế, anh biết đấy. Vấn đề nằm ở ba từ *anh biết đấy* ám chỉ sự thật hiển nhiên. Cứ như thế đây là điều tôi đã biết trước rồi.”

“Ừ, nhưng cô ta đúng là cũng thành người tử tế mà, phải không?” Müller-Nilsen nói.

“Phải hay không còn phụ thuộc vào cách nhìn,” Harry trả lời.

ngày thứ mười chín

TOOWOOMBA

Bầu không khí rộn ràng, háo hức đang lan tỏa bên dưới những ngọn đèn chùm trong phòng Sonja Henie của khách sạn Plaza. Arve Støp đứng ở ngưỡng cửa này giờ để đón khách. Quai hàm ông ta mỗi như do liên tục phải tươi cười niềm nở, và việc chào hỏi quá nhiều người đã khiến triệu chứng khuỷu tay tennis lại bắt đầu phát tác. Một phụ nữ trẻ của bên công ty tổ chức sự kiện, người phụ trách hậu cần, lướt đến bên ông ta và mỉm cười thông báo khách khứa đã an tọa. Bộ vét đen trung tính và tai nghe đi kèm với một chiếc micro gần như vô hình của cô khiến ông ta liên tưởng đến hình ảnh nữ đặc vụ trong phim *Nhiệm vụ bất khả thi*.

“Chúng ta chuẩn bị vào thôi,” cô nói, chỉnh lại chiếc nơ bướm trên cổ ông ta với một động tác thân thiện, gần như dịu dàng.

Cô có đeo nhẫn cưới. Cô uốn éo đi vào trong phòng trước mặt ông ta. Cái hông kia đã sinh nở lần nào chưa nhỉ? Chiếc quần đen ôm sát lấy cặp mông săn chắc nhờ chăm chỉ tập luyện, và Arve Støp tưởng tượng ra cặp mông ấy khi không còn chiếc quần ôm, trước mặt ông ta trên chiếc giường trong căn hộ ở Aker Brygge. Nhưng cô có vẻ chuyên nghiệp quá. Dây vào sẽ rất lỏng lẻo. Sẽ phải à ời mỗi chài gậy lưỡi. Bắt gặp ánh mắt cô qua tấm gương lớn bên cạnh cửa, ông ta biết mình đã lộ tẩy và nở nụ cười tươi rói để xin lỗi. Cô bật cười cùng lúc với sắc hồng nhẹ hơi thiếu chuyên nghiệp bỗng ửng lên trên đôi má. Nhiệm vụ bất khả thi ư? Còn lâu. Nhưng không phải tối nay.

Bảy người cùng bàn đồng loạt đứng dậy khi ông ta xuất hiện. Đối tượng được ông ta chọn để sánh đôi là phó ban biên tập của mình. Một lựa chọn nhằm chán nhưng cần thiết. Cô ta đã có chồng con và có gương mặt tàn tạ của người làm việc mười hai đến mười bốn tiếng mỗi ngày. Tội nghiệp lũ trẻ. Và tội nghiệp cho cả ông chồng khi đến một ngày cô ta nhận ra cuộc sống còn nhiều thứ khác nữa chứ không chỉ có tạp chí *Liberal*. Cả bàn cùng đồng loạt nâng ly chúc mừng Støp và trong lúc đó, ông ta đưa mắt nhìn quanh phòng.

Kim sa, trang sức và bao đôi mắt cười ngời sáng lung linh dưới ánh đèn. Và cả những bộ đầm. Không quai, không vai, không lưng, không ý tứ.

Thế rồi âm nhạc nổi lên. Những giai điệu hùng tráng của bản giao hưởng *Also Sprach Zarathustra* bùng nổ qua dàn loa phát thanh. Trong buổi họp với công ty tổ chức sự kiện, Arve Støp đã chỉ ra rằng bản nhạc mở màn này không thực sự độc đáo mà mang tính chất khoa trương và khiến ông ta liên tưởng đến sự sáng tạo ra loài người. Nhưng hóa ra mục đích của họ lại chính là như vậy.

Trên sân khấu lớn, xuất hiện giữa làn khói và ánh sáng là một ngôi sao truyền hình, người đã đòi và được nhận mức cát-xê tới sáu con số để đảm nhiệm vai trò dẫn chương trình cho sự kiện.

“Xin kính chào quý vị!” anh ta nói oang oang vào cái micro không dây cỡ lớn, thứ khiến Støp liên tưởng đến một dương cụ to tướng, dựng đứng. “Rất hân hạnh!” Cặp môi nổi tiếng của ngôi sao gần chạm vào thứ của quý đen sì. “Hân hạnh chào mừng quý vị đến với một buổi tối tôi đảm bảo sẽ vô cùng đặc biệt!”

Mới đó mà Arve Støp đã sốt ruột mong cho tất cả mau chóng kết thúc.

Harry chăm chăm nhìn những tấm ảnh trên giá sách ở văn phòng, nhìn Hội Cảnh sát Quá cố. Anh cố gắng nghĩ nhưng đầu óc cứ quay cuồng, không sao tìm được một điểm tựa, một hình ảnh tổng thể. Suốt thời gian qua anh luôn cảm thấy như có kẻ đang thâm nhập nội bộ, kẻ nắm được mọi hành động của anh. Nhưng anh chưa từng nghĩ mọi chuyện sẽ như thế này. Thật dễ dàng đến không tưởng. Và đồng thời cũng phức tạp đến không ngờ.

Knut Müller-Nilsen nói với anh rằng Katrine được coi là một trong những thanh tra giàu tiềm năng nhất Đội Hình sự của Sở Cảnh sát Bergen, một ngôi sao đang lên. Chưa bao giờ để xảy ra vấn đề gì. Tuy đúng là đã có một sự cố khiến cô nộp đơn xin chuyển sang Đơn vị Phòng chống Tội phạm Tình dục. Nhân chứng của một vụ án cũ đã gọi điện khiếu nại vì Katrine Bratt vẫn tiếp tục tìm đến tận nhà để bắt ông ta trả lời những câu hỏi mới. Cô không chịu buông tha dù ông ta nói rất rõ rằng mình đã khai với cảnh sát rồi. Từ đó mới lộ ra là Katrine đã một mình điều tra vụ án này suốt nhiều tháng qua mà không thông báo với cấp trên. Mọi việc cô đều giải quyết trong thời gian rảnh rỗi nên thường thì cũng chẳng có vấn đề gì, nhưng riêng vụ này họ không muốn cô đào

xối lại. Khi bị nhắc nhở, cô phản ứng lại bằng cách chỉ ra vài sai phạm trong công tác điều tra ban đầu, nhưng chẳng ai chịu lắng nghe nên cô tức giận xin chuyển công tác.

“Vụ án này hẳn đã khiến cô ấy bị ám ảnh,” đó là điều cuối cùng Müller-Nilsen nói với anh. “Theo như tôi nhớ, cũng vào khoảng thời gian đó chồng Katrine đã bỏ cô ấy.”

Harry đứng dậy, đi ra hành lang và tới trước phòng làm việc của Katrine. Cửa bị khóa theo đúng quy định của văn phòng. Anh tiếp tục đi tới phòng photocopy. Trên hàng kệ dưới cùng, cạnh những chồng giấy viết, anh lôi ra cái máy xén giấy có đế bằng sắt to nặng và lưỡi dao bên trên. Anh nhớ là cái máy to tướng này chưa từng được sử dụng thì phải, nhưng giờ đây anh thận trọng dùng cả hai tay bê nó trên hành lang, tới trước cửa văn phòng của Katrine.

Anh giơ máy xén giấy lên cao quá đầu và nhắm cho chuẩn. Sau đó anh dùng sức giáng mạnh xuống.

Cái máy nện trúng tay nắm, khiến ổ khóa đập vào khung cửa làm nó nứt ra kèm theo tiếng rắc lớn.

Harry chỉ vừa kịp nhích chân sang chỗ khác trước khi cái máy rơi xuống sàn với một tiếng rên rỉ bị bóp nghẹt. Cánh cửa phun ra những mẫu gỗ vụn và bật tung sau cú đá đầu tiên. Anh nhặt cái máy xén giấy lên và mang vào trong.

Văn phòng của Katrine Bratt giống hệt như căn phòng anh từng ngồi chung với sĩ quan cảnh sát Jack Halvorsen khi xưa. Ngăn nắp, sơ sài, không có ảnh hay bất cứ vật dụng cá nhân nào. Bàn làm việc có một cái khóa đơn giản ở trên cùng, mở chung cho các ngăn kéo phía dưới. Sau hai cú nện bằng máy xén, ngăn kéo trên cùng và ổ khóa cũng tan tành. Harry lục lọi bên trong, gạt giấy tờ qua một bên và bối đồng túi hồ sơ nhựa, máy bấm lỗ và các dụng cụ văn phòng phẩm cho tới khi tìm thấy một con dao. Anh rút dao ra khỏi vỏ. Sống dao có khía răng cưa. Chắc chắn không phải loại dao cầm trại. Harry ấn dao lên đồng giấy phía dưới và lưỡi dao cứa rất ngọt mà không gặp chút khó khăn nào.

Trong ngăn kéo bên dưới có hai hộp đạn còn nguyên chưa mở của khẩu súng lục công vụ. Món đồ cá nhân duy nhất Harry tìm được là hai cái nhẫn. Một cái đính đầy đá quý lóng lánh đến chói mắt dưới ánh sáng đèn bàn. Anh từng trông

thấy nó rồi. Harry nhắm mắt và cố hình dung xem đó là ở đâu. Cái nhẵn to tướng, màu mè. Gắn đá đủ màu. Phong cách Las Vegas. Katrine sẽ chẳng bao giờ đeo loại nhẵn như thế. Và rồi anh nhớ ra mình đã thấy nó ở đâu. Anh cảm nhận được mạch trong người đang đập dồn, mạnh mẽ nhưng ổn định. Anh thấy chiếc nhẵn trong một căn phòng ngủ. Phòng ngủ của Becker.

Tại phòng Sonja Henie, bữa tối đã kết thúc, bàn ghế được dọn hết đi. Arve Støp đứng dựa vào bức tường phía sau trong lúc nhìn lên sân khấu, nơi khách khứa túm tụm lại và đang say sưa xem ban nhạc biểu diễn. Đó là thứ âm nhạc ồn ào, dặt dỏ, thứ âm nhạc vĩ cuồng. Ban đầu Arve Støp không mấy tin tưởng, nhưng cuối cùng công ty tổ chức sự kiện đã thuyết phục được ông ta rằng đầu tư vào trải nghiệm âm nhạc là cách để mua lòng trung thành, niềm tự hào và tình yêu công việc của nhân viên. Bằng cách mua về chút thành công tầm cỡ thế giới, ông ta đã chứng tỏ thành công của chính tờ tạp chí và tạo dựng thương hiệu cho *Liberal*, sản phẩm mà các nhà quảng cáo nhất định sẽ muốn hợp tác làm ăn.

Ca sĩ chính ấn ngón tay lên chiếc tai nghe dạng nút và gào lên nốt cao nhất trong bài hit nổi tiếng thế giới hồi thập niên tám mươi của ban nhạc.

“Không ai hát sai nốt hay như Morten Harket,” một giọng nói cất lên bên cạnh Støp.

Ông ta quay sang nhìn. Và lập tức biết rằng mình đã từng trông thấy cô rồi, vì ông ta không bao giờ quên những người đàn bà đẹp. Điều ông ta càng ngày càng hay quên là *tên gì, ở đâu và khi nào*. Cô có vóc người thanh mảnh, mặc chiếc đầm đen trơn với đường xẻ gợi cho ông ta nhớ đến một người. Birte. Birte cũng có một chiếc đầm như thế.

“Thật đáng xấu hổ,” ông ta nói.

“Nốt đó khó hát chuẩn lắm,” cô nói mà mắt vẫn dán vào ca sĩ chính.

“Thật đáng xấu hổ vì tôi không nhớ ra được tên em. Tôi chỉ biết chúng ta đã từng gặp nhau rồi.”

“Chúng ta chưa gặp bao giờ,” cô nói. “Ông chỉ nhìn em một lượt thôi.” Cô gạt lọn tóc đen lòa xòa trước mặt. Ở cô có nét quyến rũ theo phong cách cổ điển, nghiêm nghị. Phong cách Kate Moss. Còn Birte lại quyến rũ theo kiểu Pamela Anderson.

“Tôi nghĩ điều đó hoàn toàn có thể tha thứ được,” ông ta nói, cảm thấy mình đang dần thức tỉnh, máu bắt đầu chạy rần rần trong cơ thể, đưa sâm panh tới các phần trong não bộ mang lại cảm giác thư thái thay vì khiến ông ta trở nên buồn ngủ.

“Em là ai?”

“Katrine Bratt,” cô nói.

“Ra vậy. Em là người của bên quảng cáo à, Katrine? Hay bên ngân hàng? Cho thuê bất động sản? Phóng viên ảnh tự do?”

Với mỗi câu hỏi ông ta đưa ra, Katrine đều chỉ lắc đầu và mỉm cười.

“Em là kẻ bám càng,” cô nói. “Em có cô bạn là phóng viên tạp chí của ông. Cô ấy kể với em về ban nhạc sẽ biểu diễn sau tiệc tối và bảo em cứ ăn diện rồi lên vào xem. Có định đuổi em ra ngoài không vậy?”

Cô nâng ly sâm panh lên môi. Đôi môi tuy không đầy đặn như ông ta thích nhưng đỏ thắm và ẩm ướt. Cô vẫn hướng ánh mắt về phía sân khấu để cho ông ta tùy ý ngắm mình. Từ đầu đến chân. Tấm lưng ong mềm mại, cặp tuyết lê với đường cong hoàn hảo. Không cần đến silicone mà có lẽ chỉ một cái áo lót tốt là đủ. Nhưng liệu chúng có nuôi được đứa trẻ nào không?

“Tôi đang cân nhắc,” ông ta đáp. “Em muốn phản biện gì không?”

“Đe dọa liệu có được không?”

“Có thể.”

“Em thấy đám thợ săn ảnh ngoài kia đang chực chờ các khách mời nổi tiếng của ông bước ra cùng với đối tượng cặp kè tối nay. Hay là em kể với họ về cô bạn phóng viên của em nhé? Rằng cô ấy được biết tiền đồ của mình ở *Liberal* thật mờ mịt sau khi từ chối màn gạ tình của ông ấy mà?”

Arve Støp phá lên cười to và rất tự nhiên. Ông ta thấy bọn họ đã thu hút ánh mắt tò mò của những khách mời. Ngả người về phía cô, ông ta phát hiện mùi nước hoa của cô không khác mấy so với loại ông ta dùng.

“Thứ nhất, đến điều tiếng xấu tôi còn chẳng sợ nữa là dăm ba lời xì xào của đám đồng nghiệp ở mục buôn chuyện nhảm nhí. Thứ hai, bạn em là kẻ bất tài, và thứ ba, cô ta nói dối. Tôi quất cô ả ba lần rồi. Em cứ việc nói với lũ thợ săn ảnh *như thế*. Em đã kết hôn chưa?”

“Rồi,” người đàn bà xa lạ đáp, quay về phía sân khấu và đổi dáng đứng khiến đường xẻ của bộ đầm kín đáo khoe ra đoạn nịt tất bằng ren. Arve Støp bỗng thấy miệng khô khốc và nháp một ngụm sâm panh. Quan sát đám đàn bà nháp nhồm trước sân khấu. Hít một hơi qua đằng mũi. Ông ta có thể ngửi thấy mùi nhục dục từ chỗ đang đứng lúc này.

“Em có con cái gì không, Katrine?”

“Ông muốn em có con không?”

“Có.”

“Vì sao?”

“Vì thông qua quá trình tạo ra sự sống, phụ nữ học được cách hiến mình trọn vẹn cho tự nhiên, và điều đó mang lại cho họ cái nhìn thông tuệ về cuộc sống hơn những phụ nữ khác. Và cả đàn ông nữa.”

“Nhảm nhí.”

“Không đâu, việc đó làm phụ nữ các cô đỡ phải chạy đôn chạy đáo săn lùng cho được một ông bố tiềm năng. Các cô chỉ muốn tận hưởng cuộc chơi thôi.”

“Thôi được,” cô bật cười. “Vậy thì em có con rồi. Ông thích chơi trò gì nào?”

“Ái chà,” Støp nói và liếc đồng hồ đeo tay. “Chúng ta vội vàng quá đấy.”

“Ông thích chơi trò gì?”

“Gì cũng chơi hết.”

“Tốt lắm.”

Ca sĩ nhắm mắt lại, chộp lấy chiếc micro bằng cả hai tay và bắt đầu vào đoạn cao trào của bài hát.

“Bữa tiệc chán chết, tôi về đây.” Støp đặt chiếc ly rỗng lên khay của người phục vụ đi ngang qua. “Tôi sống ở khu Aker Brygge. Đi chung cống với tòa soạn *Liberal*, tầng trên cùng. Bấm chuông trên cùng.”

Cô khẽ cười. “Em biết chỗ đó rồi. Ông cần chuẩn bị trước bao lâu?”

“Cho tôi hai mươi phút. Và phải hứa là em không được nói với bất cứ ai trước khi rời khỏi đây. Ngay cả cô bạn của em. Đồng ý không, Katrine Bratt?”

Ông ta nhìn cô, hy vọng mình nói đúng tên cô.

“Tin em đi,” cô đáp, và ông ta nhận thấy ánh sáng lạ bừng lên trong mắt cô, như thể ánh lửa của khu rừng đang rực cháy hắt lên nền trời. “Em cũng muốn giữ bí mật chuyện này như ông vậy.” Cô nâng ly lên. “Mà này, ông đã quất cô ta bốn lần, không phải ba.”

Støp liếc nhìn một lần cuối cho thỏa rồi đi ra cửa. Sau lưng ông ta, lời ca thể hiện bằng giọng gió của người nghệ sĩ vẫn run rẩy gần như không còn nghe rõ bên dưới những ngọn đèn chùm.

Có tiếng cửa đóng sầm lại rõ to và những giọng nói hồ hởi vang vọng trên phố Seilduksgata. Bốn thanh niên đang trên đường về sau khi tham dự bữa tiệc tại một quán bar ở quận Grünerløkka. Họ đi lướt qua một chiếc xe hơi đang đỗ sát vỉa hè mà không để ý đến người đàn ông ngồi bên trong. Sau đó họ rẽ qua góc phố, con đường lại chìm vào yên tĩnh. Harry rướn người về phía kính chắn gió và ngược lên nhìn cửa sổ căn hộ của Katrine Bratt.

Đúng ra anh nên gọi điện cho Hagen, cảnh báo với đồng nghiệp, dẫn Skarre đi cùng và gọi một xe tuần tra hỗ trợ. Nhưng nhờ anh nhầm thì sao. Mọi việc cần phải chắc chắn trước đã; có quá nhiều thứ để mất đối với cả anh và cô.

Anh ra khỏi xe, bước tới cửa chính rồi nhấn chuông tầng hai không có tên chủ nhà. Anh đợi. Rồi nhấn chuông lần nữa. Sau đó anh quay lại ô tô, lấy cái xà beng cất trong cốp, lại đến trước cửa và nhấn chuông tầng một. Một người đàn ông trả lời bằng giọng ngái ngủ, có tiếng ti vi ra rả vọng ra. Mười lăm giây sau, ông ta xuống nhà mở cửa. Harry chìa thẻ cảnh sát cho ông ta xem.

“Tôi không nghe thấy tiếng cãi cọ trong nhà,” ông ta nói. “Ai gọi cho anh thế?”

“Lát nữa tôi sẽ tự ra về,” Harry nói. “Cảm ơn ông đã giúp đỡ.”

Trên cửa căn hộ tầng hai cũng không có bảng tên. Harry gõ cửa, áp tai lên lớp gỗ lạnh lẽo để nghe ngóng. Sau đó anh lách mũi xà beng vào giữa cánh cửa và khung cửa, ngay phía trên ổ khóa. Những chung cư tại Grünerløkka vốn là nhà ở cho công nhân của các nhà máy nằm bên sông Akerselva, được xây dựng bằng nguyên vật liệu rẻ nhất có thể, thế nên cuộc đột nhập lần thứ hai của Harry trong vòng một tiếng đồng hồ qua diễn ra khá suôn sẻ.

Anh dành ra vài giây nghe ngóng trên hành lang tối tăm trước khi bật đèn. Nhìn xuống giá để giày trước mặt. Có sáu đôi tất cả. Không đôi nào vừa với

chân đàn ông. Anh cầm một đôi lên, đôi boots Katrina đã đi ngày hôm nay. Đôi boots vẫn còn ướt.

Anh vào phòng khách. Bật đèn pin thay vì đèn trần để nếu cô mà có đứng ở dưới phố nhìn lên cũng không phát hiện trong nhà có người.

Chùm sáng quét lên sàn gỗ thông đã cũ mòn với những chiếc đinh lớn giữa các tấm ván, một chiếc sofa trắng trơn, mấy kệ sách thấp và một cái loa hiệu Linn đắt giá. Trên tường có một cái hồ kê chiếc giường nhỏ gọn gàng, khu bếp có tủ lạnh và bếp nấu. Nơi này thật đơn sơ, mộc mạc và ngăn nắp. Không khác gì nhà anh. Luồng sáng bỗng rơi vào một khuôn mặt nhìn anh chăm chăm với vẻ vô hồn. Rồi đến khuôn mặt khác. Và một khuôn mặt nữa. Những chiếc mặt nạ gỗ màu đen với những đường chạm khắc và họa tiết sơn màu.

Anh liếc đồng hồ đeo tay. Mười một giờ. Anh tiếp tục soi đèn sang chỗ khác.

Có rất nhiều bài viết cắt ra từ các trang báo được ghim bên trên cái bàn duy nhất trong phòng. Chúng phủ kín cả một bức tường. Anh bước lại gần. Anh xem qua một lượt và cảm thấy mạch trong người bắt đầu tăng tốc hết như bộ đếm Geiger.

Đó là các bài viết về những vụ án mạng.

Con số đó khá nhiều, khoảng mười, mười hai vụ, có vụ cũ đến nỗi giấy đã ố vàng. Nhưng tất cả số này Harry còn nhớ khá rõ. Bởi lẽ giữa chúng có một điểm chung: đó đều là những vụ án do anh phụ trách điều tra.

Trên bàn, ngoài bộ máy tính và máy in còn có một chồng bìa kẹp tài liệu. Báo cáo điều tra. Anh mở một tập ra xem. Không phải hồ sơ của những vụ anh phụ trách, mà là vụ sát hại Laila Aasen trên đỉnh núi Ulriken. Tập khác lại chứa báo cáo về vụ mất tích của Onny Hetland ở Fjellsiden. Tập thứ ba liên quan đến vụ cảnh sát hành hung ở Bergen, chứa các đơn khiếu nại Gert Rafto. Harry giở ra xem. Trong đó có bức ảnh chụp Rafto mà anh từng trông thấy ở văn phòng của Müller-Nilsen. Giờ nhìn thấy nó, anh nghĩ mọi sự đã quá hiển nhiên.

Bên cạnh máy in là một xấp giấy. Tờ giấy trên cùng có hình vẽ gì đó. Một hình phác họa ngây ngô bằng bút chì, nhưng mô tuýp thì đã rõ ràng. Người tuyết. Khuôn mặt dài ngoẵng như thế bị tan chảy và rỉ xuống; cặp mắt đen vô

hồn, củ cà rốt thuôn dài khoằm khoằm. Harry lật qua xấp giấy. Trên đó còn vài hình vẽ nữa. Tất cả đều là hình người tuyết, đa phần chỉ có khuôn mặt. Mặt nạ, Harry thầm nghĩ. Mặt nạ người chết. Một trong số chúng có mỏ chim, hai cánh tay người nho nhỏ ở hai bên, và đôi chân chim bên dưới. Cái khác lại có hình mõm heo và đội mũ chóp cao.

Harry bắt đầu tìm tiếp ở bên kia phòng. Tự nhủ chính điều anh đã nói với Katrine lúc ở trên đảo Finnøy: gạt bỏ hết những kỳ vọng trong tâm trí và quan sát, đừng chủ tâm tìm kiếm. Anh kiểm tra toàn bộ tủ bếp và ngăn kéo, lục lọi đồ vật dụng nhà bếp, thiết bị và đồ dùng giặt giũ vệ sinh, quần áo, những chai dầu gội lạ lẫm và các loại kem bôi kỳ quặc trong phòng tắm sức nước hương nước hoa cô vẫn dùng. Sàn phòng tắm vòi sen vẫn ướt, trên bồn rửa mặt có một chiếc tấm bông dính mascara. Anh lại quay ra. Anh không biết mình đang tìm kiếm thứ gì, chỉ biết rằng nó không có ở đây. Anh đứng thẳng lên và đưa mắt nhìn quanh.

Nhằm rồi.

Thứ đó đang ở đây. Chẳng qua anh chưa tìm ra đấy thôi.

Anh lấy hết sách trên giá xuống, mở nắp két nước, kiểm tra xem có tấm ván lỏng lẻo nào trên sàn hoặc trên tường hay không, rồi lật cả tấm đệm trong hốc. Cuối cùng mọi việc cũng hoàn tất. Anh đã tìm khắp nơi rồi. Tuy không thu được kết quả nào, nhưng tiền đề quan trọng nhất của mọi cuộc tìm kiếm là ở chỗ, những gì ta *không* tìm thấy cũng quan trọng chẳng kém thứ ta tìm được. Và anh biết mình chưa tìm ra thứ gì. Harry xem đồng hồ. Rồi anh bắt tay vào dọn dẹp.

Chỉ đến khi xếp lại tập giấy vẽ cho đúng thứ tự thì anh mới chợt nhớ mình chưa kiểm tra máy in. Anh rút khay ra. Tờ giấy trên cùng có màu hơi vàng, dày hơn giấy in thông thường. Anh cầm lên. Nó tỏa ra một mùi đặc biệt như thể được tắm gia vị hoặc bị đốt. Anh bật chiếc đèn bàn và giơ tờ giấy lên soi để tìm dấu hiệu. Đây rồi. Ở góc dưới cùng bên phải có một loại dấu ẩn mờ giữa những xơ sợi giấy nhỏ mịn, chỉ hiện ra khi soi trước ánh đèn điện. Mạch trên cổ anh như phồng lên, máu đột nhiên ào ạt chảy trong huyết quản, bộ não đang kêu gào đòi tiếp thêm oxy.

Harry bật máy tính lên. Anh xem đồng hồ lần nữa và dài cổ đợi hệ điều hành cùng các chương trình khởi động. Anh vào thẳng chức năng tìm kiếm, gõ một từ duy nhất. Nhấp chuột vào nút *Tìm*. Một chú chó nhìn rõ ảo - theo cả hai nghĩa - bỗng hiện ra, nhảy nhót và sủa ăng ăng không thành tiếng như muốn rút ngắn thời gian chờ đợi. Harry chăm chú quan sát dòng chữ loang loáng vụt qua trong lúc máy tính quét các tài liệu. Nhìn sang bên, tiêu đề lúc này vẫn đang hiển thị *Không tìm thấy kết quả phù hợp*. Anh kiểm tra lại chính tả của từ khóa. *Toowoomba*. Anh nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng máy rừ rừ giống như tiếng kêu thích thú của một chú mèo. Thế rồi tất cả kết thúc. Harry mở mắt ra. *Tìm thấy một kết quả phù hợp*.

Harry di trỏ chuột tới chỗ biểu tượng Word. Một hình chữ nhật màu vàng bật lên. *Ngày chỉnh sửa: 9 tháng Chín*. Anh cảm thấy ngón tay run rẩy khi nhấp đúp vào đó. Ánh sáng từ nền trắng của đoạn văn bản hắt vào trong căn phòng. Không còn nghi ngờ gì nữa. Những dòng chữ trên đó và dòng chữ trong lá thư của Người Tuyết là một.

ngày thứ hai mươi

DEADLINE

Arve Støp đang nằm trên chiếc giường được chế tạo và cân đo theo các thông số khách hàng cung cấp, hoàn thiện tại nhà máy Misuku ở Osaka trước khi vận chuyển nguyên chiếc đến một xưởng thuộc da tại Chennai, Ấn Độ, vì luật ở tiểu bang Tamil Nadu không cho phép xuất khẩu trực tiếp loại da bọc này. Từ lúc đặt đến lúc nhận hàng là sáu tháng, nhưng thật không uống công chờ đợi. Giống như một geisha, chiếc giường hòa hợp tuyệt đối với cơ thể ông ta, nâng đỡ những chỗ cần thiết và cho phép ông ta tùy ý nâng hạ hoặc xoay theo mọi hướng.

Ông ta nhìn những cánh quạt trần bằng gỗ tếch chầm chậm quay tròn.

Cô đang đi thang máy lên nhà. Støp đã dặn cô qua hệ thống điện thoại nội bộ rằng ông ta đợi cô trong phòng ngủ và để hé cửa. Lớp lụa mát lạnh của chiếc quần đùi bao bọc thân thể ấm nóng nhờ men rượu. Tiếng nhạc của CD Café del Mar dạt dào tuôn chảy từ hệ thống audio hiệu Bose với những chiếc loa nhỏ gọn được giấu ở tất cả các phòng trong nhà.

Ông ta nghe thấy tiếng giày khua lộp cộp trên sàn gỗ trong phòng khách. Bước chân từ tốn nhưng cả quyết. Chỉ âm thanh ấy thôi cũng đủ khiến hạ bộ ông ta cứng lên. Giá mà cô ta biết điều gì đang chờ đợi mình...

Ông ta quờ quạng lần mò dưới gầm giường; ngón tay chạm thấy thứ cần tìm.

Và rồi cô xuất hiện nơi ngưỡng cửa, bóng cô in trên nền ánh trắng soi tỏ mặt nước vùng vịnh, nở nụ cười nhạt nhìn ông ta. Cô cởi đai lưng của chiếc áo khoác da màu đen dáng dài và để cho áo rơi xuống sàn. Ông ta hít mạnh một hơi, nhưng bên trong áo khoác vẫn còn bộ đầm. Cô tiến lại chỗ chiếc giường và đưa cho ông ta một thứ mềm như cao su. Một cái mặt nạ. Mặt nạ thú màu hồng.

“Đeo vào đi,” cô nói bằng giọng đều đều như đang bàn công việc.

“Chà chà,” ông ta nói. “Mặt nạ heo cơ đấy.”

“Cứ làm như tôi bảo.” Tia sáng vàng lặn lòng một lần nữa ánh lên trong mắt cô.

“Mais oui, madame.”

Được thôi, thưa quý bà.

Arve Støp đeo nó lên. Cái mặt nạ che đi toàn bộ khuôn mặt ông ta và có mùi như găng tay cao su, ông ta chỉ nhìn thấy cô qua hai khe hở nhỏ để làm mắt.

“Còn tôi thì muốn em...” ông ta nói, nghe giọng mình không rõ tiếng và thật xa lạ. Ông ta mới nói được có thể thì một cơn đau buốt bất thành lình dậy lên ở mắt trái.

“Im ngay!” cô ta quát.

Dần dần, Støp ý thức được rằng cô ả vừa đánh mình. Ông ta biết mình nên kiềm chế kéo phá hỏng trò chơi nhập vai ả bày ra, nhưng ông ta không sao nhịn được. Thật khôi hài quá đỗi. Một cái mặt nạ heo! Thứ đồ chơi dập dính bằng cao su màu hồng với đôi tai heo, cái mõm và hàm răng vổ. Ông ta bật cười ha hả. Cú đánh tiếp theo giáng thẳng vào bụng ông ta với uy lực thật khủng khiếp, ông ta gập người rên rỉ và ngã ngửa ra giường. Ông ta không hề nhận ra mình đang ngừng thở, cho tới khi mọi thứ tối sầm trước mắt. Ông ta cuống cuồng hít lấy hít để không khí từ bên trong cái mặt nạ bó chặt và cảm thấy hai cánh tay mình bị bẻ quặt ra sau. Rốt cuộc ôxy cũng lên được tới não, cùng lúc đó cơn đau ập đến. Và cơn giận cũng bùng lên. Mẹ kiếp, ả đang làm cái quái gì thế?! Ông ta cựa quậy hông thoát ra và tóm lấy ả, nhưng hai bàn tay không thể làm được gì, chúng đã bị trói chặt sau lưng. Ông ta giật mạnh và cảm thấy một thứ sắc cạnh cửa vào hai cổ tay. Còn tay ư? Con diêm quái đản.

Ả đẩy Støp ngồi dậy.

“Có nhìn thấy gì đây không?” ông ta nghe thấy tiếng ả thì thầm.

Nhưng cái mặt nạ đã lệch đi, khiến ông ta chẳng trông thấy gì cả.

“Cần gì nhìn,” ông ta đáp. “Người cũng biết là mùi l.. của mày.”

Một cú đánh giáng trúng thái dương ông ta. Cảm giác giống như đĩa CD vừa nhảy cóc một bài, và khi âm thanh trở lại, ông ta vẫn đang ngồi thẳng trên giường. Støp cảm thấy một dòng chất lỏng rỉ ra giữa má và mặt bên trong của chiếc mặt nạ.

“Mày đánh tao bằng cái gì thế hả?” ông ta quát lớn. “Chảy máu rồi đây này, con điên!”

“Bằng thứ này.”

Arve Støp cảm thấy một thứ cứng đánh áp vào mũi và miệng mình.

“Người đi,” ả nói. “Thích đúng không? Thép và dầu súng đấy. Hàng Smith & Wesson. Không giống bất cứ mùi nào trên đời, nhỉ? Mùi thuốc súng và cordite thậm chí còn tuyệt hơn kia. Nếu ông có cơ hội được ngửi thử.”

Đây chỉ là trò chơi bạo lực, Arve Støp tự nhủ. Trò chơi nhập vai thôi. Nhưng còn điều gì đó nữa, một điều ẩn chứa trong giọng nói của ả, trong tình cảnh diễn ra lúc này. Điều khiến ông ta nhìn nhận mọi chuyện bằng con mắt khác. Đã lâu lắm rồi - lâu đến nỗi ông ta phải ngược dòng thời gian hồi tưởng lại tuổi thơ, đến nỗi ban đầu ông ta chẳng thể gọi tên cảm giác ấy - tới tận bây giờ Arve Støp mới nhận ra rằng: ông ta đang sợ hãi.

“Thực sự không được gọi hồn nàng ấy lên hả?” Bjørn Holm hỏi, run rẩy kéo chiếc áo khoác da chặt hơn nữa quanh mình. “Hồi Amazon mới ra mắt, cô nàng nức tiếng nhờ hệ thống sưởi bá đạo đây.”

Harry lắc đầu và nhìn đồng hồ. Một rưỡi sáng rồi. Họ ngồi trong xe ô tô của Holm canh bên ngoài tòa nhà chung cư nơi Katrine ở đã hơn một tiếng. Màn đêm phủ lên cảnh vật một màu xanh xám, phố xá vắng tanh vắng ngắt.

“Nàng ta ban đầu có màu trắng California,” Holm tiếp tục kể. “Mã số bốn mươi hai trong bảng màu của Volvo. Chủ nhân trước đây sơn thành màu đen. Bây giờ được xếp vào loại xe cổ rồi. Thuế đường bộ mỗi năm mất có ba trăm sáu mươi lăm krone. Tức là một krone mỗi ngày...”

Bjørn Holm im bật khi bắt gặp cái nhìn cảnh cáo của Harry, anh chàng đàn ông bật nhạc của David Rawlings và Gillian Welch lên nghe, đó là thứ nhạc hiện đại duy nhất anh ta chịu đựng nổi. Holm thu bài hát từ CD vào băng cát xét, lý do không chỉ là để phát lại bằng dàn cát xét mới sắm trong xe mà còn vì anh ta là thành viên của một nhóm tín đồ tuy cực ít ỏi nhưng lại mang niềm tin kiên định rằng đĩa CD không thể cho ra được chất nhạc ấm áp có một không hai như băng cát xét.

Bjørn Holm biết mình lái nhai luôn mồm như vậy là do căng thẳng. Harry không tiết lộ gì nhiều với anh ta mà chỉ nói rằng Katrine sẽ bị loại khỏi một số

nhiệm vụ. Và công việc hằng ngày của Holm trong vài tuần tới sẽ dễ thở hơn nếu anh ta không biết rõ nội tình. Vốn là con người vô tư, ôn hòa và thông minh, Holm không muốn gây rắc rối làm gì. Thế nhưng điều đó không có nghĩa anh ta thích tình cảnh lúc này. Anh ta xem đồng hồ.

“Cô ấy về nhà gã nào rồi.”

Harry phản ứng ngay. “Cậu dựa vào đâu mà nói vậy?”

“Thì cô ấy vẫn chần đờn gối chiếc mà. Chẳng phải anh đã nói thế hay sao? Phụ nữ độc thân thời nay không chịu thua kém đàn ông độc thân tui mình đâu.”

“Ý cậu là...”

“Bốn bước. Đi sẵn, quan sát cả đàn, chọn con mỗi yếu nhất, và tấn công.”

“Ừm, cậu cần những bốn bước cơ à?”

“Ba bước đầu tiên thôi,” Bjørn Holm đáp, chỉnh lại gương và cả mái tóc đỏ rực. “Thành phố này toàn những thành phần thích thả thính.” Trước khi đi Holm đã định thoa dầu tạo nếp tóc, song đến cuối cùng anh ta lại cho rằng làm vậy e hơi lỗ quá. Nhưng nghĩ lại thì, có lẽ đó là việc nên làm. Đã chơi là phải chơi đến cùng chứ.

“Mẹ kiếp,” Harry kêu lên. “Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp.”

“Sao thế?”

“Phòng tắm vòi sen ướt nhẹp. Nước hoa. Mascara. Cậu nói đúng lắm.” Anh chàng thanh tra lôi điện thoại ra bấm số điên cuồng và nhận được hồi đáp gần như ngay lập tức.

“Gerda Nelvik phải không? Harry Hole đây. Chị vẫn đang làm xét nghiệm đấy chứ?... Được. Có kết quả sơ bộ nào chưa?”

Bjørn Holm quan sát Harry lăm lăm bấm hai câu *ừm* và ba câu *vâng*.

“Cảm ơn chị,” Harry nói. “Cho tôi hỏi thêm là tối nay có sĩ quan cảnh sát nào gọi điện hỏi chị điều tương tự... Gì cơ? ... Tôi hiểu rồi. Vâng, khi nào làm xong chị cứ gọi cho tôi.”

Harry ngắt máy. “Giờ cậu khởi động xe được rồi đấy,” anh nói.

Bjørn Holm vặn chìa khóa. “Có chuyện gì vậy?”

“Chúng ta sẽ tới khách sạn Plaza. Tối nay Katrine Bratt đã gọi điện tới Viện Pháp y để hỏi về xét nghiệm huyết thống.”

“Tối nay á?” Holm nhấn ga và rẽ phải, cho xe chạy về phía Schous Plass.

“Họ đang tiến hành xét nghiệm sơ bộ để xác định quan hệ cha con với độ chính xác tới 95 phần trăm. Sau đó họ sẽ cố gắng tăng lên tới 99,9 phần trăm.”

“Rồi sao?”

“Đã chắc chắn đến 95 phần trăm Arve Støp là bố của cặp sinh đôi nhà Ottersen và Jonas Becker.”

“Trời đất quỷ thần ơi.”

“Và tôi nghĩ Katrine đã áp dụng lời khuyên của cậu về việc nên làm gì vào tối thứ Bảy. Con mồi chính là Arve Støp.”

Harry gọi điện cho Phòng Điều tra để xin hỗ trợ trong lúc động cơ chiếc xe cổ được tân trang gầm rú trên những con phố chìm trong màn đêm tĩnh lặng ở quận Grünerløkka. Khi xe phóng vù qua phòng cấp cứu ở Akerselva và trượt đi trên đường ray tàu điện trên phố Storgata, hệ thống sưởi quả nhiên phun ra luồng khí bỏng rát về phía họ.

Odin Nakken, phóng viên của tờ *Verdens Gang*, đang đứng chết còng trên vỉa hè bên ngoài khách sạn Plaza, không ngừng nguyên rửa thế giới cùng loài người nói chung và công việc của anh ta nói riêng. Theo như anh ta thấy, những vị khách cuối cùng đang lục tục kéo nhau ra về sau bữa tiệc mừng sinh nhật tạp chí *Liberal*. Và đã thành lệ, những người ra sau chót luôn là người hay ho nhất, có thể mang lại những hàng tit cho số báo ngày hôm sau. Nhưng deadline đã gần kề, năm phút nữa anh ta phải về. Trở về văn phòng trên phố Akersgata cách đó vài trăm mét và viết. Viết cho tay biên tập viên và nói rằng anh ta giờ đã lớn rồi, đã chán ngấy việc cứ phải chầu chực bên ngoài bữa tiệc nào đó như tụi choai choai, dán mặt vào cửa sổ để quan sát và thầm mong ai đó sẽ bước ra kể cho anh ta nghe những đôi nào khiêu vũ với nhau, mua đồ uống cho nhau, ôm ấp nhau. Viết rằng sắp tới anh ta sẽ nộp đơn thôi việc.

Dân tình đang xì xào bàn tán mấy chuyện hay ho đến khó tin, nhưng tất nhiên bọn họ không thể cứ thế đưa lên báo được. Dù gì cũng có giới hạn, và cả những quy tắc bất thành văn. Quy tắc mà cánh phóng viên - ít ra là những người thuộc thế hệ anh ta - phải tuân thủ. Anh ta nghĩ thế.

Odin Nakken đưa mắt nhìn quanh. Chỉ còn vài tay phóng viên và thợ săn ảnh bám trụ ở đây. Hoặc là những người cũng có deadline trả bài cho chuyên mục tin tức giới sao tương tự như tờ báo của anh ta chẳng hạn. Bỗng một chiếc Volvo Amazon từ đâu lao tới chỗ họ và phanh kít lại bên lề đường.

Một người đàn ông nhảy ra từ ghế phụ, và Odin Nakken ngay lập tức nhận ra người đó. Anh ta ngoắc gã phóng viên ảnh và cả hai rượt theo viên cảnh sát đang co giò chạy tới cửa khách sạn.

“Harry Hole,” Nakken thở hồng hộc khi bắt kịp anh ta. “Cảnh sát làm gì ở đây vậy?”

Người sĩ quan mắt đỏ ngầu quay sang nói với anh ta. “Đến dự tiệc, Nakken ạ. Phòng tiệc ở đâu?”

“Phòng Sonja Henie ở tầng một. Nhưng tôi đoán là tiệc tàn rồi.”

“Ừm. Có thấy Arve Støp không?”

“Støp về từ sớm. Anh tìm ông ta làm gì?”

“Không có gì. Ông ta đi một mình à?”

“Bề ngoài thì thế.”

Vị thanh tra dừng phắt lại và quay sang Nakken. “Ý anh là sao?”

Odin Nakken nghiêng đầu. Dù không hiểu chuyện gì đang xảy ra nhưng anh ta biết chắc chắn là có biến.

“Dân tình đang kháo nhau là ông ta đã cò cửa được một em khá ngon. Cặp mắt rất lẳng. Nhưng bọn tôi lại không được phép đăng tin, rõ chán.”

“Thế thì sao?” Vị thanh tra cầm cẩu hỏi.

“Người phụ nữ nói trên cũng rời bữa tiệc sau khi Støp ra về khoảng hai mươi phút. Cô ta đi bằng taxi.”

Hole vội vã quay lại theo lối cũ. Odin lẳng nhẳng chạy theo.

“Thế mà anh lại không bám theo à, Nakken?”

Odin Nakken bỏ ngoài tai hàm ý mỉa mai. Cứ coi như không biết đi. Tạm thời thế đã.

“Cô ta đâu phải người nổi tiếng. Sao xin quất dân thường thì gọi gì là tít, có thể nói như vậy. Trừ phi quý cô kia muốn chia sẻ, tất nhiên. Mà cô ta thì biến từ đời tám hoánh rồi.”

“Trông cô ta thế nào?”

“Người dong dỏng, tóc sẫm màu. Ưa nhìn.”

“Còn trang phục?”

“Áo khoác da màu đen dáng dài.”

“Cảm ơn.” Hole lại chui vào trong chiếc Amazon.

“Ê,” Nakken la lên. “Đổi lại thì tôi được gì đây?”

“Một giấc ngủ ngon,” Harry đáp. “Biết rằng mình đã góp phần giúp thành phố này trở nên an toàn hơn.”

Odin Nakken nhăn mặt, nhìn chiếc xe trông chả khác gì cái thuyền với những dải màu trên thân phóng vút đi, kèm theo âm thanh nghe như tiếng cười rú lên khùng khục. Đã đến lúc biến khỏi đây. Và nộp đơn nghỉ việc. Đến lúc trưởng thành lên rồi.

“Deadline rồi,” tay phóng viên ảnh nói. “Ta về viết cho xong phứt đi.”

Odin Nakken thở dài sườn sượt đầy cam chịu.

Arve Støp dăm dăm nhìn bóng tối bên dưới lớp mặt nạ, thầm hỏi không biết ả đàn bà đó định làm gì. ả đã nắm lấy cái còng và lôi ông ta vào phòng tắm, ấn thứ mà ả gọi là khẩu súng lục vào mạng sườn ông ta và bắt ông ta đứng vào trong bồn. ả đi đâu rồi? Støp nín thở, lắng nghe tiếng tim mình đập và tiếng điện loẹt xoẹt. Phải chăng có cái đèn neon nào đó bắt đầu hỏng? Dòng máu rỉ ra từ thái dương đã chảy xuống khóe miệng, ông ta có thể cảm thấy vị ngòn ngọt, tanh tanh như kim loại ở đầu lưỡi.

“Ông đã ở đâu vào đêm Birte Becker mất tích?” Giọng ả vọng đến từ chỗ bồn rửa.

“Ở đây, tại căn hộ này,” Støp đáp, cố gắng suy nghĩ. ả nói mình là người của Sở Cảnh sát và lúc đó ông ta nhớ ra mình đã trông thấy ả ở đâu: trong phòng chơi bi đá.

“Một mình sao?”

“Phải.”

“Thế còn đêm Sylvia Ottersen bị giết?”

“Cũng thế.”

“Ở một mình cả tối mà không nói chuyện với ai à?”

“Phải.”

“VẬY là không có chứng cứ ngoại phạm?”

“Đã bảo là tôi ở nhà rồi mà.”

“Tốt.”

Tốt á? Arve Støp thầm nghĩ. Sao việc ông ta không có chứng cứ ngoại phạm lại tốt được? Đó là điều ả muốn ư? Ép ông ta phải nhận tội? Và tại sao tiếng u của thiết bị điện đường như lại cứ lớn dần khi ả tiến đến gần hơn nhỉ?

“Năm xuống,” ả nói.

Ông ta ngoan ngoãn vâng lời, lớp men sứ lạnh lẽo của bồn tắm khiến mảng da ở lưng và đùi ông ta tê buốt. Hơi thở phả ra đã ngưng tụ ở mặt trong của chiếc mặt nạ, làm nó ướt đầm và ông ta càng thêm khó thở. Thế rồi giọng nói đó lại cất lên, lần này gần hơn trước.

“Ông muốn chết thế nào?”

Chết ư? ả này đúng là đồ điên. Mất trí. Tâm thần. Nhưng có thật thế không? Ông ta tự nhủ phải luôn giữ cho đầu óc tỉnh táo; ả chỉ muốn dọa ông ta mà thôi. Có thể nào Harry Hole đứng sau vụ này? Có thể nào ông ta đã đánh giá thấp tay cảnh sát nát rượu đó? Nhưng lúc này toàn thân ông ta run cầm cập, run đến nổi chiếc đồng hồ hiệu Tag Heuer trên cổ tay va lạnh canh vào bồn tắm, cứ như thể thân xác ông ta đã sớm chấp nhận điều mà bộ não đến giờ vẫn chưa chịu thông suốt. Ông ta cựa đầu vào đáy bồn, cố đẩy cái mặt nạ heo cho thẳng thớm để có thể quan sát xung quanh qua hai lỗ mắt. Ông ta sắp chết rồi.

Vì thế ả mới bắt ông ta vào nằm trong bồn tắm. Để không làm bừa bộn xung quanh, để mọi dấu vết nhanh chóng được xóa bỏ. Thật nhảm nhí! Mi là Arve Støp, còn cô ta là người của cảnh sát. Bọn họ chẳng biết được điều gì hết.

“Được rồi,” ả nói. “Nhấc đầu lên.”

Cái mặt nạ. Chờ mãi rồi cũng đến lúc. Ông ta làm theo lời ả, cảm thấy tay ả chạm vào trán và phía sau đầu mình, nhưng ả không tháo nó ra. Có thứ gì đó nhỏ nhưng bền chắc siết lấy cổ ông ta. Cái mẹ gì thế này? Một chiếc thông lọng!

“Đừng...” Støp thốt lên nhưng tiếng nói tắc nghẹn khi thông lọng ép chặt vào khí quản. Cái còng tay giật giật và cọ vào đáy bồn tắm.

“Tất cả bọn họ đều do ông giết,” ả nói, và thông lọng siết chặt thêm một nấc. “Ông chính là Người Tuyết, Arve Støp.”

Vậy đấy. ả đã chính thức nói ra. Máu không lên được não khiến Støp nhanh chóng cảm thấy quay cuồng. Ông ta lắc đầu lia lịa.

“Đúng thế đấy,” ả nói, và khi ả giật sợi dây, ông ta tưởng như đầu mình sắp lìa khỏi cổ. “Ông vừa được chỉ định rồi.”

Bóng tối đột ngột ập đến. Ông ta giơ một chân lên rồi lại buông thông xuống, gót chân bắt lực nện vào thành bồn. Một tiếng *bộp* khô khốc vang vọng khắp bốn bề.

“Có biết cảm giác choáng váng ấy là gì không, Støp? Là não đang thiếu ôxy. Cũng thú vị ra phết, nhỉ? Lão chồng cũ của tôi từng tự sướng trong lúc tôi bóp cổ lão.”

Ông ta cố hét lên, cố ép chút hơi tàn còn sót lại trong cơ thể đi qua vòng dây siết chặt như gọng kìm của thông lọng, nhưng vô ích. Trời đất, ả thậm chí còn chẳng cần nghe thú tội ư? Thế rồi cảm giác ấy xuất hiện. Một tiếng lóc bóc vang lên khe khẽ trong đầu ông ta, giống như tiếng sâm panh đang sủi bọt. Vậy ra chết là như thế sao? Dễ dàng quá. Ông ta không muốn chết dễ thế.

“Tôi sẽ treo cổ ông trong phòng khách,” giọng nói thủ thi bên tai ông ta trong lúc một bàn tay ả yếm vỗ vỗ trán. “Nhìn ra vịnh. Để ông được ngắm cảnh đẹp.”

Bỗng một tiếng bíp nho nhỏ vang lên, giống như tín hiệu cảnh báo của máy theo dõi nhịp tim vẫn thường thấy trên phim vậy, ông ta thầm nghĩ. Khi những đường gấp khúc hóa thành đường thẳng và trái tim ngừng đập.

ngày thứ hai mươi

IM LẶNG

Harry nhấn chuông nhà Arve Støp một lần nữa.

Một con cú đêm không kiếm được môi đang bước trên cây cầu bắc qua dòng kênh, chăm chú nhìn xuống chiếc ô tô Amazon màu đen đỗ chính giữa quảng trường không một bóng xe ở khu Aker Brygge.

“Giờ này mà đang vui vẻ với cô nào thì chắc ông ta chẳng chịu ra mở cửa đâu,” Bjørn Holm nói, ngược nhìn cánh cửa kính cao ba mét.

Harry ấn tiếp chuông của các phòng còn lại.

“Đấy toàn là văn phòng thôi,” Holm nói. “Støp sống một mình ở tầng trên cùng cơ. Tôi đọc báo thấy bảo thế.”

Harry đưa mắt nhìn quanh.

“Không,” Holm nói, anh ta đã đoán ra ý định của Harry. “Dùng xà beng không ăn thua đâu. Vả lại, kính thép là loại kính chống vỡ. Chỉ còn cách đợi đến khi lao...”

Harry xăm xăm trở ra xe. Và lần này Holm không thể dò được ý nghĩ của anh chàng thanh tra. Chỉ đến khi Harry ngồi vào ghế lái và Bjørn sức nhớ chìa khóa vẫn còn cắm trong ổ thì anh ta mới hiểu.

“Không, Harry! Không! Đừng...”

Phần còn lại của câu nói đã bị tiếng động cơ gầm rú át mất. Bánh xe quay tít trên mặt đất trơn nhẩy nước mưa rồi bắt đầu tìm được điểm tựa. Bjørn Holm đứng chặn ngang đường, xua tay loạn xạ, nhưng khi nhác thấy ánh mắt vị thanh tra đang ngồi sau tay lái, anh ta vội nhảy phắt sang một bên. Thanh cản trước của chiếc Amazon tông vào cửa chính với một tiếng ầm như bị bóp nghẹt. Tấm kính ở cửa hóa thành những mảnh vụn màu trắng, chúng lơ lửng giữa không trung trong một giây tĩnh lặng trước khi rơi rào rào xuống đất. Bjørn chưa kịp đánh giá mức độ thiệt hại thì Harry đã ra khỏi xe và ung dung bước qua ngưỡng cửa giờ chẳng còn kính nào cản lối.

Bjørn hốt hải chạy theo trong tuyệt vọng, vừa chạy vừa lăm bầm nguyên rửa. Harry vớ lấy một cái chậu có trồng cây cọ cao hai mét, lôi nó tới chỗ thang máy và bấm nút. Khi hai cánh cửa nhôm bóng bẩy trượt mở, anh chèn chậu cây vào giữa và trở về phía cánh cửa trắng với tấm biển màu xanh chỉ dẫn lối ra.

“Cậu đi theo lối thoát hiểm bên ngoài, tôi leo cầu thang chính, như thế mọi đường tẩu thoát đều bị chặn đứng. Gặp nhau trên tầng sáu nhé, Holm.”

Chưa leo hết lượt cầu thang sắt chật hẹp để lên tầng hai mà Bjørn Holm đã mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Cả thể xác lẫn tinh thần anh ta không hề được chuẩn bị để đương đầu với tình huống này. Khi thật, anh ta là chuyên gia pháp y mà! Nghề của anh ta là *tái hiện* lại tình huống xảy ra, chứ có phải tham gia vào đó đâu.

Holm dừng lại giây lát. Nhưng âm thanh duy nhất anh ta nghe được là tiếng vọng từ những bước chạy đang dần tắt lịm và tiếng thở hồng hộc của chính mình. Nếu chẳng may chạm trán kẻ nào đó thì biết làm sao? Harry đã dặn anh ta mang theo khẩu súng lục công vụ khi tới Seilduksgata, nhưng Harry có ý bảo anh ta dùng đến nó không? Bjørn bám vào tay vịn cầu thang rồi lại bắt đầu chạy. Hank Williams sẽ làm gì nếu gặp tình cảnh này? Mượn men rượu để tìm quên. Sid Vicious thì sao? Giơ ngón giữa rồi a lê biển. Thế còn Elvis? Elvis. Elvis Presley. Bjørn Holm nắm chắc khẩu súng lục trong tay.

Chạy mãi rồi cũng đến nơi. Holm mở cửa, và kia, cuối hành lang là Harry đang đứng áp lưng vào bức tường bên cạnh cửa ra vào màu nâu. Một tay Harry cầm khẩu súng, tay kia đưa lên miệng. Ngón trỏ đặt trước môi trong lúc anh nhìn Bjørn và chỉ về phía cánh cửa. Nó đang hé mở.

“Chúng ta sẽ kiểm tra từng phòng,” Harry khẽ nói khi Bjørn đến bên cạnh. “Cậu lo các phòng bên trái, bên phải thì để tôi. Động tác nhất quán, lưng áp vào nhau. Và nhớ thở đều.”

“Từ từ!” Bjørn thì thào. “Nhờ Katrine ở trong đó thì sao?”

Harry chăm chú nhìn anh ta và chờ đợi.

“Ý tôi là...” Bjørn Holm nói tiếp, cố gắng giải thích cho Harry hiểu. “Trong tình huống xấu nhất, liệu tôi có phải... bắn đồng nghiệp không?”

“Trong tình huống *xấu nhất*,” Harry đáp, “đồng nghiệp sẽ bắn *cậu* đấy. Sẵn sàng chưa?”

Anh chàng chuyên gia pháp y trẻ tuổi quê ở Skreia gật đầu và nhủ thầm, nếu vụ này mà tai qua nạn khỏi thì anh ta nhất định sẽ bôi thứ dầu giữ nếp tóc khi gió đó.

Harry khẽ khàng dùng chân đẩy cửa rồi đi vào nhà. Ngay lập tức anh cảm thấy luồng khí ủa đến. Là gió lửa. Anh tới trước căn phòng đầu tiên bên phải, tay trái cầm lấy tay nắm cửa và chìa thẳng khẩu súng lục. Anh đẩy cửa và bước vào. Đó là một thư phòng. Không có ai cả. Phía trên bàn làm việc treo một tấm bản đồ Na Uy lớn có găm mấy cái đinh ghim.

Harry quay trở lại hành lang nơi Holm vẫn đang đứng đợi. Harry ra hiệu bảo Holm phải luôn giữ súng trong tư thế sẵn sàng.

Hai người kín đáo đi kiểm tra toàn bộ căn hộ.

Phòng bếp, phòng đọc sách, phòng tập gym, phòng sưởi nắng, phòng dành cho khách. Tất cả đều trống không.

Harry cảm thấy nhiệt độ giảm. Khi đặt chân tới phòng khách thì anh mới hiểu lý do. Cánh cửa kính trượt nhìn ra sân và bể bơi đang mở toang; những tấm rèm trắng bay phất phơ trong gió như thể lo âu. Ở hai đầu căn phòng có hai lối đi hẹp dẫn đến hai cánh cửa. Harry chỉ tay bảo Holm kiểm tra phòng bên phải, còn anh tới đứng trước phòng bên trái.

Harry hít một hơi, co người lại để thu nhỏ tối đa thân mình và mở cửa ra.

Trong bóng tối, anh lơ mơ trông thấy một chiếc giường với chăn đệm bằng vải dũi trắng và thứ gì đó giống như thân người.

Anh lần tìm công tắc trên bức tường cạnh cửa bằng tay trái.

“Harry!”

Là Holm gọi.

“Bên này, Harry!”

Giọng Holm có vẻ phấn khích nhưng Harry vẫn bỏ ngoài tai và tập trung quan sát bóng tối trước mặt. Cuối cùng anh cũng tìm thấy công tắc và ngay sau đó căn phòng bừng lên dưới ánh sáng của những chiếc đèn chiếu điểm lấp trên trần. Không có ai cả. Harry kiểm tra hết các tủ rồi mới trở ra. Holm đang đứng ngoài cửa phòng bên kia, súng chìa vào trong.

“Ông ta không cử động,” Holm thì thào. “Ông ta chết rồi. Ông ta...”

“Thế thì cậu cần gì phải gọi rồi lên như vậy,” Harry đáp và bước tới chỗ bồn tắm, cúi xuống người đàn ông lỏa lồ nằm bên trong và tháo cái mặt nạ heo ra. Quanh cổ ông ta có một vết hằn mảnh màu đỏ, mặt mũi tái nhợt và sưng vù, cặp mắt lồi lên bên dưới mí. Khó lòng nhận ra nổi Arve Støp.

“Để tôi gọi Đội Điều tra Hiện trường,” Holm nói.

“Khoan đã.” Harry giơ bàn tay trước miệng Støp. Sau đó anh nắm lấy vai ông tổng biên tập mà lay.

“Anh làm gì vậy?”

Harry lay mạnh hơn nữa.

Bjørn đặt tay lên vai Harry. “Nhưng Harry à, chẳng lẽ anh không thấy...”

Holm giật bản mình. Støp đã mở mắt. Giờ ông ta đang thở dốc cứ như người lặn sâu vừa trồi lên mặt nước, hít những hơi dài đau đớn, khò khè trong cổ họng.

“Cô ấy đâu?” Harry hỏi.

Ánh mắt Støp vẫn chưa hết đờ đẫn, những tiếng thở ngắn gấp gáp là âm thanh duy nhất phát ra từ miệng ông ta.

“Cậu chờ ở đây nhé, Holm.”

Holm gật đầu và nhìn theo người đồng nghiệp rời khỏi phòng tắm.

Harry lại gần mép sân thượng nhà Arve Støp. Hai mươi lăm mét phía bên dưới là mặt nước đen ngòm lấp lánh của dòng kênh. Dưới ánh trăng anh có thể nhác thấy hình dáng một phụ nữ qua những cột trụ trong nước và cây cầu văng hoe. Và kia... có thứ gì đó bóng loáng đang đập dềnh trên mặt nước, giống như con cá chết ngửa bụng lên trời. Đó là lưng áo khoác da màu đen. Cô đã nhảy xuống. Từ trên tầng sáu.

Harry bước tới đứng ở mép sân, giữa mấy cái hộp trồng hoa trống không. Một hình ảnh trong quá khứ bỗng vụt qua tâm trí anh. Østmarka, và Øystein, người đã lao từ trên mỏm núi xuống hồ Hauktjern. Harry và Tresko đã lôi cậu ta vào bờ. Øystein nằm trên giường ở bệnh viện Rikshospitalet cùng với một thứ nhìn như giàn giáo bao quanh cổ. Qua vụ đó Harry rút ra được bài học là đừng có đâm đầu lao xuống từ trên cao, mà phải nhảy. Và luôn nhớ ép hai cánh tay vào thân người để tránh làm gãy xương đòn. Nhưng trên hết là phải quyết

định xong rồi hãy nhìn xuống dưới, nhảy trước khi nổi sợ khiến lý trí vào cuộc. Bởi thế, khi chiếc áo khoác rơi xuống sân với một tiếng động khê thì Harry đã lao mình vào không trung, nghe tiếng gió ù ù bên tai. Mặt nước tối đen càng lúc càng gần lại. Đen như mặt đường kia vậy.

Hai gót chân anh áp sát vào nhau và một tích tắc sau tường như không khí bị ép sạch khỏi cơ thể và một bàn tay to lớn đang muốn xé toạc quần áo của anh, không còn nghe thấy âm thanh gì nữa. Rồi cái lạnh buốt giá ập đến. Anh đập nước và trôi lên. Quan sát xung quanh, tìm chiếc áo khoác và bơi về phía đó. Đôi chân bắt đầu mất cảm giác và anh biết mình chỉ có thể gượng được vài phút nữa thôi trước khi cơ thể ngừng hoạt động ở nhiệt độ này. Nhưng anh cũng biết rằng nếu thanh quản Katrina vẫn giữ được phản xạ và tự động đóng lại khi tiếp xúc với nước thì chính sự giảm nhiệt đột ngột sẽ cứu sống cô; nó sẽ dừng hoạt động trao đổi chất, khiến các tế bào và cơ quan trong cơ thể lâm vào trạng thái ngủ đông, để những chức năng thiết yếu tiếp tục duy trì hoạt động nhờ lượng ôxy tối thiểu.

Harry nhào tới và bơi trong dòng nước nặng nề, hướng về phía chiếc áo da lấp loáng.

Rồi anh cũng đến nơi và tóm lấy cô.

Ý nghĩ vô thức đầu tiên nảy ra trong anh đó là cô đã tan vào hư không, đã bị quỷ dữ nuốt trọn mất rồi. Bởi lẽ chỉ còn lại mỗi chiếc áo khoác mà thôi.

Harry buông tiếng chửi thề, xoay người lại và ngược lên nhìn sân thượng. Ánh mắt anh lần theo rìa mái hiên, theo đường ống nước bằng kim loại và những mái che dốc nghiêng dẫn xuống phía bên kia tòa nhà, sang những công trình khác. Những sân thượng khác và vô số cầu thang thoát hiểm bên ngoài cùng những lối đi giữa mê lộ nhà cửa ở Aker Brygge. Anh bì bõm lội nước bằng đôi chân giờ đã tê liệt, vừa đi vừa tự nhủ Katrina không hề đánh giá thấp anh; anh đã tự sa vào một trong những cái bẫy sơ đẳng nhất. Và trong khoảnh khắc mất tỉnh táo, anh còn định đâm đầu xuống nước mà chết cho rồi; như thế chắc sẽ dễ chịu lắm.

Lúc này là bốn giờ sáng, trên chiếc giường trước mặt Harry là Arve Støp mặc áo choàng ngủ đang run lẩy bẩy. Sắc nâu râm nắng như bị hút cạn khỏi làn da,

ông ta co rúm lại thành một ông già. Nhưng đôi đồng tử đã trở lại kích cỡ bình thường.

Harry đã đi tắm nước nóng giã và giờ đây anh đang ngồi trên ghế trong chiếc áo len của Holm, quần nỉ mượn của Støp. Ở phòng khách, họ có thể nghe thấy tiếng Bjørn Holm cố gắng chỉ đạo cuộc truy tìm Katrine Bratt thông qua điện thoại di động. Harry đã bảo Holm gọi cho Phòng Điều tra để đưa ra cảnh báo chung; liên hệ với cảnh sát ở sân bay Gardermoen phòng trường hợp cô định bắt chuyến bay vào sáng sớm; và cả Đơn vị Đặc nhiệm Delta để đột kích căn hộ của cô, dù Harry khá chắc chắn rằng họ sẽ chẳng tìm được cô ở nhà.

“Vậy ông nghĩ đó không phải trò chơi tình ái mà là Katrine muốn giết ông?” Harry hỏi.

“Nghĩ ư?” Støp nói qua hàm răng lập cập. “Cô ta đã cố thắt cổ tôi đấy!”

“Ừm. Và cô ấy hỏi ông có chứng cứ ngoại phạm trong thời gian xảy ra các vụ án không à?”

“Tôi trả lời lần này là lần thứ ba rồi, đúng vậy!” Støp rên rỉ.

“Vậy cô ấy nghĩ ông là Người Tuyết?”

“Có Chúa mới biết cô ta nghĩ gì. Án bà đó rõ ràng đã mất trí rồi.”

“Có thể,” Harry nói. “Nhưng điều đó cũng chẳng ngăn được cô ấy có lý ở một điểm.”

“Điểm gì mới được?” Støp nhìn đồng hồ đeo tay.

Harry biết Krohn đang trên đường tới đây và ngay khi có mặt, tay luật sư đó sẽ khóa miệng thân chủ của gã lại.

Anh đã quyết định xong, và nhào người tới trước. “Chúng tôi biết ông là bố của Jonas Becker và cặp sinh đôi nhà Ottersen.”

Đầu Støp ngẩng phắt lên. Harry buộc phải mạo hiểm.

“Idar Vetlesen là người duy nhất biết sự thật. Chính ông đã cử anh ta sang Thụy Sĩ và trả tiền để anh ta theo học khóa đào tạo về hội chứng Fahr, đúng không? Căn bệnh mà thế hệ trước cũng đã truyền lại cho ông.”

Harry nhận thấy mình nói không sai mấy khi nhìn cái cách đồng tử của Arve Støp nở ra.

“Tôi đoán Vetlesen đã kể với ông chuyện chúng tôi o ép anh ta,” Harry tiếp tục dẫn tới. “Có lẽ ông lo sợ anh ta sẽ không chịu đựng nổi. Hoặc anh ta lợi dụng tình huống đó để trục lợi chăng? Mọi tiền chẳng hạn.”

Ông tổng biên tập trợn mắt kinh ngạc nhìn Harry và lắc đầu.

“Dù thế nào đi nữa, rõ ràng ông có quá nhiều thứ để mất nếu sự thật về mối quan hệ cha con đó bị phơi bày. Đủ để nảy sinh động cơ giết hại những người có thể khiến ông lộ tẩy: các bà mẹ và Idar Vetlesen. Đúng vậy không?”

“Tôi...” Ánh mắt Støp bắt đầu đảo lảo liên.

“Ông làm sao?”

“Tôi... không còn gì để nói nữa.” Støp cúi người về phía trước, vùi mặt vào hai bàn tay. “Anh đi mà làm việc với Krohn ấy.”

“Được thôi,” Harry nói. Anh không còn nhiều thời gian. Dù vậy, anh vẫn nắm trong tay một chiêu cuối cùng. Con át chủ bài. “Tôi sẽ bảo họ là ông nói thế.”

Harry chờ đợi. Støp vẫn gục đầu bất động. Rồi cuối cùng ông ta cũng ngẩng lên.

“Họ là ai?”

“Giới báo chí, tất nhiên,” Harry nói. “Có lý do để tin rằng họ sẽ quay chúng ta như chong chóng, ông không thấy sao? Đây chính là thứ mà nhà báo các ông hẳn sẽ gọi là tin sốt dẻo đấy nhỉ?”

Đột nhiên, ánh mắt Støp như sực tỉnh.

“Vậy là ý gì?” ông ta hỏi, nhưng ngữ điệu cho thấy ông ta đã biết trước câu trả lời rồi.

“Một nhân vật nổi tiếng tưởng mình đã moi chài được một phụ nữ trẻ về nhà, trong khi thực tế hoàn toàn ngược lại,” Harry nói, ngắm nghía bức tranh treo trên tường phía sau lưng Støp. Bức tranh dường như mô tả một phụ nữ khóa thân đang đi trên dây. “Ông ta chịu nghe lời cô ta và đeo mặt nạ heo vì tin rằng mình đang tham gia vào trò chơi tình ái, và đó cũng là tình cảnh của ông ta khi cảnh sát tìm đến nơi, lóa thể, khóc lóc ỉ ôi trong bồn tắm.”

“Anh không được nói với họ như thế!” Støp la lớn. “Làm vậy là... là phá vỡ nguyên tắc giữ bí mật thông tin của đối tượng.”

“Ờ,” Harry nói, “việc đó có thể phá vỡ hình ảnh ông tự dựng lên quanh mình, Støp ạ. Nhưng nó chả phá vỡ nguyên tắc giữ bí mật nào cả. Ngược lại là khác.”

“Ngược lại á?” Støp gần như thét lên. Hàm răng đã không còn đánh đàn và khí sắc đã trở lại trên má.

Harry ho mấy tiếng. “Mọi vốn liếng và tư liệu sản xuất của tôi đều đến từ sự chính trực của bản thân.” Harry đợi cho đến khi Støp ngâm trọn vẹn lời nói của chính ông ta. “Và với một cảnh sát thì điều đó có nghĩa, một trong những nghĩa vụ của tôi là phải công khai đến toàn thể công chúng các thông tin có được trong giới hạn cho phép mà không làm ảnh hưởng đến cuộc điều tra. Và với trường hợp này, điều đó là hoàn toàn khả thi.”

“Anh không thể làm vậy được,” Støp nói.

“Có chứ, và tôi sẽ làm.”

“Thế... thế thì anh sẽ hủy hoại tôi mất.”

“Cũng chẳng khác mấy so với cái cách *Liberal* hủy hoại ai đó trên trang nhất mỗi tuần, nhỉ?”

Miệng Støp há ra rồi ngậm lại hệt như con cá cảnh.

“Nhưng tất nhiên, ngay cả người chính trực thì cũng có lúc phải thỏa hiệp,” Harry nói.

Støp nhìn xoáy vào anh.

“Tôi hy vọng ông hiểu rằng tôi,” Harry nói, bập môi một cái như để ghi nhớ chính xác từng câu chữ, “với vai trò là một cảnh sát, có nghĩa vụ đi sâu khai thác vụ này.”

Støp chậm rãi gật đầu.

“Bắt đầu với Birte Becker nhé,” Harry nói. “Ông đã quen cô ta như thế nào?”

“Tôi nghĩ chúng ta dừng lại được rồi,” một giọng nói cất lên.

Hai người nhìn ra cửa. Trông diện mạo thì có thể đoán được Johan Krohn còn có thời gian để tắm rửa, cạo râu và là áo cho phăng phiu kia đấy.

“Được rồi,” Harry nói và nhún vai. “Holm!”

Khuôn mặt lấm tẩm tàn nhang của Bjørn Holm ló ra ở ngưỡng cửa từ sau lưng Krohn.

“Cậu gọi cho Odin Nakken của tờ *Verdens Gang* đi,” Harry nói, sau đó quay sang Arve Støp. “Tôi trả quần áo lại cho ông sau nhé?”

“Khoan đã,” Støp nói.

Căn phòng im phăng phắc khi Arve Støp đưa cả hai tay lên, dùng mu bàn tay xoa trán như muốn cho máu huyết lưu thông.

“Johan,” cuối cùng ông ta lên tiếng, “anh cứ về đi. Việc này tôi tự xử lý được.”

“Kìa Arve,” tay luật sư nói, “tôi không nghĩ là ông...”

“Về nghỉ đi, Johan. Tôi sẽ gọi lại cho anh sau.”

“Vói tư cách luật sư của ông, tôi phải...”

“Vói tư cách luật sư của tôi, anh phải im miệng và biến, Johan ạ. Rõ chưa?”

Johan Krohn ưỡn thẳng người, cố vớt vát chút tự tôn ít ỏi còn sót lại của một luật sư, nhưng rồi đổi ý khi trông thấy vẻ mặt Støp. Ông ta gật nhanh một cái rồi quay người bỏ đi.

“Chúng ta nói đến đâu rồi?” Støp hỏi.

“Nói từ đầu,” Harry trả lời.

ngày thứ hai mươi

KHỞI ĐẦU

Arve Støp trông thấy Birte Becker lần đầu tiên vào một ngày đông lạnh lẽo ở Oslo, khi ông ta có buổi diễn thuyết cho một công ty truyền thông ở Hội trường Sentrum. Đó là hội thảo truyền cảm hứng trong đó các doanh nghiệp cử những nhân viên sức cùng lực kiệt đến để tham dự cái gọi là khóa học làm mới bản thân, mà thực chất là những buổi thuyết trình với mục đích thúc đẩy họ làm việc cật lực hơn nữa. Kinh nghiệm của Arve Støp cho thấy diễn giả trong các buổi hội thảo kiểu này phần lớn là những doanh nhân đã giắt lưng chút ít thành công nhờ đôi ba ý tưởng chẳng độc đáo gì cho lắm, vài vận động viên giành huy chương vàng trong giải đấu tầm cỡ của môn thể thao hạng xoàng nào đó, hoặc mấy nhà leo núi kiếm cơm bằng cách leo lên ngọn núi nọ kia rồi trèo xuống và kể lại trải nghiệm. Điểm chung của tất cả những người này là ở chỗ, họ đều tuyên bố thành công mình có được là nhờ tinh thần và nghị lực phi thường. Họ tràn đầy cảm hứng. Và câu chuyện về họ chính là để truyền cảm hứng cho người tham dự.

Arve Støp xuất hiện sau cùng, ông ta luôn đưa ra yêu cầu như vậy và coi đó là điều kiện bắt buộc nếu muốn ông ta tham gia chương trình. Mục đích là để ông ta mở đầu bài diễn thuyết bằng cách phê phán các diễn giả khác là những kẻ ái kỷ tham lam, chia bọn họ thành ba nhóm như đã nói ở trên và tự xếp mình vào nhóm thứ nhất: thành công nhờ ý tưởng kinh doanh chẳng lấy gì làm độc đáo. Ngày hội truyền cảm hứng kiểu này đúng là ném tiền qua cửa sổ; phần lớn khán giả có mặt trong hội trường chẳng bao giờ thành đạt được đến mức ấy, bởi lẽ họ may mắn không mắc phải chứng cuồng danh vọng như những người đứng trên bục diễn thuyết. Trong đó có ông ta. Hội chứng mà như ông ta nói là bắt nguồn từ sự thiếu vắng tình thương của cha. Chính vì thế ông ta buộc phải tìm kiếm tình cảm và lòng ái mộ từ những người xung quanh và lẽ ra nên làm diễn viên hoặc nhạc sĩ, chỉ có điều cả hai nghề đó ông ta đều không có năng khiếu.

Đến lúc này, sự ngỡ ngàng của khán giả đã chuyển thành tiếng cười vui vẻ. Và cả lòng cảm thông. Støp biết điều đó sẽ mang lại cho ông ta sự ngưỡng mộ. Vì ông ta đứng trên bục diễn thuyết và tỏa sáng. Tỏa sáng bởi ông ta và những người khác đều biết rằng dù có nói gì đi nữa thì ông ta vẫn cứ là biểu tượng của thành công, và chẳng ai có thể phê phán thành công, ngay cả chủ nhân của nó. Ông ta khẳng định may mắn là yếu tố quan trọng nhất, hạ thấp tài năng của bản thân và nhấn mạnh rằng năng lực yếu kém cùng thói lười biếng của giới doanh nghiệp Na Uy đã khiến cho ngay cả những kẻ tầm thường cũng có thể thành đạt.

Khi bài diễn thuyết kết thúc, khán giả đồng loạt đứng dậy vỗ tay nhiệt liệt.

Và ông ta mỉm cười khi liếc cô nàng xinh đẹp tóc sẫm màu ngồi ở hàng ghế đầu, người mà sau này ông ta được biết là Birte. Støp đã để ý đến cô ta ngay từ lúc bước vào. Ông ta biết sự kết hợp giữa đôi chân thon và bộ ngực khủng thường đồng nghĩa với hàng giả, nhưng ông ta không phản đối việc phẫu thuật thẩm mỹ ở phụ nữ. Sơn móng tay và silicone, về bản chất thì có khác gì nhau đâu? Giữa tiếng hoan hô như sấm bên tai, ông ta thản nhiên xuống khỏi sân khấu, đi dọc theo hàng ghế đầu và bắt tay khán giả. Đó là hành vi thật ngớ ngẩn, một điều chắc chỉ có tổng thống Mỹ mới làm, nhưng ông ta mặc xác; cứ chọc tức được ai là ông ta khoái rồi. Ông ta dừng lại trước mặt cô nàng tóc sẫm màu, người đáp lại ông ta với vẻ rạng rỡ và đôi má đỏ ửng vì sung sướng. Khi ông ta đi qua, cô ta còn nhún mình như thể cúi chào vua chúa, và Støp cảm thấy bốn góc của tấm danh thiếp chọc vào lòng bàn tay mình khi ông ta áp nó vào tay cô ta. Cô ta ngó nghiêng xem có chiếc nhẫn cưới nào không.

Chiếc nhẫn đã mờ xỉn. Bàn tay phải của cô ta thon dài và nhợt nhạt là thế, vậy mà siết lấy tay ông ta chặt đến không ngờ.

“Sylvia Ottersen,” cô ta nói với một nụ cười ngây ngốc. “Tôi ngưỡng mộ ông quá nên nhất định phải bắt tay mới được.”

Đó là lần đầu tiên ông ta gặp Sylvia Ottersen, tại cửa hiệu Hương vị châu Phi của cô ta, vào một ngày hè nóng bức ở Oslo. Ngoại hình tầm thường. Nhưng đã có chồng.

Arve Støp ngược nhìn những chiếc mặt nạ châu Phi và hỏi han đôi điều để cuộc gặp gỡ bớt phần khó xử. Nhưng không phải vì bản thân, mà ông ta nhận

thấy người đàn bà đi bên cạnh mình dừng lại khi Sylvia Ottersen bắt tay ông ta. Tên cô ta là Marita. Không phải, là Marite mới đúng. Cô ả nằng nặc đòi dẫn Støp đến đây để xem mấy cái gối tựa bằng da ngựa vằn mà Marite - hay Marita nhỉ? - cho rằng ông ta *nhất định* phải mua để trang trí cho chiếc giường bọn họ vừa rời khỏi cách đây chưa lâu và nay đã có mấy sợi tóc vàng dài vương lại, ông ta thậm nhủ phải nhớ giặt sạch mới được.

“Chúng tôi không còn sản phẩm nào bọc da ngựa vằn,” Sylvia Ottersen nói. “Nhưng cô xem mấy thứ này có được không?”

Cô ta bước tới bên cái kệ cạnh cửa sổ; ánh sáng ngoài trời rọi lên những đường cong của cô ta mà theo như Støp thấy thì cũng không tệ chút nào. Chỉ có điều mái tóc nâu nhàm chán kia trông thật xơ xác và thiếu sức sống.

“Cái gì vậy?” người đàn bà có tên bắt đầu bằng chữ M hỏi.

“Da linh dương đầu bò giả đấy.”

“Giả ư?” M khịt mũi, hất mái tóc vàng ra sau vai. “Chúng tôi sẽ chờ tới khi cô có thêm da ngựa vằn.”

“Da ngựa vằn cũng là giả thôi,” Sylvia nói, mỉm cười theo kiểu người lớn với trẻ con khi phải giải thích với chúng rằng mặt trăng không được làm từ phô mát.

“Tôi hiểu rồi,” M nói, cặp môi đỏ phờ ra nụ cười chua chát và khoác tay Arve. “Cảm ơn vì đã cho chúng tôi xem hàng.”

Ông không thích ý tưởng cùng nhau ra ngoài đi dạo trước bàn dân thiên hạ của M, lại càng không ưa cái cách cô ta đang siết lấy tay mình. Chắc cô cảm nhận được sự khó chịu của Støp khi hai người rời khỏi cửa hiệu. Dù thế nào đi nữa, cô cuối cùng cũng chịu buông. Ông liếc đồng hồ đeo tay.

“Ôi,” ông nói. “Đến giờ tôi phải đi họp rồi.”

“Không ăn trưa sao?” Cô nhìn Støp với vẻ ngờ ngàng, không giấu nổi sự thất vọng.

“Tôi sẽ gọi điện cho em, có lẽ thế,” ông đáp.

Cô ả gọi cho ông ta. Mới ba mươi phút trôi qua kể từ lúc ông ta đứng trên sân khấu ở Sentrum, lúc này ông ta đang ngồi trong chiếc taxi phía sau cái xe ủi tuyết đang gạt những đụn tuyết bắn thui sang lề đường.

“Lúc này em ngồi ngay trước mặt ông,” cô nói. “Em muốn cảm ơn ông vì bài diễn thuyết đó.”

“Hy vọng cái nhìn của tôi không quá lộ liễu,” ông ta đắc thắng nói to giữa tiếng bàn ủi bằng sắt cào trên mặt đường.

Cô khúc khích cười.

“Tối nay em có dự định gì chưa?” ông hỏi.

“À,” cô ta nói, “chẳng có dự định nào là không thay đổi được cả...” Giọng hay. Lời cũng hay nữa.

Từ đó cho đến hết buổi chiều, ông ta làm gì cũng nghĩ đến người đàn bà đó, mơ tưởng đến lúc làm tình với cô trên cái tủ ngăn kéo ở hành lang, đầu cô va vào bức tranh của Gerhard Richter mua tại Berlin. Và nghĩ rằng điều tuyệt vời hơn cả chính là sự chờ đợi.

Lúc tám giờ, cô nhấn chuông ở tầng dưới. Ông đứng đợi trên hành lang. Nghe âm thanh lạch cạch của hệ thống thang máy vọng lại, giống như tiếng vũ khí lên nòng. Tiếng u u từ dưới đi lên. Dòng máu đang chảy rần rần nơi hạ bộ của ông ta.

Và rồi cô ta xuất hiện. Støp có cảm tưởng như vừa nhận một cái tát.

“Cô là ai?” ông ta hỏi.

“Stine,” cô ta nói, chút ngỡ ngàng hiện lên trên khuôn mặt núng nính đang tươi cười. “Em đã gọi...”

Støp nhìn cô từ đầu đến chân, và trong giây lát ông ta vẫn cân nhắc; thỉnh thoảng ông ta cũng có hứng với tip phụ nữ tầm thường chẳng lấy gì làm hấp dẫn. Thế nhưng lúc này ông cảm thấy *thằng nhỏ* đã dần xù xuống và gạt bỏ ý định ấy đi.

“Xin lỗi, nhưng tôi không chơi cùng cô được,” ông nói. “Tôi vừa bị gọi đi họp rồi.”

“Họp ư?” cô ta nói, không giấu nổi nét mặt khổ sở.

“Họp đột xuất. Tôi sẽ gọi cho cô sau, có lẽ thế.”

Ông ta đứng trên hành lang, lắng nghe tiếng cửa thang máy mở ra rồi đóng lại. Sau đó bắt đầu phá lên cười. Cười mãi cho đến khi ông chợt nhận ra có thể

mình sẽ chẳng bao giờ được gặp lại cô em xinh đẹp tóc sẫm màu ngồi hàng ghế đầu nữa.

Một tiếng sau ông ta trở lại tìm Sylvia. Sau khi ăn trưa một mình ở nhà hàng có cái tên rất hợp: Bar&Restaurant, ông ta mua một bộ vét ở hiệu Kamikaze và mặc vào luôn, rồi đi qua cửa hàng Hương vị châu Phi hai lần, nơi này giống như chốn nghỉ chân để tránh cái nắng bỏng rát. Đến lần thứ ba thì ông ta bước vào.

“Đã quay lại rồi sao?” Sylvia Ottersen mỉm cười.

Cũng như một tiếng trước, cô ta ở một mình trong cửa hiệu mát mẻ, tối tăm.

“Tôi thích mấy cái gối đó,” ông nói.

“Vâng, trông trang nhã mà,” cô vừa đáp vừa vuốt ve lớp da linh dương giả.

“Có còn món gì cho tôi xem không?” ông hỏi.

Cô ta chống một tay lên hông. Đầu nghiêng nghiêng. Cô ấy biết rồi, Støp thăm nghĩ. Cô ấy có thể đánh hơi thấy.

“Còn tùy vào việc ông muốn xem cái gì,” cô nói.

Støp nghe thấy giọng mình run run khi đáp, “Tôi muốn xem *cô bé* của em.”

Cô ta để ông ta *chơi* mình trong căn phòng phía sau, thậm chí chẳng buồn khóa cửa chính.

Arve Støp xuất gần như ngay lập tức. Thành thạo, tuýp đàn bà tầm thường chẳng lấy gì làm hấp dẫn lại khiến ông ta có hứng ghê gớm.

“Chồng em trông cửa hàng vào thứ Ba và thứ Tư,” cô ta nói khi ông chuẩn bị ra về. “Hẹn thứ Năm nhé?”

“Có thể,” ông nói và nhận thấy bộ vét hiệu Kamikaze đã lấm lem mất rồi.

Khi những bông tuyết lả tả xoay tròn trong không trung giữa những tòa nhà văn phòng ở Aker Brygge, đó cũng là lúc Birte gọi điện đến.

Cô nói chắc hẳn ông ta đưa danh thiếp cho cô là có ý bảo cô liên lạc lại.

Đôi lúc Arve Støp cũng tự hỏi mình vì sao ông ta lại quan hệ với những phụ nữ ấy, vì sao lại muốn trải nghiệm cảm giác phấn khích, những cuộc giao hoan chẳng có ý nghĩa gì khác hơn ngoài một thứ nghi thức buông tuồng, phóng túng. Chẳng lẽ bấy nhiêu cuộc chinh phục từ xưa đến nay vẫn còn chưa đủ? Hay đó là do nỗi sợ tuổi già? Phải chăng ông ta tin rằng khi làm tình với phụ

nữ, ông ta có thể bòn rút phần nào sức xuân của họ? Và tại sao màn mây mưa luôn diễn ra với nhịp điệu gấp gáp, cuồng nhiệt? Có lẽ điều này bắt nguồn từ nhận thức rõ ràng về căn bệnh ông ta đang mang, và không lâu nữa ông ta sẽ không còn là mình trước kia. Ông ta không trả lời được những câu hỏi đó, mà dù trả lời được đi nữa thì cũng có để làm gì đâu? Đêm hôm ấy, ông ta lắng nghe Birte rên rỉ, tiếng rên trầm trầm như đàn ông, đầu cô ta va vào bức họa của Gerhard Richter được mua về từ Berlin.

Arve Støp giải phóng chất dịch mang mầm bệnh của mình đúng lúc chiếc chuông trên cửa chính rung lên gay gắt báo hiệu có người bước vào cửa hiệu Hương vị châu Phi. Ông ta cố vùng ra nhưng Sylvia Ottersen chỉ nhe răng cười và càng quắp chặt lấy. Ông ta giằng ra và kéo quần lên. Sylvia trượt xuống khỏi quầy hàng, chỉnh lại cái váy mùa hè và đi vòng qua ngã rẽ để tiếp khách. Vừa quay lưng lại với căn phòng, Arve Støp vừa vội vã chạy tới chỗ những hàng kệ bày đồ trang trí và kéo khóa quần. Ông ta nghe thấy ở đằng sau vang lên một giọng đàn ông xin lỗi vì đã đến muộn, tìm chỗ đỗ xe khó quá. Sylvia xăng giọng đáp rằng anh ta phải lường trước được điều đó chứ, kỳ nghỉ hè đã kết thúc nên sẽ đông người hơn. Cô ta có hẹn với em gái mà giờ đã muộn rồi, anh ta tự làm việc với khách hàng đi.

Arve Støp nghe thấy giọng nói đó cất lên từ phía sau. “Xin hỏi ông cần gì?”

Støp ngoái lại và trước mặt ông ta là một người đàn ông chỉ có da bọc xương với đôi mắt to bất thường sau cặp kính tròn, mặc áo vải flannel thò ra cái cổ như cổ cò.

Støp nhìn qua vai anh ta và thấy Sylvia đi ra cửa, gấu váy tóe lên, một dòng nước rỉ xuống phía sau đầu gối để trần. Ông ta chợt hiểu thì ra cô ả đã biết trước tên bù nhìn đó - người mà ông ta đoán là đức lang quân - sẽ tới vào giờ này. Cô ta *muốn* để cho gã bắt quả tang tại trận.

“Không có gì, cảm ơn anh. Tôi có được thứ mình muốn rồi,” ông ta đáp và đi ra cửa.

Thỉnh thoảng cũng có lúc Arve Støp tưởng tượng ông ta sẽ phản ứng ra sao nếu hay tin mình đã khiến người đàn bà nào đó dính bầu. Liệu ông ta có một mực yêu cầu phá thai không, hay sẽ bảo cô ta sinh đứa trẻ ra. Støp chỉ dám chắc chắn một điều duy nhất, đó là kiểu gì ông ta cũng sẽ chọn một trong hai

cách trên; về bản chất ông ta không phải là người phó mặc quyền lựa chọn vào tay kẻ khác.

Birte Becker nói không cần dùng biện pháp bảo vệ vì cô chẳng thể có con. Nhưng sau ba tháng và sáu lần quan hệ, khi cô ta vui mừng hơn hờ báo cho Støp biết hóa ra mình cũng có khả năng sinh nở, ông ta biết ngay Birte sẽ giữ lại đứa trẻ. Ông ta tá hỏa lên và kiên quyết đòi cô lựa chọn phương án còn lại.

“Tôi quen những người giỏi nhất,” ông ta nói. “Họ làm ở Thụy Sĩ. Sẽ không ai biết đâu.”

“Đây là cơ hội để em được làm mẹ, Arve ạ. Bác sĩ nói đó là một phép màu mà có lẽ sẽ chẳng bao giờ đến lần thứ hai.”

“Vậy thì tôi không muốn nhìn thấy cả cô lẫn bất cứ đứa trẻ nào cô có thể sinh ra sau này. Nghe rõ chưa?”

“Nhưng đứa bé cần có bố, Arve à. Và một tổ ấm vững chãi.”

“Cả hai thứ đó cô đừng mong chờ gì ở tôi. Tôi mắc căn bệnh di truyền tệ hại lắm. Có hiểu không hả?”

Birte Becker hiểu. Là một phụ nữ thẳng thắn, nhanh trí, sinh ra trong một gia đình có người cha nát rượu và bà mẹ nhu nhược, từ nhỏ đã phải tự xoay xở lo thân nên cô ta biết phải làm gì. Cô ta tìm một ông bố và tổ ấm vững chãi cho đứa con của mình.

Filip Becker không sao tin nổi khi người phụ nữ xinh đẹp ông ta cố công chinh phục bấy lâu nay nhưng bất thành bỗng một ngày kia hồi tâm chuyển ý và nhận lời làm vợ ông ta. Và cũng chính bởi không tin nổi nên mằm mống ngờ vực đã gieo xuống. Lúc cô tuyên bố Becker đã làm mình có bầu chỉ một tuần sau khi trao thân cho ông ta, mằm mống ấy vẫn tiếp tục ăn sâu bám rễ.

Khi Birte gọi điện báo tin Jonas đã chào đời và thằng bé giống ông ta như tạc, Arve đứng đó, điện thoại áp vào tai, mắt nhìn xa xăm. Rồi ông ta hỏi xin một tấm ảnh. Ảnh được gửi đến qua thư và hai tuần sau, y hẹn, Birte có mặt tại một quán cà phê với Jonas trong lòng và chiếc nhẫn cưới trên ngón tay, còn Arve ngồi ở bàn khác vờ như đang đọc báo.

Đêm đó ông ta cứ trần trọc thao thức, không ngừng nghĩ đến căn bệnh đang mang.

Việc này phải được giải quyết thật kín đáo, bởi một bác sĩ ông ta tin tưởng sẽ giữ mồm giữ miệng. Nói tóm lại, kẻ đó không thể là ai khác ngoài gã bác sĩ phẫu thuật đã dốt lại nhu nhược và thích xu nịnh, thành viên câu lạc bộ bi đá trên băng: Idar Vetlesen.

Ông ta liên lạc với Vetlesen, người đang làm tại phòng khám Marienlyst. Tên gốc đó đồng ý nhận việc và nhận tiền, được Støp đài thọ chi phí đến Geneva, nơi các chuyên gia đầu ngành về hội chứng Fahr của châu Âu tổ chức hội thảo thường niên và cùng trao đổi về những thông tin đáng lo ngại mới được phát hiện trong quá trình nghiên cứu.

Những lần xét nghiệm đầu tiên của Jonas không cho thấy vấn đề gì, nhưng dù Vetlesen nhắc đi nhắc lại rằng các triệu chứng thường chỉ xuất hiện ở người trưởng thành - và chính Arve Støp cũng không hề có biểu hiện của bệnh cho tới khi bước sang tuổi bốn mươi - Støp vẫn khẳng định yêu cầu thằng bé phải được xét nghiệm đều đặn mỗi năm một lần.

Hai năm đã trôi qua kể từ khi Støp trông thấy chất dịch của mình chảy thành dòng trên cẳng chân Sylvia Ottersen lúc cô ta bước ra khỏi cửa hiệu và ra khỏi cuộc đời ông ta. Støp đơn giản là chẳng liên lạc gì với cô ta nữa, và Sylvia cũng vậy. Cho tới tận ngày hôm nay. Khi cô gọi điện, Støp lập tức đáp rằng mình đang trên đường đi họp gấp, nhưng cô ta nói khá ngắn gọn. Chỉ trong bốn câu, Sylvia đã kịp thông báo hôm đó chất dịch rõ ràng chưa ra hết, giờ cô ta đã có hai đứa trẻ sinh đôi, chồng cô ta tưởng chúng là con mình, và họ cần một vị mạnh thường quân đầu tư để có thể tiếp tục duy trì Hương vị châu Phi.

“Tôi nghĩ mình đã bơm vào đó đủ rồi chứ,” Arve Støp nói, ông ta thường dùng những câu châm biếm để đáp lại tin xấu.

“Hoặc không thì tôi có thể huy động vốn bằng cách xuất hiện trên tạp chí *Se og Hør*. Bọn họ rất khoái nghe kể chuyện con rơi của người nổi tiếng mà, đúng không?”

“Bốc phét vừa thôi,” ông ta nói. “Cô có quá nhiều thứ để mất nếu làm thế.”

“Thời thế thay đổi rồi,” cô ta đáp. “Tôi sẽ đá Rolf nếu gom góp đủ tiền để mua đứt cửa hiệu đó cho riêng mình. Hạn chế của cửa hiệu là địa điểm, thế nên tôi sẽ ra điều kiện bắt *Se og Hør* đăng vài bức ảnh để quảng bá cho nó. Ông biết có bao nhiêu người đọc thứ rác rưởi đó không?”

Arve Støp biết chứ. Ở Na Uy, cứ sáu người trưởng thành lại có một người đọc *Se og Hør*. Ông ta không phản đối việc thỉnh thoảng xuất hiện trong một scandal xàm xí nào đó, nhưng bị gắn mác Sở Khanh dùng danh tiếng để gạ tình một người đàn bà ngây thơ đã có chồng theo cách hèn hạ như vậy ư? Hình tượng hiên ngang bất khuất của Arve Støp trong mắt công chúng sẽ tan tành mây khói, và những lời kháng nghị đầy tính luân lý của *Liberal* sẽ bị liệt vào loại đạo đức giả. Mà cô ả này thậm chí còn chẳng đẹp đẽ, quyến rũ gì cho cam. Chuyện này không ổn rồi. Thực sự không ổn.

“Vậy tiền nong tính thế nào đây?” ông ta hỏi.

Khi đã đạt được thỏa thuận, Støp gọi điện cho Idar Vetlesen ở phòng khám Marienlyst báo rằng mình có thêm hai bệnh nhân mới. Bọn họ cũng tiến hành y như với Jonas, đầu tiên là cho cặp sinh đôi làm xét nghiệm ADN và gửi đến Viện Pháp y để xác định huyết thống cha con, sau đó bắt đầu kiểm tra các dấu hiệu nếu có của căn bệnh không được phép nhắc đến.

Sau khi cúp máy, Arve Støp ngả người trên chiếc ghế da lưng cao, ngắm nhìn vầng mặt trời đang tỏa nắng chói chang trên những tàng cây ở Bygdøy và bán đảo Snaroya, biết rằng trong hoàn cảnh này lẽ ra ông ta phải buồn phiền lắm. Nhưng không. Thay vào đó ông ta lại thấy phấn khởi. Đúng vậy, một cảm giác gần như là hạnh phúc.

Ký ức hạnh phúc xa vời ấy là điều đầu tiên xuất hiện trong tâm trí Arve Støp khi Idar Vetlesen gọi điện đến báo cho ông ta biết báo chí cho rằng người phụ nữ mất đầu ở Sollihøgda chính là Sylvia Ottersen.

“Đầu tiên là mẹ của Jonas Becker mất tích,” Vetlesen nói. “Bây giờ lại phát hiện mẹ của cặp sinh đôi bị giết. Tuy tôi không giỏi tính toán xác suất này nọ nhưng chúng ta phải báo cảnh sát thôi, Arve. Họ đang nóng lòng xác định mối liên quan giữa hai vụ đấy.”

Trong vài năm gần đây, Vetlesen đã thu về một số tiền không nhỏ nhờ việc tót tát ngoại hình cho những người nổi tiếng, thế nhưng trong mắt Arve Støp, tên này dốt vẫn hoàn dốt, hoặc cũng có thể cái sự ngu dốt đó là hậu quả tai hại của công việc.

“Không, ta sẽ không báo cảnh sát,” Arve nói.

“Không ư? Thế thì ông phải đưa ra được lý do thuyết phục.”

“Được thôi. Tiền nong tính thế nào đây?”

“Trời đất ơi, Arve, có phải tôi đang tổng tiền ông đâu. Chỉ là tôi không thể...”

“Bao nhiêu?”

“Thôi ngay đi. Ông có chứng cứ ngoại phạm không?”

“Chứng cứ ngoại phạm thì không, nhưng tiền thì tôi có thừa. Muốn bao nhiêu số 0 cứ nói rồi tôi sẽ cân nhắc.”

“Arve, nếu ông không có gì phải che giấu...”

“Dĩ nhiên là tôi phải giấu rồi, đồ ngốc! Anh nghĩ tôi muốn bị phơi bày trước công luận vì tội phá hoại gia đình người khác và âm mưu giết người chắc? Chúng ta cần gặp nhau để trao đổi kỹ về việc này.”

“Thế cuối cùng các ông có gặp nhau không?” Harry Hole hỏi.

Arve Støp lắc đầu. Từ cửa sổ phòng ngủ nhìn ra, ông ta có thể trông thấy ánh hừng đông đang dần ló dạng, thế nhưng mặt nước vùng vịnh vẫn còn tối đen.

“Chúng tôi chưa kịp giải quyết việc đó thì anh ta đã chết rồi.”

“Sao ông không nói cho tôi biết những điều này khi tôi đến đây lần đầu?”

“Lý do chẳng phải đã quá rõ ràng rồi hay sao? Tôi không biết bất cứ thông tin nào có thể có giá trị đối với cảnh sát, thế thì tôi xen vào để làm gì chứ? Anh đừng quên là tôi còn phải chăm lo cho một thương hiệu, ấy là tên tuổi của tôi. Thương hiệu này thực sự là vốn liếng duy nhất của *Liberal*.”

“Theo tôi nhớ ông bảo vốn liếng duy nhất ông có là sự chính trực của bản thân cơ mà.”

Støp nhún vai tỏ ý bất mãn. “Chính trực. Thương hiệu. Như nhau cả thôi.”

“Vậy nếu một thứ nhìn bề ngoài có vẻ chính trực thì nghiêm nhiên được coi là chính trực thật à?”

Støp nhìn Harry chăm chăm. “Đó là điều giúp *Liberal* luôn đắt khách. Nếu độc giả cảm thấy thông tin đưa ra là thật thì họ sẽ thỏa mãn thôi.”

“Ừm.” Harry liếc đồng hồ đeo tay. “Thế theo ông, bây giờ tôi đã thỏa mãn chưa?”

Arve Støp im lặng không đáp.

ngày thứ hai mươi

CĂN BỆNH

Bjørn Holm lái xe đưa Harry từ Aker Brygge đến Sở Cảnh sát. Vị thanh tra đã mặc lại bộ quần áo ướt, chiếc áo giả da kêu rin rít khi anh cựa mình.

“Delta đột kích căn hộ hai mươi phút trước,” Bjørn nói. “Cô ấy không có nhà. Họ đã cử ba người đứng gác ở cổng.”

“Cô ấy không quay lại đó nữa đâu,” Harry nói.

Về tới văn phòng ở tầng sáu, Harry thay sang bộ đồng phục cảnh sát treo trên mắc, anh không đụng đến nó kể từ sau đám tang Jack Halvorsen tối giờ. Khi soi gương, anh thấy mình như đang bơi trong áo vậy.

Gunnar Hagen đã nhận được tin báo và nhanh chóng có mặt tại văn phòng. Ông ta ngồi phía sau bàn lắng nghe Harry báo cáo. Sự việc kịch tính đến nỗi ông ta quên cả khó chịu với bộ đồng phục nhàu nhĩ của vị thanh tra.

“Người Tuyết là Katrine Bratt,” Hagen chậm rãi nhắc lại, như thể nói ra lời sẽ giúp sự thật trở nên dễ tiếp thu hơn.

Harry gật đầu.

“Và cậu có tin những gì Støp nói không?”

“Có,” Harry đáp.

“Có ai làm chứng cho lời khai của ông ta không?”

“Bọn họ đều chết cả rồi. Birte, Sylvia, Idar Vetlesen. Ông ta cũng có thể là Người Tuyết. Đó là điều Katrine muốn tìm hiểu.”

“Katrine ư? Nhưng cậu vừa bảo cô ta là Người tuyết còn gì. Sao lại...”

“Ý tôi là, cô ấy muốn tìm hiểu xem liệu ông ta *có thể* trở thành Người Tuyết được không. Cô ấy muốn dàn dựng một kẻ thể thân. Støp kể rằng khi ông ta nói mình không có chứng cứ ngoại phạm trong khoảng thời gian xảy ra những vụ án mạng, cô ấy bảo Tốt và nói ông ta đã được chỉ định làm Người Tuyết. Sau đó cô ấy bắt đầu thắt cổ ông ta. Nhưng rồi cô ấy nghe tiếng xe tông vào cửa trước, nhận ra cảnh sát đang tới nên bỏ trốn. Kế hoạch của cô ấy có lẽ là để cho chúng ta phát hiện ra Støp chết trong căn hộ, nhìn bề ngoài tưởng như ông

ta thắt cổ tự tử. Như thế chúng ta sẽ buông lỏng cảnh giác vì tin rằng mình đã bắt được hung thủ. Đó cũng là mục đích của cô ấy khi giết Idar Vetlesen. Và khi cô ấy định bắn Filip Becker vào hôm ông ta bị bắt.”

“Cái gì? Cô ta định...”

“Cô ấy chìa súng đã lên nòng vào ông ta. Tôi nghe thấy tiếng búa gõ nhả về vị trí cũ khi tôi đứng chặn ngang tầm bắn.”

Gunnar Hagen nhắm mắt lại, dùng đầu ngón tay day thái dương. “Tôi hiểu rồi. Nhưng tạm thời đó mới chỉ là suy đoán thôi, Harry ạ.”

“Lại còn lá thư kia nữa,” Harry nói.

“Lá thư?”

“Thư của Người Tuyết. Tôi tìm thấy nội dung lá thư trong máy tính của cô ấy ở nhà, nó có từ khi chúng ta chưa ai nghe nói đến Người Tuyết. Còn cả tờ giấy trong máy in.”

“Chết tiệt!” Hagen nện cùi chỏ xuống bàn rõ mạnh và úp mặt vào hai bàn tay. “Sở đã nhận cô ta vào làm! Cậu có biết điều đó nghĩa là gì không, Harry?”

“Ừm, một scandal gây chấn động. Mất niềm tin đối với lực lượng cảnh sát. Nhiều vị cấp cao sắp phải lãnh đủ.”

Mấy ngón tay Hagen hơi hé ra, ông ta ghé mắt nhìn Harry qua kẽ hở. “Cảm ơn vì đã thẳng ruột ngựa.”

“Không có chi.”

“Tôi sẽ cho mời giám đốc Sở và cảnh sát trưởng đến. Tạm thời tôi muốn cậu và Bjørn Holm cứ giữ kín việc này đã. Thế còn Arve Støp thì sao? Liệu ông ta có ba hoa gì không?”

“Không có đâu, sếp.” Harry nhếch mép cười. “Ông ta giờ hết rồi.”

“Hết gì cơ?”

“Chính trực ấy mà.”

Lúc này là mười giờ, đứng bên cửa sổ phòng làm việc, Harry ngắm nhìn ánh sáng ban ngày yếu ớt, gần như rụt rè phủ lên những mái nhà, bao trùm không gian tĩnh lặng của ngày Chủ nhật ở Grønland. Hơn sáu tiếng đã trôi qua kể từ khi Katrine Bratt bỏ trốn khỏi căn hộ của Støp, cho tới lúc này cuộc truy tìm vẫn chưa thu được kết quả gì. Cũng có khả năng cô vẫn còn ở Oslo, nhưng nếu

đã lên kế hoạch cho chiến lược đào tẩu thì rất có thể giờ này cô đã cao chạy xa bay. Harry tin chắc cô chuẩn bị trước cả rồi.

Cũng như giờ đây anh tin chắc cô chính là Người Tuyết.

Trước hết, chứng cứ đã rành rành ra đó: lá thư và những lần toan giết người. Mọi linh cảm của anh hóa ra đều chuẩn xác: cảm giác mình bị theo dõi sát sao, dường như có ai đó đang thâm nhập vào cuộc sống của anh. Những bài báo dán trên tường, các báo cáo điều tra. Katrine đã tìm hiểu anh kỹ đến mức lường trước được hành động tiếp theo của anh, lợi dụng anh để thực hiện mưu đồ riêng. Giờ cô chẳng khác nào một thứ virus lan truyền trong huyết mạch anh, gián điệp ẩn trong trí não anh.

Anh nghe thấy tiếng người bước vào phòng, nhưng không ngoái lại.

“Chúng tôi đã lần theo tín hiệu điện thoại di động của Katrine,” giọng Skarre vang lên. “Cô ấy đang ở Thụy Điển.”

“VẬY SAO?”

“Tổng đài Telenor cho biết tín hiệu đang di chuyển về phía Nam. Vị trí và tốc độ di chuyển khớp với chuyến tàu đi Copenhagen khởi hành ở Ga Trung tâm Oslo lúc năm giờ bảy phút. Tôi đã trao đổi với cảnh sát ở Helsingborg, họ cần có lệnh chính thức thì mới có thể tiến hành bắt giữ. Tàu sẽ đến nơi trong nửa tiếng nữa. Chúng ta phải làm sao đây?”

Harry chậm rãi gật đầu như thể đang nghĩ ngợi. Một con mòng biển hải cẩu bay vút qua rồi đột ngột đổi hướng và bổ nhào xuống rừng cây trong công viên. Có lẽ nó đã phát hiện ra thứ gì đó. Hoặc đơn giản chỉ là thay đổi quyết định. Cũng giống như con người vậy. Ga Oslo lúc bảy giờ sáng.

“Harry? Cô ấy rất có thể sẽ tới được Đan Mạch nếu chúng ta không...”

“Cậu bảo Hagen nói chuyện với bên Helsingborg,” Harry đáp, quay ngoắt lại vớ lấy áo khoác trên mắc bằng một động tác nhanh nhẹn.

Skarre ngờ ngàng nhìn theo vị thanh tra đang rải những bước dài đầy quả quyết trên hành lang.

Sĩ quan Orø thuộc bộ phận Kho ở Sở Cảnh sát nhìn người thanh tra có mái tóc húi cua với vẻ kinh ngạc không cần che giấu và nhắc lại: “CS? Là hơi cay á?”

“Hai quả,” Harry nói. “Và một hộp đạn súng lục.”

Viên sĩ quan tập tễnh đi vào kho, miệng không ngừng lầm bầm nguyên rủa. Tay Hole này lập dị hết sức, điều đó ai cũng biết, nhưng gã cần lựu đạn hơi cay làm quái gì mới được chứ? Nếu ai khác ở Sở mà yêu cầu thứ đó, Oro chắc sẽ cho là để quây trong bữa tiệc độc thân với lũ bạn. Nhưng theo như anh ta biết thì Hole chả có bạn bè gì, ít ra là ở trong ngành.

Vị thanh tra ho mấy tiếng khi Orø trở lại. “Katrine Bratt ở Đội Hình sự có xin cấp vũ khí gì ở đây không?”

“Cái cô làm ở Sở Cảnh sát Bergen ấy à? Chỉ một thứ theo đúng quy định thôi.”

“Quy định thế nào?”

“Trả lại toàn bộ vũ khí và đạn dược cho sở cảnh sát cũ trước lúc nghỉ, sau đó xin cấp súng lục mới cùng hai hộp đạn khi nhậm chức ở cơ quan mới.”

“Vậy là cô ấy không sở hữu vũ khí nào có uy lực lớn hơn súng lục?”

Orø lắc đầu với vẻ bối rối.

“Cảm ơn,” Hole nói, bỏ hai hộp đạn vào cái túi đen bên cạnh hai quả lựu đạn màu xanh lục đựng thứ hơi cay nồng nặc mùi hạt tiêu được Corso và Stoughton sáng chế vào năm 1928.

Người sĩ quan không đáp, chỉ đến khi nhận được biên bản giao nhận có chữ ký của Hole, anh ta mới lầm bầm câu: “Chúc Chủ nhật bình an.”

Harry ngồi trong phòng chờ ở Bệnh viện Ullevål với chiếc túi đen đặt bên cạnh. Nơi này tỏa ra mùi cồn, mùi của người già và cái chết đang từ từ kéo đến. Một bệnh nhân nữ ngồi trên ghế đối diện nhìn anh chòng chọc như thể đang cố kiểm tìm hình bóng ai đó không hiện diện nơi đây: người quen cũ, người tình chưa bao giờ xuất hiện, cậu con trai bà tưởng mình nhận ra.

Harry thở dài, xem đồng hồ đeo tay và hình dung ra cảnh tượng cảnh sát ập vào đoàn tàu ở Helsingborg. Người lái tàu theo lệnh của nhân viên điều hành cho dừng tàu khi còn cách ga một cây số. Các sĩ quan vũ trang vào vị trí ở hai bên đường ray, đứng gác cùng bày cảnh khuyến. Cuộc khám xét nhanh gọn các toa, các gian và cả phòng vệ sinh. Phản ứng của những hành khách khiếp đảm khi chứng kiến sự xuất hiện của lực lượng cảnh sát vũ trang, cảnh tượng hiếm hoi ở xứ sở thần tiên trên bán đảo Scandinavia này. Những bàn tay phụ nữ run rẩy lúc đồ khi bị yêu cầu xuất trình giấy tờ. Đôi vai còng xuống của những sĩ

quan cảnh sát, cảm giác hồi hộp xen lẫn hy vọng. Nôn nóng, hoài nghi, bức bối, cuối cùng là thất vọng và chán nản khi không tìm được thứ mình cần. Sau chót, nếu bọn họ gặp may và đủ trình độ, thì sẽ là những lời rửa sả lớn tiếng khi tìm ra nguồn phát tín hiệu mà trạm thu phát gốc bắt được: chiếc điện thoại của Katrine Bratt nằm trong thùng rác.

Một khuôn mặt tươi tắn bỗng xuất hiện trước mắt anh. “Anh có thể vào thăm ông ấy được rồi.”

Harry đi theo tiếng lách cách của đôi sục gỗ và người phụ nữ vận đồ trắng có vòng hông nở nang, dáng nhanh nhẹn. Chị ta đẩy cửa mở. “Nhưng đừng nán lại lâu quá nhé. Ông ấy cần được nghỉ ngơi.”

Ståle Aune đang nằm trên giường ở phòng điều trị riêng. Khuôn mặt tròn trịa với những mạch máu đỏ li ti dưới da giờ hóp lại và nhợt nhạt đến nỗi gần như trùng với màu vỏ gối. Mái tóc lơ thơ như tóc trẻ con trên vầng trán đầy đặn của ông lão sáu mươi. Nếu không nhờ đôi mắt vẫn sắc sảo, tinh anh, có lẽ Harry đã tưởng đang nằm kia là di hài của chuyên gia tâm lý trực thuộc Đội Hình sự và cũng là người bạn tâm giao của anh.

“Trời đất quỷ thần ơi, Harry,” Ståle Aune nói. “Nhìn anh như bộ xương ấy. Anh không khỏe à?”

Harry không ngăn được nụ cười trên môi. Aune nhăn mặt gượng gượng ngồi dậy.

“Xin lỗi vì đã không tới thăm ông sớm hơn,” Harry nói, kéo rê chiếc ghế tới bên giường bệnh. “Chỉ là bệnh viện... nó... tôi cũng không biết phải nói sao.”

“Bệnh viện khiến anh nhớ đến mẹ anh hồi anh còn nhỏ. Tôi hiểu mà.”

Harry gật, cúi đầu nhìn hai bàn tay. “Họ đối xử với ông có tốt không?”

“Câu ấy chỉ hỏi khi đi thăm bạn ở tù, chứ không phải thăm người ốm, Harry à.”

Harry lại gật tiếp.

Ståle Aune thở dài. “Tôi hiểu là anh lo lắng cho tôi, Harry. Nhưng tôi đi guốc vào bụng anh rồi, chắc chắn đây không phải cuộc thăm hỏi xã giao. Thôi, có gì khai thật ra đi.”

“Để sau cũng được mà. Họ bảo ông vẫn chưa khỏe.”

“Khỏe là khái niệm mang tính tương đối. Mà nói một cách tương đối thì tôi đang khỏe như vâm đây. Anh phải thấy tôi hôm qua cơ. Ý tôi là, may mà anh *không* thấy tôi hôm qua.”

Harry cúi đầu cười.

“Là chuyện về Người Tuyết phải không?” Aune hỏi.

Harry gật.

“Tôi đợi mãi,” Aune nói. “Ở trong này chán chết được. Anh mau nói đi.”

Harry hít một hơi. Sau đó anh tóm tắt lại tất cả tình tiết trong chuyên án. Cố gắng lược đi những thông tin dài dòng không liên quan trong khi vẫn không kể sót chi tiết quan trọng nào. Aune chỉ chen ngang đôi lần để hỏi vài câu ngắn gọn, súc tích, ông chủ yếu im lặng lắng nghe với vẻ tập trung, gần giống như đang bị thôi miên. Khi Harry kể xong, người bệnh có vẻ tươi tỉnh hơn; hai má ông đã có chút khí sắc và ông ngồi thẳng hơn trên giường.

“Thú vị thật,” ông nói. “Nhưng anh đã biết hung thủ là ai rồi, vậy sao còn đến tìm tôi?”

“Người phụ nữ đó mất trí rồi, đúng không?”

“Người nào gây ra những tội ác khủng khiếp đến thế chắc chắn là mất trí. Tuy nhiên, nếu xét theo lĩnh vực tâm lý học tội phạm thì cũng không hẳn.”

“Bất luận thế nào, có đôi điều về cô ấy mà tôi vẫn chưa hiểu,” Harry nói.

“Trời đất, tôi đây cũng *mới chỉ* hiểu được đôi điều về con người thôi, trong trường hợp này, anh là chuyên gia tâm lý giỏi hơn tôi rồi đấy.”

“Cô ấy chỉ khoảng mười chín tuổi khi sát hại hai phụ nữ ở Bergen và Gert Rafto. Làm thế nào một người điên khùng như vậy lại có thể vượt qua các bài kiểm tra tâm lý ở Học viện Cảnh sát và hành nghề suốt từng ấy năm mà không ai phát hiện ra?”

“Câu hỏi hay lắm. Có thể cô ấy thuộc trường hợp cocktail.”

“Trường hợp cocktail ư?”

“Đó là trường hợp một người mắc mỗi bệnh một tí. Tâm thần phân liệt đến mức nghe thấy tiếng nói trong đầu nhưng biết cách giấu kín bệnh tình của mình với những người xung quanh. Rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng bức kết hợp với một chút hoang tưởng, điều đó tạo ra ảo giác về tình huống bệnh nhân

đang gặp phải và cần làm gì để thoát ra, trong khi người ngoài nhìn vào thì chỉ cho rằng người đó trầm tính. Con thú tính bùng phát trong những vụ án mà anh mô tả trùng khớp với triệu chứng rối loạn nhân cách ranh giới, dù vẫn có thể kiểm soát được cơn thịnh nộ đó.”

“Ừm. Nói cách khác là ông không biết?”

Aune phá lên cười. Rồi tiếng cười dần chuyển thành cơn ho sặc sụa.

“Tôi xin lỗi, Harry,” ông khàn giọng nói. “Các trường hợp đa phần đều thế cả. Trong tâm lý học, chúng tôi dựng lên một cơ sở chuồng, thế mà lũ súc vật nhất định không chịu chui vào. Chúng không gì khác hơn là những sinh vật vô sỉ, vô ơn, vô tri. Bao nhiêu công sức bỏ ra nghiên cứu chúng đều phí phạm!”

“Còn điều này nữa. Khi chúng tôi vô tình phát hiện ra xác Gert Rafto, cô ấy đã hoảng sợ thật sự. Ý tôi là, cô ấy không hề đóng kịch. Tôi thấy rõ vẻ sợ hãi, đôi đồng tử vẫn nở to và đen, dù tôi chiếu thẳng đèn pin vào mặt cô ấy.”

“A ha! Vụ này hay đây.” Aune chống tay ngồi thẳng hơn. “Sao anh lại chiếu đèn vào mặt cô ấy? Lúc đó anh đã nghi ngờ gì rồi sao?”

Harry không đáp.

“Có thể anh đúng đấy,” Aune nói. “Có thể ký ức về những vụ giết người đã bị lãng quên; việc đó không có gì khác thường cả. Anh kể rằng cô ấy tích cực tham gia điều tra và không làm gì để phá hoại. Điều này cho thấy có thể cô ấy đã nảy sinh nghi ngờ đối với bản thân và thực tâm mong muốn tìm ra chân tướng sự thật. Anh có biết gì nhiều về chứng mộng du không?”

“Tôi biết là người ta có thể vừa ngủ vừa đi lại. Nói năng. Ăn uống, mặc đồ, thậm chí ra khỏi nhà và lái ô tô nữa.”

“Chính xác. Nhạc trưởng Harry Rosenthal vừa ngủ vừa chỉ đạo và hát những phần trình diễn của các nhạc cụ trong cả một bản giao hưởng. Thực tế đã ghi nhận ít nhất năm vụ án mạng trong đó hung thủ được tha bổng do tòa phán quyết người đó mắc chứng *parasomnia*, nghĩa là các rối loạn giấc ngủ. Ở Canada vài năm trước có một người đàn ông rời khỏi giường, lái xe hơn hai mươi cây số đến nhà bố mẹ vợ, giết bà mẹ vợ mà bình thường anh ta có mối quan hệ rất tốt đẹp, siết cổ bố vợ gần chết, sau đó lái xe về và lại trèo lên giường nằm. Anh ta cũng được tuyên trắng án.”

“Ý ông muốn nói cô ấy có thể đã gây án trong lúc ngủ say? Và cô ấy cũng mắc chứng *parasomnia* như những người đó?”

“Chẩn đoán này vẫn còn gây nhiều tranh cãi. Nhưng anh cứ tưởng tượng một người thường xuyên rơi vào trạng thái giống như mê ngủ và do đó không thể nhớ rõ việc mình làm. Trong ký ức người đó chỉ lưu giữ những mảnh ghép rời rạc, mờ mịt của những chuyện đã xảy ra, giống như một giấc mơ vậy.”

“Ừm.”

“Trong quá trình điều tra, có thể cô ấy bắt đầu nhận thức được những việc mình gây ra.”

Harry chậm rãi gật đầu. “Và nhận ra rằng phải tìm một con tốt thí mạng thì mới có thể thoát tội.”

“Điều đó cũng dễ hiểu.” Ståle Aune nhăn mặt. “Nhưng thật ra, những việc liên quan đến tâm thức con người đa phần đều dễ hiểu. Vấn đề chẳng qua là chúng ta không thể nhìn thấy tận mắt những căn bệnh rối loạn mà ta đang nhắc đến, và chỉ đặt ra giả thuyết về sự tồn tại của chúng dựa vào những triệu chứng mà thôi.”

“Giống như nấm mốc vậy.”

“Gì cơ?”

“Do đâu mà một người như cô ấy lại mắc bệnh tâm lý nặng đến thế được?”

Aune rên lên. “Do tất cả mọi thứ! Và không gì cả! Do bẩm sinh lẫn nuôi dưỡng.”

“Một người cha rượu chè, vũ phu chẳng?”

“Phải, phải, phải. Chín mươi phần trăm nguyên nhân là vì thế. Cộng thêm bà mẹ có tiền sử mắc bệnh tâm thần, một vài sang chấn tâm lý hồi nhỏ, thế là vừa chẵn một trăm.”

“Liệu có khả năng cô ấy trở nên mạnh mẽ hơn người cha rượu chè, vũ phu, và từ đó nảy sinh ý định hành hung ông ta? Hoặc thậm chí là giết?”

“Hoàn toàn có thể. Tôi còn nhớ một trường...” Ståle Aune đang nói đột nhiên im bặt. Ông nhìn xoáy vào Harry, sau đó nhào người tới và thì thào với anh, cặp mắt sáng quắc. “Tôi không nghe nhầm câu hỏi đấy chứ?”

Harry Hole cúi đầu nhìn móng tay. “Khi xem ảnh chụp một sĩ quan của Sở Cảnh sát Bergen, tôi chợt nhận ra ở ông ta có điều gì đó quen thuộc lạ lùng, như thể tôi đã từng gặp ở đâu rồi. Chỉ đến bây giờ tôi mới hiểu. Đó là sự giống nhau giữa những người có cùng huyết thống. Trước khi kết hôn, Katrine Bratt mang họ Rafto. Gert Rafto chính là bố của cô ấy.”

Harry đang lái xe trên đường tới nhà ga bắt tàu cao tốc để ra sân bay thì nhận được điện thoại của Skarre. Hóa ra anh đã nhầm. Bọn họ không tìm thấy điện thoại di động của cô trong phòng vệ sinh, mà nó được giấu ở ngăn để hành lý.

Tám mươi phút sau, vây quanh anh là khung cảnh toàn một màu xám xịt. Cơ trưởng thông báo Bergen trời nhiều mây và có mưa. Tầm nhìn bằng 0, Harry trầm nghĩ. Lúc này máy bay vận hành chỉ dựa vào các thiết bị dẫn đường mà thôi.

Cửa chính mở toang chỉ vài giây sau khi sĩ quan Thomas Helle thuộc Đơn vị Tìm kiếm Người Mất tích nhấn chiếc chuông phía trên tấm biển đề chữ *Andreas, Eli và Trygve Kvale*.

“Tạ ơn trời đất, các anh đến nhanh thật.” Người đàn ông đứng trước mặt Helle ngó ra nhìn qua vai anh ta. “Những người khác đâu?”

“Chỉ có mình tôi thôi. Ông vẫn chưa có tin tức gì của bà nhà ư?”

Người đàn ông mà Helle đoán là Andreas Kvale, người gọi điện đến Sở Cảnh sát, tròn mắt ngạc nhiên nhìn anh ta. “Bà ấy mất tích, tôi nói anh rồi.”

“Chúng tôi biết, nhưng thường thì họ sẽ lại trở về.”

“Họ là ai?”

Thomas Helle thở dài. “Tôi có thể vào nhà được không, ông Kvale? Trời mưa quá...”

“Ôi, xin lỗi! Mời anh...” Người đàn ông ngoài năm mươi tuổi đứng sang một bên, và trong khung cảnh tù mù phía sau ông ta, Helle nhác thấy bóng dáng một thanh niên ngoài hai mươi có mái tóc sẫm màu.

Thomas Helle quyết định vào việc ngay tại hành lang. Lúc này ở Sở may ra chỉ đủ người để trực điện thoại vì hôm nay là Chủ nhật, hơn nữa, các sĩ quan trực ban đều được huy động đi tìm Katrine Bratt. Một đồng nghiệp của bọn họ.

Việc này vốn tiến hành một cách âm thầm nhưng vẫn có tin đồn cô ta hình như có dính dáng gì đó tới vụ Người Tuyết.

“Ông phát hiện ra bà nhà mất tích như thế nào?” Helle hỏi, chuẩn bị ghi lại lời khai.

“Hôm nay Trygve và tôi mới về đến nhà sau chuyến cắm trại ở Nordmarka kéo dài hai ngày. Chúng tôi không mang theo điện thoại, chỉ có cần câu thôi. Khi về thì không thấy bà ấy đâu cả, cũng chẳng có nhắn nhủ gì, và như tôi đã báo, cửa ra vào không khóa. Bình thường vợ tôi kể cả ở nhà cũng vẫn khóa cửa. Tính bà ấy hay lo lắng. Áo khoác của bà ấy lại không mất cái nào. Giày cũng thế. Chỉ thiếu đôi dép đi trong nhà. Với thời tiết này...”

“Ông đã gọi điện cho người quen của bà nhà chưa? Cả hàng xóm nữa?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng không ai có tin tức gì của bà ấy.”

Thomas Helle ghi lại. Một linh cảm đã bắt đầu nhen nhóm; cảm giác mô tuýp này sao quen quá. Phụ nữ mất tích, đã có chồng con.

“Vừa rồi ông nói là bà nhà tính hay lo,” Helle nói. “Vậy bà ấy chịu mở cửa cho những ai? Và liệu có thể cho phép người nào vào nhà?”

Anh ta trông thấy hai bố con họ đưa mắt nhìn nhau.

“Con số đó không nhiều đâu,” ông bố khẳng định. “Chắc chắn phải là người quen.”

“Hoặc ai đó không khiến bà ấy cảm thấy bị đe dọa chẳng,” Helle nói. “Trẻ con hoặc phụ nữ chẳng hạn?”

Andreas Kvale gật đầu.

“Mà cũng có thể là một người có lý do thỏa đáng để vào nhà. Ví dụ như nhân viên công ty điện lực đến ghi chỉ số công tơ.”

Người chồng ngần ngại giây lát. “Có thể.”

“Ông có phát hiện điều gì bất thường ở xung quanh nhà không?”

“Bất thường ư? Ý anh là sao?”

Helle cắn môi dưới. Lên dây cót tinh thần. “Thứ gì đó giống như... người tuyết ấy?”

Andreas Kvale nhìn con trai, cậu ta lắc đầu lia lịa với vẻ kinh hoàng.

“Tôi hỏi thế để loại bỏ chi tiết này khỏi cuộc điều tra thôi,” Helle nói lấy lệ.

Cậu con trai bỗng lăm băm câu gì.

“Sao cơ?” Helle hỏi.

“Nó bảo giờ này tuyết tan hết rồi còn đâu.”

“Vâng, đúng vậy.” Helle nhét cuốn sổ vào túi áo khoác. “Tôi sẽ thông báo cho xe tuần tra qua radio. Nếu đến tối mà bà ấy vẫn chưa về thì chúng tôi sẽ tăng cường tìm kiếm. Chín mươi chín phần trăm người mất tích sẽ trở về trong khoảng thời gian đó. Đây là danh thiếp của tôi...”

Helle chợt cảm thấy Andreas Kvale chạm vào cánh tay mình.

“Có thứ này tôi muốn chỉ cho anh, thưa sĩ quan.”

Thomas Helle theo Kvale đi qua cửa ở cuối hành lang, leo cầu thang xuống tầng hầm. Họ bước vào một căn phòng có mùi xà phòng và quần áo đang phơi. Trong góc có một cái máy vắt cũ kỹ đặt cạnh máy giặt hiệu Electrolux đời cổ. Sàn gạch đổ dốc về phía phễu thoát nước ở giữa phòng. Sàn ướt nhẹ, trên tường cũng có nước, cứ như thể vừa được xối rửa sạch sẽ bằng cái vòi màu xanh ở đằng kia. Nhưng điều khiến Thomas Helle chú ý hơn cả không phải thứ đó, mà là một trang phục treo trên dây với hai chiếc kẹp quần áo ở hai vai. Hay đúng hơn là những gì còn lại của trang phục. Phần từ ngực trở xuống đã bị cắt bỏ. Đường cắt xiên xẹo, đen sì với những sợi cotton cháy sém, nhăn nhúm.

ngày thứ hai mươi

HƠI CAY

Mưa rò qua các tầng trời đổ xuống thành phố Bergen, đang chìm đắm trong sắc xanh của buổi chiều tà. Con thuyền Harry đặt trước đã đợi sẵn ở bến dưới chân cầu Puddefjord khi chiếc taxi chở Harry đỗ lại bên ngoài công ty cho thuê thuyền.

Con thuyền này là thuyền máy Phần Lan đã qua sử dụng, loại dài hơn tám mét.

“Tôi định đi câu,” Harry nói và chỉ vào tấm bản đồ hàng hải. “Nếu ra đây thì có cần phải dè chừng đá ngầm hay bất cứ thứ gì khác không?”

“Đảo Finnøy ư?” chủ thuyền hỏi. “Anh cứ mang theo cần câu với cục chì và mồi xoay, nhưng câu ở đó chẳng được gì đâu.”

“Chắc sẽ sớm biết thôi. Thứ này khởi động thế nào?”

Khi chiếc thuyền chạy qua mũi đất Nordnes trong bóng tối đang dần buông, Harry nhác thấy chiếc cột totem tháp thoáng giữa rừng cây trụi lá trong công viên. Vùng biển phẳng lặng nằm dưới màn mưa như trút đang khuấy đảo khiến mặt nước ngầu bọt. Harry gạt chiếc cần cạnh bánh lái về phía trước, mũi thuyền hếch lên làm anh phải lùi lại để lấy thăng bằng, và thuyền lao vút đi.

Mười lăm phút sau Harry kéo cần gạt ra sau và quành vào bến, ở phía bên kia đảo Finnøy, khuất tầm nhìn của căn nhà gỗ của Rafto. Anh buộc thuyền lại, lấy cần câu ra và lắng nghe tiếng mưa rơi. Anh nào có thích thú gì câu cá. Cục chì nặng trĩu, móc câu vướng vào đáy nước và Harry lôi lên một đám tảo biển đã quấn vào dây câu khi anh kéo cần. Anh gỡ móc câu ra và làm sạch. Sau đó anh cố gắng thả mồi xoay xuống nước một lần nữa, nhưng cuộn dây bị kẹt và mồi giả cứ lơ lửng cách đầu cần hai mươi xentimet, không chịu thu vào hoặc thả ra. Harry nhìn đồng hồ đeo tay. Nếu lúc trước có người bị tiếng thuyền máy xình xịch đánh động thì bây giờ kẻ đó chắc cũng hết lo rồi, anh phải giải quyết xong việc này trước khi trời tối. Anh đặt cần câu lên ghế, mở túi lấy ra khẩu súng lục, mở hộp đạn và lắp đạn vào ổ. Nhét hai quả lựu đạn hơi cay nhìn như bình giữ nhiệt vào trong túi và bước lên bờ.

Năm phút sau anh mới lên tới đỉnh hòn đảo hoang vắng và đi xuống phía bên kia đảo, nơi có những căn nhà gỗ cửa đóng then cài trong suốt mùa đông. Nhà của Rafto hiện ra trước mắt anh, tối tăm và lạnh lẽo. Anh tìm được một chỗ trên tảng đá cách nhà hai mươi mét, từ đó có thể nhìn bao quát toàn bộ cửa ra vào và cửa sổ. Từ lâu mưa đã thấm ướt vai áo khoác quân đội màu xanh của anh. Anh lấy ra một quả lựu đạn hơi cay và tháo chốt an toàn. Trong vòng năm giây, van lò xo sẽ bật mở và khí bắt đầu phun ra. Anh chạy về phía căn nhà gỗ giờ cao lựu đạn và ném về phía cửa sổ. Tiếng kính vỡ choang vang lên lạnh lẽo. Harry lui về chỗ tảng đá và giương khẩu súng lục lên. Trong tiếng mưa, anh có thể nghe thấy âm thanh xì xì của lựu đạn và quan sát làn khói xám lan ra khắp nhà.

Nếu cô ấy có ở trong đó thì chỉ chịu được vài giây là cùng.

Anh nhắm bắn. Âm thầm nhìn về phía căn nhà và chờ đợi.

Hai phút sau, vẫn không thấy động tĩnh gì.

Harry chờ thêm hai phút nữa.

Sau đó anh cầm sẵn quả lựu đạn thứ hai, bước tới cửa chính với khẩu súng chĩa thẳng và thử mở cửa. Bị khóa rồi. Nhưng dễ xử thôi. Anh lùi lại bốn bước rồi lao tới.

Cửa rẽ ra khỏi bản lề, và anh xông vào căn phòng mù mịt khói, xoay vai bên phải hướng về phía trước. Hơi cay lập tức xộc vào mắt anh. Harry nín thở lần mò tìm đường tới chỗ cửa sập của tầng hầm, kéo nó lên, tháo chốt an toàn của quả lựu đạn thứ hai và thả xuống. Rồi anh lại chạy ra ngoài. Tìm một vũng biển và quỳ sụp xuống, nước mắt nước mũi giàn giụa. Anh vục đầu vào nước trong khi hai mắt vẫn mở, cúi sâu hết cỡ cho tới khi mũi anh quệt vào đá. Anh nhúng đầu xuống nước hai lần. Mũi và khoang miệng vẫn cay xè, nhưng mắt anh thì đã nhìn rõ. Anh lại chĩa súng về phía căn nhà. Chờ đợi. Đợi mãi.

“Ra đi! Ra đi chứ, con khốn!”

Nhưng chẳng có ai xuất hiện cả.

Mười lăm phút sau, khói đã ngừng bay ra từ lỗ hổng trên tấm ván. Harry lại đi xuống chỗ căn nhà và đá cửa ra. Anh ho sặc sụa và đưa mắt nhìn quanh lần cuối. Vùng đất hoang vắng mù sương. Bay bằng thiết bị dẫn đường. Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp!

Khi Harry quay lại chỗ neo thuyền, trời tối đến nỗi anh biết tầm nhìn chắc chắn sẽ bị cản trở. Anh tháo dây buộc, trèo lên thuyền và nắm lấy cần gạt. Một ý nghĩ vụt qua tâm trí anh: anh đã thức trắng suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ, chưa có gì vào bụng kể từ sáng sớm đến giờ, lại còn ướt như chuột lột và lặn lội đến Bergen chết giấm này mà chả được tích sự quái gì. Cái thuyền mà không chịu nổ máy ngay lập tức thì anh bắn cho nát thân bằng loạt đạn 0,38 rồi bơi vào bờ. Chiếc thuyền khởi động với một tiếng gầm. Harry gần như đã nghĩ rằng thật đáng tiếc thay. Đang định gạt cần về phía trước thì anh trông thấy cô.

Cô đứng ngay trước mặt anh, trên bậc thang dẫn xuống khoang bên dưới boong. Ung dung dựa người vào khung cửa, mặc áo len xám bên ngoài bộ đầm màu đen.

“Giơ tay lên,” cô ra lệnh.

Câu nói đó nghe trẻ con đến nỗi cứ ngỡ như một trò đùa. Nhưng khẩu súng lục màu đen đang chĩa vào anh thì không. “Anh mà không nghe, tôi sẽ bắn vào bụng đấy, Harry. Các dây thần kinh ở lưng sẽ đứt, anh không thể cử động được. Sau đó là một phát vào đầu. Nhưng cứ đi từ bụng đã...”

Họng súng hạ xuống thấp.

Harry bỏ tay ra khỏi bánh lái và cần gạt, rồi giơ lên.

“Làm ơn lùi lại,” cô nói.

Cô bước lên cầu thang, và chỉ đến lúc này Harry mới nhìn thấy tia sáng trong mắt cô, chính là tia sáng anh từng bắt gặp khi họ bắt giữ Becker và lúc ở quán bar Fenris. Nhưng cặp mắt long lanh ấy giờ đang rực lửa. Harry lùi lại cho tới khi anh cảm thấy chân mình va vào ghế ở đuôi thuyền.

“Ngồi xuống,” Katrine nói, tắt động cơ của chiếc thuyền máy đi.

Harry ngồi phịch xuống, đề lên cần câu và cảm thấy nước đọng trên cái ghế nhựa thấm ướt quần.

“Làm thế nào anh tìm được tôi?” cô hỏi.

Harry nhún vai.

“Thôi nào,” cô nói và nâng súng lên. “Giúp tôi thỏa mãn trí tò mò đi, Harry.”

“Ừm,” Harry đáp, cố thăm dò gương mặt nhợt nhạt, bơ phờ. Nhưng đó là một lãnh địa hoàn toàn xa lạ, khuôn mặt của người phụ nữ này không phải là khuôn mặt của Katrine Bratt anh từng biết. Hoặc cứ tưởng rằng mình biết.

“Mỗi người đều có một lối hoạt động riêng,” anh nghe thấy tiếng mình nói. “Một kiểu bày trò.”

“Thế à. Vậy trò của tôi là gì?”

“Đương Đông kích Tây.”

“Ồ?”

Harry cảm nhận được sức nặng của khẩu súng trong túi áo bên phải. Anh hơi nhòe người dậy và gạt chiếc cần câu đi để tay phải đặt lên ghế.

“Cô viết một lá thư ký tên Người Tuyết, gửi tới cho tôi, rồi vài tuần sau cô xuất hiện ở Sở Cảnh sát. Việc đầu tiên cô làm là bảo tôi rằng Hagen đã dặn tôi phải hướng dẫn cho cô. Hagen chưa bao giờ nói thế.”

“Tất cả đều đúng. Còn gì nữa không?”

“Cô ném áo khoác xuống con kênh phía trước căn hộ của Støp rồi chạy về hướng ngược lại, leo lên mái nhà. Bởi vậy tôi biết cách thức hành động của cô là bỏ điện thoại trên đoàn tàu đi về hướng Đông và chuồn theo hướng Tây.”

“Tuyệt vời. Vậy tôi chuồn thế nào?”

“Đương nhiên, không bằng máy bay. Cô biết sân bay Gardemoen sẽ bị theo dõi. Tôi đoán cô bỏ điện thoại lên tàu ở Ga Trung tâm Oslo rất lâu trước khi tàu chuyển bánh, sau đó băng qua bến xe buýt và bắt chuyến xe đi về phía Đông vào sáng sớm. Chắc cô chia nhỏ hành trình. Liên tục đổi chuyến buýt.”

“Xe buýt nhanh Notodden,” Katrine nói. “Bắt chuyến xe đến Bergen. Xuống ở Voss và mua quần áo. Bắt xe tới Ytre Arna. Rồi từ đó đi xe buýt nội vùng tới Bergen. Thuê một ngư dân ở bến Zacharias để ông ta đưa tôi tới đây. Khả năng suy đoán của anh không tệ đâu, Harry.”

“Cũng chẳng khó lắm. Cô và tôi, chúng ta khá giống nhau.”

Katrine nghiêng đầu. “Nếu đã biết chắc chắn vậy sao anh còn đến một mình?”

“Ai bảo tôi đến một mình. Müller-Nilsen và đồng đội đang trên đường tới đây.”

Katrine phá lên cười. Harry nhích tay lại gần túi áo khoác.

“Tôi cũng đồng ý là chúng ta giống nhau, Harry ạ. Nhưng riêng tài nói dối thì tôi trên cơ anh đấy.”

Harry nuốt khan. Bàn tay anh lạnh cóng. Ngón tay khó khăn lắm mới chịu nghe lời. “Phải, tôi chắc rằng việc đó dễ dàng với cô hơn,” Harry đáp. “Cũng như giết người.”

“Thế à? Nhưng lúc này trông anh như đang muốn giết tôi ấy. Tay anh nhích càng lúc càng gần đến túi áo bên phải kìa. Đứng dậy và cởi áo khoác ra. Từ từ thôi. Rồi ném lại đây.”

Harry chửi thề trong bụng, nhưng vẫn làm theo lời cô. Chiếc áo rơi xuống sàn trước mặt Katrine với một tiếng cộp. Cô chộp lấy nó và vứt xuống biển, trong lúc đó mắt vẫn dán chặt vào anh.

“Dù sao cũng đến lúc anh kiểm tra cho mình cái áo mới rồi,” cô nói.

“Ừm,” Harry nói. “Ý cô là để cho hợp với củ cà rốt cắm vào mặt tôi chứ gì?”

Katrine chớp mắt hai lần và Harry nhận thấy đôi mắt cô dường như toát lên vẻ ngờ ngác.

“Nghe này, Katrine. Tôi tới đây là để giúp cô. Cô cần điều đó. Cô có bệnh. Chính căn bệnh đó đã xui khiến cô giết bọn họ.”

Katrine từ từ lắc đầu. Cô chỉ tay về phía đất liền.

“Tôi đã ngồi trong nhà chứa thuyền chờ anh suốt hai tiếng đồng hồ đấy, Harry. Bởi tôi biết anh sẽ đến. Tôi tìm hiểu anh kỹ lắm, Harry ạ. Anh luôn tìm được thứ mình muốn. Vì thế tôi mới chọn anh.”

“Chọn tôi?”

“Chọn anh. Để anh giúp tôi tìm Người Tuyết. Vì thế tôi mới gửi lá thư đó cho anh.”

“Sao cô lại không thể tự mình tìm ra Người Tuyết? Cô có mất nhiều công sức lắm đâu.”

Cô lắc đầu. “Tôi đã cố, Harry ạ. Cố gắng không ngừng suốt bao năm qua. Tôi biết mình tôi thì không thể làm nên chuyện. Tôi phải dựa vào anh. Anh là người duy nhất từng truy bắt thành công một kẻ sát nhân hàng loạt. Tôi cần

Harry Hole.” Cô nở nụ cười buồn bã. “Câu hỏi cuối cùng dành cho anh đây, Harry. Làm thế nào anh đoán ra được là tôi lừa anh?”

Harry thầm hỏi chuyện này rồi sẽ kết thúc ra sao. Một viên đạn găm vào trán ư? Hay là vòng dây điện cắt thịt? Hoặc một chuyến ra khơi rồi chết đuối ngoài biển? Anh nuốt khan. Lẽ ra anh phải cảm thấy sợ mới đúng. Sợ đến mức không thể nghĩ được gì, đến mức muốn quỳ gối khóc lóc cầu xin cô tha mạng. Thế mà tại sao anh không làm? Chắc chắn không phải vì lòng tự tôn; anh đã nuốt trôi nó cùng với whiskey rồi lại nhổ ra đến vài lần rồi. Rất có thể là vì đầu óc anh lúc này đang tỉnh táo, biết rằng có sợ cũng chẳng giúp ích được gì, ngược lại chỉ khiến mình càng chóng chết. Thế nhưng, anh đi đến kết luận, tất cả là do mệt mỏi mà ra. Cảm giác sức cùng lực kiệt khiến anh cảm thấy như chỉ muốn mọi chuyện mau mau kết thúc cho rồi.

“Trong thâm tâm, thực ra tôi luôn biết mọi chuyện bắt nguồn từ cách đây rất lâu,” Harry nói và chợt nhận ra mình không còn thấy lạnh nữa. “Tất cả đã được lên kế hoạch và kẻ chủ mưu đã tìm cách tác động đến tâm trí tôi. Cũng chẳng có nhiều đối tượng để mà loại trừ, Katrine ạ. Và khi nhìn thấy những bài báo ở căn hộ của cô, tôi đã hiểu kẻ đó chính là cô.”

Harry thấy cô chớp mắt, bối rối. Thế rồi anh chợt cảm thấy mỗi ngời vực từ từ len lỏi vào chuỗi suy luận và logic anh tưởng như đã thấu đạt. Nhưng có thật thế không? Chẳng phải mỗi ngời vực vốn luôn hiện hữu hay sao? Màn mưa rá rích giờ đã hóa thành dòng thác xối xả, ào ào trút xuống trên boong. Anh thấy miệng cô há ra, ngón tay cô co lại quanh cò súng. Anh chớp lấy cần câu bên cạnh và nhìn chăm chăm vào hòng súng. Mọi chuyện sẽ kết thúc như thế này đây, trên con thuyền lênh đênh ở vùng biển phía Tây, không nhân chứng, không bằng chứng. Hình bóng một người bỗng hiện lên trong đầu anh. Là Oleg. Một mình.

Anh vung chiếc cần câu trước mặt mình, về phía Katrine. Đó là hành động trong lúc khốn cùng, nỗ lực tuyệt vọng hòng lật ngược thế cờ, xoay chuyển tình thế. Phần đầu cần câu mềm đánh trúng má Katrine, không mạnh, cô hầu như không cảm thấy gì, cú đánh cũng chẳng thể khiến cô bị thương hay mất thăng bằng. Sau này nghĩ lại, Harry không nhớ nổi những gì xảy ra có phải là do cố ý, là làm bừa, hay đơn thuần là may mắn: mỗi giả xoay tí chút lúc càng

nhanh khiến đoạn dây câu dài hai mươi xentimet quấn quanh đầu cô, rồi mỗi giây tiếp tục quay tròn và đập vào răng cửa nơi miệng cô đang há ra. Và khi Harry giật mạnh cần, đầu móc câu đã thực thi đúng chức năng của nó: bám vào da thịt. Cái móc găm trúng khóe miệng bên phải của Katrine Bratt. Uy lực cú giật trong lúc cùng đường của Harry khủng khiếp tới mức đầu Katrine ngật ra sau rồi nghiêng sang phải với một lực cực mạnh đến độ trong giây phút ngắn ngủi anh cứ ngỡ rằng mình sắp giật đứt đầu cô. Sau một tích tắc chững lại, thân người cô ngã theo hướng quay của cái đầu, nghiêng sang phải rồi lao về phía Harry và tiếp tục lăn lông lốc khi cô ngã nhào trước mặt anh.

Harry khụy gối đè lên người cô. Đầu gối nện xuống hai bên xương đòn, và anh biết mình đã không chế được hai cánh tay cô.

Anh giằng khẩu súng ra khỏi bàn tay cứng đờ và gí họng súng vào một bên mắt đang mở lớn của cô. Thử vũ khí nhẹ tênh, anh có thể trông thấy đầu súng bằng sắt đang áp sát tròng mắt mềm mại, nhưng cô vẫn nhìn không chớp. Ngược lại là khác. Cô nhe răng cười. Nụ cười rộng ngoác, nở ra từ khóe miệng rách toạc và hàm răng nhuộm máu mà cơn mưa đang cố gắng cuốn trôi.

ngày thứ hai mươi

CON TỐT THÍ

Knut Müller-Nilsen đích thân đợi ở bến dưới chân cầu Puddefjord khi Harry lái thuyền trở về. Ông ta cùng hai sĩ quan và vị bác sĩ tâm thần có ca trực hôm đó đi theo Harry xuống tầng dưới nơi Katrine Bratt đang bị còng vào chiếc giường. Cô được tiêm một liều thuốc chống loạn thần và được chuyển lên chiếc xe đang chờ sẵn.

Müller-Nilsen cảm ơn Harry vì đã đồng ý giải quyết sự việc một cách kín đáo.

“Ta cứ giữ bí mật chuyện này nhé,” Harry nói và ngược lên nhìn trời vẫn đang mưa tầm tã. “Oslo thế nào cũng muốn nắm quyền kiểm soát nếu vụ này được đưa ra trước công luận.”

“Tất nhiên rồi,” Müller-Nilsen gật đầu.

“Tôi là Kjersti Rødsmoen,” một giọng nói cất lên khiến hai người ngoái lại. “Bác sĩ tâm thần.”

Người đang ngược nhìn Harry là một phụ nữ ngoài bốn mươi tuổi, có mái tóc sáng màu bù xù, mặc áo khoác lông vũ đỏ chóc. Chị ta cầm trên tay điều thuốc lá nhưng có vẻ chẳng hề để ý đến cơn mưa xối xả khiến cả mình lẫn điều thuốc đều ướt sũng.

“Có quyết liệt lắm không?” chị ta hỏi.

“Không,” Harry đáp, cảm thấy khẩu súng lục của Katrine giắt ở thắt lưng quần đang áp vào da thịt. “Cô ấy ngoan ngoãn đầu hàng.”

“Cô ấy đã nói những gì?”

“Không gì cả.”

“Không gì hết ư?”

“Dù chỉ một lời. Trường hợp này chị chẩn đoán thế nào?”

“Tất nhiên là loạn tinh thần rồi,” Rødsmoen trả lời không chút do dự. “Nhưng như vậy không có nghĩa cô ấy điên. Đó chỉ đơn giản là cách tâm trí con người đương đầu với những vấn đề khó làm chủ. Cũng như não bộ khiến

ta ngất xỉu khi cơn đau quá dữ dội. Tôi đoán cô ấy bị căng thẳng cực độ trong thời gian dài. Anh thấy có đúng không?”

Harry gật đầu. “Liệu cô ấy có còn nói được nữa không?”

“Có,” Kjersti Rødsmoen đáp, chăm chú nhìn điều thuốc ướm nhẹp tắt ngóm với vẻ bức bối. “Nhưng tôi không biết là khi nào. Tạm thời cô ấy cần được nghỉ ngơi.”

“Nghỉ ngơi á?” Müller-Nilsen hừ mũi. “Cô ta là sát nhân hàng loạt đây.”

“Còn tôi là bác sĩ tâm thần,” Rødsmoen nói, vứt điều thuốc và đi về phía chiếc xe Honda nhỏ màu đỏ trông vẫn đầy bụi ngay cả dưới cơn mưa như trút.

“Rồi giờ anh định làm gì?” Müller-Nilsen hỏi.

“Bắt chuyến bay cuối về nhà,” Harry nói.

“Không phải chứ. Anh trông như bộ xương. Sở Cảnh sát có ký hợp đồng với khách sạn du lịch Rica. Bọn tôi có thể đưa anh đến đó và gửi quần áo sạch cho anh. Ở khách sạn còn có cả nhà ăn nữa đấy.”

Sau khi làm thủ tục nhận phòng và đứng trước tấm gương trong nhà tắm của căn phòng đơn chật chội, Harry nghĩ lại những điều Müller-Nilsen đã nói. Rằng trông anh như bộ xương. Và tính mạng anh lúc trước chẳng khác nào chỉ mảnh treo chuông. Nhưng có thật thế không? Tắm táp xong xuôi, anh dùng bữa ở nhà ăn vắng tanh rồi quay về phòng và cố chớp mắt. Nhưng không được nên anh đành bật ti vi lên xem. Các kênh toàn phát những chương trình nhằm trừ đài NRK2 đang chiếu *Memento*. Anh đã từng xem bộ phim này rồi. Phim là lời kể của một người đàn ông bị tổn thương não và mắc chứng mất trí nhớ ngắn hạn. Trong phim có một phụ nữ bị giết. Nam chính viết tên hung thủ lên một tấm ảnh Polaroid vì biết không lâu nữa mình sẽ lãng quên. Vấn đề là ở chỗ những gì anh ta viết liệu có tin được không. Harry hất chần ra. Bên dưới ti vi là chiếc tủ đồ uống mini có cánh cửa màu nâu không khóa.

Đáng lẽ anh nên bắt chuyến bay về nhà.

Anh đang định rời khỏi giường thì điện thoại di động đổ chuông ở đâu đó trong phòng. Anh thò tay vào túi chiếc quần ướm vắt trên ghế ở cạnh máy sưởi. Rakel gọi. Cô hỏi anh đang ở đâu và bảo có chuyện cần nói, nhưng không phải trong căn hộ của anh mà ở nơi công cộng.

Harry nhắm mắt nằm vật xuống giường.

“Có phải em muốn nói rằng chúng ta không thể tiếp tục gặp nhau nữa?” anh hỏi.

“Chúng ta không thể tiếp tục gặp nhau nữa,” cô đáp. “Em chịu hết nổi rồi.”

“Thế thì cứ nói qua điện thoại là được rồi mà.”

“Không, không được. Như thế chưa đủ đau đớn.”

Harry rên lên. Cô nói phải.

Hai người nhất trí hẹn gặp lúc mười một giờ sáng hôm sau tại Bảo tàng Fram ở Bygdøy, địa điểm tham quan nổi tiếng cho phép họ ẩn mình trong đám đông khách du lịch Đức và Nhật. Cô hỏi anh đến Bergen có việc gì. Anh kể cho cô nghe và dặn cô giữ kín trong vài hôm, cho tới khi báo đài đưa tin.

Sau khi cúp máy, Harry nằm đó nhìn chăm chăm cái tủ đồ uống trong lúc *Memento* tiếp tục đi theo trình tự ngược thời gian, từ hiện tại trở về quá khứ. Vừa mới đây thôi anh đã suýt mất mạng, tình yêu của đời anh chẳng còn muốn gặp anh nữa, và anh vừa giải quyết xong chuyên án tồi tệ nhất trong sự nghiệp. Nhưng có thật vậy không? Khi Müller-Nilsen hỏi vì sao anh lại một mình truy bắt Bratt, anh không đưa ra được câu trả lời. Nhưng giờ thì anh hiểu rồi. Đó là vì anh nghi ngờ. Hoặc cũng có thể là hy vọng. Hy vọng, dù rất mong manh, rằng cuối cùng mọi chuyện sẽ không đi theo chiều hướng như những gì diễn ra gần đây cho thấy. Có điều bây giờ hy vọng ấy đã tan thành mây khói. Anh có tới ba lý do chính đáng và cả bảy chố đang điên cuồng sủa trong bụng như bị ám. Còn chần chừ gì nữa mà không mở tủ lạnh?

Harry đứng dậy, đi vào nhà tắm, vặn vòi ra và rướn người tới uống, mặc cho dòng nước xối ào ạt trên mặt. Anh đứng thẳng lên và nhìn mình trong gương. Như bộ xương. Vậy sao bộ xương không chịu uống? Anh nói to như ném câu trả lời vào mặt mình, “Vì như thế chưa đủ đau đớn.”

Gunnar Hagen cảm thấy mệt mỏi. Mệt đến tận tâm can. Ông nhìn quanh. Lúc này đã gần nửa đêm, ông ta đang ngồi trong phòng họp tại tầng trên cùng của một trong những tòa nhà tại trung tâm thành phố Oslo. Mọi thứ ở đây đều mang sắc nâu sáng bóng: sàn gỗ, trần nhà với những chiếc đèn chiếu điểm, bức tường treo tranh chân dung của những người tiền nhiệm từng sở hữu nơi này, chiếc bàn gỗ gụ rộng cả chục mét vuông và những tấm da lột tay đặt trước mặt

mười hai người đàn ông đang quây quần quanh đó. Một giờ trước, giám đốc Sở đã gọi điện yêu cầu Hagen đến họp. Ở đây có một vài người ông ta quen, như cảnh sát trưởng chẳng hạn, đôi ba nhân vật từng xuất hiện trên báo, còn lại toàn là những khuôn mặt xa lạ. Giám đốc Sở thông báo tình hình cho các bên. Danh tính Người Tuyết đã được xác định, đó là một sĩ quan cảnh sát từng làm việc tại Bergen và công tác tại Đội Hình sự ở Grønland một thời gian. Cô ta đã qua mặt tất cả bọn họ, giờ đây cô ta đã sa lưới, họ sắp phải hứng chịu scandal khi phơi bày sự việc trước công chúng.

Khi bài nói kết thúc, bầu không khí im lặng dày đặc như làn khói xì gà bao trùm khắp phòng.

Làn khói bốc lên từ phía cuối bàn nơi một người đàn ông tóc bạc trắng đang ngồi ngả lưng trên ghế, khuôn mặt chìm khuất trong bóng tối. Lúc này ông ta mới lên tiếng. Chỉ một tiếng thở dài rất khẽ. Gunnar Hagen chợt nhận ra những người đã phát biểu đều quay sang nhìn về phía đó.

“Cực tồi tệ, Torleif ạ,” người tóc trắng nói, giọng cao vút và éo lá đến không ngờ. “Tàn phá nghiêm trọng. Niềm tin toàn hệ thống. Chúng ta là cấp lãnh đạo. Như vậy nghĩa là...” Cả phòng dường như đang nín thở chờ đợi trong khi ông ta rít một hơi xì gà. “... Sẽ có đầu phải rơi. Vấn đề là đầu ai.”

Cảnh sát trưởng đằng hắng. “Ông có đề xuất gì không?”

“Tạm thời thì chưa,” người tóc trắng nói. “Nhưng tôi tin là anh và Torleif đã tính toán cả rồi. Nói đi.”

“Chúng tôi nhận thấy đã xảy ra một số sai phạm nhất định trong việc bổ nhiệm và các giai đoạn sau đó. Những sai lầm ngớ ngẩn của con người chứ không phải do sơ suất trong khâu quản lý. Bởi vậy, vấn đề không trực tiếp thuộc về ban lãnh đạo. Từ đó chúng tôi đề xuất nên có sự phân định rõ ràng giữa trách nhiệm và sai phạm. Ban lãnh đạo xin nhận trách nhiệm, nhận lỗi và...”

“Bỏ qua mấy thủ tục ấy đi,” người tóc trắng nói. “Tóm lại con tốt thí mạng là ai?”

Giám đốc Sở đưa tay chỉnh lại cổ áo. Gunnar Hagen nhận thấy ông ta đang vô cùng khó xử.

“Thanh tra Harry Hole,” giám đốc Sở nói.

Sự im lặng một lần nữa bao trùm khi người đàn ông tóc trắng chậm điều xì gà mới. Có tiếng bật lửa tanh tách. Tiếp đến là những tiếng rít vọng ra trong bóng tối và làn khói lại từ đó bốc lên.

“Ý kiến không tệ,” giọng nói the thé vang lên. “Nếu không phải Hole mà là người khác thì có lẽ tôi đã yêu cầu anh lựa con tốt ở vị trí cao hơn rồi. Một điều tra viên đơn thuần thì chưa đủ sức nặng để làm cừu hiến tế. Thậm chí tôi còn định bảo anh xem xét tự ứng cử nữa kia, Torleif ạ. Nhưng Hole là sĩ quan có tiếng; anh ta đã tham gia talk show truyền hình nọ. Một nhân vật đình đám và là thanh tra có thành tích tương đối. Phải, xem ra cách xử lý đó ổn đây. Nhưng liệu anh ta có chịu hợp tác không?”

“Việc đó cứ để chúng tôi lo,” giám đốc Sở nói. “Phải không Gunnar?”

Gunnar Hagen nuốt khan. Không ngờ trong lúc này tâm trí ông ta lại hướng về vợ mình, nghĩ đến những hy sinh thầm lặng của bà để ông ta có được thành tựu ngày hôm nay. Khi kết hôn, bà đã bỏ dở việc học hành và chấp nhận theo Hagen tới bất cứ nơi đâu Lực lượng Đặc nhiệm, và sau này là ngành cảnh sát, điều ông ta đến. Bà là một phụ nữ thông minh, hiểu biết, ngang hàng với ông ta về nhiều mặt và thậm chí còn vượt trội hơn ở một số khía cạnh. Hagen thường hỏi ý kiến vợ khi gặp phải những khúc mắc trong công việc và cả những vấn đề liên quan đến phạm trù đạo đức. Bà luôn đưa ra lời khuyên chí lý. Dẫu vậy, dường như ông ta vẫn chưa gặt hái được thành công rực rỡ như kỳ vọng của cả hai. Có điều, hiện nay tình hình xem ra đã có triển vọng. Vị thế người đứng đầu Đội Hình sự hứa hẹn sẽ đưa ông ta tiến xa hơn nữa trên nấc thang sự nghiệp. Chỉ cần ông ta thận trọng trong từng đường đi nước bước. Việc đó chắc chẳng có gì quá khó khăn.

“Phải không Gunnar?” Giám đốc Sở hỏi lại.

Nhưng giờ ông ta mệt mỏi quá rồi. Mệt đến tận tâm can. Tôi làm điều này vì bà đấy, Hagen thầm nghĩ. Nếu ở địa vị tôi, chắc bà cũng sẽ làm thế, bà xã nhỉ.

ngày thứ hai mươi mốt

CỰC NAM

Harry và Rakel đứng bên nhau dưới mũi con thuyền gỗ *Fram* trưng bày trong bảo tàng, nhìn nhóm du khách Nhật vừa tíu tít chụp ảnh đám dây thừng và cột buồm vừa tươi cười gật gù, chẳng ai buồn nghe hướng dẫn viên giới thiệu con thuyền thô sơ này đã đưa Fridtjof Nansen vượt qua hành trình đằng đẳng để được là người đầu tiên đặt chân tới cực Bắc năm 1893 nhưng không thành công, và sau đó là Roald Amundsen khi ông ta giành chiến thắng trong cuộc đua tới cực Nam với Scott vào năm 1911.

“Em bỏ quên đồng hồ đeo tay trên tủ đầu giường nhà anh,” Rakel nói.

“Trò này xưa rồi,” Harry đáp. “Như vậy nghĩa là em sẽ phải quay lại lấy chứ gì.”

Cô áp tay lên bàn tay anh đang đặt trên rào chắn và lắc đầu. “Nó là món quà Mathias tặng em nhân dịp sinh nhật.”

Trong khi anh thì lại quên, Harry nghĩ thầm.

“Bọn em sắp có hẹn, em mà không đeo thì thế nào anh ấy cũng hỏi. Anh biết em không thích nói dối rồi đấy. Liệu anh có thể...?”

“Anh sẽ mang đến trước bốn giờ,” anh nói.

“Cảm ơn anh. Giờ ấy em vẫn ở chỗ làm, nhưng anh cứ bỏ vào cái chuồng chim trên tường cạnh cửa ra vào. Đó...”

Cô không cần phải nói thêm nữa. Đó là chỗ cô luôn cất chìa khóa nhà để anh đến thì mở cửa vào khi cô đã đi ngủ. Harry vỗ mạnh lên rào chắn. “Arve Støp nói, thiết thời của Roald Amundsen là ở chỗ ông ta giành chiến thắng. Støp cho rằng những câu chuyện hay nhất luôn kể về những kẻ thất bại.”

Rakel không đáp.

“Có lẽ đó cũng là một cách an ủi,” Harry nói. “Ta về thôi nhỉ?”

Ngoài trời, tuyết đang rơi.

“Vậy là tất cả kết thúc rồi phải không?” cô hỏi. “Cho tới lần sau?”

Anh liếc nhanh về phía cô một cái để yên tâm rằng cô đang nói về Người Tuyết chứ không phải về chuyện giữa hai người.

“Bọn anh vẫn chưa tìm được các thi thể,” anh nói. “Sáng nay anh đến thăm cô ấy trong nhà giam trước khi ra sân bay, nhưng cô ấy không nói gì. Cứ dán mắt vào chỗ khác như thể có người ở đó vậy.”

Đột nhiên cô hỏi, “Anh có nói với ai chuyện anh một mình đến Bergen không?”

Harry lắc đầu.

“Vì sao?”

“Ừm,” Harry nói, “cũng có thể anh suy đoán nhầm. Như thế anh có thể âm thầm quay về mà không lo mất thể diện.”

“Đó không phải lý do,” cô nói.

Harry liếc xéo cô lần nữa. Trông cô còn chán chường hơn cả anh.

“Thú thực, chính anh cũng không biết nữa,” anh nói. “Chắc là anh vẫn hy vọng cô ấy vô can.”

“Vì cô ấy giống anh? Vì kẻ có tội cũng có thể là anh?”

Harry thậm chí chẳng nhớ mình có nói với cô là anh và Katrine giống nhau không.

“Trông cô ấy đơn độc và sợ hãi vô cùng,” Harry nói, những bông tuyết bay vào mắt anh rất buốt. “Như người lạc lối dưới bóng chiều ấy.”

Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp! Anh chớp mắt và cảm thấy những giọt lệ ứa ra, chúng giống như năm đám đang cố tìm cách lần ngược từ dưới lên trên thanh quản của anh. Có lẽ nào anh đang suy sụp? Anh từng người khi Rakel đưa bàn tay ấm áp nhẹ nhàng vuốt ve cổ anh.

“Anh không phải cô ta, Harry à. Anh khác.”

“Thế sao?” Anh mỉm cười yếu ớt và bỏ tay cô ra.

“Anh đâu giết người vô tội, Harry.”

Harry từ chối khi cô đề nghị lái xe đưa anh về, thay vào đó anh bắt xe buýt. Anh đắm đắm nhìn những bông tuyết thi nhau rơi lả tả và quang cảnh vùng vịnh bên ngoài cửa sổ, nghĩ thầm Rakel chỉ thêm hai từ *vô tội* vào phút chót.

Harry đang định mở cửa trước tòa chung cư anh ở trên phố Sofies thì anh chợt nhớ ra mình hết cà phê hòa tan rồi, vậy là anh đi thêm khoảng năm chục mét tới cửa hàng Niazi ở góc phố.

“Gặp anh vào lúc này thì lạ đấy,” Ali nói và nhận lấy tiền.

“Ngày nghỉ,” Harry đáp.

“Thời tiết tệ quá nhỉ? Thấy bão trong vòng hai mươi bốn giờ tới tuyết sẽ rơi dày đến nửa mét kia đấy.”

Harry nghịch nghịch lọ cà phê. “Hôm nọ tôi vô ý khiến Salma và Muhammad sợ chết khiếp trong sân.”

“Phải, tôi có nghe kể.”

“Tôi xin lỗi. Tại tôi hơi căng thẳng mới thế.”

“Không sao mà. Tôi chỉ lo anh lại uống rượu thôi.”

Harry lắc đầu và nở nụ cười yếu ớt. Anh thích tính tình thẳng thắn của anh bạn người Pakistan này.

“Tốt,” Ali nói và đếm tiền thừa trả Harry. “Nhà anh sửa đến đâu rồi?”

“Sửa á?” Harry cầm lấy tiền. “Ý anh là cái người diệt nấm mốc?”

“Người diệt nấm mốc á?”

“Phải, người đi kiểm tra tầng hầm xem có nấm mốc không ấy mà. Tên là Stormann hay gì đó.”

“Nấm mốc ở tầng hầm sao?” Ali nhìn Harry với vẻ kinh hãi.

“Anh không biết sao?” Harry nói. “Anh là chủ tịch hội đồng dân cư ở đây mà. Tôi tưởng anh ta phải báo với anh chứ.”

Ali chậm rãi lắc đầu. “Chắc anh ta báo với Bjørn.”

“Bjørn nào?”

“Bjørn Asbjørnsen sống ở tầng trệt suốt mười ba năm qua,” Ali nói và ném cho Harry cái nhìn quở trách. “Và cũng giữ chức phó chủ tịch trong từng ấy năm.”

“À, đúng rồi, Bjørn,” Harry nói, vờ như nhớ đến cái tên ấy.

“Để tôi hỏi lại xem sao,” Ali nói.

Khi lên đến căn hộ của mình, Harry cởi bớt ra, đi thẳng vào phòng ngủ và đánh một giấc. Lúc nghỉ lại ở khách sạn tại Bergen, anh gần như thức trắng. Tỉnh dậy, anh thấy miệng khô khốc, dạ dày đau quặn. Anh dậy đi rót nước và khựng lại khi đặt chân tới hành lang.

Lúc về anh không để ý, giờ mới nhận ra những bức tường đã vẹn nguyên như trước.

Anh đi xem xét khắp các phòng. Kỳ diệu thật. Tay nghề người thợ sửa chữa xuất sắc đến mức nhìn chẳng khác gì trước kia. Không lộ dù chỉ một lỗ đinh cũ, không mối ghép nào xô lệch. Anh đưa tay sờ bức tường phòng khách như muốn chắc chắn đây không phải ảo giác.

Trên bàn tiếp khách kê phía trước chiếc ghế bành lưng cao có một mảnh giấy màu vàng. Một lời nhắn viết tay. Nét chữ ngay ngắn và đẹp lạ lùng.

Đã xong hết rồi. Anh sẽ không phải gặp lại tôi nữa. Stormann.

Tái bút: *Tôi buộc phải lật lại một tấm ván ốp tường vì chẳng may tôi làm đứt tay và máu dính vào đó. Một khi máu đã ăn vào gỗ mộc chưa qua xử lý thì không gì tẩy sạch được. Chỉ còn cách sơn toàn bộ bức tường thành màu đỏ thôi.*

Harry thả người xuống chiếc ghế bành và ngắm nghía bốn bức tường nhẵn mịn.

Chỉ đến khi đi vào bếp thì anh mới phát hiện điều kỳ diệu ấy chưa trọn vẹn. Cuốn lịch có ảnh Rakel và Oleg đã biến mất. Chiếc váy màu thanh thiên. Anh lớn tiếng chửi thề và cuống cuồng lục các sọt rác, thậm chí cả thùng rác nhựa ở sân chung cư, cuối cùng đành phải chấp nhận quãng thời gian hạnh phúc nhất trong đời mình đã bị xóa sạch cùng với năm mốt.

Hôm nay quả là một ngày làm việc khác thường đối với bác sĩ tâm thần Kjersti Rødsmoen. Lý do không chỉ bởi vầng mặt trời hiếm khi xuất hiện ở Bergen giờ đang tỏa nắng rực rỡ qua những ô cửa sổ trong lúc chị ta rảo bước trên hành lang khoa Tâm thần của Bệnh viện Haukeland tại Sandviken. Trải qua quá nhiều lần đổi tên, dân Bergen giờ ít ai biết được tên chính thức hiện nay của khoa là Bệnh viện Sandviken. Tuy thế, khu biệt giam vẫn giữ nguyên tên cũ cho tới khi có thông báo mới, còn trong lúc này Bergen đành chờ đợi ai đó lên

tiếng kiến nghị rằng tên gọi trên dễ gây hiểu nhầm hoặc thậm chí mang tính chất kỳ thị.

Chị ta vừa sợ vừa mong chờ buổi làm việc sắp tới với bệnh nhân bị giam giữ ở chế độ an ninh nghiêm ngặt chưa từng có tiền lệ tại khoa. Các bác sĩ đã bàn bạc và thống nhất về quy trình cũng như giới hạn đạo đức trong việc điều trị cùng với Espen Lepsvik ở Kripos và Knut Müller-Nilsen thuộc Sở Cảnh sát Bergen. Bệnh nhân mắc chứng loạn tinh thần và do đó không thể trả lời thẩm vấn của cảnh sát. Với vai trò bác sĩ tâm thần, Kjersti nhận trọng trách nói chuyện với bệnh nhân, có điều sức khỏe của đối tượng vẫn phải được đặt lên hàng đầu chứ không vì mục đích truy vấn như cảnh sát. Vấn đề cuối cùng cần quan tâm là bảo mật thông tin bệnh nhân. Kjersti Rødsmoen sẽ phải tự mình đánh giá xem trong số những thông tin khai thác được, liệu có chi tiết nào quan trọng đến mức cần đi sâu tìm hiểu hay không. Nhưng dù sao đi nữa thông tin đó cũng không có giá trị pháp lý ở tòa vì là lời khai của bệnh nhân tâm thần. Nói tóm lại, bọn họ đang dẫn thân vào lãnh địa nhạy cảm cả về pháp lý lẫn đạo đức, chỉ cần sơ sẩy một chút thôi cũng có thể gây hậu quả khôn lường, bởi tất cả những việc Kjersti làm đều bị đặt dưới con mắt dò xét của hệ thống tư pháp và giới truyền thông.

Một điều dưỡng viên cùng một sĩ quan cảnh sát mặc đồng phục đang đứng ngoài phòng tư vấn. Kjersti chỉ vào tấm thẻ nhân viên cài trên áo blu trắng, và sĩ quan mở cửa cho chị ta vào.

Như đã thỏa thuận từ trước, điều dưỡng viên sẽ giám sát những gì diễn ra trong phòng và nhấn chuông báo động khi cần.

Kjersti Rødsmoen ngồi xuống ghế và chăm chú quan sát bệnh nhân. Thật khó lòng hình dung nổi con người này có thể gây ra tai họa gì, một phụ nữ nhỏ nhắn có mái tóc lòa xòa trước mặt, những vết khâu đen sì nơi khóe miệng bị xé rách, cặp mắt mở lớn với vẻ khiếp đảm tột cùng như đang nhìn xoáy vào thứ gì đó Kjersti Rødsmoen không thấy được. Trái lại, trông cô ta có vẻ chẳng làm nổi bất cứ việc gì, thậm chí ngỡ như chỉ cần thổi nhẹ cũng tan biến. Ai mà nghĩ được rằng người phụ nữ này lại là một kẻ sát nhân máu lạnh kia chứ. Nhưng chuyện luôn là vậy đấy.

“Xin chào,” chị ta nói. “Tôi là Kjersti.”

Không có hồi đáp.

“Theo cô, vấn đề của cô là gì?” Kjersti hỏi.

Câu hỏi đó nằm trong cầm nang dẫn dắt cuộc đối thoại với bệnh nhân tâm thần. Có thể thay thế bằng câu: *Cô nghĩ tôi nên làm gì để giúp đỡ cô?*

Vẫn không có hồi đáp.

“Ở trong căn phòng này cô được an toàn. Không ai làm hại cô đâu. Tôi cũng sẽ không làm cô đau. Cô được an toàn tuyệt đối.”

Theo cuốn cầm nang, lời khẳng định chắc nịch đó là để trấn an bệnh nhân, bởi chứng loạn tinh thần chủ yếu liên quan đến cảm giác sợ hãi cực độ. Kjersti Rødsmoen thấy mình chẳng khác nào một tiếp viên hàng không đang hướng dẫn an toàn bay trước khi máy bay cất cánh. Một thủ tục máy móc. Ngay cả khi hành trình bay có băng qua sa mạc khô cằn nhất đi nữa cũng vẫn phải hướng dẫn hành khách sử dụng áo phao. Vì đó là điều đối phương muốn nghe: bạn có thể sợ hãi, nhưng mọi chuyện đã có chúng tôi lo.

Đã đến lúc kiểm tra khả năng nhận thức thực tại của bệnh nhân.

“Cô có biết hôm nay là ngày nào không?”

Im lặng.

“Hãy nhìn chiếc đồng hồ treo tường đằng kia. Có thể cho tôi biết bây giờ là mấy giờ không?”

Đáp lại chị ta là cái nhìn chăm chăm đầy sợ hãi.

Kjersti Rødsmoen kiên nhẫn chờ đợi. Kim phút trên đồng hồ chậm chạp nhích từng nấc.

Tình hình này thật vô vọng.

“Tôi đi đây,” Kjersti nói. “Sẽ có người đến đưa cô về phòng. Cô sẽ được an toàn.”

Chị ta đi ra cửa.

“Tôi phải nói chuyện với Harry.” Giọng nói trầm trầm cất lên nghe gần giống giọng đàn ông.

Kjersti dừng bước và ngoái lại. “Harry nào?”

“Harry Hole. Chuyện gấp lắm.”

Kjersti cố gắng nắm bắt ánh mắt của bệnh nhân, nhưng cô ta vẫn chỉ đắm đắm hướng về thế giới xa xăm của riêng mình.

“E rằng cô phải cho tôi biết Harry Hole là ai, Katrine ạ.”

“Thanh tra Đội Hình sự ở Oslo. Và nếu phải gọi tên tôi thì hãy gọi bằng họ, Kjersti ạ.”

“Là Bratt à?”

“Rafto.”

“Tôi hiểu. Nhưng có thể cho tôi biết cô muốn nói gì với Harry Hole không, để tôi chuyển lời lại...”

“Chị chẳng hiểu gì cả. Bọn họ sắp chết đến nơi rồi.”

Kjersti từ tốn quay lại ngồi xuống ghế. “Tôi hiểu chứ. Và vì sao cô lại nghĩ rằng bọn họ sắp chết hả Katrine?”

Cuối cùng thì ánh mắt hai người cũng giao nhau. Những gì Kjersti Rødsmoen trông thấy khiến chị ta chột liên tưởng đến một trong những tấm thẻ màu đỏ của trò chơi cờ tỷ phú cất ở căn nhà gỗ tại nơi nghỉ dưỡng, trên đó viết rằng: Toàn bộ nhà cửa và khách sạn của bạn đã bị thiêu rụi.

“Các người chẳng ai hiểu gì cả,” giọng nói trầm đục đầy nam tính đáp. “Không phải là tôi.”

Lúc hai giờ chiều, Harry tấp xe vào lề đường dưới căn nhà gỗ của Rakel ở Holmenkollveien. Tuyết đã ngừng rơi, anh cho rằng tốt hơn hết không nên để lại vết lốp xe *tổ cáo* trên lối ô tô ra vào. Lốp tuyết dưới chân anh phát ra tiếng kin kít khe khẽ kéo dài, ánh sáng chói gắt lấp loáng phản chiếu trên những ô cửa sổ lắp kính chống nắng đen thui khi anh tiến lại gần.

Anh bước lên bậc tam cấp, lật mở cửa chuồng chim, bỏ đồng hồ của Rakel vào đó rồi đóng lại. Anh vừa xoay người chuẩn bị ra về thì cửa chính bất ngờ mở toang.

“Harry!”

Harry quay ngoắt lại, nuốt khan rồi cố nặn ra một nụ cười. Trước mặt anh là một người đàn ông cởi trần, chỉ quấn mỗi cái khăn tắm ở phía dưới.

“Mathias,” anh ngỡ ngàng nói, nhìn chăm chăm vào ngực người đàn ông đối diện. “Anh làm tôi giật cả mình. Tôi tưởng giờ này anh vẫn còn đang làm

việc.”

“Xin lỗi,” Mathias bật cười, vội vã khoanh tay lại. “Tối qua tôi làm việc khuya, hôm nay được nghỉ. Tôi đang định đi tắm thì nghe thấy tiếng động ở cửa. Tôi cứ nghĩ là Oleg, chìa khóa của nó hơi rít, anh biết đấy.”

Rít ư, Harry thầm nghĩ. Vậy là Oleg đang dùng chiếc chìa khóa cũ của anh. Còn Mathias dùng chìa của Oleg. Đầu óc phụ nữ thật khó hiểu.

“Tôi có thể giúp được gì cho anh không, Harry?” Harry nhận thấy tay anh ta khoanh lại đặt ở vị trí cao khác thường, như thể đang muốn giấu giếm điều gì đó.

“Không có gì đâu,” Harry thản nhiên nói. “Tôi chỉ đi ngang qua đây và đưa đồ cho Oleg thôi.”

“Sao anh không gõ cửa?”

Harry nuốt khan. “Đột nhiên tôi nhận ra là thằng bé chưa đi học về.”

“Thế ư? Sao anh biết?”

Harry gật gù với Mathias như tỏ ý hài lòng khi được nghe một câu hỏi xác đáng. Trên gương mặt thân thiện, tươi tỉnh của Mathias không mấy may có chút nghi ngờ, chỉ có vẻ thành thực mong được giải thích điều mình còn chưa rõ.

“Do tuyết,” Harry nói.

“Tuyết á?”

“Đúng vậy. Tuyết đã ngừng rơi từ hai tiếng trước, mà trên bậc tam cấp lại không có dấu chân nào.”

“Quý thần thiên địa ơi, Harry,” Mathias kêu lên. “Thế mới gọi là áp dụng suy luận logic vào đời sống chứ. Anh là thanh tra xịn rồi, điều đó thì không còn gì phải bàn cãi nữa.”

Tiếng cười của Harry nghe thật gượng gạo. Đôi cánh tay Mathias hạ xuống đôi chút, giờ Harry mới hiểu ý Rakel khi cô bảo Mathias có khiếm khuyết kỳ lạ trên cơ thể. Ở nơi đúng ra phải có hai núm vú thì làn da lại hoàn toàn trắng hỏ, phẳng lì, nhẵn thín.

“Đó là bệnh di truyền,” Mathias nói, rõ ràng đã nhận ra vị trí ánh mắt Harry đang hướng đến. “Bố tôi cũng không có. Bệnh này tuy hiếm gặp nhưng khá vô

hại. Mà kể cả có đi nữa thì đàn ông cũng có biết dùng vào việc gì đâu, đúng không?”

“Vâng, đúng vậy,” Harry đáp, cảm thấy dái tai nóng lên.

“Anh có muốn tôi chuyển giúp đồ gì cho Oleg không?”

Harry hướng ánh nhìn sang chỗ khác. Theo phản xạ, ánh mắt anh dừng lại trên cái chuồng chim, sau đó tiếp tục rời đi.

“Để khi khác tôi đưa cũng được,” Harry đáp và nhả mặt, hy vọng biểu cảm đó khơi gợi được niềm tin từ phía đối phương. “Anh cứ tắm đi.”

“Được thôi.”

“Tạm biệt.”

Điều đầu tiên Harry làm sau khi ngồi vào trong xe là đập mạnh hai tay lên vô lăng và lớn tiếng chửi thề. Anh cư xử không khác gì đứa trộm vặt mười hai tuổi bị bắt quả tang. Anh đã nói dối trắng trợn trước mặt Mathias. Một tên dối trá, khúm núm, khốn nạn.

Anh khởi động xe và nhả khớp ly hợp đột ngột như để trút giận lên cái xe. Giờ anh không còn sức đâu mà nghĩ đến điều đó nữa. Phải chuyển sự tập trung sang việc khác thôi. Vậy nhưng anh không sao làm nổi, đầu óc cứ liên tưởng bồn loạn trong lúc anh phóng xe vào trung tâm thành phố Oslo. Anh nghĩ đến những khiếm khuyết, hai núm vú phẳng lì đỏ chót nhìn như hai vết máu trên da trần, vết máu trên gỗ mộc. Không hiểu sao lời nhả của người diệt nấm mốc lại đột ngột ủa về trong tâm trí anh: “Chỉ còn cách sơn toàn bộ bức tường thành màu đỏ.”

Anh ta bị chảy máu. Harry khép hờ đôi mắt và cố hình dung ra vết cắt. Hẳn là phải sâu lắm thì máu mới dây tèm lem đến nỗi... đến nỗi chỉ còn cách sơn toàn bộ bức tường thành màu đỏ.

Harry bất thành linh đập mạnh chân phanh. Anh nghe tiếng còi inh ỏi, nhìn vào gương và trông thấy một chiếc Hiace trượt đi trên lớp tuyết mới bao phủ cho tới khi lốp xe bám được xuống đường, rồi lạng sang ngang bên cạnh xe anh và vượt lên.

Harry đá cửa ô tô rồi nhảy phắt ra ngoài và thấy rằng mình đang đứng bên sân vận động ở dưới chân khu Holmenkollveien. Anh hít một hơi thật sâu và

phá vỡ lối tư duy vốn đã thành hình, tháo rời từng mảnh để xem có ghép lại được không. Anh chấp nối chúng lại thật nhanh mà không hề có chút gượng ép. Bởi tự thân các mảnh ghép đã ăn khớp với nhau rồi. Mạch trong người anh đập dồn. Nếu sự thực đúng như anh nghĩ thì mọi chuyện sẽ hoàn toàn đảo lộn. Tất cả đều hợp lý, từ cách Người Tuyết lên kế hoạch ngấm ngầm thâm nhập vào cuộc sống của Harry, việc hấn bỗng nhiên xuất hiện và ung dung làm chủ cuộc chơi. Còn những thi thể, điều đó cũng giải thích được các thi thể đã biến đi đâu. Harry run rẩy châm thuốc lá và cố gắng tái hiện lại điều mình đã chứng kiến trong một tích tắc ngắn ngủi. Những chiếc lông gà cháy sém ở rìa.

Harry vốn không tin vào những thứ như linh ứng, thiên nhãn thông hoặc thần giao cách cảm, song anh tin vào may mắn. Không phải may mắn trời cho mà được vun đắp từng ngày bằng cách miệt mài phấn đấu và dặt nên tấm lưới thật tỉ mỉ để chờ thời cơ rơi vào tay mình. Nhưng lần này thì khác, đây chỉ là một sự ăn may. Là mèo mù vớ cá rán mà thôi. Dĩ nhiên còn phải xem suy đoán của anh có đúng hay không đã. Harry cúi nhìn và nhận ra mình đang lợi trong tuyết. Và lúc này hai chân anh đã chạm đất, theo đúng nghĩa đen.

Anh quay lại xe, lấy điện thoại ra và gọi cho Bjørn Holm.

“Gì vậy, Harry?” một giọng ngàn ngạt cất lên như đang ngái ngủ, suýt nữa anh không nhận ra.

“Nghe như cậu đang văng vất sau cơn say thì phải,” Harry nói, lòng chột sinh nghi.

“Được thể đã tốt,” Holm sục sịt đáp. “Rét vãi linh hồn. Đắp hai chân rồi mà vẫn lạnh cóng. Người ngợm đau như...”

“Nghe này,” Harry cắt ngang. “Cậu có nhớ lúc tôi bảo cậu đo thân nhiệt của ba con gà để xác định thời điểm Sylvia ở trong nhà kho làm thịt chúng không?”

“Có?”

“Rồi sau đó cậu nói một con ấm hơn hai con kia ấy.”

Bjørn Holm khịt mũi. “Có. Skarre nêu giả thuyết con gà đó bị sốt. Hợp lý quá còn gì.”

“Tôi cho rằng thân nhiệt của nó cao hơn vì nó bị giết sau khi Sylvia chết, hay nói cách khác là ít nhất phải một tiếng sau.”

“Thế à? Ai giết?”

“Người Tuyết.”

Harry nghe thấy một tiếng khịt vừa to vừa lâu của nước mũi bị rút ngược lên trên, rồi Holm đáp: “Ý anh là cô ta cầm cái rìu của Sylvia, quay lại đó và...”

“Không, cái rìu vẫn ở trong rừng. Đáng lẽ tôi phải nhận ra ngay khi nhìn thấy nó, nhưng lúc chúng ta kiểm tra xác lũ gà thì tôi còn chưa nghe nói về cái vòng dây điện.”

“Vậy lúc đó anh phát hiện được gì?”

“Một chiếc lông vũ bị xén đứt, cháy đen ở mép. Tôi cho rằng Người Tuyết đã sử dụng vòng dây.”

“Rồi,” Holm nói. “Nhưng cô ta giết gà làm quái gì chứ?”

“Để sơn toàn bộ bức tường thành màu đỏ.”

“Hả?”

“Tôi chợt nảy ra ý này,” Harry nói.

“Chết tiệt,” Bjørn Holm lẩm bẩm. “Cái ý đó của anh nghĩa là tôi phải bò ra khỏi giường chứ gì.”

“À...” Harry ngập ngừng nói.

Trời làm mưa tuyết hãn là vừa nghỉ lấy sức, vì đến ba giờ chiều thì thời tiết đầu lại vào đây, những bông tuyết dày xấp bắt đầu càn quét khắp Østland. Lớp tuyết ướt nhẹp xám xịt phủ lên con đường E16 ngoằn ngoèo đi lên từ Bærum.

Khi lên đến nơi cao nhất, Sollihøgda, Harry và Holm dừng xe tắt máy rồi dò dẫm bước trên đường rừng trơn trượt.

Năm phút sau Rolf Ottersen xuất hiện ở ngưỡng cửa trước mặt họ. Harry trông thấy Ane Pedersen đang ngồi ở sofa trong phòng khách phía sau lưng anh ta.

“Chúng tôi chỉ muốn kiểm tra lại sàn nhà kho một lần nữa,” Harry nói.

Rolf Ottersen đưa tay đẩy gọng kính trên sống mũi. Bjørn Holm ho sù sụ một tràng.

“Các anh cứ tự nhiên,” Ottersen nói.

Khi cùng Holm đi về phía nhà kho, Harry cảm thấy người đàn ông còm nhom vẫn đứng đó nhìn theo bọn họ.

Khúc gỗ dùng để chặt vẫn còn nguyên nhưng nơi đây giờ chẳng còn gà què gì nữa, cả sống lẫn chết. Sát tường có một chiếc xẻng đầu nhọn. Loại xẻng dùng để đào đất chứ không phải xúc tuyết. Harry bước tới chỗ tấm bảng treo dụng cụ. Đường nét của chiếc rìu lẽ ra phải ở đó khiến Harry liên tưởng đến vết phấn để lại sau khi xác chết đã được chuyển đi khỏi hiện trường gây án.

“Tôi tin rằng Người Tuyết đã quay lại đây và giết con gà thứ ba để tưới máu lên sàn. Vì không thể thay thế những tấm ván nên chỉ còn cách hô biến tất cả thành màu đỏ.”

“Lúc ở trong xe anh có nói rồi, nhưng mà tôi vẫn chưa hiểu mô tê gì.”

“Nếu muốn che giấu dấu vết màu đỏ, cậu có hai lựa chọn, loại bỏ chúng hoặc dùng sơn đỏ phết lên toàn bộ. Tôi nghĩ Người Tuyết cố ý che giấu điều gì đó. Hẳn là một manh mối.”

“Manh mối kiểu gì?”

“Một thứ màu đỏ không có cách nào loại bỏ được vì đã ngấm vào gỗ mộc.”

“Máu ư? Cô ta dùng máu để che giấu máu sao? Đó là ý tưởng của anh à?”

Harry chộp lấy cây chổi và quét sạch mùn cửa xung quanh khối gỗ. Anh ngồi thụp xuống và cảm thấy khẩu súng lục của Katrine giắt ở đai quần ấn vào da thịt. Anh chăm chú quan sát ván sàn. Trên đó vẫn còn vết tích có màu hơi hồng.

“Cậu có mang theo đồng ảnh chụp nhà kho không?” Harry hỏi. “Bắt đầu kiểm tra ở nơi nhiều máu nhất nhé. Chỗ đó cách khối gỗ một quãng, chỉ quanh đây thôi.”

Holm lấy xấp ảnh trong túi xách ra.

“Ta đều biết lớp máu trên cùng là máu gà,” Harry nói. “Nhưng hãy thử hình dung lớp máu thứ nhất bắn ra đã kịp thấm ướt và ngấm vào gỗ, vì thế không bị lẫn với lớp máu thứ hai được tưới lên trên sau đó khá lâu. Điều tôi thắc mắc là liệu cậu có thể tách lấy mẫu của loại máu thứ nhất được không, hay nói cách khác, loại máu đã ngấm vào gỗ ấy?”

Bjørn Holm chớp mắt tỏ vẻ chán nản. “Anh hỏi thế thì tôi biết trả lời thế quái nào?”

“Ừm,” Harry nói, “câu trả lời duy nhất tôi chấp nhận là có.”

Holm đáp lại bằng một cơn ho dài đằng đặc.

Harry thông thả quay lại nhà chính. Anh gõ cửa và Rolf Ottersen ra mở.

“Đồng nghiệp của tôi sẽ ở lại đây một lúc,” Harry nói. “Anh không phiền nếu thỉnh thoảng cậu ta xin trú nhờ một lúc cho ấm chứ?”

“Không sao,” Ottersen đáp với vẻ miễn cưỡng. “Các anh lại đào bới gì nữa đấy?”

“Tôi cũng đang muốn hỏi anh câu đó,” Harry nói. “Tôi thấy có đất dính trên cái xèng đằng kia.”

“À. Tôi làm hàng rào ấy mà.”

Harry đi kiểm tra mặt đất tuyết phủ trắng từ ngôi nhà dẫn vào sâu trong khu rừng tối tăm, cây mọc san sát. Anh tự hỏi không hiểu thứ gì đã khiến Ottersen phải dựng hàng rào để gìn giữ. Hoặc ngăn chặn. Bởi lẽ anh đã nhìn thấy một điều: nỗi sợ ánh lên trong đôi mắt của Rolf Ottersen.

Harry ra hiệu về phía phòng khách. “Anh có khách...” Chưa nói dứt lời thì điện thoại của anh đột ngột réo vang.

Là Skarre gọi.

“Chúng tôi vừa tìm thấy một con nữa,” anh ta nói.

Harry dõi mắt đăm đăm nhìn về phía khu rừng, cảm thấy những bông tuyết lớn đang tan ra trên má và trán anh.

“Cái gì nữa?” anh lầm bầm hỏi, dù đã đoán được câu trả lời qua giọng nói của Skarre.

“Một con người tuyết nữa.”

Bác sĩ tâm thần Kjersti Rødsmoen gọi điện cho FOB Knut Müller- Nilsen đúng vào lúc ông ta và Espen Lepsvik của Kripos đang chuẩn bị rời khỏi sở cảnh sát.

“Katrine Bratt chịu nói rồi,” chị ta thông báo. “Và tôi nghĩ các ông cần đến bệnh viện để nghe lời khai của cô ấy.”

ngày thứ hai mươi mốt

NHỮNG CHIẾC BẾ

Skarre lần theo những dấu vết trên tuyết để vào rừng, Harry đi đằng sau. Dù mới đầu giờ chiều nhưng không gian đã nhuộm màu u tối như báo hiệu mùa đông đang gần. Tháp thoáng phía trên cao là tháp truyền hình Tryvann, còn bên dưới kia là thành phố Oslo lấp lánh ánh đèn. Từ Sollihøgda Harry tới thẳng nơi đây và đánh xe vào bãi đỗ trống trải rộng thênh thang, nơi đám thanh niên vừa tốt nghiệp kéo đến tụ tập như lũ chuột lemming mỗi khi xuân sang để cùng hòa mình vào nghi lễ bắt buộc của giống loài: cuồng nhiệt trong vũ điệu quanh đồng lửa, ngất ngư trong men say và phóng túng đến hoang dại trong những cuộc giao hoan. Ở thời Harry, lễ ăn mừng tốt nghiệp chẳng dính dáng gì đến ô tô cả. Bên cạnh anh chỉ có đúng hai người bạn đồng hành: Bruce Springsteen và ca khúc *Independence Day* ông ổng phát ra từ chiếc cát xét đặt trên căn hầm quân sự của người Đức để lại ở bãi biển Nordstrand.

“Một người đi bộ đã phát hiện ra,” Skarre nói.

“Và cho rằng cần phải báo cảnh sát khi bắt gặp một người tuyết trong rừng sao?”

“Ông ta đi cùng chú chó. Nó... ừm... anh cứ tới rồi sẽ biết.”

Hai người bước vào một bãi đất quang đãng. Một người đàn ông trẻ tuổi đứng thẳng dậy khi trông thấy Skarre và Harry xuất hiện, anh ta tiến lại chỗ họ.

“Thomas Helle, Đơn vị Tìm kiếm Người Mất tích,” anh ta nói. “Chúng tôi rất mừng vì anh đã đến, anh Hole.”

Harry tròn mắt ngạc nhiên nhìn viên sĩ quan trẻ, nhưng rồi anh hiểu ra anh ta nói hoàn toàn nghiêm chỉnh.

Harry quan sát Đội Điều tra Hiện trường đang làm việc trên ngọn đồi phía trước mặt. Skarre khom người chui qua dải băng cách ly màu đỏ của cảnh sát, còn Harry thì bước qua. Một lối mòn vạch rõ con đường họ được phép đi lại để không phương hại đến những chứng cứ pháp y hiểm hoi còn chưa bị phá hủy. Các sĩ quan của Đội Điều tra Hiện trường nhận thấy sự có mặt của Harry và Skarre, họ lặng lẽ dạt sang một bên để quan sát hai người mới đến. Cứ như thế

họ đã chờ đợi điều này bấy lâu: một cơ hội để phô bày cảnh tượng. Và thăm dò phản ứng.

“Mẹ kiếp,” Skarre nói, lùi lại một bước.

Harry cảm thấy đầu mình bỗng lạnh buốt, chẳng khác nào máu huyết bị rút sạch khỏi não, để lại một cảm giác trống rỗng, tê liệt như đã chết.

Nguyên nhân không nằm ở các tiểu tiết, vì nhìn thoáng qua thì người phụ nữ lỏa thể kia không có vẻ gì là đã bị cắt xẻ dã man. Không như Sylvia Ottersen hay Gert Rafto. Điều khiến anh hãi hùng tột độ là cách thức sắp đặt, tính toán kỹ càng và thủ đoạn tàn độc. Thi hài được đặt phía trên hai quả cầu tuyết lớn chồng lên nhau tại một gốc cây, nhìn như người tuyết chưa hoàn thiện. Cái xác dựa vào thân cây nhưng không nghiêng ngả sang hai bên do đã bị cố định bởi sợi dây thép buộc vào một cành to phía trên cao. Một đầu sợi dây được uốn thành hình thòng lọng cứng đờ bao quanh cổ người phụ nữ mà không chạm vào cả vai lẫn cổ, nhìn giống như cái thòng lọng bất chợt đứng im khi đang tròng qua đầu nạn nhân. Hai cánh tay bị trói phía sau lưng. Cặp mắt nhắm nghiền và đôi môi khép lại khiến diện mạo người chết trông thật thanh thản, cứ ngỡ như đang ngủ.

Cảnh tượng ấy dễ khiến người ta tưởng rằng cái xác được đặt ở đó một cách ân cần tỉ mỉ. Cho tới khi những vết khâu trên làn da trần trụi, tái nhợt dần hiện rõ. Hai mép da nối với nhau bằng hàng chỉ gần như vô hình, được ngăn cách bởi một lần ranh rất mảnh và đều tăm tắp của máu đã thâm đen. Đường khâu thứ nhất cắt ngang thân trên, ngay phía dưới ngực người phụ nữ. Đường thứ hai chạy vòng quanh cổ. Quả là một tài nghệ tuyệt kỹ, Harry thầm nghĩ, vết khâu tuyệt không thấy lỗ chỉ, không xiên lệch.

“Trông cứ như mấy trò nghệ thuật trừu tượng,” Skarre nói. “Gọi là gì ấy nhỉ?”

“Nghệ thuật sắp đặt,” có tiếng người phía sau đáp.

Harry nghiêng đầu. Bọn họ nói đúng. Nhưng vẫn có điều gì đó bất hợp lý ẩn dưới vẻ bề ngoài của một công trình phẫu thuật không tì vết.

“Hắn chặt thi thể người phụ nữ này ra,” anh nói bằng giọng ghen ghen như đang bị ai đó chẹn cổ. “Rồi ghép lại như cũ.”

“Hắn á?” Skarre thắc mắc.

“Có lẽ là dễ dễ mang vác,” Helle đáp. “Tôi nghĩ tôi biết nạn nhân là ai rồi. Hôm qua chồng bà ấy báo tin vợ mình mất tích. Ông ấy đang trên đường tới đây.”

“Sao anh lại cho rằng đây là bà ấy?”

“Chồng bà ấy tìm thấy bộ đầm có vết cháy sém.” Helle chỉ tay về phía thi thể. “Vị trí cũng tương ứng với vết khâu kia.”

Harry cố tập trung thở đều. Giờ anh nhận ra điểm không hoàn hảo rồi. Người Tuyết này chưa hoàn thiện. Những nút thắt thô kệch và sợi dây thép bện trông thật xiên xẹo. Chúng có vẻ quấy quá, tùy tiện, thiếu chắc chắn. Như thế đây là một mô hình thử nghiệm, một lần tập dượt. Bản nháp đầu tiên của công trình còn dang dở. Và hắn trói tay nạn nhân ra sau lưng để làm gì chứ? Bà ấy hắn đã chết từ lâu trước khi được mang tới đây. Đó là một phần của mô hình ư? Anh hăng giọng.

“Tại sao không ai báo cho tôi sớm?”

“Tôi báo cáo với cấp trên, rồi sếp tôi mới báo lại cho giám đốc Sở,” Helle đáp. “Bọn tôi được dặn phải giữ kín vụ việc cho tới khi có thông báo mới. Tôi nghĩ lý do chắc là có liên quan tới...” anh ta liếc nhanh về phía các sĩ quan điều tra hiện trường, “nhân vật đào tẩu bí ẩn nọ.”

“Katrine Bratt ấy hả?” Skarre gợi ý.

“Tôi chưa nghe cái tên đó,” một giọng nói cất lên phía sau bọn họ.

Mọi người quay lại nhìn. Giám đốc Sở đang đứng đó, hai tay đút túi áo măng tô, chân giạng ra. Cặp mắt xanh lạnh lùng quan sát thi thể. “Thật xứng đáng góp mặt trong cuộc triển lãm nghệ thuật mùa thu.”

Những sĩ quan trẻ tuổi tròn mắt nhìn giám đốc Sở, người vẫn đứng im như tượng, chỉ quay sang nói với Harry.

“Nói riêng với anh vài lời nhé, thanh tra.”

Họ bước tới bên hàng rào cách ly.

“Thật là một mớ hổ lốn,” giám đốc Sở nói. Ông ta đứng đối diện với Harry nhưng ánh mắt lại lơ đãng nhìn xuống dòng sông ánh sáng phía dưới kia. “Chúng tôi vừa họp xong. Chính vì thế tôi mới phải gọi cậu ra nói chuyện riêng.”

“Ai họp cơ?”

“Điều đó không quan trọng, Harry ạ. Mấu chốt ở đây là chúng tôi đã đưa ra quyết định.”

“Vậy sao?”

Giám đốc Sở giậm mạnh chân trên tuyết, Harry thoáng băn khoăn không biết có nên nói với ông sếp của mình rằng ông ta đang phá hoại hiện trường vụ án không.

“Tôi đã định trao đổi chuyện này với cậu vào tối nay. Ở nơi nào đó yên tĩnh, đỡ bát nháo hơn. Nhưng tình hình đã trở nên cấp bách kể từ khi phát hiện ra xác nạn nhân mới. Chỉ vài tiếng nữa thôi là đám phóng viên sẽ vào cuộc. Thời gian còn lại không nhiều như kỳ vọng nên chúng ta đành phải công khai danh tính Người Tuyết trong buổi phát sóng trực tiếp. Và giải thích tại sao Katrine Bratt lại có thể được nhận vào làm để rồi âm thầm gây án mà không ai hay. Đương nhiên các cấp lãnh đạo sẽ đứng ra nhận trách nhiệm. Quản lý thì phải thế, khỏi nói cũng biết.”

“Thực sự vấn đề sếp muốn nói là gì?”

“Là sự tin nhiệm đối với Sở Cảnh sát Oslo. Bê bối cũng chịu tác động của lực hấp dẫn, Harry ạ. Càng từ trên cao trút xuống thì phạm vi ảnh hưởng đến toàn ngành càng rộng. Những cá nhân cấp thấp nếu phạm lỗi vẫn có thể cho qua. Nhưng một khi công chúng đã mất niềm tin vào năng lực của các cán bộ đầu ngành và khả năng kiểm soát tình hình ở một mức độ nào đó, thì coi như chúng ta đi đứt. Chắc cậu cũng hiểu nguy cơ chúng ta đang phải đối mặt lúc này.”

“Tôi đang vội lắm, sếp ạ.”

Ánh mắt giám đốc Sở kết thúc cuộc thăm thú chốn thành thị và trở về dán chặt vào vị thanh tra. “Cậu có biết *kamikaze* nghĩa là gì không?”

Harry đổi chân trụ. “Người Nhật, bị tẩy não, lái chiến đấu cơ quyết tử lao vào tàu sân bay của Mỹ?”

“Tôi cũng tưởng thế. Nhưng Gunnar Hagen lại nói người Nhật không hề sử dụng từ đó với nghĩa như vậy; những chuyên gia phá mã của Mỹ đã hiểu sai. *Kamikaze* là tên của một trận gió bão đã cứu sống quân Nhật trong trận chiến

với người Mông cổ vào khoảng thế kỷ mười ba. *Kamikaze* nghĩa đen là *thần phong*. Cái tên khá ấn tượng, phải không?”

Harry im lặng không đáp.

“Lúc này chúng ta đang cần một cơn gió như thế,” giám đốc Sở nói.

Harry chậm rãi gật đầu. Anh hiểu ra rồi. “Sếp muốn có người gánh tội vì đã bỏ nhiệm Katrine Bratt? Vì không phát giác ra âm mưu của cô ta? Vì toàn bộ đồng hồ lớn này, tóm lại là thế chứ gì?”

“Đề nghị ai đó hy sinh bản thân theo cách này thực sự chẳng dễ dàng gì. Nhất là khi nhờ có sự hy sinh của người ta mà mình được tai qua nạn khỏi. Nhưng cậu cũng phải hiểu rằng tất cả là vì lợi ích chung của tập thể thay vì một cá nhân.” Ánh mắt của giám đốc Sở lại hướng về phía thành phố bên dưới. “Phải nhìn vào đại cục, Harry ạ. Bao mồ hôi nước mắt, rồi cả lòng tận trung, và đôi khi là những lần quên mình vì nhiệm vụ. Đại cục mới là thứ đáng để hy sinh tất cả.”

Harry đưa tay xoa mặt. Phán bội. Đâm sau lưng. Hèn hạ. Anh cố xoa dịu lửa giận bùng bùng. Tự nhủ những lời giám đốc Sở nói đều đúng. Phải có người chấp nhận hy sinh, tội trạng nên trút xuống đầu nhân vật càng thấp cổ bé họng càng tốt. Như thế cũng hợp lý thôi. Đúng là lẽ ra anh phải phát hiện được âm mưu của Katrine từ trước.

Harry đứng thẳng lên. Lạ thay, về một mặt nào đó, anh lại cảm thấy gần như nhẹ lòng. Từ rất lâu rồi anh đã có linh cảm sự nghiệp của mình sẽ kết thúc như thế này đây, lâu đến nỗi anh đã nghiễm nhiên chấp nhận điều ấy. Cái cách những đồng nghiệp trong Hội Cảnh sát Quá cố ra đi: không kèn không trống, không huân huy chương, không có bất cứ điều gì ngoài lòng tự tôn và sự kính trọng của những người hiểu họ - một vài cá nhân ít ỏi biết được mục đích thực sự của việc ra đi ấy. Là vì đại cục.

“Tôi hiểu,” Harry nói. “Và tôi chấp nhận. Sếp sẽ phải hướng dẫn tôi cách ứng đáp để tôi biết hành xử cho đúng ý sếp. Tuy vậy, tôi vẫn nghĩ rằng chúng ta nên lùi cuộc họp báo lại vài tiếng cho tới khi tìm hiểu thêm được đôi điều nữa.”

Giám đốc Sở lắc đầu. “Cậu chưa hiểu ý tôi rồi, Harry.”

“Có thể có vài tình tiết mới hé lộ trong vụ án.”

“Cậu không phải là người giờ đầu chịu báng.”

“Chúng tôi đang kiểm tra để...” Harry ngưng bật. “Sếp vừa bảo gì cơ?”

“Đề xuất ban đầu là thế, nhưng Gunnar Hagen không tán thành. Vì vậy ông ấy sẽ đứng ra nhận trách nhiệm. Lúc này ông ấy đang ở văn phòng viết đơn từ chức. Tôi chỉ muốn nhắc để cậu biết thời gian diễn ra cuộc họp báo.”

“Hagen ư?” Harry hỏi.

“Một chiến sĩ mẫu mực,” giám đốc Sở nói, vỗ vai Harry. “Tôi đi đây. Họp báo lúc tám giờ ở Đại sảnh, nhớ nhé.”

Harry nhìn theo bóng lưng giám đốc Sở dần mất hút phía đằng xa, bỗng anh cảm thấy điện thoại rung lên trong túi áo. Anh nhìn màn hình trước khi bắt máy.

“*Love me tender*, Bjørn Holm nói bằng tiếng Anh. “Tôi đang ở Viện Pháp y.”

“Cậu thu được những gì rồi?”

“Máu ngấm vào ván sàn là máu người. Cô giám định viên bảo rằng thật không may, mẫu máu thường được đề cao quá mức trong việc phân tích ADN, thế nên cô ấy nghĩ chưa chắc đã tìm được vật chất tế bào để xác định ADN. Tuy nhiên cô ấy đã làm xét nghiệm nhóm máu, anh đoán xem kết quả thế nào.”

Bjørn Holm lấp lửng chờ đợi, sau đó anh chàng hiểu ra Harry rõ là chẳng có hứng thú chơi *Ai là triệu phú* nên đành phải tự mình nói tiếp.

“Có một nhóm máu giúp loại bỏ được phần lớn kẻ tình nghi, đại loại là thế. Tỷ lệ người sở hữu nhóm máu này là hai phần trăm, và trong toàn bộ hồ sơ tội phạm của chúng ta chỉ có một trăm hai mươi ba đối tượng thuộc diện đó. Nếu Katrine Bratt nằm trong số hai phần trăm nói trên thì đó là bằng chứng hùng hồn cho thấy cô ta đã chảy máu tại nhà kho của Ottersen.”

“Cậu gọi cho Phòng Điều tra để xác nhận nhé. Họ có thông tin nhóm máu của tất cả các sĩ quan ở Sở đấy.”

“Vậy sao? Xời, để tôi kiểm tra luôn.”

“Nhưng chớ có thất vọng nếu phát hiện cô ấy không thuộc nhóm máu B-.”

Harry lắng nghe cậu đồng nghiệp ở đầu dây bên kia chết lặng vì kinh ngạc, anh kiên nhẫn chờ đợi.

“Thánh thật, anh làm thế nào mà lại biết là B- thế?”

“Cậu làm thế nào đến gặp tôi ở khoa Giải phẫu thật nhanh được không?”

Lúc này là sáu giờ, những nhân viên không có giờ làm việc ở Bệnh viện Sandviken đều đã ra về từ trước. Thế nhưng văn phòng của Kjersti Rødsmoen vẫn sáng đèn. Vị bác sĩ tâm thần nhận thấy Knut Müller-Nilsen và Espen Lepsvik đã mở sổ sẵn sàng để ghi chép, chị ta cũng cúi xuống cuốn sổ của mình và bắt đầu vào việc.

“Katrine Rafto kể với tôi rằng cô ấy yêu cha hơn hết thảy mọi thứ trên đời.” Chị ta ngược nhìn hai người đàn ông. “Hồi báo chí ném đá Rafto vì tính tình hung bạo, cô ấy vẫn còn là một đứa trẻ. Katrine bị tổn thương, sợ hãi và vô cùng rối loạn. Cô bé bị các bạn ở trường bắt nạt vì những điều viết trên báo. Không lâu sau đó, cha mẹ cô chia tay. Năm Katrine mười chín tuổi, cha cô đột nhiên biến mất cùng thời điểm xảy ra vụ án một phụ nữ bị giết ở Bergen và một phụ nữ khác mất tích. Cuộc điều tra bị hủy bỏ, nhưng trong sổ cảnh sát và ngoài dư luận cho rằng chính cha của Katrine đã giết hai nạn nhân trên rồi tự tử vì biết mình không thể thoát tội. Chính vào lúc đó cô đã quyết định sẽ gia nhập ngành cảnh sát, phá án và báo thù cho cha.”

Kjersti Rødsmoen ngẩng lên. Hai người đàn ông không ai ghi chép gì; họ chỉ ngồi đó nhìn chị ta.

“Vây là học xong trường luật, cô ấy nộp đơn vào Học viện Cảnh sát,” Rødsmoen nói tiếp. “Và khi ra trường, cô ấy xin vào làm trong Đội Hình sự ở Bergen. Tại đây, cô ấy nhanh chóng đi sâu tìm hiểu vụ án của cha mỗi khi có thời gian rảnh. Nhưng rồi việc này bại lộ và bị cấm, nên Katrine xin sang Đơn vị Phòng chống Tội phạm Tình dục. Những điều tôi nói đều đúng cả chứ?”

“Đúng,” Müller-Nilsen nói.

“Cấp trên đã sắp xếp để cô ấy không có cơ hội tiếp cận cuộc điều tra về Rafto, vì vậy Katrine chuyển sang tìm hiểu những vụ án có liên quan. Trong khi xem xét báo cáo của các vụ mất tích xảy ra trên cả nước, cô chợt phát hiện một chi tiết đáng chú ý. Đó là, kể từ sau khi cha cô biến mất, nhiều phụ nữ khác cũng mất tích và những trường hợp này ẩn chứa một số điểm tương đồng với vụ Onny Hetland.” Kjersti Rødsmoen lật sang trang sau. “Tuy nhiên, để tình hình tiến triển hơn thì cô ấy cần phải được trợ giúp, và Katrine biết không

thể mong chờ điều đó ở Bergen. Bởi thế, cô quyết tâm tìm cách giao vụ án vào tay người có kinh nghiệm điều tra về sát nhân hàng loạt. Tuy nhiên, phải làm sao để không ai biết rằng cô, con gái của Rafto, là người đứng đằng sau.”

Espen Lepsvik, sĩ quan thuộc Kripas, chậm rãi lắc đầu trong lúc Kjersti nói tiếp.

“Sau khi tìm hiểu kỹ càng, nhân vật được chọn là thanh tra Harry Hole thuộc Đội Hình sự ở Oslo. Cô ấy viết một bức thư cho anh ta và ký tên bằng biệt danh bí hiểm: Người Tuyết, nhằm khơi gợi sự tò mò của anh ta, ngoài ra còn vì trong lời khai của một số nhân chứng liên quan đến những vụ mất tích có nhắc tới người tuyết. Chi tiết người tuyết cũng được đề cập trong bản ghi chép của cha cô về vụ giết người trên đỉnh núi Ulriken. Khi Đội Hình sự Oslo đăng tin tuyển thanh tra và ưu tiên ứng viên là nữ, Katrine nộp hồ sơ và được mời phỏng vấn. Cô ấy nói họ đồng ý nhận cô khi cô thậm chí còn chưa kịp ngồi xuống.”

Rødsmoen ngừng nói, nhưng hai người kia vẫn im thin thít nên chị ta lại tiếp tục kể. “Ngay ngày đầu tiên đi làm, Katrine tìm mọi cách tiếp xúc với Harry Hole và được tham gia tổ điều tra. Dựa vào những thông tin thu được về Hole và chuyên án, cô có thể thao túng, dẫn dắt anh ta tìm hiểu về Bergen và vụ mất tích của cha cô một cách khá dễ dàng. Cũng nhờ sự giúp đỡ của Hole mà cô tìm thấy cha mình. Trong chiếc tủ đông lạnh trên đảo Finnøy.”

Kjersti tháo cặp kính đang đeo ra.

“Không khó hình dung hoàn cảnh ấy chính là căn nguyên gây ra phản ứng về mặt tâm lý. Tình trạng stress càng thêm trầm trọng khi ba lần cô ấy tưởng rằng kẻ sát nhân đã lộ diện. Đầu tiên là Idar Vetlesen, rồi đến...” chị ta giơ cuốn sổ ghi chép ra xa tầm mắt và đọc, “... Filip Becker. Cuối cùng là Arve Støp. Thế mà lần nào cũng bắt nhầm người. Đích thân cô ấy đã ép Støp nhận tội nhưng rồi đành từ bỏ khi hiểu ra ông ta không phải là kẻ mình đang săn lùng. Cô ấy bỏ trốn khỏi nhà ông ta khi biết đồng nghiệp đang trên đường tới đó, nói rằng không muốn bị bắt khi còn chưa hoàn thành nhiệm vụ. Đó là vạch mặt hung thủ. Đến lúc này, có thể kết luận chứng loạn thần của Katrine đã ở mức rất nghiêm trọng. Cô ấy trở lại Finnøy và tin chắc Hole sẽ tìm được mình. Và quả nhiên cô ấy đoán không sai. Khi Hole xuất hiện, cô ấy tước vũ khí của

anh ta để khiến anh ta chịu lắng nghe cô chỉ dẫn bước tiếp theo trong cuộc điều tra.”

“Tước vũ khí ư?” Müller-Nilsen hỏi. “Theo như chúng tôi biết, cô ta đã ngoan ngoãn đầu hàng đấy chứ.”

“Cô ấy nói vết thương trên miệng là do Harry Hole gây ra khi cô ấy mất cảnh giác,” Kjersti Rødsmoen đáp.

“Lời nói của một kẻ loạn tinh thần liệu có tin được không?” Lepsvik hỏi.

“Cô ấy không còn loạn tinh thần nữa,” Rødsmoen tuyên bố chắc nịch. “Chúng tôi sẽ giữ cô ấy lại theo dõi thêm vài ngày, nhưng sau đó các anh nên chuẩn bị để tiếp nhận cô ấy đi. Nếu như các anh vẫn còn coi cô ấy là kẻ tình nghi.”

Dư âm của câu nói sau cùng vang vọng mãi, cho tới khi Espen Lepsvik nhòai người qua bàn.

“Phải chăng như vậy nghĩa là chị tin những lời Katrine Bratt nói là sự thật?”

“Điều đó không thuộc lĩnh vực chuyên môn của tôi, và tôi không thể đưa ra bình luận gì được,” Rødsmoen đáp và gấp sổ lại.

“Thế nếu tôi hỏi chị với tư cách không phải chuyên gia thì sao?”

Một nụ cười thoáng nở trên môi Rødsmoen. “Tôi nghĩ anh hãy cứ giữ lấy niềm tin của mình, thanh tra ạ.”

Bjørn Holm đi bộ một quãng ngắn từ Viện Pháp y sang khoa Giải phẫu ở kế bên và đợi sẵn trong gara khi Harry lái xe từ Tryvann tới. Đứng cạnh Holm là một kỹ thuật viên mặc đồ bảo hộ màu xanh lá cây, tai xỏ khuyên, chính là người đã đẩy chiếc bàn chở xác đi ra trong lần gần đây nhất Harry tới nơi này.

“Hôm nay Lund-Helgesen không đi làm,” Holm nói.

“Vậy chắc phải nhờ cậu dẫn bọn tôi đi thăm thú một vòng,” Harry nói với kỹ thuật viên.

“Chúng tôi không được phép cho...” người mặc đồ bảo hộ xanh lên tiếng, nhưng lập tức bị Harry ngắt lời.

“Tên cậu là gì?”

“Kai Robøle.”

“Được rồi, Robølle,” Harry nói và giơ thẻ cảnh sát ra. “Tôi cho phép đấy.”

Robøle nhún vai và mở khóa cửa. “Các anh may lắm mới gặp được ai ở đây. Cứ sau năm giờ là vắng người.”

“Tôi thấy hình như các cậu rất hay phải làm thêm giờ,” Harry nói.

Robøle lắc đầu. “Không phải dưới tầng hầm với đám chết queo ấy. Bọn tôi thích làm việc vào ban ngày cơ.” Anh ta mỉm cười dù khuôn mặt chẳng có vẻ vui tươi. “Các anh muốn xem gì?”

“Những thi hài mới nhất,” Harry nói.

Anh chàng kỹ thuật viên mở khóa và dẫn họ đi qua hai cửa ra vào, tới một căn phòng ốp gạch có tám cái bể ngầm, mỗi bên bốn cái với một lối đi hẹp ở giữa. Bể nào cũng có nắp đậy bằng kim loại.

“Bọn họ ở dưới này,” Robøle nói. “Mỗi bể bốn người. Các bể đều chứa đầy cồn.”

“Ngon,” Holm nhỏ giọng nói.

Không biết có phải người kỹ thuật viên cố tình hiểu sai ý Holm hay không mà lại đáp, “Bốn mươi phần trăm, không pha.”

“Vậy là ba mươi hai cái xác,” Harry nói. “Tất cả có chừng ấy à?”

“Chúng tôi giữ khoảng bốn mươi thi hài, nhưng đây là những thi hài mới nhất. Khoa để họ nằm dưới đó chừng một năm trước khi đưa vào sử dụng.”

“Họ được chuyển tới đây bằng cách nào?”

“Bằng ô tô từ nhà tang lễ. Một số là do chúng tôi tự đi nhận về.”

“Các cậu mang vào qua gara à?”

“Vâng.”

“Sau đó thì sao?”

“Sau đó á? Ừm, chúng tôi tiến hành bảo quản, rạch một phần ở phía trên đùi và bơm thuốc hãm vào. Như thế sẽ giữ được lâu. Tiếp đó chúng tôi làm một cái thẻ bằng kim loại và đập mã số in trên hồ sơ vào.”

“Hồ sơ nào?”

“Hồ sơ kèm theo mỗi thi hài ấy mà. Tất cả được lưu ở văn phòng. Một tấm thẻ gắn vào ngón chân, một ở ngón tay, và một ở tai. Chúng tôi cố gắng lưu trữ thông tin về các bộ phận ngay cả khi đã chia tách, để thi hài được toàn vẹn nhất có thể khi đến lúc cần đưa đi hỏa táng.”

“Các cậu có thường xuyên kiểm tra đối chiếu các thi hài với thông tin trong hồ sơ không?”

“Kiểm tra ấy à?” Anh ta gãi gãi đầu. “Chỉ khi nào cần chuyển đi thôi. Phần lớn thi hài được lưu giữ ở Oslo này để đưa tới các trường đại học ở Tromsø, Trondheim và Bergen khi nguồn cung ở đó khan hiếm.”

“Vậy có thể xảy ra trường hợp có thi hài nào đó được lưu giữ trái phép ở đây chứ?”

“Không đâu. Những người hiến xác cho Viện đều nêu rõ nguyện vọng trong di chúc mà.”

“Đấy chính là điều tôi đang thắc mắc,” Harry nói, ngồi thụp xuống bên cạnh một cái bể.

“Gì cơ?”

“Nghe này, Robøle. Tôi sẽ hỏi cậu một câu hỏi giả định. Và tôi muốn cậu suy nghĩ thật kỹ trước khi trả lời. Được không nào?”

Anh chàng kỹ thuật viên mau mắn gật đầu.

Harry đứng thẳng dậy. “Liệu có thể xảy ra trường hợp một người nào đó lợi dụng quyền được ra vào nơi này để đưa các xác chết tới đây vào ban đêm bằng lối đi thông qua gara, gắn thẻ kim loại có mã số giả rồi đặt cái xác vào một trong những cái bể này và tự tin cho rằng khả năng khá cao là nó sẽ không bao giờ bị phát hiện hay không?”

Kai Robøle ngáp ngừng. Rồi lại gãi đầu. Lướt một ngón tay dọc theo hàng khayên tai.

Harry đổi chân trụ. Miệng Holm lúc này đã hé mở.

“Theo cách nào đó thì đúng,” Robøle đáp. “Chẳng có gì ngăn được điều ấy xảy ra cả.”

“Chẳng có gì ngăn được ư?”

Robøle lắc đầu và bật ra tiếng cười ngắn ngủi. “Không, thực sự là không. Việc anh nói hoàn toàn khả thi.”

“Trong trường hợp đó, tôi cần kiểm tra các thi hài ngay.”

Robøle ngược nhìn viên cảnh sát cao nghều. “Ở đây? Bây giờ ư?”

“Cậu có thể bắt đầu từ phía cuối hàng bên trái.”

“Tôi nghĩ cần phải gọi điện cho ai đó để xin phép đã.”

“Nếu cậu muốn làm chậm quá trình điều tra án mạng của chúng tôi thì cứ việc.”

“Án mạng á?” Robøle nheo một bên mắt.

“Đã nghe nói đến Người Tuyết bao giờ chưa?”

Robøle chớp mắt hai cái. Rồi anh ta quay người bước tới chỗ những sợi xích của hệ thống ròng rọc được lắp động cơ gắn trên trần, kéo xuống cho chạm tới chiếc bể với một tiếng lạch xạch rõ to, sau đó lồng vào hai cái móc gắn trên nắp bể bằng kim loại, cầm lấy điều khiển từ xa và bấm nút. Ròng rọc rung lên ì ì và sợi xích bắt đầu cuộn lại. Harry và Holm chăm chú dõi theo nắp bể đang từ từ nâng lên. Gắn cố định bên dưới cái nắp là hai tấm kim loại nằm ngang, một tấm trên một tấm dưới, được ngăn cách bằng một vách đứng. Ở mỗi bên của phần trung tâm có đặt một thi thể lỏa lồ trắng toát. Trông họ chẳng khác gì những con búp bê nhợt nhạt, ấn tượng đó càng được tô đậm nhờ những mảng cắt hình chữ nhật đen sì trên đùi. Khi cái nắp nâng lên đến ngang hông, kỹ thuật viên bấm nút dừng. Trong sự im lặng bao trùm sau đó, ba người nghe thấy tiếng thở dài náo nức của những giọt còn nhỏ tong tong, vọng khắp căn phòng ốp gạch trắng.

“Thế nào?” Robøle hỏi.

“Không phải,” Harry nói. “Tiếp đi.”

Kỹ thuật viên lặp lại quy trình trên. Bốn thi thể mới được nâng lên từ bên dưới cái bể cạnh đó.

Harry lắc đầu.

Khi bộ tứ thứ ba hiện ra trước mắt, Harry giật bản mình. Kai Robøle nhằm tường phản ứng ấy của Harry là do kinh hãi, anh ta mỉm cười đắc chí.

“Cái gì thế kia?” Harry hỏi, chỉ tay về phía xác người phụ nữ không đầu.

“Chắc là được trường đại học nào đó trả về,” Robøle đáp. “Thi hài ở đây ban đầu thường nguyên vẹn lắm.”

Harry cúi xuống sờ thử. Thi thể lạnh toát, cảm giác săn chắc phi tự nhiên do ngâm trong thuốc hãm. Anh lướt ngón tay lên mép vết cắt. Mặt cắt nhẵn nhụi, phần thịt tái nhợt.

“Chúng tôi dùng dao mổ để xử lý phần bên ngoài, sau đó dùng cửa lưới mảnh,” anh chàng kỹ thuật viên giảng giải.

“Ừm.” Harry nhào người qua thi thể, tóm lấy cánh tay phải của cô ta và kéo về phía mình để cô ta xoay sang đối diện với anh.

“Anh làm cái gì đấy?” Robøle hét toáng lên.

“Cậu thấy trên lưng cô ta có gì không?” Harry hỏi Holm đang đứng phía bên kia cái xác.

Holm gật đầu. “Một hình xăm. Nhìn như quốc kỳ vậy.”

“Của nước nào?”

“Chịu. Cờ ba màu xanh lá cây, vàng và đỏ. Với ngôi sao năm cánh ở giữa.”

“Ethiopia,” Harry nói và buông tay ra, cái xác lại trở về vị trí cũ. “Người phụ nữ này không tự nguyện hiến xác mà bị hiến, có thể nói như vậy. Cô ta chính là Sylvia Ottersen.”

Kai Robøle cứ chớp mắt liên tục như thể hy vọng xua tan được thứ gì đó nếu chớp đủ số lần.

Harry đặt tay lên vai anh ta. “Cậu hãy liên hệ với người có thẩm quyền xem xét hồ sơ của các thi hài và kiểm tra toàn bộ số hồ sơ đó. Làm ngay nhé. Giờ tôi phải đi đây.”

“Chuyện gì thế này?” Holm hỏi. “Thực sự tôi không tài nào hiểu nổi.”

“Cố lên,” Harry nói. “Hãy quên tất cả những gì cậu tưởng mình đã biết, và cố nghĩ xem.”

“Được rồi, nhưng chuyện gì đang diễn ra vậy?”

“Có hai điều có thể trả lời cho câu hỏi đó,” Harry đáp. “Điều thứ nhất là chúng ta sắp bắt được Người Tuyết rồi.”

“Thế còn điều thứ hai?”

“Tôi cũng không biết nữa.”

PHẦN NĂM

thứ tư, ngày 5 tháng mười một năm 1980

NGƯỜI TUYẾT

Hôm ấy là ngày tuyết bắt đầu rơi. Lúc mười một giờ sáng, những bông tuyết lớn xuất hiện trên bầu trời toàn một màu trắng, xâm chiếm những cánh đồng, vườn tược và bãi cỏ ở Romerike chẳng khác nào chiến hạm đội tràn vào từ ngoài vũ trụ.

Mathias ngồi một mình trong xe của mẹ, chiếc Toyota Corolla đỗ phía trước một ngôi nhà ở Kolloveien. Nó không hiểu mẹ đang làm gì trong ngôi nhà kia. Mẹ nói sẽ không ở lại đó lâu. Thế mà từ lúc mẹ đi đến giờ đã lâu lắm rồi. Mẹ để lại chìa khóa ở ổ khóa điện, radio trong xe đang phát ca khúc *Under snø* của Dollie, ban nhạc nữ mới ra mắt. Nó đá cửa xe rồi bước ra ngoài. Tuyết rơi đã khiến những ngôi nhà chìm trong không khí tĩnh mịch gần như khác thường. Nó cúi xuống, vốc đầy tay một đống tuyết trắng dính dính và nặn thành quả bóng.

Hôm nay ở trường bọn trẻ thi nhau ném bóng tuyết vào người nó và gọi nó là *Mathias Không Ti*, toàn những đứa mang tiếng là bạn học cùng lớp 7A với nó. Nó ghét trường trung học, ghét cái tuổi mười ba. Mọi chuyện bắt đầu sau tiết Thể dục, khi lũ bạn phát hiện ra nó không có đầu ti. Bác sĩ bảo đó có thể là bệnh di truyền, và Mathias đã phải làm một vài xét nghiệm để phát hiện bệnh. Mẹ kể với bố con nó rằng ông ngoại, người qua đời từ khi mẹ còn nhỏ, cũng mang khiếm khuyết y như nó vậy. Thế nhưng lúc xem mấy album ảnh của bà, Mathias tìm được một tấm hình chụp ông đang nhổ cỏ, ông cởi trần mặc quần dài có dây đeo. Hồi ấy rõ ràng ông có ti đấy chứ.

Mathias ép cho quả bóng tuyết trên tay nén chặt hơn. Lúc này nó chỉ muốn ném ai đó thôi. Ném thật mạnh. Thật đau. Tiếc là quanh đây chẳng có người nào. Vậy thì nó tự tay làm ra người để ném vậy. Nó đặt quả bóng ép chặt lên tuyết bên cạnh gara, rồi bắt đầu lăn tròn. Những tinh thể tuyết đan vào nhau. Sau một hồi lăn quanh bãi cỏ, quả bóng đã biến thành quả cầu cao đến ngang bụng Mathias, để lại phía sau một vệt cỏ nâu úa tàn. Thằng bé tiếp tục lăn. Khi không thể đẩy được nữa, nó bắt tay vào làm quả cầu thứ hai. Quả cầu này cũng

thật to. Chặt vật lăm nó mới bê được để đặt trên quả cầu thứ nhất. Tiếp đó nó nặn cái đầu, rồi trèo lên đặt ở trên cùng. Người tuyết giờ đây đứng cạnh một trong những ô cửa sổ. Có tiếng động từ trong nhà vọng ra. Mathias bẻ hai cành táo nhỏ và cắm vào hai bên thân người tuyết. Nó cạy mấy viên sỏi ở lối đi trước nhà rồi lại trèo lên người tuyết, ấn hai viên vào làm mắt và một hàng bên dưới để được cái miệng đang ngoác ra cười. Nó gác chân lên hai bên đầu người tuyết, ngồi trên vai người tuyết và nhìn trộm qua cửa sổ.

Trong căn phòng sáng sủa có một người đàn ông cởi trần đang đứng đưa đẩy hông từ sau ra trước, hai mắt nhắm nghiền, nhìn như đang khiêu vũ vậy. Trên chiếc giường trước mặt ông ta thò ra một cặp chân dang rộng. Mathias tuy không nhìn được nhưng vẫn biết người nằm đó là Sara. Là mẹ của nó. Bọn họ đang làm chuyện người lớn.

Mathias ép chặt đùi vào hai bên đầu người tuyết, cảm thấy cái lạnh thấm vào nơi đũng quần. Nó không sao thở nổi, tưởng như có một sợi dây thép đang thít lấy cổ.

Gã đàn ông liên tục thúc vào người mẹ nó. Mathias nhìn xoáy vào ngực ông ta, trong lúc ấy, cái lạnh tê tái lan dần từ đũng quần lên bụng, và cứ thế truyền đến tận trên đầu. Ông ta đang làm tình với mẹ. Giống như mấy cuốn tạp chí mô tả. Không lâu nữa ông ta sẽ đưa giống vào người mẹ nó. Và ông ta không có đầu ti.

Bất thành lình người đàn ông ngừng lại. Mở mắt. Cặp mắt ấy đang chiếu thẳng về phía Mathias.

Hai chân Mathias thả lỏng, nó tụt xuống từ trên lưng người tuyết, co ro ngồi im như thóc và chờ đợi. Đầu óc nó quay cuồng. Nó là đứa thông minh, hiểu chuyện, ai cũng bảo thế. Tính tình tuy khác người nhưng được cái rất sáng dạ, đó là lời các thầy cô giáo nhận xét về Mathias. Bởi vậy, mọi ý nghĩ trong đầu nó lúc này đang dần ăn khớp với nhau, giống như những mảnh ghép của trò chơi xếp hình nó đã chơi suốt bấy lâu nay. Chỉ có điều bức tranh dù đã thành hình nhưng nó vẫn không hiểu và không sao chấp nhận nổi. Đó không thể là sự thật. Đó chắc chắn là sự thật.

Mathias lắng nghe nhịp thở gấp gáp của chính mình.

Đúng là thật rồi. Đơn giản là nó biết thôi. Mọi chuyện giờ đã sáng tỏ. Cách cư xử lạnh nhạt của mẹ đối với bố. Những lần nói chuyện họ tưởng nó không nghe thấy; những lần bố dọa nạt lần cầu xin trong tuyệt vọng để mẹ ở lại, không chỉ vì bố mà quan trọng là vì Mathias, Chúa ơi, chẳng phải vợ chồng đã có với nhau một mặt con hay sao?! Rồi mẹ nó phá lên cười chua chát. Tầm ảnh chụp ông ngoại trong cuốn album, những lời dối trá của mẹ. Dĩ nhiên Mathias không tin khi thằng bạn cùng lớp tên Stian nói với nó rằng mẹ Mathias Không Ti có bồ sống ở vùng cao nguyên, di nó kể với nó thế. Mathias không tin vì Stian cũng như những đứa khác, rất một lũ ngu ngốc, không hiểu chuyện. Không hiểu ngay cả khi Stian phát hiện ra xác con mèo nhà mình treo lủng lẳng trên đỉnh cột cờ ở trường hai ngày sau đó.

Bố nó không hề hay biết. Từng tế bào trong cơ thể Mathias nói với nó rằng bố cứ tưởng nó là... là con mình. Và tuyệt đối không được để bố biết sự thật này. Không bao giờ. Nếu biết, chắc bố không sống nổi mất. Mathias thà chết còn hơn để điều đó xảy ra. Phải rồi, đây chính là điều nó muốn. Nó muốn chết quách cho xong, muốn bỏ đi thật xa, xa khỏi mẹ nó, trường học, Stian, và... tất cả mọi thứ. Nó đứng dậy, giơ chân đá người tuyết một cú rồi chạy ra xe.

Nó sẽ lôi cả mẹ theo. Bà ta sẽ chết cùng với nó.

Khi mẹ bước ra và nó mở cửa xe, gần bốn mươi phút đã trôi qua kể từ lúc mẹ nó vào căn nhà ấy.

“Có chuyện gì không ổn hả con?” mẹ hỏi.

“Phải,” Mathias đáp, nhích người sang chỗ khác trên ghế sau để mẹ trông thấy mình trong gương. “Con nhìn thấy nó.”

“Con nói vậy là sao?” Mẹ hỏi, cầm chìa khóa vào ổ và vặn.

“Người Tuyết...”

“Người Tuyết đó trông thế nào?” Chiếc xe khởi động với một tiếng gầm, mẹ nó nhả khớp ly hợp đột ngột khiến Mathias suýt đánh rơi cái kích xe đang cầm trên tay.

“Bố đang đợi mẹ con mình đây,” mẹ nói. “Chúng ta về thôi.”

Mẹ bật radio lên. Chỉ có phát thanh viên ra rả nói về các cuộc bầu cử ở Mỹ và về Ronald Reagan. Nhưng mẹ vẫn cho tăng âm lượng. Chiếc xe vượt qua

đỉnh đồi rồi đi xuống để ra đường cái và dòng sông. Trên cánh đồng phía trước mặt, những gốc rạ vàng ệch cứng dơ nhô lên từ dưới tuyết.

“Chúng ta sắp chết rồi,” Mathias nói.

“Con bảo gì cơ?”

“Chúng ta sắp chết rồi.”

Mẹ nó vặn nhỏ radio xuống. Mathias chuẩn bị tinh thần. Nó chồm người tới, lách qua chỗ trống giữa hàng ghế, tay giơ cao.

“Chúng ta sắp chết rồi,” nó thì thào.

Rồi nó bổ mạnh xuống.

Cái kích đập vào phía sau đầu mẹ nó với một tiếng bộp. Nhưng xem chừng mẹ không có phản ứng gì cả, chỉ như thờ ra mà thôi, vậy là nó bồi thêm một cú. Và một cú nữa. Chiếc xe chồm lên khi chân mẹ trượt khỏi bàn đạp phanh, nhưng mẹ vẫn không hề lên tiếng. Có lẽ cái thứ phát ra tiếng nói trong não bà ta đã bị đập vỡ rồi, Mathias thầm nghĩ. Khi cú đánh thứ tư giáng xuống, nó cảm thấy đầu mẹ lả đi như thể đã trở nên mềm oặt. Cái xe lăn bánh về phía trước và tăng tốc nhưng nó biết mẹ mình đã bất tỉnh. Chiếc Toyota Corolla cắt ngang đường cái và cứ thế băng qua cánh đồng ở phía bên kia. Tuyết làm cho xe chạy chậm lại nhưng không đủ sức khiến nó dừng hẳn. Thế rồi xe chạm tới mặt nước và từ từ trườn xuống dòng sông mênh mông, đen ngòm. Cái xe chao nghiêng và bất động trong giây lát trước khi dòng nước cuốn lấy nó, khiến nó xoay tròn. Nước tràn vào qua các khe hở ở cửa và thân xe, qua những tay nắm và cửa sổ ở hai bên trong lúc xe bồng bênh trôi theo dòng nước. Mathias nhìn ra ngoài qua cửa sổ, vẫy tay với chiếc ô tô chạy trên đường cái, nhưng xem ra người ta không nhìn thấy nó. Nước đang dâng lên trong chiếc Toyota. Rồi đột nhiên Mathias nghe thấy mẹ khẽ lẩm bẩm câu gì. Nó nhìn mẹ, nhìn những vết thương sâu hoắm dưới mái tóc bê bết máu ở sau đầu. Mẹ nó đang cử động bên dưới chiếc đai an toàn. Nước dâng càng lúc càng nhanh, giờ đã ngập đến đầu gối Mathias. Cảm giác hoảng loạn cũng theo đó mà dâng lên. Nó không muốn chết. Không phải bây giờ, trong hoàn cảnh như thế này. Nó dùng cái kích đập cửa sổ xe. Tấm kính vỡ vụn và nước từ bên ngoài ập vào. Nó nhảy lên ghế, loay hoay len qua khoảng trống giữa phần phía trên của ô cửa và khối nước lớn đang ào ào chảy. Một chiếc chốt vướng vào khung cửa; nó xoay cổ chân và cảm

thấy chiếc bột trôi đi mất. Thế rồi cuối cùng nó cũng thoát được ra ngoài và bắt đầu bơi vào bờ. Nó trông thấy một cái ô tô đang đỗ trên đường cái, có hai người rời khỏi xe và đang băng qua tuyết trắng để tới bên dòng sông.

Mathias bơi khá giỏi. Nó còn giỏi nhiều thứ khác nữa. Thế mà sao những người xung quanh lại không ưa nó chứ? Một người đàn ông lội xuống sông kéo nó vào bờ khi nó bơi đến gần. Mathias nằm sổng soài trên tuyết. Không phải bởi nó không đứng được mà bởi bản năng của nó mách bảo đó là hành động khôn ngoan nhất. Nó nhắm mắt lại và nghe thấy một giọng nói kích động vang lên bên tai, hỏi nó trong xe có còn ai không. Nếu còn người thì có thể bọn họ vẫn cứu được. Mathias chậm rãi lắc đầu. Giọng nói hỏi nó có chắc chắn không.

Sau đó, cảnh sát cho rằng chiếc xe gặp nạn do đường trơn, vết thương trên đầu người phụ nữ chết đuối là hậu quả của những cú va đập khi xe đi chệch đường và lao xuống sông. Tuy thực tế chiếc xe hầu như không sút mẻ gì nhưng chỉ có cách giải thích ấy là hợp lý hơn cả. Cũng như cơn sốc thẳng bé trai qua lúc đó là lý do duy nhất có thể giải thích cho việc khi những người đầu tiên có mặt ở hiện trường hỏi đi hỏi lại nó trong xe còn ai khác không, cuối cùng nó đáp: “Không, chỉ có cháu thôi. Cháu đi một mình.”

“Không, chỉ có tôi thôi,” Mathias lặp lại câu nói ấy sáu năm sau đó. “Tôi đi một mình.”

“Cảm ơn,” chàng thanh niên đứng trước mặt y nói và đặt khay đồ ăn xuống chiếc bàn trong căng tin mà trước đó chỉ có mỗi mình Mathias ngồi. Ngoài kia, những giọt mưa đang không ngừng gõ nhịp chào đón các sinh viên khoa y ở Bergen, hành khúc nhịp nhàng ấy sẽ còn kéo dài đến tận khi xuân sang.

“Cậu cũng là tân sinh viên à?” cậu thanh niên kia hỏi, Mathias quan sát con dao của cậu ta cứa vào miếng thịt bê cốt lết chiên xù dày cộp.

Y gật đầu.

“Cậu nói giọng vùng Østland,” cậu ta nói. “Không xin được trường nào ở Oslo à?”

“Không muốn tới Oslo,” Mathias đáp.

“Tại sao?”

“Chẳng quen biết ai ở đấy.”

“Thế cậu quen ai ở đây?”

“Không ai cả.”

“Tôi cũng thế. Mà cậu tên gì?”

“Mathias. Lund-Helgesen. Còn cậu?”

“Idar Vetlesen. Cậu đã trèo lên đỉnh Ulriken bao giờ chưa?”

“Chưa.”

Nhưng Mathias từng leo lên đỉnh Ulriken rồi. Cả đỉnh Fløyen và Sandviksfjellet nữa. Y đã đi khắp hang cùng ngõ hẻm, tới chợ cá Fisketorget, quảng trường chính Torgalmenningen, xem chim cánh cụt và sư tử biển ở Thủy Cung, uống bia ở Wesselstuen, nghe ban nhạc mới thành lập được tung hô quá trớn biểu diễn tại Garage và chứng kiến đội SK Brann thua bết dỉ trong trận bóng đá tại sân vận động Brann. Mathias đã kinh qua tất cả những điều lẽ ra nên trải nghiệm cùng bạn bè đồng trang lứa. Một mình.

Y lặp lại những việc trên một lần nữa cùng với Idar và vờ như là lần đầu tiên.

Mathias sớm phát hiện Idar là kẻ thấy người sang bắt quàng làm họ, và bằng cách bám lấy gã hám danh đó, Mathias dần trở thành tâm điểm của tất cả mọi việc.

“Sao cậu lại chọn ngành y?” Idar hỏi Mathias trong bữa tiệc trước dạ vũ, diễn ra tại căn hộ của một sinh viên có cái tên đặc trưng của người Bergen. Tối đó có buổi dạ vũ mùa thu được tổ chức thường niên của sinh viên y khoa, Idar đã mời được hai cô gái Bergen đến dự, trông họ khá xinh xắn trong bộ đầm đen và mái tóc búi, cả hai rướn người tới hóng chuyện.

“Để khiến thế giới này trở nên tốt đẹp hơn,” Mathias đáp, đưa chai bia Hansa âm ỉ lên uống. “Cậu thì sao?”

“Đương nhiên là vì tiền rồi,” Idar nói và nháy mắt với hai cô gái.

Một cô ngồi xuống bên cạnh Mathias.

“Cậu có đeo huy hiệu hiến máu à,” cô ta nói. “Cậu mang nhóm máu gì?”

“B-. Cậu làm nghề gì?”

“Đừng nhắc đến chuyện đó. B- sao? Nhóm máu cực hiếm phải không?”

“Phải. Sao cậu biết?”

“Tớ học y tá mà.”

“Ra vậy,” Mathias nói. “Năm thứ mấy?”

“Thứ ba.”

“Cậu đã xác định sẽ theo chuyên ngành...?”

“Đừng nhắc đến chuyện đó,” cô ta nói và đặt bàn tay nhỏ bé nóng hổi lên đùi y.

Cô ả lặp lại câu nói đó năm tiếng đồng hồ sau, trong lúc khóa thân nằm bên dưới Mathias trên chiếc giường của y.

“Chuyện này chưa từng xảy ra với anh bao giờ,” y nói.

Cô ta mỉm cười vuốt má y. “Vậy vấn đề không phải là ở em đúng không?”

“Gì cơ?” y lặp bặp nói. “Không.”

Cô ta bật cười. “Em thấy anh dễ thương đấy chứ. Tử tế, chu đáo nữa. Mà sao chỗ này lại thế?”

Cô ta véo ngực y.

Mathias cảm thấy có thứ gì đó đen tối từ từ bủa vây. Một thứ tồi tệ, đen tối, và cũng thật tuyệt diệu.

“Anh bẩm sinh đã thế rồi,” y đáp.

“Có phải bệnh không?”

“Nó đi cùng hội chứng Raynaud và scleroderma, tức bệnh xơ cứng bì.”

“Là gì?”

“Một bệnh di truyền khiến các mô liên kết trên cơ thể dày lên.”

“Có nguy hiểm không?” Cô ta thận trọng vuốt ngón tay lên ngực y.

Mathias mỉm cười, cảm thấy hạ bộ bắt đầu bị kích thích. “Hội chứng Raynaud chỉ khiến ngón tay ngón chân trở nên lạnh buốt và chuyển sang màu trắng thôi. Nhưng xơ cứng bì thì đáng sợ hơn...”

“Vậy ư?”

“Các mô liên kết dày lên sẽ kéo căng da trên cơ thể, toàn bộ sẽ trở nên nhăn nhui, nếp nhăn biến mất.”

“Như vậy không tốt sao?”

Y nhận thấy bàn tay cô ả đang lặn xuống dưới. “Da bị kéo căng sẽ dần dần khiến biểu cảm trên khuôn mặt bị hạn chế, càng ngày càng ít đi. Cảm giác mặt mình như cứng lại thành mặt nạ ấy.”

Bàn tay nhỏ bé nóng hổi nắm lấy vật đàn ông của y.

“Hai bàn tay, rồi sau này là hai cẳng tay, sẽ cong gập và không thể duỗi thẳng ra được. Cuối cùng người bệnh chỉ biết đứng ì một chỗ, gần như không cử động nổi, trong khi bị chính lớp da làm cho chết ngạt.”

Cô ta hỗn hển thì thào: “Chết kiểu ấy nghe chừng thật tàn khốc.”

“Lời khuyên quý giá nhất là hãy tự sát trước khi sự đau đớn khiến mình phát điên. Em nằm xịch xuống cuối giường được không? Anh thích quan hệ kiểu đứng.”

“Hóa ra đó là lý do anh học ngành y,” cô ta nói. “Để tìm hiểu thêm. Tìm cách sống chung với bệnh tật.”

“Tất cả những gì anh muốn,” y nói, nhồm dầy và tới đứng ở cuối giường, vật đàn ông cương cứng đung đưa, “là tìm hiểu xem khi nào thì mình phải chết.”

Bác sĩ Mathias Lund-Helgesen mới chân ướt chân ráo ra trường đã trở thành nhân vật có tiếng ở khoa Thần kinh thuộc Bệnh viện Haukeland ở Bergen. Các đồng nghiệp và bệnh nhân đều nhận xét y là người có tài, chu đáo, không những vậy còn giỏi lắng nghe. Phẩm chất cuối cùng ấy vô cùng hữu ích vì y thường phải làm việc với các bệnh nhân mắc đủ loại bệnh mà chủ yếu do di truyền và đa phần không có nhiều hy vọng cứu chữa, chỉ có thể giảm bớt đau đớn cho họ mà thôi. Trong những lần hiếm hoi gặp phải bệnh nhân khổ sở vì căn bệnh xơ cứng bì hành hạ, người bệnh luôn được giới thiệu đến gặp vị bác sĩ trẻ tuổi thân thiện, người đang cân nhắc đi theo chuyên ngành miễn dịch học. Vào một ngày chớm thu, hai vợ chồng Laila Aasen dẫn theo con gái đến nhờ y khám bệnh. Các khớp cứng lại gây đau đớn cho cô bé; ban đầu Mathias cho rằng có thể cô bé mắc bệnh Bekhterev. Laila Aasen lẫn chồng cô ta khẳng định cả nhà nội và nhà ngoại đều có truyền thống bị viêm khớp, vậy là Mathias lấy máu của bố mẹ và con gái để kiểm tra.

Khi kết quả được trả về, Mathias ngồi bên bàn làm việc xem đi xem lại đến ba lần. Và cái cảm giác tồi tệ, đen tối, tuyệt diệu ấy lại được dịp trỗi dậy. Xét nghiệm cho kết quả âm tính, về khía cạnh y học, bệnh Bekhterev được xác

định không phải nguyên nhân gây ra những đau đớn đó, còn về khía cạnh đời thường hơn, ông Aasen được xác định không phải bố đẻ của cô bé. Mathias biết anh ta không hề hay biết điều này. Nhưng cô vợ thì khác, Laila Aasen biết rồi. Y phát hiện cơ mặt cô ta khẽ giật khi y đề nghị lấy máu của ba người. Liệu cô ta có còn tăng tịu với gã kia nữa không? Trông gã thế nào? Có sống trong ngôi nhà riêng với bãi cỏ rộng rãi ở mặt tiền không? Gã có những khiếm khuyết khó nói gì? Đến khi nào và làm thế nào cô con gái mới biết hóa ra mình đã sống cả đời trong sự lừa dối của ả điểm này?

Mathias cúi xuống và phát hiện y đã lỡ tay làm đổ cốc nước. Chỗ ướt to tướng đang loang ra trên đũng quần, y cảm thấy cái lạnh từ từ chạy lên dạ dày, rồi truyền tới tận trên đầu.

Y gọi điện báo cho Laila Aasen biết kết quả. Kết quả xét nghiệm bệnh. Cô ta cảm ơn y, có vẻ nhẹ nhõm hẳn, rồi cúp máy. Mathias nhìn chăm chăm cái điện thoại một hồi lâu. Chúa ơi, y căm thù ả đàn bà đó biết chừng nào. Đêm hôm ấy, y không sao chợp mắt được trên chiếc đệm chật hẹp trong căn hộ tí hìn y đã ở suốt từ khi tốt nghiệp. Y cố đọc, nhưng những con chữ cứ nhảy nhót loạn xạ trước mắt. Y cố *tự sướng*, thường thì việc đó sau khi kết thúc sẽ khiến y mệt mỏi và chìm vào giấc ngủ, nhưng y không tài nào tập trung nổi. Y châm kim vào ngón chân cái đã một lần nữa biến thành màu trắng, chỉ để kiểm tra xem có còn cảm giác gì không. Cuối cùng, y co ro nằm trong chăn mà khóc, cho tới khi ánh hừng đông dần phủ lên bầu trời đêm một màu xám xịt.

Mathias còn điều trị cho nhiều trường hợp mắc các bệnh liên quan đến hệ thần kinh nói chung, trong số đó có một sĩ quan thuộc Sở Cảnh sát Bergen. Sau khi khám xong, viên cảnh sát trung niên đứng dậy và mặc đồ. Sự kết hợp giữa mùi cơ thể và hơi thở nồng nặc bia rượu thật là khủng khiếp.

“Thế nào?” người cảnh sát cảm cẩu hỏi, như thể Mathias là thuộc cấp của mình vậy.

“Viêm dây thần kinh giai đoạn đầu,” Mathias đáp. “Các dây thần kinh dưới bàn chân bị hư hại, gây suy giảm cảm giác.”

“Liệu có phải vì thế mà tôi bắt đầu đi lại không khác gì thằng say?”

“Thế ông có phải thằng say không, Rafto?”

Viên cảnh sát đang cài cúc áo bỗng dừng tay, sắc đỏ từ dưới lan lên trên cổ ông ta chẳng khác nào thủy ngân dâng lên trong nhiệt kế. “Mày vừa nói gì, thằng nhãi?”

“Uống rượu quá nhiều là nguyên nhân phổ biến gây viêm đa dây thần kinh. Nếu ông cứ tiếp tục uống, não ông sẽ có nguy cơ bị hủy hoại vĩnh viễn. Ông đã nghe nói đến Korsakoff chưa, Rafto? Chưa hả? Vậy thì hy vọng ông không bao giờ biết đến cái tên ấy, vì nếu có thì thường là sẽ liên quan đến một hội chứng cực kỳ đáng sợ được đặt theo tên ông ta. Khi ông nhìn vào gương và tự hỏi mình có phải thằng say không, tôi không biết ông sẽ đáp thế nào, nhưng tôi khuyên ông lần sau hãy hỏi thêm một câu: Mình muốn chết luôn bây giờ hay muốn sống thêm một thời gian nữa?”

Gert Rafto chăm chăm nhìn người thanh niên trẻ tuổi trong chiếc áo blu trắng. Sau đó ông ta khẽ chửi đổng một câu, hăm hăm đi ra và đóng sầm cửa lại.

Bốn tuần sau, Rafto gọi điện nhờ Mathias đến khám cho ông ta.

“Để mai đi,” Mathias đáp.

“Không được. Gấp lắm rồi.”

“Thế thì ông đến phòng cấp cứu ấy.”

“Nghe cho rõ đây, Lund-Helgesen. Ba ngày nay tôi nằm liệt giường không thể đi lại được. Cậu là người duy nhất dám hỏi thẳng vào mặt tôi rằng tôi có phải thằng say không. Đúng, tôi say đấy. Và không, tôi không muốn chết. Chưa muốn chết.”

Căn hộ của Gert Rafto bốc mùi rác rưởi, vỏ chai bia, và cả mùi của chính ông ta. Nhưng không có mùi thức ăn thừa, vì trong nhà làm gì còn đồ ăn.

“Đây là liều bổ sung vitamin B1,” Mathias nói, giơ ống tiêm về phía ánh sáng. “Nó sẽ giúp ông đi lại được.”

“Cảm ơn,” Gert Rafto nói. Năm phút sau, ông ta ngủ thiếp đi.

Mathias đi thăm thú quanh căn hộ một vòng. Ở bàn làm việc có tấm ảnh chụp Rafto công kênh một cô bé tóc sẫm màu trên vai. Bức tường phía trên chiếc bàn có dán những bức ảnh hằn là chụp hiện trường án mạng. Bao nhiêu là ảnh. Mathias nhìn chăm chú. Y gỡ vài tấm xuống quan sát kỹ. Trời đất,

những tên sát nhân này sơ suất quá thể. Sơ hở của chúng thể hiện đặc biệt rõ ở các thi thể có vết thương gây ra bởi cả vật nhọn lẫn vật tù. Y mở các ngăn kéo để tìm thêm ảnh. Trong đó y phát hiện nhiều báo cáo, bản ghi chép, vài món đồ có giá trị như nhẫn, đồng hồ nữ, dây chuyền. Và những bài báo được cắt ra. Y đọc qua tất cả. Các bài đều nhắc đến tên Gert Rafto, thường trích kèm lời phát biểu tại những cuộc họp báo trong đó ông ta ba hoa về sự ngu dốt của lũ sát nhân và làm thế nào ông ta tóm được chúng. Vì rõ ràng ông ta bắt được chúng thật, tất cả số đó.

Sáu tiếng sau, khi Gert Rafto thức giấc, Mathias vẫn còn ở đó. Y đang ngồi bên giường với hai tập báo cáo đặt trên đùi.

“Nói xem,” Mathias nói. “Nếu là ông, ông sẽ giết người như thế nào để không bị tóm?”

“Né xa lãnh địa của tôi ra,” Rafto đáp, mắt nhìn quanh tìm đồ uống. “Nếu gặp phải cảnh sát giỏi thì có chạy đằng giời.”

“Giả sử tôi vẫn muốn gây án trong lãnh địa của gã cảnh sát giỏi thì sao?”

“Thì làm thân với gã trước,” Gert Rafto nói. “Rồi giết người xong, tôi khứ luôn cả gã.”

“Hay thật,” Mathias nói. “Tôi cũng nghĩ y như thế đấy.”

Trong những tuần sau đó, Mathias khá chăm chỉ gọi điện đến nhà Gert Rafto. Ông ta nhanh chóng hồi phục và bọn họ thường xuyên chuyện trò, cuối cùng còn chia sẻ với nhau về bệnh tật, cách sống, cái chết, về hai thứ Gert Rafto trân quý hơn hết thảy: cô con gái Katrine, người khó hiểu thay cũng đáp lại tình yêu thương của ông ta, và căn nhà gỗ nhỏ trên đảo Finnøy, nơi duy nhất mang lại cho ông ta cảm giác bình yên mỗi khi tìm đến. Nhưng nói chung họ thường trao đổi về các vụ án mạng Gert Rafto đã phá được, về những chiến công hiển hách. Mathias động viên, khích lệ ông ta, bảo rằng ông ta có thể giành phần thắng trong cuộc chiến chống lại con ma men, có thể ăn mừng nhiều thắng lợi mới nếu tuyệt giao được với rượu bia.

Và khi mùa thu đi nốt chặng đường sau cuối ở Bergen, kéo theo ngày cứ càng lúc càng ngắn lại, còn những cơn mưa rào mỗi lúc một dài thêm, kế hoạch của Mathias đã chín muồi.

Một buổi sáng nọ, y gọi điện đến nhà Laila Aasen.

Y nói tên mình, cô ta im lặng lắng nghe y trình bày lý do gọi điện. Mẫu máu xét nghiệm của con gái cô ta đã mang lại những thông tin mới, giờ y đã biết Bastian Aasen không phải cha ruột của đứa trẻ. Điều quan trọng là cô ta cần cung cấp cho y mẫu máu của người cha thật. Như vậy không thể tránh được việc cô bé và Bastian sẽ biết về mối quan hệ này. Liệu cô ta có chấp thuận điều đó không?

Mathias kiên nhẫn chờ đợi cô ta nắm bắt vấn đề.

Sau đó y nói nếu cô ta xem trọng việc giữ kín mọi chuyện thì y vẫn có thể giúp, nhưng phải tiến hành qua *cửa sau*.

“Qua cửa sau ư?” cô ta hỏi lại bằng giọng đều đều của người đang trong cơn sửng sốt.

“Với cương vị một bác sĩ, tôi bị ràng buộc bởi những nguyên tắc nghề nghiệp yêu cầu phải tuyệt đối thành thật với bệnh nhân, mà ở đây là con gái cô. Nhưng tôi cũng đang nghiên cứu về một số hội chứng và vì thế hết sức quan tâm đến trường hợp của cô bé. Nếu chị có thể tới gặp tôi chiều nay một cách thật kín đáo...”

“Vâng,” cô ta run rẩy khẽ nói. “Vâng, tôi xin nghe anh.”

“Tốt. Chị hãy bắt chuyến cáp treo cuối cùng trong ngày lên đỉnh Ulriken. Ở đó chúng ta sẽ không bị ai quấy rầy, và khi xong việc có thể đi bộ xuống. Tôi hy vọng chị hiểu rõ những nguy cơ tôi phải đối mặt, và làm ơn đừng tiết lộ chuyện này với bất cứ ai.”

“Tất nhiên rồi! Anh cứ tin ở tôi.”

Y vẫn áp ống nghe trên tai ngay cả khi cô ta đã cúp máy. Cặp môi kề sát lớp nhựa màu xám, y khẽ thì thầm: “Ai mà tin được mày chứ, con điếm?”

Chỉ đến khi nằm trên tuyết với lưỡi dao phẫu thuật kề cổ thì Laila Aasen mới chịu thú nhận đã kể cho một cô bạn về việc hẹn gặp Mathias, bởi lẽ bọn họ ban đầu có hẹn ăn tối cùng nhau. Nhưng Laila chỉ nhắc đến tên thánh của y chứ không đả động gì tới mục đích cuộc gặp.

“Tại sao cô lại nói ra?”

“Tôi chỉ muốn nhử cô ta thôi,” Laila rống lên. “Cô ta tọc mạch lắm.”

Y ấn lưỡi dao thép mỏng lên cổ cô ta mạnh hơn, và Laila nức nở khai tên cùng địa chỉ nhà cô bạn. Sau đó, cô ta không nói thêm gì nữa.

Hai ngày sau, khi đọc bài báo viết về vụ sát hại Laila Aasen và vụ mất tích của Onny Hetland và Gert Rafto, trong lòng Mathias dậy lên bao cảm xúc lẫn lộn. Trước hết, y không hài lòng chút nào với việc giết Laila Aasen. Mọi chuyện diễn ra không như dự tính, cơn thịnh nộ xen lẫn hoảng loạn đã khiến y mất kiểm soát. Vì vậy hiện trường mới quá ư bừa bộn, quá mất công dọn dẹp, quá nhiều thứ gợi nhớ đến những bức ảnh ở nhà Rafto. Và quá ít thời gian để y tận hưởng niềm sung sướng khi báo thù và lý do chính đáng của hành động đó.

Trường hợp của Onny Hetland thậm chí còn tệ hơn, gần chạm ngưỡng thảm họa. Hai lần y không đủ can đảm để làm tới cùng khi sắp sửa bấm chuông nhà cô ta nên đành bỏ đi. Đến lần thứ ba thì y nhận ra đã quá trễ rồi. Có người đã bấm chuông trước y. Là Gert Rafto. Sau khi ông ta ra về, y gọi cửa và tự xưng là trợ lý của Rafto, rồi được mời vào nhà. Nhưng Onny tuyên bố sẽ không tiết lộ những gì cô ta khai với Rafto vì đã hứa sẽ tuyệt đối giữ kín mọi chuyện. Chỉ khi y dùng dao mổ rạch một nhát vào tay cô ta thì cô ta mới chịu mở miệng.

Khi chấp nối những điều cô ta nói, Mathias nhận ra rằng Gert Rafto đã quyết định một mình phá án. Lão muốn gây dựng lại thanh danh đây mà, đúng là đồ ngốc!

Tuy vậy, việc xử lý Onny Hetland lại không có gì để phàn nàn. Rất ít tiếng ồn, rất ít máu me. Chặt xác cô ta trong phòng tắm vòi sen đúng là vừa nhanh vừa hiệu quả. Xong xuôi, y gói tất cả lại bằng tấm nylon rồi bỏ vào chiếc ba lô và cái túi to tướng mang theo vì mục đích ấy. Nhờ thường xuyên đến chơi nhà Rafto, Mathias biết được rằng khi có án mạng, một trong những điều đầu tiên cảnh sát kiểm tra là những chiếc ô tô xuất hiện trong phạm vi gần đó và xe taxi đã đăng ký có chạy qua. Bởi thế, y cuốc bộ từ nhà cô ta về tận căn hộ của mình.

Giờ chỉ còn một việc nữa thôi, chính là phần cuối cùng trong lời chỉ dẫn của Gert Rafto để tạo nên vụ giết người hoàn hảo: khử gã cảnh sát.

Lạ thay, đây lại là vụ tuyệt nhất trong số ba vụ. Là bởi Mathias không có chút tình cảm nào đối với Rafto, y không căm hận ông ta như với Laila Aasen. Đúng hơn là qua đó, lần đầu tiên y được đến gần hơn với thứ mỹ học trong

hình dung của y, đến với ý niệm của y về cách thức ra tay giết người. Không chỉ có thế, những gì y được nếm trải trong lúc thực hiện hành vi ấy thực sự ghê rợn và tàn khốc đúng như mong đợi. Bên tai y vẫn còn văng vẳng tiếng kêu gào của Rafto vang vọng khắp hòn đảo hoang vu. Nhưng lạ lùng nhất là ở chỗ, trên đường trở về, y bỗng phát hiện ngón chân mình không còn trắng bệch và tê liệt nữa; cứ như thể quá trình đông cứng đang diễn ra từ từ ở đầu các chi đã bị chặn lại trong thời gian ngắn, như thể y vừa tan ra vậy.

Bốn năm qua đi, sau khi sát hại thêm bốn phụ nữ và nhận ra rằng tất cả những lần giết người đều nhằm mục đích tái hiện lại cái chết của mẹ y, Mathias đi đến kết luận y đã mất trí rồi.

Hay nói đúng hơn, y đang mắc chứng rối loạn nhân cách nghiêm trọng. Mọi tài liệu chuyên môn y đọc đều cho thấy điều ấy. Tính nghi thức trong các vụ giết người: nhất định phải xảy ra vào ngày đầu tiên có tuyết rơi, phải đập một người tuyết. Và chưa hết, khẩu vị của y đối với những trò tàn ác ngày một nặng.

Nhưng nhận thức được điều này cũng không thể ngăn y tiếp tục ra tay. Bởi lẽ thời gian không còn nhiều nữa; dấu hiệu của hội chứng Raynaud xuất hiện với tần suất ngày càng tăng, và hình như y cũng đã nhận ra những triệu chứng đầu tiên của bệnh xơ cứng bì: sự căng cứng trên khuôn mặt mà rồi cuối cùng sẽ khiến mũi y nhọn hoắt trông thật gớm ghiếc, miệng dẫu ra như miệng cá chép và đó cũng là nơi chịu hậu quả tàn khốc hơn cả.

Y chuyển nhà tới Oslo để tiếp tục đi sâu tìm hiểu về ngành miễn dịch học và các kênh vận chuyển nước trong não, vì trung tâm chuyên nghiên cứu đề tài này là khoa Giải phẫu ở Gaustad. Trong thời gian nghiên cứu, y còn làm ở phòng khám Marienlyst nơi Idar đang hành nghề và đã có lời tiến cử y. Mathias nhận trực ca đêm ở phòng cấp cứu vì chẳng nào y cũng chẳng thể chợp mắt.

Tìm kiếm nạn nhân cũng không phải là việc khó. Ban đầu, y dựa vào mẫu máu của bệnh nhân mà trong nhiều trường hợp đã phủ định mối quan hệ cha con, rồi sau đó căn cứ vào các xét nghiệm ADN của khoa Giám định Huyết thống tại Viện Pháp y. Idar, kẻ năng lực có hạn ngay cả với vai trò bác sĩ đa khoa, khôn khéo tuân theo lời khuyên y đưa ra khi gặp phải tất cả trường hợp

mắc các bệnh và hội chứng di truyền. Và nếu bệnh nhân còn nhỏ tuổi thì lời khuyên của Mathias vẫn trước sau như một.

“Gọi cả bố lẫn mẹ đến buổi tư vấn đầu tiên, lấy mẫu tế bào niêm mạc miệng của từng người, nói là để kiểm tra khuẩn hệ và gửi mẫu đó đến khoa Giám định Huyết thống để ít ra chúng ta còn biết bắt đầu từ đúng chỗ.”

Thằng ngốc Idar cứ thế răm rắp làm theo. Bằng cách đó, chẳng mấy chốc Mathias đã thu thập được một hồ sơ nho nhỏ của những phụ nữ có con, những kẻ có thể gọi là rắn đóng giả lươn. Tuyệt hơn cả là ở chỗ, không tồn tại bất cứ mối liên hệ nào giữa y với đám phụ nữ đó, vì các mẫu tế bào niêm mạc miệng đem đi xét nghiệm đều dưới danh nghĩa của Idar.

Cách thức dụ họ sập bẫy cũng chính là cách thức được y áp dụng thành công với Laila Aasen. Một cú điện thoại và cuộc hẹn tại địa điểm bí mật không ai hay biết. Chỉ có duy nhất một trường hợp nạn nhân trong tầm ngắm đã bất ngờ suy sụp khi nghe điện và thú nhận tuột tuột với ông chồng. Kết cục là gia đình tan đàn xẻ nghé, nhưng dù sao như thế ả ta cũng phải nhận quả báo rồi.

Trong suốt một thời gian dài Mathias đã trần trở nghĩ cách thủ tiêu các thi thể sao cho hiệu quả hơn. Dầu thế nào thì rõ ràng phương pháp y sử dụng với Onny Hetland cũng không thể áp dụng về lâu về dài. Y xử lý dần dần bằng axit hydrocloric trong bồn tắm tại căn hộ của mình. Quá trình đó vừa rủi ro, vừa mất công, lại nguy hại đến sức khỏe, phải mất gần ba tuần mới xong. Bởi vậy, y mừng vui khôn xiết khi tình cờ tìm ra giải pháp cho vấn đề trên. Đó là những cái bể ngâm xác ở khoa Giải phẫu. Một sáng kiến thiên tài, tiến hành lại đơn giản. Hệt như cái vòng dây điện vậy.

Y được biết về dụng cụ này qua bài viết trong chuyên san giải phẫu, trong đó một nhà giải phẫu người Pháp khuyến nghị sử dụng công cụ của ngành thú y khi phải xử lý những thi thể đã bắt đầu phân hủy, vì vòng dây cắt qua các mô mềm đang thối rữa một cách chuẩn xác không kém gì khi cắt xương cốt, hơn nữa còn có thể sử dụng đồng thời trên vài thi thể mà không lo nhiễm khuẩn. Mathias lập tức nhận ra rằng nếu chia nhỏ xác nạn nhân bằng cách này thì việc vận chuyển sẽ đơn giản đi nhiều. Do vậy, y liên hệ với nhà sản xuất, bắt chuyến bay tới Rouen, nghe hướng dẫn sử dụng bằng thứ tiếng Anh bập bẹ vào một buổi sớm tinh sương tại một chuồng bò sơn trắng ở miền Bắc nước Pháp.

Vòng dây bao gồm tay cầm đơn giản có hình dạng và kích thước tương tự như quả chuối, được gắn miếng bảo vệ bằng kim loại để tránh bị bỏng tay. Sợi dây điện mảnh như dây câu, chạy xuyên qua hai đầu quả chuối, từ đó có thể dễ dàng thu nhỏ hoặc mở rộng chỉ bằng một nút bấm. Ngoài ra còn có công tắc để bật tắt bộ phận phát nhiệt chạy bằng pin, khiến cho vòng dây kiểu thông lọng sáng rực lên chỉ sau vài giây. Mathias vô cùng phấn khởi; công cụ này không chỉ hữu ích trong việc chia nhỏ xác chết. Khi nghe nhà sản xuất báo giá, y suýt nữa phá lên cười. Cái vòng dây còn rẻ hơn cả vé máy bay sang đây. Và giá đã bao gồm pin.

Một nghiên cứu của Thụy Điển được công bố cho biết có từ mười lăm đến hai mươi phần trăm trẻ em không phải con đẻ của bố chúng như chúng vẫn tưởng, điều này phản ánh chính xác những gì Mathias đã trải qua. Không chỉ có mình y lâm vào hoàn cảnh ấy. Và cũng không chỉ có mình y phải chấp nhận cái chết tàn khốc khi còn trẻ chỉ vì bà mẹ đang điếm lang chạ với kẻ mang gen xấu. Nhưng có những thứ mà chỉ mình y phải đối mặt: đó là cuộc thanh trừng, là sự tranh đấu với bệnh tật, là chiến dịch gian khổ. Chắc rằng sẽ chẳng có ai biết ơn hoặc tôn vinh y cả. Tuy vậy y biết rõ một điều, đó là rồi đây toàn thể công chúng sẽ mãi nhớ đến y ngay cả khi y không còn trên cõi đời này nữa. Bởi lẽ cuối cùng y đã tìm ra thứ sẽ khiến y lưu danh muôn thuở, một tuyệt tác để đời, màn từ biệt đầy hoa mỹ.

Chính sự tình cờ đưa đẩy đã thôi thúc y tiếp tục hành động.

Y trông thấy hằn trên ti vi. Gã cảnh sát. Harry Hole. Hole được mời phỏng vấn bởi hằn đã săn tìm tên sát nhân hàng loạt ở Australia. Nó gợi cho Mathias nhớ đến lời khuyên của Gert Rafto: “Né xa lãnh địa của tôi ra.” Tuy vậy, nó cũng khiến y nhớ lại cảm giác mãn nguyện khi tước đoạt mạng sống của kẻ đi săn. Cảm giác tối thượng. Và quyền uy. Không gì trong số những lần giết người sau này có thể thực sự sánh được với trải nghiệm khi trừ khử lão cảnh sát. Tên Hole Thần Thánh này dường như có điều gì đó giống với Rafto, hằn cũng phần nào sở hữu cái chất lạnh lùng cau có ấy.

Dù sao đi nữa, y lẽ ra đã quên hằn Harry Hole nếu không vô tình nghe thấy một bác sĩ phụ khoa ở phòng khám Marienlyst nhắc đến tên hằn trong căng tin vào ngày hôm sau, anh ta bảo tay cảnh sát này lên truyền hình thì có vẻ nghiêm

chỉnh lắm, chứ ngoài đời nghe đồn hẳn là tên nát rượu, dở hâm dở khùng. Cô nàng bác sĩ nhi Gabriella còn nói thêm rằng con trai của bạn gái Hole là bệnh nhân của mình. Oleg, thằng bé hiền lành ngoan ngoãn.

“Thế thì sau này nó cũng đổ đốn thôi,” gã bác sĩ phụ khoa nói. “Nòi nào giống nấy mà.”

“Hole không phải bố đẻ của thằng bé,” Gabriella cự lại. “Nhưng thú vị là ở chỗ, người cha trên danh nghĩa của nó, ông giáo sư gì đó ở Moscow thì phải, cũng là kẻ nát rượu.”

“Ê, ăn nói cẩn thận chứ!” Idar Vetlesen nói lớn để át đi tiếng cười. “Đừng có quên nguyên tắc bảo mật thông tin khách hàng đấy!”

Bữa trưa vẫn tiếp tục như thường, nhưng Mathias không sao quên được điều Gabriella đã nói. Hay đúng hơn là cách nói của cô ta: *người cha trên danh nghĩa*.

Vậy là ăn trưa xong, Mathias theo chân cô bác sĩ về phòng, y bước vào rồi đóng cửa lại.

“Tôi hỏi cô chút việc được không, Gabriella?”

“Ồ, chào anh,” cô ta nói, hai má ửng hồng vì hồi hộp. Mathias biết cô ta thích mình, chắc cô ta thấy y đẹp trai, thân thiện, hài hước, lại giỏi lắng nghe. Thậm chí đã vài lần cô ta bóng gió mời y đi chơi nhưng y đều từ chối.

“Cô biết đấy, tôi được phép trích một vài mẫu máu của bệnh nhân tại phòng khám để sử dụng cho việc nghiên cứu,” y nói. “Thực tế là tôi đã phát hiện được chi tiết thú vị ở mẫu máu của cậu bé mà vừa nãy cô nhắc đến. Con trai của bạn gái Hole ấy mà.”

“Theo như tôi biết thì mối quan hệ giữa họ giờ đã là quá khứ rồi.”

“Không phải chứ? Mẫu máu của thằng bé hơi đặc biệt, nên tôi tự hỏi không biết trong gia đình đó có gì bất thường không...”

Mathias nhận thấy vẻ mặt cô ta hình như có chút thất vọng thì phải. Còn về phần mình, y chẳng có lý do gì để thất vọng khi nghe những điều cô ta nói.

“Cảm ơn cô,” y nói và đứng dậy rời đi. Y cảm thấy tim mình đang bơm dòng máu hùng hực sức sống đi khắp cơ thể, đôi chân đưa y tiến bước mà chẳng hề tốn chút sức lực, niềm vui sướng khiến khuôn mặt y sáng bừng lên

hệt như cái vòng dây điện. Bởi y biết mình đã tìm được điểm khởi đầu. Khởi đầu của kết thúc.

Bữa tiệc mùa hè do Hội đồng Dân cư Holmenkollen tổ chức diễn ra vào một ngày tháng Tám nóng như đổ lửa. Trên bãi cỏ phía trước nhà bạt, người lớn ngồi dưới tán ô nhâm nhi rượu vang trắng trên ghế dã ngoại, còn trẻ con chạy loăng quăng giữa các dãy bàn hoặc cùng chơi đá bóng trên khoảng sân rải sỏi. Dầu cô ta đeo cặp kính râm to sụ choán hết khuôn mặt, Mathias vẫn nhận ra nhờ tấm ảnh y tải về từ trang web của công ty cô ta làm việc. Y bước tới chỗ cô ta đang đứng một mình, nở nụ cười ngượng ngịu rồi xin phép cho y đứng cạnh và vờ như là người quen của cô ta. Bây giờ trò này y đã nhuần nhuyễn lắm rồi. Y không còn là thằng Mathias Không Ti của ngày xưa nữa.

Cô ta kéo cặp kính xuống, tò mò nhìn y bằng ánh mắt dò xét, và y kết luận rằng tấm ảnh đó đúng là lừa tình thật. Ngoài đời trông cô ta còn đẹp hơn nhiều. Đẹp đến nỗi trong một khoảnh khắc y đã nghĩ kế hoạch A có một sơ hở: cô ta chắc gì sẽ thích y như dự tính, vì một phụ nữ như Rakel, dù làm mẹ đơn thân hay không, kiểu gì cũng sẽ có nhiều lựa chọn khác. Thật sự thì kế hoạch B tuy cũng sẽ mang lại kết quả tương tự nhưng chắc chắn không thể khiến y thỏa mãn bằng.

“Tính tôi vốn nhát mả,” y nói, giơ chiếc cốc nhựa lên làm động tác nâng ly một cách ngượng ngùng. “Tôi được cậu bạn sống gần đây mời đến dự tiệc, thế mà mãi vẫn chưa thấy mặt mũi cậu ta đâu cả. Khách khứa ở đây có vẻ như đều quen biết nhau. Tôi hứa sẽ rút lui ngay khi cậu ta đến.”

Cô ta bật cười. Y thích tiếng cười ấy. Và biết rằng ba giây đầu tiên mang tính quyết định đã diễn ra suôn sẻ.

“Tôi vừa trông thấy có cậu bé ghi một bàn hết sức đẹp mắt trên sân đẳng kia,” Mathias nói. “Tôi dám cá cô là người thân của nó.”

“VẬY sao? Thế chắc là Oleg, con trai tôi đấy.”

Cô ta che giấu giỏi thật, nhưng kinh nghiệm có được qua vô số lần nói chuyện với bệnh nhân giúp Mathias biết được rằng chẳng bà mẹ nào không thích con mình được khen.

“Bữa tiệc thật tuyệt,” y nói. “Hàng xóm cũng vậy.”

“Anh thích dự tiệc cùng hàng xóm của người khác ư?”

“Có lẽ các bạn tôi sợ tôi ở một mình nhiều quá nên muốn làm tôi vui lên,” y đáp. “Nhờ những người hàng xóm thành đạt của họ chẳng hạn.” Y nhấp đồ uống trong chiếc cốc nhựa. “Và cả loại rượu ngọt không tên này nữa. Cô tên là gì?”

“Rakel. Fauke.”

“Chào Rakel. Tôi là Mathias.”

Y bắt tay cô ta. Bàn tay nhỏ nhắn, ấm áp.

“Tôi thấy cô không uống gì cả,” y nói. “Tôi mạn phép lấy rượu ngọt cho cô nhé?”

Sau khi quay lại đưa ly rượu cho cô ta, y lấy chiếc máy nhắn tin ra xem với vẻ lo âu.

“Rakel này, tôi rất muốn ở lại chuyện trò với cô lâu hơn, nhưng phòng cấp cứu hiện đang thiếu nhân lực và cần người hỗ trợ ngay. Vì vậy tôi phải biến thành Siêu nhân và bay vào thành phố đây.”

“Tiếc quá,” cô ta nói.

“Thật vậy sao? Tôi chỉ đi vài tiếng thôi. Liệu cô có ở lại đây lâu không?”

“Tôi cũng chưa biết. Còn tùy vào Oleg.”

“Được rồi. Vậy chúng ta cứ chờ xem sao. Rất vui được gặp cô.”

Y bắt tay cô ta lần nữa rồi ra về, biết rằng mình đã giành chiến thắng ở vòng đầu tiên.

Y lái xe về căn hộ ở Torshov và đọc một bài viết thú vị về các kênh vận chuyển nước trong não. Khi y quay lại đó lúc tám giờ cô ta đang ngồi dưới tán ô, đội chiếc mũ trắng rộng vành. Cô ta mỉm cười khi y ngồi xuống bên cạnh.

“Có cứu được sinh mạng nào không vậy?” cô ta hỏi.

“Đa phần xước tí da thôi,” Mathias nói. “Và một ca viêm ruột thừa. Đỉnh điểm là trường hợp một cậu bé bị tụt mũi vào trong chai nước chanh có ga. Tôi bảo với bà mẹ rằng thằng bé có lẽ còn chưa đủ tuổi hít Coke. Tiếc là những người gặp phải tình huống kiểu đó lại không có khiếu hài hước cho lắm...”

Cô ta phá lên cười. Tiếng cười lạnh lớt dễ nghe ấy suýt nữa khiến y ước gì toàn bộ chuyện này đều là thật.

Trước đó Mathias đã nhận thấy hiện tượng xơ cứng bì xuất hiện ở nhiều vị trí trên cơ thể, nhưng kể từ mùa thu năm 2004 y phát hiện những dấu hiệu đầu tiên cho thấy bệnh tình đã chuyển sang giai đoạn tiếp theo. Giai đoạn y không hề mong muốn. Đó là hiện tượng căng da mặt. Theo kế hoạch ban đầu, Eli Kvale sẽ là nạn nhân của năm nay, rồi hai ả điếm Birte Becker và Sylvia Ottersen sẽ lần lượt tiếp bước vào các năm sau. Cái hay là chờ xem bọn cảnh sát có tìm ra mối liên hệ giữa hai nạn nhân sau với tên Arve Støp dâm dục hay không. Thế nhưng thực tế buộc y phải đẩy nhanh kế hoạch. Y luôn tự hứa sẽ kết thúc tất cả ngay khi những cơn đau bắt đầu xuất hiện, y sẽ không kéo dài thời gian. Và giờ thì chúng đã đến. Y quyết định giết cả ba kẻ đó. Cùng với màn từ biệt hoành tráng: Rakel và tên cảnh sát.

Từ trước đến nay y luôn âm thầm hành sự, và giờ đã tới lúc công khai trước bàn dân thiên hạ công trình cả đời của y. Để làm được điều đó, y cần phải để lại những manh mối dễ hiểu, chỉ ra mối liên quan giữa các vụ, cho họ thấy được bức tranh toàn diện.

Y bắt đầu với Birte. Họ hẹn gặp tại nhà cô vào buổi tối để trao đổi về bệnh tình của Jonas sau khi chồng cô đi Bergen. Mathias có mặt đúng giờ đã hẹn, cô ta cầm áo khoác cho y ở sảnh và quay đi để treo áo vào trong tủ. Y hiếm khi hành động một cách tự phát, nhưng khi trông thấy cái khăn quàng màu hồng treo trên móc, y vớ lấy nó như thể làm theo bản năng. Y quấn hai vòng khăn vào tay rồi tiếp cận Birte từ đằng sau và siết cổ cô ta. Y nhắc bóng người đàn bà nhỏ thó lên, xoay người cô về phía tấm gương để có thể nhìn thấy cặp mắt. Cặp mắt trợn ngược như thể cô ta là con cá vừa bị kéo lên từ dưới nước sâu.

Sau khi tổng cô ta vào ô tô, Mathias quay lại khu vườn, tới chỗ người tuyết y đã đắp sẵn từ đêm hôm trước. Y nhét cái điện thoại di động vào trong ngực nó, lấp đầy như cũ rồi buộc khăn vào cổ người tuyết. Quá nửa đêm y mới tới được gara tòa nhà của khoa Giải phẫu, bơm thuốc hãm vào thi thể Birte, đập mã số lên mấy tấm thẻ kim loại, buộc thẻ lên cái xác và đặt vào ngăn còn trống trong một bể chứa.

Tiếp theo là đến lượt Sylvia. Y gọi điện cho cô ta, diễn lại màn kịch quen và cả hai thống nhất gặp nhau trong khu rừng phía sau khu ski jump Holmenkollen, địa điểm y đã từng sử dụng vài lần. Nhưng lần này ở đó lại có

người nên y không thể mạo hiểm được. Y giải thích với cô ta rằng khác với y, Idar Vetlesen không thực sự là chuyên gia về hội chứng Fahr, và họ cần phải gặp nhau một lần nữa. Cô ta đề nghị y gọi lại vào tối hôm sau, khi cô ta ở nhà một mình.

Tối hôm sau y lái xe đến, tìm thấy cô ta trong nhà kho và ra tay ngay tại đó.

Nhưng mọi chuyện suýt nữa thì hỏng bét.

Mụ đàn bà điên vung rìu chém y và rạch trúng mạng sườn, làm rách áo và cửa đứt một động mạch khiến máu túa ra trên sàn nhà kho. Loại máu B-. Loại máu mà cứ một trăm người thì chỉ có hai người sở hữu. Vậy là sau khi giết Sylvia trong rừng và đặt đầu cô ta lên thân người tuyết, y quay lại giết một con gà rồi vẩy máu gà lên sàn để che đi máu của mình.

Đó là hai mươi bốn giờ đầy căng thẳng, nhưng thật lạ là đêm đó y không hề thấy đau đớn gì. Và những ngày sau, y theo dõi vụ án được nhắc đến trên báo, âm thầm đắc thắng. Người Tuyết. Tên gọi chúng đặt cho y. Cái tên sẽ ghi dấu đời đời. Y không thể ngờ vài con chữ ngắn ngủi trên báo lại có thể mang đến cho mình cảm giác uy quyền và sức ảnh hưởng lớn đến vậy. Y suýt nữa hối hận vì đã bí mật hành sự suốt bao năm qua. Và mọi chuyện mới dễ dàng làm sao! Trước nay y cứ tin vào lời nói của Gert Rafto, rằng một cảnh sát giỏi nhất định sẽ bắt được kẻ sát nhân. Nhưng rồi y gặp Harry Hole và trông thấy vẻ bức bối trên khuôn mặt bơ phờ, quàu quạu của tên cảnh sát. Khuôn mặt của một kẻ hoàn toàn chẳng hiểu gì.

Ai dè, trong lúc chuẩn bị cho những bước cuối cùng, Mathias bất ngờ nhận được hung tin. Idar Vetlesen. Gã gọi điện cho y bảo rằng Hole đã đến tìm gã để hỏi về Arve Støp và ép gã khai ra mối liên hệ giữa họ. Chính Idar cũng thắc mắc không hiểu chuyện gì đang diễn ra. Dù sao cũng khó có khả năng các nạn nhân được lựa chọn ngẫu nhiên. Hơn nữa, ngoài gã và Støp ra thì Mathias là người duy nhất biết sự thật về mối quan hệ cha con vì Mathias thường xuyên giúp gã chẩn đoán bệnh tình.

Idar sợ cuống cà kê là lẽ đương nhiên, may thay, Mathias đã kịp trấn an tinh thần gã. Y dặn Idar không được kể với ai và đến gặp y tại một nơi an toàn mà không ai trông thấy.

Mathias suýt phì cười khi nói ra câu đó; y gần như lặp lại nguyên xi những điều đã nói với các nạn nhân nữ. Y đoán là do căng thẳng.

Idar đề nghị gặp nhau ở câu lạc bộ bi đá. Sau khi cúp máy, Mathias trầm ngâm suy tính.

Y chợt nảy ra ý tưởng có thể dàn dựng để vu cho Idar là Người Tuyết, đồng thời như thế y lại có được chút thời gian để nghỉ ngơi dưỡng sức.

Y dành cả tiếng sau để lên kế hoạch chi tiết cho vụ tự sát của Idar. Dầu y trân trọng gã bạn ở nhiều phương diện, việc đó vẫn mang lại cho y niềm phấn khích và cảm hứng ngập tràn. Khi phác thảo kiệt tác vĩ đại cũng vậy. Người Tuyết cuối cùng. Cô ta sẽ ngồi trên vai người tuyết, giống như y vào cái ngày đầu tiên tuyết rơi nhiều năm về trước, cảm nhận cái lạnh buốt giá thấm vào hai đùi và nhìn qua cửa sổ, chứng kiến hành vi phản trắc, gã đàn ông mà vì hắn cô ta sẽ phải chết: Harry Hole. Mathias nhắm mắt lại và tưởng tượng ra cái thòng lọng phía trên đầu cô ta. Nó ánh lên và tỏa sáng. Hệt như vầng hào quang giả.

ngày thứ hai mươi mốt

CÒI HỤ

Harry ngồi vào trong chiếc ô tô đỗ ở gara của khoa Giải phẫu. Anh đóng cửa xe, nhắm mắt lại và cố gắng suy nghĩ thấu đáo. Việc cần làm trước tiên là tìm xem Mathias đang ở đâu.

Anh đã xóa số của Mathias trong điện thoại nên phải gọi đến tổng đài xin số điện thoại và địa chỉ nhà. Anh nhập số 1881, nhận thấy trong lúc chờ đợi, nhịp thở của mình đã trở nên gấp gáp, và cố giữ bình tĩnh.

“Chào Harry.” Giọng Mathias vang lên khê khàng nhưng vẫn có vẻ ngạc nhiên thích thú như mọi khi.

“Xin lỗi vì đã làm phiền anh,” Harry nói.

“Không sao mà.”

“À. Anh đang ở đâu vậy?”

“Tôi ở nhà. Tôi chuẩn bị xuống gặp Rakel và Oleg.”

“Tốt quá. Tôi không biết có thể nhờ anh chuyển giúp một thứ cho Oleg được không?”

Đầu dây bên kia bỗng im lặng. Quai hàm Harry đánh lại, răng nghiến trèo trẹo.

“Dĩ nhiên là được,” Mathias đáp. “Nhưng Oleg đang ở nhà đấy, anh có thể...”

“Là vì Rakel,” Harry ngắt lời y. “Chúng tôi... Hôm nay tôi không muốn gặp cô ấy. Tôi tạt qua chỗ anh một lát được chứ?”

Lại một khoảng lặng kéo dài. Harry áp chặt điện thoại vào tai và tập trung nghe ngóng như muốn biết đối phương đang nghĩ gì. Nhưng anh chỉ nghe được tiếng thở, tiếng nhạc mong manh vọng vào, hình như là đàn chuông tối giản của Nhật hay đại loại thế. Anh tưởng tượng Mathias đang ở trong căn hộ đơn sơ và tối giản chẳng kém. Có thể không rộng lắm nhưng sạch sẽ gọn gàng, đó là điều hiển nhiên, không phải kiểu muốn ra sao thì ra. Lúc này y đã khoác lên mình chiếc áo sơ mi xanh da trời nhạt kiểu trung tính và thay băng gạc cho vết

thương ở mạng sườn. Bởi lẽ lúc đứng trên bậc tam cấp trước mặt Harry, Mathias khoanh tay rõ cao ở trước ngực không nhằm che đi núm vú không tồn tại. Mà y muốn giấu vết thương gây ra bởi chiếc rìu nhỏ.

“Tất nhiên rồi,” Mathias đáp.

Harry không thể xác định được giọng nói của y nghe có tự nhiên hay không. Tiếng nhạc nền đã chấm dứt.

“Cảm ơn,” Harry nói. “Tôi sẽ tới nhanh thôi, nhưng anh phải hứa là đợi tôi đây.”

“Tôi hứa,” Mathias nói. “Nhưng Harry này...”

“Sao cơ?” Harry hít sâu một hơi.

“Anh đã biết địa chỉ nhà tôi chưa?”

“Rakel có nói với tôi rồi.”

Harry rửa thầm trong bụng. Sao anh không trả lời là đã nhờ tổng đài tra hộ chứ? Như thế mới không đáng ngờ.

“Thật sao?” Mathias hỏi.

“Thật.”

“Được rồi,” y nói. “Cứ tới đi. Cửa không khóa đâu.”

Harry tắt máy và nhìn cái điện thoại chăm chăm. Anh không tìm được lời giải thích thỏa đáng cho dự cảm chẳng lành là thời gian cấp bách và anh phải mau mau chạy trốn trước khi bóng tối ập đến. Vậy là anh quy kết mình chỉ tưởng tượng linh tinh. Thật vô ích khi bị chi phối bởi nỗi sợ kiểu này, nỗi sợ đi cùng màn đêm đang dần kéo đến, khi không thể nhìn thấy nông trại của ông bà được nữa.

Harry bấm số điện thoại khác.

“A lô?” Hagen trả lời. Giọng nói đều đều và vô hồn. Harry đoán là giọng của người đang viết đơn từ chức.

“Sếp dẹp mấy vụ đơn từ đi,” Harry nói. “Và gọi ngay cho cảnh sát trưởng. Tôi cần được cấp quyền sử dụng vũ khí. Để bắt giữ nghi phạm giết người tại số 12 phố Åsengata, Torshov.”

“Harry...”

“Sếp nghe này. Phần thi thể bị mất của Sylvia Ottersen đang nằm trong một cái bể ngâm xác ở khoa Giải phẫu. Katrine không phải là Người Tuyết. Sếp có hiểu không?”

Đầu bên kia im lặng.

“Không,” Hagen thú nhận.

“Người Tuyết là một giảng viên của khoa Giải phẫu. Mathias Lund-Helgesen.”

“Lund-Helgesen ư? Quỷ tha ma bắt! Ý cậu muốn nói đến tên...”

“Phải, tên bác sĩ đã hết sức tận tình hướng sự chú ý của chúng ta về phía Idar Vetlesen.”

Sức sống đã trở lại trong giọng nói của Hagen. “Thế nào cảnh sát trưởng cũng sẽ hỏi liệu nghi phạm có súng hay không.”

“Ừm,” Harry nói, “theo như những gì chúng ta biết, hắn chưa dùng súng với bất cứ người nào bị hắn giết.”

Phải mấy giây sau Hagen mới nhận ra hàm ý xỏ xiên trong câu nói đó. “Tôi gọi cho ông ấy ngay đây,” ông ta đáp.

Harry ngắt máy và một tay vặn chìa khóa khởi động, tay kia bấm số của Magnus Skarre. Skarre và động cơ chiếc xe đồng loạt hồi đáp.

“Cậu còn ở Tryvann chứ?” Harry nói lớn để át tiếng máy gầm rú.

“Còn.”

“Đạp mọi thứ lại và nhảy lên ô tô đi. Gặp tôi ở ngã tư Åsengata và Vogts. Chuẩn bị đột kích.”

“Tình hình hỗn loạn rồi à?”

“Ừ,” Harry đáp. Lốp xe rít lên chói tai trên mặt đường khi anh nhả khớp ly hợp.

Anh bỗng nghĩ đến Jonas. Không hiểu sao anh lại nghĩ đến Jonas vào lúc này.

Một trong sáu chiếc ô tô tuần tra Harry yêu cầu Phòng Điều tra hỗ trợ đã chờ sẵn ở Åsengata khi Harry lái xe từ Storo tới phố Vogts. Anh tắt xe vào lề đường, bước ra rồi tới chỗ bọn họ. Họ hạ kính cửa sổ xuống và đưa cho Harry chiếc bộ đàm như anh yêu cầu.

“Tắt máy xay đi,” Harry ra lệnh, chỉ vào cái đèn xanh đang quay tròn. Anh nhấn nút đàm thoại và nhắc các xe tuần tra tắt còi hụ thật sớm trước khi có mặt tại hiện trường.

Bốn phút sau sáu xe đồng loạt tập kích tại ngã tư. Các sĩ quan cảnh sát, trong đó có cả Skarre và Ola Li của Đội Hình sự, vây quanh chiếc xe của Harry, nơi anh đang ngồi với tấm bản đồ đường phố đặt trên đùi và chỉ trỏ.

“Li, anh cùng với ba xe chặn mọi lối thoát có thể có. Ở đây, đây, và đây nữa.”

Li nhòai người xem bản đồ và gật đầu.

Harry quay sang Skarre. “Người quản lý thế nào rồi?”

Skarre giơ điện thoại lên. “Tôi đang nói chuyện đây. Ông ấy đang cầm theo chìa khóa tới cửa trước.”

“Được rồi. Cậu dẫn theo sáu người và bố trí cắt cử họ ở lối vào, cầu thang phía sau, và nếu có thể, cả trên mái nhà nữa. Cậu giữ vị trí sau cùng, nhé? Xe của đội Delta đã tới chưa?”

“Có đây.” Hai sĩ quan ăn vận y chang những người khác giơ tay ra hiệu cho biết họ đang lái chiếc xe thường dùng của Delta, Lực lượng Đặc nhiệm được huấn luyện riêng để thực thi những chiến dịch kiểu này.

“Được rồi, bây giờ các anh đứng chặn ở lối vào chính. Trang bị vũ khí cả rồi chứ?”

Các sĩ quan gật đầu. Vài người còn trang bị cả súng máy MP5 họ lấy ra từ ngăn hành lý sau xe. Những sĩ quan khác chỉ có trong tay khẩu súng lục công vụ. Vấn đề nằm ở ngân sách công, cảnh sát trưởng đã từng giải thích như vậy.

“Người quản lý cho biết Lund-Helgesen sống ở tầng hai,” Skarre nói, bỏ điện thoại vào túi áo khoác. “Mỗi tầng chỉ có một căn hộ. Không có lối thoát nào trên mái nhà. Để ra được cầu thang phía sau, hấn sẽ phải leo lên tầng ba rồi đi qua tầng áp mái đã bị khóa.”

“Tốt,” Harry nói. “Cậu cử hai người đi lên cầu thang đó và bảo họ đợi ở tầng áp mái.”

“Được.”

Harry dẫn theo hai sĩ quan mặc đồng phục của chiếc ô tô có mặt sớm nhất. Một trong hai người đã lớn tuổi, người kia là một cậu nhóc trẻ măng, mặt mụn, họ từng làm việc với Skarre trước đây. Thay vì đột nhập nhà số 12 phố Åsengata, họ băng qua đường và đi vào tòa chung cư đối diện.

Hai cậu bé nhà Stigson tròn xoe mắt nhìn hai sĩ quan mặc đồng phục trong khi bố chúng lắng nghe Harry trình bày lý do anh muốn mượn căn hộ của gia đình họ một lúc. Harry bước vào phòng khách, đẩy sofa ra khỏi vị trí cạnh cửa sổ và quan sát kỹ căn hộ bên kia đường.

“Phòng khách có ánh đèn,” anh nói.

“Có người đang ngồi ở đó,” sĩ quan lớn tuổi nói, ông ta đã tới đứng phía sau anh.

“Tôi nghe nói thị lực người ta giảm ba mươi phần trăm khi bước sang tuổi năm mươi,” Harry nói.

“Tôi chưa mù. Nhìn cái ghế to đằng kia sẽ thấy chóp đầu của hân và bàn tay đang đặt trên tay vịn ghế.”

Harry nheo mắt quan sát. Bố khi, chẳng lẽ đã đến lúc anh cần đeo kính rồi sao? Hừm, nếu ông sĩ quan này bảo trông thấy có người thì chắc là đúng.

“Ông ở lại đây và nếu thấy hân có động tĩnh gì thì gọi vào bộ đàm nhé?”

“Được rồi.” Viên cảnh sát lớn tuổi mỉm cười.

Harry dẫn theo cậu nhóc đi cùng.

“Ai ngồi trong đó thế ạ?” cậu ta lớn giọng hỏi để át đi tiếng chân sầm sập trong lúc hai người chạy xuống cầu thang.

“Đã nghe nói đến Người Tuyết chưa?”

“Ôi, chết tiệt.”

“Đúng đấy.”

Họ chạy nhanh sang tòa nhà bên kia đường. Người quản lý chung cư, cùng Skarre và năm sĩ quan mặc đồng phục đã đứng đợi sẵn ở cửa trước.

“Tôi không có chìa khóa của tất cả các căn hộ,” người quản lý nói. “Chỉ có chìa của cửa này thôi.”

“Không sao,” Harry nói. “Vũ khí của mọi người đã sẵn sàng cả chưa? Chúng ta sẽ cố gắng hành động càng khế càng tốt, được chứ? Đội Delta theo

sát tôi nhé...”

Harry rút khẩu Smith & Wesson của Katrine và ra hiệu với người quản lý, ông ta tra chìa vào ổ khóa.

Harry cùng hai sĩ quan Delta được trang bị súng máy MP5, bước êm như ru lên cầu thang, ba bậc một lúc.

Họ dừng lại ở tầng hai trước cánh cửa màu xanh da trời không có bảng tên. Một sĩ quan áp tai lên đó, quay sang nhìn Harry và lắc đầu. Harry đã hạ âm lượng của máy bộ đàm xuống mức thấp nhất và rồi anh đưa lên miệng.

“Alpha gọi...” Harry quên chưa đặt bí danh cho các cộng sự, mà tên thật thì anh lại không nhớ, “gọi vị trí ở cửa sổ cạnh sofa. Mục tiêu đã di chuyển chưa? Hết.”

Anh nhả nút bấm, có tiếng xẹt xẹt khẽ vang lên. Sau đó là một giọng nói, “Hắn vẫn ngồi trên ghế.”

“Rõ. Chúng tôi chuẩn bị vào đây. Báo cáo hết.”

Một sĩ quan gật đầu và lấy xà beng ra trong khi người kia lùi lại và chuẩn bị sẵn sàng.

Harry đã từng chứng kiến thủ pháp này rồi; người thứ nhất nạy cửa để người thứ hai xông vào. Lý do không phải vì không phá được cửa, mà là vì hiệu ứng của tiếng động lớn cùng với sức mạnh và tốc độ sẽ khiến mục tiêu choáng váng, chín trên mười trường hợp sẽ đờ ra như phỗng trên ghế, sofa hoặc trên giường.

Nhưng Harry giơ tay lên ngăn họ lại. Anh ấn tay nắm và đẩy.

Quả nhiên Mathias không nói dối; cửa không khóa thật.

Cánh cửa mở ra không gây bất cứ tiếng động nào. Harry chỉ vào người mình ý bảo để anh vào trước.

Căn hộ không được bài trí theo phong cách tối giản như Harry tưởng tượng.

Tối giản ở đây nghĩa là không có gì cả: không giày dép trên hành lang, không đồ nội thất, không tranh ảnh. Chỉ có bốn bức tường trống trải đang khẩn thiết cần được thay giấy dán hoặc một nước sơn mới. Nơi này trông như bị bỏ hoang suốt một thời gian dài.

Cửa phòng khách hé mở, và qua khe hở Harry có thể trông thấy tay vịn của ghế bành, một bàn tay người đặt bên trên. Bàn tay nhỏ nhắn đeo đồng hồ. Anh nín thở, sỏi hai bước dài, nắm chắc khẩu súng lục và dùng chân đẩy cửa ra.

Harry cảm nhận được hai sĩ quan đã di chuyển tới phạm vi tầm nhìn của anh bỗng dừng lại.

Rồi anh nghe thấy một người khẽ thốt lên, gần như không rõ tiếng. “Lạy Chúa tôi...”

Treo phía trên ghế bành là một cái đèn chùm lớn đang bật, soi tỏ người ngồi đó nhìn thẳng về phía anh. Người này có vết bầm trên cổ do bị siết, khuôn mặt trắng bệch và đẹp, mái tóc đen như mun, mặc bộ váy màu thanh thiên điểm những bông hoa li ti màu trắng. Chính là chiếc váy trong bức ảnh trên bộ lịch anh treo ở nhà bếp. Harry tưởng như tim mình vỡ tan trong ngực khi cơ thể anh bỗng hóa đá. Anh cố di chuyển nhưng không sao dứt được ánh nhìn khỏi cặp mắt đờ đẫn kia. Cặp mắt đờ đẫn đầy oán trách. Oán trách anh vì đã không hành động; những điều này tuy anh không hề hay biết nhưng lẽ ra anh phải có hành động gì chứ, phải ngăn chặn điều đó xảy ra, phải cứu được cô.

Trông cô trắng bệch không khác gì mẹ anh lúc sắp lâm chung.

“Kiểm tra các chỗ còn lại đi,” Harry nói bằng giọng nghèn nghẹn, hạ dần súng xuống.

Anh chệnh choáng bước về phía cái xác và cầm lấy cổ tay cô. Nó lạnh như băng và vô hồn, như cầm thạch. Vậy mà anh lại cảm thấy có tiếng *tích tích* vang lên, như mạch đập yếu ớt, và trong giây phút ngớ ngẩn anh đã tưởng cô chỉ được hóa trang cho giống xác chết mà thôi. Nhưng rồi anh cúi nhìn và nhận ra tiếng *tích tắc* phát ra từ cái đồng hồ.

“Ở đây không còn ai khác nữa,” anh nghe thấy giọng một sĩ quan vang lên từ đằng sau. Tiếp đến là tiếng ho. “Anh có biết cô ta là ai không?”

“Biết,” Harry nói, quệt một ngón tay lên mặt đồng hồ. Chính là chiếc đồng hồ mà chỉ vài tiếng trước anh còn cầm trên tay. Món đồ để quên trong phòng ngủ của anh. Vật được anh bỏ vào chuồng chim vì tối nay bạn trai Rakel sẽ đưa cô đi chơi. Đến dự một bữa tiệc. Để án mừng sự kiện kể từ giờ trở đi, hai người họ sẽ về chung một nhà.

Harry lại nhìn đôi mắt ấy, đôi mắt đầy vẻ oán trách.

Phải rồi, anh thăm nghĩ. Mọi tội lỗi đều là ở anh.

Skarre bước vào nhà và đứng sau Harry, nhìn cái xác người phụ nữ trên ghế qua vai anh. Sau anh ta là hai sĩ quan Delta.

“Bị siết cổ à?” anh ta hỏi.

Harry không đáp mà cũng chẳng nhúc nhích. Một bên quai của chiếc váy màu thanh thiên đã tuột khỏi vai.

“Mặc váy mùa hè vào tháng Mười hai thì lạ thật,” Skarre nói, chủ yếu là cho có chuyện.

“Cô ấy vẫn hay mặc thế,” Harry nói bằng một giọng như vọng đến từ nơi nào xa thẳm.

“Ai cơ?” Skarre hỏi.

“Rakel.”

Viên cảnh sát giật bản mình. Anh ta đã từng gặp bạn gái cũ của Harry hồi cô ta còn làm ở sở cảnh sát. “Đó... đó là... Rakel sao? Nhưng...”

“Là váy của cô ấy,” Harry nói. “Đồng hồ cũng là của cô ấy. Hẳn cho nạn nhân mặc giống Rakel. Nhưng người đang ngồi đó là Birte Becker.”

Skarre im lặng quan sát cái xác. Trông nó không giống bất kỳ xác chết nào anh ta từng thấy. Thi thể này trắng bệch như tờ giấy và trương lên.

“Hai anh đi với tôi,” Harry nói, hướng sự chú ý về phía hai sĩ quan Delta rồi quay sang Skarre. “Cậu ở lại đây lập hàng rào cách ly căn hộ này. Gọi cho Đội Điều tra Hiện trường ở Tryvann và bảo họ lại có việc đang chờ họ đấy.”

“Anh định sẽ làm gì?”

“Khiêu vũ,” Harry đáp.

Căn hộ chìm vào im lặng sau khi ba người đàn ông rầm rập chạy xuống cầu thang. Nhưng chỉ vài giây sau, Skarre nghe thấy tiếng ô tô khởi động và lốp xe rít lên chói tai trên mặt đường nhựa ở phố Vogts.

Chiếc đèn màu xanh xoay tròn và soi sáng con đường. Harry đang ngồi trên ghế phụ phía trước và lắng nghe tiếng chuông liên hồi ở đầu dây bên kia. Treo dưới tấm gương là hai hình nộm cô gái mặc bikini nhảy nhót theo tiếng còi hú vang lên ai oán trong lúc chiếc ô tô cảnh sát luồn lách giữa những hàng xe cộ trên đường vành đai 3.

Làm ơn, anh khẩn nài. Làm ơn nhắc máy đi, Rakel.

Anh nhìn hai vũ công bằng kim loại dưới tấm gương, nghĩ mình cũng chẳng khác gì họ: con rối khiêu vũ theo điệu nhạc của kẻ khác, nhân vật hài trong vở hài kịch, người luôn chậm hơn hai bước so với những gì đang diễn ra, lúc nào cũng lao ra khỏi cửa vào lúc quá trễ và trở thành trò cười cho khán giả.

Harry chịu hết nổi rồi. “Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp!” anh hét lớn và ném chiếc di động vào kính chắn gió. Nó trượt xuống bảng điều khiển rồi rơi xuống sàn. Người sĩ quan đang lái xe và sĩ quan còn lại đưa mắt nhìn nhau qua gương.

“Tắt còi hụ đi,” Harry bảo.

Trong xe bỗng trở nên im ắng.

Sự chú ý của Harry đột ngột hướng về phía âm thanh phát ra từ dưới sàn.

Anh bật điện thoại lên.

“A lô!” anh nói lớn. “A lô. Em có nhà không, Rakel?”

“Tất nhiên rồi, anh đang gọi vào số cố định mà.” Đúng là giọng nói của cô. Tiếng cười dịu dàng, bình thản. “Có vấn đề gì sao?”

“Oleg cũng ở nhà à?”

“Vâng,” cô nói. “Nó đang ngồi ăn trong bếp đây này. Bọn em đang đợi Mathias. Sao vậy, Harry?”

“Chú ý lắng nghe cho kỹ, Rakel. Em nghe rõ chứ?”

“Anh làm em sợ đấy, Harry. Có chuyện gì?”

“Em cài chốt xích ở cửa chính đi.”

“Sao phải thế? Cửa khóa rồi và...”

“Cài chốt xích vào, Rakel!” Harry hét lớn.

“Được rồi, được rồi!”

Anh nghe thấy cô nói gì đó với Oleg, rồi có tiếng ghế xô và tiếng chân chạy. Khi trở lại, giọng nói cất lên run rẩy.

“Giờ nói cho em biết có chuyện gì đi, Harry.”

“Anh sẽ nói. Nhưng trước hết em phải hứa dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không để cho Mathias vào nhà.”

“Mathias ư? Anh say đấy à, Harry? Anh không có quyền...”

“Mathias nguy hiểm lắm, Rakel. Anh đang ngồi ô tô cùng hai sĩ quan khác, bọn anh đang trên đường tới nhà em. Anh sẽ giải thích nốt với em sau. Bây giờ em nhìn ra ngoài cửa sổ đi. Có trông thấy gì không?”

Anh nghe thấy cô ngần ngừ. Nhưng anh không nói thêm gì, chỉ chờ đợi. Vì anh hiểu ra, một cách chắc chắn đến bất ngờ, rằng cô tin anh, tin tưởng ở anh, xưa nay vẫn vậy. Xe sắp đi vào đường hầm ở Nydalen. Bên vệ đường tuyết tụ lại hết như lớp bông màu trắng xám. Rồi giọng cô lại cất lên.

“Em chẳng trông thấy gì. Nhưng em cũng có biết mình cần tìm gì đâu, đúng không?”

“Vậy là em không thấy người tuyết nào?” Harry khẽ hỏi.

Sự im lặng kéo theo sau đó khiến anh biết cô đã bắt đầu hiểu ra tất cả.

“Anh hãy nói chuyện này không phải là thật đi, Harry,” cô thì thầm. “Hãy nói đây chỉ là một giấc mơ thôi.”

Anh nhắm mắt lại và ngẫm nghĩ liệu có thể nào cô có lý. Trước mắt anh hiện ra hình ảnh Birte Becker trên chiếc ghế. Đó hẳn là mơ.

“Anh đã để đồng hồ vào chuồng chim cho em,” anh nói.

“Nhưng nó không có trong đó, nó...” cô nói, rồi ngừng lại và rên rỉ. “Ôi trời ơi!”

ngày thứ hai mươi mốt

QUÁI VẬT

Đứng từ trong bếp, Rakel có được tầm nhìn theo cả ba hướng mà từ đó một người có thể tiếp cận ngôi nhà. Phía sau nhà là một sườn dốc gồ ghề đá tuy thấp nhưng hiểm trở khó leo xuống được, nhất là lúc này lại có tuyết phủ. Cô đi từng cửa sổ. Nhìn ra ngoài và kiểm tra để chắc chắn cửa đã đóng chặt. Khi chiến tranh kết thúc bố cô đã làm nhà với cửa sổ ở trên cao và lắp cả song sắt. Cô biết việc đó có liên quan đến cuộc chiến và một tên người Nga đã lén vào boongke quân sự ở gần Leningrad và bắn đồng đội của bố cô trong lúc họ ngủ say. Không một ai sống sót ngoài bố cô, ông nằm ngay cạnh lối vào, kiệt sức nên ngủ mê mết và chỉ tỉnh dậy khi nghe tiếng chuông báo động để rồi phát hiện vỏ đạn vãi đầy trên tấm chăn đang đắp. Đó là đêm cuối cùng ông được ngon giấc, ông luôn nói với cô như thế. Nhưng cô vẫn rất ghét những hàng chấn song. Cho tới tận ngày hôm nay.

“Con lên phòng không được sao?” Oleg nói, đá vào chân cái bàn ăn lớn.

“Không được,” Rakel nói. “Con phải ở lại đây.”

“Chú Mathias đã gây ra chuyện gì ạ?”

“Khi nào Harry đến, chú ấy sẽ giải thích tất cả. Con chắc chắn đã cài chốt xích cẩn thận rồi chứ?”

“Vâng. Ước gì lúc này có bố ở đây.”

“Bố ư?” Cô chưa nghe thằng bé gọi ai như thế bao giờ. Ngoại trừ với Harry, nhưng đó là chuyện của vài năm trước. “Ý con là bố con ở Nga?”

“Ông ta không phải bố.”

Nó nói một cách chắc nịch khiến cô rùng mình.

“Cửa tầng hầm!” cô la lên.

“Sao ạ?”

“Mathias có cả chìa khóa tầng hầm. Phải làm sao bây giờ?”

“Để mà,” Oleg nói và uống nốt cốc nước. “Mẹ dùng một cái ghế ngoài trời chèn vào dưới tay nắm cửa ấy. Cái ghế cao vừa đủ đấy. Như thế chẳng ai vào

được đâu.”

“Con thử rồi à?” cô sửng sốt hỏi.

“Chú Harry từng làm một lần hồi hai chú cháu chơi bắn súng cao bồi.”

“Ngồi đây nhé,” cô nói, quay người đi ra hành lang và tới cửa tầng hầm.

“Khoan đã mẹ.”

Cô dừng lại.

“Con xem cách chú ấy làm rồi,” Oleg nói, nó đã đứng dậy. “Mẹ ở lại đây đi.”

Cô nhìn con trai. Chúa ơi, mới một năm thôi mà thằng bé đã lớn phổng lên, chẳng mấy chốc nó sẽ cao hơn cả cô. Và cái nét trẻ con trong đôi mắt sẫm màu kia đang dần nhường chỗ cho sự ương bướng nhất thời của tuổi mới lớn, nhưng lúc này cô đã thấy trước vẻ ương bướng ấy sẽ trở thành sự quyết đoán ở người đàn ông trưởng thành.

Cô do dự.

“Để con làm cho,” nó nói.

Giọng nói của nó chất chứa lời cầu xin. Và cô biết đây là việc quan trọng đối với nó, là vấn đề to tát cần giải quyết. Cách đối mặt với nỗi sợ của trẻ con. Những việc người lớn. Là dịp để noi gương bố. Bất kể người nó nghĩ đến là ai.

“Nhanh lên nhé,” cô khẽ nói.

Oleg chạy vụt đi.

Cô đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Nghe ngóng xem có tiếng xe chạy trên đường không. Cô cầu mong Harry sẽ tới đây trước. Thăm nghĩ sao mà yên ắng thế. Và cô không hiểu ý nghĩ tiếp theo bắt nguồn từ đâu: sắp tới rồi sẽ yên ắng đến nhường nào.

Nhưng rồi cô nghe thấy tiếng động thật. Một âm thanh rất nhỏ. Lúc đầu cô cho rằng nó đến từ bên ngoài. Sau đó cô tin chắc nó phát ra từ phía sau cô. Cô quay lại. Không thấy gì ngoài căn bếp trống. Âm thanh ấy lại vang lên. Nghe như tiếng *tích tắc* nặng nề của chiếc đồng hồ. Hoặc là tiếng ngón tay gõ trên bàn. Cái bàn. Cô nhìn chăm chăm. Tiếng động phát ra từ chỗ đó. Và rồi cô trông thấy nó. Một giọt nước vừa rơi xuống. Cô từ từ ngẩng đầu nhìn lên trần. Một hình tròn tối sẫm đã hình thành tại chính giữa trần nhà màu trắng. Ở trung

tâm hình tròn đó là một giọt nước long lanh. Giọt nước không giữ được nữa và rơi xuống mặt bàn. Dù đã quan sát từ đầu nhưng âm thanh ấy vẫn khiến cô giật nảy mình như thể vừa phải nhận một cái tát bất ngờ.

Chúa ơi, là nước ở phòng tắm đây mà! Chẳng lẽ cô lại quên tắt vòi sen nữa sao? Từ lúc về cô chưa đặt chân lên tầng hai mà lập tức bắt tay vào sửa soạn nấu nướng, vì thế chắc chắn nước chảy suốt từ sáng đến giờ. Mà lại *cứ phải* xảy ra đúng vào lúc rồi ren này mới được.

Cô đi ra hành lang, chạy lên lầu và rảo bước về phía phòng tắm. Cô không nghe thấy tiếng vòi sen. Cô mở cửa. Sàn vẫn khô. Không có nước chảy. Cô đóng cửa lại và tần ngần đứng ngoài phòng tắm trong giây lát. Liếc nhìn về phía cửa phòng ngủ đang mở hé. Cô chầm chậm bước tới, cầm lấy tay nắm. Do dự. Lắng tai nghe xem có tiếng ô tô không. Rồi cô mở cửa ra, nhìn vào trong phòng. Cô những muốn hét lên. Nhưng bản năng mách bảo cô nhất định không được hét mà phải giữ im lặng. Im lặng tuyệt đối.

“Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp!” Harry hét lớn và đập tay vào bảng điều khiển làm nó rung lên. “Chuyện gì thế này?”

Dòng xe cộ đã dừng lại phía trước đường hầm. Họ chết gí tại chỗ suốt hai phút rồi.

Đúng lúc đó, lý do được giải thích qua hệ thống radio của cảnh sát. “Đã xảy ra va chạm trên đường vành đai 3 gần lối ra của đường hầm phía Tây tại Tåsén. Không có người bị thương. Xe cứu hộ đang tới.”

Một thôi thúc bất chợt trỗi dậy và Harry chớp lấy bộ đàm. “Có biết là ai không?”

“Chỉ biết là hai xe con, đều sử dụng loại lốp mùa hè,” giọng mũi cất lên qua radio lẽ nhè đáp một cách ngắn gọn.

“Tháng Mười một lúc nào cũng gây ra đủ thứ rắc rối,” viên sĩ quan ngồi ở ghế sau nói.

Harry không đáp, chỉ gõ tay trên bảng điều khiển. Anh cân nhắc các phương án khác. Phía trước lẫn phía sau đều là hàng dài ô tô chặn lối, dù có cả tỷ cái đèn xanh và còi hụ cũng chẳng giúp họ đi qua được. Anh có thể rời khỏi ô tô và chạy bộ đến cuối đường hầm, thông báo qua radio bảo một xe tuần tra đợi anh ở đó, nhưng quãng đường dài tới gần hai cây số chứ chẳng chơi.

Trong xe lúc này thật im ắng, chỉ có tiếng ầm ì của động cơ đang chờ. Chiếc xe van phía trước nhích lên được một mét, và viên sĩ quan cho xe tiến lên. Để đến khi gần đâm vào thanh cản sau của nó thì anh ta mới phanh lại như sợ rằng bất cứ điều gì khác ngoài động tác lái xe giật cục cũng có thể khiến vị thanh tra nổi xung thêm lần nữa. Xe phanh gấp làm hai cô gái mặc bikini vui vẻ va lạnh canh trong khoảng lặng kéo theo sau đó.

Harry lại nghĩ đến Jonas. Nhưng tại sao chứ? Lý do gì đã khiến anh nhớ về Jonas trong lúc nói chuyện với Mathias qua điện thoại? Có điều gì đó lạ lạ trong âm thanh anh nghe được. Tiếng nhạc ở đâu đây bên kia.

Harry chăm chú nhìn hai vũ công treo dưới gương. Và mọi chuyện đột nhiên sáng tỏ.

Anh đã hiểu vì sao mình lại nghĩ đến Jonas. Anh biết âm thanh kia là tiếng gì rồi. Và anh cũng biết không thể trì hoãn thêm một giây nào nữa. Hoặc có lẽ - anh cố kiềm chế ý nghĩ này - bây giờ có vội cũng chẳng để làm gì. Tất cả đã quá trễ rồi.

Oleg vội vã bước trong bóng tối của hành lang tầng hầm mà không nhìn ngang ngó dọc, biết rằng những lớp muối đóng cặn trên tường gạch giống như những bóng ma trắng toát. Nó cố tập trung vào nhiệm vụ trước mắt, cố không nghĩ tới điều gì khác, không để ý nghĩ tồi tệ len lỏi vào tâm trí. Harry đã dạy như thế. Ta có thể chiến thắng những con quái vật duy nhất đang tồn tại, ấy là thứ quái vật mà trí não ta tạo ra. Nhưng muốn thế thì phải nỗ lực. Phải đối mặt với chúng, chiến đấu với chúng càng thường xuyên càng tốt. Những trận giao tranh nho nhỏ mà ta có thể giành phần thắng. Sau đó ta về nhà, băng bó vết thương rồi thử lại lần nữa. Oleg đã làm được, nó đã ở một mình trong tầng hầm rất nhiều lần, dĩ nhiên là phải thế thì mới giữ cho đôi giày trượt băng luôn ở nhiệt độ thấp chứ.

Nó vớ lấy một chiếc ghế ngồi ngoài trời, kéo rê trên sàn để âm thanh sinh ra nhấn chìm sự tỉnh mạch. Nó kiểm tra xem cửa tầng hầm đã khóa thật chưa. Rồi nó chèn cái ghế dưới tay nắm sao cho không xô dịch được. Thế là xong. Nó đột ngột dờ ra. Cái gì thế kia? Nó ngược lên nhìn ô cửa sổ nhỏ ở trên cửa ra vào. Nó không thể kìm giữ được những ý nghĩ đó nữa, chúng ủa đến như thác lũ. Có người đang đứng ngoài kia. Nó muốn chạy trốn lắm nhưng cố dằn lòng

đứng yên. Lúc này cuộc chiến giữa những ý nghĩ tốt xấu đang diễn ra trong tâm trí nó. Mình đang ở trong nhà, Oleg tự nhủ. Mình được an toàn khi ở dưới này cũng như trên kia. Nó hít một hơi, cảm thấy trống ngực đập thình thình. Rồi nó nhoài người tới và nhìn cửa sổ. Nó trông thấy hình bóng phản chiếu của khuôn mặt mình. Nhưng bên trên còn có một khuôn mặt khác, khuôn mặt méo mó biến dạng không phải là nó. Và nó trông thấy bàn tay, bàn tay của con quái vật đang giơ lên. Oleg thất kinh lùi lại. Nó va phải vật gì đó và cảm thấy bàn tay bất ngờ bịt mắt, bịt miệng nó. Nó không sao hét được dù rất muốn. Nó muốn hét lên rằng điều này không phải tưởng tượng, đây chính là con quái vật, con quái vật đã vào được bên trong. Và tất cả bọn họ sắp chết rồi.

“Hắn đang ở trong nhà,” Harry nói.

Hai sĩ quan nghệt ra nhìn Harry trong lúc anh bấm nút gọi lại trên điện thoại. “Tôi cứ tưởng âm thanh ấy là tiếng nhạc cụ Nhật Bản, nhưng thực ra là tiếng chuông gió bằng kim loại. Chiếc chuông treo trong phòng Jonas. Và Oleg cũng có một cái. Ngay từ đầu Mathias đã ở đó rồi. Chính hắn bảo với tôi thế mà, đúng không?”

“Ý anh là sao?” viên sĩ quan ngồi phía sau hỏi liều một câu.

“Hắn nói hắn đang ở nhà. Tức là ngôi nhà ở Holmenkollveien, giờ thì đã rõ. Thậm chí hắn còn nói mình chuẩn bị *xuống* gặp Rakel và Oleg. Đáng lẽ tôi phải hiểu ra chứ. Dù gì thì Holmenkollen cũng nằm ở địa hình cao hơn so với Torshov mà. Hắn đang ở tầng hai của căn nhà tại Holmenkollveien. Đang chuẩn bị xuống. Chúng ta phải bảo họ ra khỏi đó ngay lập tức. Nghe máy đi chứ, chết tiệt!”

“Biết đâu cô ấy không ở gần...”

“Trong nhà có bốn cái điện thoại. Hắn cắt dây rồi. Tôi phải tới đó thôi.”

“Chúng ta có thể cử xe tuần tra khác đến,” sĩ quan ngồi sau tay lái nói.

“Không được!” Harry gắt lên. “Dù sao cũng quá muộn rồi. Hắn đã bắt được họ. Cơ may duy nhất ta có là con mồi cuối cùng. Là tôi.”

“Anh á?”

“Đúng vậy. Tôi là một phần trong kế hoạch của hắn.”

“Anh *không phải* một phần trong kế hoạch của hắn, ý anh là thế?”

“Không. Ngược lại mới đúng. Hắn đang đợi tôi *đến*.”

Hai sĩ quan cảnh sát đưa mắt nhìn nhau, và họ bỗng nghe thấy tiếng còi inh ỏi của một chiếc mô tô luồn lách giữa đám xe hơi đang chết gí ở phía sau.

“Anh nghĩ vậy à?”

“Phải,” Harry đáp, nhắc thấy cái mô tô qua gương bên. Nghĩ rằng đó là câu trả lời duy nhất anh có thể đưa ra vào lúc này. Vì đó là câu trả lời duy nhất mang lại cho họ hy vọng dù là mong manh.

Oleg vận hết sức bình sinh để kháng cự, nhưng rồi nó nhũn như con chi chi trong vòng kìm kẹp của quái vật khi cảm thấy một vật bằng thép lạnh lẽo gí vào cổ mình.

“Thứ này gọi là dao mổ, Oleg ạ.” Con quái vật có giọng nói của Mathias. “Bọn tao dùng nó để mổ người. Mà không tin nổi việc đó dễ đến thế nào đâu.”

Sau đó con quái vật bắt nó há to miệng và nhét miếng giẻ bẩn thỉu vào, lệnh cho nó nằm sấp xuống, đưa hai tay ra sau lưng. Oleg không nghe ngay nên lưỡi thép đâm vào dưới tai, nó cảm thấy dòng máu nóng hồi tràn qua vai và chảy xuống mặt trong của chiếc áo phông. Nó nằm sấp trên sàn xi măng lạnh buốt, con quái vật ngồi đè lên. Một cái hộp màu đỏ được thả xuống trước mặt nó. Nó đọc cái nhãn trên hộp. Đó là dây buộc bằng nhựa, loại dây mảnh thường dùng để buộc những bó cáp và hộp đồ chơi, thứ rất khó chịu vì chỉ có thể thít chặt chứ không nói lỏng ra được, và cũng không thể giựt đứt mặc dù dây *rất* mảnh. Oleg cảm thấy nhựa sắc cứa vào da quanh cổ tay và cổ chân.

Thế rồi nó bị nhấc bổng lên rồi bị ném xuống, chẳng còn thời gian để đợi cơn đau kéo đến khi nó rơi xuống nhẹ nhàng, với một tiếng *bịch*. Nó ngược lên nhìn. Nó đang nằm ngửa trong chiếc tủ đông lạnh, lớp băng vỡ khiến da trên cẳng tay và mặt rất buốt. Phía trên nó là con quái vật đang đứng với cái đầu nghiêng nghiêng.

“Tạm biệt,” quái vật nói. “Không lâu nữa chúng ta sẽ gặp nhau ở thế giới bên kia.”

Nắp tủ đóng sầm lại, mọi thứ xung quanh Oleg chìm vào bóng tối mù mịt. Nó nghe thấy tiếng chìa khóa xoay trong ổ và tiếng chân vội vã đi xa dần. Nó

cổ nhấc lưỡi lên, cổ luồn ra phía sau cái giẻ, phải đẩy nó ra. Phải hít thở. Phải có không khí.

Rakel đã ngừng thở. Cô đứng như trời trồng ở ngưỡng cửa biết rằng điều mình đang chứng kiến thật điên rồ. Sự điên rồ khiến cô ghê sợ, miệng há hốc và mắt trợn tròn.

Giường và các đồ đạc khác đã bị đẩy vào sát tường, sàn nhà được bao phủ bởi một lớp nước gần như vô hình và chỉ lay động mỗi khi có giọt nước rơi xuống. Nhưng Rakel không để ý đến nó, thứ duy nhất cô nhìn thấy là một người tuyết khổng lồ sừng sững ở giữa phòng.

Chiếc mũ chóp cao đến gần chạm trần, đội trên cái đầu với cái miệng ngoác ra cười.

Khi cô cuối cùng cũng tìm lại được hơi thở và ôxy ào ạt truyền lên não, cô mới nhận ra mùi len ướt, mùi gỗ ướt, nghe thấy tiếng nước nhỏ tong tong của tuyết đang tan. Một luồng khí lạnh ủa đến chỗ cô, nhưng đó không phải thứ làm cô nổi gai ốc, mà là hơi ấm tỏa ra từ người đàn ông đứng phía sau cô.

“Em thấy có đẹp không?” Mathias nói. “Tôi đắp nó cho riêng em đây.”

“Mathias...”

“Suyt.” Y vòng tay quanh cổ cô như muốn chở che. Cô cúi nhìn thì thấy bàn tay đó đang cầm dao mổ. “Đừng nói gì, tình yêu của tôi. Còn bao nhiêu việc cần làm trong khi thời gian lại quá ít ỏi.”

“Tại sao? Tại sao chứ?”

“Phải sống cho hiện tại, Rakel. Quãng đời còn lại ngắn ngủi vô cùng, vì thế ta hãy ăn mừng thôi, đừng phí phạm thời giờ để giải thích dài dòng. Làm ơn vòng hai tay ra sau lưng.”

Rakel ngoan ngoãn làm theo. Cô không nghe tiếng Oleg từ tầng hầm đi lên. Có lẽ nó vẫn còn ở dưới ấy, có lẽ nó có thể thoát ra nếu cô cầm chân được Mathias. “Tôi muốn biết lý do,” cô nói, thấy giọng mình nghèn nghẹn vì xúc động.

“Vì cô là một con điếm.”

Cô cảm nhận được một thứ vừa mảnh vừa cứng siết chặt lấy hai cổ tay. Cảm thấy hơi thở ấm áp của y trên cổ cô. Sau đó là môi y. Rồi đến lưỡi y. Cô nghiêng

chặt rằng, biết rằng nếu cô hét lên thì có thể hăn sẽ dừng lại, cô muốn hăn cứ tiếp tục, cứ phí phạm thời giờ đi. Cái lưỡi từ từ lướt lên tai cô. Y cắn nhẹ.

“Còn thằng con sinh ra từ trò điếm của cô đang nằm trong tủ đông lạnh,” y thì thào.

“Oleg?” cô nói, cảm thấy mình bắt đầu mất bình tĩnh.

“Cô em cứ bình tĩnh, nó sẽ không chết vì lạnh đâu.”

“Kh-không ư?”

“Rất lâu trước khi thân thể nó lạnh đi, con trai của con điếm đã chết vì ngạt thở rồi. Đó chẳng qua là một phép tính đơn giản thôi.”

“Phép...”

“Tôi đã tính toán từ lâu. Mọi chuyện đều được tính trước cả rồi.”

Một chiếc mô tô lao đi trong bóng tối trên con đường ngoằn ngoèo ở Holmenkollen. Tiếng động cơ gầm rú vang vọng khắp khu nhà, ai trông thấy cũng đều cho rằng đó là hành động điên rồ trong khi đường sá đang ngập tuyết như thế này. Người điều khiển mô tô thật đáng bị tịch thu bằng lái. Nhưng anh ta làm gì có bằng cơ chứ.

Harry cho xe tăng tốc trên con đường dẫn tới ngôi nhà gỗ màu đen, nhưng khi đến chỗ cua gấp, bánh xe quay tít trên lớp tuyết mới và anh cảm thấy chiếc mô tô giảm dần tốc độ. Anh không cố chống đỡ cú trượt mà nhảy ra khỏi mô tô, cái xe lao xuống sườn dốc, tông trúng vài cành vân sam la đà gần mặt đất trước khi đâm sầm vào một gốc cây và đổ nghiêng, tuyết bắn tung tóe từ bánh sau, động cơ tắt lịm.

Lúc đó Harry đã leo lên đến lưng chừng bậc tam cấp.

Trên tuyết không có dấu chân nào, từ ngoài đi vào hay từ nhà đi ra. Anh vừa chạy tới chỗ cửa chính vừa rút súng.

Cửa không khóa. Đúng như lời hứa.

Anh lách người vào hành lang, điều đầu tiên anh trông thấy là cửa tầng hầm mở toang.

Harry dừng lại nghe ngóng. Có tiếng động gì đó giống như tiếng gõ. Hình như là xuất phát từ phòng bếp. Harry ngần ngừ. Rồi anh quyết định xuống tầng hầm.

Anh rón rén bước xuống cầu thang, súng lục chĩa về phía trước. Khi xuống đến nơi, anh dừng lại để mắt quen với bóng tối và lắng tai nghe. Cả căn hầm cứ như đang nín thở. Anh phát hiện thấy cái ghế ngồi ngoài trời đang chèn dưới tay nắm cửa. Oleg. Anh đưa mắt quan sát kỹ hơn. Đang định đi lên thì bỗng anh bị thu hút bởi một vết loang sẫm màu trên sàn gạch cạnh cái tủ đông lạnh. Nước à? Anh bước lại gần hơn. Hẳn là nước chảy ra từ bên dưới cái tủ. Anh cố xua những ý nghĩ trong đầu khỏi hướng chúng đang nhắm tới và kéo cửa. Bị khóa rồi. Cửa vẫn còn trong ổ, nhưng thường thì Rakel không mấy khi khóa. Những hình ảnh ở Finnøy lại hiện ra, nhưng anh vội vã xoay chìa và mở cửa tủ ra.

Harry chỉ kịp nhác thấy ánh kim loại lóe lên từ trong bóng tối mù mịt, sau đó cơn đau nhói buốt trên mặt khiến anh bật lùi lại. Dao ư? Anh ngã ngửa giữa hai chiếc giỏ đựng quần áo bẩn, một bóng người nhanh nhẹn, uyển chuyển đã trèo ra khỏi tủ và tới đứng trước anh.

“Cảnh sát đây!” Harry la lớn và vội vàng giương súng lên. “Cấm cử động!”

Bóng người khựng lại, một tay giơ lên cao. “H-Harry?”

“Oleg?”

Anh hạ súng xuống và trông thấy thứ thẳng bé đang cầm. Một chiếc giày trượt băng.

“Cháu... cháu cứ tưởng là Mathias quay lại,” nó thì thào.

Harry đứng dậy. “Mathias đâu?”

“Cháu không biết. Hẳn nói sẽ sớm gặp lại nên cháu nghĩ...”

“Chiếc giày ở đâu ra thế?” Harry cảm thấy vị máu tanh trong miệng, tay anh chạm vào vết rạch trên mặt đang ứa máu.

“Ở trong tủ ạ.” Oleg nhe răng cười tinh quái. “Cháu bị la quá trời vì tội để giày trượt ở bậc cửa, nên cháu đem giấu dưới túi đậu để mẹ không phát hiện. Nhà cháu chả bao giờ ăn đậu, chú biết đấy.”

Nó đi theo Harry lên cầu thang.

“May mà cháu mài sắc lưỡi dao ở giày nên cắt được dây trói. Khóa thì cháu chịu chết, nhưng cháu cũng xoay sở chọc được vài lỗ ở đáy tủ để lấy ít không khí. Cháu đập vỡ bóng đèn để đèn không sáng khi hắt mở tủ.”

“Và thân nhiệt của cháu đã làm tan băng khiến nước chảy ra qua lỗ thủng,” Harry nói.

Hai người đặt chân lên hành lang, Harry kéo Oleg tới cửa trước, mở ra và chỉ tay.

“Có thấy đèn nhà hàng xóm không? Cháu chạy qua đó xin trú nhờ cho tới khi chú sang đón nhé?”

“Không!” Oleg đáp đầy quả quyết. “Mẹ cháu...”

“Suyt! Nghe chú nói này. Bây giờ điều tốt nhất cháu có thể làm cho mẹ là rời khỏi đây.”

“Cháu muốn tìm mẹ!”

Harry tóm lấy vai Oleg và bóp chặt đến nỗi thằng bé ứa nước mắt vì đau.

“Bảo chạy thì cứ chạy đi, đồ ngốc.”

Anh nói tuy khế nhưng cơn thịnh nộ đang cố đè nén ẩn chứa trong đó đáng sợ đến nỗi Oleg chớp mắt ngơ ngác, một giọt lệ tràn qua hàng mi và lăn dài xuống má. Thế rồi nó quay người lao ra khỏi cửa, đêm tối và làn tuyết rơi dày đặc nuốt chửng bóng hình thằng bé.

Harry cầm lấy bộ đàm và nhấn nút nói. “Harry đây. Mọi người còn cách xa không?”

“Chúng tôi đang ở sân vận động. Hết.” Harry nhận ra giọng Gunnar Hagen.

“Tôi vào rồi,” Harry nói. “Cứ đỗ xe trước nhà, nhưng khi nào tôi bảo thì hãy vào. Hết.”

“Rõ.”

“Báo cáo hết.”

Harry bước về phía âm thanh vẫn vang lên từ trong bếp. Đứng ở ngưỡng cửa, anh chăm chú nhìn dòng nước từ trên trần chảy xuống. Thạch cao mủn ra làm cho nước ngả màu xám đục, liên tục rỏ tong tỏng trên bàn ăn.

Harry rải bốn bước dài đi hết lượt cầu thang lên tầng hai. Anh rón rén tiến lại phòng ngủ. Nuốt khan. Quan sát tay nắm cửa. Đứng ở ngoài này anh có thể nghe thấy tiếng còi hụ của cảnh sát từ xa vọng lại. Máu chảy ra từ vết cửa trên mặt anh rơi xuống sàn gỗ với một tiếng rơi tòm nhẹ khế.

Đến giờ phút này anh đã cảm nhận được điều ấy một cách rõ ràng chẳng kém cảm giác nhức nhối nơi thái dương; đây là nơi tất cả sẽ kết thúc. Thực ra như vậy cũng khá logic đây chứ. Đã bao nhiêu lần anh tần ngần đứng trước cửa phòng ngủ như lúc này, khi bình minh ló dạng, trong khi tối hôm trước anh đã hứa sẽ ở nhà với cô, bao nhiêu lần anh đứng đây với lương tâm cắn rứt, biết rằng cô đang say giấc trong kia? Anh thận trọng ấn cái tay nắm anh biết sẽ phát ra tiếng ken két giữa chùng. Và cô sẽ tỉnh dậy, đôi mắt ngái ngủ hướng về phía anh, cổ tròng phạt anh bằng ánh nhìn sắc lẹm, cho tới khi anh chui vào trong chăn, rúc lại bên cô và cảm nhận sự kháng cự sắt đá từ từ tan chảy. Cô sẽ thốt ra những tiếng lầm bầm mẩn nguyện, nhưng chỉ vừa phải thôi. Sau đó anh sẽ vuốt ve cô nhiều hơn, hôn cô và âu yếm cẩn nhẹ, tự nguyện làm phận tôi tớ của cô cho tới khi cô cười lên anh, không còn là bà hoàng say ngủ mà vừa thủ thủ vừa rên rĩ, vừa phóng dăng lại như vừa phạt ý.

Anh siết chặt lấy nắm cửa, cảm thấy bàn tay mình nhận ra vật thể vuông vức phẳng dẹt ấy. Anh ấn xuống một cách hết sức dè dặt. Chờ đợi âm thanh cọt két quen thuộc vang lên. Nhưng lại chẳng thấy gì. Có điều gì đó khác lạ ở đây. Cái tay nắm khó ấn hơn. Lẽ nào ai đó đã siết chặt lò xo trong ổ khóa? Anh thận trọng buông ra. Cúi xuống và cố nhìn qua lỗ khóa. Chỉ thấy một màu đen. Có người đã bít cái lỗ lại rồi.

“Rakel!” anh gọi lớn. “Em có trong đó không?”

Không có tiếng thưa. Anh áp tai lên cửa. Hình như anh nghe thấy tiếng sột soạt, nhưng không dám chắc chắn. Anh lại cầm lấy tay nắm. Ngần ngừ. Rồi anh đổi ý, buông tay ra và vội chạy vào phòng tắm ở kế bên. Anh mở cánh cửa sổ nhỏ, ép người chui ra ngoài theo tư thế nằm ngửa. Ánh sáng hắt ra qua hàng chấn song đen sì trên cửa sổ phòng ngủ. Anh móc gót giày vào mặt trong khung cửa, gồng cứng hai chân và nhoài người ra khỏi phòng tắm, bám vào bức tường bên ngoài. Ngón tay anh quờ quạng trong vô vọng hòng tìm chỗ bám giữa những khúc gỗ thô ráp, tuyết lả tả rơi trên mặt anh rồi tan ra, hòa với máu chảy thành dòng xuống má. Anh cố gồng mình thêm nữa; khung cửa đè vào cẳng chân anh mạnh đến nỗi tưởng như sắp rạn xương. Bàn tay anh lần mò trên tường chẳng khác nào con nhện năm chân đang cuống quýt bò tới bò lui. Cơ bụng anh nhức nhối. Nhưng vẫn còn xa quá, anh không sao với tới được. Anh nhìn xuống đất và biết rằng bên dưới lớp tuyết mỏng là mặt đường nhựa.

Anh bỗng cảm thấy mình vừa chạm phải vật gì đó lạnh lẽo.

Một chấn song bằng sắt.

Hai ngón tay anh ngoắc vào đó. Thêm một ngón nữa. Rồi đến tay kia. Đôi chân đau nhức được giải thoát, đung đưa giãy lất và vội vã tìm điểm tựa để giải tỏa áp lực ở hai cánh tay. Cuối cùng anh cũng nhìn được vào trong phòng ngủ. Và trông thấy tất cả. Trí não anh cố gắng nắm bắt cảnh tượng trước mắt dù lúc này nó đã biết mình đang chứng kiến điều gì: tác phẩm nghệ thuật đã hoàn thiện, nguyên mẫu của thứ anh đã từng thấy.

Đôi mắt Rakel đang mở lớn và đen thẫm. Cô mặc một bộ váy đỏ thẫm. Màu đỏ của rượu Campari. Cô chính là *yên chi*. Đầu rướn lên như thể cô đang đứng cạnh hàng rào nhóng cổ nhìn sang bên kia; vẫn giữ nguyên tư thế ấy, cô cụp mắt xuống và nhìn về phía anh. Hai vai cô ưỡn ra sau, đôi cánh tay không lộ diện. Harry đoán tay cô bị trói sau lưng. Má cô phồng lên như bị nhét giẻ trong miệng. Cô ngồi giạng chân trên vai một người tuyết khổng lồ. Đôi chân trần bắt treo trước ngực người tuyết, anh có thể nhận thấy cơ chân căng cứng đang run rẩy. Cô không được ngã. Không thể ngã. Bởi bao quanh cổ cô không phải là sợi dây thép xám xịt vô hồn như trường hợp của Eli Kvale mà là vòng tròn sáng rực, chẳng khác nào sự tái hiện kỳ cục của màn quảng cáo loại kem đánh răng hứa hẹn mang đến cho người dùng cảm giác tự tin, may mắn trong tình yêu và cuộc đời hạnh phúc dài lâu. Một sợi dây kim loại buộc vào tay cầm màu đen của thùng lọng, vòng qua cái móc gắn ở trần nhà phía trên đầu Rakel và kéo dài tới tận bên kia phòng, nối với nắm cửa. Dây tuy không dày nhưng đủ dài để gây cản trở đáng kể lúc Harry bắt đầu ấn tay nắm. Nếu lúc đó anh mở cửa, thực sự nếu anh ấn tay nắm xuống hết cỡ, thì vòng dây kim loại sáng trắng kia sẽ cứa vào cổ cô, ngay phía dưới cằm.

Rakel cũng chăm chăm nhìn Harry không chớp mắt. Cơ mặt cô khẽ giật, biểu cảm biến chuyển giữa tức giận và sợ hãi cực độ. Thùng lọng quá nhỏ nên cô không thể chui đầu qua một cách an toàn; thay vào đó cô hơi cúi xuống để khỏi chạm vào vòng sáng chết chóc đang lơ lửng gần như thẳng đứng quanh cổ cô.

Cô nhìn Harry, liếc xuống sàn, rồi lại nhìn Harry. Và anh hiểu ra lý do.

Lăn trong vũng nước đọng trên sàn là những cục tuyết xám. Người tuyết đang tan chảy. Thật nhanh chóng.

Tìm được chỗ để chân vững chãi, Harry vận hết sức để lay chấn song. Nhưng chúng không nhúc nhích, thậm chí dù một tiếng cọt kẹt để anh có thêm hy vọng cũng không. Thanh sắt tuy nhỏ nhưng gắn rất chắc vào tường gỗ.

Người bên trong phòng đang nghiêng ngả.

“Cố lên!” Harry nói lớn. “Anh sẽ mau chóng vào được trong đó!”

Dối trá. Kể cả có xà beng sắt đi nữa cũng đừng mong bẻ cong được những chấn song kia. Mà dùng cửa thì không kịp. Quỷ tha ma bắt ông già nhà cô! Cánh tay Harry mỏi nhừ. Anh nghe thấy tiếng còi hụ inh tai của chiếc ô tô đầu tiên tấp vào lối đi. Đó là một trong mấy chiếc xe đặc biệt của Delta, quái thú Land Rover hầm hố bọc thép. Một người đàn ông mặc áo giáp mềm màu xanh lục nhảy ra khỏi ghế phụ, nấp sau chiếc xe và giơ bộ đàm lên. Chiếc máy của Harry phát ra tiếng lẹt xẹt.

“Này!” Harry gọi to.

Người đàn ông sững sốt nhìn quanh quất.

“Trên này sắp ới.”

Gunnar Hagen đứng thẳng dậy sau xe cùng lúc một chiếc ô tô tuần tra quành vào phía trước nhà, đèn xanh quay tít.

“Bọn tôi xông vào được chứ?” Gunnar nói lớn.

“Đừng!” Harry hét lên. “Hắn treo cô ấy lên rồi. Cứ...”

“Cứ sao?”

Harry ngẩng lên, nhìn đăm đăm. Nhưng anh không nhìn thành phố bên dưới mà là khu ski jump Holmenkollen lung linh ánh sáng trên sườn núi phía trên cao.

“Cứ sao hả Harry?”

“Cứ đợi thôi.”

“Đợi á?”

“Để tôi nghĩ đã.”

Harry tì trán lên hàng chân song lạnh lẽo. Cánh tay anh đã tê bại và anh chùn gối xuống để trọng lượng cơ thể dồn nhiều hơn vào hai chân. Vòng dây

chắc chắn phải có nút tắt nguồn. Có lẽ là ở tay cầm. Cảnh sát sẽ phá cửa sổ, đưa vào phòng một cái sào dài buộc một chiếc gương và biết đâu bằng cách đó họ có thể... Nhưng làm thế quái nào để bấm được cái nút mà không khiến mọi thứ xê dịch và... và...? Harry cố không liên tưởng đến lớp da mỏng manh đến nực cười và những mô mềm bảo vệ động mạch cảnh. Cố nghĩ một cách mạch lạc và quên đi cơn hoảng loạn đang gào thét bên tai, giục anh xông vào phòng và kiểm soát tình hình.

Họ vẫn có thể vào qua cửa lớn. Không phải mở hẳn ra. Chỉ việc khoét bỏ một phần cánh cửa thôi. Cần phải có cửa máy. Nhưng biết nhà ai có thứ đó mà mượn? Thì cả cái khu Holmenkollen chết tiệt này chứ ai. Dù gì trong vườn của mỗi gia đình đều trồng một rừng vân sam mà.

“Mau qua nhà hàng xóm mượn cho tôi cái cửa máy,” Harry nói lớn.

Anh nghe thấy tiếng chân chạy huỳnh huých phía dưới.

Và một tiếng *tôm* vang lên trong phòng. Tim Harry như ngừng đập, anh nhìn chăm chăm vào trong. Toàn bộ phần thân bên trái của người tuyết đã biến mất. Cả mảng đột ngột tách ra và rơi xuống vũng nước. Người tuyết đang dần sụp đổ. Anh thấy toàn thân Rakel run rẩy trong lúc cô cố gắng giữ thăng bằng để không chạm phải cái thòng lọng hình giọt nước sáng trắng. Họ sẽ chẳng thể mang cửa về kịp chứ đừng nói đến chuyện cửa được cánh cửa.

“Hagen!” Harry nghe thấy sự hoảng hốt khiến giọng nói của anh trở nên chói tai. “Xe tuần tra có thường kéo dấy. Sếp quăng lên đây rồi cho chiếc Land Rover lùi lại sát tường.”

Có tiếng nói chuyện rì rầm, rồi chiếc Land Rover nổ máy chạy giật lùi, nắp capô của một cái ô tô bật mở.

“Bắt lấy này!”

Harry buông một tay ra khỏi chấn song và quay lại nhìn cuộn dây thừng bay về phía mình. Anh nhào người bắt lấy cuộn dây trong bóng tối và cầm một đầu, để phần còn lại buông dài xuống đất đánh thịch.

“Buộc đầu kia vào cần kéo.”

Ở đầu dây thừng Harry đang cầm có một cái móc kiểu còng cua. Nhanh như chớp, anh đập cái móc lên chỗ giao nhau giữa các chấn song ở giữa cửa sổ, khóa lập tức bập vào. Chẳng khác gì trò còng nhanh.

Một tiếng *tôm* lại vang lên trong phòng. Harry không nhìn nữa. Nhìn cũng có được tích sự gì đâu.

“Kéo đi!” anh la lớn.

Thế rồi anh bám lấy mép máng nước bằng cả hai tay, dùng chân song làm thang, tiếng động cơ chiếc Land Rover càng lúc càng lớn và anh tung người lên mái nhà. Nằm úp xuống lớp ngói, mắt nhắm nghiền, anh nghe thấy tiếng máy chạy, tiếng rồ ga, và hàng chân song rên rỉ. Tiếng rên rỉ mỗi lúc một to. Cố lên nào! Harry nhận thấy thời gian đang trôi chậm hơn anh tưởng. Ấy vậy mà vẫn chưa đủ chậm. Và rồi, trong lúc anh chờ đợi tiếng rắc đầy hứa hẹn vang lên, đột nhiên máy gầm lên chói tai. Chết tiệt! Harry nhận ra bánh xe chiếc Land Rover đang quay tròn đầy bất lực.

Một ý nghĩ chợt len lỏi trong tâm trí anh: anh có thể nói lời cầu nguyện. Nhưng anh biết ý Chúa đã quyết rồi, số mệnh đã cháy vé, tấm vé anh cần chỉ có thể mua được ở chợ đen mà thôi. Nhưng linh hồn anh chẳng còn mấy giá trị nếu thiếu vắng cô. Ý nghĩ đó vụt tắt cũng chính vào giây phút ấy, bị cắt ngang bởi tiếng lốp cao su cà lên mặt đường nhựa, ga giảm dần, tiếng rên rỉ càng lớn.

Những bánh xe to nặng đã lăn xuống tới mặt đường.

Sau đó là một tiếng rắc. Động cơ gầm lên rồi tắt lịm. Giây tiếp theo trôi đi trong im lặng tuyệt đối. Rầm một tiếng khô khốc, hàng chân song rơi xuống nóc chiếc xe phía dưới.

Harry chống tay nhóm dậy. Anh quay lưng về phía sân trước, đứng trên mép máng nước và cảm thấy nó oằn xuống. Anh cúi người, bám chặt vào cái máng và bật nhảy. Đu người hệt như con lắc, từ máng nước nhắm tới cửa sổ. Thân mình gập lại thành hình chữ V. Ngay khi tấm kính mỏng, cũ kỹ vỡ choang dưới sức đập của bàn chân, Harry thả tay ra. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, anh không biết mình sẽ rơi xuống đâu: dưới sân, trên những mảnh kính nham nhở ở khung cửa sổ hay là trong phòng ngủ.

Bỗng có tiếng nổ vang lên, chắc là tiếng cầu chì, và bốn bề chìm trong bóng tối.

Harry lao vút đi trong căn phòng không đồ đạc, anh không cảm thấy gì, không nhớ được gì, như thể không tồn tại.

Và khi ánh sáng lại bùng lên, trong đầu anh chỉ có một ý nghĩ duy nhất đó là anh muốn trở lại khoảng không gian ban nãy. Toàn thân Harry đau như dầm. Anh đang nằm ngửa trên vũng nước lạnh băng. Nhưng hẳn là anh đã chết rồi bởi khi nhìn lên anh bỗng thấy một thiên thần mặc bộ váy đỏ như máu, thấy vầng hào quang của cô sáng rực trong bóng tối. Thế rồi những âm thanh xung quanh dần trở lại với anh. Tiếng sột soạt. Tiếng thở. Và anh trông thấy khuôn mặt méo mó, thấy vẻ kinh hoàng, cái miệng há hốc vì bị nhét một trái bóng màu vàng, đôi bàn chân cào cào trên tuyết. Anh chỉ muốn nhắm mắt lại mà thôi. Có âm thanh gì đó nghe như tiếng rên rỉ khe khẽ. Tiếng tuyết ướt bờ vụn ra.

Sau này nghĩ lại, Harry khó lòng giải thích rõ được chuyện xảy ra; anh chỉ nhớ được cái mùi ghê tởm khi vòng dây đốt cháy da thịt.

Đúng vào lúc người tuyết sụp đổ thì anh bật dậy. Rakel ngã nhào về phía trước. Harry giơ cao tay phải, còn cánh tay trái vòng quanh đùi Rakel để đỡ lấy cô. Anh biết đã quá muộn rồi. Thịt cháy xèo xèo, xộc vào mũi anh là thứ mùi ngòn ngọt và mỡ màng, máu chảy ròng ròng xuống mặt anh. Anh ngước lên nhìn. Bàn tay phải của anh đang chèn giữa cái thòng lọng sáng trắng và cổ Rakel. Sức nặng của cái cổ khiến tay anh bị đè lên vòng dây nóng rực, nó cứa vào ngón tay hết như dụng cụ cắt trứng cắt ngang quả trứng luộc. Sau khi cắt xuyên qua chúng, nó sẽ rách lên cổ cô. Cơn đau cuối cùng cũng đến, chậm rãi và âm ỉ, giống như chiếc búa thép trong đồng hồ báo thức ban đầu còn gõ nhịp dè dặt nhưng sau đó trở nên dai dẳng. Anh cố gắng gượng đứng vững. Phải làm sao để tay trái không vương bận. Máu chảy làm anh mờ mắt, anh đỡ người cô lên vai và với tay trái lên cao. Cảm thấy đầu ngón tay lướt trên làn da cô, mái tóc dày dặn của cô, cảm thấy vòng dây thiêu đốt da thịt trước khi anh chạm vào nhựa cứng, là cái tay cầm. Anh sờ thấy một công tắc. Gạt nó sang bên phải nhưng dừng lại ngay khi thòng lọng bắt đầu siết chặt. Ngón tay anh tìm thấy một công tắc khác và ấn vào đó. Những âm thanh quanh anh biến mất, ánh sáng trở nên lập lờ, và anh biết mình sắp ngất xỉu một lần nữa. Thở đi, anh thầm nghĩ, điều quan trọng là phải cung cấp ôxy cho não. Dầu biết là thế nhưng chân anh vẫn cứ nhũn ra. Vòng dây sáng trắng phía trên đầu ngả sang màu đỏ, sau đó dần chuyển thành màu đen.

Anh nghe thấy tiếng kính vỡ bị nghiền nát dưới những gót giày vang lên từ phía sau.

“Chúng tôi đỡ được cô ấy rồi,” một giọng nói cất lên sau lưng anh.

Harry khuyu xuống đồng nước ngầu máu, những cục tuyết và đoạn dây nhựa không dùng đến trôi lập lờ quanh anh. Não anh vận hành được giây lát rồi lại ngừng, cứ như thể nguồn điện cung cấp cho nó đang bất ổn.

Có ai đó đang nói. Anh nghe tiếng được tiếng mất, hít một hơi và rên rỉ: “Sao cơ?”

“Cô ấy còn sống,” giọng nói nhắc lại.

Thính giác của anh đã bình thường trở lại. Thị giác cũng vậy. Anh quay người. Hai sĩ quan mặc đồ đen đã đặt Rakel lên giường và cắt dây trói. Bất thành linh, dạ dày Harry đảo lộn từng phèo. Chỉ sau hai tiếng ọe, tất cả những gì có trong đó đều bị đẩy ra. Anh nhìn chòng chọc bãi nôn trôi nổi trên vũng nước, đột nhiên cảm thấy thôi thúc mãnh liệt muốn phá lên cười. Bởi lẽ ngón tay kia nhìn cứ như bị ối ra cùng với những thứ khác. Anh nhắc bàn tay phải lên và nhìn phần ngón cụt ngón be bết máu để xác thực. Đúng là ngón tay anh đang trôi dưới nước thật.

“Oleg...” Đó là giọng của Rakel.

Harry cầm lấy một đoạn dây nhựa, quấn quanh ngón giữa bị cụt và siết chặt hết cỡ. Anh cũng làm tương tự với ngón trỏ đã bị cắt sâu đến tận xương nhưng vẫn còn bám chắc.

Rồi anh bước tới chỗ chiếc giường, đắp chăn cho Rakel và ngồi xuống bên cô. Đôi mắt ngược nhìn anh đang mở to, đen thẫm lại vì sốc, máu chảy ra từ vết thương nơi vòng dây cửa vào da ở hai bên cổ cô. Anh đưa bàn tay trái lạnh lặn nắm lấy tay cô.

“Oleg,” cô nhắc lại.

“Thằng bé không sao,” Harry nói và đáp lại cái siết tay của cô. “Nó đang ở bên nhà hàng xóm. Tất cả đã qua rồi.”

Anh nhận thấy ánh mắt cô cố gắng tập trung nhìn anh.

“Anh nói thật chứ?” cô thì thầm, gần như không thành tiếng.

“Thật.”

“Tạ ơn Chúa.”

Cô nấc lên một tiếng, úp tay lên mặt và bắt đầu khóc.

Harry nhìn xuống bàn tay đầy thương tích của mình. Không hiểu sợi dây buộc đã làm máu ngừng chảy hay con người anh đã hoàn toàn trống rỗng.

“Mathias đâu?” anh lặng lẽ hỏi.

Đầu cô ngẩng lên, và cô há hốc miệng nhìn anh. “Anh vừa mới nói với em là...”

“Hắn đã đi đâu, Rakel?”

“Em không biết.”

“Hắn có nói gì không?”

Cô siết tay anh. “Đừng đi, Harry. Chắc chắn người khác có thể...”

“Hắn đã nói gì?”

Khi thấy cô rúm cả lại, anh biết mình đã to tiếng.

“Hắn nói việc cần làm giờ đã xong, và hắn sẽ đặt dấu chấm hết cho tất cả,” cô nói, những giọt lệ lại ứa ra trong đôi mắt sẫm màu. “Và cái kết sẽ là một cách tôn vinh sự sống.”

“Tôn vinh sự sống? Hắn đã nói như thế sao?”

Cô gật đầu. Harry buông tay cô ra, đứng dậy và tới bên cửa sổ. Anh đưa mắt quan sát bầu trời đêm. Tuyết đã ngừng rơi. Anh ngược nhìn công trình tỏa sáng có thể trông thấy gần như từ bất cứ nơi nào ở Oslo. Khu ski jump. Tựa như dấu phẩy màu trắng trên đỉnh núi đen ngòm. Hoặc là một dấu chấm.

Harry trở lại bên giường, cúi xuống và hôn lên trán cô.

“Anh định đi đâu thế?” cô thì thầm.

Harry giơ bàn tay đầy máu lên và mỉm cười. “Đi gặp bác sĩ.”

Anh rời khỏi phòng. Loạng choạng xuống cầu thang. Bước ra ngoài không gian lạnh lẽo, tầm tối ngập tràn tuyết trắng ở sân nhà, nhưng cảm giác nôn nao và bồn chồn vẫn không chịu buông tha.

Hagen đang đứng bên chiếc Land Rover nói chuyện qua điện thoại.

Ông ta kết thúc cuộc đối thoại, gật đầu khi Harry hỏi họ có thể lái xe đưa anh đi không.

Harry ngồi trên ghế sau. Anh đang nghĩ đến lời tạ ơn Chúa mà Rakel đã nói. Nhưng dĩ nhiên cô làm sao biết được rằng lời cảm tạ của cô lẽ ra phải dành cho một người khác. Hoặc là người mua đã chấp nhận cái giá đưa ra. Và đến lúc phải trả nợ rồi.

“Tới trung tâm thành phố à?” người lái xe hỏi.

Harry lắc đầu và chỉ lên trời. Ngón trỏ bàn tay phải nhô lên cô độc lạ lùng giữa ngón cái và ngón tay đeo nhẫn.

ngày thứ hai mươi mốt

TÒA THÁP

Chỉ mất ba phút để lái xe từ nhà Rakel lên khu ski jump Holmenkollen. Xe chạy qua đường hầm và đỗ lại trên đài ngắm cảnh nằm giữa những cửa hàng bán đồ lưu niệm. Đường trượt tuyết đổ dốc từ trên cao giống như thác nước bị đóng băng trắng xóa trút xuống giữa hai bên khán đài và mở rộng ra thành đường trượt băng phẳng một trăm mét phía dưới.

“Sao cậu biết hẳn đang ở đây?” Hagen hỏi.

“Vì hẳn bảo tôi thế,” Harry đáp. “Hôm đó chúng tôi ngồi bên sân trượt băng, hẳn nói một ngày kia khi công trình để đời của hẳn hoàn tất và bệnh tình trầm trọng đến mức sắp phải từ giã cõi đời, hẳn sẽ nhảy xuống từ trên tòa tháp kia. Như một cách để tôn vinh sự sống.” Harry chỉ về phía tháp trượt tuyết sáng trưng và đường trượt đà cao chót vót trên nền trời đen thẫm. “Hẳn biết tôi sẽ ghi nhớ.”

“Thật điên rồ,” Gunnar Hagen khẽ nói, ngược lên nhìn cái lồng kính tối tăm cheo leo trên đỉnh tháp.

“Cho tôi mượn còng tay của anh được không?” Harry quay sang hỏi người tài xế.

“Cậu có rồi còn gì,” Hagen nói, hất hàm về phía cổ tay phải của Harry, nơi một đầu còng đang ôm lấy. Đầu còn lại để mở. “Tôi muốn có một đôi,” Harry đáp, cầm lấy cái bao da từ tay người tài xế. “Sếp giúp tôi được không? Giờ tay tôi hơi bị bó buộc một tí...”

Hagen vừa lắc đầu vừa tròng một đầu còng của người tài xế vào cổ tay trái cho Harry.

“Tôi không thích để cậu đơn thương độc mã hành động. Việc đó làm tôi sợ.”

“Trên kia không rộng rãi cho lắm và tôi có thể nói chuyện với hẳn.” Harry rút khẩu súng lục của Katrine ra. “Vả lại, tôi còn món này nữa.”

“Đó chính cái tôi sợ đấy, Harry.”

Thanh tra Hole liếc nhanh một cái về phía ông sếp rồi quay người mở cửa xe bằng bàn tay lạnh lặn.

Viên cảnh sát cùng Harry tới cổng Bảo tàng Trượt tuyết, anh cần đi qua đó để tới thang máy lên tháp. Họ mang theo một cái xà beng dài để phá cửa. Nhưng khi hai người tiến lại gần, ánh đèn pin rọi vào những mảnh kính vỡ lóng lánh trên sàn chỗ quầy bán vé. Tiếng chuông báo động rúc lên từng hồi xa xăm ở đâu đó bên trong bảo tàng.

“Được rồi, vậy là đối tượng của chúng ta đang ở đây,” Harry nói, kiểm tra để chắc chắn khẩu súng lục của mình đã nằm đúng vị trí phía sau lưng quần. “Hãy cử hai người đứng gác ở lối ra phía sau ngay khi chiếc xe tuần tra tiếp theo đến nơi.”

Harry cầm lấy đèn pin, bước vào bảo tàng tối tăm và vội vã đi lướt qua những tấm áp phích, tranh ảnh của những người hùng của môn trượt tuyết Na Uy, quốc kỳ Na Uy, sáp bôi trơn ván trượt Na Uy, các vị vua và [hoàng thái nữ](#) Na Uy, tất cả đều được đi kèm với những đoạn giới thiệu súc tích để chứng tỏ rằng Na Uy là một quốc gia *thần thánh* đến mức nào, và Harry nhớ ra lý do vì sao xưa nay anh không thể ưa nổi cái bảo tàng này.

Hoàng thái nữ là công chúa được vua cha lựa chọn để kế thừa ngôi báu sau này, tương tự như hoàng thái tử.

Thang máy nằm ngay phía sau. Loại thang hẹp đóng kín. Harry quan sát kỹ sàn thang máy. Cảm thấy mồ hôi lạnh túa ra. Cạnh đó có một cầu thang bộ bằng thép.

Sau khi đi hết tám chiều nghỉ, anh lấy làm hối hận về quyết định của mình. Cảm giác chóng mặt, buồn nôn đã trở lại, anh nôn khan mấy lần. Tiếng chân chạy trên cầu thang kim loại vang vọng cả trên lẫn dưới, hai cái còng ở hai cổ tay va vào lan can như chơi nhạc. Lẽ ra tim anh lúc này phải truyền adrenalin tới toàn thân và chuẩn bị để anh sẵn sàng hành động mới đúng. Có lẽ anh đã quá mệt mỏi, sức cùng lực kiệt rồi. Hoặc cũng có thể anh biết tất cả đã kết thúc. Trò chơi đã khép, kết cục đã rõ ràng.

Harry bước tiếp. Chân anh nện rầm rầm trên bậc thang, chẳng buồn hành động cho thật nhẹ nhàng, anh biết kẻ đó đã nghe thấy từ lâu.

Cầu thang dẫn thẳng tới cái lồng tối đen. Harry tắt đèn pin đi và lập tức cảm thấy một luồng khí lạnh ùa đến khi đầu anh nhô lên trên sàn. Ánh trăng bàng bạc rọi vào phòng. Nơi này rộng khoảng bốn mét vuông, tất cả các mặt đều ốp kính, có một tay vịn bằng thép để du khách bám vào trong lúc vừa sợ hãi vừa vui thích ngắm nhìn quang cảnh thành phố Oslo hoặc cố hình dung xem sẽ thế nào khi lao mình xuống đường trượt đà. Hoặc ngã từ trên tháp xuống, như hòn đá rơi về phía những ngôi nhà và tan xác giữa rừng cây xa tít dưới kia.

Harry leo lên tới bậc trên cùng, quay về phía bóng đen in lên bức tranh ánh sáng của thành phố bên dưới. Bóng người đang ngồi trên tay vịn, lọt thỏm giữa ô cửa sổ lớn đang để ngỏ, khí lạnh từ đó ùa vào.

“Anh thấy có đẹp không?” Giọng Mathias cất lên nghe thật vô tư, gần như vui tươi.

“Nếu anh muốn nói đến cảnh quan thì tôi đồng ý.”

“Ý tôi không phải vậy, Harry.”

Một chân Mathias đang dứng đưa ngoài cửa sổ, còn Harry đứng ở cầu thang.

“Là anh hay người tuyết đã giết cô ta hả Harry?”

“Anh nghĩ là ai?”

“Tôi nghĩ là anh giết. Dù sao anh cũng là người thông minh. Tôi đã trông cậy vào anh đấy. Cảm giác thật khủng khiếp, đúng không? Dĩ nhiên, không dễ gì mà thấy được vẻ đẹp vào giây phút ấy. Khi anh vừa giết chết người mình yêu thương nhất.”

“Ừm,” Harry nói và tiến lên một bước, “tôi không nghĩ là anh hiểu rõ điều đó cho lắm.”

“Tôi không hiểu ư?” Mathias ngả đầu vào khung cửa và phá lên cười. “Tôi yêu người phụ nữ đầu tiên tôi giết hơn hết thảy mọi thứ trên đời.”

“Vậy sao anh còn ra tay?” Harry cảm thấy cơn đau nhói buốt khi anh đưa tay phải ra sau lưng và nắm lấy khẩu súng lục.

“Vì mẹ tôi là một kẻ dối trá và là một con điếm,” Mathias đáp.

Harry vòng tay từ sau ra trước và giương súng lên. “Xuống đây mau, Mathias. Và giơ tay lên.”

Mathias nhìn Harry với vẻ tò mò. “Anh có biết rằng có tới hai mươi phần trăm khả năng mẹ anh cũng là người như thế không, Harry? Hai mươi phần trăm khả năng anh là con của một ả điếm. Anh sẽ nói sao về điều đó đây?”

“Anh nghe rõ tôi nói gì rồi đấy, Mathias.”

“Để tôi giúp anh đơn giản hóa mọi việc, Harry. Thứ nhất, tôi sẽ không ngoan ngoãn nghe lời anh đâu. Và thứ hai, anh có thể nói anh không trông thấy được hai bàn tay tôi nên không biết tôi có vũ khí hay không. Vì thế cứ thẳng tay mà bắn, Harry ạ.”

“Xuống đây.”

“Rakel là một con điếm. Còn Oleg là con trai của con điếm. Lẽ ra anh nên cảm ơn tôi vì đã tạo cơ hội để anh giết cô ta mới đúng.”

Harry chuyển khẩu súng sang tay trái. Hai đầu còng lủng lẳng va vào nhau lanh canh.

“Nghĩ cho kỹ đi, Harry. Anh mà bắt tôi, các bác sĩ sẽ kết luận tâm thần tôi không bình thường, tôi sẽ được chăm bẵm trong viện tâm thần nào đó vài năm trước khi được thả. Bắn tôi ngay đi.”

“Anh muốn chết,” Harry nói, tiến lại gần hơn. “Vì chẳng lẽ anh cũng sắp chết vì bệnh xơ cứng bì.”

Mathias đập mạnh tay lên khung cửa sổ. “Giỏi lắm, Harry. Vậy là anh đã kiểm tra những thông tin tôi nói về các kháng thể trong người tôi.”

“Tôi hỏi Idar. Và sau đó tôi tìm hiểu về bệnh xơ cứng bì. Nếu mắc căn bệnh này, người ta sẽ dễ dàng chọn cho mình một cái chết khác. Chẳng hạn cái chết đầy ngoạn mục được coi như đỉnh cao của cái gọi là công trình cả đời của anh.”

“Tôi thấy sự khinh bỉ của anh, Harry. Nhưng một ngày nào đó anh cũng sẽ hiểu ra thôi.”

“Hiểu cái gì?”

“Rằng chúng ta giống nhau, Harry ạ. Đều phải chiến đấu với bệnh tật. Nhưng căn bệnh mà anh và tôi mắc phải là căn bệnh vô phương cứu chữa. Mọi thắng lợi đều chỉ là nhất thời. Vì thế, chính sự đấu tranh mới là công trình cả đời của anh.”

đời của hai chúng ta. Và công trình của tôi sẽ kết thúc tại đây. Anh không muốn bắn tôi sao, Harry?”

Harry đáp lại ánh mắt của Mathias. Thế rồi anh xoay ngược khẩu súng trong tay. Chĩa bóng súng về phía Mathias. “Tự làm đi, đồ khốn.”

Mathias cau mày. Harry nhận thấy vẻ mặt y toát lên vẻ do dự, ngờ vực. Rồi biểu cảm ấy dần dần biến thành nụ cười trên môi.

“Rất sẵn lòng.” Mathias nhào người qua lan can cầm lấy khẩu súng. Vuốt ve lớp vỏ thép màu đen.

“Anh vừa phạm sai lầm lớn đấy, bạn thân mến,” y nói, chĩa súng về phía Harry. “Anh sẽ là một dấu chấm hay ho ở cuối câu, Harry ạ. Thứ giúp đảm bảo công trình của tôi sẽ không bao giờ rơi vào quên lãng.”

Harry nhìn xoáy vào họng súng đen ngòm, quan sát búa gỗ giương cái đầu nhỏ bé xấu xí lên. Mọi thứ quanh anh dường như trôi chậm lại, căn phòng bắt đầu quay mòng mòng. Mathias nhắm thẳng vào đối phương. Và Harry cũng thế. Cánh tay phải của anh vung ra. Với một tiếng rít khẽ, cái còng bay vút trong không trung đúng lúc Mathias bóp cò. Tiếng cạch khô khốc vang lên, liền sau đó là tiếng kim loại va đập khi đầu còng đang để ngỏ đánh trúng cổ tay Mathias.

“Rakel vẫn sống,” Harry nói. “Mày thua rồi, đồ quỷ quyết khốn kiếp.”

Harry thấy mắt Mathias trợn tròn. Rồi nheo lại. Anh thấy chúng đang nhìn chăm chăm khẩu súng lục bắn không nổ và cái còng sắt tròng vào cổ tay, trói buộc y với Harry.

“Anh... anh đã lấy hết đạn ra.”

Harry lắc đầu. “Katrine Bratt chưa bao giờ nạp đạn vào súng của mình.”

Mathias ngược nhìn Harry rồi ngả người ra sau. “Chơi thôi.”

Rồi y nhảy xuống.

Harry bị kéo giật về phía trước và lao đảo. Anh cố bám trụ nhưng Mathias quá nặng còn anh là người khổng lồ kiệt quệ, sức lực đã vơi cạn vì máu thịt tổn hại. Vị thanh tra hét lớn khi anh bị lôi qua thành lan can, bị hút về phía cửa sổ và vực thẳm mênh mông bên dưới. Khi Harry vung cánh tay không vững bện lên quá đầu rồi ra phía sau, thứ anh trông thấy là một cái chân ghế và chính

mình đang ngồi trong căn hộ bốn phòng không có cửa sổ ở Chicago. Anh nghe thấy tiếng kim loại va vào nhau, rồi anh ngã nhào, rơi tự do trong màn đêm. Cuộc chơi đã đi đến hồi kết.

Gunnar Hagen chăm chú quan sát tòa tháp ski jump, chỉ có điều những bông tuyết đang xoay tròn trong không trung đã lại chặn mất tầm nhìn của ông ta.

“Harry!” ông ta gọi lại vào chiếc bộ đàm. “Cậu có đó không?”

Hagen nhả nút bấm, nhưng một lần nữa câu trả lời vẫn chỉ là âm thanh lạo xạo vang lên trong thính không đầy căng thẳng.

Lúc này có bốn chiếc xe tuần tra đang đỗ trong bãi lộ thiên bên cạnh đường trượt, bầu không khí hoang mang bao trùm cả đội khi họ nghe thấy tiếng hét vọng đến từ tòa tháp trước đó vài giây.

“Họ ngã rồi,” viên sĩ quan bên cạnh Hagen nói. “Chắc chắn tôi trông thấy hai bóng người rơi xuống từ lồng kính.”

Gunnar Hagen cúi đầu cam chịu. Ông ta không thực sự hiểu rõ tại sao và làm thế nào, chỉ biết rằng trong khoảnh khắc ngắn ngủi, ông ta dường như cảm thấy có một logic lạ lùng nào đó khi mọi chuyện kết thúc theo cách này; gần như sự cân bằng của vũ trụ vừa được thiết lập.

Thật vô lý. Quá sức vô lý.

Hagen không nhìn thấy được những chiếc xe cảnh sát dưới mưa tuyết, nhưng ông ta nghe rõ tiếng còi hú tru lên ai oán như tiếng phụ nữ khóc than; họ đang trên đường tới. Và ông ta cũng biết âm thanh đó sẽ thu hút những kẻ săn tin: lũ lều báo, đám hàng xóm tọc mạch, những ông sếp khát máu. Tất cả sẽ kéo đến để nhặt lấy tin tức sốt dẻo ưa thích từ xác chết, đặc sản của chúng. Và bữa tiệc hai món vào tối hôm nay - Người Tuyết đáng ghê tởm và viên cảnh sát chẳng ai ưa - sẽ được chúng mặc sức xâu xé. Sẽ chẳng còn logic, chẳng còn cân bằng, chỉ có cơn đói khát và thức ăn. Bộ đàm của Hagen kêu lạo xạo.

“Chúng tôi không tìm thấy họ! Hết.”

Hagen chờ đợi, tự hỏi mình sẽ phải giải trình ra sao với các thượng cấp khi để Harry đơn độc hành sự. Giải thích thế nào về việc ông ta chỉ là thượng cấp chứ không phải và chưa bao giờ là sếp của Harry. Mà việc đó kể ra cũng khá logic đấy chứ, hơn nữa, thực sự thì ông ta cũng chẳng thêm quan tâm bọn họ có hiểu hay không.

“Có chuyện gì thế sắp?”

Hagen quay lại. Người vừa lên tiếng là Magnus Skarre.

“Harry bị ngã,” Hagen nói, hất hàm về phía tòa tháp. “Họ đang tìm kiếm thi thể.”

“Thi thể? Của Harry á? Không có đâu.”

“Không có?”

Hagen quay sang Skarre, cậu ta đang nheo mắt ngược nhìn cái tháp. “Tôi tưởng đến giờ phút này sắp phải hiểu anh ta rồi chứ, Hagen.”

Bất chấp những gì đã xảy ra, Hagen bỗng cảm thấy ghen tị với niềm tin sắt đá của cậu sĩ quan trẻ tuổi.

Chiếc bộ đàm lại phát ra tiếng lạo xạo. “Họ không có ở đây.”

Skarre nhìn Hagen, ánh mắt họ giao nhau, Skarre nhún vai như muốn nói *Tôi đã bảo rồi mà*.

“Này, cậu kia!” Hagen lớn tiếng gọi người lái chiếc Land Rover và chỉ vào cái đèn pha chiếu xa trên nóc xe. “Mau chiếu đèn vào cái lồng kính. Và kiểm tra cho tôi cái ống nhòm.”

Vài giây sau, một luồng sáng bùng lên xuyên thấu màn đêm.

“Sếp có trông thấy gì không?” Skarre hỏi.

“Tuyệt,” Hagen nói, áp ống nhòm vào mắt. “Chiếu đèn cao lên tí nữa. Dừng lại! Khoan đã nào... lạy Chúa tôi!”

“Gì thế ạ?”

“Quý thần thiên địa ơi!”

Đúng vào giây phút đó tuyết bỗng ngừng rơi, chẳng khác nào tấm rèm sân khấu vừa được vén lên. Hagen nghe thấy vài cảnh sát la lớn. Hình như họ phát hiện ra bóng hai người đàn ông bị cùm vào nhau đang lơ lửng trong gương chiếu hậu của một chiếc ô tô. Người ở phía dưới giơ một bàn tay lên quá đầu, động tác như đang đắc thắng vẫy chào; còn người kia vươn thẳng hai cánh tay, nhìn ngang như thể bị đóng đinh vào thánh giá. Cả hai đều bất động, đầu gục xuống trong lúc từ từ xoay tròn giữa không trung.

Qua ống nhòm, Hagen có thể nhìn thấy cái còng còng bàn tay trái của Harry vào lan can bên trong lồng kính.

“Quý thần thiên địa ời!” Hagen nhắc lại một lần nữa.

Số phận run rủi đã để viên sĩ quan trẻ tuổi thuộc Đơn vị Tìm kiếm Người mất tích Thomas Helle là người chầu chực bên cạnh Harry Hole khi anh tỉnh lại. Bốn cảnh sát đã kéo anh và Mathias Lund-Helgesen trở lại lồng kính. Và nhiều năm sau đó, Helle vẫn kể mãi câu chuyện về phản ứng đầu tiên rất đỗi kỳ quặc của vị thanh tra khét tiếng.

“Anh ta mặt mũi thất thần hỏi Lund-Helgesen có còn sống không! Cứ như anh ta sợ hấn chết mất rồi. Cứ như đó là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra ấy. Lúc tôi trả lời là hấn còn sống và đã được xe cứu thương chở đi, anh ta la toáng lên là phải tháo hết dây giày và thắt lưng của Lund-Helgesen ra, làm sao để hấn không thể tự sát. Các anh đã bao giờ nghe nói điều gì như thế chưa? Ai lại quan tâm đến mức ấy tới thẳng cha trước đó vừa định tiễn người yêu cũ của mình về châu trời kia chứ?”

ngày thứ hai mươi hai

BỐ

Jonas thầm nghĩ hình như vừa có tiếng kim loại va lạnh lạnh của chuông gió, nhưng rồi nó lại mau chóng chìm vào giấc ngủ. Chỉ đến khi nghe thấy những tiếng nấc nghẹn ngào thì nó mới mở mắt ra. Có người đang ở trong phòng. Đây là bố; ông đang ngồi bên mép giường nó.

Và tiếng nấc ấy là do ông đang khóc.

Jonas ngồi dậy. Nó đặt một tay lên vai bố và cảm thấy bờ vai run rẩy. Lại ghê, trước giờ nó không hề nhận ra vai bố lại nhỏ đến thế.

“Họ... họ tìm thấy mẹ rồi,” bố nấc lên. “Mẹ...”

“Con biết,” Jonas nói. “Con đã mơ thấy mà.”

Ông bố kinh ngạc quay ngoắt lại. Nhờ ánh trăng rọi vào phòng qua tấm rèm, Jonas nhìn thấy dòng nước mắt lăn dài trên má ông.

“Từ giờ chỉ còn lại hai bố con mình thôi,” nó nói.

Miệng bố nó há ra. Một lần. Hai lần. Nhưng ông không thốt nên lời. Rồi ông dang rộng vòng tay, ôm lấy Jonas và kéo nó lại gần. Giữ nó thật chặt. Jonas tựa đầu vào cổ bố, cảm nhận những giọt nước mắt nóng hổi thấm ướt mái đầu mình.

“Con biết không, Jonas?” ông thì thầm trong nước mắt. “Bố yêu con nhiều lắm. Với bố, con là điều quý giá nhất trên đời. Con là con trai của bố. Con hiểu không? Con trai của bố. Mãi mãi không bao giờ thay đổi. Chúng ta sẽ cùng nhau vượt qua, phải không con? Con có nghĩ thế không?”

“Có ạ,” Jonas khẽ đáp. “Bố con mình sẽ cùng nhau vượt qua.”

tháng mười hai năm 2004

THIÊN NGÀ

Lúc này đã bước sang tháng Mười hai và bãi cỏ bên ngoài cửa sổ bệnh viện chỉ còn trơ những mảng đất nâu khô cằn dưới vòm trời xám xịt. Trên đường cao tốc, những chiếc lốp xe có gắn đinh nghiêng rào rào lên mặt đường khô ráo, khách bộ hành vội vã rào bước trên cầu đi bộ với cổ áo dựng đứng, mặt mũi ai nấy đều khó khăn. Nhưng bên trong những bức tường bệnh viện, người người túm tụm lại gần nhau. Và trên chiếc bàn ở khoa điều trị có hai cây nến đánh dấu Chủ nhật thứ hai của mùa Vọng.

Harry dừng lại ở ngưỡng cửa. Ståle Aune đang ngồi trên giường, nhất định là vừa pha trò vì Beate Lønn sếp của Krimteknisk, tức Phòng Giám định Pháp y, vẫn còn cười ngặt nghẽo. Ngồi trong lòng cô là một đứa bé với đôi má hồng hồng đang nhắm mắt chữ O miệng chữ A nhìn Harry.

“Bạn thân mến!” Ståle khàn khàn nói khi trông thấy anh chàng thanh tra.

Harry bước vào phòng, cúi xuống trao cho Beate cái ôm và chìa tay về phía Ståle Aune.

“Trông ông khỏe hơn so với lần trước tôi gặp đây,” Harry nói.

“Bác sĩ bảo tôi sẽ được ra viện trước lễ Giáng sinh,” Aune nói và lật bàn tay của Harry mà ông đang nắm lấy. “Móng vuốt trông gớm quá. Xảy ra chuyện gì vậy?”

Harry để ông quan sát bàn tay phải của anh. “Ngón giữa bị đứt rời và không thể nối lại được. Bác sĩ đã khâu phần gân ngón trở, các đầu dây thần kinh sẽ mọc thêm một milimet mỗi tháng và sẽ cố gắng nối lại với nhau. Có điều họ nói một bên ngón sẽ bị liệt đến hết đời.”

“Cái giá quả là đắt.”

“Không đâu,” Harry nói. “Chuyện nhỏ mà.”

Aune gật đầu.

“Anh đã biết khi nào thì vụ án được đưa ra xét xử chưa?” Beate hỏi, cô đứng dậy để đặt đứa bé vào xe nôi.

“Chưa,” Harry nói, nhìn những động tác thành thạo của cô chuyên gia pháp y.

“Luật sư bào chữa sẽ tìm cách để Lund-Helgesen được kết luận là kẻ mất trí,” Aune nói, ông thích dùng từ *mất trí* quen thuộc ấy, theo ý ông thì nó không chỉ miêu tả chính xác mà còn đầy chất thơ. “Mục tiêu đó chỉ có thể thất bại khi gặp phải một gã chuyên gia tâm lý còn dốt hơn cả tôi.”

“Phải đấy, kiểu gì hẳn chẳng sống,” Beate nói, nghiêng đầu chỉnh lại chân cho đứa bé.

“Nhưng sống như thế thì gọi gì là sống,” Aune lau bầu và với tay lấy chiếc cốc trên tủ đầu giường. “Càng nhiều tuổi, tôi càng nghiêng về quan điểm cái ác dù thế nào đi nữa vẫn cứ là cái ác, bất kể anh có mất trí hay không. Phàm là con người, hầu như ai cũng có thể bị cái ác chi phối, nhưng không thể lấy lý do đó ra để biện minh cho hành động của mình. Thực sự mà nói, những bệnh rối loạn nhân cách đang ẩn náu trong mỗi chúng ta, và chính những việc ta làm sẽ nói lên mức độ nặng nhẹ của bệnh. Ai chẳng biết trước pháp luật mọi người đều bình đẳng, nhưng điều đó nào có nghĩa lý gì khi mà trong cuộc sống vốn dĩ không tồn tại sự bình đẳng. Vào thời Cái chết Đen hoành hành, thủy thủ chỉ cần ho vài tiếng là lập tức bị ném xuống biển. Cũng phải thôi, vì công lý là con dao cùn, xét theo cả khía cạnh triết học lẫn khía cạnh pháp luật. Những gì chúng ta có chỉ là viễn cảnh bệnh tình tươi sáng hay đen tối mà thôi, các bạn thân mến ạ.”

“Dẫu thế nào,” Harry nói, cúi nhìn ngón giữa bị cụt vẫn còn quấn băng, “với trường hợp này, nó sẽ theo hẳn đến hết đời.”

“Gì cơ?”

“Viễn cảnh bệnh tình đen tối ấy mà.”

Bầu không khí bỗng trở nên trầm lắng.

“Tôi đã kể chuyện tôi được mời lắp ngón tay giả chưa nhỉ?” Harry thông báo và hươu bàn tay phải. “Nhưng nói chung tôi thích giữ nguyên như thế này hơn. Bốn ngón. Bàn tay nhân vật hoạt hình.”

“Anh xử lý ngón tay cũ thế nào?”

“Định hiến cho khoa Giải phẫu, nhưng họ chẳng thèm. Vậy nên tôi sẽ đem nhồi bông rồi bày ở bàn làm việc, giống như Hagen với ngón tay út của gã

người Nhật ấy. Ngón giữa giờ thẳng chắc là lời chào đúng chất Hole.”

Aune và Beate phá lên cười.

“Tình hình Oleg và Rakel thế nào rồi?” Beate hỏi.

“Tốt đến không ngờ,” Harry nói. “Họ mạnh mẽ ra phết.”

“Vậy còn Katrine Bratt?”

“Khá hơn rồi. Tuần trước tôi có ghé thăm cô ấy. Sang tháng Hai là cô ấy đi làm trở lại. Vẫn ở đơn vị cũ tại Bergen.”

“Thật ư? Cô nàng không vì phần khởi quá mà suýt bắn chết người đấy chứ?”

“Nhầm rồi. Hóa ra trước giờ cô ấy vẫn mang theo bên mình khẩu súng không có đạn. Vì thế cô ấy mới dám siết cò gần hết cỡ như vậy. Đáng lẽ tôi phải nhận ra điều đó.”

“Là sao?”

“Khi chuyển công tác sang sở cảnh sát khác, sĩ quan cần nộp lại súng công vụ, sau đó nhận súng mới và hai hộp đạn. Trong ngăn kéo bàn của Katrine có hai hộp đạn còn nguyên chưa mở.”

Ai nấy đều lặng đi hồi lâu.

“Thật mừng là cô ấy đã khỏe lại,” Beate nói, vuốt tóc đứa con thơ.

“Phải,” Harry lơ đãng nói, và đột nhiên anh nhận ra đúng là như thế thật; cô thực sự có vẻ đang hồi phục. Khi anh đến thăm Katrine tại căn hộ của mẹ cô ở Bergen, cô vừa mới tắm xong sau cuộc chạy bộ dài hơi trên núi Sandviken. Tóc cô vẫn còn ướt, hai má đỏ hồng, mẹ cô pha trà tiếp khách và Katrine kể với anh chuyện vụ án của bố cô đã trở thành nỗi ám ảnh đối với cô như thế nào. Và cô xin lỗi vì đã kéo anh vào việc này. Nhưng anh thấy trong đôi mắt cô chẳng có vẻ gì là hối lỗi cả.

“Bác sĩ tâm thần điều trị cho tôi nói rằng tôi chỉ hơi cực đoan hơn những người khác một chút thôi.” Cô bật cười, sau đó nhún vai. “Nhưng tất cả với tôi đã kết thúc rồi. Việc đó đã cướp đi tuổi thơ của tôi. Giờ đây bố tôi đã được minh oan, tôi có thể sống tiếp cuộc đời của mình.”

“Cu li giấy tờ cho Đơn vị Phòng chống Tội phạm Tình dục ư?”

“Trước mắt cứ thế đã, rồi sẽ xét sau. Đến những chính trị gia hàng đầu còn có ngày tái xuất kia mà.”

Nói xong, cô đưa mắt về phía cửa sổ, nhìn ra vịnh. Hướng về Finnøy chẳng. Khi rời đi, Harry biết rằng những tổn thương nằm lại ở nơi ấy, và sẽ mãi là như thế.

Anh cúi nhìn bàn tay mình. Aune nói phải; nếu mỗi đứa trẻ sinh ra là một phép màu hoàn hảo thì cuộc đời về cơ bản là quá trình tha hóa.

Một y tá xuất hiện ho mấy tiếng ở cửa. “*Đến lúc* chích vài mũi rồi đấy, Aune.”

“Ôi, làm ơn tha cho tôi đi bà chị.”

“Đã vào đây thì đừng nói chuyện tha.”

Ståle Aune thở dài đánh thượt. “Không hiểu điều gì tệ hơn? Tước đoạt cuộc sống của kẻ ham sống hay tước đoạt cái chết của kẻ muốn chết?”

Beate, y tá và Ståle cười vang, không ai nhận thấy Harry ngồi đó chột dạ giật mình.

Harry bước lên ngọn đồi dốc dẫn từ bệnh viện tới hồ Sognsvann. Nơi này không có nhiều người qua lại, chỉ có những đám tín đồ trung thành của cuộc dạo chơi ngày Chủ nhật đang tản bộ quanh hồ như thường lệ. Rakel đang đợi anh ở rào chắn.

Hai người trao nhau cái ôm và lặng lẽ sánh đôi. Tiết trời lạnh buốt, vắng dương mờ mịt lơ lửng trên bầu trời xanh nhạt. Đám lá khô lạo xạo và vỡ vụn dưới mỗi bước chân.

“Dạo này anh thành người mộng du rồi,” Harry nói.

“VẬY sao?”

“Ừ. Và chắc tình trạng này đã diễn ra một thời gian.”

“Cũng chẳng dễ gì giữ được sự tỉnh táo trong mọi lúc mà,” cô nói.

“Không, không.” Anh lắc đầu. “Ý anh là theo nghĩa đen ấy. Hình như ban đêm anh rời khỏi giường và đi loay quanh trong nhà thì phải. Có trời mới biết anh đã làm những gì.”

“Thế anh phát hiện ra bằng cách nào?”

“Vào cái đêm sau khi anh ra viện, tự dưng anh đứng ở trong bếp nhìn xuống sàn, quan sát mấy dấu chân ướt. Rồi anh nhận ra mình đang trần như nhộng,

chỉ đi đúng đôi ủng cao su dưới chân, lúc đó là nửa đêm mà anh lại cầm trong tay một cái búa.”

Rakel mỉm cười cúi mặt xuống. Cô bỏ qua một bước chân để hai người hòa chung một nhịp. “Em đã từng bị mộng du một thời gian. Ngay sau khi em có bầu.”

“Aune nói với anh rằng người trưởng thành thường mộng du trong giai đoạn bị stress.”

Họ dừng lại ở ven hồ. Ngắm nhìn một đôi thiên nga lững lờ trôi trên mặt nước xám xịt trong tĩnh lặng, an nhiên.

“Ngay từ đầu em đã biết ai là bố của Oleg,” cô nói. “Nhưng em không biết mình đang mang giọt máu của anh ta khi anh ta hay tin cô bạn gái của mình ở Oslo đã có thai.”

Harry hít căng lồng ngực bầu không khí lạnh lẽo. Một cảm giác thật buốt giá. Cái lạnh mang theo hương vị của mùa đông. Anh ngẩng đầu về phía mặt trời, nhắm mắt lại và lắng nghe.

“Đến lúc em biết chuyện thì, anh ta đã đưa ra quyết định và rời Moscow để về Oslo. Em có hai lựa chọn. Một là tìm cho đứa bé một người cha ở Moscow, người sẽ yêu thương và chăm sóc nó như con đẻ, miễn sao anh ta tin rằng nó là con *của mình*. Hai là để nó lớn lên mà không có bố. Thật quá ư phi lý. Anh biết em nghĩ sao về sự dối trá rồi đấy. Nếu lúc đó có người nói với em rằng một ngày kia em, chính em chứ không phải ai khác, sẽ chọn xây đắp cuộc đời dựa trên sự lừa dối ấy, thì đương nhiên là em sẽ kiên quyết phủ nhận. Khi còn trẻ ai cũng nghĩ mọi thứ thật đơn giản, chẳng biết đến những lựa chọn khó khăn mà sau này mình có thể sẽ phải đối mặt. Và nếu em chỉ biết sống cho bản thân thì quyết định đưa ra cũng sẽ rất dễ dàng. Nhưng còn quá nhiều thứ khác cần em phải cân nhắc. Không chỉ là việc liệu rằng làm thế có khiến trái tim Fjodor tan nát và gia đình anh ấy mất mặt hay không, mà hơn nữa là liệu em có hủy hoại người đàn ông đã bỏ em để về Oslo cũng như gia đình anh ta không. Rồi còn phải nghĩ cho Oleg nữa. Oleg luôn ở trên tất cả.”

“Anh hiểu,” Harry nói. “Anh hiểu cả mà.”

“Không,” cô nói. “Anh làm sao hiểu được lý do bấy lâu nay em giấu anh chuyện này. Ở bên anh, em chẳng phải nghĩ cho ai khác nữa. Hẳn anh đang cho

rằng em nói những điều đó là để đánh bóng cho bản thân.”

“Không,” Harry đáp. “Anh không nghĩ em có ý đó.”

Cô ngả đầu vào vai anh.

“Anh có tin những điều người ta nói về loài thiên nga không?” cô hỏi.

“Rằng chúng một lòng một dạ chung thủy cho đến khi cái chết chia lìa?”

“Anh tin chúng chung thủy với lời hứa của mình,” Harry nói.

“Lời hứa gì cơ?”

“Không gì cả, anh cho là thế.”

“Anh đang nói đến chính mình đấy à? Mà thực ra, em lại thích anh hơn khi anh hứa rồi lại nuốt lời.”

“Em có thích nghe hứa nữa không?”

Cô lắc đầu.

Khi hai người tiếp tục bước, cô khoác lấy tay anh.

“Em ước gì chúng ta có thể bắt đầu lại từ đầu,” cô nói với một tiếng thở dài. “Vờ như không có chuyện gì xảy ra.”

“Anh biết.”

“Nhưng anh cũng biết làm thế chẳng ích gì.”

Harry nhận ra âm điệu trong lời nói của cô cho thấy đó là một lời khẳng định, thế nhưng đâu đó phía sau vẫn ẩn chứa một dấu hỏi mong manh.

“Anh đang tính sẽ đi xa,” anh nói.

“Vậy sao? Anh định đi đâu?”

“Anh không biết. Đừng tìm anh. Nhất là không phải ở Bắc Phi.”

“Bắc Phi ư?”

“Đó là câu thoại của Marty Feldman trong một bộ phim. Ông ta vừa muốn trốn chạy lại vừa muốn được tìm thấy.”

“Em hiểu rồi.”

Bỗng một cái bóng lướt qua chỗ họ, in lên nền đất rừng bàng bạc màu xám vàng. Họ ngẩng lên. Đó là một con thiên nga.

“Thế cuối cùng bộ phim kết thúc ra sao?” Rakel hỏi. “Hai người có tìm lại được nhau không?”

“Dĩ nhiên là có rồi.”

“Khi nào thì anh quay về?”

“Không bao giờ,” Harry đáp. “Anh sẽ không bao giờ trở về nữa.”

Dưới tầng hầm lạnh lẽo của một tòa chung cư tại Tøyen, hai người đại diện hội đồng dân cư tòa nhà lo lắng nhìn người đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ, đeo cặp kính dày lạ thường. Làn hơi phả ra từ miệng khi anh ta cất tiếng nói trông chẳng khác nào lớp bụi thạch cao trắng xóa.

“Vấn đề của năm mốc chính là ở chỗ đó. Ta không thể nhận ra sự hiện diện của chúng.”

Anh ta dừng lại. Ấn ngón tay giữa lên dải tóc lụa thừa dính trên trán.

“Nhưng chúng vẫn tồn tại đấy.”



Table of Contents

PHẦN MỘT

- 1: NGƯỜI TUYẾT
- 2: MẮT SỎI
- 3: YÊN CHI
- 4: MẮT TÍCH
- 5: CỘT TOTEM
- 6: ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
- 7: SỐ LIỆU ẨN
- 8: CỔ THIÊN NGÀ
- 9: VỰC THẨM

PHẦN HAI

- 10: PHẤN
- 11: MẶT NẠ NGƯỜI CHẾT
- 12: ĐỐI THOẠI
- 13: GIẤY
- 14: BERGEN

PHẦN BA

- 15: SỐ 8
- 16: BI ĐÁ TRÊN BĂNG
- 17: TIN TỐT
- 18: CẢNH QUAN
- 19: TI VI

PHẦN BỐN

- 20: KÍNH RÂM
- 21: PHÒNG CHỜ
- 22: TRÙNG KHỚP
- 23: TRANH GHÉP MẢNH
- 24: TOOWOOMBA
- 25: DEADLINE
- 26: IM LẶNG

27: KHỞI ĐẦU

28: CĂN BỆNH

29: HƠI CAY

30: CON TỐT THÍ

31: CỤC NAM

32: NHỮNG CHIẾC BẾ

PHẦN NĂM

33: NGƯỜI TUYẾT

34: CÒI HỤ

35: QUÁI VẬT

36: TÒA THÁP

37: BỐ

38: THIÊN NGÀ